

## MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU.....</b>	<b>11</b>
<b>1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch.....</b>	<b>11</b>
<b>2. Khái niệm quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng.....</b>	<b>13</b>
<b>3. Căn cứ lập quy hoạch.....</b>	<b>20</b>
<b>4. Quan điểm, nguyên tắc lập quy hoạch hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh.....</b>	<b>22</b>
<b>5. Mục tiêu của Quy hoạch.....</b>	<b>26</b>
<b>6. Phạm vi, đối tượng của quy hoạch.....</b>	<b>28</b>
<b>7. Các tiêu chí của quy hoạch hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh.....</b>	<b>29</b>
<b>CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN HIỆN TRẠNG VÀ XU HƯỚNG TRONG QUY HOẠCH TƯỢNG ĐÀI, TRANH HOÀNH TRÁNG.....</b>	<b>31</b>
<b>1.1. Hiện trạng và xu hướng quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng tại Việt Nam..</b>	<b>31</b>
1.1.1. Sơ lược sự hình thành và phát triển của điêu khắc hoành tráng Việt Nam từ năm 1900 đến nay.....	31
1.1.1.1 Thời Pháp thuộc từ năm 1900 – 1945.....	31
1.1.1.2 Giai đoạn 1945 – 1955.....	32
1.1.1.3 Giai đoạn 1955 – 1975.....	33
1.1.1.4 Giai đoạn 1975 – 1986.....	36
1.1.1.5 Giai đoạn đổi mới năm 1986 đến nay.....	40
1.1.2. Những vấn đề tồn tại của điêu khắc hoành tráng Việt Nam.....	42
1.1.2.1 Vấn đề nền tảng truyền thống của điêu khắc hoành tráng.....	43
1.1.2.2 Những hạn chế về trình độ chuyên môn, nhân sự và cách tổ chức thực hiện công trình.....	44
1.1.2.3 Những bất cập về không gian tổng thể điêu khắc – kiến trúc và cảnh quan môi trường.....	46
1.1.2.4 Những hạn chế về phong cách tạo hình.....	48
1.1.2.5 Những hạn chế về kinh tế và kỹ thuật.....	49
1.1.3. Xu hướng phát triển điêu khắc hoành tráng Việt Nam.....	50
1.1.3.1 Nhu cầu của xã hội với nghệ thuật điêu khắc hoành tráng.....	50
1.1.3.2 Xu hướng tiếp cận các chuẩn mực điêu khắc hoành tráng thế giới.....	53
1.1.3.3 Xu hướng hòa hợp đồng bộ điêu khắc hoành tráng và không gian công cộng..	54
1.1.3.4 Xu hướng đa dạng hóa phong cách và kết hợp tính dân tộc – hiện đại trong các tác phẩm điêu khắc hoành tráng.....	55
<b>1.2. Sơ lược về lịch sử xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng trên thế giới.....</b>	<b>57</b>
1.2.1. Một số công trình điêu khắc hoành tráng tiêu biểu phương Tây.....	57

1.2.2. Một số công trình điêu khắc hoành tráng tiêu biểu của các nước phương Đông.....	61
1.3. Những xu hướng mới trong xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng đương đại trên thế giới.....	65
<b>CHƯƠNG 2. LÝ THUYẾT CƠ BẢN TRONG THIẾT KẾ VÀ QUY HOẠCH KHÔNG GIAN TƯỢNG ĐÀI, TRANH HOÀNH TRÁNG .....</b>	<b>69</b>
2.1. Tác động của không gian tới cảm xúc con người.....	69
2.2. Tỷ xích của không gian kiến trúc .....	70
2.3. Tính gợi cảm của không gian kiến trúc.....	71
2.4. Nguyên tắc bố cục không gian tượng đài .....	71
2.4.1. Các mối tương quan về hình và khối trong bố cục.....	71
2.4.2. Các quy luật của bố cục .....	72
2.4.3. Các dạng hình trong bố cục .....	73
2.5. Cơ cấu phân khu chức năng của không gian tượng đài .....	73
2.5.1. Các yếu tố tạo lập không gian tượng đài .....	73
2.5.2. Cơ cấu phân khu chức năng không gian tượng đài .....	76
2.6. Cơ sở lựa chọn vị trí, hướng tầm nhìn, quy mô tượng đài .....	77
2.6.1. Cơ sở lựa chọn vị trí không gian tượng đài .....	77
2.6.2. Nguyên tắc về tính trung tâm của không gian tượng đài.....	78
2.6.3. Cơ sở nguyên tắc về tầm nhìn và vùng thụ cảm thẩm mỹ.....	78
2.7. Sử dụng cây xanh hợp lý trong bố cục không gian tượng đài.....	85
<b>CHƯƠNG 3. PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CÁC TƯỢNG ĐÀI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH .....</b>	<b>87</b>
3.1. Phương pháp khảo sát .....	87
3.1.1. Các bước khảo sát hiện trạng .....	87
3.1.2. Các phương pháp khảo sát cơ bản.....	87
3.1.3. Quy ước về số liệu thu thập .....	88
3.2. Phương pháp xử lý thông tin nhằm đánh giá hiện trạng các tượng đài, tranh hoành tráng .....	89
3.2.1. Phân loại, tập hợp thông tin .....	89
3.2.2. Trình bày thông tin khảo sát .....	89
<b>CHƯƠNG 4. CƠ SỞ LÝ THUYẾT XÁC ĐỊNH MỨC VỐN, NGUỒN VỐN VÀ PHƯƠNG THỨC QUẢN LÝ, KHAI THÁC TƯỢNG ĐÀI, TRANH HOÀNH TRÁNG TỈNH QUẢNG NINH .....</b>	<b>92</b>
4.1. Nguyên tắc và cơ sở pháp lý xác định mức vốn và nguồn vốn đầu tư thực hiện quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh.....	92
4.1.1. Các nguyên tắc xác định mức vốn và nguồn vốn đầu tư thực hiện quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh.....	92
4.1.1.1. Nguyên tắc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư đối với nguồn vốn ngân sách Nhà nước .....	92

4.1.1.2	Nguyên tắc xác định mức vốn và nguồn vốn đầu tư thực hiện quy hoạch tượng đài và tranh hoành tráng trên địa bàn Tỉnh Quảng Ninh.....	93
4.1.1.3	Nguyên tắc về phân kỳ đầu tư nguồn vốn.....	94
4.1.2.	Các cơ sở pháp lý xác định mức vốn và nguồn vốn đầu tư thực hiện quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh.....	95
4.1.3.	Phương pháp xác định nguồn vốn và suất đầu tư.....	96
4.1.3.1.	Xác định nguồn vốn.....	96
4.1.3.2	Phương pháp tính toán giá trị đầu tư .....	96
<b>4.2.</b>	<b>Nguyên tắc và cơ sở pháp lý quản lý, khai thác tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh .....</b>	<b>100</b>
4.2.1.	Nguyên tắc về bảo hành, bảo trì, quản lý, khai thác tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh.....	100
4.2.2.	Phân cấp quản lý đối với các tượng đài và tranh hoành tráng .....	101
4.2.3.	Cơ sở pháp lý quản lý, khai thác tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh.....	102
<b>PHẦN 2</b>	<b>.....</b>	<b>103</b>
<b>KHẢO SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG.....</b>	<b>.....</b>	<b>103</b>
<b>CHƯƠNG 5. ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, XÃ HỘI CỦA TỈNH QUẢNG NINH .....</b>	<b>.....</b>	<b>104</b>
<b>5.1. Đánh giá điều kiện tự nhiên của tỉnh Quảng Ninh .....</b>	<b>.....</b>	<b>104</b>
5.1.1.	Vị trí địa lý .....	104
5.1.2.	Địa hình địa mạo .....	104
5.1.3.	Khí hậu, thủy văn .....	105
5.1.4.	Tài nguyên .....	106
<b>5.2. Đánh giá hiện trạng kinh tế, xã hội của tỉnh Quảng Ninh.....</b>	<b>.....</b>	<b>108</b>
5.2.1.	Dân số - xã hội .....	108
5.2.2.	Văn hoá Quảng Ninh .....	109
5.2.3.	Kinh tế Quảng Ninh.....	111
5.2.4.	Hiện trạng sử dụng đất đai Tỉnh Quảng Ninh.....	112
<b>CHƯƠNG 6. TỔNG QUAN VỀ VĂN HÓA, LỊCH SỬ VÀ CON NGƯỜI TỈNH QUẢNG NINH</b>	<b>115</b>	
<b>6.1. Tóm lược các thời kì lịch sử của tỉnh Quảng Ninh .....</b>	<b>.....</b>	<b>115</b>
6.1.1.	Thời tiền sử .....	115
6.1.2.	Thời các vua Hùng .....	115
6.1.3.	Thời kỳ Bắc thuộc .....	116
6.1.4.	Thời phong kiến độc lập .....	116
6.1.5.	Thời Pháp thuộc .....	117
6.1.6.	Thời chống Mỹ.....	118
6.1.7.	Sau năm 1945.....	119

<b>6.2. Những sự kiện lịch sử và danh nhân tiêu biểu trong quá trình hình thành và phát triển của tỉnh Quảng Ninh.....</b>	<b>120</b>
6.2.1. Những sự kiện lịch sử tiêu biểu.....	120
6.2.2. Những danh nhân tiêu biểu.....	127
<b>6.3. Những đặc trưng tự nhiên, văn hóa của tỉnh Quảng Ninh.....</b>	<b>135</b>
6.3.1. Di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh tiêu biểu.....	135
6.3.2. Ẩm thực.....	152
6.3.3. Sản phẩm đặc trưng.....	156
<b>6.4. Danh mục các sự kiện lịch sử, danh nhân tiêu biểu, các giá trị văn hóa đất nước con người tỉnh Quảng Ninh đề xuất xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng.....</b>	<b>158</b>
6.4.1. Các sự kiện lịch sử và danh nhân tiêu biểu xứng đáng lập tượng đài, tranh hoành tráng.....	158
6.4.2. Danh mục các giá trị văn hóa, quê hương con người Quảng Ninh xứng đáng đề xuất lập tượng đài, tranh hoành tráng.....	161
<b>CHƯƠNG 7. HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG TƯỢNG ĐÀI TRANH HOÀNH TRÁNG TỈNH QUẢNG NINH.....</b>	<b>164</b>
<b>7.1. Bảng tổng hợp các tượng đài, tranh hoành tráng đã xây dựng.....</b>	<b>164</b>
<b>7.2. Đánh giá hiện trạng xây dựng các tượng đài, tranh hoành tráng đã xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.....</b>	<b>171</b>
7.2.1. Thị xã Đông Triều.....	171
7.2.1.1. Cổng chào tỉnh Quảng Ninh.....	171
7.2.1.2. Tượng đài nữ tướng Lê Chân.....	172
7.2.1.3. Cụm tượng đài Văn hóa thị xã Đông Triều.....	174
7.2.1.4. Khu lưu niệm Bác Hồ xã Hồng Thái Tây.....	176
7.2.1.5. Bia chứng tích chiến tranh dưới chân cầu Cầm.....	178
7.2.1.6. Đài chiến thắng – kỉ niệm nơi bán rơi chiếc máy bay thứ 100 của Đế quốc Mỹ... ..	179
7.2.1.7. Đài Hoàng Đế lệnh chỉ - ghi dấu điểm khai thác than đầu tiên.....	181
7.2.2. Thành phố Uông Bí.....	182
7.2.2.1. Biểu tượng thành phố Uông Bí.....	182
7.2.2.2. Tượng đài Hữu Nghị Việt-Xô.....	184
7.2.2.3. Tượng đài Phật Hoàng Trần Nhân Tông.....	186
7.2.2.4. Đài tưởng niệm Bác Hồ.....	188
7.2.3. Thị xã Quảng Yên.....	189
7.2.3.1. Bia kỉ niệm Bác Hồ về thăm Quảng Yên.....	189
7.2.3.2. Tượng đài anh hùng liệt sĩ Đỗ Thị Sinh (Minh Hà).....	191
7.2.3.3. Tranh hoành tráng chiến thắng Bạch Đằng.....	193
7.2.4. Thành phố Hạ Long.....	195
7.2.4.1. Bia kỉ niệm Chiến thắng trận đầu.....	195

7.2.4.2	Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ thành phố Hạ Long.....	197
7.2.4.3	Tượng đài Đức Tổ thần y Lê Hữu Trác .....	199
7.2.4.4	Tượng đài anh hùng vũ trụ Ghéc-man Ti-Tốp.....	201
7.2.4.5	Tượng đài đồng chí Vũ Văn Hiếu – phường Hà Tu.....	203
7.2.4.6	Tượng đài đồng chí Vũ Văn Hiếu – phường Bạch Đằng .....	205
7.2.4.7	Tượng đài liệt sỹ thiếu niên Nguyễn Văn Thuộc .....	207
7.2.4.8	Tượng đài Bác Hồ với chiến sỹ biên phòng .....	208
7.2.4.9	Cột đồng hồ thành phố Hạ Long .....	210
7.2.4.10	Biểu tượng hữu nghị Việt Nam – Nhật Bản xây dựng cầu Bãi Cháy.....	211
7.2.5.	Thành phố Cẩm Phả .....	213
7.2.5.1.	Tượng đài Vinh quang thợ mỏ Thống Nhất.....	213
7.2.5.2	Tượng đài Vinh quang thợ mỏ Việt Nam.....	214
7.2.5.3	Tượng đài Hưng Nhượng Đại Vương Trần Quốc Tảng.....	217
7.2.5.4	Tượng đài Ngô Huy Tăng và tranh hoành tráng kỉ niệm phong trào đấu tranh của công nhân mỏ Cửa Ông.....	219
7.2.5.5	Tượng đài kỉ niệm cuộc bãi công công nhân mỏ năm 1936 .....	221
7.2.6.	Huyện Vân Đồn.....	223
7.2.6.1.	Tượng đài Bác Hồ .....	223
7.2.7.	Huyện Cô Tô.....	225
7.2.7.1.	Tượng đài Bác Hồ trên đảo Cô Tô .....	225
7.2.8.	Huyện Đầm Hà.....	227
7.2.8.1.	Tượng đài anh hùng liệt sỹ Hà Quang Vóc .....	227
7.2.9.	Thành phố Móng Cái.....	230
7.2.9.1.	Biểu tượng du lịch Trà cổ - Bình Ngọc thành phố Móng Cái.....	230
7.2.9.2	Cụm thông tin cổ động biên giới Sa Vĩ .....	232
7.2.9.3	Tượng đài nữ liệt sỹ Hoàng Thị Hồng Chiêm .....	234
7.2.9.4	Tượng đài Tổng Bí thư Trần Phú .....	236
7.2.9.5	Đài kỉ niệm thành lập chi bộ Đảng đầu tiên của Móng Cái.....	237
7.2.9.6	Khu tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ Pò Hèn.....	239
7.2.10.	Huyện Bình Liêu .....	241
7.2.10.1.	Tranh hoành tráng cổ động biên giới cửa khẩu Hoàn Mô .....	241
<b>7.3.</b>	<b>Hiện trạng công tác đầu tư xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh .....</b>	<b>243</b>
7.3.1.	Hiện trạng công tác đầu tư xây dựng và quản lý, khai thác các tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh.....	243
7.3.1.1.	Bảng tổng hợp các công trình tượng đài, tranh hoành tráng đã xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh .....	243

7.3.1.2	Đánh giá chung về công tác đầu tư xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh	243
7.3.2.	Đánh giá công tác quản lý, khai thác các tượng đài, tranh hoành tráng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.....	247
7.3.2.1.	Đánh giá về công tác quản lý .....	247
7.3.2.2	Đánh giá về hiệu quả khai thác .....	248
<b>PHẦN 3</b>	<b>.....</b>	<b>251</b>
<b>GIẢI PHÁP QUY HOẠCH</b>	<b>.....</b>	<b>251</b>
<b>CHƯƠNG 8. QUY HOẠCH HỆ THỐNG TƯỢNG ĐÀI, TRANH HOÀNH TRÁNG TỈNH QUẢNG NINH ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030.....</b>	<b>.....</b>	<b>252</b>
<b>8.1. Đề xuất phương án sửa chữa, nâng cấp cụ thể đối với từng tượng đài.....</b>	<b>.....</b>	<b>252</b>
8.1.1.	Thị xã Đông Triều .....	252
8.1.1.1.	Cổng chào tỉnh Quảng Ninh.....	252
8.1.1.2.	Tượng đài nữ tướng Lê Chân .....	252
8.1.1.3.	Cụm tượng đài Văn hóa thị xã Đông Triều.....	252
8.1.1.4.	Khu lưu niệm Bác Hồ xã Hồng Thái Tây .....	252
8.1.1.5.	Bia chứng tích chiến tranh dưới chân cầu Cẩm .....	252
8.1.1.6.	Đài chiến thắng – kỉ niệm nơi bán rơi chiếc máy bay thứ 100 của Đế quốc Mỹ... ..	253
8.1.1.7.	Đài Hoàng Đế lệnh chỉ - ghi dấu điểm khai thác than đầu tiên.....	253
8.1.2.	Thành phố Uông Bí.....	253
8.1.2.1.	Biểu tượng thành phố Uông Bí .....	253
8.1.2.2	Tượng đài Hữu Nghị Việt-Xô .....	253
8.1.2.3	Tượng Phật Hoàng Trần Nhân Tông .....	253
8.1.2.4	Đài tưởng niệm Bác Hồ .....	253
8.1.3.	Thị xã Quảng Yên .....	254
8.1.3.1.	Bia kỉ niệm Bác Hồ về thăm Quảng Yên.....	254
8.1.3.2	Tượng đài anh hùng liệt sĩ Đỗ Thị Sinh (Minh Hà) .....	254
8.1.3.3	Tranh hoành tráng chiến thắng Bạch Đằng.....	254
8.1.4.	Thành phố Hạ Long.....	254
8.1.4.1.	Bia kỉ niệm Chiến thắng trận đầu .....	254
8.1.4.2	Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ thành phố Hạ Long.....	254
8.1.4.3	Tượng đài Đức Tổ thần y Lê Hữu Trác .....	254
8.1.4.4	Tượng đài anh hùng vũ trụ Ghéc-man Ti-Tốp .....	254
8.1.4.5	Tượng đài đồng chí Vũ Văn Hiếu – phường Hà Tu .....	255
8.1.4.6	Tượng đài anh hùng Vũ Văn Hiếu – phường Bạch Đằng.....	255
8.1.4.7	Tượng đài liệt sĩ thiếu niên Nguyễn Văn Thuộc .....	255

8.1.4.8	Tượng đài Bác Hồ với chiến sĩ biên phòng .....	255
8.1.4.9	Cột đồng hồ thành phố Hạ Long .....	255
8.1.4.10	Biểu tượng hữu nghị Việt Nam – Nhật Bản xây dựng cầu Bãi Cháy.....	255
8.1.5.	Thành phố Cẩm Phả .....	255
8.1.5.1.	Tượng đài Vinh quang thợ mỏ Thống Nhất.....	255
8.1.5.2	Tượng đài Vinh quang thợ mỏ Việt Nam .....	255
8.1.5.3	Tượng đài Hưng Nhượng Đại Vương Trần Quốc Tảng .....	256
8.1.5.4	Tượng đài Ngô Huy Tăng và tranh hoành tráng kỉ niệm phong trào đấu tranh của công nhân mỏ Cửa Ông.....	256
8.1.5.5	Tượng đài kỉ niệm cuộc bãi công công nhân mỏ năm 1936 .....	256
8.1.6.	Huyện Vân Đồn.....	256
8.1.6.1.	Tượng đài Bác Hồ .....	256
8.1.7.	Huyện Cô Tô.....	256
8.1.7.1.	Tượng đài Bác Hồ trên đảo Cô Tô .....	256
8.1.8.	Huyện Đầm Hà.....	256
8.1.8.1.	Tượng đài anh hùng liệt sĩ Hà Quang Vóc .....	256
8.1.9.	Thành phố Móng Cái.....	257
8.1.9.1.	Biểu tượng du lịch Trà cổ - Bình Ngọc thành phố Móng Cái.....	257
8.1.9.2	Cụm thông tin cổ động biên giới Sa Vĩ .....	257
8.1.9.3	Tượng đài nữ liệt sĩ Hoàng Thị Hồng Chiêm .....	257
8.1.9.4	Tượng đài Tổng Bí thư Trần Phú .....	257
8.1.9.5	Đài kỉ niệm thành lập chi bộ Đảng đầu tiên của Móng Cái.....	257
8.1.9.6	Khu tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ Pò Hèn.....	257
8.1.10.	Huyện Bình Liêu .....	257
8.1.10.1.	Tranh hoành tráng cổ động biên giới cửa khẩu Hoành Mô .....	257
<b>8.2.</b>	<b>Lựa chọn, đánh giá tiềm năng các vị trí dự kiến xây mới tượng đài, tranh hoành tráng .....</b>	<b>258</b>
8.2.1.	Thị xã Đông Triều .....	258
8.2.1.1.	Tranh hoành tráng ca ngợi công trạng to lớn của nhà Trần đối với đất nước. ....	258
8.2.1.2	Tượng đài Đệ tứ chiến khu Đông Triều.....	260
8.2.1.3	Tượng đài cụm di tích lịch sử thắng cảnh Yên Đức.....	261
8.2.1.4	Tượng đài Phật Hoàng Trần Nhân Tông .....	263
8.2.1.5	Tượng đài Chiến thắng Đồn Cao.....	265
8.2.2.	Thành phố Uông Bí.....	266
8.2.2.1.	Biểu tượng Khu du lịch Yên Tử.....	266
8.2.3.	Thị xã Quảng Yên .....	268
8.2.3.1.	Tượng đài Hưng đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn .....	268

8.2.3.2	Tượng đài Vua Lê Thánh Tông.....	270
8.2.3.3	Tượng đài các vị Tiên Công.....	272
8.2.4.	Thành phố Hạ Long.....	273
8.2.4.1.	Biểu tượng du lịch thành phố Hạ Long .....	273
8.2.4.2	Tượng đài Bến phà Bãi Cháy Anh Hùng.....	276
8.2.4.3	Biển tên Vịnh Hạ Long – Di sản thiên nhiên thế giới .....	278
8.2.5.	Thành phố Cẩm Phả .....	279
8.2.5.1.	Tranh hoành tráng tôn vinh thành tựu và định hướng phát triển của thành phố Cẩm Phả .....	279
8.2.6.	Huyện Vân Đồn.....	281
8.2.6.1.	Tượng đài vua Lý Anh Tông.....	281
8.2.6.2	Tượng đài Danh Tướng Trần Khánh Dư .....	282
8.2.6.3	Biểu tượng đặc khu kinh tế Vân Đồn .....	285
8.2.7.	Huyện Cô Tô.....	286
8.2.7.4	Tượng đài Danh nhân Nguyễn Công Trứ.....	286
8.2.8.	Huyện Tiên Yên .....	288
8.2.8.1.	Biểu tượng chiến thắng Điện Xá (Đường số 4), chiến dịch Cao Bắc Lạng .....	288
8.2.8.2	Cụm biểu tượng vinh danh các giá trị văn hóa đất nước con người huyện Tiên Yên .....	290
8.2.8.3	Bia chứng tích di tích lịch sử Khe Tù.....	292
8.2.9.	Huyện Hải Hà.....	293
8.2.9.1.	Biểu tượng du lịch đảo Cái Chiên. ....	293
8.2.9.2	Cụm thông tin cổ động biên giới Bắc Phong Sinh .....	295
8.2.10.	Thành phố Móng Cái.....	297
8.2.10.1.	Biểu tượng và tranh hoành tráng Việt Nam hội nhập và hữu nghị .....	297
8.2.10.2	Biểu tượng du lịch đảo Vĩnh Thực .....	298
<b>8.3.</b>	<b>Bảng tổng hợp tượng đài, tranh hoành tráng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.....</b>	<b>300</b>
8.3.1.	Bảng tổng hợp đề xuất công tác sửa chữa, nâng cấp các tượng đài đã xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh .....	300
8.3.2.	Bảng tổng hợp các tượng đài, tranh hoành tráng dự kiến xây mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.....	306
8.3.3.	Bảng tổng hợp hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.....	311
<b>CHƯƠNG 9. KHÁI TOÁN CHI PHÍ VÀ PHÂN KÌ ĐẦU TƯ QUY HOẠCH HỆ THỐNG TƯỢNG ĐÀI, TRANH HOÀNH TRÁNG TỈNH QUẢNG NINH ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030 .....</b>		<b>318</b>
<b>9.1.</b>	<b>Khái toán kinh phí quy hoạch hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh .....</b>	<b>318</b>



9.1.1. Khái toán kinh phí và đề xuất nguồn vốn sửa chữa, nâng cấp.....	318
9.1.2. Khái toán kinh phí và đề xuất nguồn vốn xây mới .....	318
9.1.3. Khái toán kinh phí và đề xuất nguồn vốn duy tu bảo dưỡng định kì hàng năm cho hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh .....	318
9.1.4. Tổng hợp khái toán kinh phí thực hiện quy hoạch.....	318
<b>9.2. Phân kì đầu tư quy hoạch hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh .....</b>	<b>320</b>
9.2.1. Phân kì đầu tư sửa chữa, nâng cấp hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh .....	320
9.2.2. Phân kì đầu tư xây mới hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh ..	321
<b>CHƯƠNG 10. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH HỆ THỐNG TƯỢNG ĐÀI, TRANH HOÀNH TRÁNG TỈNH QUẢNG NINH ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030.....</b>	<b>323</b>
<b>10.1. Giải pháp thực hiện Quy hoạch.....</b>	<b>323</b>
10.1.1. Giải pháp về cơ chế quản lý.....	323
10.1.2. Giải pháp về Quản lý xây dựng.....	323
10.1.3. Giải pháp về tổ chức tuyên truyền.....	324
10.1.4. Giải pháp về vốn đầu tư.....	324
<b>10.2. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý.....</b>	<b>325</b>
10.2.1. Sở Văn hoá và Thể thao.....	325
10.2.2. Sở Kế hoạch và đầu tư.....	325
10.2.3. Sở Tài chính .....	325
10.2.4. Sở Xây dựng .....	325
10.2.5. Sở Tài nguyên và môi trường .....	326
10.2.6. Sở Giao thông vận tải .....	326
10.2.7. Báo Quảng Ninh, Đài Phát thanh, Truyền hình Tỉnh.....	326
10.2.8. UBND các huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh Quảng Ninh .....	326

## THÀNH PHẦN ĐỘI NGŨ CHUYÊN GIA THAM GIA LẬP “QUY HOẠCH HỆ THỐNG TƯỢNG ĐÀI, TRANH HOÀNH TRÁNG TỈNH QUẢNG NINH”

- ***Thành phần các chuyên gia, cán bộ người Việt Nam***
  - PGS.TS. Ngô Phúc Hạnh – Chủ nhiệm Quy Hoạch
  - TS. Trần Nhật Kiên – Kiến trúc sư, chuyên gia quy hoạch tượng đài;
  - Ths.kts Phạm Hồng Hà – Kiến trúc sư Công Trình và Quy hoạch đô thị;
  - Ths.kts Vũ Minh Đạo – Kiến trúc sư, Quản lý đô thị;
  - Ths.kts Nguyễn Thị Vĩnh Hà – Kiến trúc sư, Quản lý đô thị;
  - KTS.Phạm Quang Hải – Kiến trúc sư thiết kế đô thị
  - Kts. Trần Tiến Đạt – Kiến trúc sư công trình;
  - Kts. Vũ Quang Vinh – Kiến trúc sư công trình;
  - Ths.Ks Nguyễn Thu Hà – Kỹ sư kinh tế Xây dựng;
  - TS. Đào Thu Trang – Chuyên gia nghiên cứu Kinh tế;
  - TS.Đào Xuân Chúc – Chuyên gia lịch sử;
  - Hà Văn Tăng – Chuyên gia phân tích văn hoá;
- ***Các chuyên gia nước ngoài bao gồm***
  - Torsten Illgen – Kiến trúc sư –Nhà quy hoạch;
  - Grant J.Ley – Kiến trúc sư, Nhà nghiên cứu văn hoá - Nhiếp ảnh gia;
  - Rikki Mc Lean – Kỹ sư; Chuyên gia hạ tầng kỹ thuật;
  - Victor Adeyemo – Chuyên gia kinh tế, lập dự toán đầu tư xây dựng;
  - Iraola G.Jose Francico – Chuyên gia kiến trúc
  - Ingkos Gabriele – Chuyên gia mỹ thuật
  - Unanue Azpiazu Lose – Chuyên gia xã hội học
  - Bopanna Pavan M.Kuttanna – Chuyên gia lịch sử
- ***Thành phần cán bộ khảo sát tại địa phương***
  - Torsten Illgen – Kiến trúc sư –Nhà quy hoạch;
  - Grant J.Ley – Kiến trúc sư, Nhà nghiên cứu văn hoá - Nhiếp ảnh gia;
  - Rikki Mc Lean – Kỹ sư; Chuyên gia hạ tầng kỹ thuật;
  - Victor Adeyemo – Chuyên gia kinh tế, lập dự toán đầu tư xây dựng;
  - Th.s Phạm Hồng Hà – Kiến trúc sư quy hoạch đô thị;
  - Th.s Vũ Minh Đạo – Kiến trúc sư, Quản lý đô thị;
  - TS.Trần Nhật Kiên – Tư vấn trưởng, Kiến trúc sư, chuyên gia quy hoạch tượng đài.
- ***Các chuyên gia thực hiện chuyên đề***
  - Hà Văn Tăng - Chuyên gia phân tích văn hóa
  - Đào Xuân Chúc – Chuyên gia lịch sử
  - Phạm Quang Hải - Kiến trúc sư thiết kế đô thị
  - Iraola G.Jose Francisco - Chuyên gia kiến trúc
  - Ingkos Gabriele - Chuyên gia Mỹ thuật
  - Unanue Azpiazu Loze - Chuyên gia xã hội học
  - Bopanna Pavan M. Kuttanna - Chuyên gia lịch sử
- ***Chuyên gia tham vấn độc lập***
  - Nhà điều khắc: Tạ Quang Báo
  - Nhà điều khắc: Nguyễn Bích

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch

Tượng đài là công trình văn hóa nghệ thuật biểu hiện nội dung tư tưởng và tinh thần thời đại, mang hình thái xã hội đương thời, được thể hiện bằng chất liệu bền vững, là bộ phận cấu thành của không gian kiến trúc, đô thị và cảnh quan thiên nhiên, có quy mô và hình thức nghệ thuật hoành tráng, tác động đến nhận thức của xã hội.

Tượng đài là địa điểm sinh hoạt quần chúng trong không gian đô thị, là nơi để tưởng nhớ công ơn các vị anh hùng dân tộc, nhân vật lịch sử, là điểm nhấn với các không gian công cộng cụ thể khác của đô thị như Trung tâm thương mại, nhà ga, rạp hát,... Tượng đài là một trong những yếu tố quan trọng trong nghệ thuật trang trí công cộng.

Tượng đài là một cách vĩnh cửu hoá ký ức, là công tác khoa học, nghệ thuật và kỹ thuật, đồng thời cũng là ý thức đối với lịch sử, trách nhiệm đối với thế hệ mai sau.

Tượng đài, tranh hoành tráng đóng vai trò quan trọng như một bảo tàng lịch sử ngoài trời mang tính thẩm mỹ, tính giáo dục truyền thống, lịch sử, văn hoá cho cộng đồng dân cư.

Tượng đài, tranh hoành tráng sẽ làm tăng giá trị các không gian văn hóa - lịch sử và kiến trúc - cảnh quan của đô thị, làm tăng giá trị hình ảnh quảng bá, thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế... Đầu tư xây dựng tượng đài là đầu tư phát triển kinh tế.

Trong những năm qua Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm đến việc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, trong đó quan tâm đến việc đầu tư xây dựng tượng đài và tranh hoành tráng. Đây là một hình thức bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc, làm phong phú đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân

Quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng sẽ tạo thuận lợi cho công tác quản lý Nhà nước, đầu tư có định hướng trong việc xây dựng, nâng cấp hoặc chuyển đổi chất liệu các công trình tượng đài, tranh hoành tráng; đặc biệt quy hoạch được quỹ đất ở vị trí thuận lợi trong khu vực trung tâm thành phố, thị xã, thị trấn.

Việc quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng sẽ xác định một cách khoa học về mối quan hệ hai chiều giữa điêu khắc ngoài trời với cảnh quan môi trường

xung quanh để nâng cao giá trị sử dụng và tính thẩm mỹ, tạo ra một không gian điều khắc giàu tính nghệ thuật, phát triển hài hòa cảnh quan đô thị.

Việc quy hoạch tượng đài và tranh hoành tráng còn có ý nghĩa to lớn đó là mang lại cho địa phương: (1) Văn hoá đô thị (Bản sắc của đô thị) trong một không gian công cộng như một hệ thống khung ổn định và đáng tin cậy, đem lại cho địa phương một đặc điểm nhận dạng mang tính lịch sử, văn hoá và ngày một quan trọng hơn. (2) Tính mở và tính hữu dụng, sự giao lưu diễn ra trong các không gian công cộng – nơi đặt tượng đài và tranh hoành tráng, mỗi địa phương sẽ tạo lập được các không gian an toàn, hữu dụng và hấp dẫn cho công dân của mình. (3) Sinh thái đô thị, đó là sự phát triển có ý thức và sự kết hợp của không gian cây xanh, khuôn viên là một chủ đề mang tính tiêu chuẩn cho sự phát triển đô thị. (4) Kinh tế đô thị, tượng đài và tranh hoành tráng được thiết kế cẩn thận và đẹp đẽ có thể làm gia tăng giá trị các khu đất trong đô thị và các khu vực xung quanh, thu hút các hoạt động kinh doanh, dịch vụ, góp phần vào việc tăng trưởng kinh tế của địa phương.

Tuy nhiên việc quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng là công việc hết sức khó khăn và phức tạp vì tượng đài là biểu tượng văn hóa lẫn tâm linh của mỗi địa phương trong cả nước nói chung và tỉnh Quảng Ninh nói riêng.

Quảng Ninh là cái nôi cư trú của người Việt cổ, là địa danh giàu truyền thống lịch sử văn hóa, đấu tranh cách mạng, xây dựng phát triển kinh tế gắn liền với các sự kiện lịch sử tiêu biểu như chiến thắng Bạch Đằng, chiến thắng Vân Đồn – Cửa Lục, cuộc tổng bãi công của thợ mỏ năm 1936, sự kiện chiến thắng trận đầu, bắt sống phi công Mỹ đầu tiên, nhiều lần được Bác Hồ về thăm và làm việc. Ngoài ra Quảng Ninh cũng có nhiều các vị vua, anh hùng dân tộc như Ngô Quyền, Trần Quốc Tuấn, Trần Quốc Tảng, Trần Khánh Dư..., các chiến sĩ cách mạng trung kiên như Nguyễn Văn Hiếu, Minh Hà, Ngô Huy Tăng...

Các đặc trưng văn hóa như di sản văn hóa phong phú đa dạng với hơn 20 dân tộc, nhiều di sản văn hoá vật thể và phi vật thể; nền “văn hoá công nhân mỏ” hình thành và phát triển gần 150 năm gắn liền với quá trình lao động và đấu tranh cách mạng;

Quảng Ninh có các điểm nổi bật, tạo hình ảnh khác biệt so với các địa phương khác đó là:

- Vùng đất địa đầu tổ quốc chống giặc ngoại xâm;
- Nơi ra đời, phát triển phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam; là một trong những cái nôi của giai cấp công nhân Việt Nam.

- Đánh thắng trận đầu chiến tranh phá hoại miền Bắc của không quân Mỹ năm 1964, bắt sống giặc lái đầu tiên;
- Quê hương của nhà Trần - dòng họ có đóng góp lớn lao một thời kỳ lịch sử dựng nước và giữ nước hào hùng của dân tộc;
- Nơi phát tích thiên phái Trúc Lâm;
- Nơi có di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long;
- Là một trong những tỉnh có đô thị hoá nhanh và nhiều nhất, đây cũng chính là nền tảng cơ bản để Quảng Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trong tương lai gần.
- Có bước phát triển ấn tượng về kinh tế xã hội trong những năm gần đây nhờ hướng đi đột phá các lĩnh vực: du lịch biển, cảng biển, khai thác mỏ, xây dựng đặc khu kinh tế tổng hợp;
- Được Bác Hồ quan tâm và về thăm lúc sinh thời. (Mới đây lại được công nhận di tích lịch sử Quốc gia – Mỏ Đèo Nai nơi Bác Hồ đến thăm).

Hiện nay, xây dựng hệ thống các tượng đài, tranh hoành tráng trên địa bàn Quảng Ninh mặc dù đã được đầu tư công phu, tuy nhiên vẫn còn nhiều mặt hạn chế, chưa thực sự xứng tầm với vai trò, vị thế và truyền thống văn hóa- lịch sử của tỉnh.

Công tác quản lý tượng đài và tranh hoành tráng trên địa bàn tỉnh thiếu tính chiến lược và nhiều bất cập do chưa có quy hoạch tổng thể. Quy hoạch hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng là công tác nghiên cứu tổng hợp, toàn diện, nhằm đánh giá tổng quan các giá trị văn hoá, lịch sử, kinh tế, xã hội của tỉnh.

Để hoạch định quản lý một cách tổng thể (từ thiết kế đến đầu tư xây dựng) cho từng phân kỳ xây dựng, bố trí kinh phí sắp xếp theo thứ tự ưu tiên và có hướng đầu tư phát triển lâu dài cho việc xây dựng các tượng đài trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh là cơ sở cho việc tập hợp, huy động các nguồn vốn đầu tư, cụ thể hoá kế hoạch thực hiện nhằm mang lại hiệu quả tích cực và nhanh chóng. Tránh việc xây dựng tự phát, cục bộ thiếu tính định hướng.

Do vậy, việc lập “**Quy hoạch hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030**” là rất cần thiết và cấp bách, phản ánh thành tựu xã hội, phát triển kinh tế và hội nhập của tỉnh Quảng Ninh.

## **2. Khái niệm quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng**

### **a. Quy hoạch hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh**

Quy hoạch hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh là một quy hoạch chuyên ngành thuộc lĩnh vực Văn hóa, do sở Văn hóa và Thể thao cấp tỉnh chủ trì việc lập và triển khai thực hiện.

Quy hoạch hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh là công tác tổng hợp, đánh giá hiện trạng, định hướng xây dựng mới, nâng cấp các tượng đài, tranh hoành tráng trên địa bàn một tỉnh. Bản quy hoạch là cơ sở để triển khai đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây mới, tổ chức quản lý, khai thác có hiệu quả các tượng đài, tranh hoành tráng trên địa bàn tỉnh đó.

### **b. Khái niệm về tượng đài, tranh hoành tráng**

Khái niệm về hoành tráng theo Hán Việt từ điển<sup>1</sup>, giải nghĩa “Hoành” là bề rộng, “Tráng” là quy mô to lớn. Sách Đại từ điển Tiếng Việt<sup>2</sup>, Từ điển Tiếng Việt<sup>3</sup> đều có chung một định nghĩa là (tranh, tượng, tác phẩm nghệ thuật...) có quy mô đồ sộ nhằm thể hiện những đề tài lớn.

Theo từ điển trực tuyến<sup>4</sup> của trường đại học Cambridge, Vương quốc Anh - thì tượng đài (**monument**) được định nghĩa như sau: “*Tượng đài là một cấu trúc hoặc một công trình được xây dựng để tôn vinh một con người hoặc một sự kiện đặc biệt*”.

Theo quy chế quản lý xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng - Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2000/QĐ-BVHTT ngày 29/3/2000 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin, tượng đài, tranh hoành tráng được định nghĩa như sau: “Tượng đài, tranh hoành tráng là công trình văn hoá nghệ thuật biểu hiện nội dung tư tưởng và tinh thần thời đại, mang hình thái xã hội đương thời, được thể hiện bằng chất liệu bền vững, là bộ phận cấu thành của không gian kiến trúc đô thị và cảnh quan thiên nhiên, có quy mô và hình thức nghệ thuật hoành tráng, tác động đến nhận thức của xã hội”.

Trong phần giải thích từ ngữ của thông tư 18/2013/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ngày 30/12/2013 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều tại nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật: “*Tượng đài, tranh hoành tráng bao gồm: Tượng đài (bao gồm cả tượng tôn giáo được xây dựng ở ngoài trời nơi công cộng), phù điêu, khối biểu tượng, tranh hoành tráng bằng các chất liệu*”.

Như vậy có thể hiểu rằng: Tượng đài, tranh hoành tráng có thể là tượng, biểu tượng, bức phù điêu được tạo nên bởi các vật liệu bền vững như đá, bê tông cốt thép, sắt, thép, đồng.... Vị trí tượng đài, tranh hoành tráng có thể được

<sup>1</sup> Đào Duy Anh (2005), *Hán Việt Từ Điển*, NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội. Tr340-341

<sup>2</sup> Nguyễn Như Ý, Trung tâm Ngôn ngữ và Văn hoá Việt Nam, Bộ GD&ĐT (1999), *Đại từ điển Tiếng Việt*, NXB Văn hoá Thông tin TP Hồ Chí Minh. Tr 827

<sup>3</sup> Hoàng Phê, Viện ngôn ngữ học (1987), in lần 5 đợt 3 1997), *Từ điển Tiếng Việt*, Ché bản tại Trung tâm Từ điển học Hà Nội, NXB Đà Nẵng. Tr.436

<sup>4</sup> <http://dictionary.cambridge.org>

đặt trong đô thị, tại những nơi có cảnh quan đẹp, những vị trí trung tâm tập trung đông người hoặc những địa danh lịch sử gắn liền với nội dung của tượng đài. Về nội dung, tượng đài dùng để tôn vinh, nhắc nhở về những con người, sự kiện đặc biệt. Về kiến trúc quy hoạch, tượng đài là một bộ phận cấu thành không gian kiến trúc, cảnh quan nơi đặt tượng đài. Thông thường tượng đài, tranh hoành tráng thường được dùng làm điểm nhấn cho không gian các đô thị.

Tượng đài, tranh hoành tráng thường phân ra thành 2 bộ phận rõ rệt:

- Phần mỹ thuật: Là phần tượng hoặc phù điêu, tranh hoành tráng, nơi truyền tải nội dung chính của tượng đài.
- Phần phong nền, cảnh quan: Là các bộ phận như bệ đặt tượng, sân đường, tường rào, cây xanh... Đây là các bộ phận phụ nhưng có vai trò vô cùng quan trọng trong tổng thể kiến trúc của một tượng đài, tranh hoành tráng. Có vai trò kết nối tượng đài với kiến trúc cảnh quan của khu vực xung quanh.

### c. **Nhận diện thể loại điêu khắc ngoài trời tượng đài, tranh hoành tráng**

Điêu khắc là một ngành của nghệ thuật tạo hình trong loại hình chung nghệ thuật thị giác hay nói cách khác “Điêu khắc là một loại hình nghệ thuật”<sup>5</sup>. Điêu khắc có hai hình thức thể hiện là tượng tròn và chạm nổi, trong mỗi hình thức lại chia ra nhiều thể loại. Điêu khắc ngoài trời có ba thể loại chính:

#### + Điêu khắc trang trí kiến trúc ngoài trời

Là những tác phẩm nghệ thuật tượng tròn, hình khối hay phù điêu được gắn ở mặt ngoài các công trình kiến trúc đền đài, lăng tẩm, cung điện, thánh đường hay những nơi sinh hoạt công cộng. **Những công trình thuộc loại này không nằm trong đối tượng nghiên cứu của Quy hoạch này.**

#### + Điêu khắc tượng vườn (công viên, nghĩa trang)

Là những tác phẩm nghệ thuật tượng tròn hay khối trang trí, tượng niệm có kích thước vừa và nhỏ, những đài phun nước được đặt ngoài trời như ở vườn hoa, công viên nơi công cộng hoặc ở trong sân vườn của một cung điện, lâu đài, nhà vườn, nghĩa trang. **Những công trình thuộc loại này không nằm trong đối tượng nghiên cứu của Quy hoạch này.**

#### + Điêu khắc hoành tráng ngoài trời (tượng đài, tranh hoành tráng)

Là tượng tròn, phù điêu hay khối điêu khắc kiến trúc, được xây dựng ở nơi công cộng có kích thước, nội dung tư tưởng lớn, mang đặc trưng của xã hội đương thời, thực hiện bằng chất liệu bền vững dùng để tưởng niệm hay kỷ niệm, tôn vinh....nó được xây dựng ở ngoài trời với ý nghĩa lớn lao để tuyên truyền

<sup>5</sup> Nguyễn Trân (2005), *Các thể loại và loại hình Mỹ thuật*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội. Tr.52

những sự kiện trọng đại, những chiến công vĩ đại của dân tộc, ca ngợi các cá nhân anh hùng, lãnh tụ, các nhà bác học, văn nghệ sĩ có những đóng góp to lớn cho dân tộc, cho nhân loại... hay biểu tượng của một tôn giáo, một quốc gia, một địa phương.

Điều khắc hoành tráng là một thể loại của điêu khắc đồng thời cũng là một nhân tố của nghệ thuật hoành tráng có những dạng thức đặc trưng của thể loại:

- *Tượng hoành tráng*: Là tượng tròn có khối toàn vẹn với nội dung, kích thước lớn, thể hiện bằng chất liệu bền vững nằm trong không gian, cho ta thấy mọi chiều hướng khác nhau: trước, sau, nghiêng của tượng. Tượng hoành tráng có thể bố cục một nhân vật, nhiều nhân vật hay rất nhiều nhân vật tùy theo yêu cầu nội dung của từng đề tài và từng chất liệu.
- *Phù điêu hoành tráng hay còn gọi là chạm nổi*: Khác với tượng tròn, chạm nổi hoành tráng được thu lại và dàn sắp trên một nền phẳng, dày hay mỏng tùy theo yêu cầu nội dung diễn tả. Chạm nổi hoành tráng cũng thể hiện với đề tài, kích thước lớn, chất liệu bền vững và sắp xếp bố cục với nhiều nhân vật hay rất nhiều nhân vật với bối cảnh thiên nhiên không gian phụ họa nhằm thể hiện những sự kiện lịch sử độc lập hay mở rộng nội dung cho tượng hoành tráng.
- *Khối điêu khắc kiến trúc hoành tráng*: Đây là những hình khối hoành tráng vừa mang tính kiến trúc vừa mang tính điêu khắc, thường là những trụ biểu, đài tháp gắn liền với công trình hoặc quần thể kiến trúc lăng tẩm, đền chùa, di tích lịch sử hay đứng độc lập để biểu trưng cho sức mạnh, sự vĩnh hằng của một tôn giáo hay một dân tộc. Dạng thức này được xây dựng bằng chất liệu địa phương hay hiện đại, thường vươn lên theo chiều cao thể hiện theo khuynh hướng ước lệ và ẩn dụ.
- Trong Quy hoạch này, *đề xuất thêm vào danh mục đối tượng nghiên cứu một số dạng thức đặc biệt khác*, bao gồm: **bia và nhà bia tưởng niệm, bia chứng tích, cụm thông tin cổ động biên giới, cột đồng hồ nghệ thuật, biển tên...** Một số trong các dạng thức trên không có nhiều giá trị nghệ thuật (như nhà bia, bia tưởng niệm, bia chứng tích) nhưng lại có giá trị lưu giữ lịch sử, vĩnh cửu hóa ký ức. Với những dạng thức này khi có điều kiện chúng ta vẫn có thể thay thế bằng các hình thức tượng đài có giá trị nghệ thuật hơn, nhưng khi chưa có điều kiện thay thế thì cần liệt kê để quản lý và bảo vệ. Một số trong các dạng thức trên, tuy tên gọi không phải là một tác phẩm nghệ thuật điêu khắc, kiến trúc (như biển tên, cụm thông tin cổ động biên giới, cột đồng hồ) nhưng trên thực tế lại được xây



dựng với tính nghệ thuật cao, là điểm nhấn đô thị và có ý nghĩa lịch sử, văn hóa, chính trị nên cũng cần được đưa vào quy hoạch.

Trong quá trình tồn tại và phát triển của điêu khắc hoành tráng, các dạng thức này có thể tồn tại một cách độc lập hay cùng kết hợp để bổ sung cho nhau, làm sinh động và tăng thêm hiệu quả hoành tráng của công trình.

#### **d. Phân loại tượng đài, tranh hoành tráng**

Theo QCVN03:2012/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp vào loại công trình văn hóa. Để tiện cho quá trình nghiên cứu, quy hoạch và quản lý, chúng tôi đề xuất thêm cách phân loại khác.

#### • **Phân loại theo chủ đề của tượng đài, tranh hoành tráng**

- + **Chủ đề danh nhân:** Tôn vinh các cá nhân đặc biệt, có công đối với đất nước, với đồng loại... (hình 4 - phụ lục 1);
- + **Chủ đề lịch sử:** Tượng đài, tranh hoành tráng có ý nghĩa như một đài tưởng niệm, nhắc nhớ các sự kiện đặc biệt trong lịch sử, như: Các trận chiến, chiến thắng lịch sử, các quyết định lịch sử, vùng đất lịch sử... (hình 5 - phụ lục 1);
- + **Chủ đề giới thiệu về đặc trưng thiên nhiên, văn hóa, con người của một địa phương:** Các tượng đài, tranh hoành tráng có thể dùng để giới thiệu về những đặc trưng văn hóa, con người, thiên nhiên của một vùng đất, một địa phương. Những tượng đài này thường được xem như một lời chào mừng của địa phương sở tại với du khách và nó thường được đặt tại cửa ngõ các đô thị hoặc các điểm du lịch đông người (hình 6- phụ lục 1);
- + **Chủ đề hướng đến tương lai:** Nói lên ước mơ, mong muốn của con người về một tương lai tốt đẹp (hình 7- phụ lục 1).

#### • **Phân loại theo hình thức nghệ thuật**

Phân loại theo các hình thức nghệ thuật, tượng đài và tranh hoành tráng bao gồm:

- + **Tượng:** Là những bức tranh chân dung của những người nổi tiếng (thậm chí cả người dân) được trưng bày tại những nơi công cộng. Bức tượng ký sỹ Marc Aurel là một bức tượng đồng to hơn kích thước thật của Hoàng đế La Mã Marc Aurel. Bức tượng này xuất hiện khoảng năm 165 sau Công nguyên và nguyên tác được mạ vàng.

- + *Bia kỷ niệm*: Thường dành riêng để ghi nhớ và không hàm chứa những gì gợi nhớ đến sự chết chóc. Tại nhiều nơi, bia kỷ niệm được coi như một công trình thuần túy tôn vinh và trở nên phổ biến được đặt tại những không gian công cộng. Bia kỷ niệm được biết đến rộng rãi trong thời hiện đại là bia kỷ niệm Ngài Edwin Ludyens ở London và bia kỷ niệm ở Hiroshima.
- + *Biển tưởng niệm*: Một tấm biển tưởng niệm là một tấm bảng thường bằng đá hoặc bằng kim loại, đôi khi có kích thước lớn, để tưởng nhớ đến một cá nhân, một sự kiện lịch sử hoặc là một công trình tưởng niệm dưới dạng tấm biển ghi sự kiện. Các biển tưởng niệm cổ nhất là văn bia.
- + *Tranh đắp nổi và tranh tường*: Tranh đắp nổi là một loại hình nghệ thuật được tạo ra bằng cách nâng lên khỏi bề mặt nền, được thể hiện trên một bề mặt hoặc trên một khối. Tranh đắp nổi là một hình thức trung gian giữa điêu khắc và hội họa. Tùy thuộc vào mức độ mạnh của các hình và các khối hình học hoặc trồi tượng nhô lên từ hình nền, người ta bàn đến tranh đắp nổi dạng phẳng (nổi mức độ thấp), dạng bán nổi hoặc dạng nổi hẳn (nổi mức độ cao).

- ***Phân loại theo tầm quan trọng của công trình***

Theo CP Thông tư số: 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng ban hành kèm theo nghị định số 15/2013/NĐ-CP về quản lý chất lượng công trình xây dựng, phần phụ lục 1 - phân cấp các loại công trình xây dựng phục vụ công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng, các công trình tượng đài, tranh hoành tráng được chia làm 3 cấp dựa theo tầm quan trọng của công trình:

- + Cấp I: Công trình cấp Quốc gia;
- + Cấp II: Công trình cấp tỉnh;
- + Cấp III: Công trình thuộc các cấp còn lại (cấp huyện, cấp xã...)

- ***Phân loại theo quy mô đầu tư***

Chúng tôi đề xuất phân loại theo quy mô tượng đài nhằm giúp thuận tiện hơn trong công tác quản lý đầu tư xây dựng. Theo *Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình có thể phân loại quy mô các dự án tượng đài, tranh hoành tráng (bao gồm cả phần mỹ thuật và phần kiến trúc, cảnh quan) theo 3 mức: Quy mô nhỏ*

mức vốn dưới 30 tỉ đồng; quy mô vừa mức vốn 30 đến 500 tỉ đồng; quy mô lớn: mức vốn trên 500 tỉ đồng.

Tuy nhiên, trong Quy hoạch này việc phân loại quy mô sẽ đưa ra mức phân loại khác, phù hợp hơn với tính chất của thể loại công trình, cụ thể:

- + Quy mô nhỏ giá trị đầu tư dưới 15 tỉ đồng,
- + Quy mô trung bình giá trị đầu tư từ 15 tỉ đến dưới 45 tỉ đồng,
- + Quy mô lớn có vốn đầu tư từ 45 tỉ đồng trở lên.

• ***Phân loại theo vật liệu của phần mỹ thuật***

- + Bê tông cốt thép
- + Đá
- + Kim loại (đồng, vàng, sắt thép...)
- + Các vật liệu khác

• ***Phân loại theo đối tượng sở hữu***

- + Tượng đài, tranh hoành tráng thuộc sở hữu nhà nước.
- + Tượng đài, tranh hoành tráng thuộc sở hữu của các tổ chức, doanh nghiệp ngoài nhà nước.

• ***Phân loại theo chất lượng nghệ thuật công trình***

Tham khảo Quy chế quản lý xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng (phần mỹ thuật) (Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2000/QĐ-BVHTT ngày 29/3/2000 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin), quy hoạch đề xuất chia các công trình tượng đài, tranh hoành tráng thành 3 loại, dựa trên tiêu chí chất lượng nghệ thuật công trình, như sau:

- + Công trình xếp loại A: Chất lượng nghệ thuật đảm bảo xuất sắc. Toàn bộ công trình: tượng đài, phù điêu, tranh, bục bệ, cây xanh, thảm cỏ, ánh sáng hài hòa thống nhất.
- + Công trình xếp loại B: Đảm bảo chất lượng chung về mặt nghệ thuật và kỹ thuật, có thể một bộ phận hay chi tiết nhỏ chưa hoàn chỉnh nhưng không ảnh hưởng tới toàn bộ công trình.
- + Công trình xếp loại C: Chất lượng về nghệ thuật hoặc kỹ thuật không đạt yêu cầu.

Ghi chú: Việc xếp loại các công trình tượng đài, tranh hoành tráng thành 3 loại dựa trên tiêu chí chất lượng nghệ thuật công trình do chủ đầu tư, Hội đồng

nghệ thuật cùng với cơ quan cấp giấy phép thể hiện nhận xét, xếp loại công trình.

### 3. Căn cứ lập quy hoạch

- Nghị quyết Hội nghị Trung ương V (khoá VIII) của Ban chấp hành Trung ương Đảng về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Luật Di sản văn hoá số 28/2001/QH10 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa;
- Luật xây dựng 2014 số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội, có hiệu lực từ 01/01/2015;
- Luật quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;
- Công ước Quốc tế về bảo vệ Di sản tự nhiên và Văn hóa thế giới được Đại hội đồng UNESCO thông qua ngày 16 tháng 11 năm 1972;
- Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị;
- Nghị định 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;
- Nghị định 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;
- Nghị định số 113/ 2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật;
- Nghị định 114/2010/NĐ-CP ngày 06/12/2010 về Bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định 15/2013/NĐ-CP ngày 06/2/2013 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình;

- Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định 15/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về Đầu tư theo hình thức đối tác công tư;
- Thông tư 10/2010/TT-BXD ngày 11/8/2010 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 18/2013/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2013 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều tại Nghị định 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật;
- Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xác định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;
- Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình;
- Thông tư 06/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 03 năm 2016 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư 11/2012/TT-BXD ngày 25/12/2012 Hướng dẫn lập và quản lý chi phí bảo trì công trình xây dựng.
- Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 06/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Văn hóa đến năm 2020;
- Quyết định 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Chính Phủ về việc Ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020;
- Quyết định 3208/VBHN-BVHTTDL ngày 03/9/2013 của Bộ VHTTDL về việc Ban hành quy chế quản lý xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng (Phần Mỹ thuật);
- Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 01: 2008/BXD ban hành kèm theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/04/2008; Quy hoạch xây dựng đô thị- Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 4449:1987; Các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy phạm hiện hành khác có liên quan;
- Văn bản số 1608/BVHTTDL-KHTC của Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch “V/v triển khai thực hiện Quyết định số 88/QĐ-TTg về “Quy hoạch và Kế hoạch nâng cấp, xây mới các công trình văn hóa giai đoạn 2012 - 2020”;
- Văn bản số 2527/UBND-VX1 ngày 23/5/2013 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Quảng Ninh “V/v triển khai thực hiện Quyết định số 88/QĐ-TTg về

- “Quy hoạch và Kế hoạch nâng cấp, xây mới các công trình văn hóa giai đoạn 2012 - 2020”;
- Văn bản số 125/UBND-QH2 ngày 13/01/2015 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Quảng Ninh “V/v kế hoạch lập Quy hoạch ngành, lĩnh vực của tỉnh”;
  - Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 28/01/2015 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Quảng Ninh về kế hoạch lập mới, điều chỉnh các Quy hoạch ngành, lĩnh vực cấp tỉnh năm 2015;
  - Quyết định 4119/2015/QĐ – UBND của UBND Tỉnh Quảng Ninh về việc Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công trên địa bàn Tỉnh.
  - Quyết định số 934/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.
  - Quyết định số 1167/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phân bổ vốn lần V nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch, dự toán ngân sách tỉnh năm 2016.
  - Quy hoạch tổng thể Kinh tế Xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;
  - Quy hoạch xây dựng vùng Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
  - Quy hoạch chung các thành phố Hạ Long, Móng Cái, Uông Bí, Cẩm Phả;
  - Quy hoạch phát triển du lịch Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050.

#### **4. Quan điểm, nguyên tắc lập quy hoạch hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh**

##### **a. Quan điểm quy hoạch**

Quy hoạch là bước đầu tiên nhằm lập kế hoạch triển khai việc xây dựng tượng đài tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh. Quy hoạch sẽ giúp tỉnh có được cái nhìn toàn cảnh về tình hình xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng của địa phương và tạo thuận lợi, tránh lãng phí cho việc tiếp tục triển khai xây dựng trong những năm tới.

Hệ thống tượng đài và tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh phải góp phần phản ánh được vai trò, vị thế và truyền thống văn hóa- lịch sử của tỉnh; có giá trị về tư tưởng, nhân văn và văn hóa nghệ thuật. Tư duy làm tượng đài, tranh hoành tráng cần bắt kịp xu thế hiện tại, tránh việc công trình vừa xây ra đã có cảm giác cũ, cổ, dập khuôn hoặc xa lạ với công chúng đương thời.

*Không gian, môi trường, cảnh quan:* địa điểm xây dựng tượng đài và tranh hoành tráng phải được đặt ở nơi có ý nghĩa lịch sử, kinh tế, chính trị, xã hội, khuôn viên đẹp, phù hợp với cảnh quan không gian kiến trúc và tính chất công trình. Việc xác định vị trí điểm đặt cho tượng đài chủ yếu cần đạt được những yêu cầu về tầm nhìn, là không gian có khả năng giao tiếp và là một vị trí có vị thế quan trọng trong tổng quan kiến trúc. Tượng đài và bố cục kiến trúc không gian bao quanh là hai phần thống nhất của một tổng thể nghệ thuật.

*Đa dạng hoá chủ đề khi xây dựng tượng đài.* Các loại hình tượng đài: tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh, tượng đài danh nhân, tượng đài anh hùng dân tộc, tượng đài lịch sử, tượng đài chiến thắng, tượng đài kỷ niệm, tượng đài văn hóa... Trong quá trình xây dựng đòi hỏi hình tượng phải có tính trung thực, phải có tính khái quát, và điển hình cao.

*Quy mô các công trình tượng đài, tranh hoành tráng:* xây dựng theo tương quan hợp lý, đáp ứng nhu cầu tình cảm của nhân dân, phù hợp đạo lý uống nước nhớ nguồn. Cần xác định danh mục cụ thể ở từng địa phương để có được sự đánh giá đúng đắn. Các tượng đài và tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh phải phản ánh được các đặc điểm lịch sử văn hóa, thành tựu phát triển kinh tế xã hội nổi bật của Quảng Ninh; quy mô phải phù hợp với những giá trị lịch sử, mang ý nghĩa và những điều kiện phát huy sức sống lâu dài của tác phẩm trong đời sống xã hội, khả năng thẩm thấu nghệ thuật vào tâm thức cũng như hiệu ứng cảm xúc nghệ thuật trong lòng công chúng. Nó phải tôn vinh được giá trị lịch sử và góp phần vào công tác giáo dục lịch sử văn hóa, lòng tự hào cho thế hệ trẻ và người dân về những sự kiện lịch sử, xã hội, đáp ứng nhu cầu nguyện vọng của công chúng.

*Chất liệu tượng đài:* Đảm bảo tính bền vững và yêu cầu thẩm mỹ, nên đa dạng chất liệu làm tượng đài, không chỉ dừng lại ở chất liệu "truyền thống" là bê tông mà nên phát triển thêm chất liệu đồng, đá, than đá, kim loại... có tính đến tác động yếu tố môi trường biển tại địa phương (gió bão lụt, độ ẩm cao, muối mặn).

*Việc thiết lập hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng* cần phải đi ra từ sự kế thừa, nhận thức rõ và thậm chí giải mã những đặc điểm về lịch sử, về văn hóa và truyền thống thị thành, về hiện trạng cấu trúc và hình thái đô thị, về quỹ công trình tượng đài hiện hữu, về những hạn chế. Quy hoạch xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng cần căn cứ vào thực tế, vào những ý tưởng quy hoạch đô thị (thái độ ứng xử với môi trường thiên nhiên và đô thị sẵn có) và những cấu trúc không gian, cảnh quan đô thị đã được xác định trong quy hoạch để xác định thật cụ thể các không gian công cộng.

Gắn với đặc trưng về văn hóa- lịch sử, môi trường- cảnh quan, kinh tế-xã hội của từng khu vực và địa phương; góp phần tạo dựng nên cấu trúc hoàn chỉnh của không gian đô thị. Hướng tới có những công trình mang tính tiêu biểu với tầm cỡ tỉnh, quốc gia, khu vực và quốc tế.

Phải làm rõ nội dung để ưu tiên và phân kỳ đầu tư phù hợp với điều kiện kinh tế của Tỉnh Quảng Ninh và các địa phương trong toàn Tỉnh; thể hiện rõ vai trò trách nhiệm của Nhà nước và vai trò xã hội hóa.

### **b. Nguyên tắc quy hoạch**

Tượng đài và tranh hoành tráng là công trình văn hoá nghệ thuật có giá trị nhân văn và mang nhiều nội dung chính trị, tư tưởng, văn hóa, xã hội sâu sắc, đòi hỏi những yêu cầu khoa học chặt chẽ về lịch sử, kiến trúc cảnh quan, môi trường đặc biệt là yếu tố thẩm mỹ.

Quy hoạch tượng đài và tranh hoành tráng là quy hoạch đa ngành, để đảm bảo việc quy hoạch được chính xác, khả thi, phù hợp cần phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- *Nguyên tắc 1: Đảm bảo tính chính xác và phù hợp về nội dung*

Tượng đài, tranh hoành tráng phải đi ra từ sự nhận thức sâu sắc về đặc điểm về lịch sử, về văn hóa và truyền thống địa phương. Chủ đề tượng đài cần có nội dung phù hợp, xứng đáng được tôn vinh, nội dung tượng đài phải phản ánh đúng với sự thật lịch sử, không vi phạm các chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước; phải có sự liên quan giữa danh nhân, sự kiện với đơn vị, địa điểm nơi dựng tượng đài, tranh hoành tráng. Chủ đề tượng đài, tranh hoành tráng phải được sự đồng ý của cơ quan chủ quản, của chính quyền, nhân dân địa phương (cấp huyện) nơi dựng tượng đài, tranh hoành tráng.

- *Nguyên tắc 2: Vị trí xây dựng phù hợp*

Mỗi sự kiện lịch sử, mỗi danh nhân luôn gắn bó với một vùng đất nào đó, nơi là chứng tích cho những sự kiện, cho những chiến thắng, những hành động cao đẹp mà nội dung của tượng đài, tranh hoành tráng sẽ truyền tải. Việc lựa chọn vị trí xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng cần có mối liên hệ mật thiết với chủ đề cần phản ánh. Việc lựa chọn vị trí xây dựng phải tính đến các yếu tố lịch sử, văn hóa, kinh tế, chính trị, cảnh quan, tính chất cộng đồng của vị trí lựa chọn, khoảng cách ly, tính an toàn...và phải phù hợp với quy mô, kích thước của tượng đài. Việc lựa chọn vị trí tốt, đặc địa là điều kiện tiên quyết cho thành công của tượng đài, tranh hoành tráng.

Việc xác định vị trí điểm đặt cho tượng đài phải đạt được những yêu cầu về tầm nhìn, có khả năng tiếp cận thuận lợi với quần chúng nhân dân.



Việc quy hoạch hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng cần phù hợp với những ý tưởng về cấu trúc không gian, cảnh quan đô thị đã được xác định trong quy hoạch xây dựng đô thị được duyệt.

- *Nguyên tắc 3: Đảm bảo tính bền vững của công trình*

Các công trình phải được xây dựng bền vững, chống chịu được các tác động của môi trường trong thời gian dài thông qua việc thiết kế, lựa chọn hệ kết cấu, vật liệu phù hợp, có tính đến tác động yếu tố môi trường (gió bão lụt, độ ẩm cao, thủy triều, muối mặn...). Các yếu tố cảnh quan như cây xanh cũng cần ưu tiên lựa chọn những loại cây có tuổi thọ cao, sức sống tốt, phù hợp điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng địa phương.

- *Nguyên tắc 4: Tôn trọng và đề cao tính nghệ thuật, sáng tạo*

Sáng tác tượng đài là công việc sáng tạo nghệ thuật, do vậy cần tôn trọng các tác giả và sáng tạo của họ. Khi đánh giá chất lượng nghệ thuật công trình phải có Hội đồng nghệ thuật có chuyên môn theo quy định, khi thi công cần đảm bảo đúng và đầy đủ quy trình, đảm bảo tính chính xác so với phác thảo ban đầu. Khuyến khích, đề cao việc sử dụng bản sắc văn hóa địa phương làm chất liệu nghệ thuật để sáng tác tượng đài, tranh hoành tráng. Ngoài tính bản địa, công trình tượng đài, tranh hoành tráng còn cần thể hiện được tính mới, tính thời đại, bắt kịp xu thế chung của Việt Nam và thế giới.

- *Nguyên tắc 5: Tuân thủ pháp luật*

Pháp luật được hiểu bao gồm: các luật, thông tư, nghị định của chính phủ và các ban ngành có liên quan; các quy hoạch xây dựng, quy hoạch ngành của địa phương; các công ước, điều luật quốc tế liên quan... Một công trình tượng đài, tranh hoành tráng đảm bảo nguyên tắc này cần phải có quy hoạch, vị trí, quy mô phù hợp với các Quy hoạch chung xây dựng, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; các Quy hoạch chuyên ngành như: Quy hoạch phát triển văn hóa, Quy hoạch phát triển du lịch, Quy hoạch sử dụng đất... của tỉnh, các thành phố, thị xã, huyện trong tỉnh. Quá trình xây dựng tượng đài phải được các cấp thẩm định, xét duyệt chặt chẽ theo các Quy chế quản lý xây dựng chung, Quy chế quản lý xây dựng và Quy chế quản lý chất lượng đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng do Bộ Văn hoá – Thông tin (nay là Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch) ban hành.

- *Nguyên tắc 6: Tôn trọng cảnh quan, môi trường vốn có*

Quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh cần triệt để tôn trọng cảnh quan vốn có, tránh phá vỡ cảnh quan, đặc biệt là các cảnh quan có tính đặc trưng, lịch sử, các cảnh đẹp vốn có. Cần nghiêm cấm các hành vi tác

động thô bạo tới môi trường cảnh quan như phá núi, phá rừng, lấp biển... Cần đánh giá tác động môi trường đầy đủ. Đối với các công trình tượng đài, tranh hoành tráng xây gần các di tích lịch sử thì cần tôn trọng, đảm bảo các hành lang khu vực bảo vệ di tích theo luật định. Công trình tượng đài, tranh hoành tráng xây mới không được lấn át, phá vỡ cấu trúc cảnh quan, kiến trúc vốn có của di tích.

- *Nguyên tắc 7: Lựa chọn hình thức, quy mô, nguồn vốn đầu tư phù hợp*

Việc lựa chọn hình thức đầu tư, quy mô đầu tư phù hợp là cần thiết, tránh lãng phí, tốn kém quá mức. Quy mô đầu tư phải phù hợp với tính chất, nội dung của tượng đài, phù hợp, hài hòa với cảnh quan đô thị.

Việc xác định nguồn vốn đầu tư phải phù hợp với các quy định của pháp luật, chủ trương của Nhà nước và địa phương. Khuyến khích xã hội hóa việc đầu tư xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng để các tổ chức, cá nhân, thành phần kinh tế khác có thể tham gia, giảm gánh nặng cho ngân sách. Tuy nhiên, việc xã hội hóa cần cân nhắc và quản lý thật kỹ lưỡng. Đối với một số công trình có tính chất đặc biệt quan trọng, có ảnh hưởng sâu rộng về văn hóa chính trị thì vẫn ưu tiên các cơ quan Nhà nước làm chủ đầu tư và sử dụng nguồn vốn ngân sách.

## **5. Mục tiêu của Quy hoạch**

- *Mục tiêu chung của Quy hoạch đến năm 2030, Quảng Ninh sẽ có:*

- Một hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng từ tỉnh đến huyện, thành phố, thị xã có chất lượng nghệ thuật cao, có không gian phù hợp với kiến trúc cảnh quan, môi trường và phát huy được các giá trị về chính trị, kinh tế và văn hoá - xã hội; tránh xây dựng tràn lan dẫn đến lãng phí, thiếu hợp lý.
- Nâng cao lòng tự hào dân tộc, lòng yêu quê hương đất nước, tinh thần đại đoàn kết dân tộc, tự hào về truyền thống lịch sử, văn hóa quê hương, giáo dục cho các thế hệ mai sau noi gương ông cha để xây dựng quê hương đất nước ngày càng giàu đẹp, văn minh. Xây dựng quy hoạch để khi triển khai thực hiện các tượng đài tranh hoành tráng trở thành các điểm du lịch hấp dẫn; tăng nguồn thu cho ngân sách. Xây dựng không gian tượng đài và tranh hoành tráng gắn với các không gian công cộng của đô thị từ chi tiết đến tổng thể, góp phần tạo nên diện mạo mới, làm đẹp không gian cảnh quan đô thị; xây dựng hình

ảnh đô thị mang đậm bản sắc văn hóa và tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới.

- Góp phần làm phong phú tài sản văn hóa nghệ thuật dân tộc, tạo bản sắc và môi trường, nâng cao giá trị văn hóa, thẩm mỹ cho quảng đại quần chúng; phản ánh trung thực sự phát triển đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội của tỉnh Quảng Ninh; kêu gọi xã hội hóa trong việc góp sức đầu tư xây dựng hệ thống tượng đài và tranh hoành tráng.
- Có những công trình mang tính tiêu biểu với tầm cỡ tỉnh, quốc gia, khu vực và quốc tế;
- Phải làm rõ nội dung đề ưu tiên và phân kỳ đầu tư phù hợp với điều kiện kinh tế của Tỉnh Quảng Ninh và các địa phương trong toàn Tỉnh; thể hiện rõ vai trò trách nhiệm của Nhà nước và vai trò xã hội hóa.

• **Mục tiêu cụ thể:**

- Tạo ra môi liên hệ gắn bó cộng đồng thông qua nghệ thuật công cộng;
- Xây dựng bộ sưu tập nghệ thuật trong các không gian công cộng;
- Hỗ trợ các nghệ sĩ địa phương;
- Gắn kết người dân và đánh thức mối quan tâm của công chúng đối với nghệ thuật, thông qua sự tham gia của họ;
- Phát triển hệ thống không gian công cộng có chất lượng cao và hệ thống không gian này được người dân địa phương chấp nhận và sử dụng;
- Xây dựng quy hoạch hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh làm căn cứ pháp lý để quản lý xây dựng, nâng cấp, chuyển chất liệu, sử dụng, duy tu bảo dưỡng những công trình tượng đài theo định hướng thống nhất, đảm bảo tính bản sắc, khoa học từ năm 2016 đến 2030.
- Xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng trên địa bàn với tinh thần đa dạng hoá các hình thức tôn vinh, tưởng niệm, lưu niệm nhằm giáo dục truyền thống lịch sử, nâng cao lòng tự hào dân tộc, lòng yêu quê hương đất nước, tinh thần đại đoàn kết dân tộc, tự hào về truyền thống lịch sử, văn hoá của quê hương; giáo dục cho các thế hệ mai sau noi theo gương ông cha để góp phần xây dựng quê hương Quảng Ninh giàu mạnh, văn minh.
- Góp phần giữ gìn di sản văn hoá dân tộc, tạo ra không gian điêu khắc và môi trường văn hoá nghệ thuật trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, mang

bản sắc văn hoá địa phương, phục vụ nhu cầu tinh thần của nhân dân và khách du lịch trong và ngoài nước.

- Cụ thể hóa các Quy hoạch không gian, Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các thành phố, thị xã, huyện trên địa bàn của tỉnh đã được phê duyệt.

## **6. Phạm vi, đối tượng của quy hoạch**

### **a. Phạm vi quy hoạch**

#### **• Phạm vi không gian**

Lập quy hoạch trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh bao gồm 4 thành phố trực thuộc, 02 thị xã, 8 huyện, gồm:

- Thành phố Hạ Long: 20 phường
- Thành phố Móng Cái: 8 phường và 9 xã
- Thành phố Cẩm Phả: 13 phường và 3 xã
- Thành phố Uông Bí: 9 phường và 2 xã
- Thị xã Quảng Yên: 11 phường và 8 xã
- Thị xã Đông Triều: 6 phường và 15 xã
- Huyện Tiên Yên: 1 thị trấn và 11 xã
- Huyện Hải Hà: 1 thị trấn và 15 xã
- Huyện Bình Liêu: 1 thị trấn và 7 xã
- Huyện Ba Chẽ: 1 thị trấn và 7 xã
- Huyện đảo Cô Tô: 1 thị trấn và 2 xã
- Huyện Đầm Hà: 1 thị trấn và 9 xã
- Huyện Hoành Bồ: 1 thị trấn và 12 xã
- Huyện Vân Đồn: 1 thị trấn và 11 xã

Quảng Ninh có 187 đơn vị hành chính cấp xã gồm 112 xã, 67 phường và 8 thị trấn.

#### **• Phạm vi thời gian**

Quy hoạch được chia thành ba giai đoạn chính như sau:

- Giai đoạn 1: 2017-2020;
- Giai đoạn 2: 2021-2025;
- Giai đoạn 3: 2026-2030.

### **b. Đối tượng quy hoạch**

- Đối tượng quy hoạch là những công trình tượng đài, tranh hoành tráng được xây dựng ngoài trời, nơi công cộng, bao gồm quảng trường, công viên, khuôn viên cảnh quan, trung tâm chính trị - văn hoá, xã hội... có mặt bằng và không gian phù hợp.

- Đối với những công trình tượng đài, tranh hoành tráng có quy mô nhỏ đặt trong các công trình công cộng khác hoặc đặt trong khuôn viên cơ quan, đơn vị, trường học, bệnh viện... không quy hoạch cho từng công trình cụ thể mà chỉ đưa ra tiêu chí chung về nội dung, điều kiện để triển khai xây dựng;

### **7. Các tiêu chí của quy hoạch hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh**

Quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng phải đảm bảo 3 bộ tiêu chí sau:

- *Bộ tiêu chí về nội dung (áp dụng cho việc lựa chọn chủ đề dựng tượng đài, tranh hoành tráng)*

Những nhân vật, sự kiện, hình tượng được lựa chọn để xây tượng đài **phải đạt được một trong những** tiêu chí sau:

- **Tiêu chí 1:** Các sự kiện được vinh danh phải là các sự kiện lịch sử diễn ra trên địa bàn địa phương, có ý nghĩa chính trị, văn hóa, xã hội sâu sắc, có tầm ảnh hưởng to lớn với địa phương và đất nước, được lịch sử tôn vinh, ghi nhận;
- **Tiêu chí 2:** Nhân vật lịch sử (là một cá nhân hoặc một tổ chức) được vinh danh phải được sinh ra hoặc thành lập tại địa phương và có những công lao to lớn với địa phương và đất nước;
- **Tiêu chí 3:** Nhân vật lịch sử (là một cá nhân hoặc một tổ chức) được vinh danh phải có những công lao hoặc hành động tốt đẹp, quả cảm, hi sinh vì Tổ quốc đem đến thành tựu lớn lao, có ý nghĩa lịch sử, văn hóa xã hội sâu sắc mà những hành động nêu trên phải diễn ra trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, được nhân dân địa phương tôn sùng và lịch sử tôn vinh, ghi nhận.
- **Tiêu chí 4:** Những địa phương có những đặc trưng về con người, thiên nhiên, truyền thống văn hóa, lịch sử đặc sắc, nổi bật, đạt được những thành tựu to lớn trong công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế xã hội (ở tầm quốc gia hoặc quốc tế) được cân nhắc xây dựng tượng đài có nội dung giới thiệu quảng bá về đất nước con người địa phương mình, thể hiện khát vọng của nhân dân và chính quyền hướng tới tương lai hoặc thể hiện các mục tiêu chính trị có tính thời sự cấp thiết.
- *Bộ tiêu chí về địa điểm xây dựng (áp dụng đối với quá trình lựa chọn địa điểm cho các công trình xây mới)*

Những vị trí được lựa chọn để xây mới tượng đài, tranh hoành tráng **phải đạt được tất cả các tiêu chí** sau:

- **Tiêu chí 1:** Địa điểm xây dựng tượng đài phải phù hợp với nội dung tượng đài, phù hợp với các hoạt động vinh danh của người dân địa phương đối với sự kiện, nhân vật lịch sử.
- **Tiêu chí 2:** Địa điểm xây dựng phải được lựa chọn dựa trên cơ sở nghiên cứu kỹ lưỡng hiện trạng quy hoạch, kiến trúc, cảnh quan, địa điểm lựa chọn phải phù hợp với quy hoạch xây dựng của địa phương. Địa điểm xây dựng phải đảm bảo diện tích để xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng.
- **Tiêu chí 3:** Địa điểm xây dựng phải đảm bảo không xâm phạm khu vực bảo vệ di tích theo quy định pháp luật, đồng thời phải đảm bảo không gây ra những ảnh hưởng tiêu cực về mặt cảnh quan, môi trường, tâm linh, cũng như không ảnh hưởng đến các hoạt động sinh hoạt, lao động của nhân dân địa phương.
- Nên xét đến khả năng kết hợp phát triển du lịch như một ưu tiên cho quá trình lựa chọn địa điểm xây dựng.
- *Bộ tiêu chí chất lượng đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng (áp dụng cho quá trình triển khai thực hiện quy hoạch)*
  - **Tiêu chí về nghệ thuật**

Đạt giá trị thẩm mỹ cao, phải tạo ra được ngôn ngữ điêu khắc hoành tráng, kết hợp dân tộc và hiện đại, khắc họa được tâm hồn, tính cách, tư tưởng của từng nhân vật, sự kiện và gợi được sức sống luôn luôn sáng tạo đổi mới, đa phong cách.
  - **Tiêu chí về kỹ thuật**

Sử dụng chất liệu tốt để đảm bảo tính bền vững. Chất liệu xây dựng các tượng đài, tranh hoành tráng cần phải xác định và lựa chọn cho phù hợp với điều kiện khí hậu Quảng Ninh, tránh trường hợp han rỉ, nhanh xuống cấp. Đội ngũ thi công phải có trình độ chuyên môn giỏi, tay nghề cao.
  - **Tiêu chí về kiến trúc**

Quy mô, kiểu dáng phải hài hòa với không gian, cảnh quan xung quanh, tạo điểm nhấn, gây ấn tượng đẹp.

## CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN HIỆN TRẠNG VÀ XU HƯỚNG TRONG QUY HOẠCH TƯỢNG ĐÀI, TRANH HOÀNH TRÁNG

### 1.1. Hiện trạng và xu hướng quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng tại Việt Nam

#### 1.1.1. Sơ lược sự hình thành và phát triển của điêu khắc hoành tráng Việt Nam từ năm 1900 đến nay

##### 1.1.1.1. Thời Pháp thuộc từ năm 1900 – 1945

Xã hội Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX có nhiều biến động lớn và vô cùng phức tạp. Sau khi, Thực dân Pháp đặt ách thống trị lên toàn bộ lãnh thổ nước ta với chính sách “chia để trị”: Chia Việt Nam thành ba kỳ cùng ba chế độ cai trị khác nhau hòng phân rẽ và thôn tính mọi quyền hành, tăng cường khai thác thuộc địa bằng mọi hình thức. Văn hóa, nghệ thuật Việt Nam chịu ảnh hưởng nhiều từ nền văn hóa hiện đại phương Tây thông qua văn hóa, nghệ thuật Pháp.

Hoạt động khởi đầu của mỹ thuật hiện đại Việt Nam

Kiến trúc – điêu khắc trang trí đình chùa, đền, miếu, lăng tẩm... cổ truyền vẫn phát triển ở các làng quê mang đậm bản sắc dân tộc. Các loại tượng thờ phật, thánh, các làng nghề, phố nghề, phường thợ và các dòng tranh dân gian vẫn duy trì tồn tại giữ vững nền văn hóa cổ truyền dân tộc có từ ngàn đời xưa.

Vào những năm đầu thế kỷ XX, để đáp ứng những nhu cầu cần thiết phục vụ cho chế độ bảo hộ Pháp đồng thời thu phục nhân tâm người Việt, toàn quyền Pháp **Albert Sarraut** đã cho mở lại các trường đại học, dạy nghề trong cả nước như: Trường Mỹ nghệ Bình Dương (1901), Trường Trang trí mỹ thuật Đồng Nai (1903), Trường Vẽ Gia Định (1913), Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương ở Hà Nội (1925).

Trường Mỹ thuật Đông Dương sau 20 năm tồn tại (1925 – 1945), đã đào tạo ra rất nhiều nhân tài, các họa sĩ, nhà điêu khắc đặt nền tảng cho mỹ thuật hiện đại Việt Nam.

Điêu khắc chưa phát triển, với số lượng người học ít, chỉ có một số tượng chân dung, phù điêu nhỏ được bày trong các cuộc triển lãm. Đây là thời kỳ hình thành nền mỹ thuật Việt Nam hiện đại, hướng theo mô hình chung của nghệ thuật thế giới với các loại hình hội họa, điêu khắc, đồ họa... xuất hiện các tác phẩm gắn liền với tên tuổi của mỗi tác giả, kết thúc một thời kỳ dài các tác phẩm khuyết danh của nghệ thuật cổ Việt Nam.

Những tác phẩm điêu khắc ngoài trời

Cũng như điêu khắc nói chung, điêu khắc ngoài trời Việt Nam giai đoạn này cũng chưa phát triển, chỉ có tượng quan hầu hay các linh vật với kích thước nhỏ ở một vài lăng mộ của triều Nguyễn nằm ngoài Hoàng thành Huế nhưng mang nhiều yếu tố trang trí tượng vườn, không có chất hoành tráng. Có một số ít tượng đài nhỏ được mang từ Pháp qua đặt ở một vài công viên, vườn hoa Hà Nội.

Có thể kể tên các tượng đài trong thời kì này: Tượng nữ thần tự do (1887-Hà Nội); tượng Paul Bert (1890 – Hà Nội); tượng đài “Nước Pháp bảo hộ Đông Dương” (1902-Hà Nội); tượng đài Pasteur (1922-Hà Nội) (*Hình 1 -phụ lục 2*), tượng đài “Sĩ – Nông – Công – Thương”(1927-Hà Nội)... Các tượng đài này hầu hết đã bị phá bỏ vào thời điểm cách mạng tháng 8.

#### 1.1.1.2. Giai đoạn 1945 – 1955

Cách mạng tháng Tám thành công lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đây là thời kỳ dân tộc ra phải trải qua nhiều giai đoạn đầy cam go, quyết liệt trước vận mệnh chung của dân tộc trong 9 năm kháng chiến chống Pháp.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến, ở các chiến khu, hoạt động văn hóa – nghệ thuật ngày càng được tích cực mở rộng. Các nhóm mỹ thuật kháng chiến phát triển mạnh, chủ yếu là tranh địch vận, cổ động, tranh tuyên truyền gương chiến đấu anh dũng của chiến sĩ ta và sự tàn bạo của kẻ thù, để nâng cao tinh thần yêu nước, chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

Không có tác phẩm điêu khắc hoành tráng nào được xây dựng trong giai đoạn này. Tuy vậy, bằng tấm lòng và nhiệt huyết, các tác giả đã cố gắng sáng tác những tác phẩm nhỏ để ghi lại hình ảnh vị lãnh tụ anh minh của dân tộc và những sự kiện, dấu ấn mới của đất nước. Tiêu biểu là: Tác phẩm “*Chân dung Hồ Chủ tịch*” bằng đồng của Nguyễn Thị Kim (1946), tượng “*Chân dung Hồ Chủ tịch*” Việt Kiều Vũ Cao Đàm (1946), phù điêu “*Chiến thắng Điện Biên Phủ*” (1954) của Nguyễn Thị Kim, “*Chân dung Hồ Chủ tịch*” (1954) Nguyễn Văn Hòe...

Đặc điểm phong cách tạo hình

Ở thời kỳ Pháp thuộc, các tượng đều có kích thước nhỏ, mang nội dung phục vụ cho lợi ích thống trị của chế độ thực dân, nhằm ca ngợi nền văn hóa, văn minh và sự “bảo hộ” của Pháp đối với người bản xứ hay các sự kiện, nhân vật có công với Pháp quốc. Thể hiện chủ yếu là tả thật theo phong cách cổ điển Pháp, các sự kiện mang tính mô phỏng. Tượng hầu hết được đặt trên bệ cao ảnh



hưởng lối bố cục tượng đài ở các nước châu Âu thế kỷ XVIII, khác hẳn với tạo hình truyền thống khi điêu khắc luôn gắn chặt với các công trình kiến trúc, phục vụ cho nhu cầu tôn giáo, tín ngưỡng. Các tượng ngoài trời là những chất liệu bê tông, đồng, đá không “tô màu”, “vàng son” như điêu khắc truyền thống ở các thế kỷ trước.

Sau Cách mạng Tháng tám, đối với các văn nghệ sĩ đi theo Cách mạng, các tác phẩm nghệ thuật chủ yếu là phục vụ công tác tuyên truyền, cổ động, miêu tả hiện thực cách mạng, đời sống bình dị của vị cha già dân tộc, của Công – Nông – Binh trong kháng chiến.

Phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa có nguồn gốc từ Liên – Xô (cũ) và các nước XNCH được phổ biến, phát triển thành quan điểm sáng tác của văn nghệ Việt Nam, với phương châm “Dân tộc – Hiện thực – Khoa học – Đại chúng”, “xu hướng hiện thực – tả thực theo con mắt thị giác được đẩy cao, trở thành độc tôn, chính thống trong mọi khuynh hướng sáng tác.”<sup>6</sup>

Tóm lại là:

Thời kỳ Pháp thuộc, nếu bỏ quan quan điểm theo chiều hướng chính trị mà nhìn các công trình với xu hướng mỹ thuật, trong đó có điêu khắc dù mới sơ khai, thể hiện tuân thủ theo những thước đo, chuẩn mực của mỹ thuật Phương Tây hình thành một nền điêu khắc mới, tiến tới hòa nhập vào nền mỹ thuật hiện đại trên thế giới”<sup>7</sup>

Sự xuất hiện các tượng hoành tráng ngoài trời ở các trung tâm đô thị Việt Nam đã có tác động lớn đến giới chuyên môn và công chúng, tạo nên một cách nhìn mới về nghệ thuật điêu khắc.

Trong điều kiện kháng chiến, kiến quốc gian khổ đầy khó khăn, thiếu thốn, hội họa và điêu khắc tuy chưa có điều kiện thực hiện những tác phẩm nghệ thuật lớn, chất liệu quý, song với lòng yêu nghề cộng với những tình cảm tốt đẹp và quá tình trải nghiệm trong lao động, chiến đấu cùng kho tư liệu ký họa, ký ức sinh động là gia tài vô giá, là nguồn cảm hứng không bao giờ cạn để các nghệ sĩ sáng tác những tác phẩm lớn khi đất nước thanh bình và khi đời sống vật chất tinh thần của xã hội được nâng cao.

### *1.1.1.3. Giai đoạn 1955 – 1975*

#### Văn hóa, mỹ thuật Việt Nam 1955 – 1975

<sup>6</sup> Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội – Viện Mỹ thuật (2005), Mỹ thuật Việt Nam hiện đại, NXB Văn hóa Bộ Văn hóa – Thông tin, Hà Nội, tr.84

<sup>7</sup> Nhiều tác giả (1997), Điêu khắc hiện đại Việt Nam, NXB Mỹ thuật, Hà Nội, tr7

Hiệp định Geneve được ký kết, hòa bình được lập lại trên toàn cõi Đông Dương, tuy nhiên, Việt Nam vẫn tạm thời bị chia cắt thành hai miền Nam – Bắc với hai chế độ chính trị, văn hóa, xã hội khác nhau.

Miền Bắc được giải phóng, phong trào sáng tác lên cao, với khuynh hướng sáng tác hiện thực XHCN: Ở giai đoạn này, mỹ thuật Việt Nam có những bước phát triển mạnh cả bề rộng lẫn bề sâu với nhiều tác phẩm tốt.

Điều khắc những năm 1954 – 1960 chủ yếu là tượng tròn bằng chất liệu thạch cao được các tác giả sáng tác với những nội dung, hình tượng mang tính hiện thực có pha chất dân gian, dễ hiểu hướng về cuộc sống thường ngày của người lao động diễn ra trong một xã hội mới. Các tác phẩm điêu khắc tiêu biểu thời kỳ này như: “*Cắm thẻ nhận ruộng*” của nhà điêu khắc Trần Văn Lắm, “*Anh hùng Lê Minh Đức*” đắp nổi của Phạm Gia Giang, “*Chân dung em bé*” của Nguyễn Thị Kim, “*Hương sen*” của Diệp Minh Châu. “*Giúp đỡ gia đình, chăm chỉ học tập*” của Đào Văn Can, “*Nữ du kích*” của Nguyễn Văn Lý, “*Đắp đường thống nhất*” của Nguyễn Minh Trí, “*Hũ gạo nuôi quân*” của Văn Hòe...

Những năm đầu của thập kỷ 60 đã có một đội ngũ xuất thân từ hai Trường Cao đẳng Mỹ thuật Việt Nam và Trường Cao đẳng Mỹ thuật Công nghiệp cùng một số ít được đào tạo từ nước ngoài trở về đã góp phần tạo nên một diện mạo điêu khắc mới. Đến đầu những năm 70, hai tác giả Nguyễn Hải và Lê Công Thành có nhiều tìm tòi sáng tạo, khởi đầu cho sự đổi mới ngôn ngữ điêu khắc những năm 70 – 75. Những tác phẩm tiêu biểu ở giai đoạn này có: “*Cây phăng*” của Nguyễn Phước Sang, “*Cô gái Tây Nguyên*”, “*Bà má nghiền trầu*” của Lê Công Thành, “*Vót chông*” của Phạm Mười, “*Anh Trỗi*”, “*Thánh Gióng*” của Nguyễn Hải, “*Những người thợ quét vôi*” gò nhôm của Dương Đăng Cẩn, “*Bà má*” gỗ của Trần Tía, “*Nguyễn Văn Trỗi*” thạch cao của Võ Văn Tấn, “*Hũ gạo kháng chiến*” thạch cao của Đinh Rú, “*Lão dân quân Hoàng Trường*” thạch cao của Lê Đình Quý, “*Mẹ là lá chắn*” thạch cao của Tạ Quang Bạo, “*Tiếng công Tây Nguyên*” thạch cao của Mô Lô Kai... Sau này còn có nhiều họa sĩ, nhà điêu khắc trẻ góp phần làm phong phú cho nền mỹ thuật Cách mạng Việt Nam.

Trong thời kỳ này có những tác phẩm có giá trị hiện thực phản ánh sâu sắc về lịch sử cách mạng, về chiến tranh giải phóng dân tộc. Hàng loạt các tác phẩm nghệ thuật “*Bằng ngôn ngữ tạo hình chân phương giản dị, hoặc với hình thức diễn đạt mộc mạc, trong sáng, dễ hiểu*”<sup>8</sup> đã ra đời để phục vụ quảng đại quần chúng, tạo nên niềm vui chiến thắng, lòng căm thù giặc, tình yêu đồng bào, quê

<sup>8</sup> Thái Hanh (2001), Đó là những chiến tích hào hùng của dân tộc, Tạp chí Mỹ thuật Hội Mỹ thuật Việt Nam, số 40 (8-2001), Tr5

hương đất nước. Trong thời kỳ này, một số tác phẩm điêu khắc ngoài trời đề tài cách mạng đã xuất hiện, gây được những dấu ấn mạnh với người xem, với xã hội, thể hiện rõ “*Văn nghệ phục vụ chính trị, phục vụ cách mạng thì phải phục vụ trước hết là công nông binh, những thành phần ưu tú nhất, triệt để nhất của cách mạng*”<sup>9</sup>.

- *Điêu khắc hoành tráng ở miền Bắc*

Vào những năm 1964 – 1965, do nhu cầu của việc giáo dục truyền thống cách mạng cần ghi lại những chiến công, sự kiện anh hùng, vấn đề xây dựng tượng đài đã được đặt ra. Nhiều địa phương đã tiến hành thực hiện các phác thảo như Cao Bằng với tượng Kim Đồng, Lạng Sơn với tượng đài chiến thắng Chi Lăng... những phác thảo đã hoàn thành nhưng do hoàn cảnh chiến tranh, việc tổ chức xây dựng đã phải ngưng lại.

Xây dựng một công trình tượng đài lớn tốn kém về kinh phí và thực hiện dưới làn bom đạn địch là vấn đề nan giải. Nhưng với lòng quyết tâm, nhiệt huyết nghề nghiệp và muốn đóng góp công sức của mình vào sự nghiệp cách mạng đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước trong thời kỳ ác liệt, máu lửa của chiến tranh, tập thể sinh viên điêu khắc trường Cao đẳng Mỹ thuật Việt Nam, Trường Cao đẳng Mỹ thuật Công nghiệp đã xây dựng thành công một số công trình điêu khắc hoành tráng ngoài trời, mang nội dung truyền thống cách mạng Việt Nam đầu tiên.

**Đặc điểm, phương pháp tạo hình và những đóng góp về mặt nghệ thuật**

Do hoàn cảnh chiến tranh, thời kỳ này, các công trình điêu khắc hoành tráng ngoài trời ở Việt Nam có số lượng ít (8/382 tác phẩm) với kích thước nhỏ và chất liệu thể hiện hầu hết là bê tông, một số tác phẩm còn đang trong giai đoạn phác thảo, chưa có điều kiện, kinh phí để thể hiện ra không gian công cộng ngoài trời.

Phong cách thể hiện chủ yếu theo phương pháp hiện thực XHCN, ảnh hưởng phong cách tạo hình hiện thực của các nước trong khối XHCN, nhất là Liên – Xô (cũ) và Trung Quốc. Cũng như mỹ thuật nói chung, điêu khắc hoành tráng thời kỳ này vẫn mang nặng tính truyền thống, cổ động phong trào, ít có điều kiện chuyên nghiệp, chuyên sâu, nên các đặc thù của ngôn ngữ tạo hình nghệ thuật cũng như kỹ thuật thể hiện và phong cách cá nhân chưa được phát huy và thể hiện rõ. Ngôn ngữ thể hiện mang nặng tính nệ thực, mô phỏng, không gian môi trường tạo hình chung chưa được quan tâm, không có sự kết hợp đồng bộ giữa kiến trúc, điêu khắc và cảnh quan.

<sup>9</sup> Huỳnh Khái Vinh (2000), Những vấn đề Văn hóa Việt Nam đương đại, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội

Những đóng góp về mặt xã hội, nghệ thuật

Từ nền điêu khắc còn phôi thai trước và trong Cách mạng tháng Tám, đến giai đoạn 1954 – 1975, điêu khắc đã phát triển với quy mô rộng hơn cả về số lượng và chất lượng tác phẩm, với nhiều loại hình điêu khắc đa dạng, phong phú, Các công trình điêu khắc hoành tráng với đề tài lịch sử, truyền thống cách mạng ra đời, đã đánh dấu một bước tiến mới của nền điêu khắc Cách mạng Việt Nam.

Đối với chuyên môn, sự ra đời của các công trình điêu khắc hoành tráng ngoài trời đã đem đến một thể loại mới cho điêu khắc Việt Nam, tạo điều kiện cho các nhà điêu khắc nghiên cứu, thể nghiệm những gì mình đã học để phục vụ xã hội, phục vụ những nhu cầu, đòi hỏi của cuộc sống mới. Xây dựng các công trình điêu khắc hoành tráng đồng thời cũng là những bài học về thực tế trong lao động, sáng tạo nghệ thuật cho các sinh viên của hai trường mỹ thuật, làm tiền đề tạo dựng một nền móng vững chắc về kiến thức hoành tráng cho lớp các nhà điêu khắc ở những giai đoạn tiếp theo.

Những công trình tiêu biểu của thời kỳ này là: tượng đài “Nam Ngạn – Hàm Rồng chiến thắng” (1966 – 1967) của Quang Bửu tại Thanh Hóa (*Hình 3 – phụ lục 2*), tượng đài “Chiến thắng Kép” của Nguyễn Hải (1968) tại Bắc Giang, công trình “Ba thế mạnh Công – Nông – Ngư nghiệp” (1973) của Lê Thuộc ở Hải Phòng, “Du kích làng Nguyễn” (1968) của Võ Văn Tấn, “Hiệp Hòa khởi nghĩa” (6/1969) của Nguyễn Phước Sanh, Tượng chân dung cụ Phan Bội Châu (1973-1975) của Lê Thành Nhơn (*Hình 2 – phụ lục 2*), Tượng An Dương Vương (*Hình 3.16 – phụ lục 2*)...

- *Các công trình tượng đài ở miền Nam*

Các công trình chủ yếu là vữa xi măng trộn cát đắp thẳng, với đề tài là các vị tướng lĩnh, anh hùng dân tộc thời xưa, được các binh chủng quân đội Sài Gòn lấy làm biểu tượng cho binh chủng của mình. Phong cách thể hiện theo lối dân gian, tự nhiên chủ nghĩa. Tượng hầu hết được đặt trên các bệ cao hay dạng cột gothic ảnh hưởng theo dạng bố cục thời kỳ Tiền phục hưng Ý, Pháp, đa số các tượng đài đều ở mức độ yếu, kém về mặt nghệ thuật cũng như độ bền vững của công trình.

#### **1.1.1.4. Giai đoạn 1975 – 1986**

Năm 1975, đất nước thống nhất. Chúng ta một mặt củng cố ổn định chính trị, xây dựng và hàn gắn những vết thương chiến tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, tăng cường củng cố quốc phòng. Mặt khác, dù hoàn cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn, nhưng với hào khí của chiến thắng, Đảng, Nhà nước và

nhân dân ta, ngoài việc khôi phục phát triển kinh tế còn luôn quan tâm đến sự đền ơn đáp nghĩa: Xây dựng các nghĩa trang liệt sĩ, những tượng đài lịch sử ghi tạc những chiến công hay hay tưởng nhớ những anh hùng của dân tộc.

- *Những biến động xã hội, văn hóa, mỹ thuật Việt Nam 1975 – 1986*

*Về văn hóa nghệ thuật:* Tuy hòa bình lập lại, nhưng Việt Nam đang ở thời kỳ cấm vận của Mỹ, quan hệ quốc tế chủ yếu vẫn là các nước trong khối xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, việc giao lưu văn hóa nghệ thuật của hai miền Nam – Bắc và các nguồn thông tin từ sách báo nước ngoài có ảnh hưởng lớn tới văn hóa, nghệ thuật Việt Nam đã tạo ra “*bước ngoặt của mỹ thuật Việt Nam thời kỳ phát triển*”<sup>10</sup>

Đất nước thống nhất, mỹ thuật Việt Nam bước sang một chặng đường mới trong hoạt động nghệ thuật với sự tham gia của các nghệ sĩ ở cả ba miền Bắc – Trung – Nam từ nhiều nguồn đào tạo khác nhau, thể hiện qua các cuộc triển lãm lớn định kỳ toàn quốc.

Triển lãm Mỹ thuật toàn quốc năm 1976, là cuộc hội tụ mỹ thuật ba miền đầu tiên sau khi đất nước thống nhất, bao gồm 245 tác phẩm của 237 tác giả, với đủ chất liệu và thể loại. Các tác phẩm tiêu biểu trong lĩnh vực điêu khắc có “*Bác Hồ đi công tác*”, “*Người Mèo thổi kèn*” của Hứa Tử Hoài, “*Võ Thị Sáu*” của Diệp Minh Châu, “*Mùa xuân*” của Nguyễn Hải, “*Hồ Xuân Hương*” của Lê Công Thành, “*Xuân 75*” của Trần Tía, “*Tuổi hai mươi*” của Vương Học Báo, “*Chân dung*” của Phan Gia Hương, “*Cô gái đánh đàn*” của Lê Thị Trinh...

Triển lãm Mỹ thuật toàn quốc năm 1980 với 819 tác phẩm của hơn 500 tác giả, đây là triển lãm được đánh giá là sự kiện nổi bật và thành công nhất lúc bấy giờ, bộc lộ một tiềm năng sáng tạo mạnh mẽ. Các tác giả, tác phẩm tiêu biểu điêu khắc có “*Đào tiên tiêu*” của Tạ Quang Bảo, “*Bảo vệ cuộc sống*” của Nguyễn Xuân Hưng, “*Chiều bên bờ suối*” của Đinh Rú...

Triển lãm Mỹ thuật toàn quốc năm 1985 khẳng định xu thế đổi mới tất yếu của hình thức nghệ thuật, nhiều xu hướng, phong cách cá nhân đã hình thành rõ nét hơn.

Triển lãm 10 năm Điêu khắc toàn quốc lần II (1973 – 1983) đã trưng bày 247 tác phẩm của 101 tác giả với nhiều chất liệu khoảng 2/3 là gỗ, đá, bê tông, kim loại. Các tác phẩm tiêu biểu: “*Mẹ là lá chắn*”, “*Hòa bình*” của Tạ Quang Bảo, “*Song Sĩ*” của Hứa Tử Hoài, “*Hòa bình*” của Nguyễn Hải, “*Bác dịch sử Đảng*” của Diệp Minh Châu, “*Tây Nguyên*” của Lê Công Thành, “*Ngựa Gió*”

<sup>10</sup> Nguyễn Ngọc Dũng (2000), “Mỹ thuật 75 – 85 giai đoạn mở đầu một thời kỳ đổi mới”, Ký yếu Hội thảo Mỹ thuật Việt Nam thế kỷ 20, NXB Mỹ thuật, Hà Nội. Tr23

của Đoàn Đức Tâm, “*Bà Hoàng Thị Loan*” của Nguyễn Văn Quế, “*Vũ hội*” của Trần Thị Hồng, “*Cây đời*” của Nguyễn Xuân Thành, “*Đôi bạn*” của Đào Phương, “*Trước biển*” của Hà Trí Dũng...

Các công trình điêu khắc hoành tráng giai đoạn này được xây dựng với đề tài chủ yếu là “*Chiến thắng*” và “*Tưởng niệm*” để ngợi ca những chiến công vĩ đại của dân tộc, của địa phương và tưởng nhớ, ghi nhớ, ghi công những anh hùng liệt sĩ đã hy sinh vì sự tồn vinh của đất nước. Đặc biệt hình tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh, người chiến sĩ cách mạng, vị Cha già kính yêu của dân tộc được nhiều địa phương quan tâm, xây dựng: Các tượng đài thể hiện hình tượng Bác có tượng đài “*Bác Hồ ở Cần Thơ*” của Song Văn, “*Bác Hồ ở đảo Cô Tô*” (1975) của Nguyễn Phước Sanh (Hình 9 – phụ lục 2), “*Bác Hồ với các cháu thiếu nhi*” ở Bình Thuận của Lê Thước... Các tượng đài chiến thắng có tượng đài “*Chiến thắng Núi Thành*” ở Quảng Nam của Lê Công Thành, “*Chiến thắng Đèo Nhông*” của Trần Tía, “*Chiến thắng Bình Thuận*” của Lê Thước (Hình 7 – phụ lục 2), “*Chiến thắng sông Lô*” (1982) của Tạ Quang Bảo (Hình 6 – phụ lục 2), “*Chiến thắng Giồng Rứa*” ở Tiền Giang của Phạm Mười và Đỗ Như Cẩn...; Các công trình tưởng niệm có tượng đài “*Hoàng Phụng*” ở Thanh Hóa của Lê Đình Quý, tượng đài “*Nghĩa trang Trường Sơn*” của Minh Đình và Trịnh Dân... Công trình ca ngợi các bà mẹ, anh hùng dân tộc có tượng “*Mẹ dũng sĩ*” (1984) ở Đà Nẵng của Phạm Văn Hạng, “*Quang Trung – Nguyễn Huệ*” ở Quy Nhơn của Lưu Danh Thanh, “*Thủ khoa Huân*” (1982) ở Tiền Giang của Nguyễn Hải (Hình 8 – phụ lục 2). “*Tượng đài tưởng niệm Hàng Dương*” (1980) tại Côn Đảo của Lưu Danh Thanh (Hình 5 – phụ lục 2).

- Thành tựu về văn hóa, tư tưởng, thẩm mỹ

Đặc điểm xã hội và phong cách tạo hình

Ở thời kỳ này, nhu cầu xây dựng các công trình hoành tráng để kỷ niệm, ca ngợi những chiến thắng lịch sử của dân tộc hay tưởng nhớ đến các chiến sĩ đã hy sinh, tạo ra sự phát triển nhanh chóng việc làm tượng hoành tráng ở nhiều địa phương nhưng việc sáng tác và thể hiện các công trình hoành tráng chưa đạt được những kết quả như ý muốn.

Các công trình còn có số lượng ít (21/382 tác phẩm), hầu hết được làm với thời gian ngắn, kinh phí rất thấp mà hành lang pháp lý chưa có, nhiều công trình thường có bố cục, phong cách thể hiện giống nhau mặc dù được xây dựng ở các địa phương, vùng, miền khác nhau, chất liệu chuyên bằng bê tông cốt sắt nên chất lượng nghệ thuật bị hạn chế. Nhiều công trình được thể hiện bởi những người không có nghề nên chất lượng nghệ thuật rất kém như tượng đài “*Bác Hồ*”

ở thị xã Sa Đéc” và “Tiễn con lên đường” ở Nghĩa trang liệt sĩ huyện Lai Vung – Đồng Tháp của Nguyễn Văn Mười, tượng “Công – Nông – Binh” ở nghĩa trang liệt sĩ thành phố Cao Lãnh của Mai Lâm, tượng “Bác Hồ ở bến Ninh Kiều” của Song Văn... Hiện tượng “Bác Hồ ở thị xã Sa Đéc” đã được thay thế bằng tượng “Miền Nam trong trái tim tôi” của nhà điêu khắc Nguyễn Phước Sanh năm 1995, tượng “Bác Hồ ở bến Ninh Kiều” và tượng “Công – Nông – Binh” ở Cao Lãnh đang được các địa phương tìm giải pháp thay thế. Cũng có nhiều công trình đặt ở những không gian chưa hợp lý, hay nơi hoang vắng dẫn đến làm giảm hay mất đi tính nghệ thuật chung, như tượng đài “Chiến thắng Đèo Nhông” ở Bình Định của Trần Tía, tượng “Cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh” ở bờ Hồ Gươm Hà Nội của Nguyễn Kim Giao....

Phong cách thể hiện thời kỳ đầu còn mang nặng tính nệ thực, mô phỏng sự kiện lịch sử, tuyên truyền cổ động; bố cục và hình khối tạo hình ảnh hưởng tượng salon phóng to; chưa tìm được ngôn ngữ tạo hình thích hợp với môi trường; không có sự kết hợp đồng bộ hài hòa, qua lại giữa điêu khắc với không gian kiến trúc và cảnh quan thiên nhiên xung quanh. Tuy nhiên, càng về những năm sau, phong cách thể hiện đã có phần được cải thiện, một số tác phẩm đã mang tính giản lược, ước lệ, cách điệu, cường điệu, khái quát hóa và có ý thức chăm sóc đến môi trường kiến trúc, cảnh quan thiên nhiên khu đặt tượng, nên chất lượng nghệ thuật của các công trình hoành tráng ngày càng được hoàn thiện và nâng cao.

#### *Những thành tựu đạt được:*

Về văn hóa, tư tưởng: Tuy các công trình điêu khắc hoành tráng ngoài trời thời kỳ này còn có nhiều nhược điểm về chuyên môn nghệ thuật cũng như không gian môi trường nơi đặt tượng, nhưng thực tế các công trình đã phục vụ tốt, kịp thời công tác tuyên truyền, cổ vũ, ca ngợi những chiến công hiển hách, những tấm gương vĩ đại của các anh hùng dân tộc, đồng thời tưởng nhớ tới những chiến sĩ đã hy sinh vì sự tồn vong của đất nước tạo nên một luồng sinh khí mới làm nức lòng quần chúng trong niềm vui chiến thắng, góp phần động viên tinh thần yêu quê hương đất nước, yêu độc lập – tự do, đoàn kết toàn dân tộc quyết chiến đấu xây dựng quê hương, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ nền độc lập mà cha, ông ta đã ngã xuống để giành lại hôm nay.

Về môi trường thẩm mỹ: Phần lớn các công trình ít nhiều cũng đã tạo ra được một không gian văn hóa mới, tôn nghiêm cho các khu đô thị, khu di tích hay dân cư, nhất là các vùng nông thôn, rừng núi hẻo lánh, những khu căn cứ địa cách mạng và vùng kháng chiến xưa. Các công trình đã thành nơi hội tụ của

lịch sử văn hóa, nơi diễn ra các ngày hội lớn của dân tộc hay nơi “về nguồn” của các thế hệ trẻ, góp phần tích cực nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho cộng đồng xã hội. Mặt khác, các công trình điêu khắc hoành tráng còn là những công trình luôn hiện diện nơi không gian công cộng ngoài trời, góp phần đưa nghệ thuật mới tới quảng đại quần chúng, tạo điều kiện cho nhân dân dễ tiếp cận, dễ hiểu biết hơn và ngày một nâng cao tầm nhận thức về mặt thẩm mỹ.

#### 1.1.1.5. Giai đoạn đổi mới năm 1986 đến nay

Hoạt động mỹ thuật Việt Nam sau đổi mới

Cùng với sự đổi mới về tư duy sáng tạo và đời sống kinh tế đã ổn định ngày một tăng trưởng, cũng như mối quan hệ giao lưu với thế giới bên ngoài được mở rộng, nền mỹ thuật Việt Nam đã có những bước tiến nhảy vọt cả về chất lượng lẫn số lượng tác phẩm.

Trong triển lãm Điêu khắc Toàn quốc lần thứ III, mười năm một lần: 1983 – 1993 với số lượng tác phẩm mỗi lần một nhiều hơn, rất đa dạng phong phú và nhiều chất liệu. Đây thực sự là một cuộc biểu dương lực lượng hùng hậu của ngành điêu khắc Việt Nam. Mặc dù vắng bóng tác phẩm của nhiều cây đại thụ trong ngành nhưng bù lại có rất nhiều tên tuổi mới xuất hiện với cách nhìn, nghĩ, tư duy mới biểu hiện cuộc sống thật đa dạng, muôn màu muôn vẻ như: Đinh Rú với “*Cầu mưa*” (Gỗ - 1988), Hồng Ngọc “*Hề chèo*”, Nguyễn Luận “*Công kên*”, Phan Gia Hương “*Âm – Dương, Khát vọng*” (Gỗ 1993), Trần Hoàng Cơ “*Không gian hồi tưởng*” (Kim loại – 1993), Vũ Lợi “*Cột vũ trụ*” (Đá đồng 1993)... Trong triển lãm lần này, những tác phẩm đề cập đến mọi khía cạnh đời thường của cuộc sống. Hình thức tạo hình tuy phong phú nhưng cũng chưa thật đạt tới mức chuẩn mực để định hình ra các phong cách của từng tác giả.

Bước vào thời kỳ mở cửa hội nhập, đổi mới và phát triển, kinh tế đất nước ngày một tăng trưởng, hành lang pháp lý về thực hiện các công trình “Tượng đài, tranh hoành tráng” đã được Vụ Mỹ thuật Bộ Văn hóa – Thông tin ban hành tương đối có bài bản và được thực thi vì thế các công trình điêu khắc hoành tráng Việt Nam ngày càng đa dạng với nhiều đề tài, chất liệu, kích thước lớn và chất lượng nghệ thuật cũng ngày càng được nâng cao.

Điêu khắc hoành tráng Việt Nam với đề tài kỷ niệm và tưởng niệm

\* Công trình kỷ niệm, ca ngợi những chiến thắng của dân tộc

Các công trình điêu khắc hoành tráng kỷ niệm và ca ngợi chiến thắng của dân tộc, của địa phương được xây dựng đều khắp trong cả nước, hầu như địa phương nào cũng có, như: tượng đài “*Chiến thắng ở Tầm Vu*” tại Hậu Giang



của Nguyễn Phước Sanh, tượng đài “Chiến thắng giồng Thị Đam gò Quán Cung” ở Đồng Tháp của Phạm Mười, tượng đài “Chiến thắng Ấp Bắc” và “Chiến thắng Rạch Gầm – Xoài Mút 1784” ở Tiền Giang của Nguyễn Hải, tượng đài “Đồng khởi” ở Bến Tre của Trần Thị Chúc và nhóm tác giả, tượng đài “Chiến thắng La Ngà” ở Đồng Nai của Nguyễn Xuân Tiên, tượng đài “Chiến thắng Trà Vinh” của Nguyễn Quốc Thắng, tượng đài “Chiến thắng Kho bom Phú Thọ Hòa” ở TP Hồ Chí Minh của Phan Gia Hương, tượng đài “Chiến thắng Buôn Ma Thuột” (1996) của Trần Thanh Thanh (Hình 11 – phụ lục 2), tượng đài “Chiến thắng Biên Hòa” (1993) của Nguyễn Phú Cường (Hình 10 – phụ lục 2), tượng đài “Chiến thắng ở Tua Hai” tại Tây Ninh của Lâm Quang Nói, tượng đài “Chiến thắng Núi Thành” ở Quảng Nam của Lê Công Thành, tượng đài “Chiến thắng Chi Lăng” tại Lạng Sơn của Trần Tuy, tượng đài “Chiến thắng Điện Biên Phủ” (2004) của Nguyễn Hải (Hình 12 – phụ lục 2)...

Thành tựu của điêu khắc hoành tráng Việt Nam thời kỳ đổi mới

\* Quan điểm và phong cách thể hiện

Giai đoạn 1986 đến nay được đánh giá là một giai đoạn phát triển vượt bậc về mọi mặt: kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa và nghệ thuật của dân tộc Việt Nam.

Trong xu thế toàn cầu hóa với nền đại công nghiệp phát triển, kinh tế không ngừng tăng trưởng, các thông tin khoa học, kỹ thuật, nghệ thuật được đại chúng hóa và mở rộng, cùng với sự xuất hiện đa dạng của nhiều loại kỹ thuật chất liệu mới, đã làm cho nền điêu khắc nói chung và nghệ thuật điêu khắc hoành tráng ngoài trời Việt Nam nói riêng phát triển mạnh, đa dạng và phong phú, nhiều công trình đã mang tính ước lệ, khái quát và chứa đựng tính hoành tráng cao, mang những đặc tính riêng của dân tộc, tạo nên một bước chuyển biến tốt làm tiền đề phát triển cho những năm đầu thế kỷ XXI.

Tuy nhiên, do tâm lý dân tộc, người Việt truyền thống quan niệm: tượng phải giống thật và không đặt tượng các nhân vật được kính trọng ở ngoài trời, hứng chịu nắng mưa, sương gió mà thường đặt trong các ngôi đền, điện, chùa trang trọng uy nghi. Mặt khác, chúng ta chưa có truyền thống và kinh nghiệm làm những công trình điêu khắc lớn ngoài trời nên các công trình điêu khắc hoành tráng Việt Nam trong giai đoạn này vẫn còn đang ở những bước đi ban đầu, với phong cách thể hiện chủ đạo là hiện thực, có giản lược, cách điệu, cường điệu khối, kết hợp với các hình khối kiến trúc hay không gian cây cảnh.

- Những cống hiến đóng góp

Điều khắc hoành tráng Việt Nam giai đoạn này phát triển mạnh về lượng (Có 320/382 tổng số các tác phẩm điêu khắc hoành tráng qua các thời kỳ), rất phong phú đa dạng, với nhiều đề tài khác nhau, thể loại chất liệu tạo hình khác nhau cùng với ngôn ngữ thể hiện đa dạng trải rộng trên khắp các địa phương trong toàn quốc với mục đích ca ngợi lịch sử truyền thống đầy tranh cách mạng kiên cường của dân tộc, ca ngợi và ghi ân những anh hùng liệt sĩ, các vị lãnh tụ thiên tài của dân tộc, các danh nhân lịch sử, văn hóa hay tạo nên những biểu tượng điển hình của địa phương... Mỗi công trình thật sự đã là những trang sử vĩ đại của dân tộc, được khắc họa bằng ngôn ngữ điêu khắc hoành tráng, góp phần tích cực trong việc giáo dục truyền thống lịch sử văn hóa yêu nước, thương nòi cho các thế hệ, đồng thời là những điểm nhấn cho cảnh quan đất nước, thể hiện lòng tự hào, tự cường của dân tộc và khẳng định sự trường tồn của quốc gia.

Các công trình điêu khắc hoành tráng ngoài trời Việt Nam những năm cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI, đã tạo ra được nhiều công viên văn hóa có tính thẩm mỹ, từng bước hài hòa với không gian kiến trúc, thiên nhiên sông núi tạo nên những cảnh quan đẹp cho một số địa phương trong cả nước, là nơi hội tụ của đông đảo nhân dân trong những ngày lễ lớn của dân tộc, của địa phương hay các ngày hội truyền thống của quê hương.

Các công trình điêu khắc hoành tráng trong giai đoạn này cũng đã góp phần tích cực trong việc đưa nghệ thuật hiện đại tới với quảng đại quần chúng, làm cho nhận thức nghệ thuật của công chúng mỗi ngày một nâng cao, góp phần không nhỏ trong việc nâng cao nhận thức thẩm mỹ của cộng đồng xã hội. Đồng thời mỗi công trình còn tạo ra một không gian văn hóa mới thoáng, đẹp cho từng địa phương, mỗi vùng miền góp phần làm thỏa mãn đời sống tinh thần từng bước theo kịp với đời sống vật chất của nhân dân ngày một nâng cao.

Một vài công trình thời kỳ này: “*Tượng đài Lý Thái Tổ*” (2004) của Vi Thị Hoa ở Hà Nội (*Hình 24 – phụ lục 2*), “*Đài chiến sĩ vô danh*” (1994) của Nguyễn Hồng Ngọc – Lê Hiệp ở Hà Nội, “*Bác Hồ với thiếu nhi*” (1993) của Diệp Minh Châu (*Hình 18 – phụ lục 2*), “*Tượng đài Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Tảng*” (2005) của Mai Viết Kế - Vũ Đại Đình (*Hình 26 – phụ lục 2*).

### **1.1.2. Những vấn đề tồn tại của điêu khắc hoành tráng Việt Nam**

Điều khắc hoành tráng ngoài trời Việt Nam đã trải qua nhiều bước thăng trầm theo những biến cố, diễn biến của lịch sử dân tộc và thể hiện được vai trò của mình trong từng giai đoạn cụ thể: phục vụ tốt nhu cầu chính trị chung của xã hội và sự phát triển của lĩnh vực nghệ thuật... nhưng cũng còn nhiều mặt hạn chế, thiếu sót về không gian, kỹ thuật chất liệu cũng như bút pháp tạo hình.

### 1.1.2.1. Vấn đề nền tảng truyền thống của điêu khắc hoành tráng

- *Nền tảng điêu khắc hoành tráng truyền thống*

Ở Việt Nam, với đặc điểm là nước nông nghiệp lúa nước, còn mang nặng tư tưởng tiểu nông, cách thức làm ăn còn nhỏ lẻ, cùng với điều kiện địa lý văn hóa và sự thay đổi liên tục dòng tư tưởng của giới cầm quyền... thực tế đó đã thể hiện rất rõ trong kinh tế, xây dựng, kiến trúc đều ở dạng manh mún, vụn vặt, không có công trình lớn. Mặt khác điêu khắc hoành tráng ngoài trời không định hình rõ “chúng ta ít hoặc thậm chí không có văn hóa tượng đài cổ truyền”<sup>11</sup>, Điêu khắc ngoài trời Việt Nam truyền thống chỉ thể hiện những con vật ở trước đình chùa, lăng mộ vua chúa và không tương xứng với những công trình kiến trúc<sup>12</sup>, không có âm hưởng của nghệ thuật hoành tráng. Do đó tính “vượt không gian” và “vượt thời gian” trong điêu khắc hoành tráng chính thống coi trọng tầm tư tưởng, khát vọng, ý chí cao cả và sức lan tỏa nghệ thuật, mỗi công trình có sức mạnh tiềm ẩn mở không gian và thời gian chưa được khẳng định.

- *Điêu khắc hoành tráng Việt Nam với quá trình tiếp cận nghệ thuật tạo hình ngoài trời châu Âu hiện đại:*

Điêu khắc hoành tráng ngoài trời trên thế giới, đã xuất hiện vào giữa thế kỷ XIV và phát triển mạnh ở thế kỷ XVIII đến nửa cuối thế kỷ XX. Ở Việt Nam, điêu khắc hoành tráng ngoài trời mới xuất hiện vào cuối thế kỷ XIX và những năm đầu thế kỷ XX với những tượng có kích thước nhỏ người Pháp xây dựng trong một số công viên, vườn hoa Hà Nội. Đến năm 1925 khi trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương mở khóa học đầu tiên tại Hà Nội, nghệ thuật tạo hình Việt Nam nói chung và điêu khắc Việt Nam nói riêng bắt đầu chuyển sang một giai đoạn mới, tiếp cận với nền văn minh nghệ thuật hiện đại Châu Âu thông qua văn hóa nghệ thuật Pháp.

Sau cách mạng tháng Tám thành công, tới năm 1966, tượng đài ca ngợi về lịch sử truyền thống cách mạng đầu tiên của Việt Nam mới được xây dựng trong lửa đạn của chiến tranh và được phát triển mạnh sau ngày đất nước thống nhất năm 1975, nhất là sau thời kỳ đổi mới. Đây là bước chuyển biến của điêu khắc hoành tráng Việt Nam, một loại hình nghệ thuật thể hiện nơi công cộng. Trong quá trình sáng tạo nghệ thuật, điêu khắc hoành tráng Việt Nam ảnh hưởng nhiều phong cách tạo hình cổ điển Pháp, phương pháp tạo hình tân cổ

<sup>11</sup> Lê Văn Lan (2005), “Đôi điều về văn hoá tượng đài ở ta”, Tạp chí Mỹ thuật Hội Mỹ thuật Việt Nam, số 132 (7-2005), Tr16

<sup>12</sup> Nguyễn Du Chi (2002), “Nghệ thuật điêu khắc thế kỷ XIX”, Tạp chí văn hoá Nghệ thuật, Số 11 (221) 2002. Tr.83

điển của trường phái nghệ thuật hiện thực Liên – Xô (cũ) và các nước trong khối xã hội chủ nghĩa.

Việt Nam không có một truyền thống lịch sử tạo hình điêu khắc hoành tráng ngoài trời mà nó được du nhập vào Việt Nam khoảng một thế kỷ và được tiếp biến gần nửa thế kỷ nay. Có thể nói đây là loại hình nghệ thuật mới đang thể hiện những bước đi ban đầu đầy khó khăn, thử thách trong điều kiện đất nước ta hiện ở thời điểm vượt nghèo, vì thế chắc chắn còn rất nhiều mặt hạn chế về chuyên môn, nhân lực, chi phí, về quản lý và các giải pháp thực hiện.

#### *1.1.2.2. Những hạn chế về trình độ chuyên môn, nhân sự và cách tổ chức thực hiện công trình*

Điêu khắc hoành tráng ngoài trời Việt Nam xuất hiện vào giữa thập niên 60 của thế kỷ XX và phát triển mạnh sau ngày đất nước thống nhất, trong điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, chịu ảnh hưởng nặng của lối sống bao cấp, trong khi đó các công trình điêu khắc hoành tráng thường có kích thước, không gian lớn và nhiều hạng mục rất tốn kém... Vì thế, công trình điêu khắc hoành tráng ở nước ta còn ít và cũng có rất ít công trình đạt được tính hoàn chỉnh. Các công trình hầu hết đều đạt được tính nội dung, nhưng hình thức tạo hình chưa cao, nhất là chưa có sự hỗ trợ đồng bộ, hài hòa của ánh sáng, kiến trúc và không gian cây xanh. Mặt khác, việc thực hiện tác phẩm điêu khắc hoành tráng là một quá trình kết hợp sáng tác, thể hiện nhiều hạng mục công trình, với nhiều đơn vị ngành nghề tham gia nên cũng có rất nhiều nguyên nhân đưa đến những hạn chế.

- *Hạn chế về mặt chuyên môn*

Ngay tại TP.Hồ Chí Minh, một trung tâm văn hóa thương mại của cả nước, nhưng một số công trình tượng đài cũ và mới đang là vấn đề bức xúc của giới chuyên môn: nhiều công trình tượng đài được thực hiện trước năm 1975 có chủ đề nội dung ca ngợi những anh hùng dân tộc còn phù hợp với thời đại ngày nay như tượng đài “*Trần Hưng Đạo*”, “*Thánh Gióng*”, “*Lê Lợi*”, “*Phan Đình Phùng*”..., nhưng hình thức thể hiện bố cục, bút pháp quá nghèo nàn, tay nghề chuyên môn yếu thậm chí sai cả tỷ lệ cơ bản của cấu tạo con người, không thể hiện được chất hoành tráng, chất anh hùng ca, chất nhân văn của dân tộc.

Có những tượng đài về nội dung phong cách thể hiện, nhưng đặt sai chỗ hoặc không phù hợp với không gian kiến trúc và cảnh quan xung quanh nên cũng làm giảm hoặc mất đi tính nghệ thuật của tác phẩm như tượng đài “*Cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh*” ở bờ hồ Gươm Hà Nội, tượng đài “*Đấu tranh của Công nhân*” ở ngã Bảy đường Lê Hồng Phong TP.Hồ Chí Minh.

Đi một lộ trình từ Bắc vào Nam có thể thấy khá nhiều công trình tượng đài na ná giống nhau về nội dung, về bố cục cũng như bút pháp thể hiện, mặc dù tượng đài đó được đặt ở nhiều địa phương khác nhau, với nhiều tác giả khác nhau. Phần lớn các tượng đều có bố cục ba hoặc năm nhân vật ở tư thế chính diện, đầu, cổ và thân trùng nhau, hướng của mặt và thân cùng trên một trục thẳng đứng nên tượng bị cứng đờ và thiếu sinh động, một số công trình ca ngợi danh nhân, anh hùng dân tộc thì đều có điệu bộ, cử chỉ, hình dáng gần giống nhau.

Có nhiều công trình bơ vơ giữa trời đất, không có công viên, cây xanh, không lối vào. Hay có những công trình quá nhỏ bé, kích thước không phù hợp, lọt thỏm giữa không gian mênh mông. Nhiều công trình quá coi trọng vào hình thức thể hiện, xem nhẹ nội dung khiến người xem cảm thấy gượng ép, ngược lại có những công trình quá câu nệ vào nội dung dẫn đến mô phỏng, sao chép lại sự kiện làm cho công trình mất đi tính thẩm mỹ hoặc rơi vào hình thức nghệ thuật tầm thường. Những công trình đạt được tất cả về nội dung, hình thức nhưng không phù hợp với hướng ánh sáng, dẫn đến công trình không phát huy hết được hiệu quả về mặt thẩm mỹ, thậm chí còn làm cho người xem hiểu sai, lệch về ý tưởng, nội dung tư tưởng của tác phẩm.

Các công trình điêu khắc hoành tráng Việt Nam hiện nay có khoảng 500 tác phẩm lớn nhỏ, qua khảo sát cho thấy trên 50% là đạt chất lượng nghệ thuật từ trung bình trở lên, có rất ít công trình đạt tiến độ hoàn mỹ về mọi mặt từ nghệ thuật đến cảnh quan kiến trúc bao quanh. Chúng ta cũng còn thiếu một môi trường xã hội, một bộ phận lớn công chúng có khả năng cảm thụ hình tượng nghệ thuật của các tác phẩm điêu khắc hoành tráng.

- *Hạn chế về mặt nhân sự và cách tổ chức thực hiện công trình*

Hiện nay, Việt Nam còn thiếu nhiều nhà điêu khắc hoạt động trong lĩnh vực điêu khắc hoành tráng và không được đào tạo bài bản. Nhiều công trình tượng đài đã được xây dựng nhưng không thật hiểu rõ ngôn ngữ tạo hình hoành tráng và thực sự lúng túng khi thể hiện loại nghệ thuật này.

Các công trình xây dựng, theo kiểu phong trào tự phát<sup>13</sup>, thời vụ, gấp rút và nhiều công trình đã không đạt thoe yêu cầu do chính những gấp rút đó<sup>14</sup>. Thành phần mời dự thi không được chất lọc nên có nhiều nhà điêu khắc có khả năng chuyên môn cao không được tham gia, ngược lại “có những người chưa bao giờ

<sup>13</sup> Nguyễn Thái Lai (2000), “*Điêu khắc hiện đại Việt Nam*”, Kỷ yếu Hội thảo Mỹ thuật Việt Nam thế kỷ 20, NXB Mỹ thuật, Hà Nội

<sup>14</sup> Lưu Thanh Danh (2006), “*Trăn trở về tượng ngoài trời của những nhà điêu khắc Hà Nội*”, Mỹ thuật Nhiếp Ảnh – đặc san của Vụ Mỹ thuật và Nhiếp Ảnh – Bộ văn hoá – Thông tin, số 3 (8/2006), Tr. 4

làm tượng cũng đứng ra làm tượng đài, không trực tiếp thì nhận thầu... nên không tránh khỏi đây có những hạt sạn”<sup>15</sup>.

Sự phối hợp ngay từ đầu giữa điêu khắc, kiến trúc, xây dựng và các ngành có liên quan chưa được chặt chẽ, “nên tính hoàn chỉnh của quần thể kiến trúc, môi trường thiên nhiên xung quanh tượng đài bị hạn chế”<sup>16</sup>.

Chất lượng tượng đài phụ thuộc vào chất lượng hội đồng<sup>17</sup>. Theo quy chế xây dựng tượng đài tranh hoành tráng thì Hội đồng đã được quy định rõ là 2/3, nhưng thực tế không như vậy. Nhà điêu khắc Tạ Quang Bảo cho rằng “*chất lượng thấp của tượng đài là do chất lượng tuyển người vào Hội đồng mà ra*”<sup>18</sup>.

Tượng đài không phải là công trình xây dựng cơ bản thuần túy, đấu thầu giản đơn nên nhiều tượng đài xấu, không đảm bảo chất lượng nghệ thuật. “*Nghệ thuật khác biệt các ngành nghề khác là cần có cá tính, dấu ấn của tác giả; Tác giả này là tư duy của bác học, tác giả khác là tư duy của dân gian*”<sup>19</sup>.

Với nguồn kinh phí hạn hẹp các công trình hầu hết được làm bằng bê tông cốt thép, có một số công trình được chuyển ra chất liệu đồng, đá thì lại không được như ý muốn, thậm chí có công trình đạt được 60 – 70% so với phác thảo ban đầu. Nhiều công trình khi phác thảo đã được chọn ở giai đoạn phóng lớn, chuyển ra chất liệu đã bị áp dụng quy chế “đấu thầu” của xây dựng cơ bản, mà người trúng thầu lại là một đơn vị thi công khác, tác giả không được tham gia và không được “*chăm sóc cho chính đứa con tinh thần mình đã sinh ra*”. Điều đó đã làm sai lệch ý tưởng ban đầu của tác giả và giảm đi đáng kể chất lượng nghệ thuật của các tác phẩm.

### *1.1.2.3. Những bất cập về không gian tổng thể điêu khắc – kiến trúc và cảnh quan môi trường*

Như kiến trúc sư Hoàng Đạo Cung (Tổng thư ký hội Kiến trúc sư Việt Nam) đã đưa ra một nhận định: “*Thành công của tượng đài bao gồm 50% ở cái mệnh mang bao quanh, 25% khối hình tượng đài, 25% ở chất liệu hình khối*

<sup>15</sup> Dương Đăng Cẩn (2006), “*Hãy tiếp tục xây dựng tượng đài cho ngày mai*”, Mỹ thuật nhiếp ảnh – Đặc san của Vụ Mỹ thuật và Nhiếp ảnh Bộ Văn hoá – Thông tin, Số 3 (8/2006), Tr.7

<sup>16</sup> Đặng Văn Bài (2000), “*Vài suy nghĩ về xây dựng tượng đài*”, Tạp chí Văn hoá nghệ thuật, Số 11 (197) 2000. Tr. 79

<sup>17</sup> Hàn Tất Ngan (2005), “*Chất lượng tượng đài phụ thuộc vào chất lượng Hội đồng*”, Tạp chí Mỹ thuật Hội Mỹ thuật Việt Nam, Số 132(79) 2005. Tr.12

<sup>18</sup> Vũ Lâm (2006), “*Tượng vườn sẽ thay thế tượng đài*”, Báo thể thao và văn hoá Thông tấn xã Việt Nam, Số 56 (1814), Tr36

<sup>19</sup> Tạ Quang Bảo (2006) Minh Hạnh thực hiện, “*Đề án xây dựng tượng đài tốt cần các nhà điêu khắc có trình độ và uy tín*”, Mỹ thuật Nhiếp ảnh – đặc san của Vụ Mỹ thuật và Nhiếp ảnh Bộ Văn Hoá – Thông tin, số 3 (8/2006). Tr.10

điều khắc”<sup>20</sup>. Như vậy, vai trò của không gian cảnh quan bao quanh tác phẩm điêu khắc hoành tráng là một thành tố rất quan trọng trong tổng thể chung của công trình. Điêu khắc hoành tráng Việt Nam hiện nay, sự kết hợp giữa điêu khắc – kiến trúc với môi trường thiên nhiên cần còn nhiều hạn chế và bất cập.

- *Những công trình trong nội đô thành phố*

Nghệ thuật điêu khắc hoành tráng ngoài trời ở đô thị không chỉ đóng vai trò như một công trình điêu khắc độc lập riêng biệt, hay phóng lớn, thật lớn những tượng trong nhà ra công viên, mà phải được coi là giải pháp không gian đô thị, gạch nối giữa không gian thiên nhiên với phố phường, nhà cửa. Các tác phẩm điêu khắc hoành tráng, phải thể hiện được vai trò là *“tiêu điểm, điểm nhấn không gian cảnh quan đô thị, chiếm lĩnh không gian bằng chính hình khối và chất liệu bản thân tượng đài”*<sup>21</sup>.

Hiện nay nhiều trung tâm đô thị nước ta đã công bố những quyết định phê duyệt quy hoạch điều chỉnh thành phố, thị xã tới năm 2030, với hàng loạt những chi tiết khu văn hóa du lịch, thể thao hay khu đô thị mới, thế nhưng việc quy hoạch hệ thống các công trình điêu khắc hoành tráng trong đô thị vẫn chưa được các nhà hoạch định quan tâm đúng mức. Điêu khắc hoành tráng trong đô thị chỉ được nghĩ đến khi cần tới trong những thời điểm cấp thiết, theo lối khi thấy cần thì mới “gọi”, chọn phác thảo trước khi chọn vị trí đặt tượng hay các nhà điêu khắc, các nhà lịch sử, văn hóa cứ loay hoay, lúng túng đi tìm thấy đất trống để cố gắng đặt từng tượng, từng đài riêng lẻ. Điều đó đã xảy ra tình trạng tượng đài thiếu phong, thiếu không gian, thiếu khoảng cách cần thiết cho người xem chiêm ngưỡng (như tượng: *“Cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh”* ở đền Bà Triệu, *“Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”* ở vườn hoa Hàng Đậu, tượng đài Lý Thái Tổ ở vườn hoa Lý Thái Tổ (Hà Nội)...; hay công trình tượng đài Quang Trung tại Gò Đống Đa và tượng Chiến Thắng Ngọc Hồi ở Hà Nội). Những công trình trên đều không có không gian kiến trúc phụ trợ cho cảnh quan, mà bao quanh là cây cao, chợ búa, nhà cửa, hàng rong cùng rác rưởi lấn chiếm. Tại thành phố Hồ Chí Minh cũng vậy, nhiều công trình tượng đài đã xây cũ và mới đang là *“những bức xúc của giới chuyên môn”*, *“công tâm mà nói, cũng có nhiều tượng chưa đạt yêu cầu và cũng có nhiều tượng đạt chất lượng khá tốt, mặc dù xét về mặt*

<sup>20</sup> Ngô Huy Giao (2004), *“Kiến trúc với tượng đài Hà Nội còn thiếu một quy hoạch thống nhất”*, Tạp chí Văn hoá nghệ thuật, số 8 (242) 2004, Tr.62

<sup>21</sup> Ngô Huy Giao (2004), *“Kiến trúc với tượng đài Hà Nội còn thiếu một quy hoạch thống nhất”*, Tạp chí Văn hoá nghệ thuật, số 8 (242) 2004, Tr.62

không gian tổng thể thì vẫn chưa tạo được sự hoàn chỉnh”<sup>22</sup>. Diện tích mặt bằng hết sức khiêm tốn, không vườn hoa, cây xanh, trong không gian khô khan với lô nhô những khối nhà đa phong cách thiếu quy hoạch.

- *Các công trình ở các khu di tích lịch sử và các vùng ngoại vi thành phố*

Cũng như các công trình trong đô thị, tượng đài, tranh hoành tráng ở hầu hết các khu di tích lịch sử văn hóa ngoại vi thành phố dùng để kỷ niệm, tưởng niệm đều ở tình trạng không có quy hoạch tổng thể hài hòa giữa kiến trúc – điêu khắc và cảnh quan. Nhiều công trình lại nằm ở những khu vực không có dân cư sinh sống, đó là những nơi xảy ra sự kiện mang tính lịch sử, nên các công trình sau khi được khánh thành ít được quan tâm đúng mức, không tu sửa định kỳ...và sương gió của thời gian đã làm cho công trình ngày càng xuống cấp.

Chính những lý do trên đã làm cho các công trình điêu khắc hoành tráng Việt Nam vốn đã có nhiều mặt hạn chế lại càng bị hạn chế thêm. “Tượng đài dựng lên không chỉ có tượng và đài, không gian kiến trúc bao quanh khoảng 50% do vậy không vội vàng nhiều, nhưng đã dựng lên là phải thực hiện kỹ được cho cái 50% sau”<sup>23</sup>.

#### **1.1.2.4. Những hạn chế về phong cách tạo hình**

Có nhiều ý kiến cho rằng: Ở đâu chúng ta cũng thấy có tượng đài, nhưng hầu như chỉ có một kiểu làm, một phong cách điêu khắc, một hình tượng chung”, như là “rập khuôn” hay “được tạo ra bởi chỉ một nhà điêu khắc”<sup>24</sup>. Điều đó đang là một vấn đề nan giải của điêu khắc hoành tráng Việt Nam hiện nay, với nhiều nguyên nhân chi phối.

- *Quan điểm xã hội chi phối phong cách tạo hình*

Đường lối sáng tác của văn học nghệ thuật của Việt Nam theo chủ đạo của Đảng, tiếp thu ảnh hưởng của phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa của Liên – Xô (cũ), Trung Quốc và các nước trong khối xã hội chủ nghĩa, trở thành kim chỉ nam cho mọi hoạt động sáng tạo văn học nghệ thuật trong thời gian dài, nhất là lĩnh vực nghệ thuật hoành tráng, một loại hình nghệ thuật phục vụ tuyên truyền nơi công cộng.

Mặt khác, mỹ thuật phong trào, cổ động vốn là một diện mạo riêng biệt và cần thiết ở Việt Nam trong những năm tháng chiến tranh trường kỳ kháng Pháp

<sup>22</sup> Uyên Huy (2000), “Các tượng đài thành phố Hồ Chí Minh và những bức xúc của giới chuyên môn”, Tạp chí Mỹ thuật Thời nay của Hội Mỹ thuật Việt Nam, số 25 (1-2000). Tr 44 -45

<sup>23</sup> Nguyễn Ngọc Dũng (1979), “Nghệ thuật ngoài trời”, Tập san Câu lạc bộ Học thuật Trường Cao đẳng Mỹ Thuật Việt Nam. Tr.69

<sup>24</sup> Trinh Cung (2006), “Tượng đài và không gian mỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh”, Kỷ yếu hội thảo khoa học Điêu khắc ngoài trời Việt Nam hiện đại, NXB Mỹ thuật, Hà Nội



và chóng Mỹ, vẫn tiếp tục phát triển theo bề rộng trong thời bình, nhất là những năm đầu sau giải phóng 1975-1985. Quan điểm này ảnh hưởng không nhỏ tới cách tạo hình các công trình điêu khắc hoành tráng, với nhiều yếu tố cổ động, đơn điệu trong sáng tạo hình khối, mang tính chất chạy đua theo phong trào, sự kiện mà chưa quan tâm đến chất lượng nghệ thuật của công trình.

- *Sự hạn chế của tác giả trong nghiên cứu và sáng tạo*

Hầu hết các tác giả thực hiện các công trình tượng đài chưa được đào tạo về những điều cần thiết cơ bản của nghệ thuật hoành tráng, có nhiều tác giả không phải nhà điêu khắc, nên chưa từng nghiên cứu, trải nghiệm về lĩnh vực hoành tráng. Phương pháp tư duy của các nhà điêu khắc còn chịu ảnh hưởng lối tư duy cũ của nền kinh tế tiểu nông, chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của môi trường nên thường áp đặt những suy nghĩ chủ quan của mình vào thiên nhiên, tạo dựng những công trình gây phản cảm trong môi trường sống.

Cách làm tượng minh họa sự kiện đang là vấn đề phổ biến hiện nay trong các công trình điêu khắc Việt Nam, sự ôm đồm nội dung, thiếu đầu tư nghiên cứu hình tượng điển hình, những hình khối đặc trưng làm cho tượng mất đi sức sống, không truyền tải được những cảm xúc cần thiết tới công chúng. Cùng với cách thể hiện hình khối một kiểu vạt mảng cho mọi công trình, mọi nhân vật mà giới chuyên môn gọi là “*phong cách đặc thù của tượng đài*” hay “*cường điệu*” quá mức làm biến dạng hình thể con người, đã làm hầu hết các công trình bị khô khan, đơn điệu, xa lạ không có sức truyền cảm với người xem.

#### *1.1.2.5. Những hạn chế về kinh tế và kỹ thuật*

- *Những hạn chế về kinh tế*

Để hạn chế tối đa của sự tốn kém kinh phí, nhiều công trình thi công đã bỏ qua nhiều giai đoạn cần thiết, thể hiện theo phương pháp dân gian đắp thẳng nên không đảm bảo về mặt chất lượng nghệ thuật cũng như thẩm mỹ.

Nhiều công trình tương đối đạt về mặt nội dung, chất lượng nghệ thuật, nhưng lại được làm bằng chất liệu bê tông rẻ tiền và không có kinh phí thực hiện các hạng mục kiến trúc phụ trợ, công viên, cây xanh, hay có những công trình bị lãng quên nhiều năm không được chăm sóc tu bổ, bảo trì,... đã làm giảm đi đáng kể chất lượng nghệ thuật và chất hoành tráng chung của công trình.

- *Những hạn chế về kỹ thuật*

Đồng thời với những hạn chế về kinh phí thi công, sự hạn chế về mặt kỹ thuật thể hiện cũng ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng của công trình. Hiện nay trong quá trình phóng tượng, cũng như việc chuyển ra chất liệu đồng, đá, giới điêu khắc vẫn thực hiện chủ yếu theo phương pháp thủ công trong những

điều kiện mặt bằng hết sức hạn hẹp, thiếu không gian tầm nhìn, không có độ lùi thích hợp để quán xuyên tổng thể, nên các tỷ lệ, kích thước sai lệch khá nhiều.

Một số tác giả không có kinh nghiệm, am hiểu về kỹ thuật chất liệu cùng với lực lượng thi công chuyên chất liệu là những nghệ nhân, thợ đục đá, không được đào tạo cơ bản về nghệ thuật, nên nhiều công trình khi chuyển ra chất liệu đá, đồng chỉ còn đạt được 60-70% chất lượng nghệ thuật so với phác thảo ban đầu, thậm chí bị hư hại trầm trọng, như tượng đài “*Chiến thắng Điện Biên Phủ*”...

Như vậy, công trình điêu khắc hoành tráng Việt Nam hiện nay còn nhiều bất cập, chưa tạo được sự thỏa mãn với công chúng và làm bức xúc giới chuyên môn. Nguyên do không chỉ dừng lại ở nhà điêu khắc, mà nó còn bị chi phối, ràng buộc bởi nhiều cơ chế xã hội, điều kiện kinh phí, thị hiếu thẩm mỹ và sự hợp tác của các ngành, nhất là sự phối hợp thiếu đồng bộ giữa điêu khắc – kiến trúc và quy hoạch. Do vậy cần có một sự hợp tác tích cực mang tính pháp lý và đồng bộ hơn của các ngành, các cấp từ trung ương đến địa phương; cần làm từng bước, từng vụ việc, đồng thời cần có một nghiên cứu khoa học cho sự phát triển quy hoạch tổng thể lâu dài về nhân sự cũng như chiến lược phát triển nghệ thuật hoành tráng Việt Nam trong tương lai.

### **1.1.3. Xu hướng phát triển điêu khắc hoành tráng Việt Nam**

#### **1.1.3.1. Nhu cầu của xã hội với nghệ thuật điêu khắc hoành tráng.**

- *Nhu cầu tái hiện những sự kiện vĩ đại lịch sử của dân tộc.*

Lịch sử dân tộc Việt Nam là lịch sử của một dân tộc anh hùng, với khoảng 4.000 năm dựng nước và giữ nước. Từ thời lập nước đến nay, dân tộc ta hầu như chưa có một thời gian thái bình lâu dài, mà luôn đương đầu chống lại những đội quân xâm lược vào loại mạnh nhất thế giới, vì thế ý thức dân tộc nảy nở rất sớm và ngày càng sâu sắc. Tinh thần tự lập tự cường, ý chí giành độc lập, tự do ngày càng phát huy và thấm sâu vào mỗi người dân Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử của dân tộc. Truyền thống anh hùng, bất khuất, vẻ vang của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, những tấm gương anh hùng, những chiến công oanh liệt thời nào cũng có.

Trong những chiến công hiem hách ấy ở từng thời điểm của dân tộc đã có biết bao những sự kiện vĩ đại, những anh hùng dân tộc, những lãnh tụ thiên tài, những tấm gương hy sinh cao cả “*vì nước quên thân, vì dân phục vụ*” làm nức lòng dân tộc, chấn động địa cầu. Đó là nguồn tư liệu, nội dung phong phú, những sự kiện, bài học lịch sử vô cùng vô giá cần được thể hiện trong các loại hình nghệ thuật nói chung và điêu khắc hoành tráng nói riêng nhằm kỷ niệm,

tôn vinh và truyền đạt lại cho thế hệ sau về truyền thống kiên cường dựng nước, giữ nước của cha ông, đồng thời cũng giới thiệu với các dân tộc trong khu vực và trên thế giới những trang sử vẻ vang, hào hùng là niềm tự hào của khí phách dân tộc Việt Nam. Đây cũng chính là một hình thức bảo tồn truyền thống văn hóa, lịch sử dân tộc học xu thế hội nhập và toàn cầu hóa, góp phần vào việc giữ gìn và xây dựng một nền văn hóa nghệ thuật Việt Nam “*tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*”, “*Trong các ngành nghệ thuật ở Việt Nam, điêu khắc chưa phải là một ngành mạnh nhưng nhất định phải phát triển để phục vụ cho yêu cầu tôn vinh và tưởng niệm những kỳ tích của dân tộc*”<sup>25</sup>.

- *Nhu cầu phát triển không gian văn hóa cộng đồng*

Trong sự nghiệp đổi mới, cùng với quá trình hội nhập, mở cửa, phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đầu tư của các nước vào Việt Nam gia tăng, cùng với sự tăng trưởng liên tục của kinh tế đất nước đã hình thành nhiều khu công nghiệp, xây dựng nông thôn mới đô thị văn minh, những vùng kinh tế trọng điểm, kéo theo sự gia tăng lực lượng công nhân, trí thức và sự phát triển mở rộng, cải tạo, hình ảnh nhiều trung tâm đô thị mới. Những quy hoạch cải tạo, phát triển đô thị hiện nay tất nhiên sẽ nảy sinh nhu cầu xây dựng, cải tạo không gian văn hóa nghệ thuật cộng đồng tương xứng tạo nên cảnh quan và những điểm nhấn cần thiết cho một đô thị hiện đại. Đồng thời với quan điểm của Đảng: “*Xây dựng môi trường, lối sống, đời sống văn hóa cho mọi người dân ở cơ sở...*” và “*Tiếp tục đầu tư cho việc bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử và di sản văn hóa*”<sup>26</sup> với mục đích ngày một nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của toàn dân tộc. Nhiều công trình lịch sử văn hóa nghệ thuật, điêu khắc hoành tráng đã được Nhà nước đầu tư và đang tiếp tục được đầu tư xây dựng ở khắp mọi miền đất nước từ thành thị đến nông thôn, từ hải đảo xa xôi đến miền núi cao nơi chiến khu xưa.

Trong các trung tâm đô thị

Ở các nước tiên tiến trên thế giới, điêu khắc ngoài trời là một thành phần không thể thiếu trong không gian văn hóa cộng đồng, nó không chỉ đóng vai trò làm đẹp những điểm nhấn cần thiết để tô điểm cho đô thị mà còn thể hiện trình độ dân trí, trình độ phát triển và văn minh của đô thị ấy. Chúng có thể là những công trình điêu khắc hoành tráng hay tượng công viên, thường được đặt tại các quảng trường, trong các vườn hoa, công trình công cộng để kỷ niệm, tưởng

<sup>25</sup> Hà Minh Đức (2005), *Một nền văn hoá văn nghệ đậm đà bản sắc dân tộc và nhiều loại hình nghệ thuật phong phú*, NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội. Tr.155

<sup>26</sup> Ban Tư tưởng – Văn hoá Trung Ương (2006), *Tài liệu học tập Nghị quyết Đại Hội X của Đảng*, NXB Chính trị Quốc Gia, Hà Nội. Tr.56

niệm, tôn vinh hay ở những vị trí là điểm nút, điểm nhấn làm đẹp cho cảnh quan đô thị, thể hiện các đề tài mang dấu ấn lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội, khoa học kỹ thuật của đô thị đó tạo nên những nét riêng của từng thị xã, thành phố, từng vùng, từng miền và khẳng định sự trường tồn của quốc gia.

Trong quá trình phát triển đô thị hiện nay, nhất là các khu đô thị mới, các nhà quy hoạch, kiến trúc đã có cách nhìn hiện đại, luôn quan tâm đến khoảng không gian văn hóa cộng đồng từng khu vực, các công viên, vườn hoa, những quảng trường, những trục chính “tâm đạo” của đô thị... đó là những không gian lý tưởng cho việc xây dựng các công trình điêu khắc hoành tráng trong tương lai. Mặt khác, trong quá trình hội nhập, giao lưu văn hóa toàn cầu được thực hiện bằng nhiều con đường và phương tiện khác nhau, tạo cho trình độ thẩm mỹ của người dân được nâng lên và nhu cầu hưởng thụ văn hóa nghệ thuật ngày càng cao, đòi hỏi các đô thị phải có nhiều các trung tâm văn hóa cộng đồng, những công viên văn hóa nghệ thuật, những công trình điêu khắc tâm cỡ tương xứng với sự phát triển của đời sống vật chất và tinh thần của toàn xã hội. “Việc quy hoạch mỗi quận có một công viên văn hóa; trong đó vườn hoa, cây xanh, thảm cỏ, hồ nước và tượng đài là không thể thiếu với tính chất là “lá phổi xanh”, là nơi vui chơi giải trí và thư giãn của cư dân đô thị”<sup>27</sup>.

Ở các vùng nông thôn vùng sâu, vùng xa

Với quan điểm đưa văn hóa về mọi người dân ở cơ sở và “làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực đời sống của xã hội” đồng thời với truyền thống ngàn đời của dân tộc “uống nước nhớ nguồn”, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta luôn quan tâm đến việc đền ơn, đáp nghĩa, xây dựng và tôn tạo các nghĩa trang liệt sỹ, khu tưởng niệm, kỷ niệm các anh hùng dân tộc, những người có công với nước; phát triển khu du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí vùng, miền hay phát triển mở rộng những khu di tích lịch sử văn hóa; phát triển mở rộng giao thông, bê tông hóa đường nông thôn, xây dựng các trường học, trung tâm y tế, bưu điện văn hóa xã, đưa Internet về các vùng sâu vùng xa, không ngừng tăng cường cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn, vùng chiến khu xưa, tạo nhiều khu công viên văn hóa mang tính cộng đồng...

Chính những nhu cầu cấp thiết đó của không gian văn hóa cộng đồng ở các đô thị mới, cũng như ở vùng nông thôn, chiến khu xưa, đã đòi hỏi cần phải có những công trình điêu khắc hoành tráng làm điểm nhấn mang ý nghĩa lịch sử văn hóa để kỷ niệm, tưởng niệm, tôn vinh những sự kiện lịch sử, những anh

<sup>27</sup> Nguyễn Anh Tuấn (2006), *Biến đổi văn hoá đô thị Việt Nam hiện nay*, NXB Văn hoá Thông tin và Viện Văn Hoá Hà Nội. Tr 229

hùng dân tộc, hay những biểu tượng ca ngợi thành tích, những đặc thù của từng đô thị, từng vùng miền, từng địa phương. Điều khắc hoành tráng, một loại hình nghệ thuật ngoài trời, hiện diện ở nơi công cộng, luôn chứa đựng những nội dung, tư tưởng lớn của thời đại, là bộ mặt của cảnh quan đô thị, vùng trọng điểm nông thôn và khẳng định sự hùng cường, trường tồn của quốc gia, thật sự là một nhu cầu cần thiết, không thể thiếu trong quá trình phát triển, dựng xây đất nước. “*Tượng đài một trong những tiêu chí quan trọng đối với một thành phố văn hóa*”<sup>28</sup>.

#### *1.1.3.2. Xu hướng tiếp cận các chuẩn mực điêu khắc hoành tráng thế giới*

Trong sự nghiệp đổi mới hiện nay, xu hướng giao lưu tiếp biến văn hóa nghệ thuật nói chung và điêu khắc hoành tráng nói riêng là một nhu cầu cấp thiết của quá trình hội nhập, toàn cầu hóa kinh tế. Giao lưu văn hóa nghệ thuật là quá trình tiếp biến giữa yếu tố nội sinh và yếu tố ngoại sinh, vừa mang lại những tác động tích cực, đồng thời cả những ảnh hưởng tiêu cực: Yếu tố ngoại sinh tác động vào cái nội sinh ở các mức độ khác nhau, trong từng thời điểm lịch sử cụ thể, tạo nên yếu tố tích cực đóng vai trò thúc đẩy quá trình biến đổi cách nghĩ, cách làm về văn hóa nghệ thuật đô thị ở Việt Nam, dần lan tỏa ra các vùng vành đai, làng quê, trong đó có lĩnh vực điêu khắc, đặc biệt với loại hình điêu khắc hoành tráng luôn được hiện diện ở không gian công cộng ngoài trời.

Điêu khắc hoành tráng ngoài trời ở dạng hình khối kiến trúc – điêu khắc, thường thể hiện những khối kiến trúc hiện đại vươn cao (dạng trụ biểu), đơn giản kết hợp với sự điểm xuyên của điêu khắc, dùng làm biểu tượng của một thành phố, một vùng, một quốc gia hay một sự kiện trọng đại của khoa học, văn hóa, lịch sử, niềm khát vọng vươn tới của cuộc sống, như đài – tượng đài Không gian ở Moscow (Nga), tháp Bút chì tại Washington ở Mỹ và một số công trình tương tự khác ở các nước trên thế giới,...

Trong xu thế hội nhập và phát triển, điêu khắc hoành tráng Việt Nam đang từng bước tiếp cận ngày càng gần và tiến tới hòa vào dòng chảy chung của điêu khắc hoành tráng nhân loại. Các dạng thức trên cũng là xu hướng phát triển trong từng thập niên đầu thế kỷ XXI của nghệ thuật điêu khắc hoành tráng Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội theo hướng “*công nghiệp hóa và hiện đại hóa*” đất nước. Các dạng thức này cũng đã xuất hiện ở một số công trình hoành tráng ở nước ta nhưng quá trình thực hiện chưa thật bài bản, với cách tạo hình gần như có một kiểu theo phong cách tả thực cách tân như:

<sup>28</sup> Lưu Trọng Hải (2002), “*Đó là những chiến tích hào hùng của dân tộc*”, Tạp chí Mỹ thuật Hội Mỹ thuật Việt Nam, Số 40 (8-2001). Tr.12

tượng Lý Thái Tổ ở Hà Nội; tượng Bác Hồ ở thành phố Vinh và Cao Bằng, tượng Trần Hưng Đạo ở Nam Định và Trần Hưng Đạo ở Hải Dương... Ở dạng biểu tượng có: biểu tượng “*Hồn thiêng đất nước*” ở Củ Chi; biểu tượng “*Đoàn kết các dân tộc*” ở Sóc Trăng; biểu tượng tỉnh Cà Mau, biểu tượng tỉnh Gia Lai... Dạng thức này hiện Việt Nam chưa xây dựng được nhiều và những công trình đã làm còn nhiều hạn chế như: mang nặng tính cổ động nghệ thuật, ôm đồm sự kiện, kể lể,... Trong tương lai chắc chắn các công trình ở dạng này sẽ được phát triển mạnh với lối tạo hình đơn giản cô đọng, hiện đại hơn trong những trung tâm đô thị mới hay các khu công nghiệp, những đặc thù kinh tế trọng điểm,...cho phù hợp với cảnh quan môi trường, sự phát triển ngày càng cao về dân trí, đời sống kinh tế, văn hóa của đất nước, đồng thời hòa nhập vào dòng chảy nghệ thuật không gian chung của khu vực và thế giới.

### *1.1.3.3. Xu hướng hòa hợp đồng bộ điều khắc hoành tráng và không gian công cộng*

Trong xu thế toàn cầu hóa, việc bảo tồn bản sắc dân tộc đòi hỏi mỹ thuật môi trường nói chung và điêu khắc hoành tráng ngoài trời nói riêng, phải giải quyết hai vấn đề lớn, đó là: Con người với thiên nhiên cùng tồn tại và hòa hợp vào sự phát triển; sự tác động của tiến bộ khoa học kỹ thuật không làm mất đi tính nhân văn vốn có của truyền thống dân tộc.

Sự bùng nổ hàng loạt các khu trung tâm công nghiệp, đô thị mới hiện đại Việt Nam, đã hình thành nhiều công viên, không gian văn hóa lớn cho cộng đồng. Đồng thời với quá trình hội nhập, Việt Nam sẽ chịu tác động đáng kể những tác phẩm, quan niệm, những trào lưu nghệ thuật, những phong cách tạo hình điêu khắc hoành tráng mới, làm cho bộ mặt mỹ thuật nói chung và điêu khắc hoành tráng Việt Nam nói riêng có nhiều biến đổi hiện đại hơn, theo trào lưu chung của khu vực và toàn cầu. Sự hòa hợp của tác phẩm điêu khắc hoành tráng với không gian kiến trúc, con người, cảnh quan thiên nhiên, là một yếu tố mạnh của điêu khắc truyền thống xưa và nay của dân tộc sẽ là một xu hướng tất yếu trong giai đoạn tới của nghệ thuật điêu khắc hoành tráng Việt Nam.

Phù hợp giữa tác phẩm điêu khắc với cảnh quan kiến trúc, thiên nhiên, hiện đang được các nhà quy hoạch và những ngành có trách nhiệm quan tâm đúng mức. Đã có nhiều ý kiến đồng quan điểm: “*Quy hoạch hệ thống tượng đài trong đô thị hiện nay cần được coi trọng như một bộ phận cấu thành trong quy hoạch đô thị*” và “*trở thành một bộ phận không thể thiếu trong quy hoạch các thể của*

*môi đô thị*”<sup>29</sup>. Việc xây dựng hệ thống quy hoạch các công trình điêu khắc đang được các nhà chuyên môn kết hợp hoạch định ngay từ những ý niệm ban đầu khi nghiên cứu tổng quan đến nghiên cứu cụ thể từng khu vực cho phù hợp với điều kiện lịch sử, văn hóa, điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế ở mỗi khu vực và mỗi đô thị.

Chính những yêu cầu trên, đòi hỏi xu hướng thể hiện tác phẩm nghệ thuật hoành tráng trong tương lai cần phải có sự kết hợp đồng bộ giữa điêu khắc, kiến trúc và các ngành có liên quan trong quá trình hình thành ý tưởng, thiết kế, thi công để tạo dựng những công trình nghệ thuật không gian môi trường mang tính hiện đại, hòa hợp với cảnh quan kiến trúc, hài hòa với thiên nhiên, phù hợp với quan điểm thẩm mỹ, phong tục tập quán và điều kiện sống mỗi ngày được nâng cao của cộng đồng xã hội.

#### *1.1.3.4. Xu hướng đa dạng hóa phong cách và kết hợp tính dân tộc – hiện đại trong các tác phẩm điêu khắc hoành tráng*

- *Tính đa dạng trong chủ đề tượng đài, tranh hoành tráng*

Thế giới đang bước vào thời kỳ hậu hiện đại, với sự phát triển vượt bậc của khoa học kỹ thuật trong mọi lĩnh vực nhất là lĩnh vực tin học, trong xu thế toàn cầu hóa, làm cho “*cự ly ngắn lại, tiếp xúc giữa người với người lại tăng nhiều lên*”<sup>30</sup>, với sự nắm bắt được những lượng thông tin khổng lồ và hết sức nhanh chóng, đó cũng là những tác nhân quan trọng làm cho trình độ nhận thức của người dân mỗi quốc gia được phát triển không ngừng.

Cùng với tốc độ tăng trưởng về kinh tế, phát triển đô thị và hình thành nền văn hóa văn minh công nghiệp hiện đại, đời sống vật chất, tinh thần của mỗi người dân từ thành thị đến nông thôn ngày một nâng cao; nhu cầu hưởng thụ về văn hóa nghệ thuật của người dân không phải chỉ giản đơn một chiều, theo một cách làm khuôn mẫu như những năm tháng xưa, mà cần phải đa dạng hóa với nhiều mô hình, nhiều thể loại, nhiều phong cách cho phù hợp với sự phát triển không ngừng của đời sống vật chất, tinh thần nhiều thành phần, nhiều trình độ văn hóa, thẩm mỹ của các tầng lớp nhân dân ở mỗi địa phương, khu vực, vùng miền khác nhau; với mục tiêu “*nâng cao chất lượng sống của con người trong sự kết hợp hài hòa giữa điều kiện vật chất và điều kiện tinh thần*”<sup>31</sup>.

<sup>29</sup> Nguyễn Bá Đăng, chỉ nhiệm đề tài (2001), *Nghiên cứu hướng dẫn thiết kế Tượng đài kỷ niệm trong không gian đô thị Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học, Viện nghiên cứu Kiến trúc Bộ xây dựng, Hà Nội. Tr.208-209

<sup>30</sup> Phan Đại Doãn (2000), “*Vấn đề kế thừa văn hoá truyền thống trước thế kỷ XXI*”, Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật, số 5 (191) 2000, Tr.93-95

<sup>31</sup> Phạm Xuân Nam (2005), *Văn hoá vì phát triển*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội. Tr.28

Với sự phát triển đô thị, quy hoạch nông thôn đã tạo ra nhiều không gian văn hóa cộng đồng và nhu cầu phát triển những công trình văn hóa nghệ thuật đặc trưng của mỗi đô thị, mỗi khu vực, làng quê... cần phải có một hệ phương pháp tạo hình các tác phẩm hoành tráng phục vụ các không gian công cộng một cách đa dạng, tiên tiến và khoa học hơn để đáp ứng được sự đồng bộ trong quá trình phát triển giữa kinh tế, khoa học, văn hóa nghệ thuật trong sự hòa nhập và chuyển biến của đất nước.

Chính vì thế, xu hướng đa phong cách trong sáng tạo nghệ thuật là xu hướng phát triển tất yếu của nghệ thuật điêu khắc hoành tráng hiện đại Việt Nam trong thế kỷ XXI.

- *Tính hiện đại và dân tộc trong phong cách tạo hình nghệ thuật*

Chiến lược xây dựng nền văn hóa “*tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*” không tách rời chiến lược xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Bởi lẽ nền văn hóa không chỉ là kết quả mà còn là “*nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội*”<sup>32</sup>.

Nội dung “*tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*” trong sáng tạo nghệ thuật nói chung và sáng tạo các tác phẩm tạo hình điêu khắc hoành tráng ngoài trời nói riêng trong giai đoạn hiện nay của Việt Nam cần thể hiện được các đặc điểm cơ bản sau:

*Tính hiện đại*: Đó là hình thức thể hiện mới mang tác phong công nghiệp, chứa đựng tính khoa học và thực nghiệm, phù hợp với trình độ thẩm mỹ chung của khu vực và hội nhập được với phong cách tạo hình của quốc tế, đồng thời phải thể hiện được bản sắc riêng biệt của dân tộc Việt Nam.

*Tính văn minh*: Đó là cách thể hiện đề tài mang tinh thần cao đẹp, phong phú và đa dạng chứa đựng nội dung “*cao cả, văn hóa, nhân văn, dân chủ, tiến bộ*” truyền đạt tới người xem một tư tưởng công bằng, bình đẳng, bác ái và một ý thức chân – thiện – mỹ.

Đậm đà bản sắc dân tộc là tính kế thừa, phát huy các nhân tố tích cực của truyền thống dân tộc trong sáng tạo nghệ thuật, cụ thể là: ý thức tự hào, tự cường dân tộc; tôn vinh quốc gia, anh hùng dân tộc; thể hiện ý chí vươn lên của cộng đồng dân tộc trong chiến đấu chống giặc ngoại xâm cũng như trong lao động xây dựng và phát triển đất nước; các công trình kiến trúc – điêu khắc

<sup>32</sup> Ban Tư tưởng – Văn hoá Trung ương (2006), *Tài liệu học tập Nghị quyết Đại hội Đảng X của Đảng*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Tr.50



hoành tráng truyền thống Việt Nam thường rất khiêm nhường và hòa quyện với cảnh sắc, không gian cảnh quan thiên nhiên.

## 1.2. Sơ lược về lịch sử xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng trên thế giới

### 1.2.1. Một số công trình điêu khắc hoành tráng tiêu biểu phương Tây

Nói đến điêu khắc hoành tráng ở phương Tây, chúng ta thấy rõ nét nền mỹ thuật cổ xưa nhất có liên quan mật thiết với nhau và là nền tảng của mỹ thuật châu Âu sau này là: Hy Lạp và La Mã.

*Hy Lạp cổ đại (Từ TK.VII TCN đến đầu công nguyên):* Kế thừa tinh hoa văn hóa của các quốc gia cổ đại phương Đông và phát triển đến một trình độ cao, nghệ thuật Hy Lạp cổ phát triển mạnh ở lĩnh vực kiến trúc và điêu khắc, phổ biến bằng đá là đền thờ, lăng mộ, hí trường. Điêu khắc với những tác phẩm mang tính hoành tráng như tượng thần chiến thắng ở Samothrace, tượng khổng lồ ở Rhodes (bằng đồng cao hơn 30 mét do Chaès de Lindos thực hiện, là một trong những kỳ quan thế giới sau đã bị sập bởi trận động đất năm 229 TCN)<sup>33</sup>. Đặc biệt những kiến tác điêu khắc đền Parthénon ở Athens được xây dựng năm 447 – 432 trước công nguyên, do kiến trúc sư Iktinos và Kallikrates, thiết kế. Các chi tiết kiến trúc được trạm trổ tinh vi sinh động, có sự phối hợp chặt chẽ giữa kiến trúc và điêu khắc bởi tài năng và bàn tay thiên tài của nhà điêu khắc bậc nhất người Hy Lạp cổ là Pheidias, người chỉ huy xây dựng, trang trí và thực hiện tượng thần Athena 12 mét bằng ngà – vàng dựng trước đền<sup>34</sup>.

*Mỹ thuật La Mã cổ đại (Từ TKVII TCN – TKV SCN):* Kiến trúc đặc biệt phát triển, đã thực hiện quy hoạch đô thị và xây những công trình đặc sắc như hí trường – đấu trường Colosseum, Khải Hoàn Môn Colosseum. Ở thời kỳ La Mã cổ đại, công trình điêu khắc hoành tráng gây ấn tượng nhất là trụ biểu “Chiến thắng” làm bằng đá cẩm thạch xây dựng ở Trajan cao 38 mét, dùng hai loại đầu cột Doric và Ionic: Đỉnh cột có tượng đại đế Trajan, trên thân cột có dải phù điêu dài 198 mét, quấn xoắn ốc từ dưới chân lên đến đầu cột, kể lại cuộc hành quân của quân đội La Mã trên sông Duna để chống lại bộ tộc Daces năm 101-102, năm 105 -106<sup>35;36</sup>. Hình thức trụ biểu này, chúng ta cũng thường gặp lại ở một số đài ca ngợi, tôn vinh, chiến thắng của các thời đại sau.

<sup>33</sup> Huỳnh Ngọc Trảng – Phạm Thiều Hương (dịch) (1996), *Mỹ thuật Hy Lạp La Mã*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội. Tr.52

<sup>34</sup> Robb M.D and Garrison J.J (1953), *Art in the Western World*, Printed in the United States of America

<sup>35</sup> Laura Brooks (1997), *Monuments Masterpieces of Architecture*, This book was designed and produced by Todtri Productions Limited, New York. Tr.39

<sup>36</sup> Nguyễn Trân (1994), *Giáo trình lịch sử Mỹ thuật Thế giới*, Trường đại học Mỹ thuật Hà Nội.

*Thời Trung cổ ở châu Âu:* Bắt đầu TK V – TK XIII là thời kỳ đế quốc La Mã thống trị, đến năm 313 Constantin đại đế theo đạo và đạo Thiên chúa giáo thành quốc đạo, thống trị ở châu Âu. Tinh thần văn hóa, nghệ thuật biến đổi theo xu thế của tôn giáo trong xã hội. Kiến trúc và nghệ thuật trang trí phát triển mạnh, với các kiểu thức chính là kiểu thức Byzantium hùng vĩ, kiểu thức Roman, kiểu thức Gothic với những tháp chông chọc trời, những tranh vẽ trên cửa kính nhiều màu. Công trình tiêu biểu là nhà thờ Đức Bà Paris, các tác phẩm điêu khắc hoành tráng nổi bật, phủ dày trên khuôn mặt nhà thờ, từ trên gác chuông cao vút xuống các cổng ra vào, luồn vào các hành lang hun hút của thánh đường, như nhà thờ lớn Chartres, Amiens, Rouen Pháp<sup>37</sup>; <sup>38</sup>. Trong thời kỳ này điêu khắc hoành tráng, hội họa đóng vai trò hỗ trợ cho các công trình kiến trúc nhưng giữ một vai trò không kém phần quan trọng, đặc biệt điêu khắc, nghệ thuật tranh tượng là “*Thánh kinh cho người nghèo*”. Nghệ thuật Gothic, một sáng tạo mới của Pháp có ảnh hưởng sâu rộng ở châu Âu và các kiến trúc Thiên chúa giáo trên thế giới. Mỗi ngôi thánh đường đều là những tác phẩm kiến trúc-điêu khắc hoành tráng, biểu tượng cho sức mạnh, sự vươn lên của tinh thần và triết lý tín ngưỡng của tôn giáo.

*Thời Phục hưng:* Nền kinh tế phát triển, nhiều công trình khoa học ra đời, hệ tư tưởng phong kiến đã lỗi thời, kìm hãm sự phát triển của xã hội. Những nhà nhân văn chủ nghĩa, vận động xã hội trả lại vị trí xứng đáng cho con người...; nghệ thuật, không vì mục đích tôn giáo tín ngưỡng mà vì cái đẹp, nâng địa vị con người lên và xây dựng ý thức xã hội, nhiều nhân tài xuất hiện, đem nghệ thuật tạo hình từ chỗ sơ lược đến chính xác, khoa học. Lĩnh vực điêu khắc hoành tráng có những tên tuổi:

Nhà điêu khắc Donatello (1386 -1466) với bức tượng đồng Gattamelata ở Marseillaise 1444-147<sup>39</sup> thể hiện một người cưỡi ngựa. Đây là bức tượng đài bằng đồng đầu tiên. Tác phẩm thể hiện một nhân vật chính thống của thời đại, dũng cảm, uy quyền đầy lòng tự tin, mặt khác nó mang những nét đặc thù của một dạng tượng chân dung hoành tráng với tính khái quát, đơn giản, uy nghi trong thế ngồi của người và thế đứng của ngựa (*Hình 27-Phụ lục 2*).

Nhà điêu khắc Verrocchio (1435-1488) với bức tượng kỵ mã bằng đồng Bartolommeo Colleoni ở Venice (1482 – 1488), cao 13 mét. Đây là bức tượng

<sup>37</sup> Robb M.D and Garrison J.J (1953), *Art in the Western World*, Printed in the United States of America. Tr.160 – 166.

<sup>38</sup> Lê Thành Lộc (dịch) (1996), *Lịch sử Hội họa*, NXB Trẻ. Tr 32 – 61.

<sup>39</sup> Paul Hamlyn (1964), *Larousse encyclopedia of Renaissance and Baroque Art*, Westbook House, Fulham Broadway London, Printed in Italy by Industria Libreria Tipografica Editrice, Turin. Tr.116

đài bằng đồng thứ hai có kích thước lớn ở thời tiền Phục Hưng, đã thể hiện một cách phóng khoáng, sinh động hơn so với tượng Gattamelata từ dáng ngồi của người và dáng đi chuyển động của ngựa.

Nhà điêu khắc Michelangelo (1475 – 1564) với bức tượng David tạc bằng đá cẩm thạch cao 5,5 mét tại Florence trong thời gian bốn năm (1501-1504)<sup>40</sup>, để tài David chuẩn bị chiến đấu với người khổng lồ Goliath, gương mặt cương quyết, cảm hờn đầy cảm xúc. Người đương thời ca ngợi tượng này vì không những tác phẩm tạo nên được hình ảnh một nhân vật có ý nghĩa lịch sử trong kinh thánh mà trước hết nó thể hiện được tinh thần quả cảm của công dân và niềm tin vào sứ mệnh, và chiến thắng.

*Nghệ thuật hoành tráng Tây Âu thế kỷ XVII-XIX:* Cuối thế kỷ XVI, nước Pháp kết thúc cuộc nội chiến, trở thành một cường quốc trên thế giới, thế kỷ XVII cũng là thế kỷ hình thành và phát triển rực rỡ nền văn hóa dân tộc Pháp, chủ nghĩa cổ điển ra đời. Cuối thế kỷ XVIII, cách mạng tư sản Pháp bùng nổ, nghệ thuật mang chất dân chủ và tính anh hùng ca, nhằm mục đích cổ vũ nhân dân tiến lên giành chính quyền, Paris thành trung tâm nghệ thuật Âu – Mỹ, với nhiều trường phái nghệ thuật. Các nhà điêu khắc hoành tráng tiêu biểu có:

Nhà điêu khắc Etienne Falconet (1716 – 1791) với công trình tượng đài Peter đại đế ở St. Peterburg – Nga (1766-1778)<sup>41</sup> (Hình 28- Phụ lục 1) nhà điêu khắc Francois Rude (1784 – 1875) với tác phẩm “*Khúc hành quân*” hay còn gọi là Marseillaise -1837 trang trí cho công “*Chiến thắng*” trên quảng trường “*Ngôi sao*” ở Paris (Hình 30 -phụ lục 2).

Đặc biệt là nhà điêu khắc thiên tài Auguste Rodin (1840 – 1917) với nhóm tượng đồng cỡ lớn “*Những công dân Thành phố Calais được thực hiện năm 1886 – 1895 để kỷ niệm một trong những hồi cảnh của cuộc “Chiến tranh 100 năm”*”: Nhóm tượng miêu tả 6 người dân Calais đã tự nộp mình cho vua Edouard III- một nhà độc tài của Anh, để giải vây cho thành phố quê hương mình, với vẻ mặt hốc hác, đau khổ. Mỗi người một vẻ đầy kịch tính thể hiện các trạng thái tiếp nối của tâm hồn, những cử chỉ day dứt cực độ của nội tâm. Cái hiện đại trong bố cục của bức tượng là lần đầu tiên nhà điêu khắc không cần tạo chân đế truyền thống khiến cho quần thể điêu khắc đối diện trực tiếp với người xem (Hình 29- phụ lục 2).

<sup>40</sup> Paul Hamlyn (1964), *Larousse encyclopedia of Renaissance and Baroque Art*, Westbook House, Fulham Broadway London, Printed in Italy by Industria Libreria Tipografica Editrice, Turin. Tr.196

<sup>41</sup> Paul Hamlyn (1964), *Larousse encyclopedia of Renaissance and Baroque Art*, Westbook House, Fulham Broadway London, Printed in Italy by Industria Libreria Tipografica Editrice, Turin. Tr.387

Trong thời kỳ này cũng xuất hiện nhiều tượng đài danh nhân văn hóa như tượng đài nhà triết học Pháp “Vonte” đặt ở Trường Đại học Paris, tượng đài nhà thơ vĩ đại Nga A.S.Pushkin đặt ở trước nhà bảo tàng St.Petersburg, tượng đài nhà soạn nhạc thiên tài Áo, W.A.Mozart ở công viên vườn hoa Vienna... có thể nói đây là bước tiến mới của lĩnh vực tượng đài với sự ra đời của nhóm tượng và các tượng đài danh nhân văn hóa, làm nền tảng cho quá trình phát triển điêu khắc hoành tráng ngoài trời của các thế kỷ sau.

*Điêu khắc hoành tráng ngoài trời châu Âu thế kỷ XX.* Vào đầu thế kỷ XX, bên cạnh sự phát triển, phát minh vượt bậc trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật ứng dụng vào đời sống, kinh tế phát triển còn có những cuộc khủng hoảng về kinh tế. Chiến tranh thế giới bùng nổ, sự xuất hiện của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Xô – Viết đầu tiên trên thế giới, hình thành hai ranh giới về tư tưởng là Tư bản chủ nghĩa và Xã hội chủ nghĩa. Trước những biến động xã hội như vậy, nghệ thuật tạo hình ở thế kỷ XX rất phức tạp với nhiều mâu thuẫn, riêng lĩnh vực điêu khắc hoành tráng vẫn nối tiếp thành tựu hoàng kim của các thời kỳ đi trước, nhất là ở Liên Xô (cũ) và các nước trong khối Xã hội chủ nghĩa. Sau khi cách mạng Tháng Mười Nga thành công, thực hiện chỉ thị của Lê Nin về việc “*Tuyên truyền và đưa văn hóa nghệ thuật đến tận quần chúng*”, với quan điểm nghệ thuật phục vụ nhân dân lao động, nghệ thuật Xô Viết đã phát triển mạnh, đưa nước Nga Xô- Viết trở thành một trong những trung tâm nghệ thuật, một vương quốc của nghệ thuật hoành tráng, với nhiều thể loại, đa dạng về nội dung, phong cách, tạo cách nhìn mới. Xuất hiện một loại tác phẩm, tác giả tiêu biểu như: Vuechetich với quần thể tượng đài “*Hồng quân Xô – Việt*” (1946 – 1949) ở Berlin, “*Tổ quốc gọi*” (1960-1967) ở Voongagrat<sup>42</sup>; Keroben với “*Tượng đài Cácmác*” (1961); C.Xelikhanóp với công trình “*Đài tưởng niệm Khaturn*” (1965 – 1967); N. Tomskey với những tượng đài “*Lê nin*”. Đặc biệt là công trình tượng đài “*Công – Nông*” của nữ điêu khắc gia Liên – Xô V.Mukhina<sup>43</sup>: Nhóm tượng cao 22,5 mét được thực hiện năm 1937 bằng một loại thép trắng nhẹ đặc biệt, để phục vụ cho việc tham gia triển lãm thành tựu kinh tế thế giới ở Paris của Liên Xô. Nhóm tượng đài khổng lồ ngợi ca con người, đất nước Xô-Viết đang mạnh mẽ tiến lên: tay búa tay liềm giơ cao, tượng trưng cho liên minh Công – Nông, tự hào trong tư thế vươn lên phía trước phơi phới, bay bổng. Điêu khắc gia Mukhina đã thể hiện đầy sáng tạo phong cách của thời đại, ý đồ bố cục và đào tạo hình táo bạo, độc đáo. Bức tượng “*Công – Nông*” ra đời là bước ngoặt mới

<sup>42</sup> Vladimir Kenmenov (1982), *The USSR Academy of Arts*, Aurora Art Publishers, Leningrad. Tr.21

<sup>43</sup> Vladimir Kenmenov (1982), *The USSR Academy of Arts*, Aurora Art Publishers, Leningrad. Tr.1

trong nghệ thuật hoành tráng. Lần đầu tiên, những người lao động chân chất công nhân, nông dân, được xây dựng thành hình tượng điển hình biểu trưng cho thời đại, và được biểu hiện bằng ngôn ngữ tượng đài vốn xưa nay chỉ dành cho thần thánh và vương quyền (Hình 31 – phụ lục 2).

- *Đặc trưng phong cách điêu khắc hoành tráng phương Tây*

Các công trình kiến trúc, điêu khắc hoành tráng ở châu Âu phần lớn đều là những công trình quy mô, mang màu sắc khoa học và triết học, rất đa dạng và gắn bó mật thiết với từng thời điểm lịch sử. Nghệ thuật hoành tráng ngoài trời xuất hiện nhiều công trình tượng đài tưởng niệm, kỷ niệm, ghi tác các chiến công, các anh hùng dân tộc hay các biểu trưng kinh tế, văn hóa, chính trị. Mặt khác, do sự phát triển mạnh của kinh tế, khoa học ứng dụng nên có nhiều vật liệu mới, tạo điều kiện cho kiến trúc, điêu khắc hoành tráng thực hiện với những chất liệu đa dạng và có tính bền vững cao.

Điêu khắc hoành tráng phương Tây là sự hùng vĩ, có khuynh hướng “*hướng ngoại*” vươn lên theo chiều cao, nối tiếp nhau trải qua các thời kỳ lịch sử của nhân loại với nhiều đề tài, đa dạng về phong cách, chất liệu, luôn gắn bó với yêu cầu về tôn giáo, vương quyền, chính trị và các nhu cầu đòi hỏi mang tính cộng đồng của xã hội, thể hiện theo phong cách tả thật (cổ điển, tân cổ điển) gắn với nhận thức của dân chúng. Mặt khác, với tư tưởng dân chủ tiến bộ từ thời cổ đại Hy Lạp, họ coi “*thế giới thần thánh là riêng biệt*”, mọi con người ở trần thế đều bình đẳng trước thượng đế, khác hoàn toàn với quan điểm của phương Đông chỉ có vua mới là con trời “*Thiên tử*” và “*tượng là hiện thân của thần thánh*” vì thế mà phương Tây có hai khuynh hướng thể hiện nghệ thuật hoành tráng: Các vị thần linh được tôn thờ trong các đền, đài, nhà thờ...; các vua chúa, tướng lãnh, vĩ nhân được xây dựng ở các không gian ngoài trời. Đây chính là yếu tố quan trọng thúc đẩy điêu khắc hoành tráng ngoài trời phương Tây phát triển.

### **1.2.2. Một số công trình điêu khắc hoành tráng tiêu biểu của các nước phương Đông**

- *Một số công trình điêu khắc hoành tráng tiêu biểu của các nước phương Đông*

**Ai Cập cổ đại:** Được bắt đầu từ 4.000 năm trước công nguyên và kết thúc vào năm 332 trước Công nguyên, khi Ai Cập bị Alexander chiếm đóng. Đặc tính của nghệ thuật Ai Cập cổ là sản phẩm của tôn giáo – tín ngưỡng, có những quy ước cụ thể về tỷ lệ, không gian, mang tính tượng trưng. Kiến trúc Ai Cập cổ rất đặc sắc, bao gồm lăng mộ, đền thờ, kim tự tháp, tạo hình rất đẹp và hoành tráng.

Quần thể kim tự tháp ở Giza, kỳ quan bậc nhất của thế giới, là sự kết hợp nhuần nhuyễn tài tình của nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc hoành tráng. Khối hình kiến trúc của ba kim tự tháp Cheops, Mycerinus, Chephren (Kts. Khemion), mỗi kim tự tháp được xây dựng trên dưới 20 năm. Khi tiếp cận kim tự tháp “*nhìn gần thì gây ấn tượng áp đảo, chế ngự bởi kích thước đồ sộ, nhìn xa lại gây cảm giác mê hoặc, kỳ bí bởi những bóng hình đứt khoát, đánh mạnh như ba chùm tia sáng khổng lồ của thần Amon chụp xuống lưu vực sông Nin*”<sup>44</sup>. Nằm phủ phục bên cạnh các kim tự tháp là con đại nhân sư (Sphinx) dài 57m, cao 20m với mặt Chephren và mình sư tử, mấy nghìn năm vẫn im lìm nằm đó. Ấn hiện trong lòng kim tự tháp là vô số những bích họa, chạm nổi mô tả cảnh tế lễ. Ấn hiện trong lòng kim tự tháp là vô số những bích họa, chạm nổi mô tả cảnh tế lễ, cúng bái thần kinh uy quyền của các Pharaoh (*Hình 32 – phụ lục 2*).

Tượng to nhất thời Ai Cập cổ là tượng vua Pharaoh Rameses II, tượng thần ngồi tại đền Abu Simbel ở Nile được đục thẳng vào đá năm 1257 trước Công nguyên, mặt trước có bốn tượng Rameses II ngồi, cao khoảng 20m với dáng ngồi cân đối giống nhau tạo nên sự uy nghiêm, huyền bí.

Nghệ thuật hoành tráng cổ Ai Cập là một kỳ tích về óc sáng tạo, sự bền bỉ nhưng nặng nề bởi công thức tôn giáo. Nó có ảnh hưởng sâu sắc đến nghệ thuật Tây Nam Á và Hy Lạp.

**Khu vực tiểu Á:** Sau Ai Cập, một khu vực thứ hai khá nổi tiếng, trở thành trung tâm văn hóa phương Đông cổ đại, chứa nhiều giá trị nghệ thuật thuộc những nước Tiểu Á; Nền văn hóa cổ xưa nhất ở Tiểu Á là nền văn hóa các bộ lạc Luỡng Hà (hay Mêxôpôtani), kéo dài khoảng 3.000 năm với các quốc gia nô lệ. Nghệ thuật hoành tráng ở Luỡng Hà thiên về vẻ đẹp hùng mạnh, cảm giác về bạo lực tới mức như uy hiếp, đe dọa từ các cung điện và kiểu đẹp tráng lệ của những khu hoàng cung Babylon.

**Nghệ thuật hoành tráng tôn giáo Ấn Độ:** Ấn Độ theo đạo Bàlamon sau là Ấn Độ giáo, tiếp theo là Phật giáo, hai tôn giáo ảnh hưởng lớn đến nghệ thuật Ấn Độ. Ngoài ra còn có Hồi giáo. Chính vì thế, mỹ thuật Ấn Độ rất đa dạng phong phú, với mục đích phục vụ tôn giáo, tín ngưỡng, độc đáo ở chất liệu đá, đồng, kiến trúc chủ yếu là kiến trúc tôn giáo và vương quyền. Điêu khắc và kiến trúc là hai bộ phận không thể tách rời nhau trong các đền đài hoặc công trình tôn giáo, thể hiện các họa tiết trang trí các tượng về thần linh, vua chúa... có

<sup>44</sup> Triệu Thúc Đan (1981), “*Hợp thể kiến trúc – Nghệ thuật tạo hình xưa và nay*”, Nghệ thuật hoành tráng, NXB Văn hóa, Hà Nội, Tr11

nhiều tượng nổi tiếng thế giới. Điều khắc Ấn có ảnh hưởng lớn đến các nước ở Á Đông.

Những công trình điêu khắc mang yếu tố hoành tráng, trang trí được liệt vào tuyệt tác của thế giới tập trung ở các đền Mahabalipuram, Enllora Elephanta.. Mỗi ngôi đền Ấn Độ có thể coi là một tác phẩm điêu khắc lớn, trên đó được gắn vô số những tác phẩm điêu khắc nhỏ: Từ thời đại Gupta, kiểu dáng đền thờ Ấn giáo đi vào thể ổn định làm mẫu mực cho hàng chục thế kỷ sau<sup>45</sup>. Đặc sắc nhất là những công đá của chùa Sanchi với những cột, xà ngang và đòn tay đầy những phù điêu, tượng tròn...(Hình 33 – phụ lục 2) được coi là di tích vô giá của nghệ thuật Ấn. Các nghệ sĩ điêu khắc Ấn đã sáng tạo ra những trang sử sống động bằng đá về cuộc đời của đức Phật bằng một ngôn ngữ tạo hình hiện thực giàu chất thơ. Tiêu biểu cho loại tượng tròn hoành tráng là tượng Phật tổ bằng đồng cao hơn 20m được xây dựng ở Pattabakal.

**Nghệ thuật hoành tráng truyền thống Trung Quốc:** Lưu vực sông Hoàng Hà, nơi nhau rốn của dân tộc Hán (3.000 – 2.000 TCN) từ thời thượng cổ đã chớm nở một nền văn minh rực rỡ. Tôn giáo, Nho giáo có ảnh hưởng lớn đến xã hội, văn hoá Trung Quốc và các nước Đông Nam Á. Kiến trúc chủ yếu là gỗ về sau sáng chế ra gạch ngói và dùng sự cấu tạo, chạm trổ, sơn vẽ các cấu kiện kiến trúc làm hình tượng mỹ thuật. Màu sắc có vai trò quan trọng trong trang trí kiến trúc Trung Hoa, tạo nên sự khác biệt với kiến trúc phương Tây, như có cung ở Bắc Kinh, lăng Di Hòa Viên, hay rất nhiều công trình kiến trúc bằng gỗ vĩ đại và đẹp như cung A Phòng (Nhà Tần), Bá Lương Đài (nhà Hán)... đặc biệt là kiến trúc gạch, như Vạn Lý Trường Thành. Trong kiến trúc cổ Trung Quốc còn có các ngôi tháp gỗ, gạch ở các chùa Phật nhiều dân tộc.

Từ ảnh hưởng ngoại lai Ấn Độ, tượng Phật Trung Quốc từng bước được “Hán hóa”, đến đời nhà Tùy sang nhà Đường, tượng tròn nói chung, tượng Phật nói riêng đã có những tác phẩm hoành tráng có giá trị. Rất tiếc, hầu hết đều bị phá hủy bởi chiến tranh, chỉ có tác phẩm điêu khắc lớn đời Đường còn lại tương đối nhiều, với những tượng “khổng lồ” trong đá núi, khó phá mà cũng không thể mang đi. Trong số tượng ấy có tượng Phật Đại Lư Xá ở Long Môn thể hiện Phật ngồi cao 17m, dáng vẻ tự nhiên, cân đối, gương mặt đẹp, gần với trần thế; Tượng Phật ở Lạc Sơn – Tứ Xuyên, tạc vào mỏm đá bên bờ sông Mân cao 71m, riêng đầu cao 14,5m<sup>46</sup> (Hình 34 – phụ lục 2).

<sup>45</sup> Huỳnh Ngọc Trảng – Phạm Thiều Hương (dịch) (1995), *Mỹ thuật châu Á*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội. Tr13-21

<sup>46</sup> Nguyễn Phi Hoanh (1984), *Mỹ thuật Việt Nam*, NXB TP HCM;

<http://daelnung.net/phorum/tm.aspx?m=2976058:mpage=68:rey=&#310289>

Có thể nói điêu khắc hoành tráng hoành trời, đặc biệt là tượng đài “*không có truyền thống ở Trung Quốc cũng như ở các nước Châu Á*”<sup>47</sup>. Những tác phẩm điêu khắc hoành tráng ngoài trời đầu tiên được xây dựng phần lớn vào đầu thế kỷ XX là do các nhà điêu khắc phương Tây thực hiện, tiêu biểu là tượng đài Tôn Trung Sơn. Cách mạng Trung Quốc thành công năm 1949, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời, đã tổ chức xây dựng một số đài tưởng niệm, tượng đài, sớm nhất là đài tưởng niệm “Anh hùng nhân dân” tại quảng trường Thiên An Môn (*Hình 35 – phụ lục 2*). Tính đến nay đã có hơn 4.000 công trình điêu khắc hoành tráng ngoài trời lớn, nhỏ được xây dựng ở Trung Quốc, thể hiện bằng tượng tròn, phù điêu, khối kiến trúc bao gồm các đề tài: tưởng niệm, kỷ niệm, biểu tượng, biểu trưng... Nhìn chung điêu khắc hoành tráng Trung Quốc ở thế kỷ XX cũng rất đa dạng, phong phú với nhiều đề tài, nội dung, chất liệu thể hiện, nhưng cũng như Việt Nam, tượng đài Trung Quốc còn có rất nhiều công trình không đạt chất lượng nghệ thuật. Chỉ nói riêng ở trung tâm nghệ thuật và văn hóa cả nước là Thủ đô Bắc Kinh có 1000 tượng đài thì đã có “50% số lượng đã dựng chưa đạt yêu cầu về chất lượng thẩm mỹ”<sup>48</sup>

Nghệ thuật hoành tráng truyền thống ở các nước Đông Nam Á:

Nghệ thuật tạo hình Khmer của Campuchia là nền nghệ thuật tuyệt vời nhất Đông Nam Á, kiến trúc chủ yếu được xây dựng theo ý niệm tôn giáo (chùa, stupa, tháp) đặc biệt là công trình tháp thờ Prasat và tổng thể kiến trúc Angkor Wat nổi tiếng ở nửa đầu thế kỷ XII (*Hình 36 – phụ lục 2*). Công trình kiến trúc, điêu khắc Angkor Wat đỉnh cao của nghệ thuật hoành tráng Campuchia là một trong những công trình kiến trúc đá vĩ đại nhất thế giới, được xây dựng từ năm 1122-1150. Ở đây điêu khắc quyện chặt với kiến trúc trong một đồ án xây cất đồ sộ và những kiểu dáng độc đáo, từ lớp hào lớn bao quanh đền, những dãy hành lang rộng chạm tầng tầng, lớp lớp hình tượng phù điêu phô diễn lên đá các trích đoạn của hai bản anh hùng ca bất hủ Mhabarata và Ramayanna, những khung tường hẹp chạm nữ thần “Apsara”.. Ngôi đền hình kim tự tháp có ba tầng, tận cùng bằng tòa chính điện ở trên đỉnh cao 60m, toàn bộ ngôi đền có kích thước đồ sộ, lộng lẫy uy nghi biểu tượng cho sự hùng vĩ, sức sống mãnh liệt của vùng nhiệt đới, thể hiện tính cách hùng tráng của văn minh cổ phương Đông<sup>49</sup> (*Hình 37 – phụ lục 2*).

<sup>47</sup> Trần Khánh Chương (1998), “Về điêu khắc ngoài trời ở Trung Quốc hiện nay”, Tạp chí Mỹ thuật thời nay của Hội Mỹ thuật Việt Nam, Tr 20

<sup>48</sup> Trần Khánh Chương (1998), “Về điêu khắc ngoài trời ở Trung Quốc hiện nay”, Tạp chí Mỹ thuật thời nay của Hội Mỹ thuật Việt Nam, tr 21

<sup>49</sup> Nguyễn Phi Hoanh (1993), Văn minh nhân loại – Mỹ thuật và nghệ sĩ, NXB TP HCM, tr418-420



Mỹ thuật Lào, Thái Lan, Myanmar, Indonesia: Đều chịu ảnh hưởng của nền văn hóa Ấn Độ, Phật Giáo, Bàlamôn giáo sau là Hồi giáo. Kiến trúc chủ yếu phục vụ nhu cầu tôn giáo, vương quyền, điêu khắc thường gắn liền với các kiến trúc cung điện, đền chùa, chất liệu là đá, đồng, gỗ và một số bức tượng được bọc vàng, bạc, khảm... Nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc hoành tráng ở những nước này không phát triển lắm và cũng không có những công trình đặc sắc.

- *Đặc trưng phong cách điêu khắc hoành tráng Phương Đông*

Nghệ thuật hoành tráng ở các nước Phương Đông từ cổ đại đến trung đại, cận đại đều tập trung vào phục vụ cho lĩnh vực thần quyền và vương quyền ở các đền đài, chùa chiền, lăng tẩm hay cung điện của vua chúa...

Các vua chúa Phương Đông đều tin rằng mình là con của thượng đế, tin vào “luân hồi” nên thường xây dựng những lăng mộ mang tính vĩnh hằng với đầy những chạm khắc huyền bí. Với quan điểm nguyên thủy của đạo Phật “mang yếu tố duy vật”<sup>50</sup>, mục đích cao nhất của đạo là hướng thiện cuộc sống đức độ là phương tiện duy nhất để giải thoát con người khỏi vòng luân hồi bất tận, không trông chờ vào thế lực của thần linh vì thế các chùa chỉ thờ có một tượng Phật. Tượng thờ cũng gần như nằm trong một vài khuôn mẫu nghiêm ngặt đã định sẵn nên phần nào mất đi tính sáng tạo của người nghệ sĩ, nhưng phù điêu và bích họa thì phát triển rất phong phú, đặc biệt là điêu khắc đã tìm được nguồn cảm hứng thần thánh, tâm linh trong sự lệ thuộc vào kiến trúc để thể hiện chất hoành tráng ở tầng tầng, lớp lớp phù điêu với những đề tài hết sức phong phú và đa dạng.

Điêu khắc hoành tráng ở Phương Đông ảnh hưởng yếu tố thần linh, triết lý âm – dương ngũ hành và tư tưởng Phật giáo chi phối với lối tạo hình dàn trải bành trướng theo chiều ngang, linh thiêng, thâm trầm, lan tỏa phát ra từ bên trong, thể hiện theo phong cách ước lệ, ẩn dụ. Các công trình điêu khắc hoành tráng ngoài trời phi tôn giáo không phát triển, có lẽ một phần vì do tính áp chế của tín ngưỡng tôn giáo, mặt khác thực sự các nước ở Phương Đông còn rất nghèo, với nền kinh tế tiểu nông, khoa học và nền dân chủ phát triển chưa cao.

### **1.3. Những xu hướng mới trong xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng đương đại trên thế giới**

Các tác phẩm điêu khắc, tạo hình và các vật trang trí mang tính nghệ thuật trong các không gian công cộng từ lâu đã hiện diện trong các thành phố tại Châu Âu, góp phần tạo nên các không gian đường phố, quảng trường và công viên. Không chỉ vậy, một số tác phẩm tạo hình đó còn tạo nên nét đặc trưng

<sup>50</sup> Bộ Giáo dục và Đào tạo (2001), Triết học, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr56

hoặc biểu tượng cho một thành phố hoặc cả một dân tộc. Chẳng hạn như bức tượng Nàng tiên Cá ở thủ đô Copenhagen của Đan Mạch hay tượng cậu bé phun nước ở thủ đô Brussels của Bỉ. Những tác phẩm này thu gom những ký ức của một thành phố hay một dân tộc.

Đó thực sự là sự cộng sinh giữa kiến trúc và nghệ thuật trong phạm vi công trình, và sự cộng sinh này luôn được tìm kiếm và sáng tạo. Sự tìm kiếm và sáng tạo này cũng có thể được áp dụng cho các không gian mở trong đô thị và sự hiện diện của các tác phẩm nghệ thuật tạo hình đó thực sự sẽ gắn kết với không gian mà chúng hiện diện.

Các tác phẩm nghệ thuật tạo hình trong công trình kiến trúc đã có một lịch sử lâu dài, khởi đầu từ kiến trúc cổ đại Hy Lạp và La Mã. Trong kiến trúc đương đại, các tác phẩm này cũng được đưa vào trong không gian như tại các thư viện, tòa thị chính và cung thể thao, dù với ngân sách ít ỏi.

Các tác phẩm nghệ thuật tạo hình đó được sáng tác một lần, và có nội dung cụ thể, có thể kể những câu chuyện hấp dẫn phía sau, gắn kết nhất định với địa điểm, với truyền thống và văn hóa địa phương và hiện diện trong tâm thức của người dân sống tại đó, thậm chí có ý nghĩa rất lớn đối với họ, khi mang những giá trị văn hóa, lịch sử, kỷ niệm, ...

Khi triển khai xây dựng hệ thống tượng đài tranh hoành tráng trên thế giới, thông thường có 5 mục tiêu được đặt ra cho mỗi thành phố, địa phương nhằm ý thức được đầy đủ tầm quan trọng của không gian đô thị và thiết kế tốt những không gian đó, bao gồm:

- + Tạo lập sự gắn kết cộng đồng thông qua nghệ thuật đại chúng
- + Xây dựng nên một bộ sưu tập nghệ thuật trong không gian công cộng
- + Hỗ trợ các nghệ nhân hoặc nghệ sỹ sống tại địa phương đó
- + Đánh thức sự quan tâm chú ý của cộng đồng dành cho nghệ thuật và khích lệ họ tham gia vào các dự án công ích
- + Phát triển hệ thống không gian công cộng có chất lượng, sao cho cộng đồng chấp nhận và hào hứng, thích thú khi sử dụng, và năng lui tới.

Trong đó mục tiêu cuối cùng là đáng chú ý nhất và cần nhấn mạnh.

Một kinh nghiệm hay của quốc tế là thành phố Calgary của Canada. Nơi này, chính quyền thành phố huy động lực lượng nghệ sỹ tham gia thiết kế các tác phẩm nghệ thuật cho không gian công cộng. 8/10 nghệ sỹ tham gia là người địa phương, 1/10 là những nghệ sỹ tên tuổi đến từ các vùng khác trong nước và 1/10 là các nghệ sỹ nước ngoài.

Xu thế mới trong xây dựng tượng đài và tránh hoành tráng trên thế giới thường coi không gian công cộng đóng một vai trò rất quan trọng trong quy hoạch và thiết kế đô thị, thể hiện qua những điểm sau:

- + Góp phần tạo nên văn hóa đô thị và nét nhận diện đô thị (bản sắc)
- + Tạo ra các không gian mở và có tính sử dụng cao cho cư dân, làm đô thị trở nên sống động
- + Là một phần của hệ sinh thái đô thị
- + Tạo ra các giá trị kinh tế cho đô thị thông qua các hoạt động diễn ra trong đó.

Không gian công cộng trong đô thị không phải là một thực thể đứng yên mà trong thực tế luôn phát triển cùng đô thị, có nghĩa là có sự thay đổi, chuyển hóa.

Trong những thập niên qua, các không gian đô thị có sự thay đổi mạnh mẽ và tái cấu trúc, tái phát triển, chẳng hạn như các khu công nghiệp cũ được chuyển ra ngoài đô thị, diện tích để lại này trở thành công viên hoặc các trung tâm vui chơi giải trí cho cộng đồng. Các không gian dạo bộ, quảng trường cũng được thiết kế lại theo xu hướng xanh hóa và gắn kết tạo thành mạng lưới rộng khắp trong các đô thị tại Châu Âu.

Các đồ vật trang trí cho không gian công cộng cũng được đa dạng hóa, không chỉ dừng lại ở một số hình mẫu đã quen thuộc mà còn mở rộng thêm, với nhiều thể nghiệm mới lạ về hình khối, về chất liệu, ... và những thông điệp được gửi gắm qua đó cũng nhiều hơn và sâu sắc hơn trước.

Bên cạnh các bức tượng, đài tưởng niệm, cột chiến thắng, Khải Hoàn Môn, vòi phun nước, ... đậm phong cách cổ điển, ngày càng nhiều các tác phẩm nghệ thuật hiện đại xuất hiện trong các không gian đô thị trên thế giới.

Qua thời kỳ hậu chiến, nghệ thuật công cộng đã phát triển mạnh theo hướng đại chúng hóa trong những năm 1960 – 1980. Và sang đến thế kỷ 21, nghệ thuật đại chúng đi sâu vào sự tìm tòi những yếu tố mới, mang tính biểu trưng cao hơn và hàm nghĩa sâu xa hơn, chẳng hạn như lấy hình ảnh lá cây sồi ghép lại thành một bức tranh ghép bằng lá tượng trưng cho mỗi người tham gia đóng góp vào dự án nghệ thuật cộng đồng, hoặc theo trường phái trừu tượng như các khối bê tông vuông vức màu xám đủ kích cỡ xếp lại với nhau thành hình sóng tại trung tâm thủ đô Berlin của Đức tượng trưng cho những người Do Thái bị sát hại thời Thế Chiến thứ Hai. Những dự án nghệ thuật này thường rất thành công, hoặc thu hút được nhiều cá nhân và tổ chức tham gia, hoặc lôi cuốn được một số lượng lớn du khách đến thăm quan và chiêm nghiệm giá trị mà tác phẩm truyền tải.

Một số xu hướng nghệ thuật trong thiết kế không gian đô thị đương đại trên thế giới:

- + Xu hướng hữu cơ hóa tác phẩm (sử dụng các chất liệu hữu cơ để tạo ra tác phẩm nghệ thuật)
- + Xu hướng tạm thời hóa tác phẩm (chỉ hiện diện một thời gian rồi được dỡ bỏ hoặc chuyển đi trưng bày chỗ khác)
- + Xu hướng sử dụng các yếu tố phi vật thể, không cầm nắm được để tạo hình (ví dụ như ánh sáng)
- + Xu hướng sử dụng các vật phẩm công nghiệp hoặc đồ vật đã qua sử dụng làm chất liệu sáng tác nghệ thuật
- + Xu hướng thiết kế đa ngành, đa lĩnh vực: ví dụ như kiến trúc, nghệ thuật tạo hình, đồ họa với điện tử, với mỹ thuật công nghiệp (chế tạo vật phẩm), với cơ học, ...

Tóm lại, sau khi nghiên cứu xu thế xây dựng tượng đài và tranh hoành tráng trên thế giới, bài học kinh nghiệm cần chú ý đến một số điểm, trong đó nổi bật nhất là:

- + Vị trí của không gian
- + Các yếu tố văn hóa, lịch sử, truyền thống của khu vực
- + Sự tham dự của cộng đồng
- + Tạo điều kiện cho các nghệ sỹ chuyên và không chuyên sáng tác.

Các ý tưởng này đã được minh họa bởi rất nhiều ví dụ nghiên cứu đến từ Bắc Mỹ và Tây Âu là những nơi mà không gian công cộng và nghệ thuật tạo hình đã có nhiều thành tựu trong quá trình phát triển.

## CHƯƠNG 2. LÝ THUYẾT CƠ BẢN TRONG THIẾT KẾ VÀ QUY HOẠCH KHÔNG GIAN TƯỞNG ĐÀI, TRANH HOÀNH TRÁNG

### 2.1. Tác động của không gian tới cảm xúc con người

Việc xử lý không gian kiến trúc là sự nhấn mạnh vai trò sáng tạo của con người tác động vào không gian tự nhiên để những không gian đó phục vụ con người có mục đích.

Phân tích không gian kiến trúc, hình dáng và tính chất gây được những trạng thái cảm xúc đa dạng. Tính chất của không gian kiến trúc có thể biểu hiện ở các khía cạnh sau.

- *Căng thẳng*: Những hình thù không ổn định, bố cục cắt vụn, phức tạp, vô lý, khó hiểu, mâu thuẫn về màu sắc, màu đậm liên tục, không cân bằng thị giác về đường nét, diện, điểm, không có điểm dừng cho mắt nghỉ ngơi, những bề mặt cứng, nhám hoặc có hình răng cưa, những chi tiết lạ, ánh sáng chói chang hoặc nhấp nháy, nhiệt độ thay đổi đột ngột, âm thanh chói tai.

- *Êm dịu*: Giản dị, hình khối thay đổi theo quy mô từ nhỏ đến lớn, từ gần gũi đến xa lạ, hình khối và vật liệu quen thuộc, đường nét uyển chuyển, hình dáng và không gian uốn lượn ổn định rõ ràng về kế cấu, những dáng hình hấp dẫn và thuận tiện, ánh sáng dịu dàng, âm thanh làm yên lòng. Hình khối có những màu sắc hoà dịu như: trắng, ghi, xanh da trời, xanh lá cây...

- *Kinh hãi*: hạn chế mức nhạy cảm nhận biết, gây cảm giác không an toàn, không có điểm định hướng, không có những tương quan cho phép đánh giá vị trí hoặc quy mô, các khu vực và không gian kín bưng, những mặt nghiêng bị biến dạng hoặc phá vụn. Các hình khối không ổn định một cách vô lý, bề mặt nền trơn nhẵn nguy hiểm, những khoảng trống không có giới hạn, những chi tiết nhọn nhô ra. Các không gian bị bóp méo, dáng vẻ lơ mờ, tối tăm, ảm đạm, ánh sáng mờ nhạt, nhấp nháy...

- *Vui tươi*: những không gian thoáng đãng, những hình dáng uyển chuyển và các hoa văn phẳng phiu, khả năng vận động kiểu xoáy, sự vận động và nhịp điệu được thể hiện trong công trình, không bị hạn chế, hình dáng, màu sắc và các biểu tượng gây cảm xúc và gợi ra bản năng, sáng sủa, êm dịu tương phản với cái nặng nề và sẫm tối, màu sắc sáng ấm, ánh sáng lung linh, lấp lánh thoáng qua, âm thanh vui tươi, sáng khoái.

- *Chiêm ngưỡng*: với tỷ xích hợp lý sẽ có nghĩa, khi đó chủ đề đã hoà nhập với người chiêm ngưỡng, toàn bộ không gian có thể gây được sự yên lòng bởi sự khiêm tốn hoặc cũng có thể bởi sự trang trí khoáng đạt và phong phú, các

hình dáng kết cấu không gây sự chú ý, không có những tương phản rõ rệt làm lạc hướng chủ đề, những biểu tượng liên quan tập trung vào chủ đề chiêm ngưỡng, không gian tạo được cảm xúc cách biệt, đơn lẻ, siêu thoát, an toàn và yên tĩnh, ánh sáng khuếch tán dịu. Các màu trung hoà dễ chịu, những âm trầm sâu lắng, mơ hồ.

- *Năng động*: Hình dáng táo bạo, nhịp điệu của kết cấu chắc khoẻ, các góc mặt tạo góc nhọn. Các đường nét chéo và thẳng đứng, vật liệu chắc và nặng như đá, bê tông, gỗ hoặc thép bề mặt để tự nhiên thô nhám, bố cục rõ nét, tập trung sự chú ý vào trọng điểm của hoạt động, hướng vào sự hoạt động chung, màu sắc đơn giản và mạnh.

- *Nâng cao tâm hồn*: Quy mô khác thường, vượt quá sức tưởng tượng của con người và choáng ngợp trong một không gian đồ sộ. Những hình dáng như bay lượn trên cao tương phản với các hình dáng ngang bằng ở phía dưới, không gian được tổ chức như gắn chặt con người vào mặt nền rộng lớn trong khi tầm nhìn và tư tưởng cố vươn lên, trật tự bố cục hoàn chỉnh – thường là đối xứng, sử dụng các vật liệu bền vững và quý hiếm, sử dụng màu trắng thận trọng, dùng màu mát dịu như xanh và tím nhạt.

- *Bất bình*: Sự thay đổi phương hướng và góc mở gây bức tức, các khu vực và không gian không thích hợp với sử dụng theo dự kiến, những trở ngại, những cái cục đơan, những khó khăn không đáng có, thiếu tiện nghi, cấu trúc bề mặt khó chịu, sử dụng vật liệu không đúng, không hợp lý, giả tạo, không chắc chắn, gây mệt mỏi, loè loẹt, diêm dúa, lộn xộn, tẻ nhạt, màu sắc không hài hoà, âm thanh không hoà hợp, gây nóng bức hay lạnh lẽo ảm thấp, chất lượng ánh sáng tồi.

- *Hài lòng*: không gian, hình dáng, cấu trúc bề mặt, màu sắc biểu tượng, âm thanh, chất lượng ánh sáng thích hợp, rõ ràng cho việc sử dụng, không gian đa dạng, sự phát triển có tính nhất quán, những tỷ lệ hài hoà, tạo sự thống nhất trong cái đa dạng. Chất lượng cuối cùng đạt được chính là cái đẹp.

## 2.2. Tỷ xích của không gian kiến trúc

Kích thước các không gian thường tạo ra những tính chất tâm lý. Trên mặt bằng mở, một người nhút nhát cảm thấy quá nhỏ bé, cô đơn và không yên tâm ở lại một mình và có xu hướng đi tìm chỗ trú ẩn. Ngược lại, một người mạnh dạn cũng ở trong không gian đó lại cảm thấy như được thách thức và kêu gọi hành động, người đó được tự do di chuyển, chạy nhảy trong không gian. Vì vậy, một không gian không những chỉ đảm bảo khả năng hoạt động mà còn kích thích hay hạn chế hành động.

Nếu trên không gian trống đó, một vật thẳng đứng được dựng lên thì nó trở thành điểm định hướng, con người trong không gian sẽ bị cuốn hút và có xu hướng tiến gần đến nó.

### 2.3. Tính gợi cảm của không gian kiến trúc

Các đặc điểm của thiết kế có thể được dự kiến tùy thuộc cảnh quan và chức năng cụ thể và từ đó tính chất của không gian kiến trúc được hình thành.

Đối với không gian tượng đài, người thiết kế cần tìm ra sự hấp dẫn, một chuyển động, một sự thu hút, lôi cuốn và tạo những cảm giác đặc biệt cho người thụ cảm.

Tâm lý con người thường luôn đi tìm sự tin tưởng và trật tự. Trật tự như một phẩm chất không gian được tạo ra bởi sự rõ ràng của những trình tự hợp lý và cân bằng thị giác.

### 2.4. Nguyên tắc bố cục không gian tượng đài

#### 2.4.1. Các môi tương quan về hình và khối trong bố cục

- *Tương quan tỷ lệ: là mối tương quan về kích thước không gian được xác định vào bố cục. Vẻ đẹp của tỷ lệ là vẻ đẹp mang tính nội tại, được cảm nhận thông qua vẻ đẹp bên trong của hình thức.*
- *Tương quan hình học: là mối tương quan giữa đường thẳng và đường cong, giữa tự nhiên và nhân tạo, là sự tương ứng hài hoà của các hình dạng và đường nét.*
- *Tương quan về vị trí: Mối tương quan này có ý nghĩa quyết định trong việc tạo nên không gian sâu của bố cục, tương quan giữa cảnh gần, cảnh giữa, cảnh xa. Không gian được điều chỉnh bằng sự đóng, mở.*
- *Tương quan về màu sắc: Mối tương quan này rất đa dạng theo từng tông màu, từng gam màu, theo sự bão hoà màu, theo độ sáng của màu. Sự thay đổi màu sắc phụ thuộc vào khoảng cách xa hay gần. Theo những nghiên cứu về sự ảnh hưởng của màu sắc tới tâm lý con người, mỗi màu lại có một tác động sinh lý khác nhau.*
- *Tương quan về bề mặt, chất cảm: Là sự tương quan giữa các dạng bề mặt khác nhau như mịn – sần; bóng – nhám;...*
- *Tương quan về chiếu sáng: Ánh sáng là yếu tố chính tạo nên hiệu quả tạo hình khối qua bóng của vật thể (bóng đổ hoặc bóng bản thân). Việc biểu hiện sáng hay tối của vật thể phụ thuộc vào hướng chiếu sáng tự nhiên hay nhân tạo, nó là yếu tố chính để hình thức được thể hiện.*

## 2.4.2. Các quy luật của bố cục

Nghệ thuật bố cục không gian tượng đài lịch sử luôn tuân theo các quy luật sau:

- **Quy luật hài hoà:** Đây là quy luật cơ bản của nghệ thuật bố cục các không gian nghệ thuật.

+ Hài hoà đồng nhất: Là sự hài hoà của các yếu tố tạo nên bố cục hoàn chỉnh khi các yếu tố đó được sắp xếp lặp đi lặp lại giống hệt nhau về hình dáng và không gian. Hài hoà đồng nhất biểu hiện sự thống nhất cùng một nhịp điệu.

+ Hài hoà tương tự: Là sự hài hoà của các yếu tố tạo nên bố cục hoàn chỉnh khi các yếu tố đó được sắp xếp lặp đi lặp lại tương tự nhau về hình dáng và không gian. Hài hoà tương tự biểu hiện sự thống nhất đa dạng.

- **Quy luật cân đối và nhất quán:** Là một quy luật đảm bảo sự tương quan hợp lý giữa thành phần bộ phận và tổng thể, tạo nên sự tách biệt giữa chính và phụ, là yếu tố chủ chốt trong việc bố cục có tính chủ đạo, có nội dung cho cả tổng thể.

- **Quy luật tương phản:** là quy luật nghệ thuật thể hiện sự khác biệt một cách rõ ràng về hình dạng, kích thước, màu sắc, bề mặt... của các yếu tố thành phần. Sự tương phản thể hiện qua sự đối lập: To - Nhỏ; Cao - Thấp; Sần – nhẵn; Sáng – Tối; Đậm – Nhạt... Khi vận dụng quy luật này cần chú ý không làm vỡ sự hài hoà.

- **Quy luật cân bằng:** Là quy luật dựa trên cảm giác cân bằng thị cảm của bố cục, là yếu tố tạo cảm giác ổn định hay năng động cho hình thức. Có hai loại cân bằng:

+ **Cân bằng đối xứng:** là cân bằng được tạo nên do sự bố trí đối xứng qua trục hoặc qua điểm. Các yếu tố hoà toàn giống nhau về hình dáng, chất liệu, màu sắc và quy mô.

- Sơ đồ đối xứng mang tính phân cực. Mỗi cực tạo ra một trường ảnh hưởng riêng và giữa những cực đó xuất hiện một trường gọi là trường căng thẳng động. Mỗi thành phần kiến trúc trong trường đó vừa gây ra cảm giác căng thẳng lại vừa gây ra cảm giác tĩnh. Sự cân đối tĩnh được cảm nhận mạnh hơn do nó giải quyết được những tác động đối lập trong trạng thái cân bằng.

- Mỗi vật thể trong sơ đồ đối xứng đều đặt ra yêu cầu cần có sự hoàn thiện bằng chính vật thể đối lập đó. Yêu cầu này trở thành tất yếu khi bố cục đối xứng được thêm một thành phần, thậm chí một thành phần nhỏ nhất, lúc đó sự cân bằng bị phá vỡ và bố cục trở nên căng thẳng.



+ **Cân bằng không đối xứng**: Là cân bằng được tạo lập nên do sự bố trí không đối xứng nhưng có bố cục cân bằng thị cảm, hai thành phần có “sức nặng” hay “sức hút” như nhau. Dạng cân bằng này thể hiện sự đa dạng, năng động cho bố cục.

### 2.4.3. Các dạng hình trong bố cục

- **Bố cục hình hình học**: Là dạng bố cục được kết hợp bởi những thành phần hình dạng hình học cơ bản như hình vuông, chữ nhật, hình tròn, hình tam giác. Bố cục dạng hình hình học thể hiện sự cân bằng, đấng đối, chặt chẽ, mang đặc trưng của văn hoá phương Tây, thường áp dụng cho các không gian tượng đài có quy mô vừa và lớn, có vị trí quan trọng mang tính chính trị của đô thị và có tác dụng nhằm nâng cao vị thế, nâng cao sự hoành tráng của công trình trong bố cục.

- **Bố cục dạng hình tự do**: Là bố cục được tổ hợp bởi các yếu tố thành phần có hình dáng tự do bởi sự sử dụng các hình thức đường cong, các hình không đối xứng, các đường thẳng đa hướng...Bố cục dạng này thể hiện sự hài hoà với thiên nhiên, nó cũng thể hiện được chủ đề tư tưởng mang tính triết học Phương Đông. Kiểu hình tự do được thiết kế uyển chuyển, phù hợp với sự không khoa trương của người Phương Đông.

- **Bố cục dạng hỗn hợp**: Là kiểu bố cục được kết hợp cả hai: dạng hình hình học và dạng hình tự do. Bố cục dạng này thường vừa tạo được sự chặt chẽ trong hình thức, vừa hài hoà với các yếu tố thiên nhiên. Đây là dạng bố cục rất hay được sử dụng trong các tổ hợp công trình kiến trúc cổ ở Việt Nam được áp dụng theo lý thuyết phong thủy và triết học Phương Đông.

## 2.5. Cơ cấu phân khu chức năng của không gian tượng đài

### 2.5.1. Các yếu tố tạo lập không gian tượng đài

- **Tượng đài – công trình điêu khắc**: Là công trình chủ đạo của không gian, là yếu tố mang nội dung, tinh thần của toàn bộ không gian mà tất cả các yếu tố thành phần khác có nhiệm vụ tôn vinh, và làm không gian nền và phục vụ cho sự hiện diện của tượng đài. Đây là yếu tố đặc biệt, là một tác phẩm hoàn chỉnh và có giá trị nghệ thuật cao.

- **Địa hình**: Là thành phần không gian tự nhiên tồn tại hiện hữu tại vị trí đặt không gian bao gồm các yếu tố nền, đồi, núi nằm trong không gian bố trí tượng đài. Đối với việc tạo nên cảnh quan kiến trúc, địa hình (yếu tố nền) là yếu tố rất quan trọng đặc biệt là đối với các không gian tượng đài lịch sử mang tính chất phương Đông. Việc tạo hay tận dụng những yếu tố địa hình phong phú là

cơ sở tạo thành những tổ hợp chủ yếu của bố cục không gian tượng đài một cách sống động, đa dạng về hình thức và tạo sự hoà hợp với thiên nhiên.

- **Cây xanh:** Là một trong những yếu tố cơ bản tạo lập không gian tượng đài lịch sử. Cây xanh đóng vai trò là yếu tố trang trí cho không gian, tạo thành những quần thể có tính thẩm mỹ, có giá trị về mặt kiến trúc, môi trường ngoài ra cây xanh còn có giá trị làm phong nền lý tưởng cho tượng đài.

- + **Về mặt chức năng:** cây xanh có khả năng cải tạo môi trường, phòng chống khí độc hại, làm giảm tiếng ồn và góp phần cân bằng sinh thái đô thị.

- + **Về mặt thẩm mỹ:** cây xanh có màu sắc, mùi hương, hình dáng đa dạng, thay đổi theo từng mùa, có tác dụng làm đẹp cho đô thị, đáp ứng các nhu cầu văn hoá và lối sống mỗi đô thị. Đây cũng là yếu tố tạo nên sắc thái riêng cho từng đô thị.

- + Đối với cây xanh, người thiết kế tổ chức không gian cần chú ý hai yếu tố: đó là bố cục cây trồng trong bố cục, nó bao gồm các tính chất về chiều cao và quy mô phù hợp cho bố cục không gian; thứ hai là thể loại cây trồng, nó phụ thuộc màu sắc, dạng tán, sự sinh trưởng của các thể loại cây theo từng mùa...

- **Mặt nước:** là thành phần quan trọng trong bố cục không gian tượng đài lịch sử. Mặt nước cùng với cây xanh, địa hình, kiến trúc tạo nên sự hài hoà, phong phú về cảnh sắc không gian. Đối với không gian tượng đài, một công trình nghệ thuật, mặt nước là một yếu tố sử dụng thể hiện được những thủ pháp về thẩm mỹ, làm tăng giá trị cho công trình chủ đạo là tượng đài.

Mặt nước có chức năng ảnh hưởng lớn đến tiêu khí hậu, vệ sinh môi trường và các hoạt động trong không gian chung. Mặt nước và cây xanh là những nhân tố quan trọng tạo thành mối quan hệ sinh thái và thẩm mỹ của môi trường đô thị.

Trong bố cục không gian, mặt nước có thể được xử lý là một thành phần hình thái động hoặc tĩnh, ở hình thái động, mặt nước có thể là bể đài phun nước, hồ tạo sóng, ở hình thái tĩnh, mặt nước thường được giữ ở dạng mặt nước lặng, có tác dụng như một mặt gương, tạo một cảm giác sang trọng, thuần khiết cho công trình.

- **Các kiến trúc nhỏ:** Bao gồm các công trình kiến trúc có chức năng và nhiệm vụ hỗ trợ cho các hoạt động của không gian tượng đài. Hệ thống kiến trúc nhỏ trong tổng thể không gian tượng đài có khả năng điều chỉnh, sắp đặt không gian tổng thể, hoàn thiện các chức năng khác, đảm bảo cho sự hoàn thiện cả về mặt công năng và mặt thẩm mỹ của không gian tượng đài. Các kiến trúc

nhỏ cũng là một thành phần không thể không nhắc tới của không gian tượng đài trong đô thị. Hai thể loại chính cho kiến trúc nhỏ là kiến trúc nhỏ trang trí: có thể là các chòi nghỉ, nhà bia, các kiến trúc nhỏ trong tiểu cảnh,.. dạng thứ hai là các kiến trúc nhỏ mang tính phục vụ các chức năng khác như dịch vụ, các khu vệ sinh...

• **Hệ thống chiếu sáng:** Trong thực tế, không gian tượng đài lịch sử là không gian giao tiếp sử dụng cả ban ngày và ban đêm. Hình thức chiếu sáng trong không gian tượng đài là một yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của bố cục không gian, trong đó tượng đài và các thành phần kiến trúc xung quan là những yếu tố được ánh sáng nhấn mạnh và nâng cao giá trị của nó. Chính vì vậy, việc nghiên cứu về ánh sáng trong không gian bao gồm cả chiếu sáng tự nhiên và nhân tạo là thành tố đáng quan tâm, ngoài ra, nó còn góp phần hoàn thiện về nghệ thuật chiếu sáng của đô thị. Cần nghiên cứu, lựa chọn các thể loại đèn, các nguồn chiếu sáng chính và các không gian nhận sáng một cách phù hợp nhằm tạo một bố cục đẹp cho không gian tượng đài. Các yếu tố cần quan tâm của hệ thống chiếu sáng là:

+ **Kiểu dáng đèn** cần phù hợp với không gian bố cục chung: đây là yếu tố mang tính trang trí, nó đòi hỏi sự thiết kế một cách hoàn chỉnh trong toàn bộ các thành phần của không gian tượng đài.

+ **Bố cục chiếu sáng** theo bố cục chung của không gian tượng đài: Không gian tượng đài lịch sử là một không gian có chủ đề, có yếu tố chính và yếu tố phụ trợ. Việc xử lý bố cục chiếu sáng chung sẽ góp phần nâng cao tính chính – phụ, đưa nội dung chính của không gian đến với người cảm nhận một cách cụ thể và rõ nét hơn. Trong đó, yếu tố chính là tượng đài sẽ là đối tượng cụ thể và chủ đạo, cần được chất lượng chiếu sáng tốt nhất và cần tạo được hiệu quả thẩm mỹ về ánh sáng tốt nhất.

+ **Độ rọi yêu cầu trong không gian:** Là yêu cầu mang tính kỹ thuật cho không gian tượng đài nhằm đáp ứng được những yêu cầu về độ nhìn rõ, yêu cầu hoạt động cho người dân sinh hoạt trên không gian tượng đài. Ở đây, độ rọi yêu cầu dành cho các thành phần không gian trong không gian tượng đài cần được áp dụng những quy định về độ chiếu sáng dành cho công trình đặc thù.

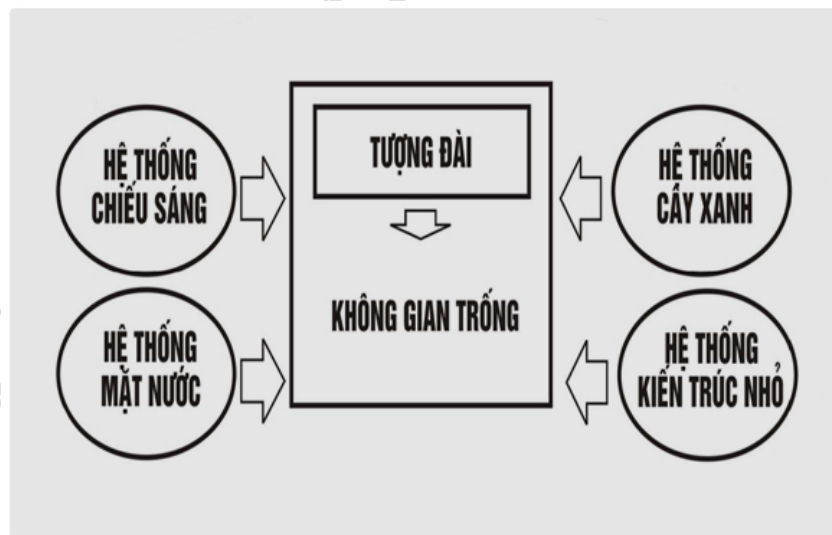
+ **Hệ thống chiếu sáng nghệ thuật:** hệ thống chiếu sáng của không gian tượng đài thường được xử lý bằng những thủ pháp mang tính sân khấu hoá, là một dạng chiếu sáng mà nguồn sáng thường chiếu hắt từ dưới lên, như vậy, việc cảm thụ công trình điêu khắc càng được nhấn mạnh, nổi bật lên so với không gian chung quanh.

+ **Không gian trống trong bố cục không gian tượng đài:** Là một thành phần quan trọng bậc nhất trong các thành phần cấu thành không gian tượng đài. Đây là không gian mà người tham quan có thể cảm thụ công trình tượng đài, nơi có thể tổ chức những hoạt động lễ hội của người dân gắn liền với những sự kiện, nghi thức mang tính tín ngưỡng, chính trị, xã hội, là không gian dạo chơi, giao tiếp, đồng thời phục vụ những nhu cầu khác của người dân. Không gian trống trong bố cục không gian tượng đài là thành phần cần quan tâm và là đối tượng mang tính chủ đạo cho toàn bộ không gian tượng đài. Dựa vào chức năng quan trọng đó, không gian trống cần đáp ứng được rất nhiều những yêu cầu về nghệ thuật- khoa học- thẩm mỹ và tất cả những thành phần khác đều có quan hệ mật thiết với thành phần này, hỗ trợ và hoàn thiện cho nó, và tăng giá trị cho cả không gian tượng đài.

### 2.5.2. Cơ cấu phân khu chức năng không gian tượng đài

Dựa vào chức năng chính của không gian tượng đài là môi trường dành cho tượng đài sống và thể hiện tất cả những giá trị nghệ thuật của nó, do đó không gian này có cơ cấu phân khu chức năng chủ yếu theo dạng sau:

#### *Sơ đồ cơ cấu phân khu chức năng không gian tượng đài*



- **Tượng đài** là công trình trung tâm, là điểm có những thuận lợi nhất về tầm nhìn, có không gian trước là không gian trống mở rộng, không gian phía sau là một phòng nền có giá trị thẩm mỹ và có khoảng lùi hợp lý. Không gian xung quanh tùy thuộc địa hình tự nhiên hay nhân tạo mà bố cục được sắp đặt một cách hợp lý.

- Các thành phần chiếu sáng, mặt nước, các kiến trúc nhỏ là những thành phần trang trí thường được bố trí phía trước và hai bên tượng đài giúp bổ sung, trang trí cho bố cục.

- + **Mặt nước** sử dụng trong không gian tượng đài thường được đặt ở phía trước, đây là yếu tố tạo sự linh hoạt và đa dạng cho không gian, với những hiệu quả về mặt ánh sáng, hiệu ứng gương... Mặt nước đem lại những tác dụng rất hiệu quả về mặt thẩm mỹ cho không gian chung, tuy nhiên không nên lạm dụng yếu tố này bởi trong điều kiện tự nhiên, thời tiết của nước ta, việc giữ cho yếu tố mặt nước luôn đẹp là rất khó.

- + **Cây xanh** là thành phần quan trọng, nó đóng góp một phong nền lý tưởng cho công trình tượng đài, nó cần được trồng theo bố cục, có độ cao, dạng tán phù hợp sẽ là cho không gian tượng đài sinh động, tạo thành một môi trường hoà hợp với thiên nhiên, tạo khoảng xanh cho đô thị và có tác dụng cải thiện điều kiện môi trường.

- + **Không gian trống** luôn được sắp đặt trước công trình tượng đài. Đây là không gian tập trung người dân, là nơi tổ chức các hoạt động xã hội gắn liền với không gian tượng đài, ngoài ra không gian trống còn là yếu tố trung gian nối từ người cảm thụ tới công trình tượng đài. Do vậy, việc xử lý thiết kế không gian trống cần quan tâm tới quy mô, góc mở thị cảm của không gian tới tượng đài, vật liệu và màu sắc của nó sao cho tượng đài được cảm thụ tốt nhất.

## 2.6. Cơ sở lựa chọn vị trí, hướng tầm nhìn, quy mô tượng đài

### 2.6.1. Cơ sở lựa chọn vị trí không gian tượng đài

Trong quy hoạch đô thị, không gian dành cho tượng đài được lựa chọn cần phù hợp với hệ thống các công trình văn hoá của đô thị. Vị trí của chúng phải là trung tâm của đô thị, có ảnh hưởng và tác động lớn đến cộng đồng dân cư, thuận tiện về mặt giao thông và có khả năng tập trung đông người, không gian, cảnh quan cần có tính thẩm mỹ cao và thuận tiện cho việc tổ chức lễ, hội, và các tổ chức hoạt động phục vụ giáo dục truyền thống, chính trị, văn hoá khác.

Là một công trình công cộng, do vậy khi xác định quy hoạch định hướng phát triển không gian cần phải xác định rõ bán kính phục vụ cho mỗi công trình tượng đài trong đô thị. Ngoài ra, là một công trình nghệ thuật văn hoá, giáo dục, công trình cần chú trọng việc tạo điều kiện thuận lợi về mặt giao tiếp đối với người dân.

Để phục vụ việc quảng bá ý nghĩa của công trình, vị trí của nó cũng cần lựa chọn phù hợp với tuyến tham quan, du lịch của đô thị nhằm phục vụ tối đa khách vãng lai tới đô thị đó.

Tượng đài là công trình mang tính công cộng, có tác dụng đối với quảng đại quần chúng trong và ngoài đô thị. Chính vì vậy, công trình cần phải lựa chọn điểm đặt phù hợp trong đô thị. Việc hoạch định không gian dành cho thể loại công trình này cần được các nhà quy hoạch, kiến trúc chú ý từ trong quy hoạch phát triển không gian của mỗi đô thị và công trình phải được đặt ở một vị trí trung tâm và có ảnh hưởng lớn về mọi mặt trong không gian đô thị.

### 2.6.2. Nguyên tắc về tính trung tâm của không gian tượng đài

- *Yếu tố đặc trưng về tính trung tâm*

Mang ý nghĩa tạo hạt nhân đô thị, biểu thị tầm mức ảnh hưởng của ý nghĩa, vai trò và chức năng trung tâm đối với các vùng xung quanh, tạo nên các trường hấp dẫn. Đây là yếu tố quan trọng để hình thành và phát triển không gian tượng đài lịch sử trong đô thị, qua đó, tượng đài lịch sử có thể đem lại những hiệu quả cao nhất về mọi mặt phục vụ cuộc sống văn hoá, giáo dục cho người dân đô thị.

- *Yếu tố đặc trưng về chức năng*

Trung tâm đô thị là nơi tập trung cao nhất các hoạt động kinh tế xã hội đa dạng của đô thị, đồng thời là môi trường giao tiếp xã hội thuận lợi nhất của dân cư đô thị. Không gian tượng đài phải thoả mãn không gian giao tiếp xã hội gắn kết các thành phần chức năng trong các khu trung tâm đô thị

### 2.6.3. Cơ sở nguyên tắc về tầm nhìn và vùng thụ cảm thẩm mỹ

Mặc dù thị giác của chúng ta cho phép thấy được thực tại quanh mình với độ chính xác lớn ở khoảng cách đáng kể song nó có một loạt đặc điểm và hạn chế.

Trong kết quả nhiều cuộc nghiên cứu của các nhà khoa học trên thế giới đã xác định được ranh giới sau của trường nhìn con người bình thường.

Ở hướng thẳng đứng: Lên trên  $45^\circ$ , xuống dưới  $65^\circ$ .

Ở hướng nằm ngang: Từ bên ngoài  $70^\circ$ , vào bên trong  $60^\circ$

Các góc nhìn hạn chế không gian mà chúng ta có thể bao quát bằng một cái nhìn khi đầu giữ nguyên. Độ rõ rệt của cảm thụ các vật thể nằm trong trường nhìn này khác nhau và có thể phân thành các vùng.

**Vùng thấy được đặc biệt rõ rệt và chính xác:** nằm xung quanh đường nhìn (trục quang) trong phạm vi góc nhìn  $1-1,5^\circ$ , điều này phù hợp với hố trung tâm của võng mạc. Ngoài ranh giới này độ rõ rệt và chính xác độ nhìn thấy giảm đi, tiểu dị rất nhỏ của cảm thụ chi tiết và màu sắc cũng mất đi.

**Vùng thụ cảm chính xác:** nằm trong phạm vi góc nhìn gần  $25^\circ$  (đến  $12,5^\circ$  từ trục quang). Trong giới hạn này chúng ta nhìn rõ trang sách với đoạn văn dài 20-25cm, cũng như các vật thể nhỏ như cây kim, cái kẹp, cúc áo...

**Vùng thấy được hạn chế:** nằm trong phạm vi góc nhìn gần  $60^\circ$  ( $30^\circ$  về bất kỳ phía nào từ trục quang), ở đây thị lực còn giảm nhiều hơn và ở mức ranh giới ngoài không vượt quá 1% so với mức ở đường nhìn. Càng xa trục quang, ảnh hưởng của nguồn sáng nằm trong phạm vi trường nhìn giảm xuống, và nó giảm mạnh ở ranh giới vùng này.

**Vùng thấy được yếu:** nằm giữa ranh giới vùng trước và ngoại vi trường nhìn. Các vật thể nằm ở đây hiện ra không rõ đến nỗi dễ cảm thụ rõ rệt chúng cần phải đổi hướng nhìn và quay đầu. Song phạm vi trường nhìn ngoại vi có thể phân biệt chuyển động và màu sắc, chi tiết ở đây không rõ.

Việc quan sát đối tượng có kích thước tuyến lớn đã không thể không quay đầu nếu như mắt chúng ta nằm ở trạng thái tĩnh. Thực tế hướng nhìn của mắt thay đổi trung bình gần 120 lần trong 1 phút.

Mắt dừng chuyển động sau một vài giây đã cuốn theo việc biến mất của hình ảnh, bởi những kích thích thần kinh chạy vào não do sự thay thế soi sáng của các nguyên tố riêng lẻ của các vũng mạc gây nên đã chấm dứt.

Cần nhận thấy rằng thị giác ở mọi người không giống nhau: khi mắt kém độ nhìn thấy chấm dứt nếu góc lớn hơn  $1'$ , còn khi mắt tinh đối tượng quan sát có thể thấy được nếu góc nhỏ hơn đáng kể góc bình thường. Giá trị của góc bằng  $1'$  được coi là trung bình, phù hợp với thị giác của đa số, và là quy luật chỉ khi quan sát vật thể tối trên nền sáng.

Vùng thị cảm thẩm mỹ được xác định bởi phạm vi có khoảng cách từ điểm thụ cảm đến vật thể được quan sát. Tùy thuộc sự thay đổi các khoảng cách này mà ta xác định được vùng thụ cảm thẩm mỹ. Khi hướng quan sát thay đổi mà điểm thụ cảm vẫn cố định thì sẽ tạo ra một phạm vi thụ cảm rộng hơn, có bán kính khoảng cách từ điểm quan sát đến vật thể được quan sát.

- *Tầm nhìn với kiến trúc quanh không gian tượng đài*

**KTS người Đức – H. Martens** đã tổng kết trong tác phẩm Blunenfild về “Scale civic design”: Mắt người khi nhìn thẳng về phía trước có  $2/3$  thị trường nằm ngang đi qua mắt, góc này là  $40^\circ$ . Nếu một phần bầu trời được đưa vào thị trường một người có thể nhìn thấy toàn bộ công trình ở góc nhìn  $27^\circ$  khi  $D/H=2$  (D: khoảng cách từ công trình đến mắt, H: độ cao công trình). Ông kết luận rằng góc nhìn  $27^\circ$  là tối ưu cho việc cảm thụ kiến trúc và không gian chung quanh nó.

**Còn theo Weerner Hegemann và Elbert Peets trong “American Vinus”:**

Khi  $D=2H$ , ta có góc nhìn  $27^\circ$ . Trong trường hợp này, vật thể sẽ rơi hoàn toàn vào thị trường của người quan sát.

Khi  $D=3H$ , ta có góc nhìn  $18^\circ$ . Trường hợp này, ưu thế của vật thể quan sát được thể hiện rõ nét hơn.

**Theo Yoshinobu Ashihara**, tỷ lệ  $D/H$  là mốc quan trọng để phân định sự thay đổi không gian đó:

Khi  $D/H < 1$  thì ta cảm thấy khoảng cách tương đối nhỏ hơn  $H$

Khi  $D/H = 1$  thì ta có sự cân bằng giữa chiều cao tòa nhà và không gian giữa chúng.

Khi  $D/H = 2 \div 3$  thì ta có cảm giác thoải mái về môi trường quan sát.

Khi  $D/H > 4$  thì cảm giác về sự khép kín của môi trường hoàn toàn biến mất.

Tóm lại, khi  $D/H = 1$  thì tác dụng về sự khép kín của môi trường rất mạnh mẽ và trong không gian, nếu  $D/H$  nhỏ dần đi ta cảm thấy đóng kín và sợ hãi.

**Theo Camilo Site về kích thước không gian tượng đài** tối thiểu phải bằng chiều cao tòa nhà chính và lớn nhất không vượt quá 2 lần chiều cao của công trình ngoại trừ hình dáng mục đích thiết kế công trình một kích thước lớn hơn.

Khi  $D/H < 1$  thì không gian bên ngoài không còn đảm bảo vì bị tác động quá mạnh của công trình xây dựng xung quanh

Khi  $D/H > 2$  thì những hấp lực (Enforcing) tạo cảm giác không gian biến mất

Khi  $D/H \approx 1 \div 2$  thì không gian bên ngoài cân bằng và cho ta cảm giác về sự cân xứng.

- *Tầm nhìn với tượng đài trong không gian quảng trường*

Khi thiết kế không gian cho tượng đài có liên quan đến các vấn đề của cảm thụ thị giác đã xác định kích thước tối ưu không chỉ của tượng đài mà còn của cả không gian mà trên đó đặt tượng đài. Các điểm quan sát giới hạn và tối ưu cần ăn khớp với quy hoạch và xây dựng không gian xung quanh có thể được thiết lập.

Khi người quan sát càng tiến tới tượng đài thì điều kiện nhìn thấy thay đổi và góc nhìn tăng lên. Từ các khoảng cách xa tượng đài được cảm thụ như một phần của bức tranh chung, trong đó công trình xây dựng xung quanh hoặc phong cảnh chiếm phần lớn hơn bề mặt của nó. Khi này, chiều dày đáng kể của lớp không khí làm giảm độ nhìn thấy đã tách khách tham quan khỏi tượng đài. Độ lớn của tượng đài giảm đi theo quy luật phối cảnh và nó được cảm thụ cách chính dưới dạng hình bóng. Càng tiến gần tới tượng đài, kích thước của nó tăng một cách tương ứng và lớp không khí giữa nó và khách tham quan giảm và tượng đài chiếm phần lớn hơn bề mặt của bức tranh – cảnh nhìn. Đồng thời các phần riêng của tượng đài, còn sau đó các chi tiết của chúng được thể hiện mạnh hơn. KH.Martenx khuyến nghị ba góc nhìn thẳng đứng tối ưu, mà với chúng có thể xem xét tốt hơn đối tượng quan sát. Góc  $45^\circ$ , trong những trường hợp cá biệt có thể tăng đến  $50^\circ$ , là phù hợp hơn cả để quan sát các đoạn và chi tiết riêng



biệt của tượng đài. Điều này có ý nghĩa rằng người xem cần đứng cách xa gần một chiều cao đối tượng. Dưới góc này tượng đài không thể được người xem cảm thụ hết.

Góc  $27^\circ$  là thích hợp hơn để quan sát toàn bộ tượng đài. Trong trường hợp này, người quan sát phải ở khoảng cách chừng hai lần chiều cao của đối tượng quan sát. Trong điều kiện này có thể đồng thời xem xét tốt toàn bộ tượng đài nói chung, cũng như các chi tiết của nó. Từ những khoảng cách này tượng đài chiếm phần lớn bề mặt trong bức ảnh thị giác.

Cùng với các góc đã chỉ dẫn, thường sử dụng góc thứ ba cho phép xem xét tượng đài ở dạng chung, cũng như ở chi tiết. Góc này nằm trong giới hạn  $18 - 20^\circ$ , điều này phù hợp với chừng ba chiều cao tượng đài (chiều cao tượng đài (H) bằng khoảng cách từ mắt người quan sát đến điểm trên cùng của tượng đài điêu khắc (điểm cao nhất của phần tượng chính). Hơn nữa nó được cảm thụ trên nền công trình hay cảnh quan xung quanh hoặc phong cảnh như một phần của bức tranh thị giác chung.

- *Sự ảnh hưởng của bức ảnh thu nhỏ tới việc cảm thụ tượng đài trong không gian của chúng*

**Ảnh thu nhỏ:** là hiện tượng thu gọn các phần của đối tượng quan sát bằng hình ảnh thu nhỏ khi góc quan sát thay đổi, các kích thước thẳng đứng chịu sự thu gọn mạnh nhất. Ảnh thu nhỏ để khảo sát các khuôn hình dùng để đề xuất những khu vực không chế không cho người quan sát tiếp cận vì ở đó hình ảnh của đối tượng quan sát bị biến dạng.

Việc cảm thụ phụ thuộc chiều cao và khoảng cách mà từ đó tiến hành quan sát tượng đài, diễn ra sự bóp nhỏ các phần của tượng đài bằng ảnh thu nhỏ.

Đặc biệt các hiện tượng của ảnh thu nhỏ dễ nhận thấy ở các tượng mà ở đó các phần bên trên bị rút gọn đáng kể nhiều hơn các phần bên dưới. Điều này phải được tính đến khi sáng tác tượng đài và lựa chọn điểm đặt cho tượng đài.

Người quan sát càng gần đối tượng quan sát, ảnh thu nhỏ các phần của nó càng lớn. Trong thực tế thiết kế và xây dựng tượng đài cần đặc biệt chú ý đến ảnh hưởng của ảnh thu nhỏ khi đặt tượng đài ở các khu vực có độ lùi hạn chế để quan sát, khi xác định giới hạn quan sát tượng đài trong không gian.

Mức độ ảnh hưởng của ảnh thu nhỏ tới hình dáng tượng phụ thuộc vào chiều cao đứng của tượng đài và khoảng cách quan sát.

Sử dụng những số liệu về kích thước không gian chúng ta có thể thiết lập cho mỗi tượng đài điêu khắc vùng quan sát cho nó và xác định được tính chất xây dựng tiện nghi các không gian này.

Thí dụ, không nên tạo điều kiện cho người xem lại quá gần tượng, bởi khi góc nhìn tăng tới  $70-78^\circ$  hình dáng tượng bị sai lệch mạnh bởi các hình ảnh thu nhỏ có các gờ nhô và các chi tiết kiến trúc có thể che khuất cả tượng đài.

Có thể coi khu vực mà từ đó thấy được tượng đài dưới góc nhìn  $50^\circ$  là giới hạn tới gần được phép của người quan sát. Song là tốt hơn nếu có góc quan sát từ khoảng cách không dưới một chiều cao của tượng đài. Trong các điều kiện này, việc nhìn thấy rõ đòi hỏi phải có một trạng thái yên tĩnh. Bởi vậy cần thiết để không gian trước tượng đài trong phạm vi điều kiện thấy được đã chỉ dẫn không nằm trên đường giao thông.

Trong vùng điều kiện quan sát tối ưu nơi có góc nhìn tới tượng đài với góc  $27-18^\circ$  (Gần 2-3 chiều cao tượng đài), người xem có thể dừng chân thời gian lâu hơn. Bởi vậy, ở đây có thể bố trí không gian có thể tập trung đông người, các ghế ngồi,... tạo điều kiện cho tâm trạng dễ chịu và không hạn chế độ nhìn thấy ở hướng cần thiết.

Như vậy, các không gian phụ, đường đi bộ, vỉa hè... phải cách tượng đài một khoảng cách không dưới ba lần chiều cao của tượng.

- *Nguyên tắc xác định vùng thụ cảm thị giác của tượng đài trong quảng trường*

Việc xác định vùng thụ cảm thị giác của tượng đài trong quảng trường có ý nghĩa quan trọng giúp cho tượng đài có thể sống với đúng ý nghĩa thực sự của nó.

Theo phân tích của các nhà khoa học Liên Xô cũ trên cơ sở khả năng sinh lý của mắt người đã chỉ ra rằng: Ranh giới quan sát gần nhất tối ưu từ khoảng cách từ 2 đến 3 lần chiều cao tượng đài. Với khoảng cách này, bố cục, hình khối, nội dung tư tưởng của tượng đài được thể hiện rõ ràng nhất.

- *Quan hệ giữa vị trí tượng đài với tỷ lệ, kích thước quảng trường*

Khi lựa chọn vị trí của tượng đài trong không gian quảng trường cần tính đến khả năng quan sát từ các hướng của tầm nhìn tới tượng đài. Các nhà nghiên cứu khoa học Liên Xô cũ đã đúc kết rằng ở khoảng cách dưới 13 lần chiều cao tượng (chưa kể bộ) khuôn mặt tượng sẽ được cảm thụ đầy đủ rõ ràng.

- *Nguyên tắc về hướng chiếu sáng tới công trình tượng đài*

Tượng đài là công trình điêu khắc có quy mô thường lớn hoặc rất lớn, được đặt ngoài trời, những nơi công cộng. Do vậy, tượng đài chủ yếu được cảm nhận bằng ánh sáng tự nhiên (Ban ngày) và bằng đèn chiếu (Ban đêm).

Nguồn sáng tự nhiên là nguồn sáng thay đổi theo thời gian (Chu kỳ là 24 giờ), và ban ngày chính là thời gian giao tiếp chủ yếu của bản thân tượng đài và không gian công cộng quanh nó. Chính vì vậy, việc lựa chọn hướng đặt tượng

cũng như quy hoạch tổng thể không gian tượng đài sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả thẩm mỹ của công trình.

Không gian tượng đài phải được xác định từ khâu quy hoạch định hướng không gian của một đô thị. Hướng của tượng đài không những phụ thuộc vào hướng của không gian đặt tượng mà còn phải phụ thuộc vào hướng chiếu sáng có lợi nhất cho hiệu quả thẩm mỹ của tượng đài – công trình điêu khắc. Đây chính là nhiệm vụ của người làm quy hoạch đô thị.

Tượng đài là một tác phẩm có tính nghệ thuật cao, được thể hiện bằng những mảng, khối và các hoa văn mang tính hình khối. Hiệu quả thẩm mỹ mà chúng biểu hiện trong sự cảm thụ công trình chính là sự kết hợp giữa các yếu tố trên và ánh sáng. Ánh sáng làm cho công trình hiện lên trong mắt người cảm thụ. Đó chính là tầm quan trọng của việc lựa chọn hướng sáng sao cho phù hợp nhất.

Tượng đài là khối điêu khắc. Như vậy, việc quan tâm đầu tiên trong việc tổ chức không gian là xác định được hướng có lợi nhất về thẩm mỹ cho công trình.

Đối với công trình điêu khắc, hướng ánh sáng chiếu tới sẽ quyết định hiệu quả thẩm mỹ của hình khối và đường nét và hướng chủ đạo có lợi nhất cho tượng đài là khoảng chệch từ  $30^\circ$  đến  $45^\circ$  từ hai bên tới tượng (lấy trục mặt của tượng đài làm góc  $0^\circ$ ).

Với góc chiếu sáng tới tượng đài lớn hơn  $45^\circ$  thì bóng đổ sẽ chiếm phần lớn các khối, như vậy cảm giác về hình sẽ không còn chính xác trong mắt của người cảm thụ. Còn nếu góc chiếu sáng nhỏ hơn  $30^\circ$  thì tượng đài sẽ phản chiếu tối đa ánh sáng chiếu tới vào mắt người cảm thụ gây cảm giác chói lóa và hiệu quả thẩm mỹ sẽ không còn. Ngoài ra, trong trường hợp góc trục tượng đài và trục hướng Đông – Tây nằm trong phạm vi nhỏ hơn góc  $30^\circ$  sẽ xảy ra trường hợp mặt trời nằm phía sau tượng, như vậy toàn bộ tầm nhìn sẽ bị lóa và không thể cảm nhận được hình ảnh của tượng đài trong mắt người quan sát.

- Nguyên tắc về hướng tượng đài dựa trên đặc trưng của hình dáng khu đất đặt tượng và vị trí của các công trình kiến trúc chính xung quanh

Việc lựa chọn hướng của tượng đài còn phụ thuộc vào đặc điểm của không gian khu đất dự kiến đặt tượng. Đây chính là một thành phần quan trọng, có tính quyết định sự thành công về mặt thẩm mỹ cho không gian tượng đài và bản thân tượng.

Đặc trưng của khu đất thể hiện ở các mặt sau:

- Hình dáng khu đất
- Hiện trạng, vị trí, xu hướng phát triển và phong cách kiến trúc các công trình kiến trúc không gian xung quanh khu đất đặt tượng đài

- Quy mô các công trình kiến trúc, quy mô của không gian tổng thể
- *Xác định vị trí, hướng chính của tượng đài qua hình thái các dạng không gian đặt tượng*

Loại không gian	Vị trí , hướng tượng đài trong tổ hợp không gian
<p>Với không gian quảng trường hình chữ nhật , các trục giao thông ở cả bốn mặt có vai trò như nhau, vị trí tượng đài hợp lý nhất là nằm tại vị trí trung tâm của khu đất, vị trí này có tầm nhìn tốt nhất từ các hướng. Hướng chính của tượng đài nên lựa chọn hướng về trục giao thông có tính quan trọng và có lưu lượng giao thông lớn nhất.</p>	
<p>Với những không gian tượng đài có hình dáng khu đất là hình chữ nhật, có các trục giao thông đối xứng về các hướng nhưng có một công trình kiến trúc chủ thể của không gian (công trình có tính chủ đạo của không gian như nhà thị chính, cung, công trình văn hoá chính...) thì vị trí của tượng nên ở vị trí trung tâm của không gian vì vị trí này có tầm nhìn tốt nhất. Hướng của trục tượng do ảnh hưởng của vị trí công trình chủ thể, trục tượng nên đi qua công trình chủ thể, quay lưng về công trình kiến trúc và lấy công trình kiến trúc là một phong nền lý tưởng cho tượng đài</p>	
<p>Các không gian dạng này thường là các đảo giao thông lớn trong đô thị, vị trí tượng đài nên đặt ở tâm của không gian, hướng tượng phụ thuộc và hướng của trục giao thông chính và hướng chiếu sáng hợp lý của vị trí này.</p>	

Loại không gian	Vị trí , hướng tượng đài trong tổ hợp không gian
<p>Khi có công trình kiến trúc chủ đạo trong không gian tượng đài hình tròn có nhiều hướng tiếp cận, hướng tượng phù hợp là hướng quay lưng vào công trình kiến trúc và vị trí nên nằm ở tâm của không gian.</p>	
<p>Đối với các không gian tượng đài dạng hình tam giác, thường gặp trong các trường hợp là quảng trường giao thông lớn hay các boulevard, hướng của tượng đài thường được lựa chọn là hướng tới trực thẳng với không gian, đây là hướng có được tầm nhìn tốt nhất.</p>	
<p>Trong các không gian trong vườn hoa, công viên, hướng tượng đài được xử lý tự do, chủ yếu phụ thuộc vào bố cục các không gian tiểu cảnh, đường dạo. Cần chú ý khoảng không gian trống trước công trình để người chiêm ngưỡng có thể cảm thụ công trình.</p>	
<p>Trong những không gian có địa hình đa dạng, cũng như trong các không gian vườn hoa, hướng tượng đài là tự do. Tuy nhiên, cần chú ý tới những địa vật của không gian. Nếu là đồi, gò... thì tượng đài nên quay lưng lại với những địa vật đó. Nếu là mặt nước thì tượng đài nên hướng mặt chính về phía mặt nước. Không nên để mặt nước sau lưng tượng.</p>	

*Bảng tổng hợp các loại không gian và lựa chọn hướng tượng đài, tranh hoành tráng*

### 2.7. Sử dụng cây xanh hợp lý trong bố cục không gian tượng đài

#### Yếu tố chính để lựa chọn cây trồng trong bố cục không gian tượng đài

Yếu tố Lựa chọn	Đặc điểm cây (Thân, lá, hoa)	Ngôn ngữ biểu hiện	Thí dụ minh họa
	Gam màu nóng	Tung bừng, vui tươi	Đỏ, Hồng, Da cam, Vàng

<b>Yếu tố Lựa chọn</b>	<b>Đặc điểm cây (Thân, lá, hoa)</b>	<b>Ngôn ngữ biểu hiện</b>	<b>Thí dụ minh họa</b>
<b>Màu sắc</b>	Gam màu lạnh	Yên tĩnh	Trắng, xanh nhạt, xanh thẫm, tím
	Định hình	Trang nghiêm, tĩnh	Tùng, bách
<b>Đặc tính</b>	Thân cột	Uy nghi, sang trọng	Các loại cau, dừa
	Thân rủ	Thơ mộng	Liễu
	Sắc thái địa phương	Phong cách riêng	Cọ, ban, ...
<b>Hình thức</b>	Chiều cao	Cây dáng cao, thấp	Cây hoa sữa, cây cau
	Dạng tán	Tán tròn, hình tháp,..	Cây ngâu, cây thông...

- *Bố cục và lựa chọn loại cây trồng dựa trên những nguyên tắc sau:*

- **Nguyên tắc phối kết, bố cục** cây trồng theo từng mảng, khối, theo quy mô, chiều cao, hình dáng tán, màu sắc nhằm tạo được các hiệu quả làm phong, nền, bố cục sân vườn theo chủ ý của tác giả. Cây xanh nếu được bố cục tốt trong không gian có thể tạo được sự dẫn hướng thị cảm của người quan sát đối với tượng đài. Nguyên tắc bố cục phối kết cây chủ yếu cần tuân theo những chú ý sau:

- Thận trọng khi đưa vào những cây trồng có cấu trúc độc đáo để đảm bảo sự hài hoà trong bố cục chung

- Cây đứng độc lập cần có khoảng cách đủ để cây phát triển sinh trưởng

- Cây có hoa đưa vào bố cục cần chú ý tỷ lệ phù hợp với các yếu tố xung quanh cũng như màu sắc, hình dáng của cây.

- Trong bố cục cây trồng cần chú ý sự phù hợp, hỗ trợ về thời gian sinh trưởng, tránh sự phá hỏng bố cục khi sự sinh trưởng của cây trồng không đồng đều.

- **Nguyên tắc sinh thái:** Là sự nghiên cứu về mối quan hệ của thực vật với môi trường xung quanh. Mỗi hình thái thực vật là một dấu ấn của điều kiện khí hậu mà thực vật đó đã hình thành. Việc bố trí các cây có đặc điểm hình thái bên ngoài nhất định, trong điều kiện sinh trưởng thích hợp với nó được coi như sự hài hoà thống nhất về mặt thẩm mỹ. Nếu đảm bảo được nguyên tắc này, cây xanh sẽ phát triển đúng hình thái đẹp nhất.

## CHƯƠNG 3. PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CÁC TƯỢNG ĐÀI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH

### 3.1. Phương pháp khảo sát

#### 3.1.1. Các bước khảo sát hiện trạng

Khảo sát tiến hành theo 4 bước, bao gồm:

- *Bước 1: Khảo sát thực trạng quy hoạch, kiến trúc*

Khảo sát thực trạng quy hoạch, kiến trúc nhằm thu thập thông tin liên quan đến các tượng đài đã xây dựng, bao gồm cả các thông tin tại hiện trường và cả các thông tin thu thập từ các cơ quan quản lý khai thác.

- *Bước 2: Tập hợp, xử lý các thông tin khảo sát*

Tập hợp, xử lý các thông tin khảo sát nhằm tập hợp các thông tin khảo sát, xử lý các thông tin đó theo các phương pháp như: phân loại theo giá trị nghệ thuật, quy hoạch, kiến trúc, cảnh quan, đánh giá mức độ hư hỏng (nếu có), đánh giá hiệu quả xã hội, kinh tế...

- *Bước 3: Đề xuất mục tiêu nâng cấp cải tạo cho từng tượng đài*

Đề xuất mục tiêu nâng cấp, cải tạo cho từng tượng đài. Các mục tiêu có thể được đề xuất là:

- Bảo trì giữ nguyên giá trị (ví dụ: sửa chữa cục bộ các hư hỏng);
- Nâng cấp, cải tạo một phần (ví dụ: nâng cấp cải tạo về cảnh quan, thay đổi vật liệu, mở rộng diện tích...);
- Nâng cấp, sửa chữa tổng thể (ví dụ: thay đổi vị trí tượng đài, nâng cấp toàn bộ cảnh quan hiện trạng....)

- *Bước 4: Đề xuất phương án thực hiện nâng cấp, cải tạo*

Đề xuất cụ thể các hạng mục cần sửa chữa, nâng cấp. Phương án về nguồn vốn, mức vốn và thời gian dự kiến cải tạo, nâng cấp. (sẽ đề xuất trong chương 9).

#### 3.1.2. Các phương pháp khảo sát cơ bản

- *Phương pháp quan sát tại chỗ*

Là hình thức quan sát bằng mắt thường, quan sát tại chỗ từng chi tiết kết hợp với công tác đo đạc, chụp ảnh. Đối với các công trình kiến trúc, đặc biệt là tượng đài việc quan sát tại chỗ còn giúp người khảo sát có thể cảm nhận về không gian, tính biểu cảm 3 chiều, cảm nhận hiệu quả kiến trúc, thẩm mỹ của tượng đài trong tương quan với không gian đô thị.

- *Phương pháp phỏng vấn, lấy ý kiến*

Là hình thức đối thoại trực tiếp hoặc gián tiếp giữa người phỏng vấn và người được phỏng vấn để thu thập thông tin về một lĩnh vực nào đó. Cụ thể trong dự án này áp dụng 3 biện pháp phỏng vấn, như sau:

- Phỏng vấn trực tiếp người dân sinh sống trong khu vực có tượng đài để tìm hiểu các thông tin về ý nghĩa thực tiễn của tượng đài, tranh hoành tráng đối với cuộc sống của người dân, tác dụng truyền tải thông điệp của tượng đài, tranh hoành tráng đối với họ.
- Phỏng vấn trực tiếp cán bộ phòng văn hóa thông tin địa phương về các tượng đài, tranh hoành tráng trên địa bàn, ghi nhận cảm nghĩ cũng như ý kiến đóng góp của họ về các tượng đài, tranh hoành tráng của địa phương.
- Phỏng vấn gián tiếp theo hình thức lấy ý kiến đóng góp, xin bổ sung thông tin bằng văn bản gửi tới phòng văn hóa thông tin các thành phố, huyện, thị trên địa bàn toàn tỉnh Quảng Ninh theo mẫu Phụ lục 4).
- *Phương pháp nghiên cứu tài liệu*

Là phương pháp thu thập và nghiên cứu các tài liệu liên quan đến các tượng đài, tranh hoành tráng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, ví dụ như: Các dự án cải tạo sửa chữa, các quyết định của chính quyền liên quan đến các tượng đài, tranh hoành tráng tại địa phương.

### **3.1.3. Quy ước về số liệu thu thập**

Các số liệu thu thập cho “Dự án quy hoạch hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” được quy ước như sau:

- Các số liệu, tài liệu sử dụng phải được dẫn nguồn chính xác.
- Đối với các số liệu đo vẽ hiện trạng trên thực địa cần đảm bảo chính xác. Với tính chất của một bản quy hoạch tổng thể và tính chất của thể loại công trình tượng đài, tranh hoành tráng, quy định sai số cho phép với các kích thước đo đạc là 5-10%.
- Đối với các số liệu cần thiết nhưng do nguyên nhân khách quan đã thất lạc thì cần ghi rõ trong hồ sơ là: “*không có thông tin*”.
- Đối với các số liệu cần thiết nhưng do nguyên nhân khách quan đã thất lạc nhưng có thể bổ sung bằng các nguồn không chính thống khác thì vẫn có thể ghi vào hồ sơ nhưng cần chú thích rõ: “*Trích dẫn từ nguồn....*”.



## 3.2. Phương pháp xử lý thông tin nhằm đánh giá hiện trạng các tượng đài, tranh hoành tráng

### 3.2.1. Phân loại, tập hợp thông tin

Thông tin sẽ được chia ra thành nhiều loại, mỗi loại sẽ phục vụ một nội dung nghiên cứu cụ thể, ví dụ: Thông tin về vị trí, thông tin về đầu tư, thông tin về hiện trạng xây dựng...

Tập hợp thông tin là công tác tổ hợp các thông tin với mục đích so sánh, đưa ra cái nhìn tổng thể cho cả hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Từ đó, có những quyết định thích hợp liên quan đến công tác quy hoạch xây dựng, cải tạo sửa chữa, phân bổ nguồn vốn thích hợp.

### 3.2.2. Trình bày thông tin khảo sát

Thông tin về khảo sát đánh giá hiện trạng sẽ được trình bày dưới 2 dạng: Thuyết minh và hệ thống bản vẽ. Ngoài ra, các phiếu xin ý kiến, các biên bản làm việc tại địa phương cũng sẽ được tập hợp lại như những tài liệu bổ sung cho chuyên đề.

Mỗi tượng đài sẽ được khảo sát theo mẫu sau:

❖ Tên tượng đài cần khảo sát
a. Thông tin chung
• Vị trí và thời gian xây dựng
- Vị trí xây dựng: (Nơi xây dựng tượng đài)
- Thời gian xây dựng: (Năm xây dựng, năm khánh thành).
• Chủ đề tượng đài
(Nêu ý nghĩa của tượng đài)
• Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng
- Tên tác giả: ( <i>Tên tác giả</i> );
- Chủ đầu tư: ( <i>Tên chủ đầu tư</i> );
- Đơn vị quản lí: ( <i>Tên đơn vị chủ quản</i> );
- Nguồn vốn đầu tư: ( <i>Tên nguồn vốn</i> ).
- Vốn đầu tư: (Tổng mức đầu tư, trong trường hợp tượng đài chỉ là một hạng mục thành phần trong một dự án tổng thể thì chỉ nêu giá trị đầu tư hạng mục tượng đài).
- Quy mô: (3 mức quy mô)
- Nhỏ: vốn đầu tư dưới 10 tỉ đồng
- Trung bình: vốn đầu tư từ 10 tỉ đồng đến 50 tỉ đồng

- Lớn: vốn đầu tư trên 50 tỉ đồng
<i>b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan</i>
• <i>Quy mô tượng đài</i>
- Diện tích đất xây dựng: ( <i>Diện tích khu vực đặt tượng</i> );
- Chiều cao: ( <i>Chiều cao tượng, chiều cao đế tượng</i> ).
• <i>Cảnh quan</i>
( <i>Miêu tả cảnh quan hiện trạng kiến trúc cảnh quan khu vực</i> )
• <i>Vật liệu</i>
- Vật liệu đế tượng đài: ( <i>Vật liệu sử dụng</i> );
- Vật liệu tượng đài: ( <i>Vật liệu sử dụng</i> );
- Sân nền: ( <i>Vật liệu sử dụng</i> );
• <i>Chiếu sáng</i>
( <i>Miêu tả hiện trạng chiếu sáng cho tượng đài</i> )
• <i>Chất lượng nghệ thuật tượng</i>
- Cách xây dựng hình tượng: ( <i>Miêu tả cách xây dựng hình tượng của tác giả: Tả thực, trừu tượng, nệ cổ, nệ thực...</i> );
- Đánh giá chất lượng nghệ thuật: ( <i>3 mức: Tốt, khá, trung bình</i> ).
- <b>Tốt:</b> Là các công trình có hình khối khỏe khoắn, tỉ lệ đẹp, chi tiết sắc xảo, cách xây dựng hình tượng hiện đại, thể hiện rõ phong cách sáng tác của tác giả. Được hội đồng chuyên gia của đơn vị tư vấn cho điểm trung bình trên 8 điểm.
- <b>Khá:</b> Là các công trình có hình khối khỏe khoắn, tỉ lệ đẹp, chi tiết sắc xảo, thể hiện rõ phong cách sáng tác của tác giả tuy nhiên có thể còn một số khiếm khuyết cần khắc phục. Được hội đồng chuyên gia của đơn vị tư vấn cho điểm trung bình từ 7 điểm đến 8 điểm.
- <b>Trung bình:</b> Là các công trình có hình khối và tỉ lệ khá tốt, tuy nhiên còn nhiều khuyết điểm cần khắc phục. Được hội đồng chuyên gia của đơn vị tư vấn cho điểm trung bình từ 7 điểm trở xuống.
• <i>Hiện trạng công trình</i>
( <i>Nêu những hư hỏng, khiếm khuyết hiện có của công trình, có 3 mức đánh giá</i> )
- <b>Tốt:</b> Là các công trình được bảo quản tốt, không có dấu hiệu hư hỏng.
- <b>Khá:</b> Là các công trình vẫn trong tình trạng tốt, tuy nhiên bắt đầu xuất

hiện một số hư hỏng cục bộ cần sửa chữa.

- Trung bình: Là các công trình trong tình trạng không tốt, có nhiều hư hỏng ảnh hưởng đến độ bền vững của công trình, cần sửa chữa.

- *Khai thác vận hành*

Đơn vị khai thác vận hành: (Tên đơn vị khai thác vận hành);

Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: (3 mức Tốt, Khá, Trung bình)

- Tốt: Là các công trình được khai thác hiệu quả thể hiện ở các mặt: Đóng góp vào việc tuyên truyền giáo dục sâu rộng ý nghĩa của tượng đài tới quần chúng nhân dân; thu hút đông khách thăm quan; đóng góp vào bộ mặt cảnh quan khu vực, quảng bá hình ảnh của địa phương; đem lại hiệu quả kinh tế xã hội. Được hội đồng chuyên gia của đơn vị tư vấn cho điểm trung bình trên 8 điểm.
- Khá: Là các công trình có đạt được phần lớn các tiêu chí giống như các công trình được đánh giá Tốt, tuy nhiên có một số ít tiêu chí chưa đạt được. Được hội đồng chuyên gia của đơn vị tư vấn cho điểm trung bình từ 7 điểm đến 8 điểm.
- Trung bình: Là các công trình chưa hiệu quả trong khai thác sử dụng, công trình vắng người thăm quan, công trình nằm trong các khu vực nội bộ khó tiếp cận... Được hội đồng chuyên gia của đơn vị tư vấn cho điểm trung bình từ 7 điểm trở xuống.

*c. Đánh giá của chuyên gia*

(Các đánh giá cơ bản của hội đồng chuyên gia)

*d. Đề xuất sửa chữa nâng cấp*

(Các dự kiến nâng cấp cải tạo trong tương lai)

## **CHƯƠNG 4. CƠ SỞ LÝ THUYẾT XÁC ĐỊNH MỨC VỐN, NGUỒN VỐN VÀ PHƯƠNG THỨC QUẢN LÝ, KHAI THÁC TƯỢNG ĐÀI, TRANH HOÀNH TRÁNG TỈNH QUẢNG NINH**

### **4.1. Nguyên tắc và cơ sở pháp lý xác định mức vốn và nguồn vốn đầu tư thực hiện quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh**

#### **4.1.1. Các nguyên tắc xác định mức vốn và nguồn vốn đầu tư thực hiện quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh**

Công trình tượng đài, tranh hoành tráng được xác định là công trình văn hoá thuộc Nhóm Công trình dân dụng (Phân loại theo Phụ lục 2 - Quy định tại Điều 6 Nghị định 15/2013/NĐ-CP Ban hành theo thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ XD).

##### **4.1.1.1. Nguyên tắc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư đối với nguồn vốn ngân sách Nhà nước**

Nguyên tắc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư đối với nguồn vốn ngân sách Nhà nước, bao gồm:

- Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư của Tỉnh Quảng Ninh.
- Việc phân bổ vốn đầu tư phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh giai đoạn 2016 – 2020 và sau năm 2020.
- Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác, của từng ngành, lĩnh vực và địa phương trên toàn Tỉnh; bảo đảm các cân đối vĩ mô, ưu tiên an toàn nợ công của Tỉnh.
- Bố trí vốn đầu tư tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ bố trí vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Ưu tiên bố trí vốn cho các vùng miền giữa các địa phương trên địa bàn toàn Tỉnh.

- Tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng đại, tranh hoành tráng thuộc các dự án quan trọng, các dự án mục tiêu, có ý nghĩa lớn đối với quốc gia, của tỉnh Quảng Ninh.
- Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư cho việc thực hiện quy hoạch trọng đại và tranh hoành tráng, tránh tham nhũng, lãng phí.
- Việc phân bổ phải phù hợp với khả năng cân đối của Ngân sách Tỉnh và huy động các nguồn vốn khác để nâng cấp, đầu tư xây dựng trọng đại và tranh hoành tráng.
- Đảm bảo tương quan hợp lý giữa vốn đầu tư cho các địa phương trên địa bàn toàn Tỉnh và vốn đầu tư theo các chương trình bổ sung có mục tiêu và vốn đầu tư trong việc cân đối ngân sách của từng địa phương.
- Việc phân bổ vốn đầu tư cho việc thực hiện Quy hoạch này phải đảm bảo dự án đã có trong quy hoạch này và đã được duyệt, có đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định.
- Đối với các dự án trọng đại và tranh hoành tráng thuộc Chương trình đầu tư công, dự án đầu tư công sẽ được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công theo nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm cho Chương trình đầu tư công.

#### *4.1.1.2. Nguyên tắc xác định mức vốn và nguồn vốn đầu tư thực hiện quy hoạch trọng đại và tranh hoành tráng trên địa bàn Tỉnh Quảng Ninh*

Với chính sách đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp trọng đại và tranh hoành tráng trên toàn tỉnh. Thực hiện huy động vốn của các ngành, địa phương và các tổ chức xã hội tham gia xây dựng trọng đại và tranh hoành tráng. Khuyến khích các doanh nghiệp và nhân dân được đầu tư xây dựng phân mỹ thuật, cụ thể:

- Đối với các công trình trọng đại, tranh hoành tráng được đầu tư xây dựng mới, bảo quản, tu bổ, nâng cấp, chuyển chất liệu sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước, các ngành, các địa phương căn cứ vào quy hoạch lập dự án và giải pháp về nguồn vốn trình UBND tỉnh phê duyệt, từ các nguồn vốn sau:
  - Nguồn vốn xin hỗ trợ ngân sách Nhà nước Trung ương;
  - Nguồn vốn từ ngân sách tỉnh;
  - Nguồn vốn từ ngân sách cấp huyện.
- Đối với các công trình trọng đại, tranh hoành tráng được đầu tư xây dựng mới, bảo quản, tu bổ, nâng cấp, chuyển chất liệu sử dụng nguồn

vốn huy động xã hội hoá từ các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp trong, ngoài nước và của nhân dân đóng góp.

- Căn cứ vào từng công trình cụ thể và khả năng cân đối ngân sách hàng năm, UBND tỉnh cấp nguồn vốn triển khai xây dựng.
- Tượng đài, tranh hoành tráng sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước: Nhà nước quản lý về ngân sách quy hoạch, quy trình thể hiện và chất lượng nghệ thuật.
- Tượng đài, tranh hoành tráng không sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước: Nhà nước quản lý về quy hoạch tổng thể, quy trình thể hiện và chất lượng nghệ thuật công trình, căn cứ vào mức chi phí chỉ tiêu kinh tế theo quy định của Quy chế này để thỏa thuận thực hiện.
- Đối với những tượng đài, tranh hoành tráng có nội dung chính trị đặc biệt và có ý nghĩa lịch sử quan trọng, tỉnh sẽ đầu tư về kinh phí trên cơ sở lập dự án triển khai cụ thể.
- Đối với các công trình tượng đài, tranh hoành tráng khác thì các địa phương đầu tư xây dựng từ nguồn ngân sách cấp huyện và các nguồn xã hội hóa. Ngân sách nhà nước có thể hỗ trợ tùy theo trường hợp đặc biệt.

#### *4.1.1.3. Nguyên tắc về phân kỳ đầu tư nguồn vốn*

- Căn cứ vào nhiệm kỳ Đại hội của Đảng các cấp và kế hoạch Nhà nước 5 năm, việc thực hiện quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng được phân chia 3 giai đoạn cụ thể:
  - + Giai đoạn I: từ 2017 – 2020;
  - + Giai đoạn II: từ 2021 – 2025;
  - + Giai đoạn III: từ 2026 – 2030.
- Nguyên tắc phân kỳ đầu tư vốn thực hiện của các giai đoạn nêu trên cần đảm bảo tính khả thi về vốn dựa trên nguồn vốn ngân sách Nhà nước hàng năm phân bổ cho các ngành, các địa phương.
- Đảm bảo tính dàn trải trên diện rộng, ưu tiên những địa phương chưa có hoặc có ít, các công trình tượng đài được làm trước. Đối với các tượng đài đã có, ưu tiên nguồn vốn trong giai đoạn đầu để nâng cấp, sửa chữa, nhằm phát huy giá trị công trình, chống xuống cấp, đem lại hiệu quả ngay, số vốn đầu tư không cao. Trong quá trình thực hiện dự án quy hoạch, có thể bổ sung đầu tư nâng cấp, sửa chữa đối với các công trình còn lại.
- Các dự án có quy mô không nhiều, nên được xem xét bố trí thực hiện trong các giai đoạn khác nhau nhằm giảm áp lực về nguồn vốn. Trong phân kỳ

đầu tư, đối với các công trình có quy mô nhỏ được sắp xếp xây dựng trong các giai đoạn một cách tương đối. Tùy vào từng trường hợp cụ thể đối với các địa phương có khả năng huy động vốn, có thể bố trí, sắp xếp, điều chỉnh nhằm tránh việc lãng phí nguồn vốn này để đi đến hiệu quả.

- Đối với tượng đài danh nhân là lãnh tụ Đảng và Nhà nước và cụm tượng đài sự kiện lịch sử quan trọng, là loại hình tượng đài đặc biệt, cần ưu tiên đầu tư về ngân sách, đảm bảo thời gian, chất lượng nghệ thuật và kỹ thuật xây dựng.

#### **4.1.2. Các cơ sở pháp lý xác định mức vốn và nguồn vốn đầu tư thực hiện quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh**

Danh mục các cơ sở pháp lý trong việc xác định mức vốn và nguồn vốn đầu tư thực hiện quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh:

- Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;
- Nghị định 15/2013/NĐ-CP ngày 06/2/2013 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình;
- Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định 15/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về Đầu tư theo hình thức đối tác công tư;
- Quyết định 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Chính Phủ về việc Ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020;
- Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình;
- Thông tư 06/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 03 năm 2016 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Quyết định 3208/VBHN-BVHTTDL ngày 03/9/2013 của Bộ VHTTDL về việc Ban hành quy chế quản lý xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng (Phần Mỹ thuật);
- Quyết định 4119/2015/QĐ – UBND của UBND Tỉnh Quảng Ninh về việc Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công trên địa bàn Tỉnh.

### 4.1.3. Phương pháp xác định nguồn vốn và suất đầu tư

#### 4.1.3.1. Xác định nguồn vốn

Để phục vụ cho quá trình phân loại dự án đầu tư trọng đại, tranh hoành tráng, đơn vị tư vấn quy ước chia các nguồn vốn đầu tư thành 3 loại dựa theo các quy định của trong luật Ngân sách nhà nước năm 2015, luật Đầu tư năm 2014 và luật Đầu tư công, năm 2014. Nguồn vốn đầu tư trọng đại, tranh hoành tráng được chia thành 3 loại, như sau:

- **Vốn ngân sách:** Là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định và được thực hiện trong một năm để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước. Ngân sách nhà nước gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Ngân sách địa phương bao gồm ngân sách của đơn vị hành chính các cấp có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;
- **Vốn ngoài ngân sách:** bao gồm vốn nhà nước ngoài ngân sách và các nguồn vốn khác như vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, vốn tư nhân, vốn đóng góp của nhân dân...;
- **Nguồn vốn hỗn hợp:** Là các nguồn vốn dành cho các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP trong đó có một phần vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và một phần từ các nguồn vốn ngoài ngân sách.

Việc xác định nguồn vốn phụ thuộc vào tính chất, đặc điểm của từng công trình trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả tối ưu cho dự án về mặt văn hóa, kinh tế, xã hội. Cần chú trọng ưu tiên tận dụng các nguồn vốn xã hội hóa, giảm gánh nặng đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Các công trình xây mới sẽ ưu tiên sử dụng các nguồn vốn xã hội hóa, các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư – PPP. Hạn chế tối đa sử dụng vốn ngân sách. Trong đó, tùy thuộc vào tính chất của các công trình cụ thể mà áp dụng các hình thức hợp đồng khác nhau như BOT, BT, BTO...

#### 4.1.3.2. Phương pháp tính toán giá trị đầu tư

- Áp dụng:
  - Thông tư 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của bộ Xây dựng về *Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng*.
  - Suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2014 kèm theo quyết định số 1161/QĐ-BXD ngày 15/10/2015 của Bộ trưởng bộ Xây dựng.



- Nghị định 114/2010/NĐ-CP ngày 06/12 /2010 của Chính phủ về *Bảo trì công trình xây dựng*.
- Thông tư số 11/2012/TT-BXD ngày 25/12/2012 của bộ Xây dựng về *Hướng dẫn lập và quản lý chi phí bảo trì công trình xây dựng*.

Hiện nay, chưa có văn bản pháp luật nào quy định về suất đầu tư xây dựng cơ bản cho riêng trường hợp các công trình tượng đài, tranh hoành tráng. Đồng thời, các công trình tượng đài, tranh hoành tráng thường có quy mô, hình thức, vật liệu đa dạng, liên quan nhiều đến yếu tố nghệ thuật nên mức giá giao động rất lớn. Do vậy, rất khó có thể đưa ra một đơn giá chung chính xác đối với thể loại công trình tượng đài, tranh hoành tráng.

Trong quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, có 3 hình thức dự án đầu tư xây dựng công trình khác nhau, bao gồm:

- + Bảo trì thường xuyên;
- + Cải tạo, sửa chữa;
- + Xây mới, nâng cấp.

Giá trị khái toán tượng đài tính toán trong quy hoạch này chỉ bao gồm phần tượng đài và khuôn viên liên quan đến tượng đài. Do vậy, một số tượng đài được xây dựng kết hợp trong các dự án tổng hợp như quảng trường, nhà văn hóa, công viên...thì giá trị đầu tư các hạng mục khác ngoài tượng đài không được tính vào khái toán này.

Do những vấn đề nêu trên, để có thể xác **định tổng giá trị đầu tư xây dựng, bảo trì công trình**, đơn vị tư vấn đề xuất cách tính toán như sau:

- **Đối với công tác bảo dưỡng định kỳ:** Áp dụng cho tất cả các công trình, chi phí tùy thuộc vào quy trình bảo trì đối với công trình có mức bảo trì trên 500 triệu đồng/năm; đối với công trình có mức bảo trì hàng năm dưới 500 triệu đồng áp dụng thông tư 11/2012/TT-BXD của bộ Xây dựng về việc *Hướng dẫn lập và quản lý chi phí bảo trì công trình xây dựng*, như sau:

$$G_{BT} = a.G_{ĐT}$$

*G<sub>BT</sub>*: Kinh phí bảo trì;

*a = 0,25%*: Định mức bảo dưỡng công trình theo thông tư 11/2012/TT-BXD áp dụng cho các công trình hạ tầng. Do công trình tượng đài, tranh hoành tráng gồm 2 phần: Phần cảnh quan thuộc hạng mục hạ tầng (định mức bảo dưỡng 0,25%) và phần tượng đài thuộc hạng mục công trình dân dụng (định mức bảo

*dưỡng 0,1%), nên đơn vị tư vấn đề xuất áp dụng định mức bảo dưỡng cao nhất 0,25% cho toàn bộ công trình;*

*G<sub>ĐT</sub>: Tổng giá trị đầu tư.*

- **Đối với công trình cải tạo sửa chữa cục bộ do hư hỏng, xuống cấp:** Giá trị sửa chữa công trình tính theo định mức  $b = 1\% - 10\%$  tổng giá trị đầu tư của công trình, định mức  $b$  tùy thuộc vào mức độ hư hỏng của công trình.

$$G_{SC} = b \cdot G_{XL}$$

*G<sub>SC</sub>: Giá trị cải tạo;*

*$b = 1\% - 10\%$ : Định mức tỉ lệ giá trị cải tạo dựa vào đánh giá mức độ hư hỏng của công trình;*

*G<sub>XL</sub>: Giá trị đầu tư ban đầu của công trình.*

- **Đối với công trình xây mới:** Phân chia công trình thành 2 hạng mục chính: hạng mục hạ tầng, cảnh quan và hạng mục tượng đài, tranh hoành tráng (phần mỹ thuật). Đối với hạng mục hạ tầng, cảnh quan áp định mức *Suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2014* kèm theo quyết định số 1161/QĐ-BXD ngày 15/10/2015 của Bộ trưởng bộ Xây dựng; đối với hạng mục tượng đài, tranh hoành tráng áp dụng mức giá của các công trình tương đương.

$$G_{XM} = a \cdot S + G_{MT}$$

*G<sub>XM</sub>: Giá trị xây dựng mới;*

*$a = 11.895.000$  đồng/ha: Suất đầu tư hạng mục hạ tầng, cây xanh (cách tính: Áp dụng suất đầu tư mã 13230.01 cho Công trình hạ tầng kỹ thuật khu đô thị kiểu mẫu có quy mô 20-50 ha là 9.150.000 đồng/ha, tính thêm 30% giá trị vì tính chất công trình có diện tích nhỏ hơn so với phạm vi áp dụng và đòi hỏi tính mỹ thuật cao;*

*S: Diện tích xây dựng công trình.*

*G<sub>MT</sub>: Giá trị đầu tư của phần tượng đài, tranh hoành tráng (phần mỹ thuật) bao gồm cả quá trình làm mẫu, tổ chức hội đồng nghệ thuật và thi công ngoài công trường. Đơn giá này được lấy theo phương thức tráng áp dụng mức giá của các công trình tương đương.*

Qua khảo sát giá của một số công trình tượng đài mới xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, bao gồm: Cụm tượng đài văn hóa thị xã Đông Triều (Đông Triều), tượng đài Trần Phú (Móng Cái), tượng đài Trần Quốc Tử (Cẩm Phả), tượng đài Hà Quang Vóc (Đầm Hà), cụm thông tin cổ động biên giới Sa Vĩ

(Móng Cái), tượng anh hùng Minh Hà (Quảng Yên)... đơn vị tư vấn đề xuất cách tính giá tượng đài (phần mỹ thuật) bằng phương pháp chia phần mỹ thuật là 2 công tác để tính giá riêng biệt, bao gồm: Công tác phác thảo mẫu tượng đài và công tác thi công mẫu tại thực địa. Cụ thể:

$$G_{MT} = G_{PT} + G_{TC}$$

1. Công tác phác thảo bao gồm cả quá trình thi tuyển, lập hội đồng thẩm định nghệ thuật. Cách tính giá công tác phác thảo phụ thuộc vào quy mô đầu tư của công trình (không phụ thuộc vào kích thước của tượng đài), cụ thể:

Quy mô nhỏ:  $G_{PT} = 1.500$  (triệu đồng)

Quy mô trung bình:  $G_{PT} = 3.000$  (triệu đồng)

Quy mô lớn:  $G_{PT} = 6.000$  (triệu đồng)

2. Công tác thi công phần mỹ thuật, cách tính giá phụ thuộc vào chất liệu thi công và chiều cao tượng đài (trong một vài trường hợp có thể còn phải tính thêm độ khó của tượng đài)

$$G_{TC} = h \cdot c$$

$c$  (triệu đồng/m): Suất đầu tư hạng mục thi công tượng đài (theo mẫu phác thảo) phụ thuộc vào chất liệu thi công và chiều cao tượng đài, như sau:

Chất liệu	Đơn giá tượng đơn (triệu đồng/m cao)
Đá	500
BTCT, Gạch xây	200
Kim loại	1.000

Ghi chú: Đơn giá trên tính cho tượng đơn, nếu tượng nhóm sẽ nhân theo số lượng tượng trong nhóm.

**Đơn giá này chỉ là tạm tính**, do việc sáng tác và thi công tượng đài rất phức tạp nên tùy từng trường hợp giá thành có thể thay đổi với biên độ lớn từ 20-50%.

**Đối với công trình xây mới có ý nghĩa đặc biệt:** Một công trình quan trọng có tính chất đặc biệt như: Ý nghĩa tầm vóc quan trọng, vị trí đặc biệt có giá trị khu đất cao, sử dụng vật liệu đặc biệt, hình khối đặc biệt kết cấu phức tạp, tổ chức thi tuyển phức tạp có thể diễn ra nhiều lần... Đối với những công trình này sẽ không tính giá theo cách tính nêu trên mà sẽ tạm tính tổng giá trị đầu tư theo các công trình có tính chất tương đương.

## **4.2. Nguyên tắc và cơ sở pháp lý quản lý, khai thác tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh**

### **4.2.1. Nguyên tắc về bảo hành, bảo trì, quản lý, khai thác tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh**

Việc bảo hành, bảo trì, quản lý khai thác tượng đài, tranh hoành tráng thực hiện theo quy định sau:

- Nhà thầu thi công phần xây lắp cung ứng thiết bị, có trách nhiệm bảo hành công trình tượng đài, tranh hoành tráng theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng;
- Nhà thầu thi công phần mỹ thuật có trách nhiệm bảo hành phần mỹ thuật bao gồm: Khắc phục, thay thế, sửa chữa, điều chỉnh những khiếm khuyết về kỹ thuật và nghệ thuật trong thời gian bảo hành. Thi công bảo hành phải có sự tư vấn của Hội đồng nghệ thuật theo quy định tại Điều 23 Nghị định 113/2013/NĐ-CP.
- Cơ quan, tổ chức sở hữu hoặc được giao quản lý, khai thác công trình tượng đài, tranh hoành tráng có nhiệm vụ bảo quản, bảo dưỡng định kỳ.
- Cơ quan, tổ chức sở hữu hoặc được giao quản lý công trình tượng đài, tranh hoành tráng có nhiệm vụ quản lý, sử dụng, phát huy hiệu quả công trình tượng đài, tranh hoành tráng và không gian tượng đài.
- Đối với các hoạt động phải dỡ bỏ, di dời địa điểm, chuyển chất liệu tượng đài, tranh hoành tráng phải có dự án đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt và phải có giấy phép theo quy định tại Điều 27 Nghị định 113/2013/NĐ-CP.
- Thời gian bảo hành công trình tượng đài, tranh hoành tráng quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP là 18 tháng.
- Nhà thầu thi công phần mỹ thuật có trách nhiệm nộp tiền bảo hành vào tài khoản của chủ đầu tư với mức 5% giá trị hợp đồng thi công phần mỹ thuật và được chủ đầu tư hoàn trả tiền bảo hành công trình sau khi kết thúc thời hạn bảo hành và được chủ đầu tư xác nhận đã hoàn thành công việc bảo hành.
- Thời gian bảo quản, bảo dưỡng định kỳ công trình tượng đài, tranh hoành tráng và tác phẩm của trại sáng tác điêu khắc ngoài trời quy định tại Khoản 2 Điều 31 và Khoản 2 Điều 39 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP là 06 tháng đối với tác phẩm bằng chất liệu đồng hoặc các kim loại khác, 01 năm đối với tác phẩm bằng chất liệu đá, bê tông và các chất liệu khác.
- Đối với việc bảo trì công trình tượng đài và tranh hoành tráng cũng cần tuân thủ theo đúng các quy định tại Nghị định 114/2010/NĐ-CP ngày 06/12/2010

Về Bảo trì công trình xây dựng và Thông tư 11/2012/TT-BXD ngày 25/12/2012 Hướng dẫn lập và quản lý chi phí bảo trì công trình xây dựng.

- Cơ quan, tổ chức sở hữu hoặc được giao quản lý công trình tượng đài, tranh hoành tráng và tác phẩm của trại sáng tác điêu khắc có trách nhiệm tổ chức bảo vệ, khai thác và phát huy hiệu quả giá trị sử dụng, ý nghĩa nội dung tư tưởng và giá trị nghệ thuật của công trình tượng đài, tranh hoành tráng và tác phẩm của trại sáng tác điêu khắc.
- Nguyên tắc đối áp dụng đối với trường hợp các tượng đài, tranh hoành tráng cần phải dỡ bỏ và di dời bao gồm:
  - + Đối với các công trình tượng đài, tranh hoành tráng không phù hợp với quy hoạch xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng; quy hoạch xây dựng đô thị và phát triển nông thôn;
  - + Các công trình tượng đài, tranh hoành tráng không còn đáp ứng được yêu cầu về nội dung, hình thức nghệ thuật và chất liệu xây dựng.
- Các yêu cầu đối với tượng đài, tranh hoành tráng di dời, chuyển chất liệu
  - + Công trình di dời đến địa điểm mới hoặc chuyển chất liệu không được thay đổi về nội dung tác phẩm, đảm bảo chất lượng nghệ thuật và kỹ thuật;
  - + Phải có tư vấn về nghệ thuật của Hội đồng nghệ thuật theo quy định tại Điều 23 Nghị định 113/2013/NĐ- CP;
  - + Trường hợp di dời, chuyển chất liệu công trình có chỉnh sửa về bố cục tác phẩm thì phải được sự đồng ý của tác giả hoặc người đại diện hợp pháp của tác giả.

#### **4.2.2. Phân cấp quản lý đối với các tượng đài và tranh hoành tráng**

- Cấp Tỉnh
  - UBND Tỉnh Quảng Ninh là đơn vị chủ quản Quản lý toàn diện tất cả các tượng đài và tranh hoành tráng trên địa bàn Tỉnh Quảng Ninh, phân cấp cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp quản lý, khai thác, bảo vệ và phát huy giá trị tượng đài, tranh hoành tráng trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật
  - Sở Văn hoá và Thể Thao là cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh, chịu trách nhiệm theo dõi, tham mưu chuyên môn về tượng đài, tranh hoành tráng trên địa bàn Tỉnh Quảng Ninh; hướng dẫn các hoạt động về bảo quản, quản lý, tu bổ, phục hồi, bảo tồn và phát huy các giá trị về lịch sử, văn hoá của tượng đài, tranh hoành tráng; thẩm định hồ sơ khoa học đề nghị xây mới tượng đài, tranh hoành tráng đã được phê duyệt trong quy hoạch.

- Cấp Thành phố, huyện, thị xã
  - UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm quản lý, khai thác các tượng đài và tranh hoành tráng trên địa bàn, phân công trách nhiệm quản lý cho các phòng ban chuyên môn có liên quan, phân công cho UBND cấp xã có trách nhiệm quản lý trực tiếp những tượng đài và tranh hoành tráng thuộc các cụm di tích cấp quốc gia, cấp tỉnh và di tích trong danh mục đã được phê duyệt.
  - Phòng Văn hoá và Thông tin các huyện, thị xã, thành phố là cơ quan chuyên môn thực hiện việc theo dõi, tham mưu chuyên môn, hướng dẫn các cơ quan (nếu tượng đài và tranh hoành tráng đặt tại các đơn vị, cơ quan) các hoạt động về việc xây dựng, bảo tồn và phát huy giá trị về lịch sử, văn hoá của tượng đài và tranh hoành tráng với các nội dung từ việc lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, xây dựng mới hoặc tu sửa tượng đài và tranh hoành tráng; Tham mưu cho UBND cùng các cấp tuyên truyền, giữ gìn và tu bổ tượng đài và tranh hoành tráng đối với người dân khu vực xung quanh, cán bộ trực tiếp được giao nhiệm vụ quản lý.

#### **4.2.3. Cơ sở pháp lý quản lý, khai thác tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh**

- Nghị định 113/2013/NĐ – CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về Hoạt động mỹ thuật;
- *Thông tư số 18/2013/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2013 Quy định chi tiết thi hành một số điều tại Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của chính phủ về hoạt động mỹ thuật;*
- Nghị định 114/2010/NĐ-CP ngày 06/12/2010 về Bảo trì công trình xây dựng;
- Thông tư 11/2012/TT-BXD ngày 25/12/2012 Hướng dẫn lập và quản lý chi phí bảo trì công trình xây dựng.

**PHẦN 2**  
**KHẢO SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG**

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN DANKO

## CHƯƠNG 5. ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, XÃ HỘI CỦA TỈNH QUẢNG NINH

### 5.1. Đánh giá điều kiện tự nhiên của tỉnh Quảng Ninh

#### 5.1.1. Vị trí địa lý

Tỉnh Quảng Ninh có tọa độ địa lý từ  $106^{\circ}26'$  đến  $108^{\circ}31'$  kinh độ Đông và từ  $20^{\circ}40'$  đến  $21^{\circ}40'$  vĩ độ Bắc. Bề ngang từ Đông sang Tây, nơi rộng nhất là 195 km. Bề dọc từ Bắc xuống Nam khoảng 102 km. Điểm cực Bắc là dãy núi cao thuộc thôn Mỏ Toòng, xã Hoàn Mô, huyện Bình Liêu. Điểm cực Nam ở đảo Hạ Mai thuộc xã Ngọc Vũng, huyện Vân Đồn. Điểm cực Tây là sông Vàng Chua ở xã Bình Dương và xã Nguyễn Huệ, huyện Đông Triều. Điểm cực Đông trên đất liền là mũi Gót ở Đông Bắc xã Trà Cổ, thành phố Móng Cái. Tỉnh Quảng Ninh tiếp giáp với tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc ở phía Bắc; Phía Nam giáp thành phố Hải Phòng, ranh giới là sông Bạch Đằng; Phía Tây giáp các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang và Hải Dương; Phía Đông giáp vịnh Bắc bộ.

Tỉnh Quảng Ninh gồm 14 đơn vị hành chính, trong đó có 4 thành phố, 02 thị xã, 8 huyện (với 8 thị trấn), 112 xã nông thôn, 67 phường. Trong đó thành phố Hạ Long là đô thị loại I trực thuộc tỉnh và là trung tâm chính trị - kinh tế - văn hóa của tỉnh. Tỉnh có 4 khu kinh tế bao gồm: Vân Đồn, Móng Cái, Bắc Phong Sinh (thuộc huyện Hải Hà), Hoàn Mô - Đồng Văn (thuộc huyện Bình Liêu). Toàn tỉnh được phân thành một tâm là thành phố Hạ Long, hai tuyến Đông - Tây. Tuyến phía Tây bao gồm: Huyện Đông Triều, thành phố Uông Bí, thị xã Quảng Yên, huyện Hoàn Bồ, huyện Ba Chẽ. Tuyến phía Đông bao gồm: Thành phố Cẩm Phả, huyện Vân Đồn, huyện Cô Tô, huyện Tiên Yên, huyện Bình Liêu, huyện Đàm Hà, huyện Hải Hà, thành phố Móng Cái.

#### 5.1.2. Địa hình địa mạo

Quảng Ninh là tỉnh miền núi - duyên hải. Hơn 80% đất đai là đồi núi. Hơn hai nghìn hòn đảo nổi trên mặt biển cũng đều là các quả núi.

Vùng núi chia làm hai miền: Vùng núi miền Đông từ Tiên Yên qua Bình Liêu, Hải Hà, Đàm Hà đến Móng Cái. Đây là vùng nối tiếp của vùng núi Thập Vạn Đai Sơn từ Trung Quốc, hướng chủ đạo là Đông Bắc - Tây Nam. Có hai dãy núi chính: dãy Quảng Nam Châu (1.507 m) và Cao Xiêm (1.330 m) chiếm phần lớn diện tích tự nhiên các huyện Bình Liêu, Hải Hà, Đàm Hà, dãy Ngàn Chi (1.166 m) ở phía bắc huyện Tiên Yên. Vùng núi miền tây từ Tiên Yên qua Ba Chẽ, Hoàn Bồ, phía bắc thị xã Uông Bí và thấp dần xuống ở phía bắc



huyện Đông Triều. Vùng núi này là những dãy núi tiếp hơi uốn cong nên thường được gọi là cánh cung núi Đông Triều với đỉnh Yên Tử (1.068 m) trên đất Uông Bí và đỉnh Am Váp (1.094 m) trên đất Hoàn Bồ.

Vùng trung du và đồng bằng ven biển gồm những dải đồi thấp bị phong hoá và xâm thực tạo nên những cánh đồng từ các chân núi thấp dần xuống các triền sông và bờ biển. Đó là vùng Đông Triều, Uông Bí, bắc Yên Hưng, nam Tiên Yên, Đầm Hà, Hải Hà và một phần Móng Cái. Ở các cửa sông, các vùng bồi lắng phù sa tạo nên những cánh đồng và bãi triều thấp. Đó là vùng nam Uông Bí, nam Yên Hưng (đảo Hà Nam), đông Yên Hưng, Đông Rui (Tiên Yên), nam Đầm Hà, đông nam Hải Hà, nam Móng Cái. Tuy có diện tích hẹp và bị chia cắt nhưng vùng trung du và đồng bằng ven biển thuận tiện cho nông nghiệp và giao thông nên đang là những vùng dân cư trù phú của Quảng Ninh.

Vùng biển và hải đảo của Quảng Ninh là một vùng địa hình độc đáo. Hơn hai nghìn hòn đảo chiếm hơn 2/3 số đảo cả nước (2078/ 2779), đảo trải dài theo đường ven biển hơn 250 km chia thành nhiều lớp. Có những đảo rất lớn như đảo Cái Bàu, Bản Sen, lại có đảo chỉ như một hòn non bộ. Có hai huyện hoàn toàn là đảo là huyện Vân Đồn và huyện Cô Tô. Trên vịnh Hạ Long và Bái Tử Long có hàng ngàn đảo đá vôi nguyên là vùng địa hình Karst bị nước bào mòn tạo nên muôn nghìn hình dáng bên ngoài và trong lòng là những hang động kỳ thú.

Vùng ven biển và hải đảo Quảng Ninh ngoài những bãi bồi phù sa còn những bãi cát trắng tấp lên từ sóng biển. Có nơi thành mỏ cát trắng làm nguyên liệu cho công nghệ thủy tinh (Vân Hải), có nơi thành bãi tắm tuyệt vời (như Trà Cổ, Quan Lạn, Minh Châu, Ngọc Vũng...)

Địa hình đáy biển Quảng Ninh, không bằng phẳng, độ sâu trung bình là 20m. Có những lạch sâu là di tích các dòng chảy cổ và có những dải đá ngầm làm nơi sinh trưởng các rạn san hô rất đa dạng. Các dòng chảy hiện nay nối với các lạch sâu đáy biển còn tạo nên hàng loạt luồng lạch và hải cảng trên dải bờ biển khúc khuỷu kín gió nhờ những hành lang đảo che chắn, tạo nên một tiềm năng cảng biển và giao thông đường thủy rất lớn.

### **5.1.3. Khí hậu, thủy văn**

Khí hậu Quảng Ninh tiêu biểu cho khí hậu các tỉnh miền Bắc Việt Nam vừa có nét riêng của một tỉnh miền núi ven biển. Các quần đảo ở huyện Cô Tô và Vân Đồn ... có đặc trưng của khí hậu đại dương.

Quảng Ninh nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới có một mùa hạ nóng ẩm, mưa nhiều; một mùa đông lạnh, ít mưa và tính nhiệt đới nóng ẩm là bao trùm nhất.

Do nằm trong vành đai nhiệt đới nên hàng năm có hai lần mặt trời qua thiên đỉnh, tiềm năng về bức xạ và nhiệt độ rất phong phú.

Ảnh hưởng bởi hoàn lưu gió mùa Đông Nam Á nên khí hậu bị phân hoá thành hai mùa: mùa hạ nóng ẩm với mùa mưa, mùa đông lạnh với mùa khô.

Về nhiệt độ: được xác định có mùa đông lạnh, nhiệt độ không khí trung bình ổn định dưới 20°C. Mùa nóng có nhiệt độ trung bình ổn định trên 25°C.

Về mưa: theo quy ước chung, thời kỳ có lượng mưa ổn định trên 100 mm là mùa mưa; còn mùa khô là mùa có lượng mưa tháng ổn định dưới 100 mm.

Theo số liệu quan trắc, mùa lạnh ở Quảng Ninh bắt đầu từ hạ tuần tháng 11 và kết thúc vào cuối tháng 3 năm sau, mùa nóng bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc vào đầu tháng 10.

Mùa ít mưa bắt đầu từ tháng 11 cho đến tháng 4 năm sau, mùa mưa nhiều bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc vào đầu tháng 10.

Giữa hai mùa lạnh và mùa nóng, hai mùa khô và mùa mưa là hai thời kỳ chuyển tiếp khí hậu, mỗi thời kỳ khoảng một tháng (tháng 4 và tháng 10).

Sự chênh lệch về nhiệt độ trung bình của tháng tiêu biểu cho mùa đông (tháng 1) thấp hơn nhiệt độ trung bình của tháng tiêu biểu cho mùa hạ (tháng 7) là 12°C và thấp hơn nhiệt độ trung bình của tháng 1 theo tiêu chuẩn nhiệt độ cùng vĩ tuyến là 5,1°C.

Độ ẩm: Toàn vùng có độ ẩm cao, mưa nhiều.

Gió bão: Hướng gió chủ đạo: Đông Bắc và Đông Nam.

Ở khu vực ngoài Vịnh Bắc Bộ hay có bão lớn từ ngoài khơi đổ bộ vào với lượng mưa lớn trên 1000mm. Tuy nhiên được đảo Hải Nam (Trung Quốc) và hệ thống đảo trong vịnh che chở nên khu vực đất liền hầu như không bị ảnh hưởng

Do địa hình núi kết hợp với đồng bằng duyên hải nên Quảng Ninh có đặc trưng nhiều sông suối, tuy nhiên các sông đều nhỏ, ngắn và độ dốc lớn. Do đó mực nước lên xuống chênh nhau rất nhiều. Vùng biển là vịnh nông, bãi triều rộng, nhiều phù sa bồi lắng, ít thuận lợi cho phát triển đường hàng hải, tuy nhiên rất có tiềm năng phát triển giao thông đường sông và đường thủy nội bộ.

#### **5.1.4. Tài nguyên**

Quảng Ninh có quỹ đất dồi dào với 611.081,3 ha, trong đó 75,370ha đất nông nghiệp đang sử dụng, 146.019 ha đất lâm nghiệp với nhiều diện tích đất có thể trồng cỏ phù hợp cho chăn nuôi, khoảng gần 20.000 ha có thể trồng cây ăn quả.

Trong tổng diện tích đất đai toàn tỉnh, đất nông nghiệp chỉ chiếm 10%, đất có rừng chiếm 38%, diện tích chưa sử dụng còn lớn (chiếm 43,8%) tập trung ở vùng miền núi và ven biển, còn lại là đất chuyên dùng và đất ở.

Quảng Ninh là tỉnh có tài nguyên nước khá phong phú và đặc sắc.

Nước mặt: Lượng nước các sông khá phong phú, ước tính 8.776 tỷ m<sup>3</sup> phát sinh trên toàn lưu vực. Dòng chảy lên tới 118 l/s/km<sup>2</sup> ở những nơi có mưa lớn. Cũng như lượng mưa trong năm, dòng chảy của sông ngòi ở Quảng Ninh cũng chia làm 2 mùa rõ rệt. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 9 có lượng nước chiếm 75-80% tổng lượng nước trong năm, mùa khô từ tháng 10 đến tháng 4 có lượng nước chiếm 20 - 25% tổng lượng nước trong năm.

Nước ngầm: Theo kết quả thăm dò, trữ lượng nước ngầm tại vùng Cẩm Phả là 6.107 m<sup>3</sup>/ngày, vùng Hạ Long là 21.290 m<sup>3</sup>/ngày.

Lợi dụng địa hình, Quảng Ninh đã xây dựng gần 30 hồ đập nước lớn với tổng dung tích là 195, 53 triệu m<sup>3</sup>, phục vụ những mục đích kinh tế - xã hội của tỉnh như hồ Yên Lập (dung tích 118 triệu m<sup>3</sup>), hồ Chúc Bài Sơn ( 11,5 triệu m<sup>3</sup>), hồ Quất Đông (10 triệu m<sup>3</sup>). Nếu cộng tất cả, Quảng Ninh có từ 2.500 đến 3000 ha mặt nước ao, hồ, đầm có điều kiện nuôi trồng thủy sản.

Quảng Ninh có 243.833,2 ha rừng và đất rừng (chiếm 40% diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh), trong đó rừng tự nhiên chiếm khoảng 80%. Còn lại là rừng trồng, rừng đặc sản khoảng 100 ngàn ha, đất chưa thành rừng khoảng 230 ngàn ha, là điều kiện để phát triển thành các vùng gỗ công nghiệp, vùng cây đặc sản, cây ăn quả có quy mô lớn.

Với bờ biển dài 250 km, Quảng Ninh có nhiều ngư trường khai thác hải sản. Hầu hết các bãi cá chính có sản lượng cao, ổn định, đều phân bố gần bờ và quanh các đảo, rất thuận tiện cho việc khai thác.

Ven biển Quảng Ninh có nhiều khu vực nước sâu, kín gió là lợi thế đặc biệt quan trọng thuận lợi cho việc xây dựng, phát triển hệ thống cảng biển, nhất là ở thành phố Hạ Long, TP Cẩm Phả, huyện Tiên Yên, TP Móng Cái và huyện Hải Hà.

Quảng Ninh có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, đa dạng, có nhiều loại đặc thù, trữ lượng lớn, chất lượng cao mà nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước không có được như: than, cao lanh tấn mài, đất sét, cát thủy tinh, đá vôi...

Than đá: Có trữ lượng khoảng 3,6 tỷ tấn, hầu hết thuộc dòng an - tra - xít, tỷ lệ các - bon ổn định 80 – 90%; phần lớn tập trung tại 3 khu vực: Hạ Long, Cẩm Phả và Uông Bí – Đông Triều; mỗi năm cho phép khai thác khoảng 30– 40 triệu tấn.

Các mỏ đá vôi, đất sét, cao lanh... Trữ lượng tương đối lớn, phân bố rộng khắp các địa phương trong tỉnh như: Mỏ đá vôi ở Hoàn Bồ, Cẩm Phả; Các mỏ cao lanh ở các huyện miền núi Hải Hà, Bình Liêu, Ba Chẽ, Tiên Yên, thành phố Móng Cái; Các mỏ đất sét phân bố tập trung ở Đông Triều, Hoàn Bồ và

TP. Hạ Long là nguồn nguyên liệu quan trọng để sản xuất vật liệu xây dựng cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

Các mỏ nước khoáng: Có nhiều điểm nước khoáng uống được ở Quang Hanh (Cẩm Phả), Khe Lạc (Tiên Yên), Đồng Long (Bình Liêu). Ngoài ra, còn có nguồn nước khoáng không uống được tập trung ở Cẩm Phả có nồng độ khoáng khá cao, nhiệt độ trên 35°C, có thể dùng chữa bệnh.

Quảng Ninh có tài nguyên du lịch đặc sắc vào loại nhất của cả nước, có nhiều bãi biển đẹp, có cảnh quan nổi tiếng như Vịnh Hạ Long – 2 lần được Unesco xếp hạng di sản thiên nhiên thế giới và trở thành 1 trong 7 kỳ quan thiên nhiên mới của thế giới. Ngoài ra còn phải kể đến các tài nguyên du lịch khác như: Vịnh Bái Tử Long; Tài nguyên du lịch văn hoá tâm linh bao gồm: Khu Di tích Nhà Trần ở Đông Triều; Cụm di tích chiến thắng Bạch Đằng: Di tích bãi cọc Bạch Đằng; Đền Trần Hưng Đạo; Miếu Vua Bà; Cây Lim Giếng Rừng; Đình Yên Giang; Đền Trung Cốc; Di tích thương cảng Vân Đồn; Cụm di tích và danh thắng Núi Bài Thơ gồm: Núi Bài Thơ; Đền thờ Đức Ông Trần Quốc Nghiễn; Chùa Long Tiên; Đền Cửa Ông; Miếu Tiên Công.

## 5.2. Đánh giá hiện trạng kinh tế, xã hội của tỉnh Quảng Ninh

### 5.2.1. Dân số - xã hội

Quảng Ninh thuộc vùng kinh tế trọng điểm của nước ta nên mật độ dân cư đông đúc và phát triển.

Theo số liệu thống kê năm 2011 toàn tỉnh Quảng Ninh hiện có 1.172.500 người. Trong đó:

- + Tỷ lệ nam: 598.900 người chiếm 51,07%.
- + Tỷ lệ nữ: 573.700 người chiếm 48,93%.
- + Tỷ lệ tăng tự nhiên hàng năm: 1,139 %.
- + Khu vực thành thị năm 2011: 631.531 người chiếm 53,86%.
- + Khu vực nông thôn năm 2011: 541.011 người chiếm 46,14%.
- + Mật độ dân số toàn tỉnh: 190 người/km<sup>2</sup>
- + Mật độ dân số cao nhất: Thành phố Hạ Long (817 người/km<sup>2</sup>)
- + Mật độ dân số thấp nhất: 32 người/km<sup>2</sup>.
- + Bình quân số người trong hộ gia đình: 3,67 người/hộ<sup>51</sup>

<sup>51</sup> (Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ninh 1955-2011)

Đây cũng là một tỉnh có cơ cấu dân số trẻ với tỷ lệ tăng theo địa phương đạt hơn 12%. Trong tổng số 34 dân tộc sinh sống, người Kinh chiếm phần lớn với hơn 1 triệu người, xếp thứ 2 là dân tộc Dao, tiếp đó là người Tày, Sán Dìu, Sán Chay, người gốc Hoa,...

Trong các dân tộc sinh sống trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, người Việt (Kinh) chiếm 89,23% tổng số dân. Họ có gốc bản địa và nguồn gốc từ các tỉnh, đồng nhất là vùng đồng bằng Bắc Bộ. Họ sống đông đảo nhất ở các đô thị, các khu công nghiệp và vùng đồng bằng ven sông, ven biển. Do có số người chuyển cư đến từ rất nhiều đời, nhiều đợt nên Quảng Ninh thực sự là nơi "góp người". Sau người Việt (Kinh) là các dân tộc thiểu số có nguồn gốc từ lâu đời. Người Dao (4, 45%) có hai nhánh chính là Thanh Y, Thanh Phán, thường cư trú ở vùng núi cao. Họ còn giữ được bản sắc dân tộc trong ngôn ngữ, y phục, lễ hội và phong tục, một bộ phận vẫn giữ tập quán du canh du cư làm cho kinh tế văn hoá chậm phát triển. Người Hoa (0, 43%), người Sán Dìu (1,80%), Sán chỉ (1,11%) ở vùng núi thấp và chủ yếu sống bằng nông nghiệp với nghề trồng cây lúa nước. Người Hoa gồm nhiều dân tộc thiểu số từ miền Nam Trung Quốc di cư sang từ lâu bằng rất nhiều đợt. Một số ít là Hoa Kiều sang buôn bán làm nghề thủ công ở các thị trấn miền Đông, còn phần lớn sống ở nông thôn, sản xuất nông nghiệp, đánh cá, làm nghề rừng. Hiện nay, các dân tộc thiểu số - chủ nhân của miền núi, nơi có nhiều khó khăn, kinh tế và văn hoá còn chậm phát triển, đang được quan tâm về nhiều mặt và đời sống đã có những thay đổi rõ rệt.

Năm 2011, tổng số người trong độ tuổi lao động trên địa bàn: 743.563 người chiếm 64.01% trên tổng dân số toàn tỉnh. Theo thống kê những năm gần đây thì tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động và đã qua đào tạo càng ngày gia tăng, đây chính là một trong những động lực lớn phát triển kinh tế của Quảng Ninh.

Cơ cấu lao động xã hội theo ngành như sau:

- + Nông nghiệp chiếm 42,4%;
- + Công nghiệp - xây dựng chiếm 27,90%;
- + Dịch vụ chiếm 29,7%.

### **5.2.2. Văn hoá Quảng Ninh**

Nói đến Quảng Ninh, người ta không thể không nói đến kho tàng văn hoá khổng lồ mà tỉnh đang bảo tồn và phát triển. Đó là 541 di sản văn hoá vật thể gồm những đình, chùa, đền, miếu, danh lam thắng cảnh và hơn 2.800 hồ sơ di sản văn hoá phi vật thể là những phong tục, tập quán, trò chơi dân gian... Các di sản văn hoá của Quảng Ninh được trải dài theo cả thời gian: Từ khi con người đặt chân đến vùng đất này ở giai đoạn đồ đá, đồ đồng (cách ngày nay hàng ngàn

năm) đến các triều đại Lý, Trần, Lê, Nguyễn, giai đoạn chống Pháp, chống Mỹ... Và theo cả không gian, với sự phân bố từ miền núi tới hải đảo, từ Trà Cổ (Móng Cái) tới Đông Triều. Bên cạnh đó, Quảng Ninh có nhiều dân tộc thiểu số cùng sinh sống, mỗi dân tộc lại có những bản sắc văn hoá riêng.

Được ví như “nước Việt Nam thu nhỏ”, Quảng Ninh có địa hình đa dạng, phức tạp, hội tụ các dạng địa hình tiêu biểu của cả nước là biển đảo, đồng bằng, trung du và miền núi. Những điều kiện tự nhiên phong phú này đã tạo cho Quảng Ninh những thắng cảnh nổi tiếng mà ít địa phương nào trong cả nước có được. Trong đó, dạng địa hình biển đảo là dạng địa hình đặc trưng, chi phối, tạo cho Quảng Ninh hình ảnh tự nhiên kỳ vĩ, không thể lẫn lộn, là nền tảng tạo nên Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long, quần đảo Cô Tô, bãi tắm Trà Cổ, Vườn quốc gia Bái Tử Long... Dạng địa hình trung du có hồ Yên Lập (Hoành Bồ), hồ Yên Trung (Uông Bí), thác Lũng Xanh (Uông Bí), thác Mơ (Yên Hưng), rừng thông (Yên Hưng)... Dạng địa hình đồi núi có rừng nguyên sinh Yên Tử, Khu Bảo tồn Đồng Sơn - Kỳ Thượng... Bên cạnh đó, Quảng Ninh còn là một cái nôi cư trú của người Việt Cổ với ba nền văn hoá tiền sử kế tiếp nhau từ hậu kỳ đá cũ đến sơ kỳ kim khí cách ngày nay ít nhất một vạn năm. Hàng ngàn hiện vật đã được tìm thấy trong các vùng đất của Quảng Ninh, khẳng định sự tồn tại của các nền văn hoá Soi Nhụ, văn hoá Cái Bèo, văn hoá Hạ Long. Tất cả đều chứng minh rõ ràng rằng: Từ hàng nghìn năm trước, trên đất Quảng Ninh này đã tồn tại một nền văn hoá ở vào “cửa ngõ” của nền văn minh Việt cổ. Bên cạnh các di tích khảo cổ, Quảng Ninh còn có một số lượng đáng kể di tích lịch sử - văn hoá quan trọng. Di tích thương cảng Vân Đồn từ xa xưa đã nổi tiếng trong lịch sử, đã và đang trở thành đề tài nghiên cứu hấp dẫn của các nhà sử học trong và ngoài nước. Khu di tích lịch sử Bạch Đằng - nơi ghi dấu chiến công oanh liệt của cha ông trong cuộc chiến chống quân Nguyên Mông, bảo vệ đất nước. Ngoài ra còn các cụm di tích về Chủ tịch Hồ Chí Minh, di tích chống Mỹ cứu nước...

Quảng Ninh không chỉ là một vùng đất giàu có về di sản văn hoá phi vật thể mà còn giàu về lễ hội truyền thống mang đặc trưng của từng vùng miền; là hàng loạt những di sản khác nhau, bao gồm: Ngữ văn dân gian (gồm có: Sử thi, ca dao, dân ca, tục ngữ, hò, vè, câu đối, truyện cổ tích, truyện trạng...); nghệ thuật trình diễn dân gian (gồm: Âm nhạc, múa hát, sân khấu..); tập quán xã hội (bao gồm luật tục hương ước, chuẩn mực đạo đức, nghi lễ và các phong tục khác); tri thức dân gian (bao gồm tri thức về thiên nhiên, đời sống con người, lao động sản xuất, y, dược học cổ truyền, ẩm thực, trang phục); nghề thủ công truyền

thông... Đặc biệt, các lễ hội ở Quảng Ninh là những giá trị văn hoá phi vật thể quý báu tồn tại trong đời sống văn hoá tinh thần của người Quảng Ninh. Trong đó, phải kể đến những lễ hội rất độc đáo của đồng bào dân tộc thiểu số như: Hội làng của đồng bào Dao ở xã Bằng Cả (Hoành Bồ); lễ hội Soóng Cọ; lễ hội đình Lục Nà của đồng bào Tày xã Lục Hồn (Bình Liêu), lễ hội đình Trà Cỏ (Móng Cái), lễ hội Vân Đồn (xã Quan Lạn, huyện Vân Đồn), lễ hội Tiên Công, lễ hội Bạch Đằng (TX Quảng Yên), hội chùa Quỳnh Lâm, hội đền An Sinh (huyện Đông Triều), lễ hội Hoa Sứ (Bình Liêu)...

Ngoài ra, văn hoá Quảng Ninh còn có nét đặc sắc riêng với nền “văn hoá công nhân mỏ” được hình thành và phát triển gần 150 năm nay, gắn liền với quá trình lao động, đấu tranh cách mạng. Văn hoá vùng Mỏ là sự kết hợp của hai yếu tố: Những nét văn hoá truyền thống chất lọc tinh hoa của khắp các vùng miền trong cả nước và văn hoá hiện đại ra đời từ cuộc sống công nghiệp và mang đậm hơi thở của cuộc sống công nghiệp hiện đại, góp phần làm cho kho di sản văn hoá của Quảng Ninh ngày càng thêm phong phú, đa dạng.

Những vốn quý về văn hoá này đã và đang khẳng định những giá trị khác biệt của Quảng Ninh. Và việc bảo tồn, phát huy giá trị những di sản văn hoá quý báu này chính là chiếc cầu nối quan trọng để Quảng Ninh cùng với cả nước bước vào hội nhập với thế giới, cũng là nền tảng cơ bản quan trọng để đề xuất việc xây dựng tượng đài và tranh hoành tráng của tỉnh Quảng Ninh, gắn liền với chiều dài lịch sử văn hoá của tỉnh.

### **5.2.3. Kinh tế Quảng Ninh**

Trong giai đoạn 2006- 2011, Quảng Ninh đạt mức tăng trưởng bình quân 12,0% cao gần gấp đôi mức tăng trưởng bình quân cả nước là 6,5%. Năm 2015 tăng trưởng kinh tế đạt 11%, cao nhất trong 4 năm trở lại đây; GDP bình quân đầu người đạt gần 4.000 USD; cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng khu vực dịch vụ từ 42,9% năm 2014 lên 43,4%; tổng thu NSNN trên địa bàn đạt gần 35.000 tỷ đồng, tăng 3,5% cùng kỳ, trong đó thu nội địa đạt gần 20.000 tỷ đồng, tăng 23% cùng kỳ... Trong 9 tháng đầu năm 2016, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 9,8% (Quý I tăng 8,1%; Quý II tăng 10,2%, Quý III tăng 11,1%) cao nhất trong cùng kỳ 5 năm trở lại đây, đứng trong nhóm dẫn đầu các tỉnh, thành phố vùng trọng điểm Bắc Bộ.

**Bảng 1. Tổng sản phẩm xã hội của Tỉnh Quảng Ninh qua các giai đoạn***Đơn vị: Tỷ đồng*

T	Các lĩnh vực kinh tế	Năm 2005	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2015
1	Nông lâm thủy sản	824	2.373	3.147	924
2	Công nghiệp - xây	6.395	21.914	32.052	38.142
3	Dịch vụ	4.071	13.388	17.267	53.83

(Nguồn: Đơn vị tư vấn thống kê dựa trên các báo cáo Kinh tế xã hội Tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2005 - 2015)

Giai đoạn 2011-2015, Tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh Quảng Ninh được duy trì ở mức hợp lý, bình quân 5 năm đạt 9,2%/năm, là mức cao so với mặt bằng chung cả nước. Quy mô kinh tế của tỉnh tiếp tục tăng, đạt trên 100 ngàn tỷ đồng. Tổng sản phẩm bình quân đầu người đạt 3.900 USD, gấp 1,77 lần so với bình quân chung của cả nước. Thu ngân sách nhà nước ước đạt 160 ngàn tỷ đồng, luôn đứng trong nhóm 5 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về thu ngân sách.

#### 5.2.4. Hiện trạng sử dụng đất đai Tỉnh Quảng Ninh

Theo kết quả thống kê, kiểm kê diện tích đất đai theo đơn vị hành chính năm 2012 (Sở Tài nguyên và Môi trường) thì tổng diện tích tự nhiên của tỉnh là 610.235,50 ha được phân chia thành 14 đơn vị hành chính (huyện, thị xã, thành phố), huyện có diện tích tự nhiên lớn nhất là huyện Hoàn Bò 84.463.22 ha, chiếm 13.84% diện tích toàn tỉnh; đơn vị có diện tích nhỏ nhất là huyện Cô Tô 4.750,75 ha, chiếm 0,78% diện tích toàn tỉnh.

**Bảng 2. Hiện trạng sử dụng đất đai tỉnh Quảng Ninh năm 2012**

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>	<b>610.233,50</b>	<b>100%</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>460.201,11</b>	<b>75,41%</b>
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	50.433,15	8,26%
1.2	Đất lâm nghiệp	389.013,96	63,75%
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	20.721,04	3,40%
1.4	Đất làm muối	3	0,00%
1.5	Đất nông nghiệp khác	29,95	0,00%
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>84.680,61</b>	<b>13,88%</b>
2.1	Đất ở	10.081,47	1,65%



<b>TT</b>	<b>Loại đất</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Cơ cấu (%)</b>
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	3.955,70	0,65%
2.1.2	Đất ở tại đô thị	6.125,77	1,00%
2.2	Đất chuyên dùng	42.131,75	6,90%
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	91	0,01%
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	1.024,24	0,17%
2.5	Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	31.345,39	5,14%
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	6,76	0,00%
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>65.351,78</b>	<b>10,71%</b>
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	23.877,56	3,91%
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	33.950,81	5,56%
3.3	Núi đá không có rừng cây	7.523,41	1,23%
<b>4</b>	<b>Đất có mặt nước ven biển (quan sát)</b>	<b>1.331,36</b>	<b>0,22%</b>
4.1	Đất mặt nước ven biển nuôi trồng thủy sản	1.002,54	0,16%
4.2	Đất mặt nước ven biển có rừng	286,23	0,05%
4.3	Đất mặt nước ven biển có mục đích khác	42,59	0,01%

*Nguồn: Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 và ngoài 2050*

Qua bảng số liệu trên có thể thấy rằng cơ cấu sử dụng đất của tỉnh như sau:

- *Tổng diện tích tự nhiên: 610.235,50 ha chiếm 100%.*
  - *Diện tích đất nông nghiệp: 460.201,11ha chiếm 75,41%.*
  - *Diện tích đất phi nông nghiệp: 84.680,61ha chiếm 13,88%.*
  - *Diện tích đất chưa sử dụng: 65.351,78ha chiếm 10,71%.*
- *Nhận xét: Đất nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao nhất, tỷ lệ đất phi nông nghiệp và tỷ lệ đất chưa sử dụng khá nhỏ.*

**Bảng 3. Đánh giá tổng hợp đất đai tỉnh Quảng Ninh**

TT	Địa danh	Đất xây dựng thuận lợi		Đất xây dựng ít thuận lợi		Đất xây dựng không thuận lợi		Đất cấm xây dựng (Đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, quốc phòng, di tích, khu)	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	TP Hạ Long	1133,63	4,17	2308	8,49	9790,75	36,00	8806,2	32,38
2	TP Uông Bí	5178,82	20,21	6222	24,28	1082,61	4,22	10288,52	40,14
3	TP Cẩm Phả	9200,05	26,80	8680	25,29	6995,19	20,38	7603,28	22,15
4	TP Móng Cái	11576,62	22,33	4736	9,14	13410,04	25,87	17698,5	34,14
5	TX Quảng Yên	891,67	2,84	11455	36,46	7507,53	23,89	2292,68	7,30
6	TX Đông Triều	9738,8	24,52	10337,5	26,02	408,52	1,03	15047,79	37,88
7	Huyện Hoành Bồ	13924,63	16,49	16489	19,52	17621,25	20,86	32543,02	38,53
8	Huyện Ba Chẽ	3438,4	5,65	20191	33,18	27957,72	45,94	8333,33	13,69
9	Huyện Bình Liêu	776,82	1,64	12547	26,41	18499,88	38,94	14602,29	30,74
10	Huyện Tiên Yên	3358,52	5,18	25653	39,59	23696,68	36,57	10237,41	15,80
11	Huyện Đầm Hà	13575,02	43,76	3506	11,30	3219,75	10,38	8704,12	28,06
12	Huyện Hải Hà	14796,44	28,79	3949	7,68	14078,18	27,39	15321,4	29,81
13	Huyện Vân Đồn	7033,31	12,71	8189	14,80	21079,52	38,10	18418,34	33,29
14	Huyện Cô Tô	2901,4	7,30	186	0,47	30402,26	76,54	2042,95	5,14
<b>Toàn tỉnh</b>		<b>97524,13</b>	<b>15,98</b>	<b>134448,5</b>	<b>22,03</b>	<b>195749,8</b>	<b>32,08</b>	<b>171939,83</b>	<b>28,18</b>

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

Từ bảng trên cho thấy diện tích đất loại I (thuận lợi cho xây dựng) có khoảng 97.524,13ha chiếm 15,98% tổng diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh, đây là tỷ lệ tương đối thấp, vì vậy việc xây dựng tượng đài và tranh hoành tráng sẽ bị hạn chế về quỹ đất.

## CHƯƠNG 6. TỔNG QUAN VỀ VĂN HÓA, LỊCH SỬ VÀ CON NGƯỜI TỈNH QUẢNG NINH

### 6.1. Tóm lược các thời kì lịch sử của tỉnh Quảng Ninh

Trong thời kỳ xa xưa của lịch sử dân tộc, Quảng Ninh được gọi là miền “Viễn Châu Ác Địa”, các triều đại phong kiến thường đày ải các tù nhân đến đây để giam cầm. Nhưng chính miền đất xa xôi hẻo lánh ấy lại có vị trí đặc biệt quan trọng, có tài nguyên cực kỳ phong phú, có cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, đã hấp dẫn con người đến khai phá xây dựng. Đó là lý do cốt lõi vì sao Quảng Ninh nằm trong số không nhiều những địa phương ở nước ta là địa bàn cư trú đầu tiên của người tiền sử, cũng là một trong những địa phương đầu tiên có mặt trên bản đồ Việt Nam, khi các vua Hùng dựng nước.

#### 6.1.1. Thời tiền sử

*Văn hóa Tiền Hạ Long – Văn hóa Hạ Long:* Cách đây khoảng trên 10.000 năm. Lúc đó Vịnh Hạ Long còn gắn với đất liền. Đã có một bộ phận cư dân văn hóa Hòa Bình – Bắc Sơn tiến ra vùng thung lũng và đồng bằng chân núi ven vịnh Bắc Bộ. Tiêu biểu là các địa điểm: Soi Nhụ, Hà Giắt, Giáp Khẩu, hòn Con Ngựa và Núi Hứa... Họ là những cư dân đầu tiên cư trú ở vùng này và hình thành nên nhóm di tích Tiền Hạ Long. Cư dân văn hóa Tiền Hạ Long vẫn bảo lưu truyền thống sử dụng cuội và rìu mài lưỡi kiểu Bắc Sơn. Phương thức sinh hoạt kinh tế của họ chủ yếu dựa vào săn bắn và hái lượm.

Văn hóa Hạ Long tồn tại từ khoảng 5000 đến 3500 năm cách ngày nay. Kỹ thuật chế tác đá giai đoạn này đã đạt đến đỉnh cao. Công cụ lao động điển hình là các loại rìu, bôn có vai có nấc và bàn mài rãnh còn được gọi là “dấu Hạ Long”. Đồ trang sức bằng đá và vỏ sò rất phong phú. Đặc trưng đồ gốm Hạ Long là gốm xốp làm từ đất sét pha vỏ nhuyễn thể có trang trí văn khắc gạch, văn đắp thêm và trở lỗ thủng. Chủ nhân văn hóa Hạ Long là những người làm nông kết hợp với khai thác biển.

#### 6.1.2. Thời các vua Hùng

Vào thời các vua Hùng, từ năm 2897 đến 258 trước CN, thời nhà Thục, từ năm 258 đến 208 trước CN; thời thuộc Triệu, từ năm 207 đến 111 trước CN, quốc hiệu nước ta thay đổi qua các đời với những tên gọi là Văn Lang, Âu Lạc, Nam Việt, Quảng Ninh chỉ có một tên gọi là bộ Ninh Hải.

Thời kì văn hóa Đông Sơn xuất hiện ở Quảng Ninh từ thế kỉ V trước công nguyên đến thế kỉ I,II sau công nguyên. Văn hóa Đông Sơn là sự kết tinh hội tụ

của các nền văn hóa tiền Đông Sơn. Đặc trưng của nền văn hóa này là kỹ thuật luyện kim và đúc đồng đạt đến đỉnh cao, hiện vật đồng phong phú đa dạng. Việc phát hiện sưu tập đồ đồng bao gồm rìu, giáo, thạp, đồ trang sức ở di chỉ Đầu Rằm, Bò Chuyền, Hòn Gai – Cô Tiên, trống đồng Quảng Chính, nhóm mộ thuyền Phương Nam, Phương Đông đã chứng tỏ sức sống mãnh liệt cùng với sự đóng góp mở cõi của cư dân Đông Sơn, cư dân Việt Cổ trong thời đại các Vua Hùng. Địa bàn phân bố của văn hóa Đông Sơn cơ bản trùng khớp với cương vực 15 bộ của nước Văn Lang được ghi trong chính sử. Trong đó, bộ Ninh Hải tương đương với Quảng Ninh ngày nay.

### 6.1.3. Thời kỳ Bắc thuộc

Trong suốt hơn 1000 năm Bắc thuộc, từ năm 111 trước CN đến năm 939 sau CN, các triều đại phong kiến Trung Quốc thay nhau thống trị, thi hành chính sách đồng hóa biến nước ta thành một quận phụ thuộc vào Trung Quốc với các tên gọi Tượng quận hay Giao Chỉ, địa danh Quảng Ninh nhiều lần thay đổi theo sự sắp đặt của giai cấp thống trị phương Bắc.

- *Đời thuộc Tần, Quảng Ninh là mảnh đất nằm trong Tượng quận.*
- *Đời thuộc Hán ( năm 43-244), Quảng Ninh là bộ phận của quận Giao Chỉ.*
- *Đời thuộc Lương ( năm 505-543), Quảng Ninh khôi phục lại tên nguyên thủy của mình là quận Ninh Hải thuộc châu Hoàng.*
- *Đời thuộc Tùy ( 603-617), Ninh Hải đổi tên thành Ninh Việt.*
- *Đời thuộc Đường (618-906), Quảng Ninh có tên là quận Ngọc Sơn thuộc Lục Châu.*

### 6.1.4. Thời phong kiến độc lập

Từ năm 939, dưới thời nhà Ngô trở đi nước ta thoát khỏi ách đô hộ của phong kiến phương Bắc, trở thành quốc gia độc lập tự chủ. Nhà Đinh (968-980) đặt quốc hiệu nước ta là Đại Cồ Việt. Nhà tiền Lê (908-1009), chia nước ta thành trấn (hoặc lộ), dưới trấn có châu, dưới châu có phủ; Quảng Ninh là vùng đất thuộc trấn Triều Dương.

- *Nhà Lý lên ngôi ( 1010-1225), đổi quốc hiệu nước ta từ Đại Cồ Việt thành Đại Việt, đổi trấn Triều Dương thành châu Tĩnh Yên; Quảng Ninh thuộc đất châu Tĩnh Yên.*
- *Đời Trần ( 1225-1400), đổi châu Tĩnh Yên thành lộ Hải Đông. Lộ Hải Đông đời Trần trùng khít với cương vực đất đai tỉnh Quảng Ninh ngày nay. Vào đời Trần Nhân Tông, lộ Hải Đông đổi tên thành lộ An Bang. Đến thời Trần Anh Tông, Quảng Ninh có tên Tân An.*

- Đến thời Lê (1428-1527) chia nước ta thành 5 đạo, Quảng Ninh vẫn gọi là An Bang thuộc Đông Đạo. Vào thời Lê Thánh Tông chia nước ta thành 12 thừa tuyên, Quảng Ninh gọi là thừa tuyên Yên Bang có 1 phủ, 4 châu, 3 huyện. Đến thời Lê Anh Tông đổi tên Yên Bang thành Yên Quảng.
- Vào thời nhà Nguyễn (1802-1945), năm Minh Mệnh thứ 3, đổi tên Yên Quảng thành trấn Quảng Yên; năm Minh Mệnh thứ 12, chia nước ta thành tỉnh, Quảng Ninh gọi là tỉnh Quảng Yên, gồm hai phủ là Sơn Định và Hải Ninh.

### 6.1.5. Thời Pháp thuộc

Sau khi xâm chiếm Bắc Kỳ, năm 1899 thực dân Pháp lại tách một phần bắc tỉnh Quảng Yên mà lập tỉnh Hải Ninh. Thấy được tài nguyên khoáng sản than đá. Thực dân Pháp tăng cường khai thác tại các khu Hồng Quảng, Mạo Khê, Vàng Danh, Cẩm Phả, Hà Tu. Họ thành lập Công ty than Bắc Kỳ thuộc Pháp (S.F.C.T) độc quyền khai thác và tiêu thụ than đá, ra sức vơ vét tài nguyên và bóc lột nhân công thuộc địa. Cùng với công nghiệp than, Quảng Ninh là một trong những nơi giai cấp công nhân Việt Nam hình thành sớm nhất.

Cuộc Tổng bãi công của hơn 30.000 thợ mỏ Ngày 12 tháng 11 năm 1936 đòi tăng lương giảm giờ làm giành thắng lợi vẻ vang đã trở thành một trong những sự kiện lịch sử tiêu biểu nhất của phong trào cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh đòi quyền dân sinh dân chủ và độc lập dân tộc. Sau này ngày này trở thành ngày truyền thống của Công nhân vùng mỏ, gọi là **Ngày vùng mỏ bất khuất**.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, quân và dân Quảng Ninh đã đánh 3159 trận, làm chết bị thương 22.100 tên địch, bắt 2831 tên, thu trên 8000 súng các loại và nhiều quân trang, quân dụng khác.

Một số trận đánh tiêu biểu của quân và dân Quảng Ninh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược(1945-1954):

- Khởi nghĩa vũ trang ở Đông Triều, Mạo Khê, Tràng Bạch, Chí Linh ngày 08/6/1945.
- Trận chiến đấu tập kích đồn Uông Bí và Trại Bí Chợ của du kích quân chiến khu Đông Triều, ngày 01/7/1945.
- Trận tập kích chiếm tỉnh lỵ Quảng Yên của du kích quân chiến khu Đông Triều, ngày 20/7/1945.
- Trận đánh chiếm tàu Cray-xắc và Ô-đa-xi-ơ trên vịnh Hạ Long, ngày 7 và 11/9/1945.
- Trận tập kích địch ở Hà Lầm, đêm 24 rạng ngày 25/12/1946.

- Trận phục kích đoàn xe quân sự của địch ở Điền Xá, Tiên Yên, ngày 04/3/1949.
- Trận tập kích địch ở thị xã Móng Cái, ngày 27/3/1949.
- Trận tập kích địch ở đồn Bình Liêu đêm 24 ngày 25/12/1950.
- Quân dân tỉnh Quảng Yên tham gia chiến dịch đường số 18 (23/3 đến 07/4/1951).
- Chống chiến dịch càn quét Bô-lê-rô ở vùng sau lưng địch của quân và dân tỉnh Quảng Yên(28/6 đến 26/8/1952).
- Trận chống càn bảo vệ căn cứ Áng Tái của du kích xã Yên Đức, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Yên, từ ngày 16 đến ngày 17/3/1953.
- Trận chống càn bảo vệ căn cứ Bằng Tân, xã Thượng Yên Công, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Yên từ ngày 04 đến ngày 07/10/1953.

#### **6.1.6. Thời chống Mỹ**

- Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, quân và dân Quảng Ninh đã bắn cháy 200 máy bay Mỹ(chiến tranh phá hoại lần thứ nhất bắn rơi 173 chiếc, lần thứ 2 bắn rơi 27 chiếc); Dân quân du kích xã Xuân Sơn, huyện Đông Triều là đơn vị bắn rơi chiếc máy bay 100 trên bầu trời Quảng Ninh và quân dân xã đảo Ngọc Vũng, huyện Cẩm Phả là đơn vị bắn rơi chiếc máy bay thứ 200 trên bầu trời Quảng Ninh đã tiêu diệt và bắt sống nhiều giặc lái Mỹ.
- Tên giặc lái Mỹ bị bắt sống đầu tiên trên miền Bắc bị quân dân Quảng Ninh bắt vào ngày 5/8/1964 tại Vịnh Hạ Long, thuộc thị xã Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh là Trung úy phi công Mỹ E.An-cơ-rét (Everette Alvaez). Đây cũng là tên tù binh ở lâu năm nhất trong nhà tù Hỏa Lò, Hà Nội.
- Tên của một số người trực tiếp bắt sống tên giặc lái Mỹ E.An-vơ-rét là: Nguyễn Văn Trần, Tống Văn Tạo và Dương Văn Tấn.
- Địa phương trong tỉnh Quảng Ninh bắn rơi máy bay Mỹ nhiều nhất là thị xã Hồng Gai, huyện Yên Hưng (nay là thị xã Quảng Yên) là nơi dân quân du kích hạ nhiều máy bay nhất so với các địa phương trong tỉnh.
- Hồ Chủ Tịch đã gửi thư khen tới quân và dân Quảng Ninh nhân dịp bắn rơi 100 máy bay Mỹ (viết vào ngày 19/8/1966).  
Tính đến tháng 3/2012, tỉnh Quảng Ninh có 78 tập thể và 16 cá nhân được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu “Anh hùng LLVT nhân dân”

### 6.1.7. Sau năm 1945

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 Việt Nam giành độc lập, bước sang giai đoạn dân chủ hiện đại. Chính phủ ta chia tỉnh Quảng Yên thành hai đơn vị hành chính là tỉnh Quảng Yên và khu đặc biệt Hòn Gai.

- Tháng 3 năm 1947, sát nhập khu đặc biệt Hòn Gai vào tỉnh Quảng Yên, lấy tên là tỉnh Quảng Hồng.
- Tháng 12 năm 1948, lại chia tỉnh Quảng Hồng thành hai đơn vị hành chính là khu đặc biệt Hòn Gai và tỉnh Quảng Yên. Khu đặc biệt Hòn Gai gọi tắt là Đặc khu Hòn Gai, gồm thị xã Hòn Gai, thị xã Cẩm Phả và huyện Cẩm Phả (nay là Vân Đồn).
- Ngày 22-2-1955, trước ngày vùng mỏ được giải phóng khỏi sự chiếm đóng của thực dân Pháp, chính phủ ta quyết định thành lập khu Hồng Quảng trên cơ sở hợp nhất đặc khu Hòn Gai và tỉnh Quảng Yên.
- Ngày 25-4-1955, vùng mỏ được giải phóng.
- Ngày 30-10-1963, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, khóa II tại kỳ họp thứ , đã phê chuẩn việc hợp nhất tỉnh Hải Ninh và khu Hồng Quảng thành đơn vị hành chính mới, lấy tên là **Quảng Ninh**. Theo cách đặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tên tỉnh là ghép tên của hai tỉnh **Quảng Yên** và **Hải Ninh** cũ; thị xã Móng Cái chuyển thành huyện Hải Ninh. Diện tích của toàn tỉnh Quảng Ninh là 8.239,243 km<sup>2</sup>. Khi hợp nhất, tỉnh Quảng Ninh có 14 đơn vị hành chính gồm 3 thị xã: thị xã Hòn Gai (tỉnh lỵ), thị xã Cẩm Phả, thị xã Uông Bí và 11 huyện: Ba Chẽ, Bình Liêu, Cẩm Phả, Đầm Hà, Đình Lập, Đông Triều, Hải Hà, Hải Ninh, Hoàn Bồ, Tiên Yên, Yên Hưng.
- Lịch sử thành lập, phân tách địa giới hành chính từ khi thành lập tỉnh Quảng Ninh năm 1963 đến nay
  - + Ngày 4 tháng 6 năm 1969, hợp nhất 2 huyện Đầm Hà và Hải Hà thành huyện Quảng Hà; Ngày 29 tháng 12 năm 1978, chuyển huyện Đình Lập về tỉnh Lạng Sơn quản lý
  - + Ngày 27 tháng 12 năm 1993, Chính phủ ban hành Nghị định số 102/CP, thành phố Hạ Long được chính thức thành lập trên cơ sở thị xã Hòn Gai.
  - + Ngày 23 tháng 3 năm 1994, đổi tên huyện Cẩm Phả thành huyện Vân Đồn; tách quần đảo Cô Tô khỏi huyện Cẩm Phả để thành lập huyện Cô Tô.
  - + Ngày 20 tháng 7 năm 1998, Thủ tướng Chính phủ ra Nghị định số 52/1998/NĐ-CP, thành lập lại thị xã Móng Cái trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của huyện Hải Ninh.

- + Ngày 29 tháng 8 năm 2001, huyện Quảng Hà được tách thành 2 huyện: Đầm Hà và Hải Hà.
- + Ngày 24 tháng 09 năm 2008, Chính phủ ban hành Nghị định 03/NĐ-CP thành lập thành phố Móng Cái trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của thị xã Móng Cái
- + Ngày 25 tháng 2 năm 2011, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 12/NQ-CP thành lập thành phố Uông Bí trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của thị xã Uông Bí
- + Ngày 25 tháng 11 năm 2011, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 100/NQ-CP tái lập thị xã Quảng Yên trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của huyện Yên Hưng.
- + Ngày 21 tháng 2 năm 2012, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 04/NQ-CP thành lập thành phố Cẩm Phả thuộc tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số và các đơn vị hành chính trực thuộc của thị xã Cẩm Phả.
- + Ngày 11 tháng 3 năm 2015, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 892/NQ-UBTVQH13 thành lập thị xã Đông Triều trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của huyện Đông Triều.

## **6.2. Những sự kiện lịch sử và danh nhân tiêu biểu trong quá trình hình thành và phát triển của tỉnh Quảng Ninh**

### **6.2.1. Những sự kiện lịch sử tiêu biểu**

- *Lập trang Vân Đồn*

Năm 1149 vua Lý Anh Tông cho thành lập trang Vân Đồn để buôn bán với người nước ngoài, mở ra sự hình thành và phát triển của hệ thống thương cảng Vân Đồn - cánh cửa hội nhập đầu tiên của nước ta.

- *Chiến thắng Vân Đồn – Cửa Lục*

Tháng 12 năm 1287, tướng Trần Khánh Dư đã chỉ huy quân dân nhà Trần đánh tan đạo binh thuyền chở lương thực, khí giới của quân Nguyên. Trận thắng lớn làm xoay chuyển tình thế dẫn tới thắng lợi toàn cục trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ 3, địa điểm ngày nay thuộc huyện Vân Đồn tỉnh Quảng Ninh.

- *Chiến thắng Bạch Đằng*

Ngày 8 tháng 3 năm 1288, Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn đã cùng quân dân nhà Trần tiêu diệt và bắt sống toàn bộ đoàn thuyền chiến để quốc Nguyên Mông, địa điểm hiện nay khu vực sông Bạch Đằng thuộc thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.



- *Khởi lập huyện đảo Cô Tô*

Năm 1832, Nguyễn Công Trứ với cương vị Tổng Đốc Hải An (Hải Dương - An Quảng) đã xin triều đình cho thành lập làng xã tại Chàng Sơn (Cô Tô ngày nay), cắt cử người cai quản. Làng đầu tiên ở đây được Nguyễn Công Trứ đặt là làng Hường Hoá.

- *Ngày khai sinh ra ngành Than - Khoáng sản Việt Nam*

Vào năm Minh Mệnh thứ 20, ngày mồng 6 tháng 12 năm âm lịch (tức ngày 10/1/1840 năm dương lịch), vua Minh Mạng đã có “Dụ” cho phép Tổng đốc Hải Yên (Quảng Ninh ngày nay) Tôn Thất Bật, chính thức tổ chức khai thác than ở vùng núi An (Yên) Lãng, nay thuộc xã Yên Thọ, huyện Đông Triều. Ngày 10/1/1840 được ghi trong bản “Dụ” đã được lấy làm ngày khai sinh ra Ngành Than - Khoáng sản Việt Nam và đã được Ngành tổ chức kỷ niệm trọng thể 170 năm vào ngày 10/1/2010. Do đó vua Minh Mạng, được coi là người có công khai sáng Ngành - Ông Tổ của Ngành.

- *Thanh niên cách mạng Đồng chí Hội về khu mỏ*

Ngày 29-9-1928, kỳ bộ Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội Bắc Kỳ quyết định cử cán bộ, hội viên đi “Vô sản hoá” ở các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền..., đến Hòn Gai để thực hiện “Vô sản hoá”.

- *Cắm cờ đỏ búa liềm trên cầu Pooc Tích*

Vào đêm mùng 6 rạng ngày 7/11/1929 nhân kỷ niệm Cách mạng tháng 10 Nga, người thanh niên cộng sản trẻ tuổi Ngô Huy Tăng đã cắm lá cờ đỏ búa liềm trên cầu Pooc tích số 1- Cảng Cửa Ông, đây là sự kiện mở đầu cho hàng loạt phong trào đấu tranh của thợ mỏ Cửa Ông, mà đỉnh cao là thắng lợi của cuộc tổng bãi công tháng 11/1936 của công nhân vùng mỏ, trong đó công nhân Cửa Ông đã góp phần quan trọng.

- *Thành lập chi bộ đảng đầu tiên của Quảng Ninh*

Ngày 23-2-1930, chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam đầu tiên ở Quảng Ninh ra đời ở mỏ Mạo Khê (Đông Triều).

- *Tổng bãi công của công nhân mỏ*

Ngày 12-11-1936, cuộc tổng bãi công của hơn 30.000 thợ mỏ đòi tăng lương giảm giờ làm giành thắng lợi vẻ vang đã trở thành một trong những sự kiện lịch sử tiêu biểu nhất của phong trào cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh đòi quyền dân sinh dân chủ và độc lập dân tộc.

- *Khu căn cứ cách mạng Hải Chi-Ba Chẽ*

Những năm 1940 - 1945, trong lúc nhân dân cả nước đang tích cực chuẩn bị lực lượng để tiến hành cuộc tổng khởi nghĩa giành độc lập thì nhân dân Ba Chẽ

vẫn trong cảnh đêm trường mịt mù vừa chống chọi với thiên nhiên khắc nghiệt, vừa phải đấu tranh chống áp bức bóc lột của thực dân phong kiến.

Tháng 9/1945, ngoài ách thống trị của thực dân Pháp, nhân dân Ba Chẽ chịu thêm áp lực của quân đội Tưởng tràn qua biên giới Việt – Trung kéo theo bọn Việt Cách do Vũ Kim Thành, Nguyễn Ái, Nghiêm Kế Tổ cầm đầu tràn vào Ba Chẽ và một số nơi trong Tỉnh.

Tháng 02/1946, để hỗ trợ phong trào đấu tranh cách mạng của khu vực, Khu ủy đã cử một đoàn cán bộ gồm 8 người do đồng chí Nguyễn Hải (Bí danh là Hải Chi) trưởng Ban cán sự tỉnh Quảng Yên phụ trách ra hoạt động ở địa bàn biên giới quan trọng này. Do bị lộ bí mật, đoàn cán bộ đã bị bọn Việt Cách bắt giữ, chúng dùng mọi cực hình tra tấn dã man các đồng chí trong đoàn, một số đồng chí đã hy sinh anh dũng, trong đó có đồng chí Nguyễn Hải, người Bí thư đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Quảng Yên sau cách mạng tháng 8/1945. Đây là một tổn thất to lớn của Đảng bộ và nhân dân hai tỉnh Quảng Yên - Hải Ninh trong thời kỳ đấu tranh bảo vệ và củng cố chính quyền cách mạng.

Cùng thời gian này, Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Hải Ninh được thành lập. Tỉnh bộ Việt Minh đã cử đồng chí Hoàng Minh Huấn về xã Đồng Thắng liên lạc với đồng chí Vi Xuân Thịnh, Nguyễn Đức Khoa, Bé Phúc Lợi gấp rút tiến hành gây dựng lực lượng chuẩn bị điều kiện thành lập chính quyền cách mạng Ba Chẽ (đơn vị duy nhất trong tỉnh chưa giành được chính quyền).

Ngày 04/10/1946, tại gốc đa lớn trước đình Làng Dạ trước sự chứng kiến của hàng trăm đồng bào đại diện cho nhân dân các xã, các dân tộc về dự mít tinh, Ủy ban Hành chính kháng chiến huyện Hải Chi chính thức ra mắt quốc dân đồng bào. Sau lời khai mạc của đồng chí Hoàng Minh Huấn - Ủy viên Tổng bộ Việt Minh, ông Vi Xuân Thịnh - Chủ tịch Ủy ban Hành chính kháng chiến huyện Hải Chi đã đọc lời tuyên thệ hứa quyết tâm lãnh đạo đồng bào các dân tộc kháng chiến đến cùng đánh đuổi thực dân, Đế quốc và bọn phản cách mạng. Kể từ đây, tên Hải Chi chính thức được ghi trong bản đồ hành chính tỉnh Hải Ninh, huyện Hải Chi chính thức được thành lập.

- *Chiến thắng Đồn Cao, Đông Triều*

Ngày 8 tháng 6 năm 1945, Đồn Cao- nơi đặt trung tâm chỉ huy của quân Pháp tại Đông Triều đã bị nghĩa quân Đệ Tứ chiến khu dưới sự chỉ huy của đồng chí Nguyễn Bình sau là trung tướng đánh chiếm, mở đầu cho cao trào cách mạng tháng Tám trong toàn vùng. Nghĩa quân xuất phát từ chùa Bắc Mã, sau khi đánh chiếm đồn Đông Triều đã tập kết tại đình Hồ Lao. Tại đây, thay mặt Trung ương, trung tướng Nguyễn Bình đã tuyên bố thành lập chiến khu kháng

chiến Trần Hưng Đạo hay còn gọi là Đệ Tứ chiến khu, 1 trong 7 chiến khu kháng chiến của cả nước ra đời trong thời kỳ tiền khởi nghĩa cách mạng tháng Tám (*Hình 13 – phụ lục 2*).

- *Thành lập “ Đệ tứ chiến khu Đông Triều”*

Ngày 8/6/1945, Chiến khu Trần Hưng Đạo - Chiến khu Đông Triều ra đời. Đây là mốc son rực rỡ trong những trang sử vẻ vang, hào hùng của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc và lực lượng vũ trang tỉnh Quảng Ninh. Ngày thành lập Đệ tứ Chiến khu cho đến nay vẫn luôn là một sự kiện ý nghĩa với Đảng bộ, nhân dân các dân tộc trên địa bàn thị xã Đông Triều, nhất là với thế hệ trẻ của địa phương.

- *Ra mắt UBND Cách mạng lâm thời của tỉnh Quảng Ninh*

Ngày 24/8/1945, tại thị xã Quảng Yên, Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời của tỉnh đã ra mắt nhân dân.

- *Chiến thắng đường số 4 (Trận Điện Xá, Tiên Yên)*

Tháng 3 năm 1949, Trung ương quyết định mở chiến dịch Đông Bắc 2. Giao nhiệm vụ của tỉnh Hải Ninh, đặc khu Hòn Gai và Quảng Yên là: "*Phối hợp với mặt trận đường số 4 và chiến trường toàn quốc, phát triển và củng cố cơ sở Đông Bắc. Đánh phục kích lớn, tiêu diệt tiếp tế và tiếp viện, phá hoại triệt để đường 13, đường số 4, phô trương thanh thế, nghi binh, lợi dụng, lôi kéo làm tan rã nguy binh. Phát triển cơ sở ở Hải Ninh, Quảng Yên, Hòn Gai, tìm đường thông sang biên giới*". Trận phục kích đoàn xe quân sự của Pháp ở Điện Xá ngày 4-3-1949 là trận đánh mở đầu cho chiến dịch Đông Bắc 2. Sau thắng lợi, Quân Việt Minh diệt 125 địch, bắt sống 25 tên trong đó có quan hai-chỉ huy đoàn xe, phá 16 xe vận tải quân sự, thu nhiều súng và phương tiện kỹ thuật khác.

- *Trận núi Canh – du kích Yên Đức, Đông Triều*

Ngày 23-10-1950, 1 trung đoàn lính, trong đó có 2 tiểu đoàn lính Lê Dương và 1 tiểu đoàn Ngụy quân đã càn quét vào Yên Đức. Đây là trận càn lớn nhất của Pháp vào các xã khu vực phía đông của Đông Triều. Sau những trận chiến đấu vô cùng quyết liệt do lực lượng không cân sức, quá chênh lệch, du kích phải rút về núi Canh để bảo toàn lực lượng và cố thủ, tiếp tục đánh trả...

Tinh thần chiến đấu ngoan cường của những du kích và người dân trên địa bàn đã khiến chúng khiếp sợ. Khi quân Pháp bắc loa gọi du kích ở trong hang ra đầu hàng thì tiếng trả lời đanh thép từ trong hang vọng ra là: “Chết 1 đồng còn hơn sống 1 người” thể hiện ý chí đoàn kết, quyết chiến của du kích Đông Triều.

Đến 6 giờ sáng ngày 2-12-1950 (tức 23-10 năm Canh Dần) quân Pháp phá dỡ trên 200 ngôi nhà của nhân dân trong các thôn và đình, chùa... trong xã để

lấy gỗ, rơm, rạ nhét vào các cửa hang, đốt hun lực lượng du kích, 73 du kích đã anh dũng hi sinh. Từ sau trận chống càn lịch sử trên, hang núi Canh được nhân dân trong vùng gọi là hang 73.

Vào ngày 23-10 âm lịch hàng năm, Đảng bộ, chính quyền, mặt trận và các tầng lớp nhân dân trong xã cùng các xã, phường lân cận, lại kính cẩn đặt vòng hoa, dâng hương tưởng nhớ 73 du kích đã hy sinh tại núi Canh. Vào những năm chẵn, đều tổ chức lễ “Giỗ trận núi Canh” để giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ ở địa phương. Hang 73 núi Canh đã là “địa chỉ đỏ” giáo dục truyền thống lịch sử của ngành giáo dục thị xã Đông Triều.

- *Bác Hồ thăm Trà Cổ*

Bác Hồ trước khi ra Cô Tô, đã đến gặp gỡ và nói chuyện với nhân dân xã Trà Cổ vào ngày 8/5/1961.

- *Bác Hồ thăm đảo Cô Tô*

Vào ngày 9-5-1961, quân và dân đảo Cô Tô đã vinh dự được đón Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm. Sự kiện này là một phần thưởng vô giá, thể hiện tình cảm và sự quan tâm của Bác đối với đồng bào, chiến sĩ nơi đảo xa...

- *Thành lập tỉnh Quảng Ninh*

Ngày 30-10-1963, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, khóa II tại kỳ họp thứ 7, đã phê chuẩn việc hợp nhất tỉnh Hải Ninh và khu Hồng Quảng thành đơn vị hành chính mới, lấy tên là Quảng Ninh.

- *Sự kiện Chiến thắng trận đầu*

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, một trong những sự kiện đã trở thành mốc son chói lọi, thể hiện tinh thần “Quyết đánh -Quyết thắng” của dân tộc ta, có Chiến thắng trận đầu 5-8-1964. Đây là một chiến thắng hết sức quan trọng, bởi như Bác Hồ đã nói tại Lễ mừng công ở Thủ đô Hà Nội ngày 7-8-1964: “Trong trận này, chúng ta đã cho Đế quốc Mỹ một bài học đích đáng; đồng thời chúng ta đã thấy rõ hơn những ưu điểm và nhược điểm của ta...”.

Ngày 5-8-1964, Trong vòng không đầy một giờ đồng hồ chiến đấu, quân và dân tỉnh Quảng Ninh đã bắn rơi 3 chiếc máy bay, bắt sống tên giặc lái đầu tiên Everett Alvarez ở miền Bắc. Chiến thắng trận đầu 5-8 có một ý nghĩa đặc biệt với tỉnh Quảng Ninh. Là một tỉnh mới, Quảng Ninh vừa thành lập chưa được bao lâu, chính quyền, cơ quan, đoàn thể v.v. đang trong giai đoạn củng cố ổn định về mặt tổ chức để triển khai nhiệm vụ công tác thì đã phải đối mặt với cuộc chiến tranh phá hoại của Đế quốc Mỹ, mà trận chiến 5-8-1964 là thử thách đầu tiên. Trong trận chiến này, lực lượng dân quân, tự vệ ở thị xã Hồng Gai nói riêng, Quảng Ninh nói chung, đã “nhập cuộc” rất nhanh, phối hợp với các đơn vị bộ đội hải quân, pháo cao xạ v.v. đánh trả máy bay Mỹ và đã lập nên những

chiến công đặc biệt xuất sắc, cả trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, cả trong bảo vệ nhà máy, hầm mỏ, xí nghiệp v.v. cũng như trong việc đảm bảo an toàn, tránh thương vong cho người dân...

Nhiều tấm gương dũng cảm đã xuất hiện ngay trong trận đầu này, như Trung đội phó súng máy cao xạ 14,5mm Trương Thanh Luyện, tự vệ Nguyễn Văn Bút của phố Bạch Đằng (thị xã Hồng Gai), kíp trưởng Trần Xuân Tuấn của Nhà máy điện Cột 5, nhân viên bưu điện Hồng Gai Nguyễn Thị Thu Thủy và Vi Thị Mến v.v. và rất nhiều những tấm gương khác nữa. Tất cả cho thấy mặc dù đây là trận “thử lửa” đầu tiên, nhưng quân, dân Quảng Ninh không hề bị bất ngờ mà rất tự tin, sẵn sàng đánh trả kẻ thù xâm lược. Nhà báo Công Vượng, nguyên phóng viên Báo Quảng Ninh, người đã trực tiếp tham gia tác nghiệp trong trận đầu 5-8-1964 và là tác giả bức ảnh nổi tiếng chụp tên giặc lái Everett bị bắn rơi trên Vịnh Hạ Long trong trận chiến này, hồi tưởng: “- Chính bản thân tôi cũng không ngờ trong cuộc chiến đấu đầu tiên với hàng chục máy bay của Mỹ mà không một ai sợ hãi cả; cái đó làm cho khí thế chiến đấu càng ngày càng hăng lên. Là một phóng viên, tiếp xúc với mọi người, tôi thấy được một tinh thần rất lạc quan. Nhân dân ta vừa hăng hái chiến đấu mà vẫn đảm bảo sản xuất. Điều này đã trở thành truyền thống của Vùng Mỏ nói riêng và Việt Nam nói chung...”.

Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng, người đã có mặt tại Hồng Gai ngày 5-8-1964, sau 30 năm, năm 1994, khi nhớ lại sự kiện này, đã viết: “Tôi đã tận mắt chứng kiến trận chiến đấu oanh liệt của các đơn vị pháo cao xạ, tàu hải quân, dân quân, tự vệ, công an vũ trang và nhân dân Hồng Gai chiều ngày 5-8-1964 giáng trả không quân Mỹ đến gây tội ác tại đây. Ba máy bay phản lực bị bắn rơi. Một giặc lái Mỹ bị bắt sống. Đó là chiến công tuyệt vời của quân và dân Quảng Ninh, là kết quả 10 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, là biểu hiện tinh ưu việt của chế độ XHCN do Đảng và Bác Hồ vạch đường chỉ lối, là sự mở đầu cho những thành tựu to lớn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của Quảng Ninh...”.

Trong giai đoạn hiện nay, âm vang của Chiến thắng trận đầu 5-8-1964 nhắc nhở chúng ta về lòng tự hào dân tộc, sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp của cách mạng, không ngại khó khăn gian khổ, luôn luôn nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch, giữ vững vùng trời, biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

- *Bác Hồ dừng chân tại Xã Phạm Hồng Thái*

Trưa mùng 1 tết năm 1965, trên đường về thủ đô, Bác Hồ đã dừng chân tại một ngôi trường tại xã Phạm Hồng Thái (nay là Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều). Bác đã có cuộc gặp gỡ và nói chuyện thân mật với nhân dân tại đây.

- *Bác Hồ dừng chân tại đồi Yên Lập*

Nơi đây vào ngày 2-2-1965, trong dịp về thăm chúc Tết quân và dân tỉnh Quảng Ninh Xuân Ất Tỵ, Bác Hồ đã dừng chân dưới rừng thông Yên Lập, Bác khen rừng thông đẹp và nhắc nhở mọi người hãy chú ý bảo vệ tốt rừng thông. 50 năm đã qua đi, nơi đây giờ đã trở thành khu di tích, khách bộ hành đi qua đây vẫn dừng chân ngắm cảnh. Với cảnh quan đẹp, diện tích đồi thông lớn, không gian yên tĩnh, rừng thông Yên Lập rất thích hợp cho hoạt động tham quan, picnic cuối tuần. Hiện nay, Khu rừng thông Yên Lập là một trong số các di tích được xếp hạng quốc gia của TX Quảng Yên. Khu rừng thông này còn được gọi là Khu rừng thông Bác Hồ, là một điểm quan trọng nằm trong các tuyến du lịch của Quảng Yên...

- *Bác Hồ về thăm mỏ Đèo Nai*

Ngày 30/3/1959 Bác đã về thăm mỏ Đèo Nai và nói chuyện với công nhân, cán bộ công trường khai thác than Đèo Nai và dặn dò tinh thần, trách nhiệm trong sản xuất than với công nhân. Đây là mỏ than duy nhất được đón Bác về thăm. Khẳng định giá trị lịch sử, giá trị văn hóa của Di tích nơi Bác Hồ về thăm mỏ Đèo Nai, tỉnh Quảng Ninh đã làm hồ sơ và được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch công nhận xếp hạng Di tích Quốc gia (tại Quyết định số 3742/QĐ-BVHTTDL, ngày 28-10-2016) và đã tổ chức đón Quyết định công nhận tại Lễ kỷ niệm 80 năm Truyền thống Công nhân Vùng mỏ- Truyền thống ngành Than diễn ra tối 11/11 tại Quảng trường 30/10 TP Hạ Long.

- *Chiến tranh biên giới Việt - Trung năm 1979*

Ngày 17/2/1979, Trung Quốc bắt ngờ đưa quân tràn qua biên giới, đồng loạt tấn công 6 tỉnh biên giới lãnh thổ Việt Nam từ Pa Nậm Cúm (Lai Châu) đến Pò Hèn (Quảng Ninh) với chiều dài 1.200 km.

Trên hướng Quảng Ninh, ngày 17-2-1979, quân Trung Quốc huy động một bộ phận địa phương quân, biên phòng, dân binh của tỉnh Quảng Tây tiến đánh một số trận địa phòng ngự do các đơn vị thuộc Trung đoàn 41 và 288 Sư đoàn 325B, Trung đoàn 43 và 244 bộ đội địa phương, Đồn biên phòng Pò Hèn... đảm nhiệm ở khu vực Hoành Mô, Đồng Văn (Bình Liêu), Thán Phún (Hải Ninh) và pháo kích vào thị xã Móng Cái. Trong các trận tiến công này địch chiếm được bình độ 300, đồn Pò Hèn và điểm cao 1050 Cao Ba Lanh nhưng đến chiều 19-2 ta phản kích khôi phục lại trận địa.

Ngày 26-2, địch mở đợt tiến công mới nhằm vào khu vực chốt của Trung đoàn 288 Sư đoàn 325B ở điểm cao 1050, 585, đồi Cây Xanh, đồi Không Tên... và ngày 28-2 đánh vào trận địa Trung đoàn 41 Sư đoàn 325B ở điểm cao 500, 600, 781, đồi Khẩu Hiệu... Các đợt tiến công này đều bị đánh bại.

Ngày 28-2, Tư lệnh Quân khu 1 quyết định thành lập Bộ tư lệnh Mặt trận Quảng Ninh do Thiếu tướng Nguyễn Sùng Lãm mới được cử về làm Phó tư lệnh quân khu đứng đầu.

Ngày 1-3, quân Trung Quốc đồng loạt tiến công vào các điểm tựa của Trung đoàn 41 và 288 Sư đoàn 325B, Tiểu đoàn 130 Bình Liêu, Đồn biên phòng Hoàn Mô, Đồng Văn, Móng Cái và Đại đội 6 công an vũ trang... chiếm được đồn Hoàn Mô và một phần điểm cao 600 và 781 nhưng bị chặn lại trên các hướng khác. Ngày 4-3, địch tập trung đánh chiếm điểm cao 1050 nhưng một lần nữa bị đẩy lui với thiệt hại nặng nề. Cũng trong ngày hôm đó Trung đoàn 41 Sư đoàn 325B phản kích lấy lại điểm cao 600 và 781. Đến đây, mọi nỗ lực tấn công vào tuyến biên giới Quảng Ninh của Trung Quốc đều bị bẻ gãy.

Ngày 5-3, Bắc Kinh tuyên bố rút quân khỏi Việt Nam. Chiến sự trên hướng Quảng Ninh tạm thời lắng xuống. Trong đợt chiến đấu này, 2 cá nhân và 5 đơn vị đã được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân.

### **6.2.2. Những danh nhân tiêu biểu**

- *Nữ tướng Lê Chân*

Tương truyền bà quê làng An Biên (tên cổ là làng Vền), Đông Triều, phủ Kinh Môn, trấn Hải Dương (nay thuộc thôn An Biên, xã Thủy An, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh). Theo thần tích đền Nghè, cha Lê Chân là Lê Đạo và mẹ là Trần Thị Châu. Bà là người có nhan sắc, giỏi võ nghệ lại có tài thơ phú nên tiếng đồn đến tai thái thú nhà Hán là Tô Định. Tô Định toan lấy bà làm thiếp nhưng bị cha mẹ bà cự tuyệt, theo truyền thuyết, chính vì thế họ đã bị sát hại. Lê Chân phải bỏ quê theo đường sông xuôi xuống phía Nam, đến vùng An Dương, cửa sông Cẩm, thấy địa hình, đất đai thuận lợi Bà dừng lại lập trại khai phá. Cùng với thân quyến và người làng mà bà cho đón ra, Lê Chân phát triển nghề trồng dâu, nuôi tằm và đánh bắt thủy hải sản tạo nên một vùng đất trù phú. Nhớ cội nguồn, bà đặt tên vùng này là An Biên trang. Cùng với phát triển sản xuất, bà chiêu mộ trai tráng để luyện binh và được sự ủng hộ của nhân dân quanh vùng. Binh sĩ của Lê Chân được huấn luyện chu đáo và có sở trường về thủy trận. Năm 40, khi Hai Bà Trưng dấy binh, bà đem theo binh lính gia nhập quân khởi nghĩa của Hai Bà Trưng. Trong các trận đánh, bà thường được cử làm nữ tướng quân tiên phong, lập nhiều chiến công. Sau khi thu phục 65 thành, Tô

Định phải lui về nước, bà được Trung Vương phong là Thánh Chân công chúa, giữ chức chưởng quân binh quyền nội bộ, đứng ra tổ chức, luyện tập quân sĩ, tăng gia sản xuất. Năm 43, Mã Viện lại đưa quân sang xâm lược, quân Hai Bà Trưng chống cự không nổi, hai Bà trảm mình xuống sông Đáy tự vẫn.

- *Vua Lý Anh Tông*

Ông tên thật là Lý Thiên Tô, sinh tháng 4 năm Bính Thìn (1136), tại kinh đô Thăng Long (Hà Nội), Việt Nam là con trai thứ hai của vua Lý Thần Tông, mẹ là hoàng hậu Lê thị Anh.

Năm 1149 vua Lý Anh Tông cho thành lập trang Vân Đồn để buôn bán với người nước ngoài, mở ra sự hình thành và phát triển của hệ thống thương cảng Vân Đồn - cánh cửa hội nhập đầu tiên của nước ta.

Đây cũng là thương cảng biển đầu tiên của Việt Nam trong giao thương với các nước trong khu vực Đông Á và thế giới như Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia ... Thương cảng Vân Đồn thịnh vượng suốt 3 triều đại là Lý - Trần - Hậu Lê (Lê sơ) rồi suy thoái và bị lãng quên vào thời nhà Mạc. Di tích Thương cảng Vân Đồn còn chứa đựng dấu ấn của nhà Trần về chiến công chống ngoại xâm lại vừa có dấu ấn về giao thương, buôn bán.

- *Thượng Hoàng Trần Nhân Tông*

Là vị hoàng đế thứ 3 của nhà Trần trong lịch sử Việt Nam. Ông trị vì 15 năm (1278 – 1293) và làm Thái thượng hoàng 15 năm.

Ông được sử sách ca ngợi là một trong những vị hoàng đế nổi tiếng anh minh trong lịch sử Việt Nam, có vai trò lãnh đạo quan trọng trong Chiến tranh Nguyên Mông-Đại Việt lần 2 và lần 3. Lúc này, quân đội Đại Việt dưới sự chỉ huy trực tiếp của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn đã đánh tan tác quân đội hùng mạnh của Nhà Nguyên, bảo vệ bờ cõi Đại Việt trước vó ngựa nổi tiếng vô địch của người Mông Cổ. Ngay sau khi dẹp yên quân giặc, ông cho giảm thuế, phát lương chẩn, tích cực khôi phục các công trình đã bị quân Nguyên hủy hoại, mau chóng sau đó quốc gia hồi phục, Đại Việt dần lấy lại sự hưng thịnh và phát triển cực thịnh thêm nữa.

Năm 1293, Nhân Tông thoái vị, nhường ngôi cho Thái tử Trần Thuyên kế vị, tức Anh Tông hoàng đế, ông lui về làm Thái thượng hoàng, chuyên tâm vào nghiên cứu Phật giáo. Ông là người đã thành lập Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử nổi tiếng.

Là một vị hoàng đế tài năng, Nhân Tông còn nổi tiếng là một nhà thơ xuất sắc của triều đại nhà Trần. Thơ ông có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa cảm quan triết học và cảm quan thế sự, có tinh thần lạc quan, yêu đời, tấm lòng vị tha của



một nhân cách cỡ lớn và sự rung động tinh tế, lòng yêu tự do thích thắng của một nhà nghệ sĩ. Ở đây cũng thể hiện sự hoà hợp khó chia tách giữa một ngòi bút vừa cung đình vừa giản dị, có cả những kiến thức sách vở uyên bác lẫn với sự từng trải lịch lãm.

Trần Nhân Tông đã có các tác phẩm *Trần Nhân Tông thi tập*, *Đại hương hải ấn thi tập*, *Tăng già toái sự*, *Thạch thất mỹ ngữ* và bộ *Trung hưng thực lục* do ông sai văn thân biên soạn. Tuy nhiên, hiện chỉ còn tìm thấy 31 bài thơ, hai cặp câu thơ lẻ, một bài minh và một bài tán. Ngoài ra, trong sách *Thiền tông bản hạnh* còn có hai bài văn Nôm biên ngẫu ghi tên ông là tác giả.

- *Thiền sư Pháp Loa*

Pháp Loa ( 1284-1330 ) là một Thiền sư Việt Nam thuộc dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử. Sư là môn đệ của Trần Nhân Tông, là Tổ thứ hai của dòng thiền này. Sư là người ấn hành *Đại tạng kinh* tại Việt Nam khoảng năm 1329 và đã để lại nhiều tác phẩm Thiền học và luận thuyết về các kinh *Nhập Lăng-già*, *Diệu pháp liên hoa*, *Bát-nhã-ba-la-mật-đa*.

- *Hung Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn*

Trần Hưng Đạo (1232 - 20 tháng 8, 1300), tên thật là Trần Quốc Tuấn, còn được gọi là Hưng Đạo Vương hay Nhân Vũ Hưng Đạo Đại Vương là một nhà chính trị, nhà văn, Tư lệnh tối cao (Quốc Công Tiết Chế) của Việt Nam thời nhà Trần.

Những chiến thắng của ông trước đội quân Nguyên - Mông dưới thời Hốt Tất Liệt là một trong những chiến công vĩ đại nhất của lịch sử thế giới. Ông là một trong những nhà quân sự kiệt xuất nhất trong lịch sử.

Chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 (nay thuộc thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh) khắc đậm trong ký ức dân tộc ta như 1 chiến công huyền thoại của lịch sử dân tộc, chiến thắng cũng gắn liền với tên tuổi của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn.

Người Việt Nam qua nhiều triều đại đều tự hào về chiến thắng vẻ vang của tổ tiên và ghi nhận là chiến công đỉnh cao nhất trong 3 lần đọ sức của quân dân Đại Việt đối với quân xâm lược Nguyên – Mông thế kỷ 13.

- *Hung Nhượng Vương Trần Quốc Tảng*

Hung Nhượng Vương Trần Quốc Tảng là con thứ 3 của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn là vị anh hùng dân tộc. Trong tín ngưỡng thờ nhà Trần, Trần Quốc Tảng là giá thứ 2 (sau Giá Đức Ông Trần Hưng Đạo).

Tại những vùng biên cương của Tổ quốc, các vương triều nước ta, luôn cất cử những vị tướng tài ra trấn giữ. Sau cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông thắng lợi rực rỡ lần thứ hai (1285), vua Trần Nhân Tông và Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn càng nhận rõ vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng của

vùng biển đảo Đông Bắc. Đó cũng là lý do Trần Quốc Tảng, một vị tướng tài được cử ra trấn giữ vùng biên cương này. Ngoài Đức Ông Cửa Suốt Ngài còn được gọi là Đức Ông Đệ Tam, Đức Ông Đông Hải, ...

Năm Trưng hưng thứ nhất (1285), quân Nguyên Mông xâm lược đất nước ta lần thứ hai. Được tin đại quân do Trần Hưng Đạo phải đối phó với thế mạnh như chẻ tre của giặc, rút về Vạn Kiếp, Trần Quốc Tảng liền mang quân của mình từ trang ấp riêng tại An Sinh (Đông Triều), cùng các cánh quân Hải Đông, Vân Trà, Bà Điểm hội binh, xin làm tiên phong đánh giặc. Sau khi cuộc kháng chiến thắng lợi, Trần Quốc Tảng, là dũng tướng có công nên được nhà vua khen tặng cấp cho đất lập trang ấp tại Tĩnh Bang (Quảng Ninh). Sau này, ông hai lần được vua cất cử ra Cửa Suốt trấn ải.

- *Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư*

Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư (1258-1340) quê ở Chí Linh, Hải Dương, là võ tướng thời nhà Trần trong lịch sử Việt Nam. Được thừa hưởng tước hầu từ người cha Thượng tướng Nhân Huệ Hầu Trần Phó Duyệt. Sau này khi được vua Trần Thánh Tông nhận làm con nuôi ông mới được hưởng tước Nhân Huệ Vương. Ông nổi tiếng về tài cầm quân và đã góp công trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông của nhà nước Đại Việt.

Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông lần thứ ba, ông làm Phó tướng trấn giữ Vân Đồn. Khánh Dư có công lớn trong việc đánh tan đạo binh thuyền chở lương thực, khí giới của quân Nguyên do Trương Văn Hồ chỉ huy vào tháng 12 năm 1287, góp phần làm xoay chuyển tình thế chiến tranh.

- *Trần Thì Kiến*

Trần Thì Kiến (1260–1330), người làng Cự Xạ, huyện Đông Triều, phủ Tân Hưng. Ông từng là môn khách của Trần Hưng Đạo, nhờ tài năng đức độ ông được Trần Hưng Đạo tiến cử với Vua Trần Nhân Tông, được vua bổ nhiệm làm An phủ sứ phủ Thiên Trường, sau đó sang phủ Yên Ninh.

Với những đóng góp lớn lao trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên và tâm lòng tận trung với nước, liêm khiết, chính trực. Trần Thì Kiến đã được lưu danh sử sách. Hiện ông được thờ ở đền Cửa Ông cùng với một số danh tướng, công thần nhà Trần. Mới đây, Trần Thì Kiến cũng được lựa chọn đưa vào thờ trong Khu văn hoá núi Bài Thơ, coi là niềm tự hào của Quảng Ninh.

- *Vua Lê Thánh Tông*

Lê Thánh Tông có tên húy Tư Thành, còn có tên khác là Hạo hiệu Thiên Nam động chủ, Đạo Am Chủ Nhân, Tào Đàn Nguyên Sứ, là con trai thứ tư của Lê Thái Tông. Mẹ của ông là Ngô Thị Ngọc Dao, người làng Động Bàn, huyện

Yên Định, phủ Thanh Hóa. Cuối thế kỉ XV, ông sáng lập ra Hội Tao đàn và làm chủ soái. Hội Tao đàn ra đời đánh dấu bước phát triển cao về văn chương đương thời. Thơ văn của ông chứa đựng tinh thần yêu nước và tinh thần dân tộc sâu sắc.

Năm 1468, vào dịp mùa xuân, năm Quang Thuận thứ 9, đời vua Lê Thánh Tông, đưa quân đi tuần ở vùng biển Đông Bắc, có dừng thuyền ở chân núi Truyền Đăng, phía giáp với Vịnh Hạ Long, để uống rượu ngâm thơ. Xúc động trước cảnh đẹp sơn thủy hữu tình của thiên nhiên, nhà thơ - nhà vua Lê Thánh Tông đã cho khắc một bài thơ lên vách đá.

- *Nguyễn Công Trứ*

Nguyễn Công Trứ tên tục là Cung, tự là Tồn Chất, hiệu là Ngô Trai, biệt hiệu là Hy Văn, sinh ngày 01 tháng 11 năm Mậu Tuất, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 39, tức ngày 19 tháng 12 năm 1778; người làng Uy Viễn, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Cha là Nguyễn Công Tấn, đậu cử nhân năm hai mươi bốn tuổi, làm giáo thụ phủ Anh Sơn, Nghệ An, sau thăng làm tri huyện Quỳnh Côi, rồi tri phủ Tiên Hưng, Thái Bình. Nguyễn Công Trứ từ bé đã sống trong cảnh nghèo khổ. Khi nhà Nguyễn đang tích cực củng cố địa vị thống trị của mình, xã hội có vẻ ổn định, Nguyễn Công Trứ hăm hở đi học đi thi. Năm 1819, ông thi đậu Giải nguyên và được bổ đi làm quan. Bảy giờ ông đã bốn mươi một tuổi. Trong cuộc đời làm quan của mình, Nguyễn Công Trứ đã làm hai việc đáng chú ý hơn cả là khai hoang và giúp triều đình “an dân”.

Năm 1832, Nguyễn Công Trứ với cương vị Tổng Đốc Hải An (Hải Dương - An Quảng) đã xin triều đình cho thành lập làng xã tại Chàng Sơn (Cô Tô ngày nay), cất cử người cai quản. Làng đầu tiên ở đây được Nguyễn Công Trứ đặt là làng Hướng Hoá.

- *Nguyễn Văn Cừ*

Nguyễn Văn Cừ (9 tháng 7, 1912 - 28 tháng 8, 1941) là Tổng bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương (1938-1940). Ông còn là hậu duệ đời thứ 17 của Nguyễn Trãi. Ông sinh trong một gia đình nhà Nho, quê xã Phù Khê, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Năm 1927, ông tham gia Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội.

Tháng 6 năm 1929, ông được kết nạp vào chi bộ Đông Dương Cộng sản đảng đầu tiên ở Hà Nội. Năm 1930, được cử làm Bí thư đặc khu Hồng Gai – Uông Bí.

- *Vũ Văn Hiếu*

Đồng chí Vũ Văn Hiếu sinh ngày 20-3-1907, ở ấp Văn Định, xã Quận Phương Thượng, tổng Quận Phương, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Tham gia cách mạng từ năm 1928, đến tháng 11-1929, đồng chí trở thành đảng viên cộng sản, sinh hoạt tại chi bộ Hòn Gai và được giao nhiệm vụ xây dựng cơ sở ở Hà Tu, Núi Béo.

Đồng chí đã tuyên truyền, giáo dục cho thợ mỏ hiểu rõ kẻ thù giai cấp và kẻ thù dân tộc, thấy được vai trò lịch sử của giai cấp công nhân; từ đó dẫn đưa những người ưu tú vào tổ chức cách mạng.

Hội nghị TW Đảng lần thứ nhất quyết định thành lập ở Khu mỏ một khu đặc biệt lấy tên là Đặc khu Đông Triều - Hòn Gai - Cẩm Phả. Ban Chấp hành đặc khu gồm 3 đồng chí; đồng chí Vũ Văn Hiếu được chỉ định làm Bí thư và đồng chí đã trở thành Bí thư Đặc khu ủy đầu tiên của Khu mỏ Quảng Ninh.

Toàn bộ hoạt động của đồng chí Vũ Văn Hiếu và Đặc khu ủy mỏ lúc này là tập trung vào việc kêu gọi quần chúng đứng lên đấu tranh chống lại những âm mưu và hành động khủng bố, phá hoại cách mạng của kẻ thù; đồng thời chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức cho toàn Đảng bộ ứng phó với tình hình ngày một gay gắt, phức tạp hơn.

Ngày 9-2-1931, đồng chí Vũ Văn Hiếu cùng một số đồng chí khác bị địch bắt ngay tại cơ quan Đảng ủy Cẩm Phả - Cửa Ông.

Bọn mật thám Pháp dùng mọi ngón đòn hiểm ác, thâm độc nhất hòng moi lấy lời khai, nhưng đồng chí Vũ Văn Hiếu vẫn nêu cao tinh thần cách mạng, giữ vững khí tiết của người cộng sản.

Ngày 13-5-1931, thực dân Pháp đưa đồng chí Vũ Văn Hiếu ra xử cùng với hơn 40 cán bộ, đảng viên khác; không run sợ trước sự đe dọa của chính quyền thực dân, đồng chí cùng nhiều chiến sĩ cộng sản khác đã sử dụng ngay tòa án của đế quốc để vạch mặt kẻ thù và tuyên truyền cách mạng.

Trước kẻ thù, đồng chí tuyên bố đanh thép: “Tôi có chân trong Đảng Cộng sản vì tôi xét ra chỉ có Đảng Cộng sản là có thể cứu nhân loại khỏi vòng lầm than”.

Ngày 8-7-1931, đồng chí Vũ Văn Hiếu bị đày ra Côn Đảo và bị giam ở Banh 2, cùng các đồng chí: Nguyễn Văn Cừ, Hoàng Quốc Việt. Trong tù, đồng chí Vũ Văn Hiếu vẫn nêu cao được tinh thần kiên cường của người đảng viên cộng sản, lao vào cuộc đấu tranh mới.

Tháng 11-1936, đồng chí Vũ Văn Hiếu được trả tự do cùng gần 200 anh em khác. Trước tình hình phong trào cách mạng ở miền Nam còn gặp khó khăn, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã điều đồng chí Vũ Văn Hiếu vào Nam công tác.

Tháng 9-1939, Tổng Bí thư Đảng Nguyễn Văn Cừ vào Nam trực tiếp làm việc; đồng chí Vũ Văn Hiếu được giao nhiệm vụ chuẩn bị các văn bản cho đồng

chí Tổng Bí thư và đi xuống các địa phương để nắm tình hình diễn biến cơ sở và truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Trung ương.

Cuối năm 1939, cách mạng Việt Nam đang đi vào giai đoạn dự bị cho một cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền, Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 6 vào tháng 11-1939, đồng chí Vũ Văn Hiếu được giao nhiệm vụ phụ trách cơ quan Văn phòng Trung ương Đảng.

Đêm ngày 17 rạng ngày 18-1-1940, đồng chí Vũ Văn Hiếu bị mật thám Pháp bắt cùng các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn.

Đầu năm 1941, đồng chí Vũ Văn Hiếu lại bị thực dân Pháp đày ra Côn Đảo lần thứ hai, bị giam cùng các đồng chí Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh...

Tại Côn Đảo, đồng chí Vũ Văn Hiếu bị bệnh lao tái phát, hành hạ. Biết mình không sống nổi vì đã kiệt sức khi bị địch đánh đập và hành hạ tàn nhẫn, bệnh tật dày vò, được bên ngoài gửi vào cho một cái áo, đồng chí quyết định sẽ trao áo lại cho đồng chí mình. Tranh thủ khi đồng chí Lê Duẩn đến gần, đồng chí đã cởi chiếc áo mình đang mặc đưa cho đồng chí Lê Duẩn.

Đồng chí Lê Duẩn từ chối, nhưng đồng chí Vũ Văn Hiếu vẫn khăng khăng không chịu, đồng chí bảo: *“Tôi nghĩ kỹ rồi, chỉ còn việc này là tôi còn cống hiến được cho Đảng, sao đồng chí không nhận”*. Đồng chí Lê Duẩn đã vô cùng xúc động nhận tấm áo từ tay đồng chí Vũ Văn Hiếu.

Đồng chí Vũ Văn Hiếu, người chiến sĩ cộng sản đã trút hơi thở cuối cùng vào đầu năm 1943 khi mới 36 tuổi tại nhà tù Côn Đảo. Sự hy sinh ấy đã trở thành tài sản quý báu trong lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ, nhân dân Quảng Ninh. Lễ sống và phẩm chất cách mạng của đồng chí mãi mãi trở thành biểu tượng *“Sống vì Đảng mà chết cũng không rời Đảng”* để chúng ta học tập noi theo.

- *Tướng Hoàng Minh Đạo*

Tướng Hoàng Minh Đạo (4/8/1923-24/12/1969), Liệt sĩ, Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân (8/4/1998), nguyên là Trưởng phòng Tình báo (đầu tiên, nay là Tổng Cục Tình báo Bộ Quốc Phòng), Trưởng ban quân báo Nam Bộ, Phó Ban binh vận Trung ương cục Miền Nam, Ủy viên thường vụ Khu uỷ Sài Gòn – Gia Định, Bí thư Khu 5 - Bí thư phân khu I Sài Gòn - Gia Định, Chính uỷ lực lượng Biệt động Sài Gòn. Ông được truy phong Quân hàm tướng. Huân chương Hồ Chí Minh (truy tặng 1999)...

Trung tướng Hoàng Minh Đạo tên thật là Đào Phúc Lộc ngoài ra ông còn có các bí danh khác như Năm Thu, Năm Đồi, Năm Sài Gòn. Ông sinh ra tại thôn Vườn Trầu, Trà Cổ, Móng Cái, Hải Ninh nay là thị xã Móng Cái tỉnh Quảng Ninh.

- *Anh hùng Hà Quang Vóc*

Hà Quang Vóc ( 1948- 1974) là người con ưu tú xã Đầm Hà, huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh, sinh ngày 31-10-1948, nhập ngũ ngày 27-9-1966.

Trước khi hi sinh ngày 01-02-1974, ông là Trung đội trưởng đặc công, thuộc Đại đội 5, Trung đoàn 10, Đoàn 27, Bộ chỉ huy Miền. Ông tham gia trận đánh phá kho xăng Nhà Bè ở Sài Gòn( nay là thành phố Hồ Chí Minh). Trong trận này, các chiến sỹ đặc công đã đốt cháy hơn hai trăm triệu lít xăng dầu của Mỹ-Ngụy, một cơ sở lọc dầu, một cơ sở trộn nhớt, hai trạm bơm xăng dầu mới xây dựng, một chiếc tàu lớn đậu ở cảng, cùng hàng trăm tên Mỹ-Ngụy... lửa cháy 12 ngày đêm.

- *Anh hùng Nguyễn Công Bao*

Nguyễn Công Bao sinh ra và lớn lên tại quê hương xã Cẩm La, huyện Yên Hưng (nay là thị xã Quảng Yên), tỉnh Quảng Ninh. Nguyễn Công Bao nhập ngũ và sau đó là chiến sỹ của Tiểu đoàn 5, Binh chủng Đặc công, nay là Đoàn 5, Binh chủng Đặc công (Đơn vị Anh hùng LLVT nhân dân thời kỳ đổi mới). Sau đó, đồng chí được điều về công tác tại Đoàn 10, Đặc công Rừng Sác. 03/12/1973, đồng chí đã cùng đơn vị tập kích phá hủy Kho xăng Nhà Bè. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ trên đường trở về căn cứ, đồng chí Nguyễn Công Bao và đồng chí Phạm Văn Tiềm đã lọt vào vòng vây 7 chiếc tàu tuần tiễu của địch. Kiên quyết không để cho địch bắt sống, đồng chí Nguyễn Công Bao và đồng chí Phạm Văn Tiềm đã dùng lựu đạn tiêu diệt địch trên tàu và đã anh dũng hi sinh.

- *Lý A Coong*

Lý A Coong sinh ra và lớn lên tại xã Thanh Y ( nay thuộc xã Quảng Lâm, huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh, sinh năm 1926 là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, là chính trị viên xã đội, chiến sỹ du kích người Dao đã lập nhiều chiến công trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ và tiêu trừ thổ phỉ với câu nói nổi tiếng “*Vàng không mua nổi lòng người Dao theo Đảng*” đã trở thành khí phách và niềm tin của đồng bào các dân tộc vào con đường cách mạng vinh quang của Đảng.

- *Anh hùng Đặng Bá Hát*

Ông sinh ra và lớn lên trên quê hương huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương; là bộ đội tham gia đánh Pháp, rời quân ngũ về Phân xưởng Đồng Bến, Xí nghiệp Than Hồng Gai làm việc.

Trong thời kỳ chống Mỹ, tự vệ bến Hồng Gai được nâng cấp thành Tiểu đoàn gồm 5 đại đội biên chế ở các phân xưởng sản xuất. Cuối năm 1967 Đại đội pháo của Xí nghiệp được thành lập. 16h ngày 12-7-1972, không quân Mỹ chia làm nhiều tốp, vào đánh phá Xí nghiệp bánh kẹo, nước giải khát, bến phà Bãi Cháy, giữa lúc hai chiếc phà đang bồng bênh đưa người và xe cộ qua sông. Đặng Bá Hát hô lớn: “Tập trung hỏa lực bảo vệ người và phà...”, khẩu lệnh bắn liên tục được anh hô vang.

Trận địa trúng bom, Đặng Bá Hát bị mảnh bom xuyên thủng bụng, một tay anh giữ chặt vết thương, tay kia vẫn phất cờ lệnh: Bắn! Nhưng vết thương quá nặng, máu trào ra ướt đầm quần áo, Đặng Bá Hát đã anh dũng hy sinh.

- *Hoàng Thị Hồng Chiêm*

Là một đoàn viên thanh niên quê ở xã Bình Ngọc thị xã Móng Cái (nay là phường Bình Ngọc thành phố Móng Cái) ngày 25-08-1971, Hồng Chiêm vào bộ đội, tháng 03 -1975 chuyển ngành về làm nhân viên của hàng hợp tác xã mua bán Pò Hèn. Hàng ngày Hồng Chiêm và các bạn vẫn lên rừng, lội suối mang hàng lên Pò Hèn phục vụ chiến sỹ biên phòng và dân quân du kích. Khi bọn Trung quốc xâm lược tiến công đồn số 206, Hồng Chiêm cùng với các chiến sỹ bộ đội biên phòng đã đánh trả quyết liệt và anh dũng hi sinh.

Sau khi Hoàng Thị Hồng Chiêm hi sinh, năm 1984 tên chị được đặt cho ngôi trường cấp II xã Bình Ngọc là Trường trung học cơ sở Hoàng Thị Hồng Chiêm. Sân trường có bức tượng chị Chiêm bằng xi măng đặt trên bệ đá, tay trái cầm khẩu AK, tay phải cầm thủ pháo, mắt nhìn thẳng kiên nghị về phía trước.

### **6.3. Những đặc trưng tự nhiên, văn hóa của tỉnh Quảng Ninh**

Quảng Ninh được cả nước cũng như thế giới biết đến không chỉ là một vùng công nghiệp than lớn nhất Việt Nam, mà còn bởi những di sản thiên nhiên, văn hoá quý báu, cả do thiên nhiên ban tặng và do con người sáng tạo nên. Chính vì thế, giới thiệu về Quảng Ninh trên trang web chính thức, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch khẳng định: “*Quảng Ninh là một trong những tỉnh có kho di sản văn hoá lớn nhất, phong phú đa dạng nhất*”

#### **6.3.1. Di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh tiêu biểu**

Quảng Ninh là vùng đất có nhiều di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh nổi tiếng, có giá trị cao. Theo Danh mục di tích *Kèm theo quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 26/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh* về việc phê duyệt Danh mục di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh tỉnh Quảng Ninh, đồng thời có bổ sung những di tích mới được công nhận đến hết ngày 9/3/2017. Trong đó có:

- + 4 di tích xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt;
- + 52 di tích xếp hạng cấp quốc gia;
- + 71 di tích cấp tỉnh;
- + 482 di tích được kiểm kê, phân loại (chưa được xếp hạng).

**Bảng 6-1. Bảng kê số lượng di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh tỉnh Quảng Ninh (đến hết tháng 2 năm 2017)**

Tên địa phương	Di tích cấp quốc gia; quốc gia đặc biệt	Di tích cấp tỉnh	Di tích được kiểm kê (chưa được xếp hạng)	Tổng số di tích
BA CHÈ	0	4	2	6
BÌNH LIÊU	0	2	3	5
CẨM PHẢ	3	3	18	24
CÔ TÔ	1	1	4	6
ĐÀM HÀ	0	3	5	8
ĐÔNG TRIỀU	6	16	99	121
HẠ LONG	6	3	43	52
HẢI HÀ	0	1	4	5
HOÀNH BỒ	1	5	33	39
MÓNG CÁI	3	6	48	57
QUẢNG YÊN	32	12	142	186
TIÊN YÊN	0	4	17	21
UÔNG BÍ	1	3	23	27
VÂN ĐỒN	3	7	41	51
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>56</b>	<b>71</b>	<b>482</b>	<b>608</b>

Danh sách cụ thể các di tích cấp Quốc gia, Quốc gia đặc biệt như sau:

**BẢNG 6-2. DANH MỤC DI TÍCH XẾP HẠNG CẤP QUỐC GIA; QUỐC GIA ĐẶC BIỆT**

*Kèm theo quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 26/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (có bổ sung những di tích mới được công nhận đến hết ngày 9/3/2017)*

STT	TÊN DI TÍCH	ĐỊA ĐIỂM DI TÍCH	LOẠI DT	SỐ, NGÀY, THÁNG, NĂM QUYẾT ĐỊNH XẾP HẠNG	NĂM XẾP HẠNG
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ					



STT	TÊN DI TÍCH	ĐỊA ĐIỂM DI TÍCH	LOẠI DT	SỐ, NGÀY, THÁNG, NĂM QUYẾT ĐỊNH XẾP HẠNG	NĂM XẾP HẠNG
1	Đền Cửa Ông	Phường Cửa Ông	Lịch sử - Văn hóa	Số 100 VH/QĐ, ngày 21/01/1989 (Bổ sung vào QĐ số 313-VH/QĐ, ngày 28/4/1962)	1989
2	Ngã tư đường lên mỏ Đèo Nai (nơi mở đầu cuộc tổng bãi công của ba vạn thợ mỏ ngày 12/11/1936)	Phường Cẩm Tây	Lịch sử	Số 3457-VH/QĐ, ngày 05/11/1997	1997
3	Cầu Poóc Tích 1 – Trận địa pháo Cao Xạ - Hàm chỉ huy của xí nghiệp Tuyển than Cửa Ông	Phường Cửa Ông	Lịch sử	Số 3457-VH/QĐ, ngày 05/11/1997	1997
<b>HUYỆN CÔ TÔ</b>					
4	Khu di tích lưu niệm Hồ Chủ Tịch trên đảo Cô Tô	Thị trấn Cô Tô	Lưu niệm	Số 985 QĐ/VH, ngày 07/05/1997	1997
<b>HUYỆN ĐÔNG TRIỀU</b>					
5	Khu di tích nhà Trần tại Đông Triều	Huyện Đông Triều	Lịch sử	Số 2383/QĐ-TTg, ngày 09/12/2013	2013
6	Cụm di tích lịch sử và thắng cảnh Yên Đức	Xã Yên Đức	Lịch sử - Thắng cảnh	Số 2015-VH/QĐ, ngày 16/12/1993	1993
7	Địa điểm lịch sử Trung tâm chiến khu Đông Triều (chùa Bắc Mã)	Thôn Bắc Mã, xã Bình Dương	Lịch sử	Số 2379 QĐ/BT, ngày 05/09/1994	1994
8	Chùa Mỹ Cự	Thôn Mỹ Cự 1, xã Hưng Đạo	Nghệ thuật	Số 13/2000-QĐ-BVHTT, ngày 28/07/2000	2000
9	Địa điểm đình, chùa Hồ Lao – Nơi thành lập đệ tứ chiến khu Đông Triều	Thôn Hồ Lao, xã Tân Việt	Lịch sử	Số 38/2001/QĐ-BVHTT, ngày 12/7/2001 (Bổ sung quyết định số 2379QĐ/BT, ngày 05/9/1994)	2001
10	Đền An Biên	Xã Thủy An, thị xã Đông Triều	Lịch sử	Số 808/QĐ-BVHTTDL ngày 09/03/2017	2017

STT	TÊN DI TÍCH	ĐỊA ĐIỂM DI TÍCH	LOẠI DT	SỐ, NGÀY, THÁNG, NĂM QUYẾT ĐỊNH XẾP HẠNG	NĂM XẾP HẠNG
<b>THÀNH PHỐ HẠ LONG</b>					
11	Danh lam thắng cảnh Vịnh Hạ Long	Thành phố Hạ Long, Thành phố Cẩm Phả, Huyện Vân Đồn	Danh lam thắng cảnh	Số 1272/QĐ-TTg, ngày 12/8/2009	2009
12	Khu di tích lịch sử và thắng cảnh Núi Bài Thơ (Bia khắc trên núi, chùa Long Tiên, đền Đức Ông)	Phường Hồng Gai và phường Bạch Đằng	Lịch sử - Văn hóa và Danh Thắng	Số 1140/QĐ, ngày 31/08/1992 (Bổ sung vào QĐ số 313-VH/QĐ, ngày 28/04/1962)	1992
13	Trận địa pháo 37 ly của Xí nghiệp tuyển than Hòn Gai	Phường Hồng Gai	Lịch sử	Số 3457 VH/QĐ, ngày 05/11/1997	1997
14	Di tích thắng cảnh Hồ Yên Lập – chùa Lôì Âm	Phường Đại Yên	Văn hóa -Danh Thắng	Số 141-QĐ/VH, ngày 23/01/1997	1997
15	Trung tâm điện chính Bưu điện tỉnh Quảng Ninh (1964-1975) trên núi Bài Thơ	Phường Hồng Gai	Lịch sử	Số 30/QĐ/BVHTT, ngày 24/11/2000 (Bổ sung vào QĐ số 1140/QĐ, ngày 31/08/1992)	2000
16	Di tích khảo cổ Hòn Gai Cô Tiên	Phường Bạch Đằng	Khảo cổ	Số 75/2005/QĐ/BVHTT, ngày 16/11/2005	2005
<b>HUYỆN HOÀNH BỒ</b>					
17	Danh lam thắng cảnh núi Mần	Xã Thống Nhất; Xã Đồng Lâm; Thị trấn Trới	Danh lam thắng cảnh	Số 2101/QĐ-BVHTTDL, ngày 08/7/2014	2014
<b>THÀNH PHỐ MÓNG CÁI</b>					
18	Đình Trà Cỏ	Khu Nam Thọ, phường Trà Cỏ	Kiến trúc – Nghệ thuật	Số 15 VH/QĐ, ngày 13/03/1974	1974
19	Chùa Nam Thọ	Khu Nam Thọ, phường Trà Cỏ	Nghệ thuật	Số 02/1999-QĐ-BVHTT, ngày 26/01/1999	1999

STT	TÊN DI TÍCH	ĐỊA ĐIỂM DI TÍCH	LOẠI DT	SỐ, NGÀY, THÁNG, NĂM QUYẾT ĐỊNH XẾP HẠNG	NĂM XẾP HẠNG
20	Chùa Xuân Lan	Thôn 5, xã Hải Xuân	Nghệ thuật	Số 02/1999-QĐ-BVHTT, ngày 26/01/1999	1999
<b>THỊ XÃ QUẢNG YÊN</b>					
21	Khu di tích lịch sử Bạch Đằng	Thị xã Quảng Yên, Thành phố Uông Bí	Lịch sử	Số 1419/QĐ-TTg, ngày 27/9/2012	2012
22	Đình Phong Cốc	Phường Phong Cốc	Kiến trúc - Nghệ thuật	Số 191-VH/QĐ, ngày 22/03/1988	1988
23	Cây Lim Giếng Rừng	Phường Quảng Yên	Lịch sử	Số 191-VH/QĐ, ngày 22/03/1988	1988
24	Miếu Tiên Công (đền Thập Cửu Tiên Công)	Xã Cẩm La	Lịch sử	Số 34-VH/QĐ, ngày 09/02/1990 (Bổ sung QĐ Số 34-VH/QĐ, ngày 9/01/1990)	1990
25	Đình Lưu Khê	Xã Liên Hòa	Lịch sử - Nghệ thuật	Số 65/QĐ-BT, ngày 16/01/1995	1995
26	Chùa Yên Đông	Phường Yên Hải	Lịch sử	Số 30/2000/QĐ-BVHTT, ngày 24/11/2000	2000
27	Miếu Tiên Công (Hoàng Nông, Hoàng Nênh)	Xã Liên Hòa	Lịch sử	Số 51/2001/QĐ-BVHTT, ngày 27/12/2001 (Bổ sung QĐ Số 34-VH/QĐ, ngày 9/01/1990 – danh mục 493)	2001
28	Đình Hải Yên	Phường Yên Hải	Kiến trúc - Nghệ thuật	Số 59/2003/QĐ-BVHTT, ngày 29/10/2003	2003
29	Nhà thờ họ Đào (Đào Bà Lê)	Xã Liên Hòa	Lịch sử	Số 51/2001/QĐ-BVHTT, ngày 27/12/2001 (Bổ sung QĐ Số 34-VH/QĐ, ngày 9/01/1990 – danh mục 493)	2001
30	Nhà thờ họ Đỗ (Đỗ Độ)	Xã Liên Hòa	Lịch sử	Số 51/2001/QĐ-BVHTT, ngày 27/12/2001 (Bổ sung QĐ Số 34-VH/QĐ, ngày 9/01/1990 – danh mục 493)	2001
31	Nhà thờ họ Bùi (Bùi Bách Niên)	Phường Yên Hải	Lịch sử	Số 51/2001/QĐ-BVHTT, ngày 27/12/2001 (Bổ sung	2001

STT	TÊN DI TÍCH	ĐỊA ĐIỂM DI TÍCH	LOẠI DT	SỐ, NGÀY, THÁNG, NĂM QUYẾT ĐỊNH XẾP HẠNG	NĂM XẾP HẠNG
				<i>QĐ Số 34-VH/QĐ, ngày 9/01/1990 – danh mục 493)</i>	
32	Nhà thờ họ Bùi (Bùi Huy Ngoạn )	Phường Yên Hải	Lịch sử	Số 51/2001/QĐ-BVHTT, ngày 27/12/2001 (Bổ sung QĐ Số 34-VH/QĐ, ngày 9/01/1990 – danh mục 493)	2001
33	Nhà thờ họ Dương (Dương Quang Tấn)	Xã Cẩm La	Lịch sử	Số 51/2001/QĐ-BVHTT, ngày 27/12/2001 (Bổ sung QĐ Số 34-VH/QĐ, ngày 9/01/1990 – danh mục 493)	2001
34	Nhà thờ họ Dương (Dương Quang Tín)	Xã Cẩm La	Lịch sử	Số 51/2001/QĐ-BVHTT, ngày 27/12/2001 (Bổ sung QĐ Số 34-VH/QĐ, ngày 9/01/1990 – danh mục 493)	2001
35	Nhà thờ họ Hoàng (Hoàng Kim Bằng)	Xã Liên Vị	Lịch sử	Số 51/2001/QĐ-BVHTT, ngày 27/12/2001 (Bổ sung QĐ Số 34-VH/QĐ, ngày 9/01/1990 – danh mục 493)	2001
36	Nhà thờ họ Hoàng (Hoàng Nông, Hoàng Nênh)	Xã Liên Hòa	Lịch sử	Số 51/2001/QĐ-BVHTT, ngày 27/12/2001 (Bổ sung QĐ Số 34-VH/QĐ, ngày 9/01/1990 – danh mục 493)	2001
37	Nhà thờ họ Lê (Lê Mỡ, Lê Khép)	Phường Phong Cốc	Lịch sử	Số 51/2001/QĐ-BVHTT, ngày 27/12/2001 (Bổ sung QĐ Số 34-VH/QĐ, ngày 9/01/1990 – danh mục 493)	2001
38	Nhà thờ họ Lê (Lê Phúc Hy)	Xã Liên Hòa	Lịch sử	Số 74/2005/QĐ-BVHTT, ngày 16/11/2005 (Bổ sung QĐ Số 34-VH/QĐ, ngày 9/01/1990 – danh mục 493)	2005
39	Nhà thờ họ Ngô (Ngô Bách Đoàn)	Phường Phong Cốc	Lịch sử	Số 51/2001/QĐ-BVHTT, ngày 27/12/2001 (Bổ sung QĐ Số 34-VH/QĐ, ngày 9/01/1990 – danh mục 493)	2001
40	Nhà thờ họ Nguyễn (Nguyễn Phúc Cốc, Nguyễn Phúc Thắng, Nguyễn Phúc Vinh)	Phường Phong Cốc	Lịch sử	Số 51/2001/QĐ-BVHTT, ngày 27/12/2001 (Bổ sung QĐ Số 34-VH/QĐ, ngày 9/01/1990 – danh mục 493)	2001
41	Nhà thờ họ Nguyễn (Nguyễn Thực, Nguyễn Nghệ),	Phường Yên Hải	Lịch sử	Số 51/2001/QĐ-BVHTT, ngày 27/12/2001 (Bổ sung QĐ Số 34-VH/QĐ, ngày	2001

STT	TÊN DI TÍCH	ĐỊA ĐIỂM DI TÍCH	LOẠI DT	SỐ, NGÀY, THÁNG, NĂM QUYẾT ĐỊNH XẾP HẠNG	NĂM XẾP HẠNG
	Nguyễn Đại			9/01/1990 – danh mục 493)	
42	Nhà thờ họ Nguyễn (Nguyễn Thực, Nguyễn Nghệ), Nguyễn Bé	Phường Yên Hải	Lịch sử	Số 51/2001/QĐ-BVHTT, ngày 27/12/2001 (Bổ sung QĐ Số 34/VH/QĐ, ngày 9/01/1990 – danh mục 493)	2001
43	Nhà thờ họ Phạm (Phạm Nhữ Lãm)	Phường Yên Hải	Lịch sử	Số 67/2004/QĐ-BVHTT, ngày 10/8/2004 (Bổ sung QĐ Số 34/VH/QĐ, ngày 9/01/1990 – danh mục 493)	2004
44	Nhà thờ họ Phạm (Phạm Việt)	Xã Cẩm La	Lịch sử	Số 51/2001/QĐ-BVHTT, ngày 27/12/2001 (Bổ sung QĐ Số 34-VH/QĐ, ngày 9/01/1990 – danh mục 493)	2001
45	Nhà thờ họ Vũ (Vũ Giai)	Phường Yên Hải	Lịch sử	Số 51/2001/QĐ-BVHTT, ngày 27/12/2001 (Bổ sung QĐ Số 34-VH/QĐ, ngày 9/01/1990 – danh mục 493)	2001
46	Nhà thờ họ Vũ (Vũ Hồng Tiệm)	Phường Phong Cốc	Lịch sử	Số 51/2001/QĐ-BVHTT, ngày 27/12/2001 (Bổ sung QĐ Số 34-VH/QĐ, ngày 9/01/1990 – danh mục 493)	2005
47	Nhà thờ họ Vũ (Vũ Song)	Phường Phong Cốc	Lịch sử	Số 51/2001/QĐ-BVHTT, ngày 27/12/2001 (Bổ sung QĐ Số 34/VH/QĐ, ngày 9/01/1990 – danh mục 493)	2001
48	Nhà thờ họ Vũ (Vũ Tam Tinh)	Phường Yên Hải	Lịch sử	Số 51/2001/QĐ-BVHTT, ngày 27/12/2001 (Bổ sung QĐ Số 34/VH/QĐ, ngày 9/01/1990 – danh mục 493)	2001
49	Miếu đình Cốc	Phường Phong Cốc	Kiến trúc – Nghệ Thuật	Số 25/2007/QĐ-BVHTT, ngày 03/08/2007	2007
50	Nhà thờ họ Phạm	Xã Liên Vị	Lịch sử	Số 2626/QĐ-BVHTTDL, ngày 18/7/2012	2012
51	Núi Đầu Rằm	Xã Hoàng Tân	Lịch sử	Số 2627/QĐ-BVHTTDL, ngày 18/7/2012	2012
52	Đền Quan Đại	Xã Tiền An	Lịch sử	Số 2100/QĐ-BVHTTDL, ngày 08/7/2014	2014

STT	TÊN DI TÍCH	ĐỊA ĐIỂM DI TÍCH	LOẠI DT	SỐ, NGÀY, THÁNG, NĂM QUYẾT ĐỊNH XẾP HẠNG	NĂM XẾP HẠNG
<b>THÀNH PHỐ UÔNG BÍ</b>					
53	Khu di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Yên Tử	Thành phố Uông Bí; Huyện Đông Triều	Lịch sử - Danh thắng	Số 1419/QĐ-TTg, ngày 27/9/2012	2012
<b>HUYỆN VÂN ĐỒN</b>					
54	Đình – chùa Quan Lạn	Xã Quan Lạn	Lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật	Số 575/VH-QĐ, ngày 14/7/1990	1990
55	Thương cảng Vân Đồn (công Đông, công Tây)	Xã Thắng lợi	Lịch sử	59/QĐ-BVHTT ngày 29/10/2003	2003
56	Thương cảng Vân Đồn (bến Cái Làng)	Xã Quan Lạn	Lịch sử	59/QĐ-BVHTT ngày 29/10/2003	2003

Danh sách cụ thể các di tích cấp tỉnh như sau:

**BẢNG 6-3. DANH MỤC DI TÍCH XẾP HẠNG CẤP TỈNH**  
(Kèm theo quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 26/3/2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

STT	TÊN DI TÍCH	ĐỊA ĐIỂM DI TÍCH	LOẠI DT	SỐ, NGÀY, THÁNG, NĂM QUYẾT ĐỊNH XẾP HẠNG	NĂM XẾP HẠNG
<b>HUYỆN BA CHÈ</b>					
1	Khu căn cứ cách mạng Hải Chi (Đình làng Dạ)	Xã Thanh Lâm	Lịch sử - Văn hóa	Số 3706/QĐ-UB, ngày 16/10/2003	2003
2	Khu căn cứ kháng chiến chống thực dân Pháp của tỉnh Hải Ninh	Xã Lương Mông và xã Minh Cầm	Lịch sử	Số 375/QĐ-UBND, ngày 29/01/2011	2011
3	Miếu Ông – Miếu Bà	Xã Nam Sơn	Lịch sử	Số 2072/QĐ-UBND, ngày 20/8/2012	2012
4	Lò sứ cổ xã Nam Sơn	Xã Nam Sơn	Lịch sử	Số 178/QĐ-UBND, ngày 23/1/2014	2014
<b>HUYỆN BÌNH LIÊU</b>					
5	Đình Lục Nà	Xã Lục Hồn	Lịch sử - Văn hóa	Số 2331/QĐ-UB, ngày 18/7/2005	2005

STT	TÊN DI TÍCH	ĐỊA ĐIỂM DI TÍCH	LOẠI DT	SỐ, NGÀY, THÁNG, NĂM QUYẾT ĐỊNH XẾP HẠNG	NĂM XẾP HẠNG
6	Thác Khe Vằn	Xã Húc Động	Danh thắng	Số 373/QĐ-UBND, ngày 29/01/2011	2011
<b>THÀNH PHỐ CẨM PHẢ</b>					
7	Hang núi đá Chông (Nơi sơ tán của nhà máy cơ khí Cẩm Phả)	Phường Cẩm Thạch	Lịch sử	Số 413/QĐ - UB, ngày 27/02/1999	1999
8	Khu di tích Vũng Đục	Phường Cẩm Đông	Lịch sử và Danh thắng	Số 3457-VH/QĐ, ngày 05/11/1997	1997
9	Lò Giếng Đứng Mông Dương	Phường Mông Dương	Lịch sử - Văn hóa	Số 3457-VH/QĐ, ngày 05/11/1997	1997
<b>HUYỆN CÔ TÔ</b>					
10	Trận đánh đồn Cao đêm 13/11/1945 của Đại đội Ký Con	Thị trấn Cô Tô	Lịch sử	Số 4425/QĐ-UBND, ngày 28/11/2007	1997
<b>HUYỆN ĐÀM HÀ</b>					
11	Tượng đài anh hùng liệt sĩ Hà Quang Vóc	Thị trấn Đầm Hà	Lịch sử - Văn hóa	Số 2234/QĐ UB, ngày 18/7/2005	2005
12	Đình, Miếu, Chùa Đầm Hà (chùa Khánh Vân)	Thị trấn Đầm Hà và xã Đầm Hà	Lịch sử	Số 373/QĐ-UBND, ngày 29/01/2011	2011
13	Núi Hứa	Xã Đại Bình	Khảo cổ - Lịch sử - Danh thắng	Số 2071/QĐ-UBND, ngày 20/8/2012	2012
<b>HUYỆN ĐÔNG TRIỀU</b>					
14	Đình Xuân Quang	Thôn Xuân Quang, xã Yên Thọ	Văn hóa – Nghệ thuật	Số 413/QĐ-UB, ngày 27/02/1999	1999
15	Cụm di tích lịch sử, văn hóa xã Yên Thọ	Thôn Yên Lãng, xã Yên Thọ	Lịch sử - Văn hóa	Số 3706/QĐ-UB, ngày 16/10/2003	2003
16	Địa điểm khai thác than đầu tiên của Việt Nam tại núi Yên Lãng	Xã Yên Thọ	Di tích lịch sử	Số 3171/QĐ-UB, ngày 01/10/2008	2008
17	Chùa Nhuệ Hồ (chùa Quảng Phúc)	Thôn Nhuệ Hồ, xã Kim Sơn	Nghệ thuật	Số 300/QĐ-UB, ngày 09/02/2001	2001
18	Khu di tích mỏ than Mạo Khê	Thị trấn Mạo Khê	Lịch sử - Cách mạng	Số 4122/QĐ-UB, ngày 14/11/2002	2002

STT	TÊN DI TÍCH	ĐỊA ĐIỂM DI TÍCH	LOẠI DT	SỐ, NGÀY, THÁNG, NĂM QUYẾT ĐỊNH XẾP HẠNG	NĂM XẾP HẠNG
19	Đền Nhà Bà, Hồ Cổ Lễ	Thôn Tràng Bạch, xã Hoàng Quế	Văn hóa – Danh thắng	Số 3706/QĐ-UB, ngày 16/10/2003	2003
20	Đình Nghè, chùa Quế Lạt	Thôn Quế Lạt, xã Hoàng Quế	Lịch sử	Số 2068/QĐ-UBND, ngày 20/08/2012	2012
21	Đình Trạo Hà – Đền Di Ái	Thôn Trạo Hà, xã Đức Chính	Lịch sử	Số 3706/QĐ-UB, ngày 16/10/2003	2003
22	Miếu Hậu	Thôn Đạm Thủy, xã Thủy An	Lịch sử - Văn hóa	Số 4638/QĐ-UBND, ngày 14/12/2005	2005
23	Đình – chùa Mễ Sơn	Thôn Mễ Sơn, xã Xuân Sơn	Lịch sử - Văn hóa	Số 4636/QĐ-UBND, ngày 14/12/2005	2005
24	Nhà bia Yên Dưỡng	Thôn Yên Dưỡng, xã Hồng Thái Đông	Lịch sử	Số 4223/QĐ-UBND, ngày 28/12/2006	2006
25	Đình – chùa – nghề làng Vân Động	Thôn Vân Động, xã Nguyễn Huệ	Lịch sử - Văn hóa	Số 1098/QĐ-UBND, ngày 20/04/2006	2006
26	Đình – chùa Triều Khê	Thôn Triều Khê, xã Hồng Phong	Lịch sử - Văn hóa	Số 4222/QĐ-UBND, ngày 28/12/2006	2006
27	Cụm di tích Lịch sử Văn hóa đình – chùa Hoàng Xá	Thôn Hoàng Xá, xã Bình Dương	Lịch sử - Văn hóa	Số 4423/QĐ-UBND, ngày 28/12/2006	2006
28	Đình – nghề – miếu Lâm Xá	Thôn Lâm Xá, xã Hồng Thái Tây	Lịch sử - Văn hóa	Số 3178/QĐ-UBND, ngày 01/10/2008	2008
29	Lưu niệm Bác Hồ xã Hồng Thái Tây	Thôn Hoàn Mô, xã Hồng Thái Tây	Lịch sử	Số 178/QĐ-UBND, ngày 23/01/2014	2014
<b>THÀNH PHỐ HẠ LONG</b>					
30	Đình, nghề Vạn Yên	Khu Vạn Yên, phường Việt Hưng	Lịch sử	Số 2824/QĐ-UBND, ngày 06/09/2011	2011
31	Khu lưu niệm Bác Hồ trên đảo Tuần Châu	Phường Tuần Châu	Lịch sử	Số 178/QĐ-UBND, ngày 23/01/2014	2014
32	Đình Lộ Phong	Phường Hà Phong	Lịch sử	Số 402/QĐ-UBND, ngày 09/02/2015	2015
<b>HUYỆN HẢI HÀ</b>					



STT	TÊN DI TÍCH	ĐỊA ĐIỂM DI TÍCH	LOẠI DT	SỐ, NGÀY, THÁNG, NĂM QUYẾT ĐỊNH XẾP HẠNG	NĂM XẾP HẠNG
33	Đền Trần Hưng Đạo	Xã Phú Hải	Lịch sử - Văn hóa	Số 3434/QĐ-UB, ngày 27/9/2002	2002
<b>HUYỆN HOÀNH BỒ</b>					
34	Chùa Yên Mỹ	Xã Lê Lợi	Văn hóa – Nghệ thuật	Số 413/QĐ-UB, ngày 27/02/1999	1999
35	Đền thờ Lê Thái Tổ	Xã Lê Lợi	Lịch sử - Văn hóa	Số 3706/QĐ-UB, ngày 16/10/2003	2003
36	Khu căn cứ cách mạng Sơn Dương	Xã Sơn Dương	Lịch sử - Cách mạng	Số 4635/QĐ-UB, ngày 14/12/2005	2005
37	Khu Căn cứ kháng chiến chống Pháp Bằng Cả	Xã Bằng Cả	Di tích lịch sử	Số 3173/QĐ-UBND, ngày 01/10/2008	2008
38	Đình Trới	Thị trấn Trới	Lịch sử	Số 2822/QĐ-UBND, ngày 06/09/2011	2011
<b>THÀNH PHỐ MÓNG CÁI</b>					
39	Đền Xã Tắc	Khu 3, phường Ka Long	Lịch sử - Văn hóa	Số 2332/QĐ - UB, ngày 18/7/2005	2005
40	Đình Tràng Vĩ	Khu Trà Vĩ, phường Trà Cỏ	Lịch sử	Số 2821/QĐ-UBND, ngày 06/09/2011	2011
41	Đình Vạn Ninh	Thôn Trung, xã Vạn Ninh	Lịch sử	Số 2823/QĐ-UBND, ngày 06/09/2011	2011
42	Đồi Trấn Phú	Khu 4, phường Hải Hòa	Lịch sử	Số 2339/QĐ-UBND, ngày 17/9/2012	2012
43	Đình Bầu	Thôn 1, xã Quảng Nghĩa	Lịch sử	Số 2070/QĐ-UBND, ngày 20/8/2012	2012
44	Đồn Biên phòng 209 Pò Hèn	Thôn Pò Hèn, xã Hải Sơn	Lịch sử	Số 178/QĐ-UBND, ngày 23/01/2014	2014
<b>THỊ XÃ QUẢNG YÊN</b>					
45	Chùa La Khê	Xã Tiên An	Lịch sử - Văn hóa	Số 1870/QĐ - UB, ngày 27/07/2000	2000
46	Chùa Lái	Xã Liên Vị	Nghệ thuật	Số 1870/QĐ-UB, ngày 27/07/2000	2000

STT	TÊN DI TÍCH	ĐỊA ĐIỂM DI TÍCH	LOẠI DT	SỐ, NGÀY, THÁNG, NĂM QUYẾT ĐỊNH XẾP HẠNG	NĂM XẾP HẠNG
47	Đền Thánh Mẫu	Xã Liên Vị	Nghệ thuật	Số 1870/QĐ-UB, ngày 27/07/2000	2000
48	Đình- Miếu làng Yên Đông	Phường Yên Hải	Lịch sử - Văn hóa	Số 2333/QĐ-UB, ngày 18/07/2005	2005
49	Đình Quỳnh Biểu	Xã Liên Hòa	Lịch sử - Văn hóa	Số 377/QĐ-UB, ngày 24/01/2006	2006
50	Chùa Rui (chùa Linh Quang)	Xã Liên Vị	Lịch sử - Văn hóa	Số 378/QĐ-UB, ngày 24/01/2006	2006
51	Đình- miếu Khoái Lạc	Xã Sông Khoai	Lịch sử - Văn hóa	Số 4224/QĐ-UB, ngày 28/12/2006	2006
52	Chùa Cẩm La	Xã Cẩm La	Lịch sử - Văn hóa	Số 4225/QĐ-UB, ngày 28/12/2006	2006
53	Nghè La	Xã Cẩm La	Lịch sử - Văn hóa	Số 376/QĐ-UB, ngày 24/01/2006	2006
54	Đình phố Yên Hưng (đền Chợ Rừng)	Phường Quảng Yên	Lịch sử	Số 2069/QĐ-UBND, ngày 20/8/2012	2012
55	Văn chỉ Khê Chanh	Phường Quảng Yên	Lịch sử	Số 178/QĐ-UBND, ngày 23/01/2014	2012
56	Đình Quỳnh Lâu	Phường Cộng Hòa	Lịch sử	Số 178/QĐ-UBND, ngày 23/01/2014	2014
<b>HUYỆN TIÊN YÊN</b>					
57	Địa điểm lịch sử Trận chiến thắng Điện Xá trên đường số 4	Xã Điện Xá	Lịch sử	Số 2669/QĐ-UB, ngày 03/8/2004	2004
58	Di tích lịch sử Khe Tù	Thị trấn Tiên Yên	Lịch sử	Số 3922/QĐ-UBND, ngày 12/12/2011	2011
59	Khe Giao nơi thành lập Chi bộ đầu tiên Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Tiên Yên	Xã Điện Xá	Lịch sử	Số 2916/QĐ-UBND, ngày 28/10/2013	2013
60	Chùa An Long	Xã Tiên Lãng	Lịch sử	Số 402/QĐ-UBND, ngày 12/12/2011	
<b>THÀNH PHỐ UÔNG BÍ</b>					

STT	TÊN DI TÍCH	ĐỊA ĐIỂM DI TÍCH	LOẠI DT	SỐ, NGÀY, THÁNG, NĂM QUYẾT ĐỊNH XẾP HẠNG	NĂM XẾP HẠNG
61	Hang Sơn	Phường Phương Nam	Văn hóa và Danh thắng	Số 413/QĐ - UB, ngày 27/02/1999	1999
62	Chùa Ba Vàng	Phường Quang Trung	Lịch sử - Văn hóa và Danh thắng	Số 4424/QĐ-UBND, ngày 28/11/2007	2007
63	Đình – Nghè – Chùa Lạc Thanh	Phường Yên Thanh; Quang Trung	Lịch sử	Số 2825/QĐ-UBND, ngày 06/09/2011	2011

Dưới đây là giới thiệu về những di tích tiêu biểu nhất của tỉnh Quảng Ninh

- ***Cụm Khu di tích nhà Trần bao gồm 14 điểm di tích***

Trên vùng đất An Sinh xưa - Đông Triều nay thuộc địa bàn các xã An Sinh, Bình Khê, Thủy An và Tràng An.

Quần thể bao gồm Đền An Sinh, lăng Tư Phúc, đền Thái, Thái Lăng, Mục Lăng, Ngải Sơn Lăng, Phụ Sơn Lăng, Nguyên Lăng, Đồng Hỉ Lăng, chùa quán Ngọc Thanh, chùa Hồ Thiên.

- ***Đền An Sinh***

Đền An Sinh là di tích quan trọng thuộc Khu di tích nhà Trần ở Đông Triều, nơi thờ tự và tế lễ của các vua Trần và là trung tâm tín ngưỡng quan trọng dưới thời Trần, Lê, Nguyễn trong lịch sử Việt Nam. Khu lăng mộ An Sinh thờ các vị vua Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Trần Anh Tông, Trần Minh Tông, Trần Hiến Tông, Trần Nghệ Tông. Trần Giản Định, tức là Giản Định Đế, là vị vua nhà Hậu Trần, con trai của Trần Nghệ Tông, xưng đế năm 1407, cũng được thờ tại đây. Trong bán kính 4 km là rải rác các lăng mộ.

Khu vực đền có diện tích khá rộng, khoảng 80.000 m<sup>2</sup>. Cổng đền có những hàng nhãn cổ thụ làm cho cảnh quan đền thêm cổ kính. Quanh đền có 14 cây đại thụ, biểu hiện cho 14 đời vua nhà Trần. Trước đền có tám cây vạn tuế biểu hiện cho tám vị vua được thờ ở đây.

- ***Lăng Tư Phúc***

Lăng Tư Phúc nằm trong quần thể lăng mộ, đền miếu nhà Trần tại An Sinh (Đông Triều), được xây dựng năm 1381 nhằm lưu giữ thân vị của 2 chủ lăng Chiêu Lăng và Dụ Lăng từ Tam Đường (Thái Bình) chuyển về.

Trải qua thời gian, khu lăng mộ trở thành phế tích. Mới đây, Ban Quản lý các di tích trọng điểm tỉnh phối hợp với Viện Khảo cổ học Việt Nam đã tiến hành khai quật thăm dò di tích, bước đầu xác định tính chất, niên đại của di tích,

đưa ra những nhận định căn bản về kiến trúc cũng như quá trình tồn tại và phát triển của di tích. Tuy nhiên, các nhà khoa học cho rằng vẫn chưa đầy đủ cơ sở để xác định được quy mô, cấu trúc của di tích này.

- *Đền Thái*

Đền Thái nằm trên một ngọn đồi thấp có tên là Đồi Đình thuộc thôn Trại Lốc, xã An Sinh, huyện Đông Triều. Đền được xây dựng từ thời Trần thờ ba vị vua đầu tiên của triều Trần là Trần Thái Tổ (Trần Thừa- Bố của Trần Thái Tông, Trần Thái Tông và Trần Thánh Tông. Trải qua thời gian dài bị thiên nhiên và chiến tranh huỷ hoại, tàn phá, đền chỉ còn là phế tích. Năm 1993, nhân dân trong vùng xây dựng lại ngôi đền nhỏ như ngày nay và đặt tên chữ là Đại Vương đền, tên thường gọi là đền Thái.

- *Thái Lăng*

Thái Lăng, khu lăng mộ của vua Trần Anh Tông. Có thể nói, đây là vị trí rất đặc địa về mặt phong thủy. Vào những năm cuối thập kỷ 70, đầu 80 của thế kỷ XX, huyện Đông Triều đã thi công hồ Trại Lốc để giữ nguồn nước từ trên núi cao đổ xuống phục vụ sản xuất nông nghiệp cho các xã phía tây huyện. Do đó, khu đồi Táng Quỷ, nơi có di tích Thái Lăng tọa lạc, đã nằm giữa lòng hồ Trại Lốc...

- *Mục Lăng*

Mục Lăng là lăng của vua Trần Minh Tông. Sách Đại Nam nhất thống chí viết: “Lăng Đồng Mục: lăng Trần Minh Tông, ở chân núi xã Yên Sinh, tấm điện cũ rỗng đá, kỳ lân đá vẫn còn”.

- *Ngải Sơn Lăng*

Ngải Sơn lăng hay còn gọi là An lăng là lăng vua Trần Hiến Tông.

- *Lăng Phụ Sơn*

Lăng Phụ Sơn là lăng của vua Trần Dụ Tông. Tháng 6 năm 2012, Ban quản lý các di tích trọng điểm tỉnh Quảng Ninh và Trung tâm Nghiên cứu Kinh thành đã khai quật thăm dò di tích lăng Phụ Sơn đã phát hiện một phần nền móng của Chính Tâm, dấu vết sân và tường bao và các loại gạch ngói dùng để xây dựng tại đây.

- *Nguyên Lăng*

Nguyên Lăng là lăng vua Trần Nghệ Tông, là lăng tẩm cuối cùng được xây dựng ở An Sinh

- *Đồng Hỷ Lăng*

Đồng Hỷ Lăng hay còn gọi là lăng Đồng Hỷ tọa lạc ở núi Ngọc Thanh, thôn Đạm Thủy, xã Thủy An, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh gồm công trình lăng tẩm và miếu thờ, được xây dựng năm 1377, là nơi an táng vua Trần Duệ

Tông (1337- 1377). Theo “Đại Việt sử ký toàn thư” thì “tháng 9 năm 1377 chiêu hồn (của Duệ Tông) chôn ở Hỷ Lăng, miếu hiệu là Duệ Tông”

- **Khu di tích danh thắng Yên Tử**

**Khu di tích danh thắng Yên Tử** (Hình 3,4 – Phụ lục 3) bao gồm một hệ thống chùa, am, tháp và rừng cây cổ thụ hoà quyện với cảnh vật thiên nhiên, nằm rải rác từ dốc Đò đến núi Yên Tử theo chiều cao dần thuộc xã Thượng Yên Công, thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Yên Tử cách thành phố Hạ Long hơn 40km, cách thị xã Uông Bí khoảng 14km.

Nằm trong cánh cung núi trùng điệp của khu Đông Bắc, đỉnh núi Yên Tử có chùa Đồng ở độ cao 1.068m so với mặt nước biển. Từ xưa, núi rừng Yên Tử đã nổi tiếng là nơi ngoạn mục và được liệt vào Danh sơn đất Việt.

Hiện nay, hệ thống cáp treo ở Yên Tử đã đi vào hoạt động, đưa du khách tới Chùa Hoa Yên ở độ cao 534m so với mực nước biển, nơi có hai cây đại 700 năm tuổi. Từ đây du khách tiếp tục leo núi, tới các ngôi chùa nằm rải rác trên đường đi tới chùa Đồng.

Vào mùa xuân, khách thập phương thường đến Yên Tử rất đông vừa để hành hương, vừa để ngắm cảnh. Lễ hội Yên Tử bắt đầu từ ngày 10 tháng giêng âm lịch và kéo dài đến cuối tháng 3 âm lịch.

Ngay từ thời Lý, Yên Tử đã có chùa thờ Phật gọi là Chùa Phù Vân và đạo sĩ Yên Kỳ Sinh đã tu hành đắc đạo ở đây. Nhưng Yên Tử thật sự trở thành trung tâm của Phật giáo từ khi vua Trần Nhân Tông từ bỏ ngai vàng khoác áo cà sa tu hành và thành lập một giáo phái Phật giáo đặc trưng của Việt Nam đó là phái Thiền Trúc Lâm và trở thành vị tổ thứ nhất với pháp danh: Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông (1258-1308), ông đã cho xây dựng hàng trăm công trình lớn nhỏ trên núi Yên Tử để làm nơi tu hành và truyền kinh, giảng đạo.

Sau khi ông qua đời, Người kế tục sự nghiệp là Pháp Loa Đồng Kiên Cương (1284-1330) vị tổ thứ hai của phái Trúc Lâm. Trong 19 năm tu hành, ông đã soạn ra bộ sách "Thạch thất ngôn ngữ" và cho xây dựng 800 ngôi chùa, am, tháp lớn nhỏ trong nước với hàng nghìn pho tượng có giá trị, trong đó có những chùa nổi tiếng như: Viện Quỳnh Lâm, Chùa Hồ Thiên ở Đông Triều... Ở trung tâm truyền giáo của Pháp Loa còn có Huyền Quang Lý Đạo Tái (1254-1334) - vị tổ thứ ba của phái Trúc Lâm.

Sang đến thời Lê, Nguyễn thì Yên Tử trở thành trung tâm của Phật giáo Việt Nam và được vua quan các triều đại quan tâm tôn tạo, sửa chữa nên khu di tích

Yên Tử là sự kết tinh, sự hội tụ của nền văn hoá dân tộc với dáng dấp kiến trúc, hoa văn trang trí và các mảng chạm khắc mang đậm dấu ấn của các thời đại.

- **Vịnh Hạ long**

Thuộc thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Vịnh Hạ long là vùng biển đảo có diện tích 1.553km<sup>2</sup>, với 1.969 hòn đảo trong đó 95% là đảo đá vôi (*Hình 5,6,7,8 – Phụ lục 3*).

Giá trị cảnh quan: vịnh Hạ Long là một vùng biển đảo rộng lớn với hàng ngàn đảo đá muôn hình, muôn vẻ nhô lên từ mặt nước cùng vô số hang động đẹp độc đáo, kỳ lạ luôn biến đổi theo góc nhìn và thời gian. Năm 1994, Vịnh Hạ Long được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên Thế giới.

Giá trị địa chất, địa mạo: Vịnh Hạ Long là một điển hình trên thế giới về quá trình phát triển cảnh quan địa mạo Karst nhiệt đới trải qua gần 500 triệu năm với các quá trình tích tụ trầm tích tạo đồng bằng cổ, vận động tạo sơn, uốn nếp, biến tiến, biến thoái, mài mòn hòa tan đá vôi bởi nước. Năm 2000, vịnh Hạ Long được công nhận lần thứ hai về giá trị địa chất, địa mạo theo tiêu chí của Công Ước Quốc Tế.

Giá trị đa dạng sinh học : Hạ long là một khu vực có sự đa dạng sinh học cao với những hệ sinh thái điển hình của vùng biển đảo nhiệt đới: Rừng mưa nhiệt đới, rừng ngập mặn, bãi cát triều, rong cỏ biển, rạn san hô, hang động và tùng áng.

Giá trị lịch sử văn hóa: Vịnh Hạ long là một trong những cái nôi của người Việt cổ với ba nền văn hóa nối tiếp nhau: soi Nhụ, Cái Bèo, Hạ Long cách ngày nay từ 18.000 tới 3.500 năm. Nơi đây còn là nơi lưu giữ nhiều di tích lịch sử, văn hóa, di chỉ khảo cổ, nét văn hóa truyền thống, những lễ hội, tập tục đặc sắc của ngư dân Hạ Long qua nhiều đời.

- **Di tích lịch sử Bạch Đằng**

Khu di tích nằm trên địa bàn thị xã Quảng Yên, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Đây là địa điểm ghi dấu sự kiện quân và dân nhà Trần đã lập nên chiến thắng lẫy lừng - Chiến thắng Bạch Đằng đánh tan quân Nguyên Mông ngày 09/4 (8/3 - Âm lịch) năm 1288.

Trải qua những thăng trầm của lịch sử, dấu tích của trận chiến Bạch Đằng năm 1288 vẫn còn hiện hữu qua những di tích tiêu biểu:

**Bãi cọc Yên Giang:** nằm ở cửa sông Chanh, dài khoảng 118m, rộng 20m. Đa phần những cọc được tìm thấy ở khu vực này đều được làm từ thân cây lim hoặc táu, còn để nguyên vỏ. Chiều dài thân cọc từ 2,6m đến 2,8m, phần cọc

được đẽo nhọn để cắm xuống lòng sông dài từ 0,5m đến 1m. Hiện nay, bãi cọc Yên Giang đã được khoan vùng bảo vệ, xây kè xung quanh, dựng bia giới thiệu di tích.

**Bãi cọc đồng Vạn Muối:** nằm ở cửa sông Rút. Trong quá trình canh tác, đào ao thả cá, nhân dân đã phát hiện được nhiều cọc gỗ cắm đứng và cắm xiên trong khu vực đồng Vạn Muối. Một số cọc đã được đưa về trưng bày tại Bảo tàng Bạch Đằng, Bảo tàng Hải quân, Bảo tàng Hải Phòng. Hiện nay, bãi cọc nằm trong khu vực đầm nuôi thủy sản và ruộng canh tác của phường Nam Hòa.

**Bãi cọc đồng Má Ngựa:** nằm ở cửa sông Kênh, cách bãi cọc đồng Vạn Muối khoảng 1km về hướng Nam, thuộc khu Hưng Học, phường Nam Hòa, thị xã Quảng Yên. Bãi cọc có quy mô khoảng 2100m<sup>2</sup>, trải dài 70m theo chiều Đông - Tây và rộng 30m theo chiều Bắc - Nam. Mật độ phân bố và độ sâu của cọc không đồng đều.

**Đền Trần Hưng Đạo:** đây là địa điểm lưu niệm vị anh hùng dân tộc, thiên tài quân sự Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn. Đền tọa lạc trên một doi đất cổ, có tổng diện tích trên 5000m<sup>2</sup>, với các hạng mục, như đền chính, nhà bia, nhà soạn lễ và một số hạng mục phụ trợ (đường vào, nghi môn, trụ biểu, sân vườn, hệ thống điện chiếu sáng, tường bao...). Hiện nay, trong đền còn lưu giữ được 9 đạo sắc phong của các vua triều Nguyễn phong cho Trần Hưng Đạo và một số hiện vật khác.

**Miếu Vua Bà:** nằm sát đền Trần Hưng Đạo, thuộc khu vực trung tâm của Khu di tích. Tương truyền, đây là miếu thờ bà bán hàng nước, người đã chỉ dẫn cho Trần Hưng Đạo biết lịch triều con nước, địa thế lòng sông Bạch Đằng và chiến thuật hỏa công để Trần Hưng Đạo xây dựng trận địa cọc đánh giặc Nguyên Mông. Sau chiến thắng Bạch Đằng năm 1288, Trần Hưng Đạo đã tâu với vua Trần, sắc phong cho bà bán hàng nước là “Vua Bà” và lập đền thờ Bà ngay trên nền quán nước.

**Bến đò rùng:** là nơi Trần Hưng Đạo chọn làm địa điểm phát hỏa làm hiệu lệnh cho quân sĩ mai phục ở hai bên sông Bạch Đằng đồng loạt tấn công giặc Nguyên Mông. Hiện nay, bến đò cổ đang được khôi phục, với chiều rộng là 120m, chiều dài hơn 300m. Đầu bến là một tòa phượng đình, gồm 2 tầng, 8 mái, đầu đao uốn cong hình rồng. Sát mặt bến nước có tòa khán đình, với kiến trúc 1 tầng mái, vì kèo gỗ lim, có 4 đầu đao ở 4 góc mái.

**Đình Yên Giang:** là nơi thờ Thành hoàng làng Yên Giang. Vào các dịp lễ lớn của làng, dân làng thường rước tượng Trần Hưng Đạo từ đền Trần Hưng Đạo về đây để tế lễ. Đình được dựng trên gò đất cao, xung quanh là ruộng đồng.

Hiện nay, trong đình vẫn lưu giữ được nhiều hiện vật quý hiếm, có niên đại từ thời Nguyễn, như bia đá, hoành phi, câu đối, sắc phong.

**Đền Trung Cốc (Trung Cốc từ):** nằm trên một gò đất cao. Tương truyền, khi đi thị sát địa hình để chuẩn bị cho trận đánh, Trần Hưng Đạo và Phạm Ngũ Lão đã bị mắc thuyền ở đây. Sau chiến thắng Bạch Đằng năm 1288, để ghi nhớ sự kiện này, những người dân chài ở đây đã lập đền thờ Trần Hưng Đạo và Phạm Ngũ Lão. Trong đền còn phối thờ Yết Kiêu, Dã Tượng và hai người con gái của Trần Hưng Đạo là Đệ nhất Quyên Thanh công chúa và Đệ nhị Đại Hoàng công chúa.

**Đình Trung Bản:** là nơi thờ Trần Hưng Đạo, gồm các hạng mục: tả vu, hữu vu, nghi môn trụ biểu, cuốn thư trấn môn, nhà khách, nhà phụ trợ, sân vườn, tường bao... Trong đình hiện còn lưu giữ được nhiều di vật, cổ vật giá trị, có niên đại vào khoảng cuối thời Hậu Lê, đầu thời Nguyễn, như bộ kiệu bành bát công, quán tầy, bia đá, sắc phong...

**Đình Đền Công:** là nơi thờ những người đã hy sinh trong trận chiến trên sông Bạch Đằng năm 1288. Kiến trúc của đình khá đơn giản, gồm ba gian, hai chái, chiều dài hơn 17m, chiều rộng hơn 5m. Nền đình cao hơn sân 1m, có năm bậc thềm đá và hai lan can đá chạm rồng chầu hai bên.

Ngoài một số di sản văn hóa vật thể tiêu biểu kể trên, trong khu vực di tích hiện nay còn lưu giữ được nhiều di sản văn hóa phi vật thể có giá trị. Lễ hội Bạch Đằng được tổ chức bắt đầu từ ngày mùng Sáu và kết thúc vào ngày mùng Chín tháng Ba (Âm lịch) hằng năm. Ngoài những nghi lễ thông thường, trong hội còn có các trò diễn, trò chơi dân gian, như hát đúm, chơi cờ người, tổ tôm điếm, đánh đu, đấu vật, chọi gà, đua thuyền... thu hút được sự quan tâm đặc biệt của người dân trong vùng và du khách thập phương.

Với những giá trị lịch sử, văn hóa và khoa học đặc biệt của Khu di tích, ngày 27/9/2012, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định xếp hạng Khu di tích lịch sử Chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 là Di tích Quốc gia đặc biệt (Quyết định số 1419/QĐ-TTg).

### 6.3.2. Ẩm thực

- *Rượu mơ Yên Tử*

Ai đã một lần được uống **rượu mơ Yên Tử** thì khó có thể quên được chén rượu sóng sánh màu vàng hổ phách với hương vị nồng ấm, men say ngây ngất của rượu mơ truyền thống. Với quan niệm rượu là hương của trời, của đất nên trước đây **rượu mơ Yên Tử** chỉ được người dân nơi đây tự chưng cất để dùng trong các dịp lễ, tết cúng trời đất tổ tiên, hội hè, cưới hỏi và để đãi bạn hiền.



**Rượu mơ** là một loại rượu được chế biến bằng phương pháp lên men quả mơ tươi và đôi khi là cả mật ong. Cứ vào tháng 3 và tháng 4 hàng năm, mơ lại được ngâm nhưng tùy vùng mà công thức pha chế **rượu mơ** thành phẩm khác nhau vì vậy rượu mơ cũng có những hương vị khác nhau, nhưng vẫn luôn giữ được mùi mơ tự nhiên vốn có và vị ngọt của mật ong.

- *Gà đồi Tiên Yên*

Tiên Yên là một huyện thuộc tỉnh Quảng Ninh. Từ Hạ Long, theo Quốc lộ 18 ngược bắc 70km sẽ gặp thị trấn Tiên Yên. Nếu dừng chân ở Tiên Yên, các du khách sẽ được tao ngộ thêm nhiều món trong kho tàng ẩm thực của Quảng Ninh như bánh gật gù, bò lúc lắc và chắc chắn các bạn sẽ không thể bỏ qua món gà đồi Tiên Yên.

Lặn lội ở Quảng Ninh, bạn sẽ được nghe câu ngạn ngữ mang tính tổng kết: “*Lợn Móng Cái- Gái Đàm Hà- Gà Tiên Yên*”. Con gà Tiên Yên là giống gà đồi, suốt ngày leo dốc, tìm sâu nên da vàng, thịt thơm, nước ngọt. Gọi là gà đồi là bởi giống gà địa phương ở đây truyền đời được nuôi thả rong, hàng ngày chúng “cuốc bộ” lang thang trên các triền đồi để tự túc kiếm ăn từ các loại trùn, dế, kiến, mối. Chiều xuống, về vườn, lũ gà này lại có thói quen bay lên ngủ trên các cành cây. Người ta nói vì những cuộc “bộ hành” và “phi hành” triền miên ấy và nhờ những thứ thực phẩm thiên nhiên độc đáo ấy mà thịt gà Tiên Yên ngọt thơm một cách đặc biệt, săn chắc mà vẫn giòn, không dai; béo mà không ngậy. Người các nơi còn gọi giống gà này là “gà râu”, vì dưới mỏ con gà mái lại có túm lông dài.

Thịt gà Tiên Yên có thể chế biến đủ các món, vẫn không “khuất” cái nét ngon riêng, nhưng món ngon nhất vẫn là chế biến theo cách đơn giản nhất theo truyền thống là luộc. Nhìn con gà Tiên Yên sau khi luộc, bạn khó tin là nó chỉ được luộc một cách thông thường, vì da nó vàng ươm như có thoa nghệ và bóng nhẫy như vừa nhúng mỡ. Da gà Tiên Yên không chỉ vàng mọng mà còn rất dày. Thoạt trông, bạn có thể ngậy vì chất béo, nhưng khi cắn một miếng, bạn mới thấy nó thật giòn và ngọt.

- *Bánh gật gù Tiên Yên*

Bánh gật gù được làm từ bột gạo có vẻ bề ngoài giống bánh cuốn, bánh phở. Công đoạn tạo ra mẻ bánh khá cầu kỳ: Gạo được ngâm từ tối hôm trước, đến sáng hôm sau vớt ráo mới nghiền thành bột nước. Khá lạ ở chỗ trong lúc nghiền bột người dân thường cho thêm cơm nguội để khi tráng bánh có độ phồng, xốp, dẻo mịn mà các loại bánh cùng loại không so sánh được.

Bánh ngon ở chỗ người tráng bánh, phải đong đủ lượng bột bánh không bị đặc quánh, mà cũng không quá loãng. Đổ bột bánh lên khuôn một lớp dày chứ không đổ mỏng như bánh cuốn, không quá dày như bánh đa, tráng đều bánh thành hình.

Người xưa truyền lại rằng, trước đây người dân Tiên Yên thường ăn sáng bằng bánh phở, nhưng không thích có nhân, mà thích vị đậm đà từ gạo xức Tiên Yên, miếng bánh cuộn tròn, dẻo quẹo, gập lên gập xuống khi cầm tay quẹt một chút nước mắm chấm, mọi người tâm tặc khen ngon, ấy thế là bánh gập gù có tên từ đó.

- *Chả mực Hạ Long*

Chả mực Hạ Long là đặc sản nổi tiếng của Quảng Ninh, đã lọt vào Top 50 món ăn đặc sản nổi tiếng Việt Nam, căn cứ theo tiêu chí đánh giá giá trị đặc sản Việt Nam do Trung tâm Sách kỷ lục Việt Nam ban hành.

“Chả mực Hạ Long” chỉ sử dụng chất hỗ trợ chế biến là bột nếp cái hoa vàng mà không dùng phụ gia khác, tạo độ thơm và chắc, không bị bỏ khi thành phẩm.

Hiện nay, trên địa bàn TP Hạ Long có 30 cơ sở chuyên chế biến và kinh doanh sản phẩm chả mực (23 cơ sở tại chợ Hạ Long I và 7 cơ sở tại chợ Hạ Long II) với rất nhiều thương hiệu nổi tiếng như: Thắng Huệ, Hiền Nhung, Tiến Chuyên, Kim Thoa, Thoan - chả mực, Lân Điệp, Hoài Phương... Ngoài ra, còn rất nhiều điểm kinh doanh ăn uống xôi chả mực, bánh cuốn chả mực, nhà hàng, khách sạn... cũng chế biến chả mực. Nghề chế biến chả mực đã góp phần tạo thu nhập và việc làm ổn định cho nhiều lao động tại thành phố.

- **Rượu Ba Kích**

Rượu Ba Kích là loại rượu ngon nổi tiếng của Quảng Ninh. Trước đây người Quảng Ninh chỉ dùng Rượu Ba Kích để tiếp đãi bạn bè, biếu tặng thầy cô, đối tác. Qua năm tháng theo sự phát triển giao lưu kinh tế của đất nước cùng hệ thống truyền thông báo chí phát triển. Hiện nay đã lan xuống tận phía Nam đất nước.

Rượu Ba Kích là rượu ngâm của củ Ba Kích. Một loại củ được gọi là Sâm Ba Kích. Với tác dụng tốt với sức khỏe, nhất là sức khỏe sinh lý nam, đặc sản của Quảng Ninh.

- *Sá Sùng Quan Lạn*

Một loài đặc sản hy hữu và khá đắt đỏ là sá sùng, chỉ có ở đảo Quan Lạn – Minh Châu (Vân Đồn, Quảng Ninh). Sá sùng tươi xào với tỏi tươi là một món ăn dân dã đặc sắc của người dân vùng biển Hạ Long.

Sá sùng khô đem rang, khi chín có màu vàng, mùi rất thơm, một hương thơm nồng ngậy đậm đà của biển. Sá sùng rang chấm với tương ớt, điểm thêm rau diếp cá, rau thơm và uống với bia thì thật là tuyệt...

Sá sùng nhiều ở vùng biển Vân Đồn và Móng Cái – Quảng Ninh. Sá sùng ở Hải Phòng còn gọi là bông thùa, trong miền Nam gọi là sâm đất. Dân nhậu vẫn hay gọi là con Mồi biển. Ngoài ra, sá sùng cũng nhiều ở vùng biển Cam Ranh, Cần Giờ nổi tiếng nhất và ngon nhất cả nước thì chỉ có sá sùng ở vùng biển Vân Đồn (tỉnh Quảng Ninh).

Do sá sùng sống trong hang sâu dưới cát nên sá sùng vị mặn, tính lạnh, có công dụng bổ dưỡng phần âm và giải nhiệt, làm mát phổi và cải thiện công năng tỳ vị, thường được dùng để chữa các chứng bệnh như nóng bức ở tầng sâu bên trong hay sốt về chiều, đổ mồ hôi trộm (thường có ở bệnh lao phổi, lao xương khớp); trong ngực bứt rứt buồn bực không yên; ho khạc đờm nhiều do phế hư; tiểu đêm nhiều; răng lợi sưng đau, đặc biệt rất tốt cho trẻ con và nam giới...

Chính từ những giá trị dinh dưỡng của sá sùng nên nó đứng đầu bảng trong các loại hải sản đắt giá.

- *Nem chua, Nem trạo Quảng Yên*

Nguyên liệu làm nem đều là những thứ bình dân: bì lợn được bào nhỏ trắng như cước, thính làm bằng đỗ hay gạo rang và lạc rang giã dập, tất cả được trộn đều với nhau thật toại. Chỉ đơn giản thế nhưng qua bí quyết chế biến, trộn đều và pha nước chấm, hàng quà quê mùa trở nên lạ miệng, hấp dẫn.

Thị trấn Quảng Yên nhỏ, giản dị và cổ kính. Những hàng nem chua, nem chạo là niềm tự hào của người dân nơi đây khi giới thiệu với bạn bè về ẩm thực quê mình. Có những người chuyên nghề làm nem, bán nem. Hàng quà nơi phố nhỏ đã trở thành kế sinh nhai của nhiều gia đình; là niềm vui, nỗi buồn của cuộc sống đời thường. Những hàng quà dân dã tạo thêm một điều gì đó đặc trưng cho phố xá Quảng Yên, cũng như gợi một nét mộc mạc, giản dị của một đô thị đã có hơn trăm tuổi.

- **Sam biển**

Một loài đặc sản khác vô cùng hấp dẫn của biển Hạ Long, đó là sam - một loài giáp xác chân đốt. Từ sam biển người ta có thể chế biến ra được rất nhiều món ăn ngon và lạ khác nhau như: Tiết canh sam, gói sam, chân sam xào chua ngọt, sam xào xả ớt, trứng sam chiên giòn, trứng sam xào lá lốt, sam hấp, sam bao bột rán, sụn sam nướng, sam xào miến...

- **Cà sáy**

Ngoài gà đồi, bánh gặt gù, Tiên Yên còn sở hữu một đặc sản bình dân khác là Cà sáy. Cà sáy là vịt lai ngan, ít đâu chế biến Cà sáy có hương vị tuyệt vời như người Tiên Yên. Không rõ họ làm kiểu gì nhưng ăn rồi chỉ có tấm tắc khen ngon mà thôi. Từ thịt Cà sáy cho đến nước chấm đặc biệt đi kèm đều mang vị riêng khó diễn tả. Thịt ngon, thơm, nước chấm vừa có cái đậm đà biển cả, vừa ngọt ngào nồng ngậy xá xí và cay cay nóng nóng của gừng. Cứ thế chằm hoài, ăn hoài đến no mòng mà vẫn còn thòm thềm.

- **Bánh tài lồng ép – khu vực Cẩm Phả, Vân Đồn**

Là một đặc sản của người **Sán Dìu** sinh sống tại **Quảng Ninh**, bánh tài lồng ép có vẻ bề ngoài khá đơn giản, hình dạng gần giống bánh bò thốt nốt ở miền Tây nhưng màu sậm hơn một chút. Với những nguyên liệu chính như bột nếp, đường phèn, gừng, qua nhiều giai đoạn chế biến công phu, kỹ lưỡng, trách sao món bánh tài lồng ép này lại ngon đến thế.

- *Nước mắm Sá Sùng-Đặc sản huyện đảo Vân Đồn, Quảng Ninh*

Cũng giống như cách chế biến nước mắm truyền thống, nước mắm Sá Sùng vẫn chủ yếu sử dụng cá biển làm nguyên liệu chính nhưng pha thêm một ít Sá Sùng. Có giá thành đắt và nguồn dinh dưỡng cao nên việc chế biến Sá Sùng cũng rất tỉ mỉ. Đầu tiên Sá Sùng được rửa sạch, sấy khô sau đó cho vào nước mắm cá đã ngâm được một tháng để tạo hương vị. Sản phẩm được sản xuất theo phương pháp cổ truyền và không sử dụng phụ gia thực phẩm, mang đến hương vị đặc trưng, vị đậm ngọt và giàu chất dinh dưỡng.

### 6.3.3. Sản phẩm đặc trưng

- *Sản phẩm biển*

Quảng Ninh là một tỉnh ven biển, có vùng ngư trường rất rộng lớn, với số lượng chủng loại phong phú; trong đó có nhiều loài có giá trị kinh tế cao.

Nếu như ngư trường Cô Tô nổi tiếng với loài mực ống, mực lá thì các vùng biển đảo, ven biển khác ở Quảng Ninh cũng có những loài sản vật đặc trưng như: Ghẹ Trà Cổ (Móng Cái); tu hài Vân Đồn, sá sùng Quan Lạn (Vân Đồn); cua biển Quảng Yên; ngán Quảng Yên, Đầm Hà; mực mai Vịnh Hạ Long... Trong đó, ghẹ Trà Cổ có tới 4 loại: Đốm, xanh, lửa và ba chám rất nổi tiếng ngon, ngọt, giàu chất dinh dưỡng nhờ môi trường nước biển có độ mặn cao. Hay như loại ngán, xuất hiện nhiều ở các khu vực cửa sông thuộc Quảng Yên, Đầm Hà. Đây là loại hải sản có giá trị dinh dưỡng cao và chỉ có thể khai thác trong tự nhiên chứ không thể nuôi trồng như các loài khác.

- *Than đá*

Bể than Anthracite Quảng Ninh: Nằm về phía Đông Bắc Việt Nam, kéo dài từ Phả Lại qua Đông Triều đến Hòn Gai - Cẩm Phả - Mông Dương - Cái Bàu - Vạn Hoa dài khoảng 130km, rộng từ 10 đến 30km, có tổng trữ lượng khoảng 10,5 tỉ tấn, trong đó: tính đến mức cao -300m là 3,5 tỉ tấn, tính đến mức cao -1000m có trữ lượng dự báo khoảng 7 tỉ tấn đang được đầu tư tìm kiếm thăm dò. Khai thác than từ lâu đã là nghề mũi nhọn trong phát triển kinh tế của Quảng Ninh. Tổng sản lượng than khai thác 2011-2015 ước đạt 195,65 triệu tấn, tiêu thụ 192,3 triệu tấn; doanh thu 2011-2015 ước đạt 527.878 tỷ đồng.

- *Gốm sứ Đông Triều*

Nghề gốm sứ Đông Triều có từ lâu đời nhưng đến năm 1945, nghề này mới được khôi phục phát triển trở lại. Thời kỳ hưng thịnh nhất của làng gốm Đông Triều là vào những năm 60, 70 của thế kỷ trước; thời ấy một xóm nhỏ cũng có đến chục lò gốm sứ hoạt động. Hưng thịnh nhất của làng nghề này là những năm 80, với hai hợp tác xã sứ Ánh Hồng và Đông Thành, chuyên sản xuất gốm sứ xuất khẩu sang Liên Xô (cũ) và Đông Âu. Từ hai cơ sở này, Đông Triều đã hình thành nên 2 làng gốm sứ thủ công mỹ nghệ sầm uất với 9 doanh nghiệp và 70 hộ sản xuất, kinh doanh gốm sứ mỹ nghệ xuất khẩu, thu hút trên 1 nghìn lao động địa phương. Để phục vụ cho việc phát triển gốm sứ, thời kỳ này, tại đây còn mở cả trường Mỹ thuật công nghiệp tại chức để đào tạo cho người làm nghề gốm sứ.

Những cụ già trong làng gốm sứ Đông Triều kể lại rằng, ngay từ khi mới ra đời, những người thợ gốm ở đây đã rất dày công nghiên cứu cách pha chế, xử lý nguyên liệu làm gốm cũng như xây dựng kết cấu của lò đốt rỗng (nhiều khoang), tạo ra dòng gốm sứ nặng lửa với nhiệt độ nung đạt tới 1.300 độ C. Chính vì vậy, sản phẩm gốm sứ Đông Triều có độ bền cao, nước men trong và độ trắng đều. Đặc biệt, mỗi sản phẩm khi ra lò, gõ vào nghe rõ tiếng lanh canh vang như chuông ngân. Đây cũng là điểm khác biệt của gốm sứ Đông Triều so với các loại gốm khác, khiến cho các sản phẩm ngày càng trở nên nổi tiếng. Mỗi năm hàng trăm nghìn sản phẩm gốm, sứ Đông Triều được sản xuất và tiêu thụ cả trong và ngoài nước.

- *Đồ mỹ nghệ từ than đá*

Nghề thủ công mỹ nghệ bằng than đá ở Quảng Ninh đến nay đã trở thành một nghề thủ công truyền thống khá nổi tiếng. Sản phẩm mỹ nghệ bằng than đá ngày càng được đông đảo khách trong nước và quốc tế ưa thích bởi vẻ đẹp và sự độc đáo về chất liệu, tính thẩm mỹ và bàn tay khéo léo của người thợ thủ công tài hoa.

Từ những cục than bình thường, qua con mắt và bàn tay người thợ đã trở thành sản phẩm hàng hoá có giá trị thẩm mỹ và giá trị kinh tế rất lớn. Có sản

phẩm trị giá một vài chục ngàn đồng, có sản phẩm trị giá vài triệu đồng. Kiểu loại cũng rất phong phú, đa dạng từ những con trâu, con nai, gạt tàn thuốc lá quen thuộc trước đây, đến những tác phẩm điêu khắc đạt trình độ cao.

Tỉnh Quảng Ninh đã và đang tiếp tục quan tâm tạo điều kiện để nghề thủ công mỹ nghệ than đá ngày càng phát triển nhằm xây dựng thành những dãy phố, những làng nghề chuyên sản xuất kinh doanh mặt hàng này, vừa trở thành những địa chỉ tham quan du lịch hấp dẫn vừa góp phần bảo tồn và phát huy truyền thống bản sắc văn hoá vùng công nghiệp mỏ, đồng thời tạo thêm mặt hàng xuất khẩu có giá trị cao.

#### **6.4. Danh mục các sự kiện lịch sử, danh nhân tiêu biểu, các giá trị văn hóa đất nước con người tỉnh Quảng Ninh đề xuất xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng**

##### **6.4.1. Các sự kiện lịch sử và danh nhân tiêu biểu xứng đáng lập tượng đài, tranh hoành tráng**

Lịch sử hào hùng của tỉnh Quảng Ninh chứng kiến nhiều sự kiện và danh nhân đặc biệt. Việc lựa chọn ra những con người và sự kiện đặc biệt nhất, tiêu biểu nhất để xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng, nhằm vinh danh, nhắc nhớ là một việc làm rất cần thiết, đòi hỏi sự nghiên cứu đầy đủ kỹ lưỡng từ nhiều nguồn tài liệu, nhiều góc độ khác nhau. Dưới đây là bảng liệt kê các sự kiện lịch sử, danh nhân tiêu biểu xứng đáng được dựng tượng đài, tranh hoành tráng.

**BẢNG 6-4. DANH MỤC CÁC SỰ KIỆN LỊCH SỬ VÀ DANH NHÂN TIÊU BIỂU XỨNG ĐÁNG ĐƯỢC LẬP TƯỢNG ĐÀI, TRANH HOÀNH TRÁNG**

<b>TT</b>	<b>Những sự kiện lịch sử, danh nhân tiêu biểu xứng đáng được dựng tượng đài, tranh hoành tráng</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Nữ tướng Lê Chân, sinh ra ở làng An Biên thị xã Đông Triều, có công đánh giặc Hán, Trung Quốc.	<b>Đã có tượng đài</b> (Đông Triều)
2	Năm 1149 vua Lý Anh Tông cho thành lập trang Vân Đồn	Chưa có tượng đài
3	Vinh danh công lao to lớn của nhà Trần với đất nước nói chung và với Quảng Ninh nói riêng.	Chưa có tượng đài
4	Hung Nhượng Đại Vương Trần Quốc Tảng (con thứ 3 của Trần Quốc Tuấn) là danh tướng trấn thủ vùng biển đảo Đông Bắc.	<b>Đã có tượng đài</b> (Cẩm Phả)
5	Tháng 12 năm 1287, tướng Trần Khánh Dư đã chỉ huy	Chưa có tượng

TT	Những sự kiện lịch sử, danh nhân tiêu biểu xứng đáng được dựng tượng đài, tranh hoành tráng	Ghi chú
	quân dân nhà Trần đánh tan đạo binh thuyền chở lương thực, khí giới của quân Nguyên Mông. Chiến thắng này được biết đến với tên gọi chiến thắng Vân Đồn – Cửa Lục.	đài
6	Ngày 8 tháng 3 năm 1288, Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn đã cùng quân dân nhà Trần tiêu diệt và bắt sống toàn bộ đoàn thuyền chiến để quốc Nguyên Mông	Chưa có tượng đài
7	Tôn vinh vị hoàng đế nổi tiếng anh minh trong lịch sử Việt Nam: Đức Phật Hoàng Trần Nhân Tông, có vai trò lãnh đạo quan trọng trong chiến thắng quân Nguyên. Ông là người lập nên thiền phái Trúc Lâm.	Chưa có tượng đài
8	Ghi nhớ công ơn <b>19 vị Tiên Công</b> , là những người có công đầu tiên khai phá, lấn biển thành lập nên khu đảo Hà Nam, huyện Yên Hưng năm 1434.	Chưa có tượng đài
9	Trương truyền, trong chuyến xa giá duyệt quân trên sông Bạch Đằng ra Hải Đông, nhà vua thi sĩ <b>Lê Thánh Tông</b> (1460-1497) đã ngự lại bên dòng sông Chanh (Quảng Yên), và tức cảnh làm thơ. Dân gian gọi bến sông đó là Bến Ngự.	Chưa có tượng đài
10	Năm 1468, Vua <b>Lê Thánh Tông</b> đề thơ trên núi Truyền Đăng ( nay gọi là núi Bài Thơ, TP Hạ Long).	Chưa có tượng đài
11	Năm 1832, <b>Nguyễn Công Trứ</b> với cương vị Tổng Đốc Hải An (Hải Dương - An Quảng) đã xin triều đình cho thành lập làng xã tại Chàng Sơn (Cô Tô ngày nay). Làng đầu tiên ở đây được Nguyễn Công Trứ đặt là làng Hương Hóa.	Chưa có tượng đài
12	<i>Ngày khai sinh ra ngành Than - Khoáng sản Việt Nam</i> Năm Minh Mệnh thứ 20, ngày 6/12 năm âm lịch (tức ngày 10/1/1840 năm dương lịch), vua Minh Mạng đã có “Dụ” cho phép Tổng đốc Hải Yên (Quảng Ninh ngày nay) Tôn Thất Bật, chính thức tổ chức khai thác than ở vùng núi An (Yên) Lãng, nay thuộc xã Yên Thọ, huyện Đông Triều.	Đã có tượng đài (Đông Triều)

TT	Những sự kiện lịch sử, danh nhân tiêu biểu xứng đáng được dựng tượng đài, tranh hoành tráng	Ghi chú
13	Ngày 29-9-1928, Thanh niên cách mạng đồng chí Hội Bắc Kỳ về khu mỏ làm công tác “vô sản hóa”	Chưa có tượng đài
14	Vào đêm mùng 6 rạng ngày 7/11/1929, đồng chí Ngô Huy Tăng cầm cờ đỏ búa liềm trên cầu Pooc Tích	Đã có tượng đài (Cẩm Phả)
15	Ngày 23-2-1930, chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam đầu tiên ở Quảng Ninh ra đời ở mỏ Mạo Khê (Đông Triều).	Chưa có tượng đài
16	Anh hùng Vũ Văn Hiếu bí thư đảng ủy mỏ Cẩm Phả - Cửa Ông năm 1930. Hi sinh tại nhà tù Côn Đảo.	<b>Đã có tượng đài</b> (Hạ Long)
17	Ngày 12-11-1936, cuộc tổng bãi công của hơn 30.000 thợ mỏ đòi tăng lương giảm giờ làm giành thắng lợi về vang.	<b>Đã có tượng đài</b> (Cẩm Phả)
18	Ngày 8/6/1945, chiến thắng Đồn Cao- nơi đặt trung tâm chỉ huy của quân Pháp tại Đông Triều	Chưa có tượng đài
19	Ngày 8/6/1945, “Đệ tứ Chiến khu Đông Triều” ra đời	Chưa có tượng đài
20	Ngày 24/8/1945, tại thị xã Quảng Yên, Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời của tỉnh đã ra mắt nhân dân.	Chưa có tượng đài
21	Anh Hùng liệt sĩ Minh Hà (tên thật là Đỗ Thị Sinh), bí thư chi bộ mỏ Cẩm Phả, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Đặc khu Hòn Gai, hi sinh ngày 14/7/1947.	<b>Đã có tượng đài</b> (Quảng Yên)
22	Ngày 4-3-1949, chiến thắng đường 4 (Điền Xá, Tiên Yên) trong chiến dịch Đông Bắc, chống Pháp.	Chưa có tượng đài
23	Vinh danh vùng chiến tranh du kích nổi tiếng, quân và dân xã Yên Đức hy sinh trong trận chiến chống thực dân Pháp ngày 01/12/1950. Được công nhận là Khu Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt năm 1993.	Chưa có tượng đài (đã có nhà bia tưởng niệm)
24	Bác Hồ trước khi ra Cô Tô, đã đến gặp gỡ và nói chuyện với nhân dân xã Trà Cổ vào ngày 8/5/1961	<b>Đã có tượng đài</b> (Cô Tô)
25	Bác Hồ và Anh hùng phi công vũ trụ Titop ra thăm đảo Titop năm 22/1/1962.	<b>Đã có tượng đài</b> (Hạ Long)
26	Ngày 30-10-1963, Thành lập tỉnh Quảng Ninh	Chưa có tượng đài



TT	Những sự kiện lịch sử, danh nhân tiêu biểu xứng đáng được dựng tượng đài, tranh hoành tráng	Ghi chú
27	Ngày 5-8-1964, Chiến thắng trận đầu, bắn rơi máy bay Mỹ	Đã có tượng đài (Hạ Long)
28	Trưa mừng 1 tết năm 1965, Bác Hồ dừng chân tại Xã Phạm Hồng Thái (nay là Hồng Thái Tây, Đông Triều)	Đã có tượng đài (Đông Triều)
29	Ngày 2-2-1965, Bác Hồ dừng chân tại đồi Yên Lập, thị xã Quảng Yên.	Đã có tượng đài (Đông Triều)
30	Trận đánh bảo vệ biên giới phía Bắc tháng 2/1979 tại đồn biên phòng Pò Hèn	Đã có tượng đài (Móng Cái)
31	Anh hùng liệt sĩ Hoàng Thị Hồng Chiêm, hi sinh trong chiến tranh biên giới phía bắc 1979.	Đã có tượng đài (Móng Cái)
32	Vinh danh tất cả các anh hùng Liệt sĩ là người con của đất Quảng Ninh hoặc hi sinh trên đất Quảng Ninh	Đã có tượng đài (Hạ Long)

#### 6.4.2. Danh mục các giá trị văn hóa, quê hương con người Quảng Ninh xứng đáng đề xuất lập tượng đài, tranh hoành tráng

Đây là các đề xuất về các nội dung tiêu biểu liên quan đến các giá trị văn hóa, đất nước con người Quảng Ninh nên lập tượng đài, tranh hoành tráng. Tuy nhiên cần xem xét các yếu tố liên quan như: điều kiện phát triển kinh tế, xã hội, tiến trình thực hiện quy hoạch xây dựng, điều kiện phân bổ tài chính... để cân nhắc chọn ra các nội dung phù hợp nhất để đưa vào quy hoạch cho giai đoạn 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Những nội dung được đề xuất mà chưa thể thực hiện trong giai đoạn này sẽ xem xét thực hiện trong các giai đoạn tiếp sau.

#### BẢNG 6-5. DANH MỤC CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA, ĐẤT NƯỚC CON NGƯỜI TỈNH QUẢNG NINH TIÊU BIỂU XỨNG ĐÁNG ĐỀ XUẤT LẬP TƯỢNG ĐÀI, TRANH HOÀNH TRÁNG

TT	Danh mục các giá trị văn hóa, quê hương con người Quảng Ninh xứng đáng đề xuất lập tượng đài, tranh hoành tráng	Ghi chú
1	Cụm thông tin cổ động biên giới Sa Vỹ	Đã có tượng đài (Móng Cái)
2	Biểu tượng tình hữu nghị Việt - Nhật xây dựng cầu Bãi Cháy	Chưa có tượng đài
3	Tượng đài bến phà Bãi Cháy anh hùng - Khu vực đầu cầu Bãi Cháy	Chưa có tượng đài

TT	Danh mục các giá trị văn hóa, quê hương con người Quảng Ninh xứng đáng đề xuất lập tượng đài, tranh hoành tráng	Ghi chú
4	Tranh hoành tráng về văn hoá dân tộc Quảng Ninh - Khu vực Hòn Gai	Chưa có tượng đài
5	Tranh hoành tráng về di sản văn hoá Hạ Long- Khu vực Bãi Cháy	Chưa có tượng đài
6	Cụm tượng đài, tranh hoành tráng thể hiện quá trình hình thành và phát triển của Tỉnh Quảng Ninh- Trung tâm Thành phố	Chưa có tượng đài
7	Tranh hoành tráng về Việt Nam hội nhập và hữu nghị- Thành phố Móng Cái	Chưa có tượng đài
8	Sự đổi mới và phát triển của thành phố Cẩm Phả - Quảng trường trung tâm thành phố	Chưa có tượng đài
9	Biểu tượng vinh danh các giá trị văn hóa, quê hương con người thành phố Hạ Long	Chưa có tượng đài
10	Biểu tượng vinh danh các giá trị văn hóa, quê hương con người thành phố Uông Bí	<b>Đã có tượng đài</b> (Uông Bí)
11	Biểu tượng vinh danh các giá trị văn hóa, quê hương con người thành phố Cẩm Phả	Chưa có tượng đài
12	Biểu tượng vinh danh các giá trị văn hóa, quê hương con người thành phố Móng Cái	Chưa có tượng đài
13	Biểu tượng vinh danh các giá trị văn hóa, quê hương con người thị xã Đông Triều	<b>Đã có tượng đài</b> (Đông Triều)
14	Biểu tượng vinh danh các giá trị văn hóa, quê hương con người thị xã Quảng Yên	Chưa có tượng đài
15	Biểu tượng vinh danh các giá trị văn hóa, quê hương con người huyện Hoành Bồ	Chưa có tượng đài
16	Biểu tượng vinh danh các giá trị văn hóa, quê hương con người huyện Ba Chẽ	Chưa có tượng đài
17	Biểu tượng vinh danh các giá trị văn hóa, quê hương con người huyện Vân Đồn	Chưa có tượng đài
18	Biểu tượng vinh danh các giá trị văn hóa, quê hương con người huyện Tiên Yên	Chưa có tượng đài
19	Biểu tượng vinh danh các giá trị văn hóa, quê hương con người huyện Hải Hà	Chưa có tượng đài

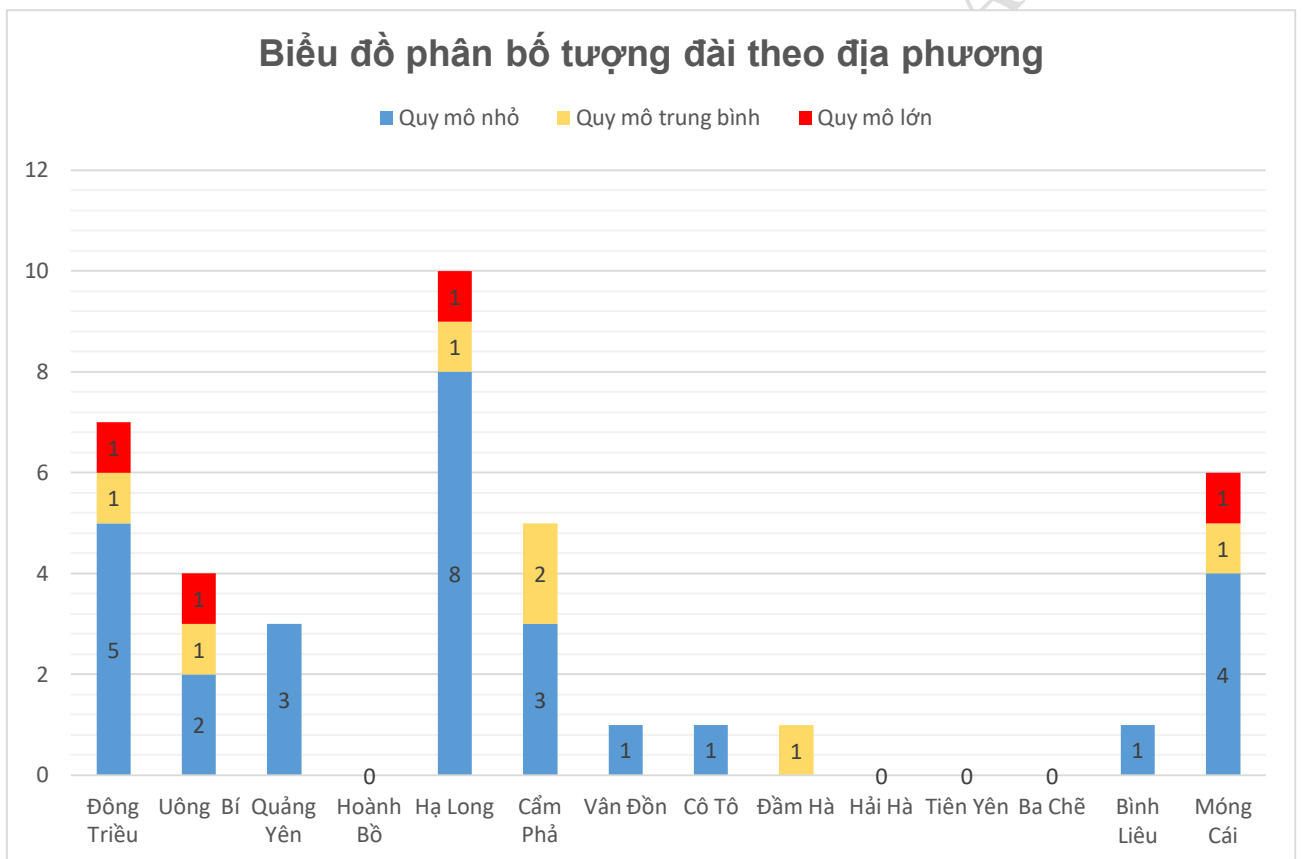
<b>TT</b>	Danh mục các giá trị văn hóa, quê hương con người Quảng Ninh xứng đáng đề xuất lập tượng đài, tranh hoành tráng	<b>Ghi chú</b>
20	Biểu tượng vinh danh các giá trị văn hóa, quê hương con người huyện Đầm Hà	Chưa có tượng đài
21	Biểu tượng vinh danh các giá trị văn hóa, quê hương con người huyện Cô Tô	Chưa có tượng đài
22	Biểu tượng vinh danh các giá trị văn hóa, quê hương con người huyện Bình Liêu	Chưa có tượng đài

## CHƯƠNG 7. HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG TƯỢNG ĐÀI TRANH HOÀNH TRÁNG TỈNH QUẢNG NINH

### 7.1. Bảng tổng hợp các tượng đài, tranh hoành tráng đã xây dựng

Theo khảo sát của công ty tư vấn, trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh hiện có 39 tượng đài đã và đang xây dựng. Trong đó:

- 4 tượng đài quy mô lớn (vốn đầu tư trên 45 tỉ đồng);
- 7 tượng đài quy mô trung bình (vốn đầu tư từ 15 đến 45 tỉ đồng);
- 28 tượng đài quy mô nhỏ (vốn đầu tư nhỏ hơn 15 tỉ đồng);



*Biểu đồ 7-1 Biểu đồ phân bố tượng đài theo địa phương*

*Nguồn: Khảo sát của đơn vị tư vấn*

**BẢNG 7-1 TỔNG HỢP CÁC TƯỢNG ĐÀI, TRANH HOÀNH TRẮNG ĐÃ XÂY DỰNG**

STT	Tên tượng đài	Huyện, Thị	Năm hoàn thành	Vật liệu tượng đài	Chiều cao tượng đài	Diện tích Xây dựng (ha)	Vốn đầu tư XD ban đầu (Tỷ đồng)	Quy mô	Đơn vị quản lí, khai thác	Nguồn vốn đầu tư ban đầu	Hình thức đầu tư xây dựng ban đầu	Tình trạng khai thác sử dụng	Đánh giá mức độ hư hỏng (%)	Ghi chú
C1	Cổng chào tỉnh Quảng Ninh	Thị xã Đông Triều	2016	Thép	43	0,2	198,0	Lớn	Công ty CP Tập đoàn Hoàng Hà	Hỗn hợp	PPP	Chưa khai thác	0	
C2	Tượng đài nữ tướng Lê Chân	Thị xã Đông Triều	2002	BTCT sơn nhũ vàng	5	0,012	2,6	Nhỏ	UBND xã Thủy An	Ngân sách	đầu tư công	Trung Bình	1	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C3	Cụm tượng đài Văn hóa thị xã Đông Triều	Thị xã Đông Triều	2014	Đá xanh Thanh Hóa	16,3	1,9	25,0	Trung bình	UBND xã thị xã Đông Triều	Ngân sách	đầu tư công	Khá	10	
C4	Khu lưu niệm Bác Hồ xã Hồng Thái Tây	Thị xã Đông Triều	1979	Đá	1,5	0,25	5,2	Nhỏ	Phòng GD&ĐT thị xã Đông Triều	Ngân sách	Xã hội hóa	Khá	0	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C5	Bia chứng tích chiến tranh dưới chân Cầu Cầm	Thị xã Đông Triều	Không có thông tin	Đá Thanh Hóa	2,2	0,005	2,7	Nhỏ	UBND phường Xuân Sơn	Ngân sách	Xã hội hóa	Trung bình	30	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C6	Đài Chiến thắng - Kỷ niệm nơi bắn rơi chiếc máy bay thứ 100 của đế quốc Mỹ	Thị xã Đông Triều	Không có thông tin	BTCT trát granito hồng	7,5	0,01	3,1	Nhỏ	UBND phường Xuân Sơn	Ngân sách	Xã hội hóa	Trung bình	30	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C7	Đài Hoàng Đế lệnh chỉ - ghi dấu diêm khai thác than đầu tiên	Thị xã Đông Triều	2010	Đá xanh Thanh Hóa	6,5	0,16	6,7	Nhỏ	Xí nghiệp địa chất Đông Triều	Ngoài ngân sách	Xã hội hóa	Trung bình	5	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính

STT	Tên tượng đài	Huyện, Thị	Năm hoàn thành	Vật liệu tượng đài	Chiều cao tượng đài	Diện tích Xây dựng (ha)	Vốn đầu tư XD ban đầu (Tỉ đồng)	Quy mô	Đơn vị quản lí, khai thác	Nguồn vốn đầu tư ban đầu	Hình thức đầu tư xây dựng ban đầu	Tình trạng khai thác sử dụng	Đánh giá mức độ hư hỏng (%)	Ghi chú
C8	Biểu tượng thành phố Uông Bí	TP Uông Bí	2015	BTCT phun kềm màu xám	32	0,2	19,4	Trung bình	UBND phường Quang Trung	Ngân sách	đầu tư công	Tốt	0	
C9	Tượng đài Hữu Nghị Việt-Xô	TP Uông Bí	Không có thông tin	BTCT sơn nhũ vàng	10,5	0,4	8,4	Nhỏ	Trung tâm điều phối điện lực TKV Quảng Ninh	Ngoài ngân sách	Xã hội hóa	Trung Bình	0	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C10	Tượng đài Phật Hoàng Trần Nhân Tông	TP Uông Bí	2013	Tượng đồng	12,6	0,2	80,0	Lớn	Ban trị sự Phật giáo tỉnh Quảng Ninh	Ngoài ngân sách	Xã hội hóa	Tốt	0	
C11	Đài tưởng niệm Bác Hồ	TP Uông Bí	Không có thông tin	BTCT ốp đá granite	6	0,05	3,3	Nhỏ	UBND phường Trung Vương	Ngân sách	đầu tư công	Tốt	0	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C12	Bia tường niệm Bác Hồ về thăm Quảng Yên	Thị xã Quảng Yên	2003	Đá xanh Thanh hóa sơn nhũ vàng và đen	2	0,01	2,6	Nhỏ	UBND phường Minh Thành	Ngân sách	đầu tư công	Trung Bình	0	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C13	Tượng đài anh hùng liệt sĩ Đỗ Thị Sinh (Minh Hà)	Thị xã Quảng Yên	2014	Đá trắng nguyên khối	4	0,004	1,2	Nhỏ	Trường THPT Minh Hà	Ngoài ngân sách	Xã hội hóa	Tốt	0	
C14	Tranh hoành tráng chiến thắng Bạch Đằng	Thị xã Quảng Yên	Không có thông tin	Tường gạch vữa trát và sơn nhiều màu	18	0,004	5,1	Nhỏ	UBND thị xã Quảng Yên	Ngân sách	đầu tư công	Trung Bình	10	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C15	Bia kỉ niệm chiến thắng trận đầu	Thành phố Hạ Long	2015	Đá xanh Thanh Hóa ghép tấm	8,5	0,01	2,9	Nhỏ	UBND phường Bãi Cháy	Ngân sách	đầu tư công	Khá	0	

STT	Tên tượng đài	Huyện, Thị	Năm hoàn thành	Vật liệu tượng đài	Chiều cao tượng đài	Diện tích Xây dựng (ha)	Vốn đầu tư XD ban đầu (Tỉ đồng)	Quy mô	Đơn vị quản lí, khai thác	Nguồn vốn đầu tư ban đầu	Hình thức đầu tư xây dựng ban đầu	Tình trạng khai thác sử dụng	Đánh giá mức độ hư hỏng (%)	Ghi chú
C16	Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ thành phố Hạ Long	Thành phố Hạ Long	2000	BTCT sơn trắng	17	1,7	26,6	Trung bình	Phòng Văn hóa Thông tin TP Hạ Long	Ngân sách	đầu tư công	Tốt	10	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C17	Tượng đài Đức Tô thần y Lê Hữu Trác	Thành phố Hạ Long	2014	Đá xanh Thanh Hóa nguyên khối	3,4	0,004	3,2	Nhỏ	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh	Ngoài ngân sách	Xã hội hóa	Khá	0	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C18	Tượng đài anh hùng vũ trụ Ghéc-man Ti-Tốp	Thành phố Hạ Long	2015	Đá xanh Thanh Hóa nguyên khối	5	0,01	7,0	Nhỏ	Ban Quản lý Vịnh Hạ Long	Ngân sách	đầu tư công	Tốt	0	
C19	Tượng đài anh hùng Vũ Văn Hiếu - phường Hà Tu	Thành phố Hạ Long	1999	Đá trắng nguyên khối, tóc sơn nhũ vàng	3,4	0,07	4,0	Nhỏ	Nhà văn hóa công nhân Hà Tu	Ngoài ngân sách	Xã hội hóa	Trung Bình	0	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C20	Tượng đài anh hùng Vũ Văn Hiếu - phường Bạch Đằng	Thành phố Hạ Long	2016	Đồng đúc	6	0,83	9,0	Nhỏ	UBND phường Bạch Đằng	Ngoài ngân sách	Xã hội hóa	Tốt	0	
C21	Tượng đài liệt sỹ thiếu niên Nguyễn Văn Thuộc	Thành phố Hạ Long	1982	BTCT sơn màu trắng	6	0,0015	2,7	Nhỏ	Trường THCS Nguyễn Văn Thuộc	Ngân sách	đầu tư công	Khá	0	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C22	Tượng đài Bác Hồ với chiến sĩ biên phòng	Thành phố Hạ Long	2013	Đá xanh Thanh Hóa nguyên khối	4,9	0,3	7,5	Nhỏ	Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh Quảng Ninh	Ngân sách	đầu tư công	Khá	0	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C23	Cột đồng hồ thành phố Hạ Long	Thành phố Hạ Long	2017	Khung thép bọc kính	34	0,2	51,0	Lớn	UBND phường Bạch Đằng	Ngân sách	đầu tư công	Chưa khai thác	0	

STT	Tên tượng đài	Huyện, Thị	Năm hoàn thành	Vật liệu tượng đài	Chiều cao tượng đài	Diện tích Xây dựng (ha)	Vốn đầu tư XD ban đầu (Tỉ đồng)	Quy mô	Đơn vị quản lí, khai thác	Nguồn vốn đầu tư ban đầu	Hình thức đầu tư xây dựng ban đầu	Tình trạng khai thác sử dụng	Đánh giá mức độ hư hỏng (%)	Ghi chú
C24	Biểu tượng hữu nghị Việt Nam - Nhật Bản xây dựng cầu Bãi Cháy	Thành phố Hạ Long	Không có thông tin	BTCT ốp đá granite đỏ	3	0,004	2,1	Nhỏ	UBND phường Bãi Cháy	Ngân sách	đầu tư công	Trung Bình	0	
C25	Tượng đài Vinh quang thợ mỏ Thống Nhất	Thành phố Cẩm Phả	Không có thông tin	Đồng đúc	4	0,02	5,7	Nhỏ	Công ty than Thống Nhất	Ngoài ngân sách	Xã hội hóa	Trung Bình	0	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C26	Tượng đài vinh quang thợ mỏ Việt Nam	Thành phố Cẩm Phả	2010	Đá granite xanh Thanh Hóa	15,5	3,4	34,0	Trung bình	Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	Hỗn hợp	PPP	Tốt	5	
C27	Tượng đài Hưng Nhượng Đại Vương Trần Quốc Tông	Thành phố Cẩm Phả	2005	Đồng đúc	12	0,8	24,5	Trung bình	Công ty tuyển than Cửa Ông	Ngoài ngân sách	Xã hội hóa	Tốt	0	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C28	Tượng đài Ngô Huy Tăng	Thành phố Cẩm Phả	2000	Đá xanh Thanh Hóa, phù điêu đá xanh Thanh Hóa sơn nhũ vàng	3,7	0,15	5,1	Nhỏ	Công ty tuyển than Cửa Ông	Ngoài ngân sách	Xã hội hóa	Trung Bình	0	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C29	Tượng đài kỉ niệm cuộc bãi công công nhân mỏ năm 1936	Thành phố Cẩm Phả	1996	Biểu tượng BTCT ốp đá màu hồng, phù điêu đá xanh Thanh Hóa	3,8	0,04	2,7	Nhỏ	Công ty CP Vật tư - TKV	Ngoài ngân sách	Xã hội hóa	Trung Bình	0	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C30	Tượng đài Bác Hồ	Huyện Vân Đồn	Không có thông tin	BTCT sơn trắng	5	0,1	3,7	Nhỏ	UBND Thị trấn Cái Rồng	Ngân sách	đầu tư công	Khá	0	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải



STT	Tên tượng đài	Huyện, Thị	Năm hoàn thành	Vật liệu tượng đài	Chiều cao tượng đài	Diện tích Xây dựng (ha)	Vốn đầu tư XD ban đầu (Tỷ đồng)	Quy mô	Đơn vị quản lý, khai thác	Nguồn vốn đầu tư ban đầu	Hình thức đầu tư xây dựng ban đầu	Tình trạng khai thác sử dụng	Đánh giá mức độ hư hỏng (%)	Ghi chú
			tin											tạm tính
C31	Tượng đài Bác Hồ trên đảo Cô Tô	Huyện Cô Tô	1997	Đá xanh Thanh Hóa	8,5	0,55	1,0	Nhỏ	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Cô Tô	Ngân sách	đầu tư công	Tốt	0	
C32	Tượng đài anh hùng liệt sĩ Hà Quang Vóc	Huyện Đầm Hà	2012	Đá xanh Thanh Hóa	9	0,8	15,5	Trung bình	Không có thông tin	Ngân sách	đầu tư công	Khá	10	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C33	Biểu tượng du lịch Trà Cỏ - Bình Ngọc thành phố Móng Cái	Thành phố Móng Cái	2012	Lõi BTCT ốp đá xanh Thanh Hóa	17	1,7	15,0	Trung bình	UBND TP Móng Cái	Ngân sách	đầu tư công	Khá	5	
C34	Cụm thông tin cổ động biên giới Sa Vĩ	Thành phố Móng Cái	2013	BTCT sơn màu xám và vành đai ốp tranh gốm	27	1,2	100,0	Lớn	Công ty TNHH Trí Lực	Ngân sách	đầu tư công	Tốt	3	
C35	Tượng đài nữ liệt sĩ Hoàng Thị Hồng Chiêm	Thành phố Móng Cái	1980	BTCT quét vôi trắng	3,4	0,001	2,2	Nhỏ	Trường THCS Bình Ngọc	Ngân sách	đầu tư công	Khá	0	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C36	Tượng đài Tổng Bí thư Trần Phú	Thành phố Móng Cái	2012	Tượng đá xanh Thanh Hóa	7,2	0,091	3,4	Nhỏ	Trường THPT Trần Phú	Ngoài ngân sách	Xã hội hóa	Tốt	0	
C37	Đài kỉ niệm thành lập chi bộ Đảng đầu tiên của Móng Cái	Thành phố Móng Cái	2014	BTCT ốp đá xanh Thanh Hóa	7,5	0,07	6,1	Nhỏ	UBND phường Hòa Lạc	Ngân sách	đầu tư công	Tốt	0	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính

STT	Tên tượng đài	Huyện, Thị	Năm hoàn thành	Vật liệu tượng đài	Chiều cao tượng đài	Diện tích Xây dựng (ha)	Vốn đầu tư XD ban đầu (Tỉ đồng)	Quy mô	Đơn vị quản lí, khai thác	Nguồn vốn đầu tư ban đầu	Hình thức đầu tư xây dựng ban đầu	Tình trạng khai thác sử dụng	Đánh giá mức độ hư hỏng (%)	Ghi chú
C38	Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ Pò Hèn	Thành phố Móng Cái	2011	BTCT ốp đá granite trắng	16	0,86	5,0	Nhỏ	UBND xã Hải Sơn	Ngoài ngân sách	Xã hội hóa	Tốt	0	
C39	Tranh hoành tráng cổ động biên giới cửa khẩu Hoành Mô	Huyện Bình Liêu	Không có thông tin	BTCT ốp gốm	20	0,01	11,6	Nhỏ	Không có thông tin	Ngân sách	đầu tư công	Trung Bình	0	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính

CÔNG TY TNHH MTV TÚ

## **7.2. Đánh giá hiện trạng xây dựng các tượng đài, tranh hoành tráng đã xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

Nội dung khảo sát đánh giá thực trạng các tượng đài, tranh hoành tráng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh bao gồm 2 phần: Phần thuyết minh (nằm trong tài liệu này) và phần bản vẽ kèm theo.

### **7.2.1. Thị xã Đông Triều**

#### **7.2.1.1. Cổng chào tỉnh Quảng Ninh**

##### **a. Thông tin chung**

- *Vị trí và thời gian xây dựng*

- Vị trí xây dựng: Nằm trên trục đường quốc lộ 18, tại điểm kết thúc địa phận tỉnh Hải Dương, bắt đầu địa phận tỉnh Quảng Ninh, thuộc địa bàn xã Bình Dương, huyện Đông Triều. Xung quanh hiện trạng là cánh đồng lúa.
- Thời gian xây dựng: Đang xây dựng, dự kiến hoàn thành công trình vào cuối năm 2016.

- *Chủ đề tượng đài*

Đây được coi là điểm đầu chào đón của tỉnh, là biểu tượng cho sự vững bền của tỉnh Quảng Ninh, mảnh đất tinh hoa hội tụ và lan tỏa.

- *Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng*

- Đơn vị thiết kế: Liên danh tư vấn VNCC – S design và cá nhân KTS. Salvador Perez (Tây Ban Nha).
- Chủ đầu tư: UBND Quảng Ninh – Công ty CP tập đoàn Hoàng Hà;
- Đơn vị quản lý: Phòng Văn hóa - Thông tin thị xã Đông Triều và Công ty CP Tập đoàn Hoàng Hà ;
- Nguồn vốn đầu tư: 10 tỉ đồng vốn ngân sách (dành để đền bù, giải phóng mặt bằng), số còn lại là nguồn vốn xã hội hóa của Công ty CP tập đoàn Hoàng Hà.
- Vốn đầu tư: 198 tỉ đồng.

##### **b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan**

- *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng: 0,2 ha;
- Chiều cao: 43m.

- *Hiện trạng cảnh quan*

Công trình có hình các khung thép tam giác (tượng trưng các ngọn núi) cao trên 30m đặt ngay trên trục đường quốc lộ, do vậy điểm nhìn chính tới công trình là dành cho người tham gia giao thông trên quốc lộ 18.

Phông nền: Công trình sử dụng nền trời làm phông nền.

Phần khuôn viên được thiết kế tượng trưng cho các ngọn sóng biển cho phép người tham quan có thể nghỉ chân, chụp ảnh lưu niệm.

- *Vật liệu*

- Vật liệu đế tượng đài: Không có;
- Vật liệu tượng đài: Thép;
- Sân nền: Chưa có thông tin.

- *Chiếu sáng*

Có hệ thống chiếu sáng ban đêm, có hệ thống đèn trang trí.

- *Chất lượng nghệ thuật tượng*

- Cách xây dựng hình tượng: Cách điệu hình ảnh những ngọn núi đá vôi trên Vịnh Hạ Long;
- Đánh giá chất lượng nghệ thuật: Khá.

- *Hiện trạng công trình*

Đang thi công.

- *Khai thác vận hành*

Đơn vị khai thác vận hành: Công ty CP Tập đoàn Hoàng Hà;

Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: Chưa đưa vào khai thác.

### ***c. Đánh giá của chuyên gia***

Cổng chào có khối tích hoành tráng, là một trong những cổng chào lớn nhất của Việt Nam. Tuy nhiên, trong tương lai các xe du lịch Hà Nội đi Quảng Ninh sẽ không đi qua quốc lộ 18 nữa do dự án cao tốc Hải Phòng – Quảng Ninh đang triển khai và sớm đưa vào sử dụng. Vì vậy, hiệu quả khai thác của công trình sẽ giảm sút đáng kể. Công trình bằng thép với khối tích lớn sẽ rất tốn kém trong công tác duy tu bảo dưỡng.

#### ***7.2.1.2. Tượng đài nữ tướng Lê Chân***

##### ***a. Thông tin chung***

- *Vị trí và thời gian xây dựng*

- Vị trí xây dựng: Chân núi Vền, làng Vền Cỏ, thôn An Biên, xã Thủy An, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- Thời gian xây dựng: Sau năm 1993, đền được nhân dân tôn tạo trên nền đền cũ, đến năm 2002 tượng nữ tướng Lê Chân được xây dựng trong khuôn viên mới của đền.
- Các mặt tiếp giáp:
  - + Phía Đông Bắc giáp ngõ;
  - + Phía Đông Nam giáp đường liên thôn;
  - + Phía Tây Nam giáp nhà dân;
  - + Phía Tây Bắc là núi núi Vèn.

- *Chủ đề tượng đài*

Vinh danh nữ tướng Lê Chân, vinh danh mảnh đất có công sinh thành nữ tướng Lê Chân (thôn An Biên, xã Thủy An, huyện Đông Triều).

- *Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng*

- Đối tượng sở hữu: Nhà nước;
- Chủ đầu tư: UBND thị xã Đông Triều;
- Đơn vị quản lí: Phòng Văn hóa - Thông tin thị xã Đông Triều và UBND xã Thủy An;
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách;
- Vốn đầu tư: Không có thông tin.

*b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan*

- *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng: Khuôn viên tượng đài nằm trong đền An Biên, có diện tích khoảng 120m<sup>2</sup>;
- Chiều cao: 5m (tượng: 2,5m, đế tượng: 2,5m).

- *Hiện trạng cảnh quan*

Tượng đài xây trong khuôn viên đền An Biên, không gian đặt tượng hạn chế về diện tích và tầm nhìn, không có khoảng lùi.

Phòng nền: Tường đá cao 1,8m và đằng sau là đôi cây trồng tự do.

Phần bục tam cấp đặt tượng diện tích nhỏ, sử dụng dây xích bảo vệ bằng inox.

- *Vật liệu*

- Vật liệu đế tượng: BTCT, sơn màu xanh dương;
- Vật liệu tượng: BTCT sơn nhũ vàng;
- Sân nền: Lát gạch lá nem.

- *Chiếu sáng*

Không có hệ thống chiếu sáng ban đêm, không có hệ thống đèn trang trí.

- *Chất lượng nghệ thuật*

- Cách xây dựng hình tượng: Tả thực;

- Đánh giá chất lượng nghệ thuật: Khá.

• *Hiện trạng công trình*

Bục và đế tượng có hiện tượng nứt chân chim, sơn bị phai màu bong tróc cục bộ. Khuôn viên sân gạch, bậc thang nhiều rêu mốc, nứt nẻ.

• *Khai thác vận hành*

Đơn vị khai thác vận hành: UBND xã Thủy An.

Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: **Trung bình.**

Lượng khách thăm quan ít, chủ yếu tượng đài được người dân đến thăm vào các dịp lễ hội kỉ niệm, các ngày rằm, mừng một hàng tháng.

c. *Đánh giá của chuyên gia*

Tượng đài chỉ giới hạn trong khuôn viên của một công trình (đền An Biên).

Việc cải tạo nâng cấp cần hướng đến tăng tầm nhìn đến tượng, tạo phong nền phù hợp để thể hiện sự tôn nghiêm của tượng đài. Ngoài ra cũng cần chú ý đến việc tăng mức độ ảnh hưởng về kiến trúc cảnh quan của khu vực đền An Biên nói chung và tượng đài Lê Chân nói riêng lên cảnh quan chung của khu vực.

**7.2.1.3. Cụm tượng đài Văn hóa thị xã Đông Triều**

a. *Thông tin chung*

• *Vị trí và thời gian xây dựng*

- Vị trí xây dựng: Nằm tại Quảng trường 8/6 - khu vực ngã 3 đường tránh giao giữa Quốc lộ 18 và đường Nguyễn Bình thuộc xã Hồng Phong, tiếp giáp xã Bình Dương.

- Các mặt tiếp giáp:

+ Phía Bắc giáp quốc lộ 18;

+ Phía Đông giáp vườn hoa và nhà thi đấu thị xã Đông Triều;

+ Phía Nam giáp đường Nguyễn Bình;

+ Phía Tây giáp Ngã 3 đường tránh.

- Thời gian xây dựng: Khởi công từ năm 2010 đến tháng 7/2014 hoàn thành.

• *Chủ đề tượng đài*

Thể hiện truyền thống lịch sử - văn hóa, tinh thần đấu tranh, xây dựng và bảo vệ đất nước của nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

• *Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng*

- Quy mô: Trung bình;

- Đối tượng sở hữu: Nhà nước;

- Chủ đầu tư: UBND thị xã Đông Triều;

- Đơn vị quản lí: Phòng Văn hóa - Thông tin thị xã Đông Triều và UBND xã Nguyên Bình;
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách;
- Vốn đầu tư: 25 tỉ đồng.

*b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan*

- *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng: Khoảng 1,9 ha;
- Chiều cao: Bộ tượng cao 1,5m chia 2 bậc, nhóm nhân vật, phần cột phù điêu cao 14,8m, tính từ mặt bệ.

- *Hiện trạng cảnh quan*

Tượng đài xây trong khuôn viên quảng trường 8/6. Phần nền được nâng cốt so với xung quanh khoảng 6m với 42 bậc thang. Khuôn viên kết hợp giữa sân gạch và ô cỏ trồng cây tán thấp.

Tượng đài không có phong nền, với thủ pháp đặt tượng trên cốt cao, tượng đài coi bầu trời chính là phong nền.

Phần nền quảng trường giật cốt nhiều đợt, lát gạch đất nung màu đỏ.

- *Vật liệu*

- Vật liệu đế tượng: Đá Thanh Hóa;
- Vật liệu tượng: Đá Thanh Hóa;
- Sân nền: Lát gạch lá nem.

- *Chiếu sáng*

Có hệ thống chiếu sáng ban đêm, đèn trang trí.

- *Chất lượng nghệ thuật*

- Cách xây dựng hình tượng: Trừu tượng kết hợp Tả thực;
- Đánh giá chất lượng nghệ thuật: Khá.

- *Hiện trạng công trình*

Sân gạch nứt vỡ cục bộ, nhiều khu vực bị lún rất rộng và đọng nước thành vũng. Có hiện tượng nứt bong tróc cục bộ phần đế tượng.

Phần cảnh quan chưa được đầu tư kĩ lưỡng, ví dụ như phần sân gạch, phần vườn hoa phía Đông tượng đài.

- *Khai thác vận hành*

Đơn vị khai thác vận hành: UBND huyện Đông Triều.

Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: **Khá**.

Nằm trên trục đường Quốc lộ 18, cụm biểu tượng thị xã Đông Triều gửi lời chào của thị xã Đông Triều đến tất cả những người có dịp đi qua đây. Khu

tượng đài còn là không gian sinh hoạt cộng đồng cho người dân khu vực lân cận, đặc biệt là vào buổi tối.

*c. Đánh giá của chuyên gia*

Tượng đài đóng góp một điểm nhấn tốt cho không gian đô thị của thị xã Đông Triều. Bố cục không gian cảnh quan, hướng và tầm nhìn được xử lý tốt.

Tuy nhiên, về quy hoạch cần giải tỏa khu đất ở góc Đông Nam của tượng đài để có một quy hoạch hoàn chỉnh, đảm bảo không gian mở rộng, tạo tổng thể cân đối, uy nghiêm, khắc phục ảnh hưởng bởi hình ảnh lộn xộn, rời rạc của các nhà dân lân cận.

Cần thiết kế, thi công lại các chi tiết sân vườn, làm lại nền để nâng cao chất lượng hoàn thiện của công trình. Bổ sung thùng rác và ghéng ở khuôn viên.

**7.2.1.4. Khu lưu niệm Bác Hồ xã Hồng Thái Tây**

*a. Thông tin chung*

• *Vị trí và thời gian xây dựng*

- Vị trí xây dựng: Nằm bên Quốc lộ 18 đoạn xã Hồng Thái Tây, phía tây nam trường THCS Hồng Thái Tây, đối diện với UBND xã Hồng Thái Tây.
- Các mặt tiếp giáp:
  - + Phía Bắc trường THCS Hồng Thái Tây;
  - + Phía Đông đường dẫn vào trường THCS Hồng Thái Tây;
  - + Phía Nam giáp đường quốc lộ 18;
  - + Phía Tây giáp cánh đồng ruộng.
- Thời gian xây dựng: 1979, đến nay đã được tu bổ nhiều lần.

• *Chủ đề tượng đài*

Ghi dấu sự kiện ngày 2 tháng 2 năm 1965 (tức mùng 1 Tết Ất Ty) Bác Hồ đã về thăm trường phổ thông cấp II, gặp gỡ và nói chuyện với nhân dân trong xã Phạm Hồng Thái (nay là xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều). Tại đây Bác đã căn dặn cán bộ và nhân dân địa phương phải khai phá đất hoang, trồng cây cho quê hương tươi đẹp và giàu có hơn. Khu di tích còn hai khu chính là: Dãy phòng học phía Bắc nơi Bác đã ăn cơm, nghỉ trưa và địa điểm Bác đứng gặp gỡ, nói chuyện với nhân dân trong xã.

• *Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng*

- Đối tượng sở hữu: Nhà Nước;
- Chủ đầu tư: Không có thông tin;



- Đơn vị quản lí: Phòng GD&ĐT thị xã Đông Triều và UBND xã Hồng Thái Tây;
- Nguồn vốn đầu tư: **Ngân sách**;
- Vốn đầu tư: Không có thông tin.

*b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan*

- *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng: Khoảng 0,25ha, diện tích nhà bia khoảng 20m<sup>2</sup>;
- Chiều cao: Nhà bia cao 5m, phần bia đá cao 1,5m.

- *Hiện trạng cảnh quan*

Công trình nằm trong khuôn viên có tường rào gạch cao 2m, phía giáp đường quốc lộ 18 là tường rào sắt.

Phông nền: Tổng thể công trình có bố cục hướng tâm không có phông nền, khuôn viên xung quanh là bãi cỏ và trồng cây tự do.

Phần sân nền lát gạch lá nem.

- *Vật liệu*

- Vật liệu nhà bia: Chân móng đá hộc, thân cột BTCT ốp đá granit, lan can đá granit;
- Vật liệu bia kỉ niệm: Đá;
- Sân nền: Lát gạch lá nem 400x400.

- *Chiếu sáng*

Có hệ thống chiếu sáng ban đêm cho khuôn viên, không có hệ thống đèn trang trí, đèn hắt sáng.

- *Chất lượng nghệ thuật*

- Cách xây dựng hình tượng: Dạng nhà bia kỉ niệm;
- Đánh giá chất lượng nghệ thuật: **Trung bình**.

- *Hiện trạng công trình*

Công trình được bảo dưỡng tốt, các chi tiết kiến trúc còn nguyên vẹn, chất lượng tốt.

- *Khai thác vận hành*

- Đơn vị khai thác vận hành: Phòng GD&ĐT thị xã Đông Triều.
- Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: **Khá**.

Nhà bia kỉ niệm là điểm đến không thể thiếu của chính quyền và nhân dân xã Hồng Thái Tây trong các dịp lễ, tết quan trọng. Nhà bia nằm trong khuôn viên có tường bao, tuy nhiên luôn mở cửa đón khách vào ban ngày giúp cho việc thăm viếng được thuận tiện dễ dàng.

*c. Đánh giá của chuyên gia*

Khu lưu niệm nằm trong khuôn viên khép kín, trên vị trí gắn kết với sự kiện lịch sử tại khu vực trung tâm hành chính của xã Hồng Thái Tây. Khu lưu niệm có tác dụng giáo dục, nhắc nhở đến lịch sử các thế hệ người dân địa phương đối với Bác Hồ. Tuy nhiên, Khu lưu niệm chỉ mang tính chất di tích lịch sử đơn thuần, không góp phần tạo dựng không gian sinh hoạt cộng đồng.

Chất lượng nghệ thuật, kiến trúc nhà bia của Khu lưu niệm không được đánh giá cao. Cảnh quan, phong nền, cây xanh chưa có thiết kế về cảnh quan.

Nên dịch chuyển vị trí tượng đài sang đối diện với UBND xã Hồng Thái Tây. Nên cân nhắc thay thế bia bằng tượng nhỏ bán thân. Mở rộng kiến trúc nhà bia hoặc bỏ mái và chuyển đổi không gian khép kín của khuôn viên hiện tại thành không gian mở.

#### *7.2.1.5. Bia chứng tích chiến tranh dưới chân cầu Cẩm*

##### *a. Thông tin chung*

- *Vị trí và thời gian xây dựng*

- Vị trí xây dựng: Nằm dưới chân Cầu Cẩm bắc qua sông Cẩm, nằm trên quốc lộ 18A thuộc địa phận phường Xuân Sơn, thị xã Đông Triều (Quảng Ninh)
- Các mặt tiếp giáp:
  - + Phía Bắc giáp quốc lộ 18;
  - + Phía Đông giáp Sông Cẩm;
  - + Phía Nam giáp đường giao thông;
  - + Phía Tây giáp khu vực bến thuyền.
- Thời gian xây dựng: Không có thông tin.

- *Chủ đề tượng đài*

*Đề tưởng nhớ và ghi ơn những người đã anh dũng hi sinh vào ngày 08/11/1965, ngày mà máy bay đế quốc Mỹ đã ném bom đánh phá cầu Cẩm và cơ sở sản xuất, khu dân cư giết hại hơn 80 người.*

- *Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng*

- Đối tượng sở hữu: Nhà Nước;
- Quy mô đầu tư: Nhỏ;
- Chủ đầu tư: Không có thông tin;
- Đơn vị quản lí: Phòng Văn hóa - Thông tin thị xã Đông Triều và UBND xã Xuân Sơn;
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách;
- Vốn đầu tư: Không có thông tin.

*b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan*

- *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng: Khoảng 50m<sup>2</sup>;
- Chiều cao: Đế bia 0,9m, phần bia kỉ niệm cao 1,3m.

- *Hiện trạng cảnh quan*

Ban đầu tấm Bia được dựng trên nền đá chắc chắn, mặt nền lát gạch, xung quanh trồng 4 cây tùng tháp và bãi cỏ xanh có đường bê tông tạo thành khuôn viên.

Hiện nay xung quanh, cỏ và cây dại mọc um tùm, chồm lên cả chân bia. Đặc biệt, con đường bê tông dẫn vào tấm bia bị người dân đổ đất đá, cùng với cỏ dại mọc che kín cả lối vào.

- *Vật liệu*

- Vật liệu đế bia: BTCT
- Vật liệu bia kỉ niệm: Đá xanh Thanh Hóa;
- Sân nền: Lát gạch đất nung;

- *Chiếu sáng*

Không có hệ thống chiếu sáng.

- *Chất lượng nghệ thuật*

- Cách xây dựng hình tượng: Bia kỉ niệm;
- Đánh giá chất lượng nghệ thuật: Trung bình.

- *Hiện trạng công trình*

- Có nhiều dấu hiệu hư hỏng cục bộ, bia đá và đế bia nhiều vết rạn nứt;
- Một số nét chữ đã bị phai mờ, phải đứng thật gần mới đọc được.

- *Khai thác vận hành*

- Đơn vị khai thác vận hành: UBND thị xã Đông Triều;
- Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: **Trung bình.**

*c. Đánh giá của chuyên gia*

Tấm bia có tác dụng vĩnh cửu hóa chiến tranh, bia được xây dựng tại địa điểm lịch sử nằm bên quốc lộ 18A, có vị trí dễ theo dõi.

Cần cải tạo, nâng cấp công trình, đặc biệt là phần cảnh quan để trở thành điểm cho mọi người đặc biệt là thế hệ trẻ đến tham quan, học tập tìm hiểu về lịch sử.

**7.2.1.6. Đài chiến thắng – kỉ niệm nơi bán rơi chiếc máy bay thứ 100 của Đế quốc Mỹ.**

*a. Thông tin chung*

- *Vị trí và thời gian xây dựng*

- Vị trí xây dựng: Nằm dưới chân Cầu Cầm bắc qua sông Cầm, nằm trên quốc lộ 18A thuộc địa phận phường Xuân Sơn, thị xã Đông Triều (Quảng Ninh).
- Các mặt tiếp giáp:
  - + Phía Bắc giáp quốc lộ 18;
  - + Phía Đông giáp bãi đất hoang;
  - + Phía Nam giáp bãi đất hoang;
  - + Phía Tây giáp bãi đất hoang.
- Thời gian xây dựng: Không có thông tin.
- *Chủ đề tượng đài*  
*Kỉ niệm nơi bắn rơi máy bay thứ 100 của đế quốc Mỹ trên bầu trời Quảng Ninh vào ngày 15 tháng 8 năm 1966.*
- *Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng*
  - Đối tượng sở hữu: Nhà Nước;
  - Quy mô đầu tư: Nhỏ;
  - Chủ đầu tư: Không có thông tin;
  - Đơn vị quản lí: Phòng Văn hóa - Thông tin thị xã Đông Triều và UBND xã Xuân Sơn;
  - Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách;
  - Vốn đầu tư: Không có thông tin.
- b. *Hiện trạng kiến trúc cảnh quan*
- *Quy mô tượng đài*
  - Diện tích đất xây dựng: Khoảng 100m<sup>2</sup>;
  - Chiều cao: Đế tượng 1,5m, tượng đài cao 6m.
- *Hiện trạng cảnh quan*  
*Hiện nay xung quanh, cỏ và cây dại mọc um tùm, chồm lên cả chân bia. Không có đường dẫn vào tượng đài, tượng nằm giữa bãi đất hoang.*
- *Vật liệu*
  - Vật liệu đế tượng: Gạch xây ốp ceramic đỏ;
  - Vật liệu tượng: BTCT trát granite hồng;
  - Sân nền: Đồ bê tông.
- *Chiếu sáng*  
Không có hệ thống chiếu sáng.
- *Chất lượng nghệ thuật*
  - Cách xây dựng hình tượng: Tả thực;
  - Đánh giá chất lượng nghệ thuật: Trung bình.

- *Hiện trạng công trình*
  - Có nhiều dấu hiệu hư hỏng cục bộ, tượng và đế tượng nhiều vết rạn nứt, gạch ốp vỡ nứt;
  - Một số nét chữ đã bị phai mờ, phải đứng thật gần mới đọc được.
- Khai thác vận hành
  - Đơn vị khai thác vận hành: Không có;
  - Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: **Trung bình.**
- c. *Đánh giá của chuyên gia*
  - Tượng đài có vị trí gần QL 18, tầm nhìn đến tượng đài khá tốt;
  - Hình thức tượng đài mang phong cách hiện đại, hình khối đơn giản, dựng lại hình ảnh lá cờ Tổ quốc;
  - Tuy nhiên tượng đài đã bị bỏ hoang lâu ngày, cảnh quan hoang phế, tượng đài đã hư hỏng xuống cấp.

#### 7.2.1.7. Đài Hoàng Đế lệnh chỉ - ghi dấu điểm khai thác than đầu tiên

##### a. Thông tin chung

- *Vị trí và thời gian xây dựng*
  - Vị trí xây dựng: Tại núi Yên Lãng, thuộc thôn Trại Hà, xã Yên Thọ, Đông Triều. Các mặt tiếp giáp:
    - + Phía Bắc giáp đồi núi;
    - + Phía Đông giáp nhà dân;
    - + Phía Nam giáp via 9 và Hồ Cầu Cuốn;
    - + Phía Tây giáp không gian cây xanh.
- *Thời gian xây dựng*: 2010.
- *Chủ đề tượng đài*

Đánh dấu sự kiện lịch sử: Ngày 10-1-1840 (tức ngày 6-12 năm Minh Mệnh thứ 20), vua Minh Mạng cho phép Tổng đốc hạt Hải Yên (vùng Quảng Ninh ngày nay) là Tôn Thất Bật, khai thác than đá ở Đông Triều. Vua Minh Mạng được tôn thờ là người có công khai sáng, là ông tổ của ngành khai thác than của Việt Nam. Địa điểm núi Yên Lãng thuộc thôn Trại Hà, xã Yên Thọ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh là nơi khai thác than đầu tiên.

- *Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng*
  - Quy mô đầu tư: Nhỏ;
  - Đối tượng sở hữu: Nhà nước;
  - Chủ đầu tư: Xí nghiệp Địa chất Đông Triều;
  - Vốn đầu tư: Không có thông tin;

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách;
- Đơn vị quản lí: Xí nghiệp Địa chất Đông Triều.

**b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan**

- Quy mô tượng đài
  - Diện tích đất xây dựng: Khoảng 1600m<sup>2</sup>;
  - Chiều cao: Đế tượng cao 1,5m; tượng đài cao khoảng 5m;
- Kiến trúc, cảnh quan.

Thuộc quần thể di tích, có hai khu, một khu có di tích Miếu Mỏ rộng 40ha và một khu có di tích đền Bà Chúa Kẽm, rộng 3,5ha; hai khu cách nhau khoảng hơn 1km. Núi Yên Lãng có các vỉa than V8, V9 và V10 có than lộ vỉa, khu vực này chỉ cần gạt một lớp đất đá mỏng trên mặt là hiện ra nguồn than.

- Vật liệu hoàn thiện
  - Vật liệu đế tượng: Đá xanh Thanh Hóa;
  - Vật liệu tượng: Đá xanh Thanh Hóa;
  - Sân: Ốp gạch;
- Chiều sáng
  - Có hệ thống chiếu sáng ban đêm, có hệ thống đèn hắt trang trí tượng.
- Chất lượng nghệ thuật tượng
  - Cách xây dựng hình tượng: Tả thực;
  - Chất lượng nghệ thuật: Khá.
- Hiện trạng thực tế công trình

Tình trạng công trình còn khá mới, tuy nhiên vẫn có một vài vết rạn nứt, gạch ốp vỡ nứt. Một số nét chữ đã bị phai mờ, phải đứng thật gần mới đọc được.

- Khai thác vận hành
  - Đơn vị khai thác vận hành: UBND xã Yên Thọ;
  - Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: **Trung bình.**

**c. Đánh giá của chuyên gia**

Tượng đài có vị trí thuộc quần thể di tích rộng, tầm nhìn đến tượng đài khá tốt. Hình thức tượng đài mang phong cách truyền thống, hình khối đơn giản, trang nghiêm. Tuy nhiên tượng đài đã có một số hạng mục bị xuống cấp cần được tu bổ, sửa chữa hàng năm.

**7.2.2. Thành phố Uông Bí**

**7.2.2.1. Biểu tượng thành phố Uông Bí**

**a. Thông tin chung**

- Vị trí và thời gian xây dựng

- Vị trí xây dựng: Nằm bên hồ Công viên, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí;
- + Phía Bắc giáp đường ven hồ;
- + Phía Đông giáp đường dẫn đồi diện sân vận động Trung tâm;
- + Phía Nam giáp đường ven hồ;
- + Phía Tây giáp sông Sinh (hồ Công Viên).
- Thời gian xây dựng: Khởi công năm 2014, hoàn thành năm 2015.

- *Chủ đề tượng đài*

Mô tả chủ đề thành phố quá khứ, hiện tại và tương lai gồm 3 phần chính: Phần đế của biểu tượng là mô phỏng con tàu chở thành phố Uông Bí vượt qua bão táp phong ba, sát cánh cùng nhân dân vươn lên trong quá trình hiện đại hoá, công nghiệp hoá; phần thân của biểu tượng là ngôi chùa Đòng (Yên Tử) cái nôi của thiền phái Trúc Lâm và bánh xe công nghiệp mô tả nơi hội tụ những điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội; phần trên cùng của biểu tượng thể hiện sức trẻ của thành phố hiện đại, lan tỏa.

- *Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng*

- Chủ đầu tư: UBND thành phố Uông Bí;
- Đơn vị quản lý: Phòng Văn hóa - Thông tin Thành phố Uông Bí và UBND phường Quang Trung;
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách;
- Vốn đầu tư: 19,4 tỉ đồng.

- b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan*

- *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng: 0,2 ha;
- Chiều cao: 32 m.

- *Hiện trạng cảnh quan*

Công trình xây dựng bên bờ sông Sinh (hồ Trung Tâm), phía trước tượng đài là trục đường nối thẳng ra sân vận động Trung tâm, phía sau là nhà Thủy Tạ. Quy hoạch mặt bằng theo hình tròn hướng tâm. Sân nền nâng cao 2,5m so với mặt đường, bậc tam cấp chia theo 4 hướng tiếp cận.

Phông nền: Công trình không có phông nền.

Phần khuôn viên được thiết kế nệ cỏ với tam cấp lan can đá, họa tiết nệ cỏ. Nhà thủy tạ với cầu gỗ sơn đỏ, tượng đài không có phông nền.

- *Vật liệu*

- Vật liệu đế tượng đài: BTCT, phun kẽm màu xám
- Vật liệu tượng đài: BTCT, phun kẽm màu xám

- Sân nền và tam cấp: Đá xanh Thanh Hóa

• *Chiếu sáng*

Có hệ thống chiếu sáng ban đêm và hệ thống đèn trang trí.

• *Chất lượng nghệ thuật tượng*

- Cách xây dựng hình tượng: Phong cách nệ thực; Khuôn viên theo phong cách nệ cổ.

- Đánh giá chất lượng nghệ thuật: Trung bình.

• *Hiện trạng công trình*

Chất lượng xây dựng tốt, công trình chưa bị hư hỏng gì.

Tuy nhiên, việc xử lí cốt, cao độ phần sân nền chưa tốt, có nhiều vị trí tại phía Bắc và phía Nam tượng đài cốt chênh so với mặt đường lên đến 60-70cm gây mất an toàn trong quá trình sử dụng.

Phần cảnh quan: Góc phía Đông Nam tượng đài có một số hàng quán tạm bợ, lợp tôn khung nhôm kính, màu sắc lộn xộn gây mất mỹ quan, phá vỡ tổng thể kiến trúc của tượng đài.

• *Khai thác vận hành*

- Đơn vị khai thác vận hành: Ủy ban nhân dân phường Quang Trung.

- Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: **Tốt.**

c. *Đánh giá của chuyên gia*

Tượng đài có khối tích và chiều cao khá lớn, tuy nhiên phong cách nghệ thuật còn mang lại tính nệ thực, chất lượng nghệ thuật chưa cao.

Phần sân nền xử lí chưa tốt: Một số vị trí bậc thang còn bị chênh cốt quá lớn gây mất an toàn khi sử dụng; phần sân nền phía sau tượng xây chênh vênh trên mặt hồ làm mất đi sự tôn nghiêm hoành tráng của tượng đài. Phong cách và vật liệu của tượng đài có độ vênh khá lớn với phần nhà Thủy Tạ phía sau tạo nên một tổng thể không đồng nhất.

Tượng đài được xây ở khu trung tâm thể thao văn hóa thành phố Uông Bí, khu vực bao gồm nhà hát, sân vận động, công viên nên rất phù hợp cho mục tiêu trở thành trung tâm sinh hoạt cộng đồng của nhân dân thành phố.

#### 7.2.2.2. *Tượng đài Hữu Nghị Việt-Xô*

a. *Thông tin chung*

• *Vị trí và thời gian xây dựng*

- Vị trí xây dựng: Nằm trong khuôn viên văn phòng công ty nhiệt điện Uông Bí, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí.

+ Phía Bắc giáp đường Quang Trung;

+ Phía Đông giáp bờ sông;



- + Phía Nam giáp khu dân cư;
- + Phía Tây giáp tòa nhà văn phòng và khu dân cư.
- Thời gian xây dựng: Không có thông tin.

- *Chủ đề tượng đài*

Tôn vinh tình hữu nghị giữa hai nước Việt Nam – Liên Xô. Nhắc nhớ về sự giúp đỡ của Liên Xô trong việc xây dựng nhà máy nhiệt điện Uông Bí năm 1961, nhà máy nhiệt điện lớn nhất miền Bắc vào thời điểm đó.

- *Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng*

- Quy mô đầu tư: Nhỏ;
- Đối tượng sở hữu: Doanh nghiệp;
- Chủ đầu tư: Không có thông tin;
- Đơn vị quản lí: Phòng Văn hóa - Thông tin Thành phố Uông Bí và Nhà máy nhiệt điện Uông Bí;
- Nguồn vốn đầu tư: Doanh nghiệp;
- Vốn đầu tư: Không có thông tin.

- b. *Hiện trạng kiến trúc cảnh quan*

- *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng: 0,4 ha;
- Chiều cao đế tượng: 5,5m;
- Chiều cao tượng: 5m.

- *Hiện trạng cảnh quan*

Tượng đài được xây trong khuôn viên văn phòng có tường rào bao quanh (mặt sau và hai mặt bên là tường rào gạch, mặt trước giáp đường Quang Trung tường rào hoa sắt).

Phông nền: Tượng đài không có phông nền.

- *Vật liệu*

- Vật liệu đế tượng đài: Bê tông cốt thép, ốp đá granit màu xanh đen mài bóng;
- Vật liệu tượng đài: Bê tông cốt thép, sơn nhũ vàng;
- Tam cấp: Đá granit màu xanh đen mài bóng.
- Sân nền: Lát gạch Terrazzo.

- *Chiếu sáng*

Có hệ thống chiếu sáng ban đêm, có hệ thống đèn trang trí sân vườn.

- *Chất lượng nghệ thuật tượng*

- Cách xây dựng hình tượng: Phong cách tả thực.
- Đánh giá chất lượng nghệ thuật: Khá.

- *Hiện trạng công trình*

Chất lượng xây dựng tốt, công trình chưa bị hư hỏng gì. Tuy nhiên, có một số điểm trên thân tượng bị rêu mốc.

Phần cảnh quan: Khuôn viên chưa được đầu tư kỹ lưỡng về cây xanh, thảm cỏ, cây trồng còn lộn xộn thiếu mỹ quan. Xung quanh khuôn viên, phía sau tường rào là dãy nhà dân 3-5 tầng (cao hơn tượng đài) với kiến trúc, chiều cao, màu sắc, vật liệu hoàn thiện không đồng nhất, gây ảnh hưởng lớn đến cảnh quan của khu vực tượng đài.

- *Khai thác vận hành*

Đơn vị khai thác vận hành: Nhà máy nhiệt điện Uông Bí;

Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: **Trung bình.**

*c. Đánh giá của chuyên gia*

Tượng đài có khối tích và chiều cao khá lớn, phong cách nghệ thuật có tính tả thực, chất lượng nghệ thuật khá.

Tuy nhiên, phần phong nền xử lý chưa tốt: Không có phong nền, cảnh quan xung quanh là các nhà dân xây dựng lộn xộn ảnh hưởng đến không gian nghiêm trang của tượng đài, cần có hướng xử lý che bớt các nhà dân này bằng hệ cây xanh đan dày. Dùng cây xanh che bớt các nhà kỹ thuật góc Tây Nam.

Phần sân nền, vườn hoa: Nên thiết kế lại cảnh quan, hệ thống cây xanh cho quy củ, bắt mắt hơn.

Tượng đài được xây trong khuôn viên khu văn phòng, khả năng tiếp cận giữa người dân và tượng đài rất hạn chế. Do vậy, nên phá bỏ tường rào sắt hướng Bắc, giáp đường Quang Trung để người dân có thể tiếp cận dễ dàng hơn, biến khu vực tượng đài thành công viên vườn hoa. Đồng thời, bổ sung tường rào ngăn cách giữa khu tượng đài và khu văn phòng để đảm bảo an ninh cho khu văn phòng.

### *7.2.2.3. Tượng đài Phật Hoàng Trần Nhân Tông*

*a. Thông tin chung*

- *Vị trí và thời gian xây dựng*

- Vị trí xây dựng: Nằm trong tuyến bộ hành đường đá tự nhiên, từ khu vực tượng đá An Kỳ Sinh lên chùa Đồng, khu di tích Yên Tử, xã Thượng Yên Công, thành Phố Uông Bí.

- Thời gian xây dựng: Khởi công năm 2009, khánh thành tháng 12/2013

- *Chủ đề tượng đài*

Nhằm tôn vinh công đức của Phật hoàng Trần Nhân Tông là vị vua thứ ba của nhà Trần, ở ngôi 15 năm và làm Thái Thượng hoàng 15 năm. Trần Nhân

Tông là vị Hoàng đế đã 2 lần trực tiếp cầm quân đánh tan quân xâm lược Nguyên Mông. Ông là người đã thành lập Thiên phái Trúc Lâm Yên Tử, lấy pháp hiệu là Đầu đà Hoàng giác Diệu ngự. Ông được sử sách ca ngợi là một trong những vị vua anh minh nhất trong lịch sử Việt Nam.

- *Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng*

- Quy mô đầu tư: Lớn;
- Đối tượng sở hữu: Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Quảng Ninh;
- Chủ đầu tư: Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Quảng Ninh;
- Nguồn vốn: Ngoài ngân sách;
- Vốn đầu tư: gần **80 tỷ đồng**;
- Đơn vị quản lí: Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Quảng Ninh.

- b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan*

- *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng: Khoảng 0,2ha;
- Chiều cao tượng: 12,6m; chiều cao đế tượng: hơn 3m và nặng hơn 130 tấn.

- *Hiện trạng cảnh quan*

- Tượng nằm trong khuôn viên rộng hơn 2000m trên độ cao gần 1000m quanh năm mây mù ẩm ướt.
- Tượng với tư thế ngồi thiền trên đài sen hai tay bắt quyết, ngài mặc áo của dòng tiểu thừa, eo thon, khuôn mặt hiền từ thoát tục. Bốn mặt bệ đá đặt tượng của ngài được chạm khắc hoa văn hoa cúc và hình ảnh con rồng thời Trần.

- *Vật liệu*

- Vật liệu tượng: Đồng đúc nguyên khối;
- Vật liệu đế tượng: BTCT ốp đá điêu khắc.

- *Chất lượng nghệ thuật tượng*

- Cách xây dựng hình tượng: Tả thực kết hợp với phong cách ước lệ của điêu khắc Phật giáo.
- Chất lượng nghệ thuật: Tốt.

- *Hiện trạng công trình*

Tượng đồng vẫn nguyên vẹn nhưng do vị trí trên núi cao quanh năm mây mù ẩm ướt nên khuôn viên và bề mặt ngoài của tượng bị ảnh hưởng khá nhiều của thời tiết.

- *Khai thác vận hành*

- Đơn vị khai thác vận hành: Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Quảng Ninh;
- Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: **Tốt**.

*c. Đánh giá của chuyên gia*

- Tượng nằm tại điểm dừng chân cuối cùng trên tuyến đường bộ hành lên chùa Đồng với khuôn viên rộng rãi để phật tử và du khách thoải mái nghỉ chân và thắp hương lễ bái.
- Tượng được đúc cân đối ở tư thế ngồi ở trạng thái tĩnh tại, ung dung thư thái. Rất phù hợp với bối cảnh và địa hình xung quanh.
- Đây là một bức tượng đẹp được thiết kế theo nguyên mẫu Phật hoàng được thờ trong tháp chùa Hoa Yên, diện hướng về bãi cọc Bạch Đằng, thể hiện sự thoát tục của Phật hoàng.
- Tuy nhiên cần đầu tư thêm về cảnh quan
- Do khí hậu ẩm ướt quanh năm nên cần duy trì bảo dưỡng định kì.

**7.2.2.4. Đài tưởng niệm Bác Hồ**

*a. Thông tin chung*

• *Vị trí và thời gian xây dựng*

- Vị trí xây dựng: Nằm gần khách sạn Thanh Lịch giáp mặt đường Trưng Vương thuộc phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí.
- Các mặt tiếp giáp:
  - + Phía Bắc là đường Trưng Vương;
  - + Phía Đông là khu dân cư;
  - + Phía Nam là không gian cây xanh;
  - + Phía Tây là đường Bến Dừa.
- Thời gian xây dựng: Không có thông tin.

• *Chủ đề tượng đài*

Đây là đài tưởng nhớ Bác Hồ, vị lãnh tụ muôn vàn kính yêu của dân tộc Việt Nam. Nơi đây ngày 2/2/1965 ( ngày mừng 1 tết Ất Tỵ ) Bác Hồ đã đến thăm thị xã Uông Bí lúc bảy giờ, Bác đã nói chuyện với quân và dân thị xã.

Bác căn dặn: “ Than và điện rất cần cho công nghiệp và nông nghiệp. Các cô các chú hãy ra sức làm cho nhiều, nhanh, tốt, rẻ...”

• *Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng*

- Quy mô đầu tư: Nhỏ;
- Đối tượng sở hữu: Nhà nước;
- Chủ đầu tư: Không có thông tin;
- Nguồn vốn cải tạo nâng cấp gần nhất: Xã hội hóa;
- Vốn đầu tư: Không có thông tin;

- Đơn vị quản lí: Phòng VH-TT thành phố Uông Bí, UBND phường Trung Vương.

**b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan**

- *Quy mô tượng đài*
  - Diện tích đất xây dựng: Khoảng 500m<sup>2</sup>;
  - Chiều cao đế tượng: Khoảng 0,5m;
  - Chiều cao tượng: Khoảng 5,5m;

*Hiện trạng cảnh quan*

Đài tưởng niệm mới được chỉnh trang cải tạo, cảnh quan phía trước là đường Trung Vương và khu vực dân cư, xung quanh là hệ thống cây xanh trang trí. Phía sau tượng đài là dãy nhà hai tầng sơn vàng.

- *Vật liệu*
  - Kết cấu chịu lực BTCT;
  - Hoàn thiện: ốp đá granite.
- *Chất lượng nghệ thuật tượng*
  - Cách xây dựng hình tượng: Phong cách biểu tượng;
  - Chất lượng nghệ thuật: Trung bình.
- *Hiện trạng công trình*
  - Tượng đài vừa mới được tu sửa còn nguyên mới, chất lượng xây dựng tốt.
  - Đã có hệ thống chiếu sáng cục bộ, tuy nhiên vẫn chưa có hệ thống đèn chiếu sáng trang trí
- *Khai thác vận hành*
  - Đơn vị khai thác vận hành: UBND phường Trung Vương
  - Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: **Tốt**.

**c. Đánh giá của chuyên gia**

- Chất lượng xây dựng tượng đài và cảnh quan công trình được đánh giá khá tốt. Tuy nhiên, chất lượng nghệ thuật tượng đài chỉ ở mức trung bình. Hình thức khá đơn điệu.
- Đề xuất trồng thêm một hàng cây phía sau che bớt ngôi nhà 2 tầng để làm phong nền cho tượng đài.

**7.2.3. Thị xã Quảng Yên**

**7.2.3.1. Bia kỉ niệm Bác Hồ về thăm Quảng Yên**

**a. Thông tin chung**

- *Vị trí và thời gian xây dựng*
  - Vị trí xây dựng: Nằm tại chân đồi thông đặc dụng thuộc rừng thông Yên Lập, phường Minh Thành, thị xã Quảng Yên.

- + Phía Bắc là đồi thông;
- + Phía Đông là đồi thông;
- + Phía Nam là lối vào giáp đường Vạn Triều;
- + Phía Tây là đồi thông;
- Thời gian xây dựng: 2003.

- *Chủ đề tượng đài*

Nhắc nhớ sự kiện Bác Hồ về thăm Quảng Ninh và dừng chân thăm gặp, nói chuyện với người dân xã Minh Thành, ngày 2 tháng 2 năm 1965 (tức mừng 1 Tết Ất Tỵ). Tại đây, người khen rừng thông đẹp và nhắc nhở việc trồng và bảo vệ rừng. Chỉ 1 năm sau khi được đón Bác về thăm, gần 1 vạn cây gồm thông và cây xanh các loại đã được trồng phủ xanh những diện tích đất trống, đồi trọc trên toàn xã. 5 năm sau đó, hàng chục nghìn cây thông đã được trồng. Đồi thông nơi Bác Hồ dừng chân đã thành một thắng cảnh đẹp, xanh mát.

- *Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng*

- Chủ đầu tư: UBND thị xã Quảng Yên;
- Đơn vị quản lí: Phòng Văn hóa - Thông tin thị xã Quảng Yên và UBND phường Minh Thành;
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách;
- Vốn đầu tư: Không có thông tin.

- b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan*

- *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng: 0,01 ha;
- Chiều cao nhà bia: 7m;
- Chiều cao bia: 2m.

- *Hiện trạng cảnh quan*

Công trình xây dựng tại chân đồi thông, phía trước là đường Vạn Triều. Lối vào nhà bia rộng khoảng 1,5m bằng gạch chỉ. Nhà bia xây theo kiểu cổ, vật liệu chịu lực là gỗ (cột gỗ, vì kèo gỗ), vật liệu hoàn thiện gồm nhiều loại: Đá Xanh Thanh Hóa, gạch men kính, gạch thẻ, gạch đất nung...

Phông nền: Tường đá rêu, đồi và rừng thông.

Phần khuôn viên được thiết kế nệ cổ với tam cấp lan can BTCT, con tiện họa tiết truyền thống.

- *Vật liệu*

- Tam cấp và sàn nhà bia: Bằng đá xanh Thanh Hóa;
- Chân móng nhà bia ốp gạch men kính màu đen và gạch thẻ màu đỏ;

- Mái nhà bia lợp ngói mũi hài, họa tiết trang trí đắp xi măng;
- Sân nền và thang dẫn: Gạch chỉ và gạch đất nung;
- Bia kỉ niệm: Đá xanh Thanh Hóa, sơn nhũ vàng và sơn đen.

- *Chiếu sáng*

Có hệ thống chiếu sáng ban đêm, không có hệ thống đèn trang trí.

- *Chất lượng nghệ thuật tượng*

- Cách xây dựng hình tượng: Phong cách truyền thống;
- Đánh giá chất lượng nghệ thuật: Khá.

- *Hiện trạng công trình*

Chất lượng xây dựng tốt, công trình chưa bị hư hỏng gì.

Phần cảnh quan: Phong nền của công trình là đồi và rừng thông lâu năm rất thu hút và ấn tượng.

- *Khai thác vận hành*

Đơn vị khai thác vận hành: Phòng Văn hóa - Thông tin và UBND phường Minh Thành.

Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: **Trung bình.**

*c. Đánh giá của chuyên gia*

Nhà bia nằm trong khuôn viên mở, trên sườn dốc một đồi thông lâu năm. Vị trí xây dựng gắn kết với sự kiện lịch sử. Nhà bia có tác dụng giáo dục, nhắc nhở lịch sử các thế hệ người dân địa phương. Tuy nhiên, vị trí nhà bia nằm ở khu thưa dân cư, lại không gắn kết với các hoạt động thăm quan, du lịch nên việc khai thác công trình còn hạn chế.

Chất lượng nghệ thuật, kiến trúc nhà bia được đánh giá khá tốt. Tuy nhiên, vật liệu hoàn thiện chấp vá, nhiều chủng loại, nên thay thế một số vật liệu hoàn thiện không thực sự phù hợp, như: Gạch men kính đen ốp chân móng, con tiện kiểu Pháp.

Cảnh quan, phong nền sẵn có là rừng thông lâu năm rất đẹp và ấn tượng.

Nên tổ chức kết hợp thăm quan du lịch đồi thông tại khu vực này để tăng hiệu quả khai thác sử dụng nhà bia. Có thể xây thêm bậc thang đi lên đồi và xây dựng thêm các điểm nghỉ chân và vui chơi giải trí tại khu vực này.

**7.2.3.2. Tượng đài anh hùng liệt sĩ Đỗ Thị Sinh (Minh Hà)**

*a. Thông tin chung*

- *Vị trí và thời gian xây dựng*

- Vị trí xây dựng: Khuôn viên trường THPT Minh Hà, xã Cẩm La, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;
- Thời gian xây dựng: Khởi công xây dựng 12/2013, khánh thành 13/4/2014.

- *Chủ đề tượng đài*

Anh hùng liệt sĩ Minh Hà tên thật là Đỗ thị Sinh, sinh năm 1925 quê quán xã Canh Nậu, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) đồng chí tham gia cách mạng 1941 đến tháng 4 năm 1947 đồng chí được phân công về Yên Hưng (nay là thị xã Quảng Yên) hoạt động, xây dựng cơ sở và lấy bí danh Minh Hà. Tháng 7 năm 1947, đồng chí bị giặc Pháp bắt, tra tấn dã man và đã anh dũng hi sinh. Tri ân tấm gương người cộng sản trung kiên, chi bộ Đảng đầu tiên của xã Phong Cốc (nay là phường Phong Cốc) được thành lập năm 1948 đã lấy tên là chi bộ Minh Hà. Năm học 1967-1968, trường cấp 3 Hà Nam được UBND tỉnh cho phép mang tên trường cấp 3 Minh Hà. Năm 2005 Chủ tịch nước đã truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho liệt sĩ Minh Hà.

Tượng đài anh hùng liệt sĩ Minh Hà thể hiện đạo lý “*uống nước nhớ nguồn*”, lòng tri ân sâu sắc đến các anh hùng liệt sĩ, đồng thời giáo dục truyền thống cách mạng cho các thế hệ trẻ và là nguồn động lực to lớn để tập thể, cán bộ trường THPT Minh Hà tiếp tục đoàn kết, nỗ lực phấn đấu xây dựng trường ngày càng vững mạnh..

- *Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng*
  - Tác giả: Nhà điêu khắc Khổng Đỗ Tuyên;
  - Cấp công trình: Cấp huyện;
  - Quy mô: Nhỏ;
  - Đối tượng sở hữu: Nhà nước;
  - Chủ đầu tư: Trường THPT Minh Hà;
  - Đơn vị quản lí: Phòng Văn hóa - Thông tin thị xã Quảng Yên và Trường THPT Minh Hà;
  - Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách và xã hội hóa;
  - Vốn đầu tư: 1,2 tỉ đồng.

**b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan**

- *Quy mô tượng đài*
  - Diện tích đất xây dựng: Tượng đài nằm trong khuôn viên sân trường, diện tích khu đặt tượng khoảng 40m<sup>2</sup>;
  - Chiều cao: 4m (tượng: 2,7m, đế tượng: 1,3m);
  - Phần sân nền tam cấp: 0,9m so với mặt sân trường.
- *Hiện trạng cảnh quan*

Tượng đài xây trong khuôn viên sân trường THPT Minh Hà.

Phông nền: 8 cây Hoàng Nam cao 6-7m trồng đan dày. Phía sau tượng là nhà hiệu bộ, phía trước tượng là sân trường.



Phần bục tam cấp đặt tượng diện tích khoảng 40m<sup>2</sup>, ốp lát đá granit đỏ Bình Định.

- *Vật liệu*
  - Vật liệu đế tượng: Đá trắng nguyên khối;
  - Vật liệu tượng: Đá trắng nguyên khối;
  - Sân nền: Đá granit đỏ Bình Định.

- *Chiếu sáng*

Không có hệ thống chiếu sáng ban đêm, không có hệ thống đèn trang trí.

- *Chất lượng nghệ thuật*

- Cách xây dựng hình tượng: Tả thực;
- Đánh giá chất lượng nghệ thuật: Tốt.

- *Hiện trạng công trình*

Công trình còn mới, chưa có hư hỏng, tuy nhiên một vài vị trí ốp đá chưa đều lộ mạch vữa quá lớn.

- *Khai thác vận hành*

Đơn vị khai thác vận hành: Trường THPT Minh Hà.

Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: **Tốt**.

Tượng đài đã hoàn thành mục tiêu giáo dục lịch sử, khơi dậy niềm tự hào về truyền thống đấu tranh anh dũng của cha anh đối với các thế hệ học sinh của trường. Tượng đài cũng đóng góp vào việc tạo dựng không gian trang nghiêm và thẩm mỹ cho nhà trường.

*c. Đánh giá của chuyên gia*

Do tính chất đặc thù, tượng đài bị giới hạn trong khuôn viên của trường THPT Minh Hà. Tuy nhiên, tượng đài đã tạo dựng không gian trang nghiêm và sinh động cho nhà trường. Tượng khắc đá theo phong cách chân thực, đường nét sắc sảo, chứa đựng âm hưởng của phong cách tạo hình Việt Nam. Hình tượng được xây dựng vừa nữ tính, vừa nghiêm trang, toát lên tinh thần của người cách mạng kiên trung Minh Hà.

Mặc dù đặt trong sân trường, nhưng tác giả đã xử lý phong nên rất hợp lý và hiệu quả bằng cách dùng 8 cây Hoàng Nam che phần sau tượng. Vật liệu tượng là đá Trắng nguyên khối nổi bật trên nền cây xanh, rất phù hợp và hài hòa với màu sắc chung của khuôn viên trường. Nhìn chung, tượng đài Minh Hà thành khá thành công về xây dựng hình tượng lẫn kiến trúc cảnh quan.

### **7.2.3.3. Tranh hoành tráng chiến thắng Bạch Đằng**

*a. Thông tin chung*

- *Vị trí và thời gian xây dựng*

- Vị trí xây dựng: Nằm bên đường Trần nhân Tông khu vực ngã rẽ sang Bến phà Rừng, phường Yên Giang, Thị xã Quảng Yên.
- Các mặt tiếp giáp:
  - + Phía Bắc là khu dân cư;
  - + Phía Đông là khu dân cư;
  - + Phía Nam là đường Trần Nhân Tông;
  - + Phía Tây là đường vào đền thờ Trần Hưng Đạo.

- Thời gian xây dựng: Không có thông tin

• *Chủ đề tượng đài*

Giống như một tấm bia cổ động quảng cáo trên đường vào đền thờ Trần Hưng Đạo. Bức tranh miêu tả lại một cách sinh động chiến thắng Bạch Đằng oanh liệt của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo tài tình của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn.

• *Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng*

- Quy mô: Nhỏ;
- Đối tượng sở hữu: Nhà nước;
- Chủ đầu tư: Không có thông tin
- Đơn vị quản lí: Phòng Văn hóa – Thông tin thị xã Quảng Yên và UBND xã Yên Giang.
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách;
- Vốn đầu tư: Không có thông tin

**b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan**

• *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng: Khoảng 40m<sup>2</sup>;
- Chiều cao: Khoảng 4,5m;
- Chiều dài: Khoảng 18m;

• *Hiện trạng cảnh quan*

- Tranh hoành tráng được xây dựng bên đường Trần Nhân Tông đoạn trước khúc cua rẽ vào đền thờ Trần Hưng Đạo.
- Nền tranh được xây bằng tường gạch vữa trát
- Hình vẽ sử dụng sơn tường ngoại thất.

• *Vật liệu*

- Tranh hoành tráng: Tường gạch vữa trát và sơn nhiều màu sắc.

• *Chiếu sáng*

- Không có hệ thống chiếu sáng ban đêm, không có hệ thống đèn trang trí.

• *Chất lượng nghệ thuật*

- Cách xây dựng hình tượng: Phong cách hiện đại;

- Đánh giá chất lượng nghệ thuật: Trung bình.
- *Hiện trạng công trình*
  - Tranh hoành tráng đã có một số hư hỏng cục bộ: Tường bị rêu mốc và nứt, màu sơn xuống cấp.
  - Cỏ dại mọc dưới chân tranh hoành tráng, rác thải vứt bừa bãi xung quanh.
  - Không có hệ thống chiếu sáng.
- *Khai thác vận hành*
  - Đơn vị khai thác vận hành: UBND xã Yên Giang.
  - Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: **Trung bình.**

#### c. *Đánh giá của chuyên gia*

Tranh hoành tráng có tác dụng giáo dục, nhắc nhở lịch sử. Tuy nhiên, vị trí tranh hoành tráng nằm ở ven đường ngoài khu vực Đền thờ nên khó gắn kết với các hoạt động thăm quan, du lịch do đó việc khai thác công trình còn hạn chế.

Chất lượng nghệ thuật, kiến trúc tranh hoành tráng được đánh giá khá tốt. Tuy nhiên, phần cảnh quan sân nền hầu như không có hậu cảnh, khoảng lùi so với đường giao thông.

### 7.2.4. Thành phố Hạ Long

#### 7.2.4.1. *Bia kỉ niệm Chiến thắng trận đầu*

##### a. *Thông tin chung*

- *Vị trí và thời gian xây dựng*
  - Vị trí xây dựng: Nằm tại vườn hoa ven bờ biển đường Hạ Long, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, gần chân cầu Bãi Cháy.
    - + Phía Bắc giáp đường Hạ Long;
    - + Phía Đông là vườn hoa;
    - + Phía Nam là bờ Vịnh Hạ Long;
    - + Phía Tây là vườn hoa.
  - Thời gian xây dựng: Khởi công 11/3/2015, khánh thành 26/4/2015.

- *Chủ đề tượng đài*

Năm 1964, Mỹ dựng lên sự kiện Vịnh Bắc Bộ, leo thang chiến tranh phá hoại ra miền bắc. Quân và dân Quảng Ninh đã anh dũng nêu cao tinh thần “*Quyết đánh - Quyết thắng*” của dân tộc ta, đem lại Chiến thắng trận đầu 5-8-1964. Trong hai ngày 2 và 5/8/1964, khi các tàu thuộc Khu tuần phòng 1, căn cứ hải quân Bãi Cháy phối hợp với Tiểu đoàn Phòng không 217 và lực lượng phòng không, tự vệ địa phương bắn rơi 2 máy bay Mỹ, bắt sống giặc lái là trung

úy An-vơ-rét, làm nên chiến thắng trận đầu oanh liệt của Hải quân nhân dân Việt Nam và quân dân Quảng Ninh.

Tượng đài thể hiện sự tri ân sâu sắc, tình cảm thiêng liêng, trân trọng những đóng góp của các thế hệ cha anh đi trước, đặc biệt là quân và dân tham gia sự kiện chiến thắng trận đầu tại khu vực Cửa Lục, phường Bãi Cháy, TP Hạ Long và những chiến công, thành tích trong lao động sản xuất của tập thể CB, CNVC, lực lượng tự vệ Bến phà Bãi Cháy.

- *Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng*
  - Chủ đầu tư: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Ninh;
  - Đơn vị quản lí: Phòng Văn hóa - Thông tin Thành phố Hạ Long và UBND phường Bãi Cháy;
  - Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách và đóng góp;
  - Vốn đầu tư: 2,9 tỉ đồng.

*b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan*

- *Quy mô tượng đài*
  - Diện tích đất xây dựng: 0,01 ha trong khuôn viên vườn hoa ven biển;
  - Chiều cao đế: 2m;
  - Chiều cao thân bia: 6,5m.
- *Hiện trạng cảnh quan*

Công trình xây dựng trong khuôn viên vườn hoa ven bờ biển Khu vực cửa Vịnh cửa lục, bãi cháy. Đây là khu vực có cảnh quan đẹp, đông khách du lịch, nhiều công trình dịch vụ, khách sạn cao cấp.

Phông nền: Tượng có bố cục hướng tâm, quay 4 hướng. Bia kỉ niệm đặt trên nền được tôn cao 1,4 so với xung quanh, có tam cấp đá 3 mặt, ta luy trồng cỏ. Phông nền là cảnh biển thơ mộng của Vịnh Hạ Long.

Phân khuôn viên là vườn hoa, bãi cỏ, đường dạo lát gạch xi măng.

- *Vật liệu*
  - Tam cấp và sân nền: Bằng đá xanh Thanh Hóa;
  - Bệ bia kỉ niệm: Ốp đá xanh Thanh Hóa;
  - Bia kỉ niệm: Làm bằng đá xanh Thanh Hóa ghép tấm;

- *Chiếu sáng*

Có hệ thống chiếu sáng ban đêm, có hệ thống đèn trang trí sân vườn.

- *Chất lượng nghệ thuật tượng*
  - Cách xây dựng hình tượng: Phong cách hiện đại;
  - Đánh giá chất lượng nghệ thuật: Khá.
- *Hiện trạng công trình*

- Chất lượng xây dựng tốt, công trình không thấy dấu hiệu hư hỏng;
- Phân cảnh quan: Phong nền của công trình tượng đài là cảnh quan khu vực cửa Vịnh Cửa Lục.
- *Khai thác vận hành*
  - Đơn vị khai thác vận hành: UBND phường Minh Thành;
  - Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: **Khá**;
  - Công trình đã tạo được điểm nhấn cho khu vực vườn hoa ven bờ Vịnh Cửa Lục, Bãi Cháy.

*c. Đánh giá của chuyên gia*

Bia chiến thắng có thiết kế 3 cánh, trên gắn cờ Đảng, cờ Tổ quốc và phù hiệu Hải quân Việt Nam. Bốn mặt bia được khắc nội dung (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) ghi dấu sự kiện trận đầu đánh Mỹ tại Cửa Lục ngày 5/8/1964 và ghi lại dấu tích bến phà Bãi Cháy, đơn vị ba lần được phong anh hùng.

Chất lượng nghệ thuật, kiến trúc bia được đánh giá hiện đại, hình khối đẹp khỏe khoắn, vật liệu đá bền vững và phù hợp với nội dung công trình.

Cảnh quan, phong nền sẵn có là cảnh đẹp thơ mộng của Vịnh Hạ Long.

Vị trí xây dựng đắc địa, là khu vực có nhiều công trình dịch vụ, khách sạn sang trọng, đông người dân và khách du lịch qua lại. Công trình góp một điểm nhấn đẹp, có ý nghĩa cho tuyến đường du lịch đẹp nhất của thành phố Hạ Long.

**7.2.4.2. Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ thành phố Hạ Long**

*a. Thông tin chung*

• *Vị trí và thời gian xây dựng*

- Vị trí xây dựng: Quảng trường Đài tưởng niệm Liệt sỹ, đường Lê Thánh Tông, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long.
  - + Phía Tây Bắc giáp đường Lê Thánh Tông;
  - + Phía Đông Bắc giáp cơ quan Tỉnh Đoàn Quảng Ninh;
  - + Phía Tây Nam giáp đường Cô Tiên (cạnh Thư viện tỉnh Quảng Ninh cũ);
  - + Phía Đông Nam giáp hồ Cô Tiên.
- Thời gian xây dựng: Năm 2000.

• *Chủ đề tượng đài*

Nhằm bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử, giáo dục truyền thống cho người dân Quảng Ninh về sự công hiến, hy sinh to lớn của các anh hùng liệt sỹ, những người con của đất Quảng Ninh trong công cuộc bảo vệ Quảng Ninh nói riêng và đất nước Việt Nam nói chung.

• *Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng*

- Tác giả: Nhà điêu khắc Lê Hiệp;
- Chủ đầu tư: UBND tỉnh Quảng Ninh;
- Đơn vị quản lí: Phòng Văn hóa - Thông tin Thành phố Hạ Long và UBND phường Bạch Đằng;
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách;
- Vốn đầu tư: Không có thông tin.

**b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan**

- *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng: 1,7ha;
- Chiều cao tượng đài: 15m;
- Chiều cao đế tượng: Gò đất khoảng 2m.

- *Hiện trạng cảnh quan*

Công trình xây dựng tại trung tâm khuôn viên quảng trường Đài tưởng niệm.

Phông nền: Tượng có bố cục hướng tâm, hình 3 cánh. Chỉ có một hướng tiếp cận từ phía đường Lê Thánh Tông. Phía sau tượng là hồ Cô Tiên và núi đá vôi.

Khuôn viên tượng đài được xây dựng với nhiều cột cao độ khác nhau. Cột thấp nhất là vườn hoa, bãi cỏ, đường dạo lát đá xanh Thanh Hóa. Các cột tiếp theo được cao thêm 1,35m mỗi cột. Tại vị trí đặt tượng đài có cột cao hơn mặt đường 4,1m, phía dưới có tầng hầm kĩ thuật, kết hợp trung bày. Đế tượng được đổ đất trồng cỏ, xung quanh vị trí đế tượng có hào nước.

Cây xanh quanh tượng đài thưa thớt, khá nhiều chậu cây đặt tạm.

- *Vật liệu*

- Tam cấp và sân nền: Đá granit đen Huế, đá granit đỏ Bình Định;
- Bệ bia kỉ niệm: Đất trồng cỏ;
- Bia kỉ niệm: BTCT sơn trắng, phần chân có lõi ốp gạch đất nung, điểm nhấn phía trên có quả cầu bằng đồng.

- *Chiếu sáng*

Có hệ thống chiếu sáng ban đêm, có hệ thống đèn trang trí sân vườn.

- *Chất lượng nghệ thuật tượng*

- Cách xây dựng hình tượng: Phong cách hiện đại;
- Đánh giá chất lượng nghệ thuật: Khá.

- *Hiện trạng công trình*

Chất lượng xây dựng khá, tuy nhiên có nhiều dấu hiệu hư hỏng cục bộ.

Các vị trí hư hỏng như: Bong tróc sơn thân tượng đài, thối mốc thân tượng đài, các bậc tam cấp cũng bị rêu mốc đọng nước, một số vị trí lan can inox bị móp méo, quả cầu đồng phía trên đã có vết gỉ xanh.

Công trình đang được cải tạo sửa chữa cục bộ.

- *Khai thác vận hành*

Đơn vị khai thác vận hành: Phòng Văn hóa Thông tin thành phố Hạ Long;

Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: **Tốt**.

- c. *Đánh giá của chuyên gia*

Đài tượng niệm Liệt sĩ thành phố Hạ Long có thiết kế 3 cánh màu trắng, trên trên có điểm nhấn là quả cầu bằng đồng. Phần chân tượng đài có lõi ốp gạch gốm màu da cam tương phản với màu trắng của tượng. Nhìn chung, chất lượng nghệ thuật, kiến trúc tượng đài được đánh giá hiện đại, hình khối đẹp khỏe khoắn.

Cảnh quan, phong nền là núi đá tự nhiên phù hợp, tôn thêm vẻ đẹp của tượng đài. Tuy nhiên, phần sân vườn, cây xanh còn chưa tương xứng, cần đầu tư thiết kế cải tạo để tăng giá trị thẩm mỹ cho tổng thể của công trình.

Vị trí xây dựng đắc địa, là khu vực trung tâm thành phố, đông người dân và khách du lịch qua lại. Công trình góp một điểm nhấn đẹp, có ý nghĩa cho tuyến đường trục chính của thành phố.

#### 7.2.4.3. *Tượng đài Đức Tổ thần y Lê Hữu Trác*

- a. *Thông tin chung*

- *Vị trí và thời gian xây dựng*

- Vị trí xây dựng: Nằm tại khuôn viên sân trước Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh, phố Tuệ Tĩnh, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh;

- Thời gian xây dựng: Khánh thành 12/2014.

- *Chủ đề tượng đài*

Là tượng đài tưởng nhớ công ơn Hải Thượng Lãn Ông – Lê Hữu Trác, người được xem là người đầu tiên đặt nền móng cho nền y học nước nhà, hay còn được gọi là Đức Tổ thần y của đông y Việt Nam. Ông là người đề cao y thuật Việt Nam, nhắc đến ông là người đời nhớ ngay đến câu nói “*dùng nam dược trị nam nhân*” (tức dùng thuốc nam trị bệnh cho người Nam). Ông đã sưu tầm và phát hiện thêm 300 vị thuốc nam, góp phần làm phong phú thêm kho thuốc quý của dân tộc, tổng hợp thêm 2854 phương thuốc chữa bệnh phổ biến cho nhân dân. Cuốn “*Hải thượng y tông tâm lĩnh*” gồm 28 tập và 66 quyển chất lọc tinh hoa của y học cổ truyền dân tộc. Được xem là những báu vật của nền y học nước nhà mà ông đã dốc bao tâm huyết để lại cho người đời.

- *Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng*

- Chủ đầu tư: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh;

- Đơn vị quản lý: Phòng Văn hóa - Thông tin Thành phố Hạ Long và Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh;
- Nguồn vốn đầu tư: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh;
- Vốn đầu tư: Không có thông tin.

**b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan**

- *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng: 40m<sup>2</sup> trong khuôn viên bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh;
- Chiều cao đế: 0,9m;
- Chiều cao tượng: 2,5m;
- Phù điêu phía sau: Cao 3,3m.

- *Cảnh quan*

Công trình xây dựng trong khuôn viên bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh, khuôn viên này hiện đang sử dụng là chỗ gửi xe cho người nhà và bệnh nhân.

Phông nền: Tượng quay về hướng Tây, phía cổng chính, phía sau là khu nhà A của bệnh viện. Một hàng cây trúc trồng trong chậu được đặt phía sau tượng nhằm tạo mảng xanh làm nền cho tượng đài.

Phần tam cấp ốp đá granit đen, sân lát gạch terrazzo màu đỏ.

- *Vật liệu*

- Tam cấp và sân nền: Ốp đá granit đen, sân lát gạch terrazzo màu đỏ;
- Đế tượng: Ốp đá Granit đỏ Bình Định;
- Tượng: Làm bằng đá xanh Thanh Hóa nguyên khối;
- Phù điêu: Làm bằng đá xanh Thanh Hóa khắc chìm.

- *Chiếu sáng*

Không có hệ thống chiếu sáng riêng mà chỉ sử dụng hệ thống chiếu sáng của khuôn viên bệnh viện.

- *Chất lượng nghệ thuật tượng*

- Cách xây dựng hình tượng: Phong cách tả thực;
- Đánh giá chất lượng nghệ thuật: Khá.

- *Hiện trạng công trình*

Chất lượng xây dựng khá, công trình không thấy dấu hiệu hư hỏng.

Phần cảnh quan: Tượng đặt trong khuôn viên bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. Do điều kiện mặt bằng trật trội, nên vị trí đặt tượng và cảnh quan xung quanh không tốt: Phông nền lộn xộn, phía trước khu vực đặt tượng dùng làm bãi gửi xe nên rất lộn xộn, thiếu mỹ quan.

- *Khai thác vận hành*



- Đơn vị khai thác vận hành: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh.
- Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: **Khá.**

Tượng đài có đặt bát hương và luôn có hoa tươi, đây phục vụ cho nhu cầu tâm linh của bệnh nhân và người nhà.

#### *c. Đánh giá của chuyên gia*

Tượng đài có chất lượng nghệ thuật khá, phong cách truyền thống, đường nét điêu khắc tượng khá chi tiết, phù điêu phía sau tượng có hình dáng truyền thống. Tuy nhiên, hình thức tượng không mới, chưa thực sự nổi bật.

Xây dựng tượng Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác trong khuôn viên bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh là hợp lý, tuy nhiên nên chọn vị trí trang trọng và tĩnh lặng hơn.

#### **7.2.4.4. Tượng đài anh hùng vũ trụ Ghéc-man Ti-Tốp**

##### *a. Thông tin chung*

- *Vị trí và thời gian xây dựng*

- Vị trí xây dựng: Nằm trên bãi biển đảo Titop, cạnh bến tàu thuộc Vịnh Hạ Long, thành phố Hạ Long.
- Thời gian xây dựng: Khánh thành 14/9/2015.

- *Chủ đề tượng đài*

Anh hùng vũ trụ Liên Xô Ghéc-man Ti-Tốp được thế giới biết đến là người điều khiển tàu vũ trụ Phương Đông II do Liên Xô phóng thành công vào vũ trụ sau 4 tháng tiếp theo chuyến bay thử nghiệm của nhà du hành vũ trụ Liên Xô Gagarin - người đầu tiên của thế giới bay vào vũ trụ trên con tàu Phương Đông I (ngày 12-4-1961). Chuyến bay thành công vào vũ trụ của ông là thành quả vĩ đại của Liên Xô trong nghiên cứu, chinh phục vũ trụ lúc bấy giờ. Ông là người đầu tiên trên thế giới chụp ảnh bề mặt trái đất, bầu trời, mặt trăng và tiến hành những thí nghiệm y sinh quan trọng từ vũ trụ, liên lạc bằng radio...

Nhận lời mời của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tháng 1/1962, ông đã sang thăm Việt Nam. Trong chuyến thăm này, ông có chuyến đi thăm Vịnh Hạ Long, đến một hòn đảo xinh đẹp ở vịnh Hạ Long và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt tên cho đảo là Ti Tốp.

Đây là công trình mang biểu tượng tình hữu nghị Việt - Nga và sẽ là một trong những công trình văn hóa, nghệ thuật và sản phẩm du lịch trên Vịnh Hạ Long. Công trình tượng đài Ti Tốp góp phần làm tôn thêm vẻ đẹp của đảo Titop, là điểm nhấn độc đáo của danh lam thắng cảnh này.

- *Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng*

- Tác giả tượng: Tác giả Lâm Quang Nói;

- Thi công: Công ty TNHH Mỹ thuật Thiên Kỳ;
- Chủ đầu tư: Phần Ngoại thất do BQL Vịnh Hạ Long làm chủ đầu tư;
- Đơn vị quản lý: Ban quản lý Vịnh Hạ Long;
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách;
- Vốn đầu tư: 7 tỉ đồng.

*b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan*

- *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng: 100m<sup>2</sup>;
- Chiều cao đế: 1m;
- Chiều cao tượng: Gần 4m;
- Bậc thềm: Cao 45cm so với mặt sân.

- *Hiện trạng cảnh quan*

Tượng bán thân, đặt trên bãi biển gần vách núi đá, mặt tượng hướng về phía biển, hướng Đông Nam. Lưng tượng dựa vào vách đá, lấy phong nền là vách đá dựng đứng.

- *Vật liệu*

- Bậc thềm: Ốp đá granit màu xám;
- Đế tượng: Ốp đá Granit màu xám;
- Tượng: Làm bằng đá xanh Thanh Hóa nguyên khối;
- Sân nền: Lát đá xanh Thanh Hóa.

- *Chiếu sáng*

- Không có hệ thống chiếu sáng.

- *Chất lượng nghệ thuật tượng*

- Cách xây dựng hình tượng: Phong cách tả thực;
- Đánh giá chất lượng nghệ thuật: Tốt.

- *Hiện trạng công trình*

Chất lượng xây dựng khá, công trình không thấy dấu hiệu hư hỏng.

Phần cảnh quan: Tượng đặt trên bờ biển, khu vực đặt tượng được lát đá xanh Thanh Hóa. Không có hệ thống đèn trang trí tạo thành một sân nhỏ cho khách du lịch nghỉ chân và chụp hình lưu niệm.

- *Khai thác vận hành*

Đơn vị khai thác vận hành: Ban quản lý Vịnh Hạ Long.

Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: **Tốt**.

Ngoài ý nghĩa tôn vinh nhà du hành vũ trụ Gherman Titov và tình hữu nghị Việt Nam – Liên Bang Nga, tượng đài là điểm nhấn thu hút khách du lịch đến thăm đảo Ti-Tốp nói riêng và Vịnh Hạ Long nói chung.

### c. *Đánh giá của chuyên gia*

Tượng đài có chất lượng nghệ thuật khá, phong cách tả thực, đường nét điêu khắc đẹp, khỏe khoắn. Tuy nhiên, xử lý phong nền khuôn viên tượng còn đơn sơ, thiếu cây xanh, thiếu đèn chiếu sáng.

Việc xây dựng tượng đài anh hùng Ghéc man Ti Tốp, trên đảo Ti Tốp không chỉ khắc ghi một sự kiện lịch sử trong mối quan hệ hữu nghị truyền thống và tốt đẹp của nhân dân 2 nước Việt Nam – Liên bang Nga, mà còn trở thành một công trình văn hóa hữu nghị trong lòng Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long.

#### 7.2.4.5. *Tượng đài đồng chí Vũ Văn Hiếu – phường Hà Tu*

##### a. *Thông tin chung*

###### • *Vị trí và thời gian xây dựng*

- Vị trí xây dựng: Nằm tại khuôn viên nhà văn hóa Công nhân Hà Tu, đường Minh Hà, phường Hà Tu, thành phố Hạ Long;
  - + Phía Đông Bắc là mặt chính nhà văn hóa Công nhân Hà Tu;
  - + Phía Đông Nam giáp đường nội bộ;
  - + Phía Tây Nam giáp đường Minh Hà;
  - + Phía Tây Bắc giáp đường nội bộ.
- Thời gian xây dựng: Tượng đài của đồng chí Vũ Văn Hiếu xây dựng lần thứ nhất vào năm 1990, bằng chất liệu xi măng và đặt tại sân một trường học ở khu vực Khe Cá, phường Hà Tu. Đợt trùng tu xây dựng lần thứ hai vào năm 1999, bằng chất liệu đá hoa cương trắng, bề thế hơn trước; vị trí đặt tượng tại sân Nhà văn hóa công nhân mỏ Hà Tu.

###### • *Chủ đề tượng đài*

Là tượng đài tưởng nhớ tới đồng chí Vũ Văn Hiếu (1907-1943), là bí thư đầu tiên của Đặc khu uỷ khu mỏ Quảng Ninh. Đồng chí còn được phân công phụ trách công tác vận động công nhân ở Hà Nội, liên lạc với các tổ chức Đảng ở một số tỉnh miền Bắc và miền Trung, giúp việc cho Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, phụ trách cơ quan Văn phòng Trung ương Đảng. Đồng chí hy sinh đầu năm 1943 tại nhà tù Côn Đảo khi bị đày ra đây lần thứ hai. Năm 2015, đồng chí Vũ Văn Hiếu được truy tặng danh hiệu Anh hùng LLVT nhân dân.

###### • *Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng*

- Tác giả: Nhà điêu khắc Mai Ngọc Trọng;
- Chủ đầu tư: Không có thông tin;
- Đơn vị quản lí: Phòng Văn hóa - Thông tin Thành phố Hạ Long và Nhà văn hóa Công nhân Hà Tu;

- Nguồn vốn đầu tư: Không có thông tin;
- Vốn đầu tư: Không có thông tin.

**b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan**

- *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng: 0,07 ha trong khuôn viên nhà văn hóa Công nhân Hà Tu;
- Chiều cao đế: 2,5m;
- Chiều cao đầu tượng: 0,9m.

- *Cảnh quan*

Công trình xây dựng trong khuôn viên nhà văn hóa Công nhân Hà Tu, có tường rào sắt bao quanh 3 hướng, trừ hướng Đông Bắc là mặt tiền nhà văn hóa.

Phông nền: Tượng quay về hướng Đông Nam, phía sau là bức phù điêu thể hiện công lao đóng góp của đồng chí Vũ Văn Hiếu trong cuộc đấu tranh giải phóng Đảng bộ nhân dân Quảng Ninh. Chính giữa bức phù điêu là biểu tượng búa liềm của Đảng.

Phần tam cấp ốp đá granit đen, sân lát gạch lá nem đỏ.

- *Vật liệu*

- Tam cấp và sân nền: Ốp đá granit đen;
- Đế tượng: Ốp đá Granit đen;
- Tượng: Làm bằng đá trắng nguyên khối, phần tóc tượng sơn nhũ vàng;
- Phù điêu: Làm bằng đất nung màu đỏ, nền phù điêu bằng BTCT sơn trắng.

- *Chiếu sáng*

- Không có hệ thống chiếu sáng ban đêm và hệ thống đèn trang trí.

- *Chất lượng nghệ thuật tượng*

- Cách xây dựng hình tượng: Phong cách tả thực;
- Đánh giá chất lượng nghệ thuật: Tốt.

- *Hiện trạng công trình*

Chất lượng xây dựng khá, công trình chưa hư hỏng nhưng phần đầu sơn nhũ tóc tượng đã có hiện tượng phai màu bong chóc.

Phần cảnh quan: Tượng đặt trong khuôn viên nhà văn hóa Công nhân Hà Tu, không gian cảnh quan được thiết kế đơn giản, nhỏ hẹp và yên tĩnh.

- *Khai thác vận hành*

- Đơn vị khai thác vận hành: Nhà văn hóa Công nhân Hà Tu;
- Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: **Trung bình.**

Hàng năm, vào các ngày kỉ niệm lớn trong năm Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ninh tổ chức thắp hương tưởng niệm tại tượng đài. Tuy nhiên, phần lớn thời gian khu vực tượng đài không có hoạt động gì.

### *c. Đánh giá của chuyên gia*

Tượng đài có chất lượng nghệ thuật tốt, đường nét điêu khắc tượng chi tiết, sắc sảo; phù điêu phía sau tượng có hình dáng và vật liệu độc đáo. Tuy nhiên việc sơn nhũ vàng cho tóc tượng là không thực sự cần thiết và không phù hợp.

Vị trí tượng đài nằm sâu trong khu dân cư, giao thông chật hẹp không thực sự phù hợp với tầm vóc của danh nhân. Việc tượng đài nằm trong khuôn viên của nhà văn hóa Công nhân Hà Tu cũng hạn chế khả năng tiếp cận của người dân với công trình. Hướng tượng đài nằm song song với đường giao thông chính (đường Minh Hà) cũng hạn chế tầm nhìn tới tượng đài.

### *7.2.4.6. Tượng đài đồng chí Vũ Văn Hiếu – phường Bạch Đằng*

#### *a. Thông tin chung*

##### *• Vị trí và thời gian xây dựng*

- Vị trí xây dựng: Nằm tại khuôn viên quảng trường liền kề với Quảng trường đài tưởng niệm liệt sĩ thành phố Hạ long, đường Lê Thánh Tông, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long.
- Vị trí khu đất:
  - + Phía Đông Bắc là quảng trường đài tưởng niệm liệt sĩ thành phố Hạ long;
  - + Phía Đông Nam giáp khu dân cư;
  - + Phía Tây Nam giáp đất dự án;
  - + Phía Tây Bắc giáp đường Lê Thánh Tông.
- Thời gian xây dựng: Năm 2016.

##### *• Chủ đề tượng đài*

Là tượng đài tưởng nhớ tới đồng chí Vũ Văn Hiếu (1907-1943), là bí thư đầu tiên của Đặc khu uỷ khu mỏ Quảng Ninh. Đồng chí còn được phân công phụ trách công tác vận động công nhân ở Hà Nội, liên lạc với các tổ chức Đảng ở một số tỉnh miền Bắc và miền Trung, giúp việc cho Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, phụ trách cơ quan Văn phòng Trung ương Đảng. Đồng chí hy sinh đầu năm 1943 tại nhà tù Côn Đảo khi bị đày ra đây lần thứ hai. Năm 2015, đồng chí Vũ Văn Hiếu được truy tặng danh hiệu Anh hùng LLVT nhân dân.

##### *• Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng*

- Quy mô đầu tư: Nhỏ.
- Đối tượng sở hữu: Nhà nước;

- Chủ đầu tư: Tập đoàn than khoáng sản TKV;
- Vốn đầu tư: 9 tỷ đồng;
- Nguồn vốn đầu tư: Ngoài ngân sách.
- Đơn vị quản lí: Phòng VH-TT tp.Hạ Long và UBND phường Bạch Đằng.

**b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan**

- *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng: 0,83 ha
- Chiều cao đế: 5m;
- Chiều cao đầu tượng: 1m.

- *Cảnh quan*

Nằm bên cạnh đường Lê Thánh Tông cùng nhiều công trình công cộng khác, cảnh quan được thiết kế theo phong cách hiện đại có nơi vui chơi và nghỉ ngơi cho người dân. Hai bên tượng đài là hai hòn than lớn.

- *Vật liệu*

- Tam cấp và sân nền: Ốp đá xanh;
- Vật liệu đế tượng: BTCT Ốp đá xanh;
- Vật liệu tượng: Đồng;  
Chất lượng nghệ thuật tượng
- Cách xây dựng hình tượng: Phong cách tả thực;
- Hình khối, tỉ lệ: Tốt
- Chất lượng điêu khắc: Tốt

- *Hiện trạng công trình*

- Công trình vừa được hoàn thành và đưa vào sử dụng vào cuối năm 2016.
- Có đầy đủ hệ thống chiếu sáng, hệ thống đèn trang trí.

- *Khai thác vận hành*

- Đơn vị khai thác vận hành: UBND phường Bạch Đằng
- Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: Tốt

**c. Đánh giá của chuyên gia**

Tượng đài có chất lượng nghệ thuật tốt, đường nét điêu khắc tượng chi tiết, sắc sảo; phù điêu phía sau tượng có hình dáng và vật liệu độc đáo. Tuy nhiên việc sơn nhũ vàng cho tóc tượng là không thực sự cần thiết và không phù hợp.

Vị trí tượng đài nằm sâu trong khu dân cư, giao thông chật hẹp không thực sự phù hợp với tầm vóc của danh nhân. Việc tượng đài nằm trong khuôn viên của nhà văn hóa Công nhân Hà Tu cũng hạn chế khả năng tiếp cận của người

dân với công trình. Hướng tượng đài nằm song song với đường giao thông chính (đường Minh Hà) cũng hạn chế tầm nhìn tới tượng đài.

#### 7.2.4.7. Tượng đài liệt sĩ thiếu niên Nguyễn Văn Thuộc

##### a. Thông tin chung

- Vị trí và thời gian xây dựng

- Vị trí xây dựng: Nằm tại khuôn viên sân trường PTCS Nguyễn Văn Thuộc, đường Hoàng Hoa Thám, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long.
- Thời gian xây dựng: 1982.

- Chủ đề tượng đài

Là tượng đài tưởng nhớ liệt sĩ thiếu niên Nguyễn Văn Thuộc, là thiếu niên người địa phương đã hy sinh trong cuộc chiến chống Pháp.

- Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng

- Tác giả tượng: Nhà điêu khắc Lý Xuân Trường;
- Chủ đầu tư: Không có thông tin;
- Đơn vị quản lí: Phòng Văn hóa - Thông tin Thành phố Hạ Long và Trường THCS Nguyễn Văn Thuộc;
- Nguồn vốn đầu tư: Không có thông tin;
- Vốn đầu tư: Không có thông tin.

##### b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan

- Quy mô tượng đài

- Diện tích đất xây dựng: 15m<sup>2</sup> trong khuôn viên trường THCS Nguyễn Văn Thuộc;
- Chiều cao đế: 3m;
- Chiều cao tượng: 2,7m;
- Bậc thềm: Cao 30cm so với mặt sân trường.

- Cảnh quan

Công trình xây dựng trong khuôn viên trường THCS Nguyễn Văn Thuộc, vị trí bên trái bục khán giả của sân trường.

Phông nền: Tượng quay về hướng Tây, hướng về phía cổng chính, phía sau là khu nhà hiệu bộ.

Phần bậc thềm ốp đá granit xám, sân trường lát gạch lá nem màu đỏ.

- Vật liệu

- Bậc thềm: Ốp đá granit màu xám;
- Đế tượng: Ốp đá Granit màu xám;
- Tượng: Làm bằng BTCT sơn màu trắng.

- Chiếu sáng

Không có hệ thống chiếu sáng riêng mà chỉ sử dụng hệ thống chiếu sáng của khuôn viên trường.

- *Chất lượng nghệ thuật tượng*
  - Cách xây dựng hình tượng: Phong cách tả thực;
  - Đánh giá chất lượng nghệ thuật: **Khá**.
- *Hiện trạng công trình*
  - Chất lượng xây dựng khá, công trình không thấy dấu hiệu hư hỏng.
  - Phân cảnh quan: Tượng đặt trong khuôn viên trường với mặt trước là sân tập trung, mặt sau là nhà hiệu bộ. Phần mặt đứng nhà hiệu bộ chính là phong nền của tượng đài.
- *Khai thác vận hành*
  - Đơn vị khai thác vận hành: Trường THCS Nguyễn Văn Thuộc.
  - Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: **Khá**.

Tượng đài đã hoàn thành mục tiêu giáo dục lịch sử, khơi dậy niềm tự hào về truyền thống đấu tranh anh dũng của cha anh đối với các thế hệ học sinh của trường. Tượng đài cũng đóng góp vào việc tạo dựng không gian trang nghiêm và thẩm mỹ cho nhà trường.

#### *c. Đánh giá của chuyên gia*

Tượng đài có chất lượng nghệ thuật khá, phong cách tả thực, đường nét điêu khắc tượng khá chi tiết. Cách xây dựng hình tượng nhân vật độc đáo, mang phong cách đặc trưng của Lý Xuân Trường.

Tuy nhiên, xử lý phong nền tượng chưa tốt, do không có phong nền riêng nên khu nhà hiệu bộ chính là phong nền của tượng đài. Tuy nhiên, mặt đứng nhà hiệu bộ tại vị trí đặt tượng đài có quá nhiều cửa gỗ kính, sơn xanh, bên cạnh là các pano khẩu hiệu, tranh ảnh nhiều màu (xanh, đỏ, kết hợp) khiến phong nền tượng đài lộn xộn, rối mắt, giảm giá trị thẩm mỹ của tượng đài.

#### **7.2.4.8. Tượng đài Bác Hồ với chiến sĩ biên phòng**

##### *a. Thông tin chung*

- *Vị trí và thời gian xây dựng*
  - Vị trí xây dựng: Nằm trong khuôn viên trụ sở Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Quảng Ninh, đường Vũ Văn Hiếu (quốc lộ 18), phường Hà Tu, thành phố Hạ Long;
  - Thời gian xây dựng: Khởi công 9/2013, khánh thành 03/11/2013.
- *Chủ đề tượng đài*

Tượng đài “*Bác Hồ với chiến sĩ Biên phòng*” thể hiện hình ảnh gần gũi, quan tâm của Bác Hồ với bộ đội Biên phòng và cũng là sự thể hiện sự quan tâm



của Đảng, Nhà nước đối với chiến sĩ Bộ đội Biên phòng luôn hết mình vì sự nghiệp bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia.

Tượng đài được làm theo mẫu chung, áp dụng cho các Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng cấp tỉnh trong cả nước.

- *Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng*
  - Tác giả tượng: Tác giả mẫu tượng Vũ Trọng Khôi;
  - Chủ đầu tư: Không có thông tin;
  - Đơn vị quản lý: Phòng Văn hóa - Thông tin Thành phố Hạ Long và Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Quảng Ninh;
  - Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách;
  - Vốn đầu tư: Không có thông tin.

*b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan*

- *Quy mô tượng đài*
  - Diện tích đất xây dựng: Khuôn viên rộng trên 3000m<sup>2</sup>;
  - Chiều cao đế: 3m;
  - Chiều cao tượng: Gần 1,9m.
- *Kiến trúc, cảnh quan*

Tượng bán thân, đặt trong khuôn viên sân trước của trụ sở. Công trình đặt trong khu vực ô cỏ rộng khoảng 400m<sup>2</sup>, giữa có bể nước hình tròn, Bệ tượng đặt trên đảo BTCT giữa bể nước. Phần đế tượng ốp đá granite màu xám, thân tượng làm bằng đá nguyên khối.

Tượng đài được làm theo mẫu chung, áp dụng cho các Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng cấp tỉnh trong cả nước, thể hiện hình tượng Bác Hồ đang dặn dò một chiến sĩ biên phòng.

- *Vật liệu*
  - Bậc thềm: BTCT lát gạch lá nem đỏ;
  - Đế tượng: Ốp đá Granit màu xám;
  - Tượng: Làm bằng đá xanh Thanh Hóa nguyên khối.
- *Chiếu sáng*
  - Có hệ thống chiếu sáng và chiếu sáng trang trí.
- *Chất lượng nghệ thuật tượng*
  - Cách xây dựng hình tượng: Phong cách tả thực;
  - Đánh giá chất lượng nghệ thuật: Khá;
  - Tượng làm theo mẫu sản xuất hàng loạt.
- *Hiện trạng công trình*
  - Chất lượng xây dựng Tốt, công trình không thấy dấu hiệu hư hỏng.

- *Khai thác vận hành*

- Đơn vị khai thác vận hành: Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh Quảng Ninh.

- Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: Khá.

Tượng chủ yếu phục vụ cho việc tuyên truyền giáo dục trong nội bộ đơn vị Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh Quảng Ninh. Góp phần tạo dựng cảnh quan trang nghiêm cho trụ sở.

- c. *Đánh giá của chuyên gia*

Tượng đài có chất lượng nghệ thuật khá, phong cách tả thực, khỏe khoắn.

Tuy nhiên, tượng đài chỉ mang tính chất phục vụ nội bộ cơ quan và làm theo mẫu hàng loạt.

#### **7.2.4.9. Cột đồng hồ thành phố Hạ Long**

- a. *Thông tin chung*

- *Vị trí và thời gian xây dựng*

- Vị trí xây dựng: Đảo giao thông ngã 5 giữa các tuyến đường Trần Hưng Đạo, Lê Thánh Tông và đường 25/4, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long.

- Thời gian xây dựng: khởi công ngày 08 tháng 9 năm 2016. Dự kiến hoàn thành trong 120 ngày.

- *Chủ đề tượng đài*

- Cột đồng hồ biểu tượng cho sự phát triển và thịnh vượng của thành phố.

- *Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng*

- Quy mô đầu tư: Lớn;

- Đối tượng sở hữu: Nhà nước;

- Nguồn vốn: Ngân sách;

- Chủ đầu tư: UBND thành phố Hạ Long;

- Vốn đầu tư: 51 tỉ đồng;

- Đơn vị quản lý: Phong VH-TH tp Hạ Long UBND phường Bạch Đằng.

- b. *Hiện trạng kiến trúc cảnh quan*

- *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng: Khoảng 0,2ha;

- Chiều cao biểu tượng: 34m.

- *Kiến trúc, cảnh quan*

Công trình Cột đồng hồ được lấy ý tưởng từ quá trình hình thành than đá của vùng than Quảng Ninh. Vật liệu bên ngoài bằng kính, với màu vàng chủ đạo. Công trình cao 34 mét, dưới chân cột là hồ nước. Cột đồng hồ sẽ

gắn hệ thống đồng hồ điện tử, chỉ thời gian của Việt Nam và một số nước đại diện cho các châu lục trên thế giới.

- *Vật liệu*
  - Khung thép bọc kính.
- *Chất lượng nghệ thuật tượng*
  - Cách xây dựng hình tượng: Phong cách hiện đại;
  - Chất lượng nghệ thuật: Khá
- *Hiện trạng công trình*
  - Đang xây dựng.
- *Khai thác vận hành*
  - Đơn vị khai thác vận hành: UBND phường Bạch Đằng;
  - Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: Chưa đưa vào sử dụng.

*c. Đánh giá của chuyên gia*

- Hình khối hiện đại chắc khỏe, hài hòa về chiều cao, góc nhìn, màu sắc trong không gian đô thị trung tâm thành phố.
- Công trình đã đảm bảo công năng về xác định hướng, tầm nhìn trong hoạt động giao thông, đô thị; đồng bộ với không gian đi bộ, dừng chân.
- Công trình được xây dựng sẽ trở thành 1 điểm nhấn đẹp, có tính chất định hướng cho không gian đô thị. Với hình thức kiến trúc hiện đại, kết hợp ánh sáng hứa hẹn sẽ là một công trình đẹp cho thành phố Hạ Long.

**7.2.4.10. Biểu tượng hữu nghị Việt Nam – Nhật Bản xây dựng cầu Bãi Cháy**

*a. Thông tin chung*

- *Vị trí và thời gian xây dựng*
  - Vị trí xây dựng: Là một cặp biểu tượng đặt đều hai bên lề đường dẫn của Cầu Bãi Cháy, phường Bãi Cháy thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh;
  - Thời gian xây dựng: Không có thông tin.
- *Chủ đề tượng đài*

Cầu Bãi Cháy do Viện Cầu và Kết cấu Nhật Bản thiết kế, được xây dựng bằng nguồn vốn ODA đặc biệt của Chính phủ Nhật Bản và một phần vốn đối ứng trong nước, với tổng vốn đầu tư 2.140 tỷ đồng. Cầu Bãi Cháy được khởi công xây dựng ngày 18-5-2003 do liên danh nhà thầu Shimizu Sumitomo Mitsui và một số nhà thầu phụ trong nước thi công.

Biểu tượng đặt trên cầu Bãi Cháy thể hiện cho tình hữu nghị Việt Nam - Nhật Bản, là lời cảm ơn sự giúp đỡ của Nhật Bản đối với Việt Nam nói chung và với Quảng Ninh nói riêng.

- *Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng*

- Quy mô đầu tư: Nhỏ;
- Đối tượng sở hữu: Nhà nước
- Nguồn vốn: Ngân sách;
- Chủ đầu tư: UBND thành phố Hạ Long;
- Vốn đầu tư: Không có thông tin;
- Đơn vị quản lí: UBND thành phố Hạ Long.

**b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan**

- *Quy mô tượng đài*
  - Diện tích đất xây dựng: Khoảng 20m<sup>2</sup> mỗi bên;
  - Chiều cao biểu tượng: 3m.
- *Kiến trúc, cảnh quan*

Biểu tượng được đặt đều hai bên lề đường dẫn của phía bên Bãi Cháy, trên một thảm cỏ, phía dưới là sân nền ốp đá granite màu xám, xung quanh là không gian nhìn ra biển. Biểu tượng đặt ngoài rào chắn an toàn của đường giao thông, chỉ có thể tiếp cận bằng đường thang máy từ dưới chân cầu.

- *Vật liệu*
  - Vật liệu: BTCT hoàn thiện ốp gạch granite màu đỏ.
- *Chất lượng nghệ thuật tượng*
  - Cách xây dựng hình tượng: Biểu tượng;
  - Chất lượng nghệ thuật: Trung bình.
- *Hiện trạng công trình*
  - Công trình trong tình trạng khá tốt, không có hư hỏng nhiều.
  - Tuy nhiên vẫn có một số vị trí bị rêu mốc và bong tróc sơn, bảng tên bị mờ.
- *Khai thác vận hành*
  - Đơn vị khai thác vận hành: UBND phường Bãi Cháy, phòng VH - TT thành phố Hạ Long
  - Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: **Trung bình.**

**c. Đánh giá của chuyên gia**

- Hình khối hiện đại chắc khỏe
- Chiều cao tượng chưa hợp lý vì đây là khu vực có giao thông với tốc độ cao nên chỉ có thể ngắm nhìn biểu tượng từ xa để tránh ảnh hưởng đến giao thông, tuy nhiên chiều cao tượng chỉ có 3m với khối tích nhỏ khiến cho tầm quan sát từ xa rất hạn chế. Bên cạnh đó biểu tượng khá sẫm màu (đá granit đỏ sẫm) nên giảm khả năng nhận biết từ xa.

- Vị trí khu đất nằm ngoài rào chắn đường nên khả năng tiếp cận hạn chế. Nhìn chung, về hình thức chỉ đạt yêu cầu là một bia lưu niệm, chưa thực sự xứng tầm là một biểu tượng hữu nghị.

## **7.2.5. Thành phố Cẩm Phả**

### **7.2.5.1. Tượng đài Vinh quang thợ mỏ Thống Nhất**

#### **a. Thông tin chung**

- **Vị trí và thời gian xây dựng**

- Vị trí xây dựng: Trong khuôn viên trụ sở Công ty than Thống Nhất-TKV, đường Lê Thanh Nghị, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả;
- Thời gian xây dựng: Khánh thành 20/04/2010.

- **Chủ đề tượng đài**

Vinh danh các thế hệ thợ mỏ Công ty than Thống Nhất.

- **Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng**

- Chủ đầu tư: Công ty than Thống Nhất -TKV;
- Đơn vị quản lý: Phòng Văn hóa - Thông tin Thành phố Cẩm Phả và Công ty than Thống Nhất -TKV;
- Nguồn vốn đầu tư: Xã hội hóa (Công ty than Thống Nhất –TKV và đóng góp của các công ty đối tác);
- Vốn đầu tư: Không có thông tin.

#### **b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan**

- Quy mô tượng đài
- Diện tích đất xây dựng: Khoảng 200m<sup>2</sup>;
- Đế tượng cao: Khoảng 1,5m;
- Thân tượng cao: Khoảng 2,5m;
- Bục tam cấp cao 75cm so với mặt sân.

- **Kiến trúc, cảnh quan**

Tượng có chất liệu bằng đồng, đế BTCT ốp đá granite đen, bục tam cấp ốp đá granit đen. Xung quanh bục tam cấp có rào xích bằng inox.

Tượng đài đặt tại một góc trong khuôn viên sân trước khu văn phòng Công ty than Thống Nhất – TKV, mặt trước có bục tam cấp, phía sau trồng rào cây cao 2,5m làm phong nền. Khu vực sân đặt tượng đài hiện đang dùng làm bãi để xe cho khu văn phòng.

- **Vật liệu**

- Bục Tam cấp: Bằng đá granit đen;
- Đế tượng: BTCT ốp đá granit đen;
- Thân tượng: Bằng đồng;

- Sân nền: Rải nhựa.

- *Chiếu sáng*

Có hệ thống chiếu sáng ban đêm, có hệ thống đèn hắt trang trí tượng.

- *Chất lượng nghệ thuật tượng*

- Cách xây dựng hình tượng: Phong cách tả thực;

- Đánh giá chất lượng nghệ thuật: Khá.

- *Hiện trạng công trình*

Chất lượng xây dựng tốt. Công trình được sử dụng và bảo quản tốt, không có biểu hiện hư hỏng.

- *Khai thác vận hành*

- Đơn vị khai thác vận hành: Công ty than Thống Nhất;

- Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: **Trung bình**;

- Công trình chỉ mang tính chất nội bộ công ty.

*c. Đánh giá của chuyên gia*

Công trình được đầu tư khá tốt, hình khối trang nghiêm, tượng có chất lượng nghệ thuật tốt.

Tuy nhiên, công trình mang tính chất nội bộ và chỉ đóng góp cho việc tạo dựng không gian ngoại thất của trụ sở Công ty than Thống Nhất-TKV.

#### *7.2.5.2. Tượng đài Vinh quang thợ mỏ Việt Nam*

*a. Thông tin chung*

- *Vị trí và thời gian xây dựng*

- Vị trí xây dựng: Trong khuôn viên Quảng trường 12 tháng 11, đường Trần Phú, phường Cẩm Tây, thành phố Cẩm Phả.

- Các mặt tiếp giáp:

+ Phía Bắc giáp đường Nguyễn Du;

+ Phía Nam giáp đường Trần Phú;

+ Phía Đông giáp đường 12/11;

+ Phía Tây giáp đường nội bộ.

- Thời gian xây dựng: Khánh thành 20/04/2010.

- *Chủ đề tượng đài*

Thành phố Cẩm Phả đã có bước phát triển toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, diện mạo đô thị có nhiều khởi sắc, đời sống nhân dân ngày càng được nâng lên. Với vai trò là thành phố công nghiệp, cảng biển của tỉnh, Thành phố Cẩm Phả đã tập trung phát triển dịch vụ - du lịch; cảng biển nước sâu và hạ tầng kết nối trong chuỗi đô thị kinh tế Hạ Long - Cẩm Phả - Vân Đồn.

Chặng đường phát triển của thành phố Cẩm Phả ngày nay gắn liền với chặng đường 60 năm đấu tranh, xây dựng và trưởng thành của Vùng mỏ kể từ ngày Giải phóng, ngày 25/4/1955. Trải qua những năm tháng thăng trầm của lịch sử, các thế hệ những Thợ mỏ đã góp phần xây dựng Cẩm Phả vươn lên mạnh mẽ, trở thành thành phố đô thị loại 2, phát triển năng động và đầy triển vọng.

Tượng đài Vinh quang thợ mỏ Việt Nam được xây dựng nhằm ghi nhớ những công lao đóng góp to lớn của các thế hệ thợ Mỏ đã góp phần xây dựng thành phố Cẩm Phả nói riêng và đất nước Việt Nam nói chung.

- *Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng*

- Tác giả: Nhà điêu khắc Phạm Sinh;
- Chủ đầu tư: Tập đoàn Công nghiệp Than khoáng sản Việt Nam -TKV;
- Đơn vị quản lí: Phòng Văn hóa - Thông tin Thành phố Cẩm Phả và Tập đoàn Công nghiệp Than khoáng sản Việt Nam -TKV;
- Nguồn vốn đầu tư: Xã hội hóa (Tập đoàn Công nghiệp Than khoáng sản Việt Nam –TKV);
- Vốn đầu tư: 34 tỉ đồng.

- b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan*

- *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng: Diện tích quảng trường 3,4 ha;
- Đế tượng cao: 8,3m;
- Thân tượng cao: 7,2m.

- *Kiến trúc, cảnh quan*

Tượng đài Vinh quang thợ mỏ Việt Nam được sáng tác theo lối tả thực, “trong đó nhóm tượng với 3 nhân vật có vóc dáng cao lớn, khoẻ mạnh, gương mặt ngẩng cao thể hiện rõ sự phấn khởi, hồ hởi sau những giờ làm việc và toát lên một niềm tin hướng về tương lai. Trang phục, vật dụng các nhân vật mang theo người như khoan, cuốc... cùng những vĩa than ẩn hiện phía sau, bên dưới tượng thể hiện rõ đặc trưng nghề mỏ. Tượng nam dẫn đầu đại diện cho lớp thợ mỏ được trang bị những kiến thức hiện đại, do vậy phong cách chững chạc, điềm đạm, vô cùng tự tin, thể hiện rõ tinh thần xung kích. Nhân vật thứ hai là người thợ với cánh áo mở rộng khoe bộ ngực trần vạm vỡ thể hiện sức mạnh và nhiệt huyết nóng bỏng của lớp thợ trẻ. Nhân vật nữ duy nhất của nhóm tượng đại diện cho các chị em có mặt trên nhiều lĩnh vực sản xuất kinh doanh của

ngành Than hôm nay. Nét mềm mại, tự nhiên thiên phú của giới nữ cũng khiến nhóm tượng sinh động hẳn lên”<sup>52</sup>.

Tượng đài được đặt ở phía Bắc, trên trục đối xứng Bắc Nam của Quảng trường. Tượng đài đặt trên bục tam cấp cao 3m so với mặt sân quảng trường. 2 bên tượng đài đặt 2 tấm khẩu hiệu màu đỏ chữ vàng. Phía sau tượng đài không có phong nền che chắn.

- *Vật liệu*
  - Bục Tam cấp: Bằng đá granit xanh Thanh Hóa;
  - Đế tượng: BTCT ốp đá granit xanh Thanh Hóa;
  - Thân tượng: Bằng đá granit xanh Thanh Hóa;
  - Sân nền: Lát gạch xi măng (nhiều màu sắc).
- *Chiếu sáng*
  - Có hệ thống chiếu sáng ban đêm, có hệ thống đèn hắt trang trí tượng.
- *Chất lượng nghệ thuật tượng*
  - Cách xây dựng hình tượng: Phong cách tả thực;
  - Đánh giá chất lượng nghệ thuật: Tốt.
- *Hiện trạng công trình*

Chất lượng xây dựng khá. Công trình đã xuất hiện một số hư hỏng cục bộ: Đế tượng có biểu hiện thấm nước gây rêu mốc; bục tam cấp bị thấm, đọng nước, một số đèn chiếu sáng âm sàn bị vỡ hỏng, sân quảng trường gạch lát chia mảng loang lổ vật liệu không đồng nhất, nhiều vị trí ốp đá sân vườn mạch vữa to có nhiều vị trí đá bị nứt vỡ. Nhìn chung, công trình đã có dấu hiệu xuống cấp.

- *Khai thác vận hành*
  - Đơn vị khai thác vận hành: Tập đoàn Công nghiệp Than khoáng sản Việt Nam –TKV;
  - Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: **Tốt**;

Công trình là một trong những điểm nhấn đáng chú ý của thành phố Cẩm Phả. Với vị trí trung tâm, nằm trên đường trục chính của thành phố, quảng trường 12/11 và tượng đài Vinh quang thợ mỏ Việt Nam xứng đáng là trung tâm sinh hoạt cộng đồng của thành phố Cẩm Phả.

### *c. Đánh giá của chuyên gia*

Công trình được đầu tư công phu, hình khối công trình bề thế, trang nghiêm, tượng có chất lượng nghệ thuật tốt. Quần thể tượng đài được thiết kế hoành tráng. Tuy nhiên, về nội dung, cần bổ sung thêm Phù điêu khắc họa lại lịch sử

---

<sup>52</sup> Nguồn: Báo điện tử [www.baoquangninh.com.vn](http://www.baoquangninh.com.vn).



phát triển cũng như thể hiện tính thần vươn lên hướng tới tương lai của đội ngũ công nhân kỹ sư Mỏ Việt Nam.

Về tổng thể, công trình có vị trí phù hợp, có ý nghĩa lịch sử. Tuy nhiên, phần xử lý phong nền chưa tốt, phía sau tượng nên có thiết kế hàng cây xanh nhằm tạo phong nền cho tượng đài thay vì để tự do như hiện nay. Phần sân và vườn cũng cần đầu tư cải tạo nâng cấp để tôn thêm vẻ đẹp cho quần thể tượng đài.

### 7.2.5.3. Tượng đài Hưng Nhượng Đại Vương Trần Quốc Tảng

#### a. Thông tin chung

- Vị trí và thời gian xây dựng

- Vị trí xây dựng: Ngã 3 đường Lý Thường Kiệt và đường Tài Xá, phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả:
  - + Phía Đông giáp đường Tài Xá;
  - + Phía Tây giáp đường Lý Thường Kiệt;
  - + Phía Nam giáp ngã ba đường Lý Thường Kiệt và đường Tài Xá;
  - + Phía Bắc giáp khu đồi đài phát thanh truyền hình Cửa Ông.
- Thời gian xây dựng: Khởi công 25/7/2005, khánh thành 25/12/2005.

- Chủ đề tượng đài

Tượng đài ghi danh công đức của Hưng Nhượng Đại Vương Trần Quốc Tảng. Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tảng (1252-1313) một danh tướng thời Trần, ông là con trai thứ ba của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn. Ông là vị tướng tài có công đánh quân Nguyên Mông, ông được Trần Quốc Tuấn cử ra trấn ải tại Cửa Suốt. Từ năm 1288 đến khi qua đời, phần lớn thời gian Trần Quốc Tảng giành cho việc trấn giữ vùng Đông Bắc này của Tổ quốc. Do những công lao to lớn mà vua Trần Anh Tông (đồng thời cũng là con rể của Trần Quốc Tảng), phong cho ông tước hiệu Hưng Nhượng Đại Vương. Sau khi ông mất, năm 1314 vua Trần Minh Tông lên ngôi, đã truy tặng Trần Quốc Tảng chức Thái úy.

- Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng

- Tác giả: Nhà điêu khắc Mai Viết Kế, Vũ Đại Bình, cố vấn nghệ thuật nhà điêu khắc Vũ Quang Báo, nghệ nhân đúc đồng: Vũ Khắc Chiến, Vũ Khắc Dũng;
- Chủ đầu tư: Công ty Tuyển than Cửa Ông;
- Đơn vị quản lý: Phòng Văn hóa - Thông tin Thành phố Cẩm Phả và Công ty Tuyển than Cửa Ông;
- Nguồn vốn đầu tư: Xã hội hóa (Tổng công ty Than Việt Nam);
- Vốn đầu tư: Không có thông tin.

*b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan*

• *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng: Diện tích lô đất quy hoạch khoảng 0,8 ha;
- Đế tượng cao: Khoảng 6m;
- Thân tượng cao: Khoảng 6m.

• *Hiện trạng cảnh quan*

Khu đất xây dựng hình tam giác, tuy nhiên khuôn viên đặt tượng chữ nhật. Tổng thể thiết kế đối xứng qua trục chính hướng Tây Nam- Đông Bắc, tượng ở trung tâm, có bục tam cấp cao 1,5m (9 bậc) so với mặt sân. Phía trước tượng có bể nước hình tròn, phía sau tượng có mảng phù điêu bằng đá rộng bằng chiều ngang khu đất.

Tượng đài Trần Quốc Tảng có đế hình hộp chữ nhật cao 6m, khung BTCT mặt hoàn thiện ốp đá xanh Thanh Hóa, phần chân đế có họa tiết khắc đá. Tượng Trần Quốc Tảng bằng đồng cao 6m thể hiện hình tượng vị tướng đang bước đi, tay trái đặt lên chuôi kiếm.

Toàn bộ sân nền, lan can đều được ốp lát bằng đá xanh Thanh Hóa, hệ thống cây xanh, sân vườn được thiết kế và thi công kỹ lưỡng.

• *Vật liệu*

- Bục Tam cấp: Bằng đá granit xanh Thanh Hóa;
- Đế tượng: BTCT ốp đá granit xanh Thanh Hóa;
- Thân tượng: Bằng đồng;
- Sân nền: Lát đá granit xanh Thanh Hóa;
- Phù điêu: Bằng đá xanh Thanh Hóa.

• *Chiếu sáng*

- Có hệ thống chiếu sáng ban đêm, có hệ thống đèn hắt trang trí tượng.

• *Chất lượng nghệ thuật tượng*

- Cách xây dựng hình tượng: Phong cách tả thực;
- Đánh giá chất lượng nghệ thuật: Tốt.

• *Hiện trạng công trình*

Chất lượng xây dựng tốt. Công trình được sử dụng và bảo quản tốt, không có biểu hiện hư hỏng.

• *Khai thác vận hành*

- Đơn vị khai thác vận hành: Công ty Tuyển than Cửa Ông;
- Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: Tốt.

Công trình là một trong những điểm nhấn đáng chú ý của thành phố Cẩm Phả. Với vị trí nằm trên quốc lộ 18, gần đền cửa Ông, đây là điểm du lịch thu hút

đông khách du lịch khi đi ghé qua thành phố Cẩm Phả. Hàng năm, vào 3-2 âm lịch, người dân nơi đây tiến hành lễ hội đền cửa Ông, tổ chức rước kiệu xuất phát từ đền cửa Ông tới tượng đài với nhiều hoạt động trống hội, ca múa đặc sắc.

*c. Đánh giá của chuyên gia*

Công trình được đầu tư công phu, hình khối công trình bề thế, trang nghiêm, tượng có chất lượng nghệ thuật tốt. Quần thể tượng đài được thiết kế hoành tráng. Tuy phần phù điêu có giá trị nghệ thuật cao nhưng vị trí đặt quá thấp so với tượng nên đánh mất đi tầm nhìn, giảm giá trị của tác phẩm.

Về tổng thể, công trình có vị trí chưa thực sự phù hợp. Công trình có trục chính gần trùng với quốc lộ 18, mặt Tây, cảnh quan chủ yếu là nhà dân, hướng Đông là Cảng than, khu vực đặt tượng luôn ồn ã, mất đi tính nghiêm trang tĩnh lặng cần phải có. Khi được hỏi ý kiến, nhiều người dân sống lâu năm tại đây đều không đồng tình về vị trí đặt tượng “Đức Ông” hiện nay.

*7.2.5.4. Tượng đài Ngô Huy Tăng và tranh hoành tráng kỉ niệm phong trào đấu tranh của công nhân mỏ Cửa Ông.*

*a. Thông tin chung*

• *Vị trí và thời gian xây dựng*

- Vị trí xây dựng: Trong khuôn viên Cảng than Cửa Ông, phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;
- Thời gian xây dựng: Năm 2000.

• *Chủ đề tượng đài*

Tôn vinh Ngô Huy Tăng (1911-1923) là Liệt sĩ cách mạng, quê thôn Ngọc Lập, tỉnh Hải Dương, nay thuộc xã Phùùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Ông xuất thân trong một gia đình nông dân nghèo, sống vất vả. Năm 8 tuổi mồ côi cha mẹ, được người anh đem về Quảng Ninh nuôi. Năm 16 tuổi ông vào làm phụ thợ nguội cho xưởng cơ khí nhà máy sàng Cửa Ông. Tại đây ông được cơ sở cách mạng khu vực Cửa Ông tuyên truyền giác ngộ, rồi được kết nạp vào *Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội* vào cuối năm 1928. Ông tích cực tuyên truyền vận động công nhân tham gia đấu tranh, chống áp bức bóc lột. Ngày 29 tháng 1 năm 1929, để tăng cường ảnh hưởng của Đảng trong quần chúng, các chi bộ đã tổ chức kỷ niệm Cách mạng tháng Mười Nga ở khắp Vùng mỏ với các hình thức treo cờ, rải truyền đơn, căng biểu ngữ chào mừng và kêu gọi thợ mỏ noi gương Cách mạng tháng Mười Nga. Sự kiện chấn động nhất trong ngày kỷ niệm là sự ngạo nghễ tung bay của một lá cờ đỏ ngay trên cầu Pooc tích số 1 giữa cảng Cửa Ông. Đảng viên trẻ Ngô Huy Tăng đã mưu trí, dũng cảm treo cờ từ đêm hôm trước.

Tháng 11/1930, ông bị giặc Pháp bắt, sau một thời gian bị giam giữ ở nhà tù Hỏa Lò, Hà Nội, năm 1932 ông bị đày đi nhà tù Sơn La, rồi bị sốt rét ác tính, mất trong lao tù năm 1933; hưởng dương 22 tuổi.

- *Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng*
  - Tác giả: Không có thông tin;
  - Chủ đầu tư: Công ty Tuyển than Cửa Ông-TKV;
  - Đơn vị quản lý: Phòng Văn hóa - Thông tin Thành phố Cẩm Phả và Công ty Tuyển than Cửa Ông-TKV;
  - Nguồn vốn đầu tư: Xã hội hóa (Công ty Tuyển than Cửa Ông-TKV, Tập đoàn Công nghiệp Than khoáng sản Việt Nam –TKV);
  - Vốn đầu tư: Không có thông tin.

*b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan*

- *Quy mô tượng đài*
  - Diện tích đất xây dựng: Khoảng 1500m<sup>2</sup>;
  - Đế tượng cao: 2,2m;
  - Thân tượng cao: 1,5m.
- *Kiến trúc, cảnh quan*

Tượng tròn kiểu bán thân được sáng tác theo lối tả thực, phù điêu tả thực.

Tượng đài được đặt ở ngã 3 đường nội bộ của cảng than Cửa Ông, phía trước khu vực nhà điều hành của cảng, khuôn viên được trồng cây xanh bao quanh. Tượng đài là tượng bán thân cao khoảng 1,5m, đặt trên đế cao 2,2m.

- *Vật liệu*
  - Bục Tam cấp: Lát gạch lá nem màu đỏ;
  - Đế tượng: BTCT ốp đá granit đỏ;
  - Thân tượng: Bằng đá granit xanh Thanh Hóa; phủ nhũ vàng.
  - Sân nền: Lát gạch lá nem màu đỏ.
- *Chiếu sáng*

Có hệ thống chiếu sáng ban đêm, không có hệ thống đèn hắt trang trí tượng.

- *Chất lượng nghệ thuật tượng*
  - Cách xây dựng hình tượng: Phong cách tả thực;
  - Đánh giá chất lượng nghệ thuật: Tốt.
- *Hiện trạng công trình*

Chất lượng xây dựng tốt. Không thấy dấu hiệu hư hỏng.

- *Khai thác vận hành*

Đơn vị khai thác vận hành: Công ty Tuyển than Cửa Ông-TKV.

Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: **Trung bình.**

Công trình đóng góp một góc xanh, đẹp, có ý nghĩa trong khuôn viên Cảng thang Cửa Ông. Là nơi viếng thăm của công nhân, cán bộ ngành than Quảng Ninh trong những dịp lễ kỉ niệm. Tuy nhiên, vì nằm trong khuôn viên Cảng có tường rào bảo vệ, nên người dân không thể tiếp cận tượng đài. Do vậy, tượng đài không gây truyền được ảnh hưởng, ý nghĩa lịch sử giáo dục đến cộng đồng.

*c. Đánh giá của chuyên gia*

Công trình được đầu tư công phu, hình khối bề thế, trang nghiêm, tượng có chất lượng nghệ thuật tốt. Quần thể tượng đài hoành tráng. Có cả tượng tròn và phù điêu khắc họa lại lịch sử phát triển cũng như thể hiện truyền thống đấu tranh anh dũng, vẻ vang của công nhân mỏ than Cửa Ông.

Về tổng thể, công trình có vị trí phù hợp, có ý nghĩa lịch sử. Tuy nhiên, điều đáng tiếc là công trình chỉ mang tính chất nội bộ, trong khuôn viên một doanh nghiệp nên hầu như không phát huy được ý nghĩa, ảnh hưởng đến cộng đồng. Do vậy, nếu có thể nên chuyển vị trí đặt tượng đến khu vực nào mà người dân có thể dễ dàng tiếp cận.

**7.2.5.5. Tượng đài kỉ niệm cuộc bãi công công nhân mỏ năm 1936**

*a. Thông tin chung*

• *Vị trí và thời gian xây dựng*

- Vị trí xây dựng: Trong trụ sở công ty cổ phần vật tư TKV, khu ngã tư đường lên mỏ Đèo Nai đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả;
  - + Phía Đông giáp tòa nhà trụ sở;
  - + Phía Tây giáp đường 12 tháng 11;
  - + Phía Nam giáp đường Huỳnh Thúc Kháng;
  - + Phía Bắc giáp giáp tòa nhà trụ sở.
- Thời gian xây dựng: Năm 1996.

• *Chủ đề tượng đài*

Cuộc tổng bãi công của hơn ba vạn thợ mỏ tháng 11-1936 là một sự kiện lịch sử trọng đại, có ý nghĩa rất to lớn của công nhân mỏ Quảng Ninh. Đây là cuộc bãi công lớn nhất, tiêu biểu cho phong trào cách mạng nước ta thời kỳ 1936 - 1939. Thắng lợi của cuộc tổng bãi công đã để lại bài học sâu sắc về ý thức “*kỷ luật và đồng tâm*”, về tinh thần đấu tranh cách mạng kiên cường bất khuất, là niềm tự hào của các thế hệ thợ mỏ. Chính vì thế ngày 12-11-1936 đã đi vào lịch sử và trở thành ngày truyền thống của công nhân mỏ.

Với ý nghĩa đó, vào dịp kỷ niệm 60 năm ngày truyền thống công nhân mỏ, tháng 11-1996, Bộ Văn hoá- Thông tin đã có quyết định công nhận xếp hạng Nơi mở đầu cuộc tổng bãi công của ba vạn thợ mỏ ngày 12-11-1936 là di tích lịch sử cấp Quốc gia.

Di tích nơi mở đầu cuộc tổng bãi công của ba vạn thợ mỏ ngày 12-11-1936 được xác định là Ngã tư đường lên mỏ tại trung tâm thành phố Cẩm Phả. Đó là nơi đội bảo vệ cuộc bãi công đã lập trạm kiểm soát. Di tích này được giới hạn: Phía Tây giáp đường lên mỏ Đèo Nai, phía Đông giáp Công ty Vật tư vận tải và xếp dỡ Cẩm Phả, phía Bắc giáp nhà hoá nghiệm của Công ty Vật tư vận tải và xếp dỡ Cẩm Phả, phía Nam giáp con đường vào chợ cũ. Tổng diện tích là 427m<sup>2</sup>.

- *Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng*

- Tác giả: Không có thông tin;
- Chủ đầu tư: Không có thông tin;
- Đơn vị quản lý: Phòng Văn hóa - Thông tin Thành phố Cẩm Phả và Công ty cổ phần vật tư -TKV;
- Nguồn vốn đầu tư: Xã hội hóa (Tập đoàn Công nghiệp Than khoáng sản Việt Nam –TKV và UBND tỉnh Quảng Ninh);
- Vốn đầu tư: Không có thông tin.

- b. *Hiện trạng kiến trúc cảnh quan*

- *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng: Khoảng 400m<sup>2</sup> ;
- Đế tượng cao: 0,8m;
- Thân tượng cao: 3m.

- *Kiến trúc, cảnh quan*

Biểu tượng được thiết kế theo phong cách hiện đại, đặt trên thềm tam cấp cao 1,1m (7 bậc) so với mặt sân.

- *Vật liệu*

- Bục Tam cấp: Lát gạch granite;
- Đế tượng: BTCT ốp đá granite đen;
- Thân tượng: Biểu tượng BTCT ốp đá màu hồng, phù điêu bằng đá granit xanh Thanh Hóa;
- Sân nền: Ốp đá granite.

- *Chiếu sáng*

- Có hệ thống chiếu sáng ban đêm, có hệ thống đèn hắt trang trí tượng.

- *Chất lượng nghệ thuật tượng*

- Cách xây dựng hình tượng: Biểu tượng phong cách hiện đại, trừu tượng, phù điêu phong cách tả thực;
- Đánh giá chất lượng nghệ thuật: Khá.
- *Hiện trạng công trình*
  - Chất lượng xây dựng tốt. Không thấy dấu hiệu hư hỏng.
- *Khai thác vận hành*
  - Đơn vị khai thác vận hành: Công ty cổ phần vật tư -TKV.
  - Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: **Trung bình.**

Công trình đóng góp một góc xanh, đẹp, có ý nghĩa trong khuôn viên Công ty cổ phần Vật tư - TKV. Là nơi viếng thăm của công nhân, cán bộ ngành than Quảng Ninh trong những dịp lễ kỉ niệm. Tuy nhiên, vì nằm trong khuôn viên công ty có tường rào bảo vệ, nên người dân không thể tiếp cận tượng đài. Do vậy, tượng đài không truyền được ảnh hưởng, ý nghĩa lịch sử giáo dục đến đông đảo cộng đồng.

#### *c. Đánh giá của chuyên gia*

Công trình được đầu tư công phu, hình khối công trình bề thế, trang nghiêm, tượng có chất lượng nghệ thuật khá tốt. Quần thể tượng đài hoành tráng. Có cả tượng tròn tượng trưng cho ngọn cờ dẫn dắt của Đảng và phù điêu khắc họa lại lịch sử cuộc đấu tranh anh dũng, vẻ vang của công nhân mỏ than Cửa Ông năm 1936.

Về tổng thể, công trình có vị trí phù hợp, có ý nghĩa lịch sử. Tuy nhiên, điều đáng tiếc là công trình chỉ mang tính chất nội bộ, trong khuôn viên một doanh nghiệp nên hầu như không phát huy được ý nghĩa, ảnh hưởng đến cộng đồng. Do vậy, nếu có thể nên chuyển vị trí đặt tượng đến khu vực nào mà người dân có thể dễ dàng tiếp cận.

### **7.2.6. Huyện Vân Đồn**

#### **7.2.6.1. Tượng đài Bác Hồ**

##### *a. Thông tin chung*

- *Vị trí và thời gian xây dựng*
  - Vị trí xây dựng: Trong khuôn viên Trung tâm hành chính công huyện Vân Đồn, sau khu vui chơi thanh thiếu niên huyện Vân Đồn, tỉnh lộ 334, thị trấn Cái Rồng, huyện Vân Đồn.
  - Thời gian xây dựng: Không có thông tin.
- *Chủ đề tượng đài*

Tượng đài Bác Hồ, đây là tượng nguyên mẫu ban đầu của tượng đài Bác Hồ trên đảo Cô Tô. Sau khi tượng đài Bác Hồ trên đảo Cô Tô được thay thế bằng tượng toàn thân, phiên bản bán thân ban đầu được chuyển về đặt tại vị trí này.

- *Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng*
  - Tác giả: Nguyễn Văn Quế, Nguyễn Đức Lưu và Lê Văn Minh - Công ty mỹ thuật Trung Ương;
  - Chủ đầu tư: Không có thông tin;
  - Đơn vị quản lý: Phòng Văn hóa - Thông tin huyện Vân Đồn và UBND thị trấn Cái Rồng;
  - Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách;
  - Vốn đầu tư: Không có thông tin.

**b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan**

- *Quy mô tượng đài*
  - Diện tích đất xây dựng: Khuôn viên sân trụ sở khoảng 1000m<sup>2</sup>;
  - Đế tượng cao: 3m;
  - Thân tượng cao: 2m.
- *Kiến trúc, cảnh quan*

Công trình nằm trong khuôn viên trụ sở Trung tâm Hành chính Công huyện Vân Đồn, trên một bục tam cấp hình vuông rộng 36m<sup>2</sup> có cốt cao 30cm so với mặt sân. Tượng được đặt quay mặt ra phía đường tỉnh lộ 334, lưng là tòa nhà trụ sở hành chính Công huyện Vân Đồn. Đế tượng bằng BTCT ốp đá granite đỏ, thân tượng bằng BTCT.

Tuy nằm trong khuôn viên trụ sở Trung tâm Hành chính Công huyện Vân Đồn nhưng tượng có thể nhìn thấy từ phía tỉnh lộ 334 và khu vui chơi thanh thiếu niên huyện Vân Đồn do khuôn viên trụ sở có cốt cao 4m so với sân nền khu vui chơi. Từ khu vui chơi có thang dẫn lên khu vực sân đặt tượng đài. Xung quanh tượng có cây xanh nhưng không có sân vườn bãi cỏ.

- *Vật liệu*
  - Bục Tam cấp: Bằng đá granit đỏ;
  - Đế tượng: BTCT ốp đá granit đỏ;
  - Thân tượng: BTCT sơn trắng;
  - Sân nền: Gạch lá nem.
- *Chiếu sáng*

Không có hệ thống chiếu sáng riêng mà chỉ có hệ thống chiếu sáng chung của sân trụ sở.

- *Chất lượng nghệ thuật tượng*
  - Cách xây dựng hình tượng: Phong cách tả thực;
  - Đánh giá chất lượng nghệ thuật: Khá.
- *Hiện trạng công trình*



Chất lượng xây dựng khá. Công trình không có biểu hiện hư hỏng.

• *Khai thác vận hành*

- Đơn vị khai thác vận hành: Không có thông tin.
- Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: **Khá**.

Công trình là điểm nhấn cho cảnh quan trụ sở hành chính Công huyện Vân Đồn. Do đặc thù địa hình và hiện trạng, công trình còn trở thành điểm nhấn cho phong nền của khu vui chơi thanh thiếu niên huyện Vân Đồn.

*c. Đánh giá của chuyên gia*

Tượng đài có chất lượng nghệ thuật khá, chất lượng thi công tốt nhưng về tổng thể công trình có vị trí không thực sự phù hợp, khu vực khuôn viên đặt tượng đài quá hẹp, điểm nhìn không hợp lý.

Do đặc điểm hiện trạng địa hình khu đất, tượng đài đặt trong khuôn viên trụ sở khu Trung tâm hành chính Công huyện Vân Đồn nhưng tầm nhìn đến tượng đài lại thực sự dành cho khu vui chơi thanh thiếu niên huyện Vân Đồn phía trước công trình. Đây có thể là dụng ý của người thiết kế, tuy nhiên ý kiến chuyên gia nó chưa thực sự hợp lý vì sự kết hợp đó gây cảm giác thiếu đồng bộ và trang nghiêm. Tượng Bác đặt khá xa với tường hậu của khu vui chơi nên tầm nhìn tốt đến tượng đài chỉ đảm bảo khi ở khoảng cách rất xa, còn khi vào gần không thể nhìn thấy tượng. Do vậy, chúng tôi đề xuất di chuyển vị trí tượng đài đến vị trí khác phù hợp hơn.

### **7.2.7. Huyện Cô Tô**

#### *7.2.7.1. Tượng đài Bác Hồ trên đảo Cô Tô*

*a. Thông tin chung*

• *Vị trí và thời gian xây dựng*

- Vị trí xây dựng: Đường Nguyễn Công Trứ, xã Nam Hải, đảo Cô Tô lớn, huyện Cô Tô.
  - + Phía Bắc giáp đường Tràng Sơn;
  - + Phía Đông đường Lý Nam Đế;
  - + Phía Nam giáp đường Hùng Vương;
  - + Phía Tây giáp đường Nguyễn Công Trứ.
- Thời gian xây dựng:
  - + Khánh thành lần đầu: 22/5/1968, tượng bán thân bằng BTCT;
  - + Cải tạo lần 1: Năm 1975 thay tượng bán thân thành tượng toàn thân bằng chất liệu BTCT xi măng trắng, hoàn thành tháng 5/1976;

+ Cải tạo lần 2: Năm 1997 thay thế chất liệu BTCT bằng đá granite (năm 2002 bảo dưỡng lần 1).

• *Chủ đề tượng đài*

Ngày 9/5/1961, lần đầu tiên Bác Hồ đã ra thăm đảo và nói chuyện với đồng bào, chiến sĩ trên đảo: "... Thủ đô Hà Nội tuy cách xa các đảo, nhưng Đảng và Chính phủ luôn quan tâm đến đồng bào các đảo và mong đồng bào đoàn kết cố gắng và tiến bộ". Với tấm lòng kính yêu vô bờ bến đối với Người, quân và dân trên đảo Cô Tô đã xin được dựng **tượng Bác trên đảo**, để lúc nào cũng được nhìn thấy hình ảnh của Người cũng như mong con cháu nhớ mãi một vị anh hùng của dân tộc. Và nguyện vọng của bà con trên đảo Cô Tô đã được Bác Hồ đồng ý.

Đây là tượng đài Bác Hồ duy nhất được dựng khi Người còn sống.

• *Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng*

- Tác giả:

+ Tác giả Tượng bán thân lúc đầu: Nguyễn Văn Quế, Nguyễn Đức Lựu và Lê Văn Minh - Công ty mỹ thuật Trung Ương.

+ Tác giả Tượng toàn thân hiện nay: Nguyễn Phước Xanh – Đại học Mỹ thuật Hà Nội.

- Chủ đầu tư: Sở Văn hóa – Thông tin tỉnh Quảng Ninh;

- Đơn vị quản lí: Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Cô Tô và UBND thị trấn Cô Tô;

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách;

- Vốn đầu tư: 955 triệu đồng.

*b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan*

• *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng: Tổng diện tích lô đất quy hoạch 0,55 ha;

- Đế tượng cao: 4m;

- Thân tượng cao: 4,5m.

• *Hiện trạng cảnh quan*

Tượng bán thân ban đầu của nhà điêu khắc Lý Xuân Trường vào năm 1968 được thay thế bằng tượng toàn thân của nhà điêu khắc Nguyễn Phước Sanh vào năm 1975.

Quần thể công trình bao gồm 2 phần: Phần tượng đài và đền thờ Bác Hồ phía sau tượng.

Tượng đài thể hiện hình tượng Bác Hồ đang vẫy chào, chất liệu tượng bằng đá granit màu trắng, đế tượng ốp đá granite đen. Tượng đài quay mặt ra hướng bờ biển phía Tây Nam (hướng về đất liền).

Phần cảnh quan: Khu vực đặt tượng là khuôn viên sân vườn, có đường dạo lát gạch lá nem, tượng đặt trên bục tam cấp cao 45cm so với mặt sân, toàn bộ bục ốp đá granite. Phía sau tượng là đền thờ Bác Hồ, được làm theo kiến trúc cổ: Nhà mái đao, lợp ngói mũi hài. Giữa đền thờ và tượng đài có đặt bia ghi lại sự kiện Bác hồ ra thăm đảo Cô Tô.

- *Vật liệu*
  - Tam cấp: Bằng đá granit màu xám;
  - Đế tượng: BTCT ốp đá Granite màu đen;
  - Thân tượng: Đá granit trắng;
  - Sân nền: Gạch lá nem.
- *Chiếu sáng*
  - Có hệ thống chiếu sáng ban đêm, có hệ thống đèn trang trí đồng bộ.
- *Chất lượng nghệ thuật tượng*
  - Cách xây dựng hình tượng: Phong cách tả thực;
  - Đánh giá chất lượng nghệ thuật: Tốt.
- *Hiện trạng công trình*

Chất lượng xây dựng khá, công trình chưa có biểu hiện hư hỏng. Tuy nhiên phần đế tượng một vài vị trí thi công hoàn thiện chưa thật sắc nét, nhiều chỗ mạch vữa còn lộ, một vài viên đá sứ hoặc nứt.

- *Khai thác vận hành*
  - Đơn vị khai thác vận hành: Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Cô Tô.
  - Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: **Tốt**.

Công trình từ lâu đã là điểm nhấn đáng chú ý nhất của Huyện đảo Cô Tô. Đây là một trong những điểm thăm quan du lịch có nhiều ý nghĩa của huyện đảo.

#### *c. Đánh giá của chuyên gia*

Nhìn chung, về tổng thể công trình có vị trí phù hợp, ý nghĩa. Hình khối công trình bề thế, trang nghiêm, độc đáo, chất lượng nghệ thuật tốt. Quần thể tượng đài kết hợp đền thờ Bác Hồ trở thành một quần thể đẹp có ý nghĩa giáo dục.

Tuy nhiên, phần cây xanh cần có điều chỉnh thay thế hoặc cắt tỉa các cây phi lao, vì các cây này có cành lá tản mát, tư thế tự do không phù hợp với không gian trang nghiêm của tượng đài. Ngoài ra, nên cải tạo lô đất phía trước tượng đài (hiện đang để trống cho cỏ mọc tự do) thành quảng trường nhỏ tạo điểm vui chơi, sinh hoạt cộng đồng cho người dân.

### **7.2.8. Huyện Đầm Hà**

#### *7.2.8.1. Tượng đài anh hùng liệt sĩ Hà Quang Vóc*

##### *a. Thông tin chung*

- *Vị trí và thời gian xây dựng*
  - Vị trí xây dựng: Đường Lê Lương, thị trấn Đầm Hà, huyện Đầm Hà thuộc khu trung tâm văn hóa các dân tộc huyện Đầm Hà.
  - + Phía Tây Bắc giáp đường Lê Lương;
  - + Phía Đông Bắc giáp sông Đầm Hà;
  - + Phía Đông Nam giáp khoảng đất trống;
  - + Phía Tây Nam giáp đường Hà Quang Vóc.
  - Thời gian xây dựng:
    - + Lần 1: Năm 1986;
    - + Lần 2: Cải tạo nâng cấp, khánh thành năm 2012.

- *Chủ đề tượng đài*

Hà Quang Vóc (SN 31/10/1948) một gia đình nghèo khó thôn Yên Định, xã Đầm Hà, huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh, ông là đội phó đội 5 đặc công, trung đoàn 10 Rừng Sác. Ông và đồng đội đã lập nhiều chiến công trong cuộc kháng chiến chống mỹ cứu nước trong đó chiến công hiển hách nhất là trận đánh kho xăng nhà Bè 3/12/1973. Đồng chí Hà Quang Vóc hi sinh ngày 1/2/1974 trong một trận đánh trên sông Lòng Tàu.

Chiến sỹ Hà Quang Vóc được tặng Huân chương quân công giải phóng hạng Ba và Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Ông là tấm gương tiêu biểu của ngành đặc công, sự tự hào của những người con đất Mỏ nói riêng và đất nước nói chung.

- *Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng*
  - Tác giả: Nguyên mẫu tác giả nhà điêu khắc Lý Xuân Trường, phân cảnh quan Công ty Cổ phần thiết kế và xây dựng công trình Văn hóa Việt Nam;
  - Chủ đầu tư: Không có thông tin;
  - Đơn vị quản lý: Phòng Văn hóa - Thông tin huyện Đầm Hà và UBND thị trấn Đầm Hà;
  - Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách;
  - Vốn đầu tư: Không có thông tin.

**b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan**

- *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng: Tổng diện tích lô đất quy hoạch 0,8 ha;
- Đế tượng cao: 5m;
- Thân tượng cao: 4m.

- *Hiện trạng cảnh quan*

Khu đất xây dựng hình chữ nhật; tổng thể thiết kế đối xứng qua trục chính hướng Đông Nam - Tây Bắc, khu vực đặt tượng ở trung tâm, có bục tam cấp cao 15 bậc.

Tượng đài có đế hình hộp chữ nhật cao 5m, khung BTCT mặt hoàn thiện ốp đá xanh Thanh Hóa. Tượng đài bằng Đá xanh Thanh Hóa nguyên khối dựng theo nguyên mẫu của nhà điêu khắc Lý Xuân Trường, chất lượng nghệ thuật tốt, chi tiết sắc nét, ngôn ngữ tạo hình độc đáo.

- *Vật liệu*

- Bục Tam cấp: Bằng đá granit xanh Thanh Hóa;
- Đế tượng: BTCT ốp đá granit xanh Thanh Hóa;
- Thân tượng: Đá granit xanh Thanh Hóa nguyên khối;
- Sân nền: Gạch Terrazzo màu hồng nhạt.

- *Chiếu sáng*

- Có hệ thống chiếu sáng ban đêm, không có hệ thống đèn hắt trang trí tượng.

- *Chất lượng nghệ thuật tượng*

- Cách xây dựng hình tượng: Phong cách tả thực;
- Đánh giá chất lượng nghệ thuật: Tốt.

- *Hiện trạng công trình*

Chất lượng xây dựng khá. Công trình đã xuất hiện một vài hư hỏng cục bộ: Đá ốp đế bị bong tróc vỡ một số vị trí, gạch ốp tường sân vườn một số vị trí bị bong tróc. Công trình không được duy tu bảo dưỡng thường xuyên nên có tình trạng cỏ dại mọc trong khuôn viên sân tượng đài.

- *Khai thác vận hành*

Đơn vị khai thác vận hành: Không có thông tin.

Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: **Khá**.

Công trình là một trong những điểm nhấn đáng chú ý của thị trấn Đàm Hà, Tượng đài có tác dụng giáo dục lịch sử, khơi dậy niềm tự hào về truyền thống đấu tranh anh dũng của cha anh. Đây cũng là không gian sinh hoạt cộng đồng cho người dân địa phương.

- c. *Đánh giá của chuyên gia*

Nhìn chung, về tổng thể công trình có vị trí phù hợp, ý nghĩa. Hình khối công trình bề thế, trang nghiêm, tượng có chất lượng nghệ thuật tốt. Quần thể tượng đài được thiết kế hoành tráng.

Tuy nhiên, cần có dự án xây dựng nốt phần đất phía sau tượng đài (hiện đang là bãi cỏ) để mở rộng không gian tượng đài không còn cảm giác thiếu hoàn thiện như hiện nay. Cần đầu tư thêm về cây xanh cho công trình.

### **7.2.9. Thành phố Móng Cái**

#### **7.2.9.1. Biểu tượng du lịch Trà Cỏ - Bình Ngọc thành phố Móng Cái**

##### **a. Thông tin chung**

- **Vị trí và thời gian xây dựng**

- Vị trí xây dựng: Ngã 3 Trà Cỏ - Bình Ngọc, giao giữa đường Lạc Long Quân, đường Mũi Ngọc và đường Trảng Vĩ:

- + Phía Tây Bắc giáp đường Mũi Ngọc;

- + Phía Tây Nam giáp đường Trảng Vĩ;

- + Phía Đông Giáp đường Lạc Long Quân.

- Thời gian xây dựng: Khởi công năm 2009, khánh thành năm 2012.

- **Chủ đề tượng đài**

Biểu tượng có ý nghĩa như một sự chào đón, mang hình ảnh tượng trưng cho cụm du lịch Trà Cỏ - Bình Ngọc thành phố Móng Cái. Đây cũng được kỳ vọng là một điểm dừng chân thăm quan hấp dẫn cho du khách khi đến khu du lịch.

- **Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng**

- Chủ đầu tư: UBND thành phố Móng Cái;

- Đơn vị quản lí: Phòng Văn hóa - Thông tin thành phố Móng Cái và UBND phường Trà Cỏ;

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách;

- Vốn đầu tư: Hơn 15 tỉ.

##### **b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan**

- **Quy mô tượng đài**

- Diện tích đất xây dựng: Tổng diện tích quy hoạch 1,7 ha;

- Chiều cao đế: 4m;

- Chiều cao tượng: 13m;

- **Hiện trạng cảnh quan**

Biểu tượng du lịch Trà Cỏ - Bình Ngọc thành phố Móng Cái là tác phẩm điêu khắc bằng đá bao quanh một trụ đỡ bằng bê tông cốt thép. Công trình có chiều cao khoảng 17m tính cả đế, hình trụ, bố cục mặt bằng hướng tâm, phía chân đế loe rộng thể hiện các họa tiết uốn lượn hướng về tâm cột. Đỉnh biểu tượng là chi tiết hình cầu bao bọc bởi 3 cung tròn.

Phần cảnh quan: Công trình được đặt tại trung tâm một hồ nước nhỏ trên một đảo BTCT tròn bán kính 12m, được nối với bờ bởi 3 cầu dẫn BTCT, cầu dẫn chính hướng về góc phía Bắc khu đất (hướng đi từ thành phố Móng Cái ra Trà Cổ - Bình Ngọc), cầu dẫn hướng Tây Nam có đặt một chòi nghỉ mặt bằng hình lục giác. Khu đất chỉ có mặt nước, thảm cỏ, không có cây xanh.

Các lô đất xung quanh là ruộng lúa, hồ nước, và một số nhà dân 1 tầng.

- *Vật liệu*

- Tam cấp: Đá xanh Thanh Hóa;
- Đế tượng: Đá xanh Thanh Hóa;
- Biểu tượng: Lõi chịu lực BTCT ốp mặt ngoài Đá Xanh Thanh Hóa;
- Sân nền phần đảo trung tâm: Đá xanh Thanh Hóa;
- Sân nền phần cầu dẫn: Gạch lá nem, lan can cầu xây gạch có gắn họa tiết gạch hoa chanh bằng đất nung trắng men màu đỏ.

- *Chiếu sáng*

- Có hệ thống chiếu sáng ban đêm, có hệ thống đèn trang trí đồng bộ.

- *Chất lượng nghệ thuật tượng*

- Cách xây dựng hình tượng: Phong cách hiện đại, sử dụng một vài chi tiết kết hợp hình khối hiện đại; đường nét chắc khỏe khoáng đạt.
- Đánh giá chất lượng nghệ thuật: Tốt.

- *Hiện trạng công trình*

Chất lượng xây dựng khá, tuy nhiên đã xuất hiện một số hư hỏng cục bộ: Thân tượng nổi rõ các vết trát vữa che mạch đá gây mất mỹ quan; phần tam cấp ốp đá granit lộ rõ các vết đọng nước, rêu mốc; phần cầu dẫn, gạch lát, sơn phủ bong tróc nhiều nơi; các vị trí khe lún của cầu dẫn xuất hiện các vết nứt lớn. Hệ thống đèn trang trí hình cầu nhiều bóng vỡ phải dùng băng dính để xử lý.

- *Khai thác vận hành*

- Đơn vị khai thác vận hành: UBND thành phố Móng Cái;
- Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: **Khá**.

Công trình có giá trị về mặt nghệ thuật, cảnh quan được đầu tư kỹ lưỡng, tuy nhiên, tại thời điểm hiện tại công trình chưa thực sự được khai thác hết tiềm năng. Vào thời điểm chúng tôi tiến hành khảo sát 8/2016, một số người dân đã tận dụng cầu dẫn chính của công trình làm nơi phơi cá.

Công trình không có nhiều khách dừng chân thăm quan. Mặc dù vậy, công trình vẫn là điểm nhấn đáng chú ý với mỗi ai đi qua khu vực này. Nó đánh dấu điểm bắt đầu của một cụm du lịch nổi tiếng và độc đáo của thành phố Móng Cái: Trà Cổ - Bình Ngọc.

### *c. Đánh giá của chuyên gia*

Nhìn chung, về tổng thể công trình có vị trí phù hợp. Hình khối công trình bề thế, độc đáo, chất lượng nghệ thuật tốt. Cảnh quan được đầu tư tốt.

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân mà công trình chưa thu hút được khách du lịch. Công trình thiếu các dịch vụ phụ trợ như bãi đỗ xe, dịch vụ giải khát, vui chơi giải trí; các lô đất xung quanh chưa tiến hành xây dựng theo quy hoạch nên khu vực đặt tượng đài còn vắng vẻ.

Phần cảnh quan sân vườn còn khô khan, thiếu cây xanh, dải hoa trang trí... Chòi nghỉ với hình dáng nệ cổ không phù hợp với hình thức hiện đại của tượng đài. Nên nghiên cứu sửa đổi lại hình thức lan can cầu dẫn và chòi nghỉ để tổng thể tượng đài được đồng nhất về ngôn ngữ tạo hình. Xem xét bổ sung cây xanh cho cảnh quan khu đất.

#### *7.2.9.2. Cụm thông tin cổ động biên giới Sa Vĩ*

##### *a. Thông tin chung*

##### *• Vị trí và thời gian xây dựng*

- Vị trí xây dựng: Mũi Sa Vĩ, điểm cực Đông Bắc Tổ quốc, đường Tràng Vĩ, phường Trà Cổ, thành phố Móng Cái.

+ Phía Bắc đường Tràng Vĩ;

+ Phía Đông giáp biển;

+ Phía Nam giáp biển;

+ Phía Tây giáp công viên Sa Vĩ.

- Thời gian xây dựng: Khởi công năm 2009, khánh thành năm 2013.

##### *• Chủ đề tượng đài*

Cụm thông tin cổ động biên giới Sa Vĩ mang hình biểu trưng Tổ quốc Việt Nam nơi điểm Cực Đông Bắc. Công trình là khẳng định về chủ quyền Việt Nam nơi địa đầu Tổ quốc, có ý nghĩa giáo dục, khơi dậy lòng tự hào dân tộc của mỗi người dân Việt Nam. Đây cũng là một điểm thăm quan, du lịch, dịch vụ thu hút khách du lịch, góp phần vào sự phát triển kinh tế của thành phố Móng Cái nói riêng và tỉnh Quảng Ninh nói chung.

##### *• Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng*

- Tác giả: Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Xây lắp Hà Nội;

- Chủ đầu tư: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ninh;

- Đơn vị quản lý: Phòng Văn hóa - Thông tin thành phố Móng Cái và Công ty TNHH Trí Lực;



- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách (vốn do Trung Ương cấp, cộng với nguồn vốn của tỉnh Quảng Ninh và thành phố Móng Cái);
- Vốn đầu tư: Hơn 100 tỉ.

**b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan**

- *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng: Tổng diện tích quy hoạch 1,2 ha (riêng khu vực cụm biểu tượng);
- Chiều cao biểu tượng: 27m;
- Vành đai bê tông ốp gồm có chu vi 200m cao 6m.

- *Kiến trúc, cảnh quan*

Quần thể công trình bao gồm 3 phần: Phần quảng trường, phần cụm công trình chính và phần nhà dịch vụ, quy tụ thành một quần thể. Nổi bật là cụm công trình chính với kiến trúc gồm “biểu tượng 8 lá dương khổng lồ bằng bê tông vĩnh cửu hướng thẳng lên trời thể hiện bông sen của hòa bình và vương miện của Mẹ Âu Cơ; Vành đai có chu vi 200m, cao 6m thể hiện vành trăng đồng Ngọc Lũ được ghép bằng tranh gốm với những hình ảnh, họa tiết thể hiện đậm nét văn hoá truyền thống Việt Nam trong đó có đặc trưng văn hóa của người dân Trà Cổ, Móng Cái, Việt Nam”<sup>53</sup>

Phần cảnh quan: Phong nền của công trình là biển và trời.

- *Vật liệu*

- Tam cấp: Bằng đá granit đen;
- Thân công trình: BTCT Sơn màu Xám;
- Vành đai tranh hoành tráng: Kết cấu chịu lực BTCT, gắn tranh Gốm tráng men nhiều màu;
- Sân nền: Gạch Terrazzo.

- *Chiếu sáng*

- Có hệ thống chiếu sáng ban đêm, có hệ thống đèn trang trí đồng bộ.

- *Chất lượng nghệ thuật tượng*

- Cách xây dựng hình tượng: Phong cách hiện đại, sử dụng các họa tiết cổ kết hợp hình khối hiện đại;
- Đánh giá chất lượng nghệ thuật: Tốt.

- *Hiện trạng công trình*

Chất lượng xây dựng khá, tuy nhiên sau 3 năm sử dụng, công trình có một số hư hỏng cục bộ: Bậc tam cấp bị bong tróc đá ốp cục bộ, có dấu hiệu thấm và

<sup>53</sup> Nguồn: [www.mongcai.gov.vn](http://www.mongcai.gov.vn).

động nước, rêu mốc; nhiều vị trí sàn trũng, thiếu độ dốc thoát nước, gây đọng nước mưa cục bộ.

Hệ thống thoát nước mưa không được thu gom mà xả tự do từ sàn thăm quan tầng 2 xuống sàn tầng 1 gây mất mỹ quan, giảm tuổi thọ công trình. Hệ thống tủ điện để lộ ra tại khu vực thăm quan của khách du lịch gây mất mỹ quan.

- *Khai thác vận hành*

- Đơn vị khai thác vận hành: Công ty TNHH Trí Lực.
- Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: **Tốt**.

- c. *Đánh giá của chuyên gia*

Nhìn chung, về tổng thể công trình có vị trí phù hợp, ý nghĩa. Hình khối công trình bề thế, trang nghiêm, độc đáo, chất lượng nghệ thuật tốt. Cảnh quan, phong nền là biển trời vùng biên cương đẹp, ấn tượng, giàu cảm xúc.

Tuy nhiên còn nhiều sạn trong việc thiết kế thi công các chi tiết kiến trúc, kỹ thuật như: Cấu tạo hệ thống thoát nước mưa, hệ thống kỹ thuật điện, chi tiết ốp lát tam cấp, cần có biện pháp nâng cấp các hệ thống này để công trình đẹp hoàn thiện hơn.

Phần cảnh quan sân vườn còn khô khan, thiếu cây xanh, bãi cỏ, mặt nước. Công viên Sa Vĩ (nằm trong tổng thể công trình) sử dụng nhiều cây cảnh giả để trang trí, màu sắc nhân tạo sặc sỡ không phù hợp, phản cảm.

### *7.2.9.3. Tượng đài nữ liệt sĩ Hoàng Thị Hồng Chiêm*

- a. *Thông tin chung*

- *Vị trí và thời gian xây dựng*

- Vị trí xây dựng: Trong khuôn viên trường THCS Bình Ngọc, đường Mũi Ngọc, phường Bình Ngọc, thành phố Móng Cái.
- Thời gian xây dựng: 1980.

- *Chủ đề tượng đài*

Là tượng đài tưởng nhớ nữ liệt sĩ Hoàng Thị Hồng Chiêm, cán bộ mật dịch viên, đã tham gia trận đánh chống quân xâm lược Trung Quốc tại cửa khẩu Pò Hèn, ngày 17 tháng 2 năm 1979.

- *Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng*

- Tác giả: Nhà điêu khắc Lý Xuân Trường;
- Chủ đầu tư: Không có thông tin;
- Đơn vị quản lý: Phòng Văn hóa - Thông tin thành phố Móng Cái và Trường THCS Bình Ngọc;
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách;
- Vốn đầu tư: Không có thông tin.

**b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan**

- *Quy mô tượng đài*
  - Diện tích đất xây dựng: Khoảng 20m<sup>2</sup>;
  - Chiều cao đế tượng: 1,8m;
  - Chiều cao tượng: 1,6m.
- *Kiến trúc, cảnh quan*

Tượng đài Hoàng Thị Hồng Chiêm bằng xi măng đặt trên bệ gạch trát vữa, tay trái cầm khẩu AK, tay phải cầm thủ pháo, mắt nhìn thẳng kiên nghị về phía trước. Đặc biệt bàn chân bức tượng dẫm lên một chiếc mũ lính Tàu, thể hiện sự khinh bỉ quân xâm lược. Bệ tượng có bia, nhưng nội dung không còn rõ chữ.

Phần cảnh quan: Tượng đài Hoàng Thị Hồng Chiêm nằm trong khuôn viên trường THCS Bình Ngọc. Mặt tượng hướng về phía cổng trường, lưng tượng là bậc tam cấp của nhà lớp học 2 tầng.

- *Vật liệu*
  - Đế tượng: Vữa trát quét vôi trắng;
  - Thân Tượng: BTCT quét vôi trắng;
  - Sân nền: Sân xi măng.
- *Chiếu sáng*
  - Không có hệ thống chiếu sáng.
- *Chất lượng nghệ thuật tượng*
  - Cách xây dựng hình tượng: Phong cách tả thực.
  - Đánh giá chất lượng nghệ thuật: Khá.
- *Hiện trạng công trình*

Chất lượng xây dựng và vật liệu hoàn thiện ở mức trung bình, tượng vẫn giữ nguyên được đường nét, chi tiết và không có biểu hiện hư hỏng. Tuy nhiên, một số điểm trên thân tượng bị phai màu vôi.

- *Khai thác vận hành*
  - Đơn vị khai thác vận hành: Trường THCS Bình Ngọc;
  - Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: Khá.

Tượng đài có tác dụng giáo dục lịch sử, khơi dậy niềm tự hào về truyền thống đấu tranh anh dũng của cha anh đối với các thế hệ học sinh của trường. Nhắc nhở nghĩa vụ bảo vệ vùng biên cương Tổ quốc của tất cả người dân Việt Nam. Tượng đài cũng đóng góp vào việc tạo dựng không gian trang nghiêm và thẩm mỹ cho nhà trường.

**c. Đánh giá của chuyên gia**

Đây là một tượng đài nhỏ nhưng có giá trị nghệ thuật, độc đáo, và mang nội dung ý nghĩa sâu sắc.

Tuy nhiên, xử lý phong nền tượng chưa tốt, vị trí đặt chưa thật hợp lý khi lưng tượng đặt đối diện với bậc tam cấp nhà lớp học. Nơi đặt tượng gần lối đi không phải là một vị trí tĩnh nên không thực sự phù hợp. Đề xuất di chuyển tượng vào khuôn viên vườn cây của trường.

#### **7.2.9.4. Tượng đài Tổng Bí thư Trần Phú**

##### *a. Thông tin chung*

- *Vị trí và thời gian xây dựng*

- Vị trí xây dựng: Trong khuôn viên trường THPT Trần Phú, đường Hùng Vương, phường Ka Long, thành phố Móng Cái.
- Thời gian xây dựng: Khánh thành ngày 18/11/2012.

- *Chủ đề tượng đài*

Đây là một công trình có ý nghĩa thể hiện đạo lý “*uống nước nhớ nguồn*”, tỏ lòng tôn kính, tri ân đối với sự hy sinh to lớn của Tổng bí thư Trần Phú; qua đó giáo dục cho thế hệ trẻ lòng yêu nước và sự cống hiến cho Tổ quốc.

- *Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng*

- Tác giả: Nhóm tác giả Công ty TNHH Gia Linh;
- Chủ đầu tư: UBND thành phố Móng Cái;
- Đơn vị quản lí: Phòng Văn hóa - Thông tin thành phố Móng Cái và Trường THPT Trần Phú – Móng Cái;
- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn xã hội hóa<sup>54</sup>;
- Vốn đầu tư: 3,4 tỉ đồng<sup>55</sup>.

##### *b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan*

- *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng: Nằm trong sân trường THPT Trần Phú (rộng 910m<sup>2</sup>);
- Chiều cao đế tượng: 2m;
- Chiều cao tượng: 5,2m.

- *Hiện trạng cảnh quan*

Tượng đài Trần Phú được đặt trên bệ ốp đá granite đen. Tượng khắc họa chân dung tả thực của Tổng Bí thư Trần Phú năm 26 tuổi.

---

<sup>54</sup> [www.baoquangninh.com.vn](http://www.baoquangninh.com.vn)

<sup>55</sup> [www.baoquangninh.com.vn](http://www.baoquangninh.com.vn)

Phần cảnh quan: Khuôn viên đặt tượng khá rộng riêng phần bục tam cấp có diện tích khoảng 50m<sup>2</sup>. Tượng được đặt trên trục đối xứng của nhà hiệu bộ, quay mặt ra sân trường, quay lưng về phía nhà hiệu bộ. Toàn bộ khu vực khuôn viên tượng được chia thành các ô cỏ, đường dạo lát đá xanh Thanh Hóa. 2 bên sau tượng trồng 2 cây cau vua, xung quanh tượng là hàng cây tùng cao 2m tạo phong nền.

- *Vật liệu*

- Đế tượng: Đá granit đen;
- Thân Tượng: Bằng đá xanh Thanh Hoá, nặng khoảng 15 tấn;
- Bục tam cấp: Lát đá xanh Thanh Hóa;
- Sân nền khuôn viên tượng: Lát đá xanh Thanh Hóa.

- *Chiếu sáng*

- Có hệ thống chiếu sáng đêm cho sân vườn (không có đèn hắt chiếu sáng cho tượng).

- *Chất lượng nghệ thuật tượng*

- Cách xây dựng hình tượng: Phong cách tả thực.
- Đánh giá chất lượng nghệ thuật: Tốt.

- *Hiện trạng công trình*

Chất lượng xây dựng và vật liệu hoàn thiện ở mức tốt. Hầu như không có biểu hiện hư hỏng.

- *Khai thác vận hành*

- Đơn vị khai thác vận hành: Trường THPT Trần Phú;
- Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: **Tốt**.

Tượng đài có tác dụng giáo dục cho thế hệ trẻ lòng yêu nước và sự cống hiến cho Tổ quốc, tỏ lòng tôn kính, tri ân đối với sự hy sinh to lớn của Tổng bí thư Trần Phú. Đây là điểm nhấn tạo sự bề thế, trang nghiêm cho cảnh quan của trường.

*c. Đánh giá của chuyên gia*

Nhìn chung, đây là một tượng đài có giá trị nghệ thuật và mang nội dung ý nghĩa sâu sắc.

Việc xử lý cảnh quan, phong nền tượng khá tốt, vị trí đặt hợp lý khi tượng đặt trên trục đối xứng của nhà hiệu bộ quay mặt ra sân trường. Các ô cỏ sân nền được chia khá mỹ thuật, một hàng cây tùng bao quanh lưng tượng tạo nên một phong nền phù hợp với tượng và hài hòa với cảnh quan chung của khuôn viên trường.

Chất lượng thi công công trình tốt, chi tiết thi công sắc xảo.

#### **7.2.9.5. Đài kỉ niệm thành lập chi bộ Đảng đầu tiên của Móng Cái**

*a. Thông tin chung*

- *Vị trí và thời gian xây dựng*

- Vị trí xây dựng: Trong khuôn viên công viên Ka Long bên bờ sông Ka Long đường Hữu Nghị, phường Hòa Lạc, thành phố Móng Cái.
- Các mặt tiếp giáp:
  - + Phía Đông giáp đường Hữu Nghị;
  - + Phía Tây giáp sông Ka Long;
  - + Phía Bắc là công viên Ka Long;
  - + Phía Nam là công viên Ka Long.
- Thời gian xây dựng: Khánh thành ngày 3-2-2014.

- *Chủ đề tượng đài*

Đài kỉ niệm sự kiện ngày 19-10-1946, tại số nhà 42, phố Chính (phường Hoà Lạc bây giờ) đã diễn ra Hội nghị thành lập Chi bộ Đảng Cộng sản của huyện Móng Cái theo quyết định của Liên khu uỷ 12 và Ban cán sự Đảng tỉnh Hải Ninh. Sự kiện này đánh dấu bước phát triển quan trọng của tổ chức Đảng ở địa phương, đáp ứng yêu cầu thống nhất sự lãnh đạo của Đảng với phong trào cách mạng của nhân dân các dân tộc huyện Móng Cái.

- *Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng*

- Chủ đầu tư: UBND thành phố Móng Cái;
- Đơn vị quản lí: Phòng Văn hóa - Thông tin thành phố Móng Cái và UBND phường Hòa Lạc;
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách;
- Vốn đầu tư: Không có thông tin.

**b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan**

- *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng: Khoảng 700m<sup>2</sup>;
- Chiều công trình: 7m;
- Chiều cao bục tam cấp: 45cm.

- *Kiến trúc, cảnh quan*

Đài kỉ niệm hình hộp chữ nhật bằng BTCT ốp đá Granite trắng, tại cốt cao độ 5m có đua mái, hình mái mô phỏng hình dáng mái chùa lợp ngói âm dương. Chính giữa thân đài có bia ghi: “*Nơi đây, Phố Chính khu Hòa Lạc, thị xã Móng Cái (cũ), tháng 8 năm 1946 thành lập tỉnh bộ Việt Minh tỉnh Hải Ninh. Ngày 19/10/1946 thành lập chi bộ đảng đầu tiên của Móng Cái, tiền thân của Đảng bộ thị xã Móng Cái ngày này*”. Phía trên bia có gắn sao vàng và biểu tượng búa liềm.

Phần cảnh quan: Đài kỉ niệm đặt trong khuôn viên Ka Long, phía đông giáp đường Hữu Nghị. Trục đài tượng niệm song song với trục đường Hữu Nghị. Phần khuôn viên và bục tam cấp lát đá Xanh Thanh Hóa. Tam cấp tỏa ra cả 4

hướng của công trình, mặt quay ra đường Hữu Nghị có đặt bồn hoa ngăn cách giữa đài kỉ niệm và mặt đường.

- *Vật liệu*
  - Đài kỉ niệm: Bằng BTCT ốp đá granite trắng;
  - Bục tam cấp: Lát đá xanh Thanh Hóa;
  - Sân nền khuôn viên: Lát đá xanh Thanh Hóa.
- *Chiếu sáng*
  - Có hệ thống chiếu sáng cho sân vườn và đèn chiếu sáng trang trí.
- *Chất lượng nghệ thuật tượng*
  - Cách xây dựng hình tượng: Phong cách hiện đại.
  - Đánh giá chất lượng nghệ thuật: Khá.
- *Hiện trạng công trình*

Chất lượng xây dựng và vật liệu hoàn thiện ở mức tốt. Không có biểu hiện hư hỏng.
- *Khai thác vận hành*
  - Đơn vị khai thác vận hành: UBND phường Hòa Lạc;
  - Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: Tốt.

Tượng đài có tác dụng giáo dục tuyên truyền về lịch sử, truyền thống hào hùng của Đảng bộ thành phố Móng Cái. Ngoài ra, nhờ vị trí nằm trong công viên Ka Long, bên đường Hữu Nghị là phố đi bộ buổi tối của thành phố, nên nơi đây trở thành một trong những điểm nhấn đáng chú ý nhất của tuyến du lịch này. Công trình đã góp phần vào việc tạo nên một diện mạo tuyến phố đẹp và độc đáo của thành phố Móng Cái.

#### *c. Đánh giá của chuyên gia*

Nhìn chung, đây là một công trình có giá trị nghệ thuật và mang nội dung ý nghĩa sâu sắc.

Việc xử lý cảnh quan, phong nền khá tốt, vị trí và hướng đặt hợp lý khi đài kỉ niệm đặt trên trục song song đường Hữu Nghị theo hướng Bắc Nam (lệch 15°). Hệ thống cây xanh tận dụng lợi thế sẵn có của công viên Ka Long, tạo thành một tổng thể hài hòa rất hợp lý.

Chất lượng thi công công trình tốt, chi tiết thi công sắc xảo.

#### **7.2.9.6. Khu tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ Pò Hèn**

##### *a. Thông tin chung*

- *Vị trí và thời gian xây dựng*
  - Vị trí xây dựng: Tại vị trí Đồn biên phòng 209 Pò Hèn cũ, trên đỉnh Pò Hèn, thôn Pò Hèn, xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái.

- Thời gian xây dựng: Khởi công tôn tạo 19/5/2010, khánh thành 10/1/2011.

- *Chủ đề tượng đài*

Là tượng đài liệt sĩ tưởng nhớ sự hi sinh của 86 liệt sĩ là bộ đội biên phòng Đồn 209 Pò Hèn, nhân viên thương nghiệp và công nhân lâm trường Hải Sơn đã anh dũng hi sinh trong lúc chiến đấu chống quân xâm lược Trung Quốc, ngày 17/2/1979. Khu tưởng niệm liệt sĩ Pò Hèn là minh chứng cho khí phách hào hùng của nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh và cán bộ, chiến sỹ bộ đội biên phòng vùng biên cương Đông Bắc của Tổ quốc. Đây cũng là nơi giáo dục truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết chiến đấu anh dũng, bất khuất, không khuất phục trước kẻ thù của dân tộc ta qua hàng nghìn năm lịch sử.

- *Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng*

- Chủ đầu tư: Bộ chỉ huy biên phòng Tỉnh Quảng Ninh;
- Đơn vị quản lý: Phòng Văn hóa - Thông tin thành phố Móng Cái và UBND xã Hải Sơn;
- Nguồn vốn đầu tư: Xã hội hóa;
- Vốn đầu tư: Không có thông tin.

- b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan**

- *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng: Khuôn viên 0,8 ha;
- Chiều cao tượng đài: 16m.

- *Kiến trúc, cảnh quan*

Đài tưởng niệm được xây trong một quần thể gồm nhiều các hạng mục công trình, bao gồm: Đài tưởng niệm, đỉnh hương, nhà bia, sân khu tưởng niệm và vườn cây. Tổng diện tích quần thể là 0,8 ha.

Công trình đài tưởng niệm cao 16 mét được xây dựng bằng chất liệu BTCT, ốp đá trắng, đặt trên một bục tam cấp cao 75cm so với mặt sân. Phần chân đế khắc chìm biểu tượng mái nhà cổ, phần trung tâm của biểu tượng là hình ngôi sao vàng.

Hai bên của biểu tượng là hai nhà bia, bên trong có đặt một tấm bia bằng đá xanh nguyên khối khắc tên các liệt sĩ. Bao quanh khuôn viên có tường rào thấp bằng đá trắng.

- *Vật liệu*

- Thân Tượng: BTCT ốp đá granite trắng;
- Bục tam cấp: Lát đá xanh Thanh Hóa;
- Sân nền: Lát đá xanh Thanh Hóa.

- *Chiếu sáng*



- Có hệ thống chiếu sáng ban đêm cho khuôn viên nhưng không có hệ thống đèn hắt sáng trang trí cho tượng đài.
- *Chất lượng nghệ thuật tượng*
  - Cách xây dựng hình tượng: Phong cách hiện đại.
  - Đánh giá chất lượng nghệ thuật: Khá.

- *Hiện trạng công trình*

Nhìn chung chất lượng xây dựng và vật liệu hoàn thiện tốt, chưa có biểu hiện hư hỏng. Tuy nhiên phần thân bục tam cấp có nhiều vết rêu mốc do sử lý thoát nước chưa tốt.

- *Khai thác vận hành*

- Đơn vị khai thác vận hành: UBND xã Hải Sơn;
- Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: **Tốt**.

Tượng đài đã hoàn thành mục tiêu giáo dục lịch sử, khơi dậy niềm tự hào về truyền thống đấu tranh anh dũng của cha anh. Nhắc nhở nghĩa vụ bảo vệ vùng biên cương Tổ quốc của tất cả người dân Việt Nam. Hàng năm, vào các dịp Lễ, Tết, ngày kỷ niệm, ngày truyền thống và nhân dịp tổ chức các sự kiện chính trị của địa phương, các hoạt động “*Tri ân các anh hùng liệt sỹ*” được tổ chức tại đây.

*c. Đánh giá của chuyên gia*

Nhìn chung, đây là một tượng đài có giá trị nghệ thuật và mang nội dung ý nghĩa sâu sắc. Vị trí đặt tượng đài phù hợp.

## **7.2.10. Huyện Bình Liêu**

### *7.2.10.1. Tranh hoành tráng cổ động biên giới cửa khẩu Hoàn Mô*

*a. Thông tin chung*

- *Vị trí và thời gian xây dựng*
  - Vị trí xây dựng: Nằm trên bờ kè sông của một nhánh sông Tiên Yên gần cửa khẩu Hoàn Mô, xã Hoàn Mô, huyện Bình Liêu.
  - Các mặt tiếp giáp:
    - + Phía Bắc là khu dân cư;
    - + Phía Đông là đường vào cửa khẩu;
    - + Phía Nam là nhánh sông Tiên Yên;
    - + Phía Tây là khu dân cư.
  - Thời gian xây dựng: Không có thông tin..
- *Chủ đề tượng đài*

Đây là tranh hoành tráng giới thiệu về quê hương con người Bình Liêu. Bức tranh miêu tả lại một cách sinh động hình ảnh các dân tộc anh em của huyện Bình Liêu chung sống hòa thuận cùng phát triển kinh tế luôn hướng về Đảng về đất nước.

- *Thông tin về đầu tư, khai thác, sử dụng*
  - Quy mô đầu tư: Nhỏ.
  - Đối tượng sở hữu: Nhà nước.
  - Chủ đầu tư: Không có thông tin;
  - Nguồn vốn: Ngân sách;
  - Vốn đầu tư: Không có thông tin.
  - Đơn vị quản lý: Phòng VH-TT huyện Bình Liêu và UBND xã Hoàn Mô.

**b. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan**

- *Quy mô tượng đài*
  - Diện tích đất xây dựng: Khoảng 100m<sup>2</sup>;
  - Chiều cao tranh hoành tráng: Khoảng 5m;
  - Chiều dài tranh hoành tráng: Khoảng 20m;
- *Kiến trúc, cảnh quan*

Tranh hoành tráng được xây dựng trên 6 cột BTCT trát vữa trang trí nằm trên bờ kè đá của nhánh sông Tiên Yên chảy qua cửa khẩu.

- *Vật liệu*
  - Tranh hoành tráng: Khung BTCT, xây tường gạch hoành thiện bằng tranh gốm.
- *Chất lượng nghệ thuật tượng*
  - Cách xây dựng hình tượng: Phong cách hiện đại
  - Chất lượng nghệ thuật: Tốt.
- *Hiện trạng công trình*
  - Tranh hoành tráng vẫn còn nguyên mới, chất lượng xây dựng tốt.
  - Cảnh quan xung quanh không được đầu tư nên xảy ra tình trạng cỏ dại mọc dưới chân tranh hoành tráng, rác thải vứt bừa bãi xung quanh.
  - Có hệ thống chiếu sáng.
- *Khai thác vận hành*
  - Đơn vị khai thác vận hành: Không rõ thông tin
  - Đánh giá hiệu quả khai thác vận hành: **Trung bình.**

**c. Đánh giá của chuyên gia**

- Chất lượng nghệ thuật của tranh hoành tráng được đánh giá khá tốt.
- Tuy nhiên, kiến trúc cảnh quan, vị trí xây dựng đều chưa tốt cần có sự đầu tư về thiết kế cảnh quan hoặc có thể di chuyển đến vị trí khác phù hợp hơn..

### 7.3. Hiện trạng công tác đầu tư xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh

#### 7.3.1. Hiện trạng công tác đầu tư xây dựng và quản lý, khai thác các tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh

7.3.1.1. Bảng tổng hợp các công trình tượng đài, tranh hoành tráng đã xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

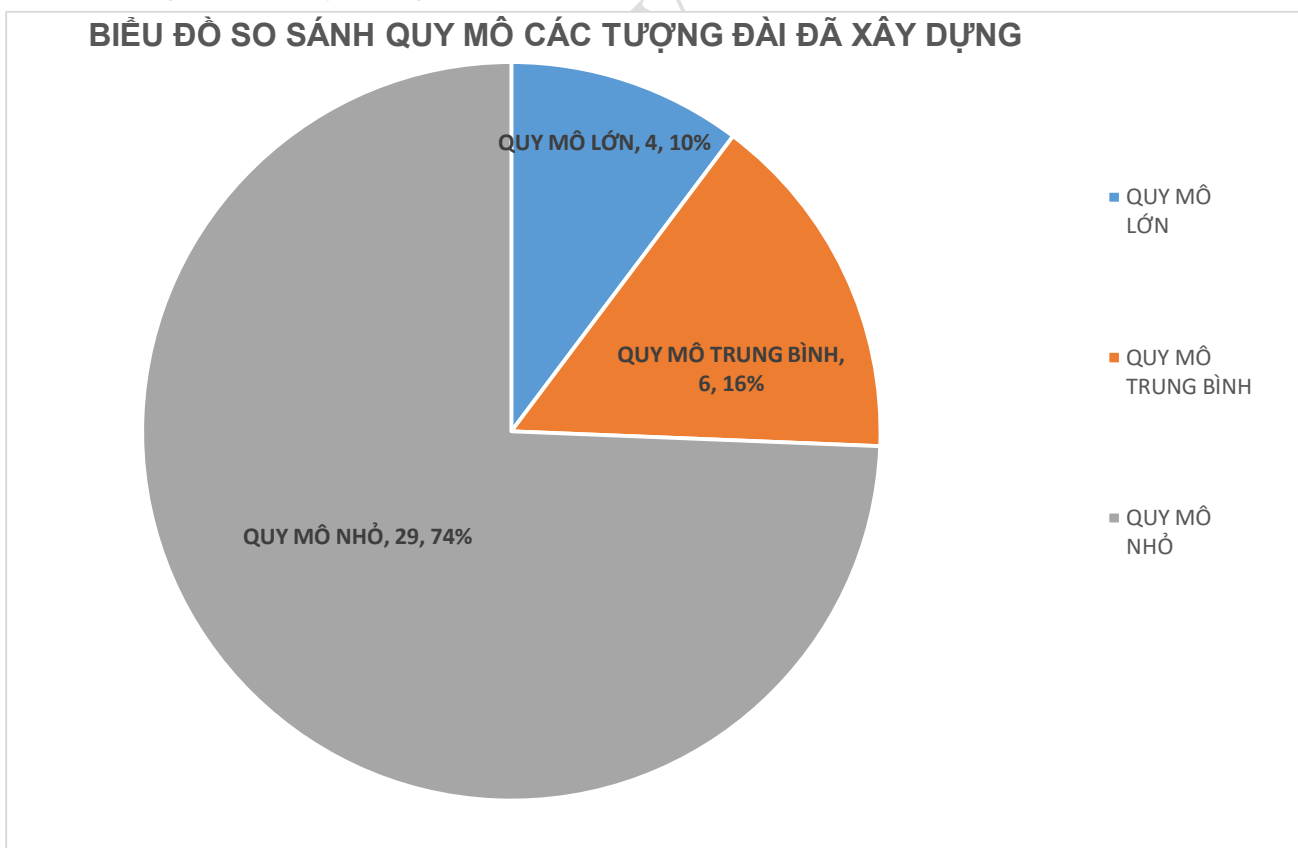
Xem bảng 7-1 «TỔNG HỢP CÁC TƯỢNG ĐÀI, TRANH HOÀNH TRÁNG ĐÃ XÂY DỰNG» - trang 167

7.3.1.2. Đánh giá chung về công tác đầu tư xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh

Dựa vào quy định Nhà nước về quản lý dự án đầu tư và quy định về Đầu tư công và dựa vào đặc trưng của thể loại công trình, có thể chia quy mô đầu tư thành 3 mức: Quy mô nhỏ giá trị đầu tư dưới 15 tỉ đồng, Quy mô trung bình giá trị đầu tư từ 15 tỉ đến dưới 45 tỉ đồng, quy mô lớn có vốn đầu tư từ 45 tỉ đồng trở lên.

- Đánh giá về quy mô đầu tư

Dựa vào các số liệu khảo sát, đơn vị tư vấn đưa ra biểu đồ so sánh quy mô các tượng đài đã xây dựng, như sau:



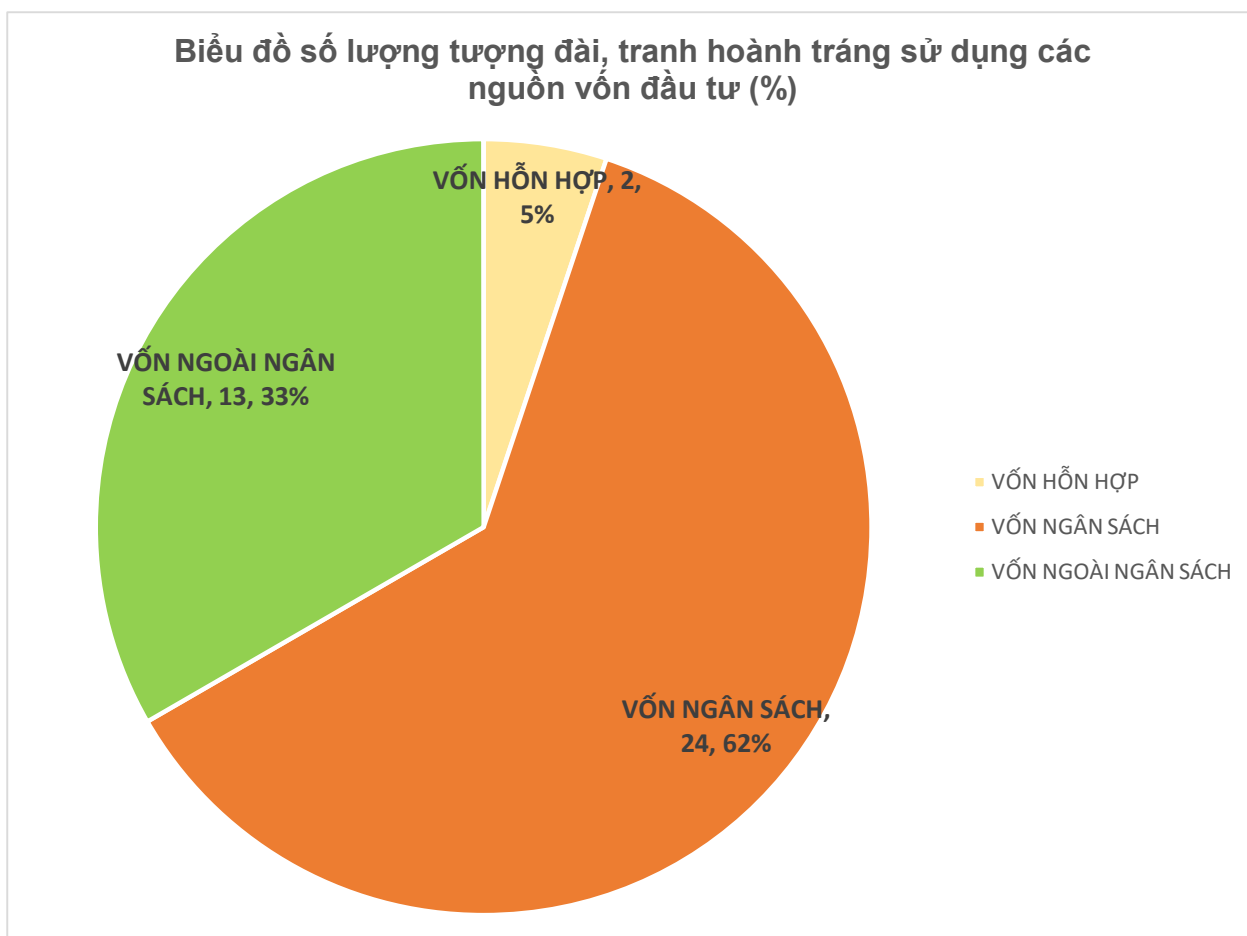
Biểu đồ 7-2 Biểu đồ so sánh quy mô các tượng đài đã xây dựng

Qua biểu đồ trên, có thể đánh giá quy mô đầu tư hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh như sau:

- Tỷ lệ về quy mô thuộc hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh hiện nay là hợp lý. Chủ yếu các tượng đài có quy mô nhỏ (74%) và Trung Bình (16%). Chỉ có 4 công trình tượng đài, tranh hoành tráng có quy mô lớn (chiếm 10%) là các công trình Cổng chào tỉnh Quảng Ninh (thị xã Đông Triều), Cụm thông tin cổ động biên giới Sa Vĩ (thành phố Móng Cái).
- Hiệu quả đầu tư các dự án cho kết quả khá tốt, đặc biệt là các công trình có quy mô đầu tư trung bình và lớn. Với các công trình có quy mô đầu tư lớn: Công trình Cổng chào tỉnh Quảng Ninh, cột đồng hồ thành phố Hạ Long còn đang thi công; công trình Cụm thông tin cổ động biên giới Sa Vĩ đã đưa vào sử dụng nhiều năm nay và trở thành một trong những biểu tượng du lịch của thành phố Móng Cái. Những tượng đài có quy mô trung bình như tượng đài Vinh quang thợ mỏ Việt Nam, Cụm tượng đài văn hóa thị xã Đông Triều, Biểu tượng thành phố Uông Bí... đều phát huy tác dụng, và có đóng góp về mặt tuyên truyền cổ động văn hóa, lịch sử cũng như về mặt cảnh quan đô thị.
- Tuy nhiên, với vị trí là một trong những địa phương đóng góp nhiều nhất cho ngân sách Quốc gia và là tỉnh có nhiều yếu tố văn hóa, lịch sử, thiên nhiên độc đáo thì quy mô đầu tư hiện giờ dành cho hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng của Quảng Ninh là chưa tương xứng và còn cần phải đầu tư xây dựng thêm khá nhiều.

▪ Đánh giá về nguồn vốn đầu tư

Dựa vào các số liệu khảo sát, có biểu đồ tỉ lệ giữa các nguồn vốn đầu tư xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh, như sau:



*Biểu đồ 7-3 Biểu đồ số lượng tượng đài, tranh hoành tráng sử dụng các nguồn vốn đầu tư (%)*

Qua biểu đồ trên, có thể đánh giá về vấn đề nguồn vốn để thực hiện các dự án tượng đài, tranh hoành tráng của tỉnh Quảng Ninh như sau:

- Từ trước tới nay, nguồn vốn để thực hiện các dự án tượng đài, tranh hoành tráng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh chủ yếu dựa vào vốn ngân sách nhà nước (62%). Nguồn vốn ngoài ngân sách chiếm (33%) chủ yếu đến từ các doanh nghiệp nhà nước, phần lớn là các doanh nghiệp trong ngành khai thác khoáng sản than đá như: Tượng đài Hưng Nhượng Đại Vương Trần Quốc Tảng (thành phố Cẩm Phả), tượng đài Vinh quang thợ mỏ Việt Nam (thành phố Cẩm Phả), Tượng đài Ngô Huy Tăng và Tranh hoành tráng kỉ niệm phong trào đấu tranh của công nhân mỏ Cửa Ông (thành phố Cẩm Phả)... Ngoài ra, có một số công trình, được xây dựng từ nguồn đóng góp của người dân và các doanh nghiệp hảo tâm như: Đài tưởng niệm liệt sĩ Pò Hèn (thành phố Móng Cái), Tượng đài Trần Phú (thành phố Móng Cái), Tượng đài anh hùng Minh Hà (thị xã Quảng Yên).

- Qua phân tích số liệu, nhận thấy xu hướng chuyển dịch từ nguồn vốn ngân sách nhà nước sang nguồn vốn ngoài ngân sách hoặc hỗn hợp. Đơn cử, trường hợp 2 công trình quy mô lớn xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh là: Công trình Cụm thông tin cô động biên giới Sa Vĩ và Công trình Cổng chào tỉnh Quảng Ninh. Nếu như công trình Cụm thông tin cô động biên giới Sa Vĩ được xây dựng dựa trên 100% vốn ngân sách nhà nước vào năm 2013 thì đến năm 2016, công trình Cổng chào tỉnh Quảng Ninh được thực hiện dựa trên hình thức đầu tư PPP, với nguồn vốn hỗn hợp, trong đó, nguồn vốn nhà nước chỉ chiếm 10% còn nguồn vốn doanh nghiệp là 90%. Có thể nói, trong điều kiện nước ta nói chung và tỉnh Quảng Ninh nói riêng, xu thế sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách cho việc xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng là tất yếu.
- Đánh giá về phân bố tượng đài theo địa phương  
 Dựa vào các số liệu khảo sát, có biểu đồ 7-1 (*trang 167*) thể hiện sự phân bố tượng đài, tranh hoành theo địa phương của tỉnh Quảng Ninh. Qua biểu đồ 7-1, có thể đánh giá như sau:
  - Các tượng đài, tranh hoành tráng phân bố chủ yếu ở các huyện, thành phố ven biển. Các huyện miền núi như Hải Hà, Hoành Bồ, Tiên Yên, Bình Liêu không có tượng đài nào.
  - 4 huyện có số tượng đài nhiều nhất là thành phố Hạ Long, thành phố Cẩm Phả, thành phố Móng Cái và thị xã Đông Triều. Các địa phương này cũng là các thành phố có quy mô dân số đông, kinh tế xã hội phát triển nhất trong các huyện thị của tỉnh Quảng Ninh.
  - Thành phố Hạ Long, thủ phủ của tỉnh Quảng Ninh là nơi có nhiều tượng đài nhất (10 tượng đài). Tuy nhiên phần lớn là tượng đài quy mô nhỏ, chỉ có 1 tượng đài quy mô lớn (cột đồng hồ thành phố Hạ Long), 1 trung bình (Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ thành phố Hạ Long), không có tượng đài quy mô lớn. So với tính chất, tầm vóc của đô thị và so với truyền thống văn hóa, lịch sử, điều kiện tự nhiên xã hội thì quy mô hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng của thành phố Hạ Long chưa tương xứng. Với một đô thị lớn, việc thiếu các điểm nhấn, thiếu các tượng đài, tranh hoành tráng là một thiếu sót lớn trong cơ cấu đô thị. Do vậy, một trong những vấn đề cấp thiết trong xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh là nhanh chóng bổ xung các tượng đài có chất lượng, có nội dung phù hợp để xây dựng tại thành phố Hạ Long.

- Ngoài vai trò vinh danh các danh nhân, các đặc trưng tự nhiên, văn hóa, con người nhắc nhớ các sự kiện lịch sử thì tượng đài, tranh hoành tráng còn thường gắn với các quảng trường vườn hoa tạo thành các điểm nhấn về cảnh quan, là nơi diễn ra các hoạt động sinh hoạt cộng đồng cần thiết cho các đô thị. Vì lẽ đó, sẽ rất thiệt thòi cho các địa phương không có tượng đài, tranh hoành tráng như trường hợp của các huyện Hải Hà, Hoàn Bồ, Tiên Yên, Bình Liêu. Cần nghiên cứu để xây mới cho các địa phương này tối thiểu một tượng đài.

### **7.3.2. Đánh giá công tác quản lý, khai thác các tượng đài, tranh hoành tráng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

#### **7.3.2.1. Đánh giá về công tác quản lý**

Qua khảo sát tại địa phương, đơn vị tư vấn ghi nhận thực trạng công tác quản lý tượng đài, tranh hoành tráng tại Quảng Ninh như sau:

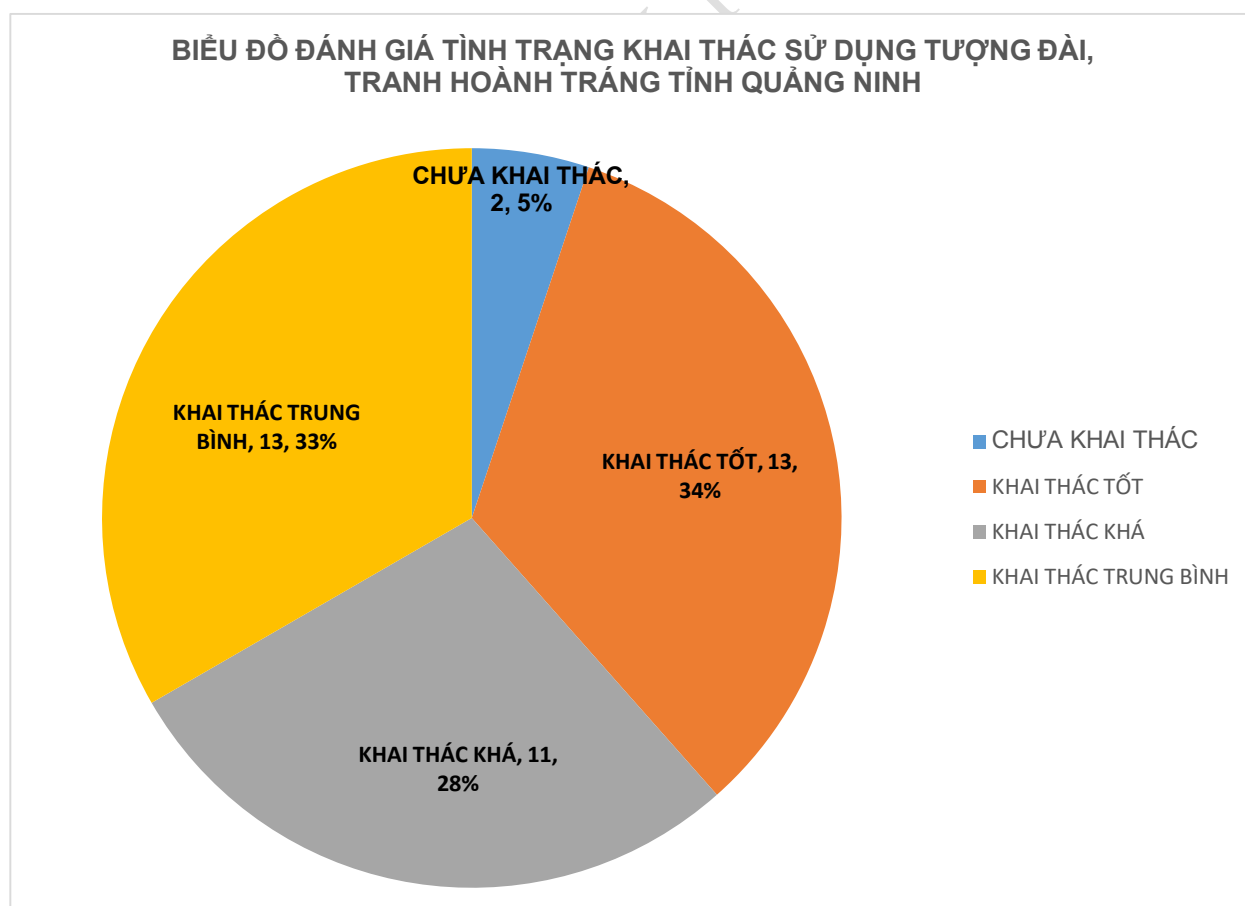
- Việc phân công quản lý tượng đài, tranh hoành tráng có nhiều cách khác nhau, ví dụ: Có tượng đài được giao cho phòng Giáo dục huyện, thị quản lý (khu lưu niệm Bác Hồ xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều), có tượng đài lại giao cho doanh nghiệp tư nhân quản lý khai thác (cụm thông tin cổ động biên giới Sa Vĩ), có tượng đài thuộc sự quản lý của doanh nghiệp nhà nước (Tượng đài Ngô Huy Tăng và tranh hoành tráng kỉ niệm phong trào đấu tranh của công nhân mỏ Cửa Ông). Mặc dù, sự phân công quản lý đa dạng không phải là nguyên nhân dẫn đến một số tượng đài chưa phát huy hết giá trị của mình, nhưng nó có thể gây khó khăn trong công tác quản lý và vận hành của toàn bộ hệ thống. Vì vậy, **cần sớm có quy định cụ thể** cho việc phân công, phân cấp quản lý tượng đài, tranh hoành tráng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.
- Trong số các tượng đài, tranh hoành tráng đã xây dựng, các tượng đài do các đơn vị tư nhân hoặc doanh nghiệp quản lý thường có tình trạng công trình tốt hơn, ít hư hỏng hơn. Tuy nhiên, các công trình này lại thường có vị trí và khả năng tiếp cận với cộng đồng dân cư kém hơn do phần lớn các công trình này nằm trong khuôn viên của các đơn vị doanh nghiệp hoặc tổ chức. Việc lần đầu tiên áp dụng mô hình quản lý “đầu tư công, quản lý tư” tại công trình Cụm thông tin cổ động biên giới Sa Vĩ với những kết quả khá tích cực cũng mở ra một hướng đi phù hợp cho công tác quản lý khai thác các tượng đài, tranh hoành tráng.
- Tại một số địa phương, việc quản lý tượng đài, tranh hoành tráng còn lỏng lẻo, thiếu sâu sát. Có địa phương, cơ quan còn thiếu thông tin về

những tượng đài đang có trên địa phương mình quản lý. Do đó cần phải có biện pháp tăng cường quản lý để chấm dứt tình trạng trên.

- Việc phân công, phân cấp quản lý tượng đài, tranh hoành tráng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh cũng chưa được quy định chặt chẽ. Hiện tại, Quảng Ninh đang có dự thảo “*Quy định phân cấp quản lý di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh và lễ hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*”, văn bản này vẫn trong quá trình xin ý kiến chỉnh sửa và chưa chính thức ban hành. Trong bản dự thảo này, phần tên gọi cũng không có hạng mục “tượng đài, tranh hoành tráng”. Do vậy, cần sớm bổ sung các quy định liên quan đến việc phân rõ trách nhiệm quản lý khai thác cũng như cách thức tổ chức, quy trình quản lý cho hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng để quá trình tổ chức thực hiện, giám sát được thuận tiện và hiệu quả.

#### 7.3.2.2. Đánh giá về hiệu quả khai thác

Hiện trạng tình hình khai thác, sử dụng các tượng đài trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh khá tốt, thể hiện qua biểu đồ tổng hợp dưới đây:



Biểu đồ 7-4 Biểu đồ đánh giá tình trạng khai thác sử dụng tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh



Trong “Biểu đồ đánh giá tình trạng khai thác sử dụng tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh” các đánh giá dựa trên các tiêu chí và quy ước sau:

- **Tốt:** Là các công trình được khai thác hiệu quả thể hiện ở các mặt: Đóng góp vào việc tuyên truyền giáo dục sâu rộng ý nghĩa của tượng đài tới quần chúng nhân dân; Thu hút đông khách thăm quan; Đóng góp vào bộ mặt cảnh quan khu vực, quảng bá hình ảnh của địa phương; Đem lại hiệu quả kinh tế xã hội. Được hội đồng chuyên gia của đơn vị tư vấn cho điểm trung bình trên 8 điểm.
- **Khá:** Là các công trình đạt được phần lớn các tiêu chí giống như các công trình được đánh giá Tốt, tuy nhiên có một số ít tiêu chí chưa đạt được. Được hội đồng chuyên gia của đơn vị tư vấn cho điểm trung bình từ 7 điểm đến 8 điểm.
- **Trung bình:** Là các công trình chưa hiệu quả trong khai thác sử dụng, công trình vắng người thăm quan, công trình nằm trong các khu vực nội bộ khó tiếp cận... Được hội đồng chuyên gia của đơn vị tư vấn cho điểm trung bình từ 7 điểm trở xuống.

Dựa vào “Biểu đồ đánh giá tình trạng khai thác sử dụng tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh”, đồng thời kết hợp quá trình khảo sát thực tế tại địa bàn, cho thấy như sau:

- Tình trạng khai thác sử dụng các tượng đài, tranh hoành tráng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh **khá tốt**: thể hiện ở con số 62% tượng đài, tranh hoành tráng trên địa bàn tỉnh được quản lý và khai thác ở mức **khá** và **tốt**.
- Số các công trình được quản lý và khai thác ở mức **trung bình**. Qua khảo sát, chủ yếu các công trình này mắc các vấn đề về vị trí, thiếu khả năng tiếp cận của quần chúng. Rất ít các công trình bị bỏ hoang hoặc hư hỏng đến mức sập sệ có thể dẫn đến bị phá hủy.
- Tình trạng các công trình có vị trí không tốt, nhưng thiếu khả năng tiếp cận của quần chúng khá phổ biến. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này. Một số công trình tượng đài, tranh hoành tráng được đầu tư bởi các doanh nghiệp (chủ yếu là các doanh nghiệp nhà nước) nên các đơn vị đó có xu hướng đặt tượng đài trong khuôn viên cơ quan trụ sở của mình (tượng đài Hữu nghị Việt Xô - thành phố Uông Bí, tượng đài Liệt sĩ Ngô Huy Tăng – thành phố Cẩm Phả, tượng đài Vinh quang thợ mỏ Thống nhất – thành phố Cẩm Phả...); Một số công trình do quá trình quy hoạch, lựa chọn địa điểm thiếu tính toán dẫn đến tình trạng vị trí không hợp lý hoặc thiếu khuôn viên, tầm nhìn.

- Một số địa phương xác nhận rằng họ không có nguồn kinh phí thường xuyên cho việc bảo dưỡng công trình tượng đài, tranh hoành tráng hàng năm. Nhiều công trình do không được bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên, đã xuất hiện các hư hỏng cục bộ như bong tróc lớp hoàn thiện; nứt, gãy, thấm nước; cỏ mọc tràn vào khuôn viên...
- Nhiều tượng đài, tranh hoành tráng đóng vai trò là điểm nhấn cho đô thị địa phương, có vai trò như một nơi sinh hoạt cộng đồng, trở thành địa điểm tổ chức sự kiện của địa phương, ví dụ như: Biểu tượng thành phố Ung Bí, Cụm tượng đài văn hóa thị xã Đông Triều.... Bên cạnh đó tình trạng vắng vẻ tại một số tượng đài, tranh hoành tráng cũng là một thực trạng đáng lo ngại. Nhiều tượng đài hầu như không có các hoạt động thăm viếng hoặc không góp phần phục vụ nhu cầu sinh hoạt cộng đồng của cư dân, thậm trí có những tượng đài mà rất ít người dân địa phương biết đến sự tồn tại của nó. Ví dụ như: Đài chiến thắng – kỉ niệm địa điểm bắn rơi chiếc máy bay thứ 100 của đế quốc Mỹ, Đông Triều; Bia chứng tích chiến tranh dưới chân cầu Cẩm, Đông Triều.

**PHẦN 3**  
**GIẢI PHÁP QUY HOẠCH**

CÔNG TY TNHH MTV TỬ VẤN DANKO

## **CHƯƠNG 8. QUY HOẠCH HỆ THỐNG TƯỢNG ĐÀI, TRANH HOÀNH TRÁNG TỈNH QUẢNG NINH ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

### **8.1. Đề xuất phương án sửa chữa, nâng cấp cụ thể đối với từng tượng đài**

Nội dung đề xuất phương án sửa chữa, nâng cấp cụ thể đối với từng tượng đài, tranh hoành tráng bao gồm 2 phần: Phần thuyết minh (nằm trong tài liệu này) và phần bản vẽ kèm theo.

#### **8.1.1. Thị xã Đông Triều**

##### **8.1.1.1. Cổng chào tỉnh Quảng Ninh**

- *Đề xuất: Duy tu, bảo dưỡng định kì.*

Cần tổ chức duy tu, bảo dưỡng định kì sau khi công trình được nghiệm thu, khai thác sử dụng.

##### **8.1.1.2. Tượng đài nữ tướng Lê Chân**

- *Đề xuất: Nâng cấp.*

Theo “*Dự án bảo quản, tu bổ di tích lịch sử văn hóa đền An Biên, xã Thủy An, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh*” kèm theo Quyết định số 594/QĐ-UBND, ngày 04/03/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt dự án bảo quản tu bổ di tích lịch sử văn hóa phường An Biên. Diện tích đền An Biên dự kiến sau cải tạo 1,2 ha, mức vốn dự kiến là 46 tỷ 474 triệu đồng.

Dự kiến thời gian cải tạo giai đoạn năm 2017-2020.

##### **8.1.1.3. Cụm tượng đài Văn hóa thị xã Đông Triều**

- *Đề xuất: Sửa chữa, nâng cấp.*

Giai đoạn 2021-2025: Tiến hành giải tỏa khu vực đông nam tượng đài, cải tạo lại nền quảng trường, chỉnh sửa lại các chi tiết sân vườn.

Tiến hành duy tu, sửa chữa các hư hỏng cục bộ bằng nguồn kinh phí bảo trì hàng năm.

##### **8.1.1.4. Khu lưu niệm Bác Hồ xã Hồng Thái Tây**

- *Đề xuất: Nâng cấp.*
  - Cần duy tu, bảo dưỡng định kì;
  - Giai đoạn 2017-2020: Tiến hành cải tạo tổng thể.

##### **8.1.1.5. Bia chứng tích chiến tranh dưới chân cầu Cẩm**

- *Đề xuất: Nâng cấp.*
  - Nâng cấp cải tạo hệ thống đường dẫn vào khu đặt Bia;

- Trồng cây xanh tạo cảnh quan và bổ sung hệ thống chiếu sáng;
- Đề xuất thay thế Bia mới hoặc xây dựng thêm nhà Bia;
- Thời gian dự kiến cải tạo 2017-2020.

**8.1.1.6. Đài chiến thắng – kỉ niệm nơi bán rơi chiếc máy bay thứ 100 của Đế quốc Mỹ.**

- *Đề xuất: Nâng cấp.*
- Cải tạo toàn bộ không gian cảnh quan lối vào;
- Sửa chữa các hư hỏng;
- Bổ sung hệ thống chiếu sáng;
- Thời gian dự kiến cải tạo 2017-2020.

**8.1.1.7. Đài Hoàng Đế lệnh chỉ - ghi dấu điểm khai thác than đầu tiên**

- *Dự kiến: duy tu, bảo dưỡng định kì;*
- Sửa chữa các hư hỏng cục bộ bằng nguồn kinh phí bảo dưỡng hàng năm;
- Bổ sung hệ thống chiếu sáng.
- Thời gian dự kiến cải tạo 2021-2025.

## **8.1.2. Thành phố Uông Bí**

**8.1.2.1. Biểu tượng thành phố Uông Bí**

- *Đề xuất: Duy tu, bảo dưỡng định kì.*
- Sửa chữa một số lỗi như: Điều chỉnh chênh cốt cao độ của bậc thang phía sau cho hợp lý và an toàn.

**8.1.2.2. Tượng đài Hữu Nghị Việt-Xô**

- *Đề xuất: Duy tu, bảo dưỡng định kì;*
- Ngoài việc cần tổ chức duy tu, bảo dưỡng định kì, đơn vị tư vấn đề xuất loại bỏ tường rào xung quanh, để tượng đài trở lên dễ tiếp cận hơn với người dân địa phương và du khách.

**8.1.2.3. Tượng Phật Hoàng Trần Nhân Tông**

- *Đề xuất: Duy tu, bảo dưỡng định kì.*
- Để duy trì chất lượng công trình cần tổ chức duy tu, bảo dưỡng hàng năm.

**8.1.2.4. Đài tưởng niệm Bác Hồ**

- *Đề xuất: Duy tu, bảo dưỡng định kì.*
- Để duy trì chất lượng công trình cần tổ chức duy tu, bảo dưỡng hàng năm.

### **8.1.3. Thị xã Quảng Yên**

#### **8.1.3.1. Bia kỉ niệm Bác Hồ về thăm Quảng Yên**

- Đề xuất: Nâng cấp.
  - Nên tiến hành cải tạo chỉnh trang, thay đổi vật liệu hoàn thiện cho phù hợp vào thời gian từ nay đến năm 2020 (giai đoạn 2017-2020).
  - Cần tổ chức duy tu, bảo dưỡng định kì.

#### **8.1.3.2. Tượng đài anh hùng liệt sĩ Đỗ Thị Sinh (Minh Hà)**

- Đề xuất: Duy tu, bảo dưỡng định kì.
  - Tượng đài cần lắp thêm hệ thống đèn chiếu sáng.

#### **8.1.3.3. Tranh hoành tráng chiến thắng Bạch Đằng**

- Đề xuất: Di chuyển.
  - Di chuyển đến vị trí thích hợp trong tổng thể dự án: Bảo tồn phát huy giá trị khu di tích lịch sử chiến thắng Bạch Đằng, tỉnh Quảng Ninh.
  - Dự kiến di chuyển vị trí về phía trong khuôn viên đền thờ Trần Hưng Đạo. Giai đoạn 2021-2025.

### **8.1.4. Thành phố Hạ Long**

#### **8.1.4.1. Bia kỉ niệm Chiến thắng trận đầu**

- Đề xuất: duy tu, bảo dưỡng định kì.
  - Công trình mới xây dựng, để duy trì chất lượng công trình cần tổ chức duy tu, bảo dưỡng hàng năm.

#### **8.1.4.2. Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ thành phố Hạ Long**

- Đề xuất: Sửa chữa.
  - Cần tổ chức duy tu, bảo dưỡng hàng năm.
  - Tổ chức cải tạo toàn bộ công trình vào giai đoạn 2017-2020.

#### **8.1.4.3. Tượng đài Đức Tổ thân y Lê Hữu Trác**

- Đề xuất: Duy tu, bảo dưỡng định kì.
  - Tượng cần duy tu, bảo dưỡng định kì.
  - Đề xuất cải tạo lại khuôn viên bệnh viện, di dời bãi gửi xe, trả lại khuôn viên yên tĩnh cho bệnh viện.

#### **8.1.4.4. Tượng đài anh hùng vũ trụ Ghéc-man Ti-Tốp**

- Đề xuất: Duy tu, bảo dưỡng định kì.
  - Công trình mới xây dựng, để duy trì chất lượng công trình cần tổ chức duy tu, bảo dưỡng hàng năm

#### **8.1.4.5. Tượng đài đồng chí Vũ Văn Hiếu – phường Hà Tu**

- Đề xuất: Duy tu, bảo dưỡng định kì.
- Công trình mới xây dựng, đề duy trì chất lượng công trình cần tổ chức duy tu, bảo dưỡng hàng năm

#### **8.1.4.6. Tượng đài anh hùng Vũ Văn Hiếu – phường Bạch Đằng**

- Đề xuất: Duy tu, bảo dưỡng định kì.
- Đề duy trì chất lượng công trình cần tổ chức duy tu, bảo dưỡng hàng năm.

#### **8.1.4.7. Tượng đài liệt sĩ thiếu niên Nguyễn Văn Thuộc**

- Đề xuất: Nâng cấp.

Tượng cần duy tu, bảo dưỡng định kì.

Đề xuất cải tạo bổ sung thêm phong nền bằng cây xanh hoặc phù điêu cho tượng đài. Cải tạo trong giai đoạn 2017-2020.

#### **8.1.4.8. Tượng đài Bác Hồ với chiến sĩ biên phòng**

- Đề xuất: Duy tu, bảo dưỡng định kì.
- Công trình còn tốt, đề duy trì chất lượng công trình cần tổ chức duy tu, bảo dưỡng hàng năm.

#### **8.1.4.9. Cột đồng hồ thành phố Hạ Long**

- Đề xuất: Duy tu, bảo dưỡng định kì.
- Đề duy trì chất lượng công trình cần tổ chức duy tu, bảo dưỡng hàng năm.

#### **8.1.4.10. Biểu tượng hữu nghị Việt Nam – Nhật Bản xây dựng cầu Bãi Cháy**

- Đề xuất: Duy tu, bảo dưỡng định kì.
- Đề duy trì chất lượng công trình cần tổ chức duy tu, bảo dưỡng hàng năm.

### **8.1.5. Thành phố Cẩm Phả**

#### **8.1.5.1. Tượng đài Vinh quang thợ mỏ Thống Nhất**

- Đề xuất: Duy tu, bảo dưỡng định kì.
- Công trình còn tốt, đề duy trì chất lượng công trình cần tổ chức duy tu, bảo dưỡng hàng năm.

#### **8.1.5.2. Tượng đài Vinh quang thợ mỏ Việt Nam**

- Đề xuất: Sửa chữa.
- Nên có dự án cải tạo sửa chữa hư hỏng cục bộ phần tượng và khuôn viên quảng trường tượng đài trong giai đoạn 2021-2025.
- Cần tổ chức duy tu, bảo dưỡng định kì.

### **8.1.5.3. Tượng đài Hưng Nhượng Đại Vương Trần Quốc Tảng**

- Đề xuất: Di chuyển.
- Hiện đang có dự án di dời tượng đài Trần Quốc Tảng lên đồi cạnh đền thờ cửa Ông (tại vị trí đồn biên phòng cửa khẩu Cẩm Phả cũ), thời gian dự kiến giai đoạn 2017-2020.

### **8.1.5.4. Tượng đài Ngô Huy Tăng và tranh hoành tráng kỉ niệm phong trào đấu tranh của công nhân mỏ Cửa Ông**

- Đề xuất: Duy tu, bảo dưỡng định kì.
- Công trình còn tốt, để duy trì chất lượng công trình cần tổ chức duy tu, bảo dưỡng hàng năm.

### **8.1.5.5. Tượng đài kỉ niệm cuộc bãi công công nhân mỏ năm 1936**

- Đề xuất: Duy tu, bảo dưỡng định kì.
- Công trình còn tốt, để duy trì chất lượng công trình cần tổ chức duy tu, bảo dưỡng hàng năm.

## **8.1.6. Huyện Vân Đồn**

### **8.1.6.1. Tượng đài Bác Hồ**

- Đề xuất: Di chuyển.

Dự kiến giai đoạn 2017 - 2020 tiến hành cải tạo tổng thể, di chuyển vị trí khác phù hợp hơn. Đơn vị tư vấn đề xuất di chuyển về khuôn viên UBND huyện Vân Đồn.

## **8.1.7. Huyện Cô Tô**

### **8.1.7.1. Tượng đài Bác Hồ trên đảo Cô Tô**

- Đề xuất: Nâng cấp.
- Dự kiến giai đoạn 2026 - 2030 tiến hành cải tạo chỉnh trang tổng thể, sửa chữa các hư hỏng, điều chỉnh các hạng mục kĩ thuật, chi tiết kiến trúc.
- Cần tổ chức duy tu, bảo dưỡng định kì.

## **8.1.8. Huyện Đầm Hà**

### **8.1.8.1. Tượng đài anh hùng liệt sĩ Hà Quang Vóc**

- Đề xuất: Nâng cấp.
- Dự kiến giai đoạn 2017 - 2020 tiến hành cải tạo chỉnh trang tổng thể, sửa chữa các hư hỏng, điều chỉnh các hạng mục kĩ thuật, chi tiết kiến trúc.
- Cần tổ chức duy tu, bảo dưỡng định kì.



### **8.1.9. Thành phố Móng Cái**

#### **8.1.9.1. Biểu tượng du lịch Trà cổ - Bình Ngọc thành phố Móng Cái**

- Đề xuất: Sửa chữa.
- Cần tổ chức duy tu, bảo dưỡng định kì, sửa chữa các hư hỏng, điều chỉnh các hạng mục kĩ thuật, chi tiết kiến trúc, trồng thêm cây xanh. Dự kiến giai đoạn sửa chữa năm 2021-2025.

#### **8.1.9.2. Cụm thông tin cổ động biên giới Sa Vĩ**

- Đề xuất: Sửa chữa.
- Cần sửa chữa các hư hỏng, điều chỉnh các hạng mục kĩ thuật, chi tiết kiến trúc. Dự kiến giai đoạn sửa chữa năm 2021 – 2025.

#### **8.1.9.3. Tượng đài nữ liệt sĩ Hoàng Thị Hồng Chiêm**

- Đề xuất: Nâng cấp.
- Dự kiến giai đoạn 2017 - 2020 tiến hành cải tạo chỉnh trang tổng thể, cải tạo lại khuôn viên, đường dạo cây xanh.

#### **8.1.9.4. Tượng đài Tổng Bí thư Trần Phú**

- Đề xuất: Duy tu, bảo dưỡng định kì.
- Công trình còn tốt, để duy trì chất lượng công trình cần tổ chức duy tu, bảo dưỡng hàng năm.

#### **8.1.9.5. Đài kỉ niệm thành lập chi bộ Đảng đầu tiên của Móng Cái**

- Đề xuất: Duy tu, bảo dưỡng định kì.
- Công trình còn tốt, để duy trì chất lượng công trình cần tổ chức duy tu, bảo dưỡng hàng năm.

#### **8.1.9.6. Khu tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ Pò Hèn**

- Đề xuất: Duy tu, bảo dưỡng định kì.
- Công trình còn tốt, để duy trì chất lượng công trình cần tổ chức duy tu, bảo dưỡng hàng năm

### **8.1.10. Huyện Bình Liêu**

#### **8.1.10.1. Tranh hoành tráng cổ động biên giới cửa khẩu Hoành Mô**

- Đề xuất: Duy tu, bảo dưỡng định kì.
- Để duy trì chất lượng công trình cần tổ chức duy tu, bảo dưỡng hàng năm.

## **8.2. Lựa chọn, đánh giá tiềm năng các vị trí dự kiến xây mới tượng đài, tranh hoành tráng**

Tiêu chí lựa chọn nội dung dựng tượng đài và đánh giá tiềm năng các vị trí dự kiến xây mới phải tuân theo tiêu chí nêu trong phần Mở đầu, mục 7 (trang 31).

Nội dung Lựa chọn, đánh giá tiềm năng các vị trí dự kiến xây mới tượng đài, tranh hoành tráng bao gồm 2 phần: Phần thuyết minh (nằm trong tài liệu này) và phần bản vẽ kèm theo.

### **8.2.1. Thị xã Đông Triều**

*8.2.1.1. Tranh hoành tráng ca ngợi công trạng to lớn của nhà Trần đối với đất nước.*

*a. Nội dung và sự cần thiết phải xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng*

Chủ đề của tượng đài **đạt tiêu chí số 3** trong bộ tiêu chí về nội dung của Quy hoạch.

**Nhà Trần** là triều đại quân chủ chuyên chế trong lịch sử Việt Nam, bắt đầu khi vua Thái Tông lên ngôi năm 1225 sau khi giành được quyền lực từ tay nhà Lý. Trải qua 12 triều vua và chấm dứt khi vua Thiệu Đế, khi đó mới có 5 tuổi bị ép thoái vị vào năm 1400 để nhường ngôi cho ông ngoại là Hồ Quý Ly (tức Lê Quý Ly) – tổng cộng là 175 năm.

Trong lịch sử Việt Nam, nhà Trần là một trong những thời đại hưng thịnh nhất của dân tộc Việt. Dưới sự lãnh đạo của nhà Trần, quân dân Đại Việt đã 3 lần đánh tan quân xâm lược Nguyên-Mông, bảo vệ chủ quyền đất nước. Nhà Trần đã sinh ra Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, một trong những vị danh tướng lỗi lạc nhất trong lịch sử Việt Nam. Về chính sách chính trị, các vua nhà Trần cũng xây dựng bộ máy nhà nước hoàn thiện hơn so với nhà Lý. Cả các mặt kinh tế - xã hội, giáo dục và nghệ thuật cũng hoàn chỉnh hơn và cho thấy Nho giáo đã có ảnh hưởng rõ rệt tới triều đại này.

Khu di tích lịch sử văn hóa nhà Trần ở Đông Triều là quần thể di tích lăng mộ, đền, chùa, am, tháp của nhà Trần trên vùng đất An Sinh cổ (nay là Đông Triều) với 14 điểm di tích. Các di tích này phần lớn nằm trên địa bàn của các xã An Sinh, Tràng An, Thủy An, Bình Khê huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Năm 2013, khu di tích nhà Trần được công nhận là *Khu Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt theo Quyết định số 2383/QĐ-TTg ngày 09/12/2013*.

Cần thiết xây dựng tượng đài hoặc tranh hoành tráng ghi nhớ công lao đóng góp nhà Trần đối với lịch sử dân tộc nhằm bảo tồn phát huy giá trị di tích. Tượng đài, tranh hoành tráng trong khu di tích lịch sử văn hóa nhà Trần ở Đông

Triều phải thể hiện được những công lao to lớn của nhà Trần đối với Quảng Ninh và đất nước, diễn tả lại được những sự kiện, thành tựu nổi bật nhất của Nhà Trần trong 175 năm trị vì.

*b. Lựa chọn, đánh giá khu đất dự kiến đặt tượng đài, tranh hoành tráng*

• *Vị trí, diện tích khu đất dự kiến*

- Công trình dự kiến xây dựng tại khu đất trước cổng đền An Sinh nằm ngoài vực bảo vệ I của đền, xã An Sinh, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.
- + Phía Đông Bắc là Đền An Sinh, nối với đền bởi một cây cầu nhỏ;
- + Phía Đông Nam là nhà dân;
- + Phía Tây Bắc là nhà dân;
- + Phía Tây Nam là đường liên xã và nhà dân.

- Diện tích khu đất dự kiến 1,5 ha;

• *Đánh giá hiện trạng kiến trúc, cảnh quan*

Vị trí đề xuất này **thỏa mãn tất cả các tiêu chí** về vị trí mà Quy hoạch yêu cầu.

Tuân thủ hành lang bảo vệ di tích theo luật Di sản Văn hóa khu vực. Có vị trí trước cửa đền An Sinh, là di tích quan trọng thuộc Khu di tích nhà Trần ở Đông Triều, nơi thờ tự và tế lễ của các vua Trần. Đây là vị trí rất có ý nghĩa và phù hợp nội dung của tượng đài.

Khu vực dự kiến xây dựng hiện là bãi đất trống, xung quanh là nhà dân, xuyên giữa khu đất là đường Đức Chính và đường Đức Chính cũng là trục đối xứng của đền. Đây là khu đất khá rộng bằng phẳng phù hợp để đặt tượng đài.

*c. Quy mô và nguồn vốn đầu tư dự kiến*

• *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng: 1,5 ha;
- Chiều cao tranh hoành tráng dự kiến: Chiều dài 25m, tranh hoành tráng cao 2-3m, chiều dài tùy thuộc khuôn viên;
- Vật liệu dự kiến: Đá granite;
- Hình thức tranh hoành tráng: Có thể kết hợp tượng tròn và tranh hoành tráng hoặc chỉ sử dụng tranh hoành tráng.

- Quy mô đầu tư: Trung bình

• *Nguồn vốn đầu tư dự kiến*

- Nguồn vốn: Hỗn hợp;
- Mức vốn đầu tư: 33 tỉ đồng;

• *Thời gian xây dựng dự kiến*

- Giai đoạn: 2021-2025;

• *Quản lý khai thác*

- Đơn vị quản lý khai thác: Phòng Văn hóa – Thông tin thị xã Đông Triều.

#### **8.2.1.2. Tượng đài Đệ tứ chiến khu Đông Triều**

##### **a. Nội dung và sự cần thiết phải xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng**

Chủ đề của tượng đài **đạt tiêu chí số 2** trong bộ tiêu chí về nội dung của Quy hoạch.

Trong cao trào Kháng Nhật cứu nước tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng 8/1945 đối với vùng Đông Bắc và duyên hải Bắc Bộ, thực hiện chủ trương của xứ ủy Bắc Kỳ, Tỉnh ủy Hải Dương đã cử cán bộ về Đông Triều, Chí Linh xây dựng căn cứ địa cách mạng. Tại chùa Bắc Mã, cuối tháng 4 năm 1945, Các đồng chí Trần Cung, Hải Thanh, Nguyễn Bình đã họp bàn kế hoạch xây dựng Đệ tứ chiến khu và chọn đây làm nơi chỉ đạo phong trào khởi nghĩa. Từ đó, Chùa Bắc Mã trở thành nơi tiếp nhận các cán bộ cách mạng trở về hội tụ. Ngôi chùa này thống nhất lực lượng cách mạng của các đầu mối Việt Minh. Từ đây, các cán bộ Việt Minh liên hệ bắt liên lạc với các nhân sĩ yêu nước phụ trách các đồn, làm nội ứng trong lòng địch.

Có thể nói, Đệ tứ chiến khu Đông Triều mãi mãi là một chấm son chói lọi trong lịch sử hào hùng chiến tranh giải phóng dân tộc của Quảng Ninh và của Việt Nam. Những kinh nghiệm, bài học được rút ra trong quá trình vận động cách mạng ở Chiến khu Đông Triều vẫn còn mang ý nghĩa thực tiễn sâu sắc với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay.

Di tích chùa Bắc Mã hiện nay nằm trong địa phận của thôn Bắc Mã, xã Bình Dương, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh (tên cũ là xã Bắc Mã, huyện Đông Triều, phủ Kinh Môn, tỉnh Hải Dương). Ngày 5/9/1994, Bộ Văn hoá - Thông tin (nay là Bộ VHTTDL) ra quyết định số 2379 - QĐ/BT công nhận chùa Bắc Mã - địa điểm trung tâm Chiến khu Đông Triều là Di tích lịch sử cách mạng - văn hóa cấp quốc gia.

Do vậy cần xây dựng một tượng đài, tranh hoành tráng nhằm ghi nhớ, tôn vinh những công lao đóng góp của Đệ tứ chiến khu Đông Triều trong công cuộc cách mạng giải phóng vùng Đông Bắc nói riêng và đất nước nói chung.

##### **b. Lựa chọn, đánh giá khu đất dự kiến đặt tượng đài, tranh hoành tráng**

Hiện nay đã có dự án: “*Tu bổ tôn tạo di tích – địa điểm lịch sử Trung tâm chiến khu Đông Triều (chùa Bắc Mã), xã Bình Dương, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh*” – theo quyết định số 3527/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 của UBND tỉnh Quảng Ninh. Theo đó, việc xây dựng tượng đài Đệ Tứ chiến khu Đông Triều sẽ thực hiện theo dự án đã được phê duyệt.

- *Vị trí, diện tích khu đất dự kiến*

Khu đất xây dựng nằm phía trước cửa chùa Bắc Mã, cách chùa một con đường liên thôn. Hiện nay khu đất này là đầm sen. Địa chỉ: xã Bình Dương, thị xã Đông Triều.

- + Phía Đông giáp đường liên thôn và chùa Bắc Mã;
- + Phía Tây là ruộng lúa;
- + Phía Nam là ruộng lúa;
- + Phía Bắc là ruộng lúa.

Diện tích khu đất dự kiến 1 ha.

- *Đánh giá hiện trạng kiến trúc, cảnh quan*

Vị trí đề xuất này **đạt đủ các tiêu chí** trong bộ tiêu chí về vị trí mà Quy hoạch yêu cầu.

Khu đất hiện nay là đầm sen, cảnh quan xung quanh là ruộng lúa.

#### *c. Quy mô và nguồn vốn đầu tư dự kiến*

- *Quy mô tượng đài*
  - Diện tích đất xây dựng: 1ha;
  - Chiều cao tượng đài dự kiến: chiều cao từ 10;
  - Vật liệu dự kiến: Đá granite;
  - Hình thức tượng đài: Tượng tròn hoặc có thể kết hợp tượng tròn và tranh hoành tráng.
  - Quy mô đầu tư: Trung bình
- *Nguồn vốn đầu tư dự kiến*
  - Nguồn vốn: Ngoài ngân sách;
  - Mức vốn đầu tư: 20 tỉ đồng;
- *Thời gian xây dựng dự kiến*
  - Giai đoạn: 2017-2020;
- *Quản lý khai thác*
  - Đơn vị quản lý khai thác: Phòng Văn hóa – thông tin thị xã Đông Triều.

#### *8.2.1.3. Tượng đài cụm di tích lịch sử thắng cảnh Yên Đức*

##### *a. Nội dung và sự cần thiết phải xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng*

Chủ đề của tượng đài **đạt tiêu chí số 2, 3** trong bộ tiêu chí về nội dung của Quy hoạch.

Cụm di tích lịch sử - thắng cảnh Yên Đức nằm về phía Tây Nam xã Yên Đức, phía Đông Nam huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Với những dãy núi đá sừng sững cùng những hang động làm cho ta như lạc vào chốn thiên cung. Các ngọn núi với những tên gọi đặc trưng của nền văn minh lúa nước Việt Nam

như: Núi Canh (*cái cày*), Ngưu Ngọa (*trâu nằm*), núi Đồng Thốc, núi Thung (*cối già gạo*), núi Con Mèo (*Ngọa Miêu Sơn*), núi Con Chuột, núi Long Mã, núi Lũy, núi Áng Tái, núi Bút, núi Nghè, dãy Phụng Hoàng... Tất cả như hội tụ về đây tạo thành một danh sơn hữu tình, mỗi di tích đều mang một giá trị lịch sử, cách mạng, văn hóa riêng không chỉ có giá trị thắng cảnh tuyệt đẹp mà gắn liền với mỗi di tích là một truyền thuyết dân gian có liên hệ khăng khít mật thiết với nhau nhưng không thể tách rời.

Trong các ngọn núi ở cụm di tích, nổi bật nhất là **Di tích núi Canh** do hai ngọn núi của làng Yên Khánh và làng Đồn Sơn tạo thành giống như hình cái cày, tạo thành bức tường thành trấn ải cửa ngõ Đông Bắc của xã. Trong quá trình đấu tranh, dựng và giữ nước đứng trên đỉnh Núi Canh có thể bao quát toàn bộ các khu vực xung quanh, các trạm canh gác trên núi được xây dựng nên núi Canh còn có nghĩa là canh gác. Từ xa xưa Trần Nhân Tông đã chọn nơi đây để chỉ huy tầm xa chiến trận Bạch Đằng lần thứ 2 (1285). Vào thời kỳ kháng chiến chống Pháp núi Canh đã từng là căn cứ kháng chiến của nghĩa quân Yên Thế, là kho dự trữ lương thực, thực phẩm phục vụ cho kháng chiến. Cũng từ chiến dịch này các ngõ ngách, hang động trên núi Canh được khơi thông với những tên tuổi sống mãi với non sông, đất nước như: Hang gốc Bòng, hang gốc Gạo, hang Suối Tắm, hang Cửa Đình, hang Tiếp Tế, hang Luồn.

Đặc biệt, ở phía Tây núi Canh (ngày nay người dân trong vùng gọi là Hang 73 để tưởng nhớ đến 73 chiến sĩ đã anh dũng hi sinh), vào ngày 2/12/1950 là nơi ghi dấu tội ác tày trời của thực dân Pháp đã giết và hun khói vào hang giết chết 106 người trong đó có 73 chiến sĩ, cán bộ, hiện trước cửa hang đã xây mộ và bia cắm thù.

Cụm di tích và thắng cảnh Yên Đức đã được xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia theo quyết định số 2015-VH/QĐ ngày 16 tháng 12 năm 1993.

Hiện nay, làng quê Yên Đức là làng du lịch nổi tiếng với cảnh đẹp thơ mộng, có nhiều sản phẩm du lịch đặc sắc như các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, có nghệ thuật múa rối nước... Tuy nhiên, trong quy hoạch của làng thiếu một điểm nhấn về không gian, có thể tập trung đông người là nơi thu hút du khách dừng chân trước khi tham gia khám phá cảnh đẹp nơi đây. Do vậy, cần quy hoạch một không gian sinh hoạt cộng đồng đủ lớn, kết hợp xây một tượng đài hoặc tranh hoành tráng như lời chào mời du khách đến với làng quê Yên Đức.

*b. Lựa chọn, đánh giá khu đất dự kiến đặt tượng đài, tranh hoành tráng*

- *Vị trí, diện tích khu đất dự kiến*

Khu đất xây dựng có thể đặt tại khu vực giữa chùa Cảnh Hương và đền thờ Đức thánh Hang Sơn. Địa điểm cụ thể cần nghiên cứu thêm về quỹ đất và không gian khi thực hiện dự án.

- *Đánh giá hiện trạng kiến trúc, cảnh quan*

Khu vực lựa chọn xây dựng là khu trung tâm của làng, nơi có nhiều các công trình thờ cúng, tâm linh, xung quanh là ruộng lúa, hậu cảnh là ngọn núi Thung thơ mộng.

Vị trí đề xuất này **đạt đủ các tiêu chí** trong bộ tiêu chí về vị trí mà Quy hoạch yêu cầu.

Quy mô và nguồn vốn đầu tư dự kiến

- *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng: 1000m<sup>2</sup>;
- Chiều cao tượng đài dự kiến: Chiều cao 10m;
- Vật liệu dự kiến: Đá granite hoặc Đồng;
- Hình thức tượng đài: Biểu tượng.

- *Nguồn vốn đầu tư dự kiến*

- Nguồn vốn: Hỗn hợp;
- Quy mô đầu tư: Nhỏ
- Mức vốn đầu tư: 8 tỉ đồng;

- *Thời gian xây dựng dự kiến*

- Giai đoạn: 2021-2025;

- *Quản lý khai thác*

- Đơn vị quản lý khai thác: Phòng Văn hóa – thông tin thị xã Đông Triều.

#### 8.2.1.4. Tượng đài Phật Hoàng Trần Nhân Tông

##### a. Nội dung và sự cần thiết phải xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng

Chủ đề của tượng đài **đạt tiêu chí số 3** trong bộ tiêu chí về nội dung của Quy hoạch.

**Trần Nhân Tông** (1258 – 1308), là vị hoàng đế thứ 3 của nhà Trần trong lịch sử Việt Nam. Ông trị vì 15 năm (1278 – 1293) và làm Thái thượng hoàng 15 năm.

Ông được nhiều sử ký ca tụng như minh quân bậc nhất trong lịch sử Việt Nam, có vai trò lãnh đạo quan trọng trong kháng chiến chống Nguyên Mông lần 2 và lần 3. Lúc này, quân đội Đại Việt dưới sự chỉ huy trực tiếp của Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn đã đánh tan đội quân hùng mạnh của Nhà Nguyên, bảo vệ bờ cõi Đại Việt. Ngay sau khi dẹp yên quân giặc, ông cho giảm thuế, phát lương chẩn, tích cực khôi phục các công trình đã bị quân Nguyên hủy hoại, mau

chóng hời phục quốc gia, Đại Việt dần lấy lại sự hưng thịnh và phát triển cực thịnh thêm nữa.

Bên cạnh là một vị hoàng đế tài năng, Nhân Tông còn nổi tiếng là một nhà thơ xuất sắc của triều đại nhà Trần. Thơ ông có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa cảm quan triết học và cảm quan thế sự, có tinh thần lạc quan, yêu đời, vị tha.

Sau khi nhường ngôi cho con trai là Trần Anh Tông vào năm 1293, Vua Trần Nhân Tông xuất gia tu hành tại cung Vũ Lâm, Ninh Bình. Đến năm 1299 Vua mới rời đến Yên Tử (Quảng Ninh) tiếp tục tu hành và thành lập Thiên phái Trúc Lâm Yên Tử (còn gọi là phái thiên Trúc Lâm), lấy đạo hiệu là *Điều Ngự Giác Hoàng* (hay *Trúc Lâm đầu đà*). Ông là tổ thứ nhất của dòng Thiên Việt Nam này. Về sau ông được gọi cung kính là **Phật Hoàng** danh nhân Việt Nam.

Ông qua đời ngày 3 tháng 11 âm lịch năm Mậu Thân (tức 16 tháng 12 năm 1308), được an táng ở lăng Quy Đức, phủ Long Hưng, xá lý cất ở bảo tháp am Ngọa Vân.

Đề xuất nghiên cứu đặt tượng Phật Hoàng Trần Nhân Tông với tư thế nằm nghiêng tại khu vực núi gần Am Ngọa Vân nhằm tỏ lòng tôn kính với Phật Hoàng đồng thời tạo thêm sức hút, vẻ đẹp cho cảnh quan nơi đây.

*b. Lựa chọn, đánh giá khu đất dự kiến đặt tượng đài, tranh hoành tráng*

• *Vị trí, diện tích khu đất dự kiến*

Khu đất xây dựng dự kiến đặt tại khu vực chùa Ngọa Vân (nằm ngoài khu vực bảo vệ I của khu di tích Am Ngọa Vân), thuộc thôn Tây Sơn, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều. Cần có dự án nghiên cứu quy hoạch tổng thể khu di tích để lựa chọn vị trí chính xác cho tượng.

Diện tích đất xây dựng dự kiến: 3ha cho khu vực đặt tượng và khuôn viên xung quanh.

• *Đánh giá hiện trạng kiến trúc, cảnh quan*

Vị trí đề xuất này **đạt đủ các tiêu chí** trong bộ tiêu chí về vị trí mà Quy hoạch yêu cầu.

Khu vực lựa chọn xây dựng là khu vực núi cao hiểm trở, phong cảnh đẹp, thường có mây bao phủ. Hiện nay đã có cáp treo đưa khách du lịch tới chân chùa Ngọa Vân (đang thi công xây mới 8/2016). Việc lựa chọn vị trí đất chính xác đòi hỏi phải nghiên cứu tổng thể về công năng, địa hình tầm nhìn nhằm đảm bảo phát huy hiệu quả tối đa của tượng đài.

*c. Quy mô và nguồn vốn đầu tư dự kiến*

• *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng: 3ha;



- Chiều cao tượng đài dự kiến: Chiều cao từ 5-7m, dài 30m;
- Vật liệu dự kiến: Đá granite;
- Hình thức tượng đài: Tượng tròn – tượng đức vua đang trong tư thế nằm nghiêng (sư tử ngọa).
- *Nguồn vốn đầu tư dự kiến*
  - Nguồn vốn: Ngoài ngân sách;
  - Mức vốn đầu tư: 57 tỉ đồng;
- *Thời gian xây dựng dự kiến*
  - Giai đoạn: 2026-2030.
- *Quản lý khai thác*
  - Đơn vị quản lý khai thác: Ban Quản lý các di tích trọng điểm tỉnh Quảng Ninh.

#### 8.2.1.5. Tượng đài Chiến thắng Đồn Cao

##### a. Nội dung và sự cần thiết phải xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng

Chủ đề của tượng đài **đạt tiêu chí số 1** trong bộ tiêu chí về nội dung của Quy hoạch.

Đồn Cao ở Đông Triều là một căn cứ quân sự kiên cố thời Pháp, có vị trí quân sự chiến lược. Di tích đã được tỉnh Quảng Ninh xếp hạng di tích cấp Quốc gia vào ngày 25/8/2016.

Cần dựng tượng đài chiến thắng ở khu vực này nhằm tôn vinh chiến công tiêu diệt Đồn Cao và quân dân Đông Triều nói riêng và giải phóng vùng Đông Bắc đất nước nói chung. Đồng thời, tạo điểm nhấn, góp phần tạo dựng cảnh quan công viên Đồn Cao.

Thị xã Đông Triều hiện thiếu các công viên, cây xanh, khu vui chơi giải trí. Vì vậy, nên có dự án xây dựng nâng cấp khu công viên Đồn Cao, thành 1 công viên sinh thái, giải trí kết hợp thăm quan di tích lịch sử. Tại đây nên đặt đài kỉ niệm chiến thắng nhằm nhắc nhở đến công lao đấu tranh giải phóng đất nước của các thế hệ cha ông

##### b. Lựa chọn, đánh giá khu đất dự kiến đặt tượng đài, tranh hoành tráng

- *Vị trí, diện tích khu đất dự kiến*

Khu đất xây dựng dự kiến đặt tại Công viên Đồn Cao, phường Đông Triều, thị xã Đông Triều (nằm ngoài khu vực bảo vệ I của khu di tích Đồn Cao Đông Triều). Việc lựa chọn địa điểm chính xác đặt tượng đài cần kết hợp với một dự án tổng thể cải tạo, nâng cấp công viên Đồn Cao.

Dự kiến diện tích đất khu vực đặt tượng khoảng 2000m<sup>2</sup>.

- *Đánh giá hiện trạng kiến trúc, cảnh quan*

Vị trí đề xuất này **đạt đủ các tiêu chí** trong bộ tiêu chí về vị trí mà Quy hoạch yêu cầu.

Khu vực lựa chọn xây dựng là khu vực đồi cao có giao thông thuận lợi, cảnh đẹp với rừng thông và khả năng bao quát toàn thành phố Đông Triều. Đồn Cao là một di tích đồn Pháp xưa, hiện nay còn nhiều vết tích cổ, là một địa điểm thăm quan thú vị. Tuy nhiên, khi đến thăm nơi này hầu như không có chỉ dẫn, thông tin nào về lịch sử di tích. Nếu như kết hợp được khu đồi thông và di tích thành một công viên giải trí, lịch sử, sinh thái thì sẽ trở thành một điểm đến hấp dẫn.

*c. Quy mô và nguồn vốn đầu tư dự kiến*

• *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng: 2000m<sup>2</sup>;
- Chiều cao tượng đài dự kiến: Chiều cao 7m;
- Vật liệu dự kiến: Đá granite;
- Hình thức tượng đài: Tượng tròn hoặc phù điêu.

• *Nguồn vốn đầu tư dự kiến*

- Nguồn vốn: Ngoài ngân sách;
- Quy mô đầu tư: Nhỏ
- Mức vốn đầu tư: 7 tỉ đồng;

• *Thời gian xây dựng dự kiến*

- Giai đoạn: 2026-2030;

• *Quản lý khai thác*

- Đơn vị quản lý khai thác: Phòng Văn hóa – thông tin thị xã Đông Triều.

## **8.2.2. Thành phố Uông Bí**

### *8.2.2.1. Biểu tượng Khu du lịch Yên Tử*

*a. Nội dung và sự cần thiết phải xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng*

Chủ đề của tượng đài **đạt tiêu chí số 4** trong bộ tiêu chí về nội dung của Quy hoạch.

**Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử** bao gồm một hệ thống các di tích lịch sử văn hóa gắn liền với sự ra đời, hình thành và phát triển của thiền phái Trúc Lâm độc đáo ở Việt Nam. Các di tích này nằm ở khu vực giáp ranh giữa 3 tỉnh Bắc Giang, Hải Dương và Quảng Ninh, bao gồm 5 khu vực: Khu di tích và danh thắng Đông Yên Tử (TP Uông Bí, Quảng Ninh), Khu di tích lịch sử nhà Trần (Đông Triều, Quảng Ninh), Khu di tích và danh thắng Tây Yên Tử (nằm trên các huyện Yên Dũng, Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động tỉnh Bắc Giang), Khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc – Thanh Mai (Chí Linh, tỉnh Hải Dương).

Hiện nay, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang triển khai việc phối hợp với UBND các tỉnh Bắc Giang, Hải Dương và Quảng Ninh lập hồ sơ di tích - danh thắng Yên Tử đệ trình Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc UNESCO xem xét, công nhận là Di sản thế giới. Đây có thể là di sản thế giới liên tỉnh đầu tiên ở Việt Nam.

Trong các khu vực thuộc quần thể danh thắng Yên Tử, khu vực thuộc địa phận thành phố Uông Bí được coi là vị trí trung tâm. Tại đây, nhiều di tích lịch sử, văn hóa vẫn đang được bảo tồn. Từ xưa các tín đồ đạo Phật Việt Nam đã đến Yên Tử dựng am cỏ cầu kinh niệm Phật. Vào thế kỷ thứ III trước công nguyên, đạo sĩ An Kỳ Sinh (Yên Kỳ Sinh) đã đến nơi đây tu hành, giảng đạo...

Đặc biệt, từ thời Trần (1226 - 1400), Yên Tử đã được đầu tư xây dựng thành khu Quần thể kiến trúc chùa, tháp có quy mô to lớn. Khởi đầu là Trần Cảnh (vua Trần Thái Tông) đến Yên Tử tháng 4 năm Bính Thân (1236). Sau đó, Trần Nhân Tông (Trần Khâm) - vị vua của hai cuộc kháng chiến đại thắng quân Nguyên - Mông vào năm 1285 và 1288. Nhưng vào lúc triều đại nhà Trần đang hưng thịnh, Trần Nhân Tông đã nhường ngôi cho con để chuyên tâm nghiên cứu đạo Phật và tìm đến Yên Tử tu hành.

Năm 1299, Trần Nhân Tông đã chính thức thành lập nên Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử bằng cả một hệ thống lý thuyết và hành động gắn đạo với đời. Ông được coi là vị Sư Tổ thứ nhất của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử mang Phật danh Điều Ngự Giác Hoàng. Kế tục sự nghiệp của ông là Sư Tổ Pháp Loa và Huyền Quang Tôn Giả. Cả ba vị được gọi là Trúc Lâm Tam Tổ. Từ đó, Yên Tử trở thành kinh đô tư tưởng của Phật phái Trúc Lâm, đánh dấu sự phát triển triết học và tư tưởng của dân tộc Việt Nam trong các thế kỷ 13 và 14. Gắn liền với lịch sử phát triển dòng thiền Trúc Lâm tại Yên Tử là việc xây dựng và hình thành một quần thể các công trình kiến trúc gồm nhiều chùa và hàng trăm am, tháp, mộ, bia, tượng. Quần thể kiến trúc này được đặt trong một tổng thể cảnh quan hùng vĩ, trải dài hàng chục km tạo thành Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử. Ngày này, hàng năm có hàng vạn lượt người đổ về Yên Tử hành hương, niệm Phật.

Có thể nói, danh thắng Yên Tử từ lâu đã là điểm tham quan nổi bật nhất khi nhắc đến thành phố Uông Bí. Do đó việc xây dựng một tượng đài, tranh hoành tráng nhằm quảng bá hình ảnh của Danh thắng này ngay tại cửa ngõ thành phố lời chào mừng du khách của địa phương là cần thiết.

**b. Lựa chọn, đánh giá khu đất dự kiến đặt tượng đài, tranh hoành tráng**

- Vị trí, diện tích khu đất dự kiến

Khu đất lựa chọn là Bùng bình ngã 3 giao giữa quốc lộ 10 và quốc lộ 18, trên địa phận thôn Tân Lập, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí.

- + Phía Đông là tòa nhà Bưu Điện;
- + Phía Tây là ruộng lúa;
- + Phía Nam là nhà dân;
- + Phía Bắc là nhà dân.

Diện tích khu đất dự kiến là đảo giao thông tròn có diện tích khoảng 2000m<sup>2</sup> bán kính bùng bình khoảng 20m.

- *Đánh giá hiện trạng kiến trúc, cảnh quan*

Vị trí đề xuất này **đạt đủ các tiêu chí** trong bộ tiêu chí về vị trí mà Quy hoạch yêu cầu.

Khu đất là đảo giao thông tròn, nút của 2 đường Quốc lộ 10 và Quốc lộ 18. Cảnh quan xung quanh gồm ruộng lúa và nhà dân. Đảo giao thông rộng và có tầm nhìn tốt từ các cung đường. Tuy nhiên vì đặt ở vị trí đảo giao thông nên tượng cần có chiều cao lớn để tránh phân tâm cho tài xế khi tham gia giao thông qua giao lộ này.

- c. *Quy mô và nguồn vốn đầu tư dự kiến*

- *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng: 2000m<sup>2</sup>;
- Chiều cao tượng đài dự kiến: Chiều cao 10m;
- Vật liệu dự kiến: Kim loại;
- Hình thức tượng đài: Biểu tượng.

- *Nguồn vốn đầu tư dự kiến*

- Nguồn vốn: Ngoài ngân sách;
- Mức vốn đầu tư: 14 tỉ đồng;
- Quy mô đầu tư: Nhỏ.

- *Thời gian xây dựng dự kiến*

- Giai đoạn: 2017-2020;

- *Quản lý khai thác*

- Đơn vị quản lý khai thác: Phòng Văn hóa – thông tin thành phố Uông Bí.

### **8.2.3. Thị xã Quảng Yên**

#### **8.2.3.1. Tượng đài Hưng đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn**

- a. *Nội dung và sự cần thiết phải xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng*

Chủ đề của tượng đài **đạt tiêu chí số 3** trong bộ tiêu chí về nội dung của Quy hoạch.

Trần Hưng Đạo (năm sinh chưa rõ, mất ngày 20 tháng 8, 1300), tên thật là Trần Quốc Tuấn, còn được gọi là Hưng Đạo Vương hay Nhân Vũ Hưng Đạo Đại Vương là một nhà quân sự, chính trị, nhà văn, Tư lệnh tối cao (Quốc Công Tiết Chế) của Việt Nam thời nhà Trần.

Dưới sự lãnh đạo của Trần Hưng Đạo, quân đội nhà Trần đã vượt qua vô vàn khó khăn và nguy hiểm, chỉ với số quân ít lại ba lần đánh tan hàng vạn quân Mông Nguyên xâm lược hùng mạnh, giành thắng lợi lẫy lừng. Vai trò của ông đã góp phần rất lớn đến thắng lợi này nên chiến công ở đây thường gắn liền với tên tuổi của ông. Công lao to lớn này đã đưa ông lên hàng *"thiên tài quân sự có tầm chiến lược, và là một anh hùng dân tộc bậc nhất của nhà Trần"*, một bậc thầy về chiến lược quân sự giữ nước.

Có thể nói tư tưởng quán xuyên suốt đời của Trần Hưng Đạo, là *một tấm lòng tận tụy đối với đất nước, là ý muốn đoàn kết mọi tầng lớp trong dân tộc thành một lực lượng thống nhất, là tình thân yêu thương dân. Cho nên trước khi mất, ông vẫn còn dặn vua Trần Anh Tông rằng: "Phải nói sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc" cho sự nghiệp lâu dài của nước nhà*".

Trần Hưng Đạo được phong tước Hưng Đạo Đại Vương. Sau đó, ông lui về ở Vạn Kiếp, nơi ông được phong ấp (nay thuộc xã Hưng Đạo, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương). Nhân dân lúc bấy giờ kính trọng ông, lập đền thờ sống ông ở Vạn Kiếp. Sau khi ông mất, triều đình nhà Trần phong tặng ông là *"Thái sư Thượng Phụ Thượng Quốc công Nhân Vũ Hưng Đạo Đại Vương"*. Ông được nhân dân cả nước tôn vinh là *"Đức Thánh Trần"* và lập đền thờ ở nhiều nơi trong đó có đền thờ tại di tích chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 trên địa phận thị xã Quảng Yên ngày nay.

Mảnh đất Quảng Yên, nơi đặt đền thờ Trần Hưng Đạo ngày nay là nơi chứng kiến trận đánh Bạch Đằng lịch sử năm 1288, chống lại cuộc xâm lược lần thứ 3 của quân Nguyên Mông. Tương truyền rằng trong khi đi thị sát địa hình chuẩn bị bãi cọc ngầm chống giặc, Trần Hưng Đạo đi qua bến đò và trò chuyện với một bà cụ bán hàng. Cụ đã nói cho ông về quy luật lên xuống của thủy triều, địa thế lòng sông, đồng thời mách ông kết hợp chiến thuật hoả công để đánh giặc. Hưng Đạo Vương áp dụng chiến thuật bãi cọc của Ngô Quyền đã đánh tan quân giặc. Trận đại chiến Bạch Đằng 1288 đã tiêu diệt 3 vạn quân Nguyên và 400 chiến thuyền. Sau khi thắng trận, Trần Hưng Đạo quay lại bến đò tìm bà cụ bán nước thì không thấy nữa. Nghĩ đến lời của bà hàng nước, ông dâng sớ xin nhà Vua phong sắc cho bà là "Vua Bà" và lập đền thờ tại đây. Hiện nay, Miếu Vua Bà nằm ngay trong khuôn viên đền thờ Trần Hưng Đạo.

Hiện nay, với những giá trị lịch sử, văn hóa và khoa học đặc biệt của Khu di tích, ngày 27/9/2012, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định xếp hạng Khu di tích lịch sử Chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 là Di tích Quốc gia đặc biệt (Quyết định số 1419/QĐ-TTg). UBND tỉnh Quảng Ninh lập dự án: “*Quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích lịch sử Bạch Đằng, tỉnh Quảng Ninh*” và được Chính phủ phê duyệt theo quyết định số 322/QĐ-TTg, ngày 18/2/2013. Trong dự án này, có dành riêng quỹ đất để xây dựng tượng đài Trần Hưng Đạo.

*b. Lựa chọn, đánh giá khu đất dự kiến đặt tượng đài, tranh hoành tráng*

• *Vị trí, diện tích khu đất dự kiến*

Vị trí được lựa chọn thuộc ranh giới dự án “*Quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích lịch sử Bạch Đằng, tỉnh Quảng Ninh*” được chính phủ phê duyệt, thuộc phường Yên Giang, thị xã Quảng Yên.

• *Đánh giá hiện trạng kiến trúc, cảnh quan*

Vị trí đề xuất này **đạt đủ các tiêu chí** trong bộ tiêu chí về vị trí mà Quy hoạch yêu cầu.

Khu đất dự kiến sẽ được quy hoạch như một tổng thể công viên di tích. Phục vụ nhu cầu thăm quan, du lịch, thờ cúng của nhân dân. Trong đó tượng đài Trần Hưng Đạo sẽ được đặt ở trung tâm khu đất thẳng với trục chính của đền thờ.

*c. Quy mô và nguồn vốn đầu tư dự kiến*

• *Quy mô tượng đài*

- Theo dự án “*Quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích lịch sử Bạch Đằng, tỉnh Quảng Ninh*”;
- Diện tích xây dựng dự kiến: 2000m<sup>2</sup>;
- Dự kiến chiều cao: 15m

• *Nguồn vốn đầu tư dự kiến*

- Nguồn vốn: Hỗn hợp;
- Quy mô đầu tư: Trung bình
- Mức vốn đầu tư: 20 tỉ đồng riêng phần tượng đài;

• *Thời gian xây dựng dự kiến*

- Giai đoạn: 2021-2025;

• *Quản lý khai thác*

- Đơn vị quản lý khai thác: Phòng Văn hóa – thông tin thị xã Quảng Yên.

#### **8.2.3.2. Tượng đài Vua Lê Thánh Tông**

*a. Nội dung và sự cần thiết phải xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng*

Chủ đề của tượng đài **đạt tiêu chí số 3** trong bộ tiêu chí về nội dung của Quy hoạch.

Lê Thánh Tông (1442 - 1497), là hoàng đế thứ 5 của nhà Lê Sơ trong lịch sử Việt Nam. Lê Thánh Tông trị vì 38 năm (1460 – 1497). Trong thời kỳ cầm quyền của Lê Thánh Tông, nước Đại Việt phát triển rực rỡ về mọi mặt kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, quân sự và trở thành một cường quốc, nền Quân chủ chuyên chế Việt Nam đạt đến đỉnh cao. Thời kỳ này được gọi là thời kỳ thịnh trị Hồng Đức.

Tương truyền, trong chuyến xa giá duyệt quân trên sông Bạch Đằng ra Hải Đông, Nhà vua - Thi sĩ Lê Thánh Tông qua đây, trước cảnh sông nước hữu tình đã dừng lại, sai lập hành dinh trên một bên nhỏ. Ban đêm thấy trăng thanh gió mát, cảnh vật yên tĩnh, nước chảy nhẹ nhàng như trong mộng, nhà vua liền tức cảnh làm thơ. Dân gian gọi bên sông đó là Bến Ngự. Bến Ngự có bến đò Chanh (nay là bến phà Chanh).

*b. Lựa chọn, đánh giá khu đất dự kiến đặt tượng đài, tranh hoành tráng*

- *Vị trí, diện tích khu đất dự kiến*

Vị trí được lựa chọn thuộc ranh giới dự án Công viên Bến Ngự dự kiến.

- *Đánh giá hiện trạng kiến trúc, cảnh quan*

Vị trí đề xuất này **đạt đủ các tiêu chí** trong bộ tiêu chí về vị trí mà Quy hoạch yêu cầu.

Khu đất dự kiến sẽ được quy hoạch nằm trong tổng thể công viên Bến Ngự dự kiến xây dựng. Việc lựa chọn chính xác vị trí tùy thuộc vào thiết kế cảnh quan của công viên.

*c. Quy mô và nguồn vốn đầu tư dự kiến*

- *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng cho khu vực tượng đài: 500m<sup>2</sup>;
- Chiều cao tượng đài dự kiến: 7m;
- Vật liệu dự kiến: Đá granite hoặc đồng;
- Hình thức tượng đài: Tượng tròn.

- *Nguồn vốn đầu tư dự kiến*

- Nguồn vốn: Hỗn hợp;
- Mức vốn đầu tư: 6 tỉ đồng;
- Quy mô: Nhỏ.

- *Thời gian xây dựng dự kiến*

- Giai đoạn: 2026-2030;

- *Quản lý khai thác*

- Đơn vị quản lý khai thác: Phòng Văn hóa – Thông tin thị xã Quảng Yên.

### 8.2.3.3. Tượng đài các vị Tiên Công

#### a. Nội dung và sự cần thiết phải xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng

Chủ đề của tượng đài **đặt tiêu chí số 3** trong bộ tiêu chí về nội dung của Quy hoạch.

Đảo Hà Nam- hòn đảo trù phú nằm giữa bốn bề sông nước mênh mông. Trải qua bao thế kỉ, cư dân trên hòn đảo nhỏ vẫn không ngừng ra sức phấn đấu, xây dựng hòn đảo ngày một giàu đẹp hơn. Có được diện mạo của Hà Nam hôm nay, mỗi người dân nơi đây luôn nhớ ơn công lao quai đê lấn biển khai sinh ra đảo Hà Nam của các vị Tiên Công.

Chuyện kể rằng: xưa kia đảo Hà Nam chỉ là một bãi bồi ở cửa sông Bạch Đằng, khi triều lên nước ngập mênh mông chỉ còn một số tượng nổi lên, xung quanh sù, vẹt...mọc um tùm. Thời vua Lê Thái Tông (1434) nhà vua muốn mở rộng kinh thành nên cho phép các cư dân đi tìm nơi khác để lập làng. Khi ấy có 17 vị ở phường Kim Hoa, phủ Hoài Đức, phía Nam thành Thăng Long đã đưa gia đình xuôi dòng sông Hồng ra cửa sông Bạch Đằng cắm thuyền tìm đất. Vào một đêm, khi đang trú ở một gò nổi trên bãi triều, họ nghe thấy tiếng ếch nhái kêu, biết nơi này có nước ngọt nên quyết định dừng lại đây để khai phá đất đai. Một thời gian sau, có thêm 2 gia đình khác quê huyện Trà Lý, tỉnh Thái Bình cũng tìm đến. Kể từ ngày đó, vùng đất mới này đón thêm các nhóm dân cư khác đến đây làm ăn sinh sống. Trong quá trình khai đất, lập làng vùng đất này đã hình thành những làng xã đầu tiên, với những tên gọi khác nhau.

Để tưởng nhớ và tri ân công lao to lớn đó của các vị Tiên Công nhân dân đã lập đền thờ có tên là Thập Cửu Tiên Công. Hàng năm, vào ngày mùng 7 tháng giêng, làng mở lễ hội Tiên Công là dịp con cháu của các vị Tiên Công ở khắp mọi nơi tụ hội về trong Lễ mừng rước các cụ thượng thọ lên miếu. Đây là một trong những lễ hội truyền thống lớn nhất, mở đầu hàng năm của huyện Yên Hưng.

Hiện nay, cảnh quan đền thờ các vị Tiên công phía trước là sân làng, ao làng, nơi đây trở thành không gian sinh hoạt cộng đồng của làng. Việc xây tượng đài, tranh hoành tráng ghi nhớ công đức các vị Tiên Công vừa có ý nghĩa tâm linh vừa góp phần làm đẹp cảnh quan khu vực miếu thờ.

Hiện dự án quy hoạch xây dựng trung tâm lễ hội văn hóa miếu Tiên Công đã được UBND thị xã Quảng Yên đưa vào danh mục đăng kí dự án ưu tiên đầu tư gửi UBND tỉnh tại văn bản số 2035/UBND-TCKH ngày 9/12/2016 của UBND thị xã Quảng Yên về danh mục dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2017-2020.

#### b. Lựa chọn, đánh giá khu đất dự kiến đặt tượng đài, tranh hoành tráng



- *Vị trí, diện tích khu đất dự kiến*

Vị trí được lựa chọn dự kiến nằm tại khu vực sân hoặc hồ nước trước miếu thờ Tiên Công, xã Cẩm La, thị xã Quảng Yên.

Diện tích khu vực cảnh quan cải tạo dự kiến khoảng hơn 4000m<sup>2</sup> trong đó khu vực đặt tượng khoảng 50-100m<sup>2</sup>.

- *Đánh giá hiện trạng kiến trúc, cảnh quan*

Vị trí đề xuất này **đạt đủ các tiêu chí** trong bộ tiêu chí về vị trí mà Quy hoạch yêu cầu.

Khu đất dự kiến nằm phía trước đền thờ, là sân rộng, có ao làng được kè và làm đường dạo lát gạch đỏ bao quanh. Toàn bộ lô đất có diện tích khoảng hơn 4000m<sup>2</sup> xung quanh là nhà dân. Tạo thành một quảng trường nhỏ không gian kín. Hiện nay quy hoạch mặt bằng khu vực này khá lộn xộn. Do vậy, khi đặt tượng đài hoặc tranh hoành tráng vào khu vực này cần kết hợp thực hiện dự án quy hoạch tổng thể cho cả lô đất.

- c. Quy mô và nguồn vốn đầu tư dự kiến*

- *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng cho khu vực tượng đài: hơn 4000m<sup>2</sup>;
- Chiều cao tượng đài dự kiến: chiều cao 6m;
- Vật liệu dự kiến: Đá granite hoặc đồng;
- Hình thức tượng đài: Tượng tròn hoặc phù điêu, tranh hoành tráng.

- *Nguồn vốn đầu tư dự kiến*

- Nguồn vốn: Ngoài ngân sách;
- Mức vốn đầu tư: 9 tỉ đồng;

- *Thời gian xây dựng dự kiến*

- Giai đoạn: 2017-2020;

- *Quản lý khai thác*

- Đơn vị quản lý khai thác: Phòng Văn hóa - thông tin thị xã Quảng Yên.

## 8.2.4. Thành phố Hạ Long

### 8.2.4.1. Biểu tượng du lịch thành phố Hạ Long

- a. Nội dung và sự cần thiết phải xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng*

Chủ đề của tượng đài **đạt tiêu chí số 4** trong bộ tiêu chí về nội dung của Quy hoạch.

**Thành phố Hạ Long** là thành phố tỉnh lỵ, trung tâm văn hóa, kinh tế, chính trị của tỉnh Quảng Ninh, thuộc vùng duyên hải Bắc Bộ. Thành phố Hạ Long được thành lập ngày 27 tháng 12 năm 1993, trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của thị xã Hồng Gai. Ngày 10/10/2013, Chính phủ ban hành quyết định số

1838/QĐ-TTg công nhận thành phố Hạ Long là đô thị loại I. Từ lâu nay, khi nhắc tới thành phố Hạ Long người ta thường liên tưởng tới Vịnh Hạ Long và ngược lại, bởi Vịnh Hạ Long chính là trái tim, là hình ảnh đại diện của thành phố Hạ Long.

Về **Vịnh Hạ Long**, từ hơn 500 năm về trước trong bài thơ *Lộ nhập Vân Đồn*, Nguyễn Trãi đã lần đầu tiên ca ngợi vịnh Hạ Long là "kỳ quan đá dựng giữa trời cao". Năm 1962 Bộ Văn hóa - Thông tin (Việt Nam) đã xếp hạng vịnh Hạ Long là di tích danh thắng cấp quốc gia đồng thời quy hoạch vùng bảo vệ. Năm 1994 vùng lõi của vịnh Hạ Long được UNESCO công nhận là Di sản Thiên nhiên Thế giới với giá trị thẩm mỹ (tiêu chuẩn VII), và được tái công nhận lần thứ 2 với giá trị ngoại hạng toàn cầu về địa chất-địa mạo (tiêu chuẩn VIII) vào năm 2000. Cùng với vịnh Nha Trang và vịnh Lăng Cô của Việt Nam, vịnh Hạ Long là một trong số 29 vịnh được Câu lạc bộ những vịnh đẹp nhất thế giới xếp hạng và chính thức công nhận vào tháng 7 năm 2003.

Với các giá trị ngoại hạng về cảnh quan và địa chất, địa mạo, lại là trung tâm của khu vực có nhiều yếu tố đồng dạng bao gồm vịnh Bái Tử Long phía Đông Bắc, quần đảo Cát Bà với vịnh Cát Bà và vịnh Lan Hạ phía Tây Nam, vịnh Hạ Long hội tụ những điều kiện thuận lợi để phát triển ngành kinh tế du lịch với loại hình đa dạng, bao gồm: các hoạt động nghiên cứu khoa học, tham quan ngắm cảnh, tắm biển, bơi thuyền, thả dù, lặn khám phá rặng san hô, câu cá giải trí...

Tuy được biết đến với nhiều những nét nổi bật về thiên nhiên, phong cảnh, con người, nhưng hiện nay thật dễ thấy một hình ảnh mang tính biểu trưng cho thành phố Hạ Long. Từ trước đến nay, một số hình ảnh như: Hòn Trống Mái, hang Bồ Nâu, Cánh buồm Nâu thường được dùng để đại diện cho Vịnh Hạ Long, tuy nhiên không một hình ảnh nào đủ sức trở thành biểu tượng thực sự cho Vịnh Hạ Long và thành phố Hạ Long.

Việc tìm kiếm một hình ảnh biểu trưng cho thành phố Hạ Long, nhằm phục vụ công tác quảng bá hình ảnh, nhận diện thương hiệu cho du lịch Hạ Long là rất cần thiết. Đồng thời, trong không gian đô thị của thành phố Hạ Long vẫn thiếu vắng một địa điểm mang tính chất tượng trưng đặc biệt, nơi mà bất kì du khách nào ghé thăm Hạ Long cũng cần ghé qua, tương tự như: Nhà hát Opera Sydney của thành phố Sydney; Tượng Sư tử biển Merlion ở công viên Merlion Park bên bờ vịnh Marina của Singapor; Tượng Bác Hồ trên đại lộ Nguyễn Huệ, thành phố Hồ Chí Minh; tháp Rùa Hồ Gươm, Hà Nội... Hiện nay, với nỗ lực

xây dựng hình ảnh đô thị, các công trình như bảo tàng Quảng Ninh, Cung Quy hoạch, Hội chợ và Triển lãm đã và đang được xây dựng.

Tuy nhiên thật khó để các công trình này được coi là biểu tượng của thành phố Hạ Long bởi có những hạn chế, như: vị trí, các công trình này được đặt tại khu vực có tầm nhìn rất hạn chế ra vịnh; về hình tượng các công trình này đều không gợi liên tưởng nào mạnh mẽ đến thành phố Hạ Long.

Như vậy, nhiệm vụ tìm ra địa điểm phù hợp và xây dựng một **biểu tượng cho thành phố Hạ Long** là cần thiết và phải nhanh chóng thực hiện. Lựa chọn, đánh giá vị trí khu đất dự kiến đặt tượng đài, tranh hoành tráng.

*b. Lựa chọn, đánh giá vị trí khu đất dự kiến đặt tượng đài, tranh hoành tráng*

• *Vị trí, diện tích khu đất dự kiến*

Vị trí xây dựng dự kiến: Vị trí nằm tại bờ vịnh Cửa Lục phía bên Hòn Gai, vị trí này được xác định là vị trí đặt biểu tượng thành phố Hạ Long trong quy hoạch chung xây dựng thành phố Hạ Long đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050.

Địa chỉ: Phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long.

• *Đánh giá hiện trạng kiến trúc, cảnh quan*

Vị trí đề xuất này **đạt đủ các tiêu chí** trong bộ tiêu chí về vị trí mà Quy hoạch yêu cầu.

Khu đất nằm ở bờ biển bên Hòn Gai đang trong quá trình hoàn thiện sẽ trở thành một quảng trường nhỏ hướng ra biển nơi có tầm nhìn đẹp rộng rãi và là điểm kết thúc vườn hoa mới của thành phố, nằm trong khu đô thị Dragon Bay. Khu đất có vị trí khá tốt có thể nhìn thấy từ ngoài vịnh Hạ Long, từ trên cầu Bãi Cháy, từ 2 bên bờ Vịnh.

*c. Quy mô và nguồn vốn đầu tư dự kiến*

• *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng: 1500m<sup>2</sup>
- Chiều cao tượng đài dự kiến: 10-30m;
- Hình thức tượng đài: Tượng tròn;
- Vật liệu dự kiến: Đá hoặc kim loại;

• *Nguồn vốn đầu tư*

- Nguồn vốn: Hỗn hợp;
- Mức vốn đầu tư: 150 tỉ đồng;
- Quy mô: Lớn.

• *Thời gian xây dựng dự kiến*

- Giai đoạn: 2017-2020;

• *Quản lý khai thác*

- Đơn vị quản lý khai thác: UBND thành phố Hạ Long.

#### 8.2.4.2. Tượng đài Bến phà Bãi Cháy Anh Hùng

##### a. Nội dung và sự cần thiết phải xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng

Chủ đề của tượng đài **đạt tiêu chí số 2** trong bộ tiêu chí về nội dung của Quy hoạch.

Theo tư liệu lịch sử ngày 12-3-1883, tàu chiến của hải quân Pháp tiến vào Vịnh Cửa Lục, chúng đưa quân đóng đồn trên đỉnh đồi Bãi Cháy, mở đầu cho 72 năm chiếm đóng và khai thác than ở Vùng mỏ Quảng Ninh. Bến phà Bãi Cháy ra đời cũng căn bản từ ngày ấy. Dưới thời thuộc Pháp, bến phà Bãi Cháy đã chứng kiến bao sự kiện lịch sử mà tiêu biểu là Cách mạng Tháng Tám năm 1945: Nhân dân Khu mỏ đã tung bùng nổ ra đường chào mừng quân cách mạng, Bến phà Bãi Cháy trên bến, dưới thuyền nhuộm đỏ màu cờ đỏ sao vàng chào đón quân cách mạng. Ngày 25-4-1955, hình ảnh tên lính Pháp cuối cùng rút xuống tàu cũng ở Bến phà Bãi Cháy (phía Hòn Gai), được nhiều tư liệu lịch sử miêu tả như là dấu chấm hết của 72 năm thực dân Pháp chiếm đóng và khai thác các mỏ than Quảng Ninh. Từ đây, lịch sử của Quảng Ninh mở sang một trang mới.

Trong giai đoạn quyết liệt nhất của chiến tranh phá hoại Miền Bắc của đế quốc Mỹ, quân, dân và cán bộ, công nhân bến phà Bãi Cháy đã kiên cường chiến đấu giữ vững giao thông ngày đêm đưa những chuyến phà vận chuyển vũ khí, khí tài, quân trang phục vụ kháng chiến. Giặc Mỹ đã tiến hành 35 trận đánh phá trực tiếp, thả 534 quả bom, bắn hàng nghìn quả rốc-kết nhằm cắt đứt mạch máu giao thông. Đã có 5 thuyền viên và nhiều chiến sỹ ngã xuống nơi đây.

Chiến tranh kết thúc, đất nước từng bước đổi mới, mở cửa và hội nhập. Quảng Ninh trở thành một trong các vùng kinh tế trọng điểm của cả nước. Bến phà Bãi Cháy tiếp tục là điểm nối giao thông huyết mạch trên đường 18A, góp phần quan trọng vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói riêng, cả nước nói chung.

Mỗi năm trung bình có tới hàng chục triệu lượt người và xe qua lại Bãi Cháy được đảm bảo an toàn. Ngày 2-12-2006, ngày cây cầu Bãi Cháy khánh thành, cũng là ngày bến phà Bãi Cháy phục vụ những chuyến phà cuối cùng, hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình, chuyển giao nhiệm vụ nối mạch giao thông cho cầu Bãi Cháy hiện đại có những kỷ lục nhất Việt Nam.

Với những chiến công và thành tích lập nên, tập thể cán bộ, công nhân viên chức, lực lượng tự vệ của bến phà Bãi Cháy đã được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động hai lần vào các năm 1985 và 1996, danh

hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân vào năm 2000 cùng nhiều huân, huy chương bằng khen các loại của các bộ, ngành trung ương và của tỉnh - một thành tích hiếm có cơ quan, đơn vị nào của Quảng Ninh có được. Phà Bãi Cháy đã trở thành một phần của lịch sử vùng mỏ Quảng Ninh. Đối với nhiều người dân Quảng Ninh, địa danh này đã in sâu vào ký ức của họ.

Xét vai trò, ý nghĩa lịch sử của nó, thiết nghĩ bên phà Bãi Cháy rất xứng đáng được ngành Văn hoá - Thông tin lập hồ sơ xếp hạng di tích lịch sử, đồng thời dựng tượng đài hoặc tranh hoành tráng ghi dấu, nhằm giáo dục truyền thống cho các thế hệ hôm nay và mai sau. Mặt khác, tượng đài, tranh hoành tráng dựng lên tại địa danh này sẽ là sự bổ sung rất có ý nghĩa cho di tích lịch sử đồi Đặng Bá Hát và tô đẹp thêm cho cây cầu Bãi Cháy nói riêng, di sản Vịnh Hạ Long nói chung.

Khi thiết kế biểu tượng cần tính đến việc chung hòa về quy mô, hình thức với các tượng đài, biểu tượng xung quanh (biểu tượng thành phố Hạ Long, tranh hoành về vịnh Hạ Long di sản thiên nhiên thế giới, đài kỉ niệm chiến thắng trận đầu).

*b. Lựa chọn, đánh giá vị trí khu đất dự kiến đặt tượng đài, tranh hoành tráng*

• *Vị trí, diện tích khu đất dự kiến*

Nằm trên địa điểm di tích Bến phà xưa, lựa chọn một trong 2 bên (bên Bãi Cháy hoặc bên Hòn Gai) hoặc cả hai bên tùy theo ý tưởng thiết kế.

Địa chỉ: Phường Bãi cháy – Phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long.

• *Đánh giá hiện trạng kiến trúc, cảnh quan*

Vị trí đề xuất này **đạt đủ các tiêu chí** trong bộ tiêu chí về vị trí mà Quy hoạch yêu cầu.

Đây là vị trí lịch sử của bến phà xưa, đồng thời là nơi có tầm nhìn đẹp thuộc khu vực trung tâm du lịch giải trí của Vịnh Hạ Long... Đây là nơi có thể được ngắm nhìn rất nhiều điểm khác nhau trong thành phố, như: Núi Bài Thơ, cầu Bãi Cháy, cáp treo Sun Wheel, khu Công viên Đại Dương, khu biệt thự Vinco và ngược lại.

Với phân tích về đặc điểm riêng của tượng đài nhóm chuyên gia đề xuất dựng cụm tượng đài đôi gồm 2 phần 1 phần nằm ở bên bên địa phận Bãi Cháy và 1 phần nằm tại bên bên địa phận Hòn Gai.

Tại vị trí bến Phà xưa, riêng vị trí bến phà bên bờ Bãi Cháy vị trí bến phà cũ nằm dưới gầm cầu Bãi Cháy quá gần hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông nên chúng tôi đề xuất sử dụng khu đất quảng trường có ngọn hải đăng (cũ) làm vị trí đặt biểu tượng.

*c. Quy mô và nguồn vốn đầu tư dự kiến*

• *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng: 1ha;
- Chiều cao tượng đài dự kiến: 15m;
- Vật liệu dự kiến: đá hoặc kim loại;
- *Nguồn vốn đầu tư*
  - Nguồn vốn: Hỗn hợp;
  - Mức vốn đầu tư: 100 tỉ đồng
- *Thời gian xây dựng dự kiến*
  - Giai đoạn: 2021-2025;
  - Trong đó giai đoạn tìm ý tưởng bắt đầu ngay từ năm 2017.
- *Quản lý khai thác*
  - Đơn vị quản lý khai thác: Phòng Văn hóa thông tin thành phố Hạ Long.

#### 8.2.4.3. *Biển tên Vịnh Hạ Long – Di sản thiên nhiên thế giới*

##### *a. Nội dung và sự cần thiết phải xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng*

Chủ đề của tượng đài **đạt tiêu chí số 4** trong bộ tiêu chí về nội dung của Quy hoạch.

Vịnh Hạ Long là một vịnh nhỏ thuộc phần bờ Tây vịnh Bắc Bộ, bao gồm vùng biển đảo thuộc thành phố Hạ Long, thị xã Cẩm Phả và một phần của huyện đảo Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh. - Vịnh Hạ Long bao gồm 1.969 hòn đảo lớn nhỏ, trong đó 989 đảo có tên và 980 đảo chưa được đặt tên, diện tích 1.553km<sup>2</sup> gồm vùng lõi và vùng đệm. - Vùng di sản trên vịnh Hạ Long được thế giới công nhận có diện tích 434km<sup>2</sup>, như một hình tam giác với ba đỉnh là đảo Đầu Gỗ (phía Tây), hồ Ba Hầm (phía Nam) và đảo Cống Tây (phía Đông), bao gồm 775 đảo với nhiều hang động, bãi tắm.

Về Vịnh Hạ Long, từ hơn 500 năm về trước trong bài thơ Lộ nhập Vân Đồn, Nguyễn Trãi đã lần đầu tiên ca ngợi vịnh Hạ Long là "kỳ quan đá dựng giữa trời cao". Năm 1962 Bộ Văn hóa - Thông tin (Việt Nam) đã xếp hạng vịnh Hạ Long là di tích danh thắng cấp quốc gia đồng thời quy hoạch vùng bảo vệ. Năm 1994 vùng lõi của vịnh Hạ Long được UNESCO công nhận là Di sản Thiên nhiên Thế giới với giá trị thẩm mỹ (tiêu chuẩn VII), và được tái công nhận lần thứ 2 với giá trị ngoại hạng toàn cầu về địa chất-địa mạo (tiêu chuẩn VIII) vào năm 2000. Cùng với vịnh Nha Trang và vịnh Lăng Cô của Việt Nam, vịnh Hạ Long là một trong số 29 vịnh được Câu lạc bộ những vịnh đẹp nhất thế giới xếp hạng và chính thức công nhận vào tháng 7 năm 2003.

Biển tên “Vịnh Hạ Long – di sản thiên nhiên thế giới” là một nhận diện về mặt hình ảnh có thể nhìn thấy từ xa, bao gồm cả các tàu bè trên Vịnh Hạ Long, đây sẽ là một công trình mang tính nhận dạng và quảng bá cho di sản.

Trên thế giới, nhiều bảng hiệu với phong cách tương tự cũng được đã dựng lên ở nhiều nơi khác nhau, như biển tên thành phố Hollywood-Mỹ biển tên công viên Weinland Park-Mỹ, Vinpearl - Nha Trang, Việt Nam.

*b. Lựa chọn, đánh giá vị trí khu đất dự kiến đặt tượng đài, tranh hoành tráng*

- *Vị trí, diện tích khu đất dự kiến*

Nằm trên bờ kè núi dọc theo đường Đặng Bá Hát dưới chân vòng đu quay SunWheel bên hòn Gai. Địa chỉ: Phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long.

Diện tích xây dựng khoảng 500m<sup>2</sup>.

- *Đánh giá hiện trạng kiến trúc, cảnh quan*

Vị trí đề xuất này **đạt đủ các tiêu chí** trong bộ tiêu chí về vị trí mà Quy hoạch yêu cầu.

Là một dải đất kè núi nằm dọc đường Đặng Bá Hát có thể nhìn thấy từ ngoài vịnh và từ bên phía Bãi Cháy khá rõ.

*c. Quy mô và nguồn vốn đầu tư dự kiến*

- *Quy mô*
  - Diện tích đất xây dựng: 500m<sup>2</sup>;
  - Hình thức: Biển tên;
  - Kích thước dự kiến: Cao 5m, chiều dài 30m;
  - Vật liệu dự kiến: Kim loại.
- *Nguồn vốn đầu tư*
  - Nguồn vốn: Ngoài ngân sách;
  - Mức vốn đầu tư: 14 tỉ đồng;
  - Quy mô đầu tư: Nhỏ.
- *Thời gian xây dựng dự kiến*
  - Giai đoạn: 2021-2025;
- *Quản lý khai thác*
  - Đơn vị quản lý khai thác: UBND thành phố Hạ Long.

### **8.2.5. Thành phố Cẩm Phả**

*8.2.5.1. Tranh hoành tráng tôn vinh thành tựu và định hướng phát triển của thành phố Cẩm Phả*

*a. Nội dung và sự cần thiết phải xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng*

Chủ đề của tượng đài **đạt tiêu chí số 4** trong bộ tiêu chí về nội dung của Quy hoạch.

Chặng đường phát triển của thành phố Cẩm Phả gắn liền với chặng đường 60 năm đấu tranh, xây dựng và trưởng thành của Vùng Mỏ kể từ ngày Giải phóng, ngày 25/4/1955. Trải qua những năm tháng thăng trầm của lịch sử, các

thể hệ những con người Vùng Mỏ đã xây dựng Cẩm Phả vươn lên mạnh mẽ, trở thành thành phố đô thị loại 2, phát triển năng động và đầy triển vọng.

Ngày nay, thành phố Cẩm Phả đã có bước phát triển toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, diện mạo đô thị có nhiều khởi sắc, đời sống nhân dân ngày càng được nâng lên. Với vai trò là thành phố công nghiệp, cảng biển của tỉnh, thành phố Cẩm Phả đã tập trung phát triển dịch vụ - du lịch; cảng biển nước sâu và hạ tầng kết nối trong chuỗi đô thị kinh tế Hạ Long - Cẩm Phả - Vân Đồn.

Với tiềm năng và vị thế một đô thị công nghiệp trọng điểm của tỉnh Quảng Ninh, Cẩm Phả đang trên đà đi lên trở thành một đô thị công nghiệp ven biển hiện đại, đóng vai trò là Trung tâm công nghiệp của tỉnh, hỗ trợ phát triển cho đô thị trung tâm vùng là thành phố Hạ Long và khu kinh tế Vân Đồn.

Cần đầu tư xây dựng một công trình Tranh hoành tráng nhằm tuyên truyền sâu rộng đến người dân và những du khách ghé thăm thành phố về những thành tựu và phương hướng phát triển của thành phố Cẩm Phả.

Bổ sung cho Tượng đài vinh quang Thợ mỏ hiện có. Tạo nên một quần thể tượng đài và tranh hoành tráng.

*b. Lựa chọn, đánh giá khu đất dự kiến đặt tượng đài, tranh hoành tráng*

• **Vị trí, diện tích khu đất dự kiến**

- Vị trí xây dựng: Quảng trường 12 tháng 11, nơi đặt tượng đài Vinh Quang Thợ Mỏ Việt Nam, đường Trần Phú, phường Cẩm Tây, thành phố Cẩm Phả. Tranh sẽ được đặt ở 2 bên của tượng đài Vinh quang thợ Mỏ Việt Nam.

- Diện tích dự kiến khu vực đặt tranh hoành tráng là 1000m<sup>2</sup>.

• **Đánh giá hiện trạng kiến trúc, cảnh quan**

Vị trí đề xuất này **đạt đủ các tiêu chí** trong bộ tiêu chí về vị trí mà Quy hoạch yêu cầu.

Vị trí dự kiến xây dựng tranh hoành tráng là 2 bên tượng của tượng đài Vinh quang thợ mỏ Việt Nam, vị trí hiện nay đang đặt biển khẩu hiệu bằng bạt khung sắt. Đây là vị trí hợp lý về cả mặt quy hoạch lẫn kiến trúc cảnh quan. Bởi quảng trường 12/11 là quảng trường trung tâm thành phố Cẩm Phả rất phù hợp với nội dung của tượng đài. Về mặt kiến trúc cảnh quan, quảng trường 12/10 hiện đã có tượng nhưng còn thiếu phù điêu, trên hiện trạng, 2 bên tượng đài Vinh quang thợ mỏ Việt Nam đã xây dựng sẵn chân đế phục vụ cho việc đặt phù điêu. Do đó, việc đặt phù điêu biểu trưng cho thành tựu và định hướng phát triển của thành phố Cẩm Phả tại vị trí này là hoàn toàn phù hợp.

*c. Quy mô và nguồn vốn đầu tư dự kiến*



- **Quy mô tượng đài**
  - Diện tích đất xây dựng: khoảng 2000m<sup>2</sup>;
  - Chiều cao tranh hoành tráng dự kiến: gồm 2 phù điêu, chiều cao 5-7m, mỗi phù điêu dài 30m;
  - Vật liệu dự kiến: Đá Granite;
  - Hình thức tượng đài: Phù điêu.
- **Nguồn vốn đầu tư dự kiến**
  - Nguồn vốn: Hỗn hợp;
  - Mức vốn đầu tư: 20 tỉ đồng;
  - Quy mô đầu tư: Trung bình.
- **Thời gian xây dựng dự kiến**
  - Giai đoạn: 2017-2020.
- **Quản lý khai thác**
  - Đơn vị quản lý khai thác: Phòng Văn hóa – thông tin thành phố Cẩm Phả.

## 8.2.6. Huyện Vân Đồn

### 8.2.6.1. Tượng đài vua Lý Anh Tông

#### a. Nội dung và sự cần thiết phải xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng

Chủ đề của tượng đài **đạt tiêu chí số 3** trong bộ tiêu chí về nội dung của Quy hoạch.

**Lý Anh Tông** (1136 - 1175) là vị vua thứ sáu của nhà Lý trong lịch sử Việt Nam, ông kế vị ngôi vua khi mới 3 tuổi, cai trị từ năm 1138 tới năm 1175. Trong thời kỳ cai trị của Lý Anh Tông, nước Đại Việt tiếp tục duy trì được sự hùng mạnh và thịnh vượng kế thừa được từ các thời vua Lý trước.

Về Cảng Vân Đồn, cái tên Vân Đồn có nguồn gốc từ tên núi Vân (núi có mây phủ) ở làng Vân (nay thuộc xã Quan Lạn) nằm trong tuyến đảo ngoài Vân Hải. Nằm ở cửa ngõ của vùng quần đảo hiểm yếu nên (theo sử sách) năm 980 thời Tiền Lê ở đây đã có đồn Vân, trấn giữ. Năm 1149 vua Lý Anh Tông chính thức lập trang Vân Đồn, đồng thời **biến Vân Đồn thành thương cảng đầu tiên của Đại Việt**, trong giao thương với các nước trong khu vực Đông Á và Thế giới như: Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia... Thương cảng Vân Đồn thịnh vượng suốt 3 triều đại là: Lý, Trần, Hậu Lê. Để lưu danh công đức của Lý Anh Tông, người dân đã cho lập đền thờ ông ở gần cảng Cái Rồng.

Như vậy, việc dựng tượng Vua Lý Anh Tông để tưởng nhớ công ơn Ông cũng như tạo thêm một điểm nhấn về cảnh quan cho khu vực Cảng Cái Rồng - Vân Đồn đang trong đà phát triển mạnh là cần thiết.

#### b. Lựa chọn, đánh giá khu đất dự kiến đặt tượng đài, tranh hoành tráng

- *Vị trí, diện tích khu đất dự kiến*

Vị trí được lựa chọn Dự kiến nằm tại bãi cát trên hòn đảo nhỏ đối diện cảng Cái Ròng hiện nay, cách cầu cảng khoảng 200m về phía Đông Nam, thuộc thị trấn Cái Ròng, huyện Vân Đồn.

Diện tích đất xây dựng tượng đài khoảng 2400m<sup>2</sup>.

- *Đánh giá hiện trạng kiến trúc, cảnh quan*

Vị trí đề xuất này **đạt đủ các tiêu chí** trong bộ tiêu chí về vị trí mà Quy hoạch yêu cầu.

Khu đất Dự kiến là một doi cát nhỏ đối diện cảng Cái Ròng. Hiện trạng đang có một số tàu Cá neo đậu, trên bờ cát có 1 tàu cá đã hư hỏng mắc cạn.

Khu đất này chiếm toàn bộ tầm nhìn từ phía cảng, mọi tàu thuyền ra vào cảng đều lượn qua hòn đảo là núi đá vôi dựng đứng cao 98m. Doi cát dự kiến đặt tượng nằm ở chân núi sát mặt biển hướng về phía cảng (Tây Bắc), có diện tích khoảng 1700m<sup>2</sup>.

Tượng đài tại vị trí này sẽ tôn thêm cảnh đẹp của bến Cảng Cái Ròng sâu uất và cũng mang ý nghĩa tôn vinh, nhắc nhở công lao người đầu tiên có công lập nên bến cảng này – vua Lý Anh Tông. Việc đặt tượng trên vùng biển này cũng là một nét độc đáo nên cân nhắc.

- c. *Quy mô và nguồn vốn đầu tư dự kiến*

- *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng cho khu vực tượng đài (không kể khuôn viên quảng trường): Khoảng 2400m<sup>2</sup>;
- Chiều cao tượng đài dự kiến: Chiều cao 15m;
- Vật liệu dự kiến: Đá granite;
- Hình thức tượng đài: Tượng tròn.

- *Nguồn vốn đầu tư dự kiến*

- Nguồn vốn: Ngoài ngân sách;
- Mức vốn đầu tư: 13 tỷ đồng;
- Quy mô đầu tư: Trung bình.

- *Thời gian xây dựng dự kiến*

- Giai đoạn: 2026-2030.

- *Quản lý khai thác*

- Đơn vị quản lý khai thác: Phòng Văn hóa thông tin huyện Vân Đồn.

#### 8.2.6.2. *Tượng đài Danh Tướng Trần Khánh Dư*

- a. *Nội dung và sự cần thiết phải xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng*

Chủ đề của tượng đài **đạt tiêu chí số 3** trong bộ tiêu chí về nội dung của Quy hoạch.

**Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư** (1258-1340) quê ở Chí Linh, Hải Dương, là võ tướng thời nhà Trần. Ông được thừa hưởng tước hầu từ người cha là Thượng tướng Nhân Huệ Hầu Trần Phó Duyệt. Sau này khi được vua Trần Thánh Tông nhận làm con nuôi ông mới được hưởng tước Vương. Ông có tài cầm quân và đã góp công trong cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông của nhà nước Đại Việt.

Trần Khánh Dư có công đánh giặc, được vua Trần Thánh Tông lập làm Thiên tử nghĩa nam. Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông lần thứ ba, ông làm Phó tướng trấn giữ Vân Đồn. Khánh Dư đã chỉ huy đánh tan đạo binh thuyền chở lương thực, khí giới của quân Nguyên do Trương Văn Hổ chỉ huy vào tháng 12 năm 1287 được biết đến với cái tên “chiến thắng Vân Đồn – Cửa Lục”, góp phần làm xoay chuyển cục diện chiến tranh.

Nói về chiến thắng Vân Đồn – Cửa Lục. Khác với hai lần đánh chiếm nước ta trước đó, lần này ngoài bộ binh, quân Nguyên còn tăng cường thêm thủy binh, gồm 600 chiếc thuyền, do Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp chỉ huy. Hỗ trợ lực lượng này có 100 thuyền chở 70 hộc lương do tướng Trương Văn Hổ cầm đầu. Nắm được kế hoạch tiến quân của địch trên tuyến đường biển, vua Trần cử Trần Khánh Dư cầm quân chống địch, lấy Vân Đồn làm đại bản doanh. Thượng tuần tháng 2-1288, đội thuyền lương của địch do Trương Văn Hổ chỉ huy tiến vào vùng biển Cửa Lục, rồi lọt vào trận địa mai phục của đại quân nhà Trần và bị đánh cho tơi bời. Trương Văn Hổ phải cướp thuyền con, lén chạy về đảo Hải Nam. **Trận thủy chiến tại vùng biển Vân Đồn - Cửa Lục là trận đánh mang ý nghĩa then chốt, làm sụp đổ hoàn toàn nhuệ khí của kẻ địch**, đây là chiến thắng quan trọng, tạo cơ hội cho Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn tổ chức trận quyết chiến Bạch Đằng vào tháng 4-1288, kết thúc cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông lần thứ 3.

Ngày nay ở bên Đình thuộc xã Quan Lạn, huyện Vân Đồn, quân dân trong vùng vẫn tổ chức lễ hội Quan Lạn (còn gọi là hội đua bơi Quan Lạn), nhằm kỷ niệm chiến thắng Vân Đồn lịch sử trước đây. Lễ hội diễn ra từ ngày 10 - 20/6 âm lịch (Chính hội ngày 18/6 âm lịch). Lễ hội được tổ chức trên bến Đình, nơi có đình Quan Lạn, một ngôi đình cổ trong số ít những ngôi đình còn giữ được cho đến ngày nay.

Do ý nghĩa quan trọng của chiến thắng Vân Đồn - Cửa Lục nói chung và công lao của Trần Khánh Dư nói riêng, việc lập tượng đài và tranh hoành tráng để vinh danh Ông là xứng đáng và cần thiết.

*b. Lựa chọn, đánh giá khu đất dự kiến đặt tượng đài, tranh hoành tráng*

• *Vị trí, diện tích khu đất dự kiến*

Vị trí được lựa chọn dự kiến nằm tại bến Đình, trước cửa đình Quan Lạn, trên đảo Quan Lạn, xã Quan Lạn, huyện Vân Đồn

+ Phía Đông Bắc là đình Quan Lạn;

+ Phía Tây Bắc là nhà dân;

+ Phía Đông Nam là nhà dân;

+ Phía Tây Nam là bến thuyền, biển.

Diện tích đất xây dựng tượng đài bao gồm cả bến Đình khoảng 500m<sup>2</sup>.

• *Đánh giá hiện trạng kiến trúc, cảnh quan*

Vị trí đề xuất này **đạt đủ các tiêu chí** trong bộ tiêu chí về vị trí mà Quy hoạch yêu cầu.

Khu đất dự kiến là một sân đình rộng khoảng 500m<sup>2</sup>, phía trước đình Quan Lạn (hướng Đông Bắc). Mặt Tây Nam là biển, hai mặt Đông Nam, Tây Bắc là nhà dân.

Đề xuất, nên giải tỏa các nhà dân phía Tây Bắc cho đến khu vực đường ngang. Để mở rộng khu đất và đặt trục của đình Quan Lạn đi qua trục chính khu đất. Đặt một tượng Trần Khánh Dư và phù điêu miêu tả chiến thắng Vân Đồn – Cửa Lục của nhân dân ta ở đây.

Hàng năm, tại bến thuyền này có Hội đua thuyền nhằm tưởng nhớ công lao của Trần Khánh Dư nên việc xây tượng đài Ông tại khu vực này là rất phù hợp.

*c. Quy mô và nguồn vốn đầu tư dự kiến*

• *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng cho khu vực tượng đài (kể khuôn viên sân):

Khoảng 500m<sup>2</sup> mở rộng;

- Chiều cao tượng đài dự kiến: Chiều cao từ 12-15m;

- Vật liệu dự kiến: Đá granite;

- Hình thức tượng đài: Tượng tròn kết hợp phù điêu.

• *Nguồn vốn đầu tư dự kiến*

- Nguồn vốn: Ngân sách;

- Mức vốn đầu tư: 11 tỷ đồng.

- Quy mô đầu tư: Nhỏ

• *Thời gian xây dựng dự kiến*

- Giai đoạn: 2021-2025.
- *Quản lý khai thác*
- Đơn vị quản lý khai thác: Phòng Văn hóa thông tin huyện Vân Đồn.

### 8.2.6.3. Biểu tượng đặc khu kinh tế Vân Đồn

#### a. Nội dung và sự cần thiết phải xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng

Chủ đề của tượng đài **đạt tiêu chí số 4** trong bộ tiêu chí về nội dung của Quy hoạch.

Vân Đồn là vùng đất có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời. Địa danh Vân Đồn được ghi chép trong sử sách lần đầu năm Đại Định thứ 10, năm 1149. Khi mới xuất hiện Vân Đồn là một trang thuộc đạo Hải Đông. Dưới thời Lý, hệ thống hành chính các cấp được tổ chức lại ngày càng được hoàn thiện dần trên cơ sở các đơn vị hành chính là từ thời Đinh, Lê... Vua Lý Anh Tông là người đã cho lập thương cảng Vân Đồn, biến đây trở thành thương cảng biển đầu tiên của Việt Nam trong giao thương với các nước trong khu vực Đông Á và thế giới. Đến thời Trần với chính sách ngoại thương cởi mở, thông thoáng hơn, thương cảng Vân Đồn càng sầm uất, nhộn nhịp và thịnh trị hơn.

Hiện nay, theo Quyết định 786/QĐ-TTg ngày 31 tháng năm 2005 của Thủ Tướng Chính Phủ, Khu kinh tế Vân Đồn, được định hướng trở thành “trung tâm du lịch sinh thái biển đảo chất lượng cao, là trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí cao cấp và là trung tâm thương mại quốc tế cho khu vực đồng bằng Bắc Bộ và vùng Đông Bắc Bộ, là đầu mối giao thương quốc tế, và là một trong những động lực chính cho sự phát triển kinh tế của vùng Đông Bắc Tổ quốc. Khu Kinh tế Vân Đồn cũng sẽ là một tiền đồn an ninh quan trọng cho khu vực”.

Khu Kinh tế Vân Đồn sẽ khác biệt với các khu kinh tế khác tại Việt Nam. Trong khi hầu hết các khu kinh tế tại Việt Nam tập trung vào phát triển công nghiệp, khu kinh tế Vân Đồn sẽ tập trung vào du lịch biển và dịch vụ tài chính ngân hàng, thương mại.

Bởi những lý do trên, cần xây dựng một biểu tượng, tượng trưng cho đất nước con người Vân Đồn Quảng Ninh, thể hiện tinh thần vươn lên phát triển kinh tế xã hội quyết tâm đưa Vân Đồn Quảng Ninh thực sự trở thành một đô thị phát triển, trở thành đầu mối giao thương quốc tế, và là một trong những động lực chính cho sự phát triển kinh tế của vùng Đông Bắc Tổ quốc như Quyết định 786/QĐ-TTg đã nêu.

#### b. Lựa chọn, đánh giá khu đất dự kiến đặt tượng đài, tranh hoành tráng

- *Vị trí, diện tích khu đất dự kiến*

Vị trí được lựa chọn dự kiến nằm tại ngã tư đảo giao thông lớn khoảng 200m<sup>2</sup>. Giao của trục đường đi Tràng Hương và trục đường xuyên tâm của đô thị Vân Đồn. Các trục đường này được xác định theo Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 tầm nhìn đến 2030.

Địa chỉ:

- *Đánh giá hiện trạng kiến trúc, cảnh quan*

Vị trí đề xuất này **đạt đủ các tiêu chí** trong bộ tiêu chí về vị trí mà Quy hoạch yêu cầu.

Đảo giao thông rộng và có tầm nhìn tốt từ các cung đường. Tuy nhiên vì đặt ở vị trí đảo giao thông nên Biểu tượng cần có chiều cao lớn để tránh phân tâm cho tài xế khi tham gia giao thông thích hợp.

#### *c. Quy mô và nguồn vốn đầu tư dự kiến*

- *Quy mô tượng đài*
  - Diện tích đất xây dựng cho khu vực Biểu tượng (kích thước đảo giao thông): Khoảng 200m<sup>2</sup>;
  - Chiều cao Biểu tượng dự kiến: Chiều cao từ 6m;
  - Vật liệu dự kiến: kim loại hoặc đá;
  - Hình thức Biểu tượng: Tượng tròn kết hợp phù điêu.
- *Nguồn vốn đầu tư dự kiến*
  - Nguồn vốn: Ngân sách;
  - Mức vốn đầu tư: 6 tỷ đồng.
  - Quy mô đầu tư: Nhỏ
- *Thời gian xây dựng dự kiến*
  - Giai đoạn: 2026-2030;
- *Quản lý khai thác*
  - Đơn vị quản lý khai thác: Phòng Văn hóa thông tin huyện Vân Đồn.

### **8.2.7. Huyện Cô Tô**

#### **8.2.7.1. Tượng đài Danh nhân Nguyễn Công Trứ**

##### *a. Nội dung và sự cần thiết phải xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng*

Chủ đề của tượng đài **đạt tiêu chí số 3** trong bộ tiêu chí về nội dung của Quy hoạch.

Nguyễn Công Trứ con quan Đức Ngạn hầu Nguyễn Công Tấn, quê ở làng Uy Viễn, nay là xã Xuân Giang huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

Năm 1819 khi đã 41 tuổi, ông mới đỗ Giải nguyên ở trường thi hương trấn Nghệ An. Từ đây bắt đầu thời kỳ làm quan đầy sóng gió của ông. Ông được thăng thưởng quan tước nhiều lần vì những thành tích, chiến công trong quân sự

và kinh tế, tới chức thượng thư, tổng đốc; nhưng cũng nhiều lần bị giáng phạt, nhiều lần giáng liền ba bốn cấp hoặc như năm 1841 bị kết án trăm giam hậu rồi lại được tha. Năm 1843 còn bị cách tuột làm lính thú,... Năm Tự Đức thứ nhất 1847 ông nghỉ hưu với chức vụ Phủ Doãn tỉnh Thừa Thiên.

Về quân sự, tuy là quan văn là nhà thơ nhưng Nguyễn Công Trứ nhiều lần phải cầm quân, làm tướng, đánh đâu thắng đó: 1827 dẹp Khởi nghĩa Phan Bá Vành, 1833 dẹp Khởi nghĩa Nông Văn Vân, 1835 dẹp giặc Khách. Ông cũng góp nhiều công lớn trong cuộc Chiến tranh Việt–Xiêm (1841-1845). Đến đời vua Tự Đức thứ 11 (1858), khi thực dân Pháp tấn công Đà Nẵng, thì ông đã 80 tuổi nhưng vẫn xin vua cho đi đánh giặc.

Về kinh tế, ông có sáng kiến chiêu mộ dân nghèo, đắp đê lấn biển, lập ấp, khai sinh các huyện Kim Sơn (thuộc tỉnh Ninh Bình ngày nay), Tiền Hải (thuộc tỉnh Thái Bình ngày nay). Vào những năm cuối thập niên 1820, Ông đề xuất lập nhà học, xã thương ở nông thôn nhằm nâng cao dân trí và lưu thông hàng hóa. Những hoạt động của ông trong lĩnh vực kinh tế - xã hội được nhân dân các vùng kể trên ghi nhớ. Hiện nay còn rất nhiều từ đường thờ cúng ông ở hai huyện nói trên và quê hương ông, đình chùa tôn vinh là Thành Hoàng làng.

Đối với Cô Tô, Nguyễn Công Trứ có công là người đầu tiên tiến hành dựng làng lập ấp. Cô Tô trước kia có tên cổ là Chàng Sơn (Núi Chàng), từ lâu đời đã là nơi cư trú ngụ của thuyền bè ngư dân Vùng Đông Bắc, song chưa thành nơi định cư vì luôn bị những toán cướp biển Trung Quốc quấy phá. Năm 1832, Nguyễn Công Trứ với cương vị Tổng Đốc Hải An (Hải Dương - An Quảng) đã xin triều đình cho thành lập làng xã, cắt cử người cai quản. Làng đầu tiên ở đây được Nguyễn Công Trứ đặt là làng Hướng Hoá, ít lâu sau, nhà Nguyễn cho thu thuế và lập đồn Hướng Hoá canh phòng giặc biển, dân cư đông dần.

Như vậy, Nguyễn Công Trứ chính là người có công khai sinh huyện Đảo Cô Tô, việc lập tượng đài tưởng nhớ và vinh danh Ông trên Đảo là phù hợp.

*b. Lựa chọn, đánh giá khu đất dự kiến đặt tượng đài, tranh hoành tráng*

- *Vị trí, diện tích khu đất dự kiến*

Vị trí được lựa chọn dự kiến nằm tại khu vực quy hoạch Quảng trường mới ở Khu 3 thị trấn Cô Tô, huyện Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh hoặc thôn 2, xã Thanh Lân, huyện Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh do quy hoạch Cô Tô đang trong quá trình nghiên cứu nên sẽ xác định vị trí cụ thể sau khi có quy hoạch chi tiết.

- *Đánh giá hiện trạng kiến trúc, cảnh quan*

Vị trí đề xuất này **đạt đủ các tiêu chí** trong bộ tiêu chí về vị trí mà Quy hoạch yêu cầu.

Khu đất dự kiến xây dựng nằm tại khu 3 huyện Cô Tô, nơi dự kiến sẽ đặt quảng trường trung tâm, khu cây xanh, khu trung tâm hành chính của huyện và thị trấn. Vị trí và cảnh quan lựa chọn phù hợp với tính chất của tượng đài.

*c. Quy mô và nguồn vốn đầu tư dự kiến*

• *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng cho khu vực tượng đài: Khoảng 6000m<sup>2</sup>;
- Chiều cao tượng đài dự kiến: 10m;
- Vật liệu dự kiến: Đá granite;
- Hình thức tượng đài: Tượng tròn.

• *Nguồn vốn đầu tư dự kiến*

- Nguồn vốn: Hỗn hợp;
- Mức vốn đầu tư: 15 tỷ đồng;
- Quy mô đầu tư: Trung bình

• *Thời gian xây dựng dự kiến*

- Giai đoạn: 2026-2030;

• *Quản lý khai thác*

- Đơn vị quản lý khai thác: Phòng Văn hóa thông tin huyện Cô Tô.

## **8.2.8. Huyện Tiên Yên**

### *8.2.8.1. Biểu tượng chiến thắng Điện Xá (Đường số 4), chiến dịch Cao Bắc Lạng*

*a. Nội dung và sự cần thiết phải xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng*

Chủ đề của tượng đài **đạt tiêu chí số 1** trong bộ tiêu chí về nội dung của Quy hoạch.

Theo hồ sơ di tích chiến thắng Điện Xá trên Đường số 4, Đường số 4 khi đó dài trên 300km, tính từ Mũi Ngọc (Móng Cái) qua Quảng Hà, Đàm Hà, Tiên Yên (Quảng Ninh); Đình Lập, Na Sầm, Thất Khê (Lạng Sơn); Thạch An và kết thúc tại thị xã Cao Bằng (Cao Bằng).

Điện Xá là địa điểm diễn ra trận phục kích nằm trên Đường số 4 kéo dài khoảng 2km, từ thôn Nà Chù (Km14) đến thôn Khe Cầu (Km16), thuộc xã Điện Xá. Các tổ chức phản động do Pháp lập nên khi đó như Xứ Nùng tự trị của Vòng A Sáng, hành lang Mán phản động do bọn phi Bần Đức Thắng nổi tiếng tàn độc cầm đầu. Những tổ chức này tạo thành xung lực chia cắt quân ta giữa Đông Bắc với Việt Bắc và an toàn khu của Trung ương Đảng tại Bắc Giang. Bởi vậy, Liên khu uỷ 1 chủ trương “mở rộng chiến trường về phía Đông Bắc”.

Tháng 3-1949, Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Đông Bắc 2, chiến trường chính trên Đường số 4, đoạn từ Tiên Yên đến Đình Lập Quảng



Ninh. Các lực lượng tham gia chiến dịch được giao 3 nhiệm vụ: Đập tan bọn ngụy Voòng A Sáng; chặn đánh địch trên Đường số 4; bám chắc và giữ vững cơ sở hiện có ở vùng biên giới. Biết địch tập trung chuyên quân từ Tiên Yên đi Lạng Sơn, quân ta quyết định mở trận phục kích tại Đền Xá đến Châu Sơn. Sáng ngày 4-3-1949, một đoàn xe vận tải của Pháp gồm 30 chiếc chở một tiểu đoàn lê dương, đặc biệt tinh nhuệ của địch. Đúng 9 giờ sáng, khi lọt vào trận địa quân ta phục kích ở 2 bên sườn núi nhất loạt nổ súng. Sau 30 phút chiến đấu, ta tiêu diệt tại chỗ 125 tên địch, phá 16 xe, thu 68 súng, 2 máy vô tuyến, bắt sống 25 lính Âu Phi. Trận phục kích này, trở thành nỗi kinh hoàng của giặc Pháp. Chiến thắng này được Đại tướng Võ Nguyên Giáp gửi thư khen ngợi.

Năm 2004, địa điểm lịch sử trận chiến thắng Đền Xá trên Đường số 4 được UBND tỉnh ra Quyết định công nhận là di tích lịch sử cấp tỉnh.

Để phát huy giá trị di tích này, được biết huyện Tiên Yên dự kiến đề xuất xây dựng Nhà bia di tích, kết nối với di tích lịch sử núi Khe Giao. Công trình đầu tư, tôn tạo di tích Trận chiến thắng Đền Xá trên Đường số 4 đã được Huyện đưa vào lộ trình đầu tư công vào năm 2017.

Chiến tranh đã lùi xa, nhưng dư âm thì vẫn còn vang mãi. "Con đường lửa" là cách mà người dân nơi đây gọi về địa điểm diễn ra trận chiến thắng Đường số 4, đã trở thành chứng tích lịch sử, minh chứng cho tinh thần đấu tranh bất khuất, hào hùng của quân và dân các dân tộc vùng Đông Bắc Tổ quốc. Với những dấu ấn chiến công oanh liệt, vang dội đó, việc xây dựng một biểu tượng mang tính di tích lịch sử là hợp lý và cần thiết.

*b. Lựa chọn, đánh giá khu đất dự kiến đặt tượng đài, tranh hoành tráng*

• ***Vị trí, diện tích khu đất dự kiến***

Vị trí lựa chọn trên khu vực diễn ra trận đánh tại xã Đền Xá, huyện Tiên Yên, bên cạnh Đường số 4. Việc lựa chọn khu đất cụ thể cần khảo sát thực tế sử dụng đất của địa phương trước khi quyết định.

• ***Đánh giá hiện trạng kiến trúc, cảnh quan***

Vị trí đề xuất này **đạt đủ các tiêu chí** trong bộ tiêu chí về vị trí mà Quy hoạch yêu cầu.

Khu vực dự kiến xây dựng Biểu tượng chiến thắng Đền Xá là khu vực đồi núi, chủ yếu là rừng cây và ruộng bậc thang. Cảnh quan khu vực thoáng đãng, trong lành, tầm nhìn rộng do đó có thể làm Biểu tượng có khối tích lớn, tận dụng phong nền là cảnh quan khu vực này.

*c. Quy mô và nguồn vốn đầu tư dự kiến*

Hiện nay, huyện Tiên Yên đã có dự án xây dựng tượng đài này, dự án đề xuất “*Xây dựng Biểu tượng chiến thắng với hình dáng là một hình vòm nằm trên vòng cung của lá cờ Tổ quốc với các mảng phù điêu nghệ thuật cao 7,2m rộng 15m được dựng trên một mỏm đồi thấp, có không gian 3 chiều nằm trên một khuôn viên rộng hơn 7.000 m<sup>2</sup>”.*

- **Quy mô tượng đài**

- Diện tích đất xây dựng: 7000m<sup>2</sup>;
- Chiều cao Biểu tượng dự kiến: chiều cao 7,2m rộng 15m;
- Vật liệu dự kiến: Đá granite;
- Hình thức Biểu tượng: Biểu tượng kết hợp phù điêu.

- **Nguồn vốn đầu tư dự kiến**

- Nguồn vốn: Ngân sách;
- Mức vốn đầu tư: 19 tỉ đồng;
- Quy mô đầu tư: Trung bình.

- **Thời gian xây dựng dự kiến**

- Giai đoạn: 2017-2020.

- **Quản lý khai thác**

- Đơn vị quản lý khai thác: Phòng Văn hóa - Thể thao huyện Tiên Yên.

#### **8.2.8.2. Cụm biểu tượng vinh danh các giá trị văn hóa đất nước con người huyện Tiên Yên**

##### **a. Nội dung và sự cần thiết phải xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng**

Chủ đề của tượng đài **đạt tiêu chí số 4** trong bộ tiêu chí về nội dung của Quy hoạch.

Tiên Yên là một huyện miền núi thuộc khu vực miền Đông của tỉnh Quảng Ninh, huyện lỵ là thị trấn Tiên Yên nằm ở điểm giữa Quốc lộ 18A, cách thành phố Hạ Long và Móng Cái đều trên 90km. Quốc lộ 4 từ Lạng Sơn xuống cũng qua đây rồi ra cảng Mũi Chùa. Từ Tiên Yên còn có đường 331 lên Bình Liêu tới cửa khẩu Hoàn Mô 47km. Là một đầu mối giao thông giữa vùng Đông Bắc hiểm yếu nên Tiên Yên luôn có vị trí quan trọng về kinh tế quốc phòng. Có thể nói, Tiên Yên là địa phương có nhiều đặc điểm đặc sắc về tự nhiên, lịch sử, con người, truyền thống đấu tranh bảo vệ đất nước.

Về dân cư, Tiên Yên có nhiều dân tộc cùng sinh sống: Người Kinh chiếm 50,2%, Dao 22,6%, Tày 14,6%, Sán Chay 8,1%, Sán Dìu 3,6%... Đến Tiên Yên, chúng ta không khỏi ngỡ ngàng bởi vẻ đẹp của một thị trấn nhỏ nằm khép mình bên ngã ba sông, với những ngôi nhà hai tầng cổ kính, kín đáo, được xây dựng từ những năm đầu thế kỷ 20.

Nằm giữa núi rừng Tiên Yên có nhiều điểm đến hấp dẫn, ấn tượng, khó bỏ qua đối với những du khách ưa khám phá, thích chụp ảnh như: Thác Pặc Sủi; đỉnh cao Ngâu Vó Lặng (đỉnh Trâu Đằm; khu di tích lịch sử Khe Tù và quần thể nhà kiến trúc kiểu Pháp; điểm du lịch rừng ngập mặn tại Đồng Rui kết hợp với bãi tắm Mũi Lòng Vàng...

Tiên Yên là một huyện có lịch sử và văn hoá lâu đời. Gần đây, giới khảo cổ đã phát hiện ở vùng gần cửa sông Hà Tràng một di chỉ thời đồ đá mới thuộc Văn hoá Hạ Long. Tiên Yên cũng có nhiều di tích lịch sử gắn với các cuộc đấu tranh bảo vệ tổ quốc như: Di tích chiến thắng Điền Xá – đường số 4, chiến thắng đồn Cao Tiên Yên, di tích Khe Tù, di tích núi Hậu Sơn...

Ngày 27/5/2015, huyện Tiên Yên đã long trọng tổ chức lễ khởi công Công trình Trung tâm Văn hoá thể thao các dân tộc vùng Đông Bắc, đây sẽ là nơi tập trung con em các đồng bào dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc về đây học tập, sinh hoạt văn hóa. Việc xây dựng tại đây một tượng đài vinh danh các giá trị văn hóa, đất nước, con người huyện Tiên Yên là cần thiết, bởi nó không chỉ góp phần tạo nên cảnh quan đẹp cho trung tâm văn hóa mà còn có ý nghĩa tuyên truyền văn hóa, chính trị tới người dân, đặc biệt và thanh thiếu nhi dân tộc thiểu số về đây học tập.

*b. Lựa chọn, đánh giá khu đất dự kiến đặt tượng đài, tranh hoành tráng*

• *Vị trí, diện tích khu đất dự kiến*

Vị trí lựa chọn thuộc khuôn viên Trung tâm Văn hoá thể thao các dân tộc vùng Đông Bắc.

• *Đánh giá hiện trạng kiến trúc, cảnh quan*

Vị trí đề xuất này **đạt đủ các tiêu chí** trong bộ tiêu chí về vị trí mà Quy hoạch yêu cầu.

Khu vực dự kiến xây dựng tranh hoành tráng là khu đất cây xanh cảnh quan thuộc khuôn viên công trình Trung tâm Văn hoá thể thao các dân tộc vùng Đông Bắc, khu đất có cốt cao độ thấp hơn so với mặt đường giao thông khoảng 1,5m.

Khu đất nằm cạnh ngã ba nên dễ tiếp cận, cảnh quan sẵn có thuộc công trình Trung tâm Văn hoá thể thao các dân tộc vùng Đông Bắc được quy hoạch tốt, có hệ thống chiếu sáng và sân khấu nhưng hiện còn thiếu điểm nhấn.

*c. Quy mô và nguồn vốn đầu tư dự kiến*

Hiện nay, huyện Tiên Yên dự kiến đề xuất “*Xây dựng Biểu tượng chiến thắng*”

• *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng: 1000m<sup>2</sup>;
- Chiều cao Biểu tượng dự kiến: chiều cao 12m;

- Vật liệu dự kiến: Đá granite;
- Hình thức Biểu tượng: Biểu tượng.
- **Nguồn vốn đầu tư dự kiến**
  - Nguồn vốn: Ngân sách;
  - Mức vốn đầu tư: 9 tỉ đồng;
  - Quy mô đầu tư: Nhỏ
- **Thời gian xây dựng dự kiến**  
Giai đoạn: 2017-2020;
- **Quản lý khai thác**
  - Đơn vị quản lý khai thác: Phòng Văn hóa - Thể thao huyện Tiên Yên và UBND thị trấn Tiên Yên.

### 8.2.8.3. Bia chứng tích di tích lịch sử Khe Tù.

#### a. Nội dung và sự cần thiết phải xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng

Chủ đề của tượng đài **đạt tiêu chí số 1** trong bộ tiêu chí về nội dung của Quy hoạch.

Khe Tù không chỉ là nơi thể hiện tinh thần đấu tranh của các tù nhân dưới sự lãnh đạo của Chi bộ nhà tù mà tại đây còn là nơi ghi dấu chiến công của quân và dân ta trong trận đánh phá kho xăng của thực dân Pháp vào năm 1949. Sự kiện đó thể hiện tinh thần đoàn kết chiến đấu chống QUái kẻ thù của quân và dân ta nói chung, quân và nhân dân Tiên Yên nói riêng. Trận đánh đó đã in sâu vào ký ức của người dân Tiên Yên và được ghi trong Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Tiên Yên. Trận đánh phá hủy kho xăng của Pháp, nơi cung cấp nhiên liệu, vũ khí, quân trang, quân dụng cho các cứ điểm ở khu vực Đông Bắc của thực dân Pháp đã tạo bước nhảy cho phong trào cách mạng ở Tiên Yên phát triển hơn, đồng thời là một đòn giáng khiến cho mọi hoạt động của địch, nhất là việc hành quân cơ động bằng xe cơ giới hầu như bị tê liệt trong một thời gian dài.

Với những dấu tích còn lại và sự kiện diễn ra tại khe Tù đã cung cấp những bằng chứng tư liệu giúp cho các nhà lịch sử nghiên cứu về quá trình xâm lược của thực dân Pháp tại Việt Nam, nghiên cứu hành động của thực dân Pháp đồng thời biết được quá trình đấu tranh cách mạng cũng như tinh thần yêu nước của nhân dân ta nói chung và tiến trình lịch sử cách mạng ở huyện Tiên Yên nói riêng.

Di tích lịch sử Khe Tù được xếp hạng di tích lịch sử cấp tỉnh vào năm 2011 (theo Quyết định số 3922/QĐ-UBND ngày 13/12/2011 của UBND tỉnh Quảng Ninh).

Xuất phát từ ý nghĩa lịch sử và giá trị to lớn của di tích lịch sử Khe Tù thì việc bảo tồn, giữ gìn và phát huy giá trị của di tích là việc làm thể hiện truyền thống và đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc, đồng thời cũng là hành

động thiết thực nhằm lưu giữ những kí ức, góp phần bảo tồn tôn tạo khu di tích. Vì vậy, việc xây dựng một tượng đài là hợp lý và cần thiết.

*b. Lựa chọn, đánh giá khu đất dự kiến đặt tượng đài, tranh hoành tráng*

• ***Vị trí, diện tích khu đất dự kiến***

Vị trí được lựa chọn dự kiến nằm tại khu vực đất dự án cải tạo di tích Khe Tù, diện tích dự kiến là 2,17ha. Khu vực đất thuộc địa bàn Long Tiên, thị trấn Tiên Yên, huyện Tiên Yên.

Tượng đài dự kiến khoảng xây trên khu đất 500m thuộc dự án.

• ***Đánh giá hiện trạng kiến trúc, cảnh quan***

Vị trí đề xuất này **đạt đủ các tiêu chí** trong bộ tiêu chí về vị trí mà Quy hoạch yêu cầu.

Khu đất dự kiến là nằm trong dự án quy hoạch với tổng diện tích là 2,17ha thuộc khuôn viên di tích lịch sử Khe Tù nằm tại phố Long Tiên, thị trấn Tiên Yên, huyện Tiên Yên.

Di tích hiện dần hư hỏng chưa được quan tâm bảo tồn tôn tạo, cảnh quan xung quanh bị bỏ hoang, cỏ mọc tự phát.

Do vậy, việc xây dựng tượng đài phải tiến hành đồng thời với dự án tôn tạo tổng thể khu di tích.

*c. Quy mô và nguồn vốn đầu tư dự kiến*

• ***Quy mô tượng đài***

- Diện tích đất xây dựng: 500m<sup>2</sup>;
- Chiều cao Biểu tượng dự kiến: chiều cao 7m;
- Vật liệu dự kiến: Đá granite;
- Hình thức Biểu tượng: Biểu tượng.

• ***Nguồn vốn đầu tư dự kiến***

- Nguồn vốn: Hỗn hợp;
- Mức vốn đầu tư: 6 tỉ đồng;
- Quy mô đầu tư: Nhỏ

• ***Thời gian xây dựng dự kiến***

Giai đoạn: 2021-2025;

• ***Quản lý khai thác***

- Đơn vị quản lý khai thác: Phòng Văn hóa - Thể thao huyện Tiên Yên và UBND thị trấn Tiên Yên.

## **8.2.9. Huyện Hải Hà**

### **8.2.9.1. Biểu tượng du lịch đảo Cái Chiên.**

*a. Nội dung và sự cần thiết phải xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng*

Chủ đề của tượng đài **đạt tiêu chí số 4** trong bộ tiêu chí về nội dung của Quy hoạch.

Đảo Cái Chiên cách trung tâm huyện Hải Hà khoảng 30-40km về phía nam. Đảo Cái Chiên có diện tích tự nhiên khoảng 2.500ha, nhưng đa phần là đồi núi và bãi biển, cảnh quan thiên nhiên còn nguyên sơ. Nơi đây có bãi biển dài khoảng 2km, cát trắng mịn, nước biển trong vắt... Cảnh quan thiên nhiên hoang sơ, nguyên vẹn là điểm hấp dẫn của Cái Chiên hơn những khu du lịch khác. Điểm nổi bật thu hút khách du lịch của đảo là không khí trong lành, sự yên bình, hoang sơ của biển cả, những bãi tắm dài nước trong xanh với cát mịn và những con đường quanh co rợp bóng cây. Dựa vào những lợi thế cũng như điều kiện dịch vụ sẵn có, trong thời gian trước mắt, huyện Hải Hà đã định hướng phát triển loại hình du lịch trải nghiệm cộng đồng và nghỉ dưỡng cho đảo Cái Chiên, đây được xem là một sản phẩm du lịch độc đáo và có chất lượng của huyện Hải Hà.

Cái Chiên nay đã được kéo điện và làm đường bê tông nên mọi sinh hoạt trên đảo cũng không còn khó khăn như trước. Hiện nay trên đảo có 3 bãi tắm là bãi Vạn Cả, bãi Cái Chiên và bãi Đầu Rồng. Bãi Cái Chiên và bãi Đầu Rồng là nơi được mọi người lựa chọn nhiều nhất bởi quanh đây đã có dịch vụ homestay, thuê lều và ăn uống. Trên đảo chỉ có khoảng hơn 100 hộ dân sinh sống nhờ nông nghiệp.

Bên cạnh vai trò phát triển du lịch dịch vụ, Đảo Cái Chiên cũng như bán đảo Trà Cổ, Bình Ngọc, Vĩnh Thục còn có vị trí chiến lược về an ninh Quốc Phòng.

Do đó, cần thiết phải xây dựng một biểu tượng du lịch cho đảo Cái Chiên, để tiện cho việc quảng bá hình ảnh, phát triển du lịch cũng như tạo một không gian sinh hoạt cộng đồng đẹp và có ý nghĩa cho người dân và du khách đến thăm đảo.

*b. Lựa chọn, đánh giá khu đất dự kiến đặt tượng đài, tranh hoành tráng*

• **Vị trí, diện tích khu đất dự kiến**

Vị trí được lựa chọn dự kiến nằm tại ngã ba giao của trục giao thông từ bến thuyền đi thẳng vào UBND xã Cái Chiên và đường trục chạy dọc đảo.

Diện tích đất xây dựng biểu tượng dự kiến khoảng 1000m<sup>2</sup>.

• **Đánh giá hiện trạng kiến trúc, cảnh quan**

Vị trí đề xuất này **đạt đủ các tiêu chí** trong bộ tiêu chí về vị trí mà Quy hoạch yêu cầu.

Khu đất dự kiến là ngã ba UBND xã Cái Chiên, điểm đặt chân đầu tiên của du khách đến đảo Cái Chiên đi thẳng từ bến thuyền vào. Hiện nay, bến thuyền được làm đơn sơ thiếu đầu tư về kiến trúc cảnh quan, thiếu điểm nhấn. Bến thuyền chủ yếu phục vụ mục đích giao thông cho người dân, chưa chú trọng đến phục vụ du lịch.

Khu đất có vị trí, điểm nhìn thuận lợi. dựng biểu tượng ở đây sẽ trở thành điểm nhấn cho không gian cảnh quan cũng như trở thành điểm mốc về giao thông cho xã đảo.

*c. Quy mô và nguồn vốn đầu tư dự kiến*

• **Quy mô tượng đài**

- Diện tích đất xây dựng: 1000m<sup>2</sup>;
- Chiều cao Biểu tượng dự kiến: chiều cao 10m;
- Vật liệu dự kiến: Đá granite;
- Hình thức Biểu tượng: Biểu tượng kết hợp phù điêu hoặc chỉ có biểu tượng.

• **Nguồn vốn đầu tư dự kiến**

- Nguồn vốn: Ngân sách;
- Mức vốn đầu tư: 8 tỉ đồng;
- Quy mô đầu tư: Nhỏ.

• **Thời gian xây dựng dự kiến**

Giai đoạn: 2017-2020;

• **Quản lý khai thác**

- Đơn vị quản lý khai thác: Phòng văn hóa thông tin huyện Cái Chiên.

**8.2.9.2. Cụm thông tin cổ động biên giới Bắc Phong Sinh**

*a. Nội dung và sự cần thiết phải xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng*

Chủ đề của tượng đài **đạt tiêu chí số 4** trong bộ tiêu chí về nội dung của Quy hoạch.

Từ khi được thành lập đến nay, Khu kinh tế cửa khẩu Bắc Phong Sinh đã được sự quan tâm của Trung ương, tỉnh và huyện, hàng trăm tỷ đồng đã được tập trung đầu tư hạ tầng thiết yếu, để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế thương mại và an sinh xã hội, như: Chợ biên giới cửa khẩu; trụ sở Ban Quản lý cửa khẩu; nhà kiểm hoá, nhà kiểm soát liên ngành; trụ sở Chi cục Hải quan; trụ sở Bưu điện, Trạm Biên phòng. Quốc lộ 18B, có tổng chiều dài 15,8km, điểm đầu đầu nối với QL18 tại Km272+200, điểm cuối tại khu vực cửa khẩu Bắc Phong Sinh (xã Quảng Đức), được đầu tư nâng cấp đạt tiêu chuẩn cấp III miền núi, có bề rộng nền đường 9m, bề rộng mặt đường 8m. Tổng mức đầu tư hơn 286 tỷ đồng, từ nguồn vốn ngân sách Trung Ương hỗ trợ và ngân sách tỉnh, được đưa vào sử dụng từ tháng 1/2013.

Vì vậy, để phát huy tiềm năng lợi thế của khu vực cửa khẩu Bắc Phong Sinh, bên cạnh đẩy nhanh các thủ tục sớm nâng cấp Bắc Phong Sinh - Lý Hòa thành cặp cửa khẩu để tạo điều kiện thuận lợi cho xuất nhập khẩu, vận chuyển hàng hóa và hoạt động của doanh nghiệp, người dân; hiện nay tỉnh Quảng Ninh

và huyện Hải Hà tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, mở rộng bến bãi, chủ động giải quyết tốt các vấn đề biên mậu; phối hợp cùng các cơ quan chức năng tạo mọi điều kiện cho doanh nghiệp, thu hút và đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu, góp phần phát triển kinh tế xã hội huyện vùng biên.

Như vậy, trong tương lai không xa Bắc Phong sinh sẽ trở thành một trong những cửa khẩu quan trọng của Quảng Ninh, việc xây dựng một tượng đài, tranh hoành tráng ở khu vực này ngoài việc tạo cảnh quan đẹp, còn có ý nghĩa chính trị sâu sắc liên quan đến vấn đề biên giới lãnh thổ. Do vậy việc xây dựng tượng đài Cụm thông tin cô động biên giới Bắc Phong Sinh là cần thiết.

*b. Lựa chọn, đánh giá khu đất dự kiến đặt tượng đài, tranh hoành tráng*

• **Vị trí, diện tích khu đất dự kiến**

Vị trí được lựa chọn dự kiến nằm đối diện trung tâm thương mại thuộc khuôn viên cửa khẩu biên giới Bắc Phong Sinh, xã Quảng Đức, huyện Hải Hà.

Diện tích đất xây dựng dự kiến khoảng: 500m<sup>2</sup>.

• **Đánh giá hiện trạng kiến trúc, cảnh quan**

Vị trí đề xuất này **đạt đủ các tiêu chí** trong bộ tiêu chí về vị trí mà Quy hoạch yêu cầu.

Khu đất dự kiến là một bãi đất trống nằm cạnh trung tâm thương mại thuộc khuôn viên cửa khẩu biên giới, là nơi đông đúc, sầm uất. Hiện nay, quảng trường còn mới nhưng chưa có công trình điểm nhấn, cảnh quan còn thiết kế đơn giản. Quảng trường hiện chỉ là một không gian lớn lát gạch chứ chưa thực sự có công năng rõ ràng.

Bao quanh khu đất là nhà thấp tầng, các công trình kho bãi thuộc cửa khẩu Bắc Phong Sinh. Khu đất chủ yếu là không gian đất trống. Do cảnh quan, kiến trúc còn hoang sơ và chưa có công trình điểm nhấn nào đáng chú ý nên khi đặt biểu tượng phải kết hợp thiết kế đồng bộ về kiến trúc cảnh quan cho cả khu vực.

*c. Quy mô và nguồn vốn đầu tư dự kiến*

• **Quy mô tượng đài**

- Diện tích đất xây dựng: 500m<sup>2</sup>;
- Chiều cao Biểu tượng dự kiến: Chiều cao 7m;
- Vật liệu dự kiến: BTCT ghép gốm.
- Hình thức Biểu tượng: Biểu tượng kết hợp phù điêu hoặc chỉ có phù điêu.

• **Nguồn vốn đầu tư dự kiến**

- Nguồn vốn: Ngân sách;
- Mức vốn đầu tư: 6 tỉ đồng;
- Quy mô đầu tư: Nhỏ.



- **Thời gian xây dựng dự kiến**
  - Giai đoạn: 2021-2025;
- **Quản lý khai thác**
  - Đơn vị quản lý khai thác: Phòng Văn hóa-Thông tin huyện Hải Hà.

## 8.2.10. Thành phố Móng Cái

### 8.2.10.1. Biểu tượng và tranh hoành tráng Việt Nam hội nhập và hữu nghị

#### a. Nội dung và sự cần thiết phải xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng

Chủ đề của tượng đài **đạt tiêu chí số 4** trong bộ tiêu chí về nội dung của Quy hoạch.

Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay tiếp tục kiên trì thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế, chủ động hội nhập quốc tế với phương châm “Việt Nam sẵn sàng là bạn và là đối tác tin cậy của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển.”

Trên cơ sở đường lối đối ngoại đó, Việt Nam chủ trương mở rộng quan hệ hợp tác nhiều mặt, song phương và đa phương với các nước và vùng lãnh thổ, trong đó ưu tiên cho việc phát triển quan hệ với các nước láng giềng và khu vực, với các nước và trung tâm chính trị, kinh tế quốc tế lớn, các tổ chức quốc tế và khu vực trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên Hợp Quốc. Các mối quan hệ song phương và đa phương đó đã góp phần không nhỏ vào việc không ngừng củng cố môi trường hoà bình, ổn định và tạo mọi điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Với vị trí địa đầu Tổ quốc, thành phố Móng Cái là đầu mối giao thương quan trọng giữa Việt Nam với nhiều nước trong khu vực, đặc biệt là Trung Quốc. Với mong muốn quảng bá những quan điểm đối ngoại hòa bình, rộng mở của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đến đông đảo bạn bè quốc tế khi đến thăm Móng Cái thì cách hiệu quả nhất là xây dựng một Tranh hoành tráng. Vị trí đặt tranh hoành tráng nằm ở trung tâm thành phố, có tầm nhìn tốt và phải là nơi tập trung nhiều người dân du khách quốc tế ghé qua.

#### b. Lựa chọn, đánh giá khu đất dự kiến đặt tượng đài, tranh hoành tráng

- **Vị trí, diện tích khu đất dự kiến**

Vị trí dự kiến nằm trong khuôn viên vườn hoa chào mừng thành lập thành phố Móng Cái tại ngã 3 giao giữa QL18 và đường Hùng Vương, phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái.

Diện tích đất xây dựng tượng đài khoảng 3000m<sup>2</sup>.

- **Đánh giá hiện trạng kiến trúc, cảnh quan**

Vị trí đề xuất này **đạt đủ các tiêu chí** trong bộ tiêu chí về vị trí mà Quy hoạch yêu cầu.

Khu đất dự kiến là quảng trường trung tâm của công trình chào mừng thành lập thành phố Móng Cái, là nơi dân cư đông đúc, sầm uất. Hiện nay, quảng trường còn mới nhưng chưa có công trình điểm nhấn. Quảng trường hiện chỉ là một không gian lớn lát gạch với hệ thống cảnh quan đơn giản chứ chưa thực sự có công năng rõ ràng.

Bao quanh khu đất là nhà thấp tầng, các công trình dịch vụ, hành chính, bệnh viện và trạm y tế thuộc thành phố Móng Cái. Khu đất chủ yếu là không gian quảng trường rộng rãi. Do cảnh quan, kiến trúc còn đơn giản và chưa có công trình điểm nhấn nào đáng chú ý nên khi đặt biểu tượng phải kết hợp thiết kế đồng bộ về kiến trúc cảnh quan cho cả khu vực.

*c. Quy mô và nguồn vốn đầu tư dự kiến*

- *Quy mô tượng đài*
  - Diện tích đất xây dựng: Khoảng 2500m<sup>2</sup>;
  - Chiều cao dự kiến: Chiều cao 15m;
  - Vật liệu dự kiến: Đá granite hoặc BTCT;
  - Hình thức tượng đài: Biểu tượng hoặc biểu tượng kết hợp phù điêu.
- *Nguồn vốn đầu tư dự kiến*
  - Nguồn vốn: Ngân sách;
  - Mức vốn đầu tư: 27 tỷ;
  - Quy mô đầu tư: Trung bình.
- *Thời gian xây dựng dự kiến*
  - Giai đoạn: 2026-2030;
- *Quản lý khai thác*
  - Đơn vị quản lý khai thác: Phòng Văn hóa - Thông tin thành phố Móng Cái.

**8.2.10.2. Biểu tượng du lịch đảo Vĩnh Thực**

*a. Nội dung và sự cần thiết phải xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng*

Chủ đề của tượng đài **đạt tiêu chí số 4** trong bộ tiêu chí về nội dung của Quy hoạch.

Đảo Vĩnh Thực cách thành phố Móng Cái khoảng 20km về phía Nam. Đảo Vĩnh Thực có diện tích tự nhiên khoảng 5.000ha, gồm 2 xã Vĩnh Thực và Vĩnh Trung. Điểm nổi bật thu hút khách du lịch của đảo là không khí trong lành, sự yên bình, hoang sơ của biển cả, những bãi tắm dài nước trong xanh với cát mịn và những con đường quanh co rợp bóng cây. Dựa vào những lợi thế cũng như điều kiện dịch vụ sẵn có, trong thời gian trước mắt, thành phố Móng Cái đã định hướng phát triển

loại hình du lịch trải nghiệm cộng đồng và nghỉ dưỡng cho đảo Vĩnh Thực, đây được xem là một sản phẩm du lịch độc đáo và có chất lượng của thành phố.

Bên cạnh vai trò phát triển du lịch dịch vụ, Đảo Vĩnh Thực cũng như bán đảo Trà Cổ, Bình Ngọc còn có vị trí chiến lược về an ninh Quốc Phòng. Đảo Vĩnh Thực có ngọn hải đăng địa đầu cực Bắc của Tổ quốc, được xây dựng từ năm 1962.

Do đó, cần thiết phải xây dựng một Biểu tượng, như cách nhận diện cho đảo Vĩnh Thực, ngoài ý nghĩa chính trị, xã hội mang tính thời sự còn phục vụ cho việc quảng bá hình ảnh, phát triển du lịch cũng như tạo một không gian sinh hoạt cộng đồng đẹp và có ý nghĩa cho người dân và du khách đến thăm đảo.

*b. Lựa chọn, đánh giá khu đất dự kiến đặt tượng đài, tranh hoành tráng*

• *Vị trí, diện tích khu đất dự kiến*

- Vị trí được lựa chọn dự kiến nằm tại khu vực Bến thuyền Vạn Gia, đảo Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái.
- Diện tích đất xây dựng Biểu tượng dự kiến khoảng 1000m<sup>2</sup>.

• *Đánh giá hiện trạng kiến trúc, cảnh quan*

Vị trí đề xuất này **đạt đủ các tiêu chí** trong bộ tiêu chí về vị trí mà Quy hoạch yêu cầu.

Khu đất dự kiến là một khu đất trống tại Bến thuyền Vạn Gia, điểm đặt chân đầu tiên của du khách đến đảo Vĩnh Thực. Hiện nay, bến thuyền được làm đơn sơ thiếu đầu tư về kiến trúc cảnh quan, thiếu điểm nhấn. Bến thuyền chủ yếu phục vụ mục đích giao thông cho người dân, chưa chú trọng đến phục vụ du lịch.

Bao quanh khu đất là nhà thấp tầng và rừng cây mọc trên núi thấp. Khu đất chủ yếu là sân đất. Do cảnh quan, kiến trúc còn đơn giản nên khi đặt tượng đài phải kết hợp thiết kế đồng bộ về kiến trúc cảnh quan cho cả khu vực bến cảng.

*c. Quy mô và nguồn vốn đầu tư dự kiến*

• *Quy mô tượng đài*

- Diện tích đất xây dựng cho khu vực Biểu tượng: Khoảng 1000m<sup>2</sup>;
- Kích thước Biểu tượng dự kiến: Chiều cao 7m;
- Vật liệu dự kiến: Đá granite;
- Hình thức Biểu tượng: Biểu tượng kết hợp phù điêu hoặc chỉ có biểu tượng.

• *Nguồn vốn đầu tư dự kiến*

- Nguồn vốn: Ngoài ngân sách;
- Mức vốn đầu tư: 6 tỷ đồng
- Quy mô đầu tư: Nhỏ.

• *Thời gian xây dựng dự kiến*

- Giai đoạn: 2017-2020.

- *Quản lý khai thác*

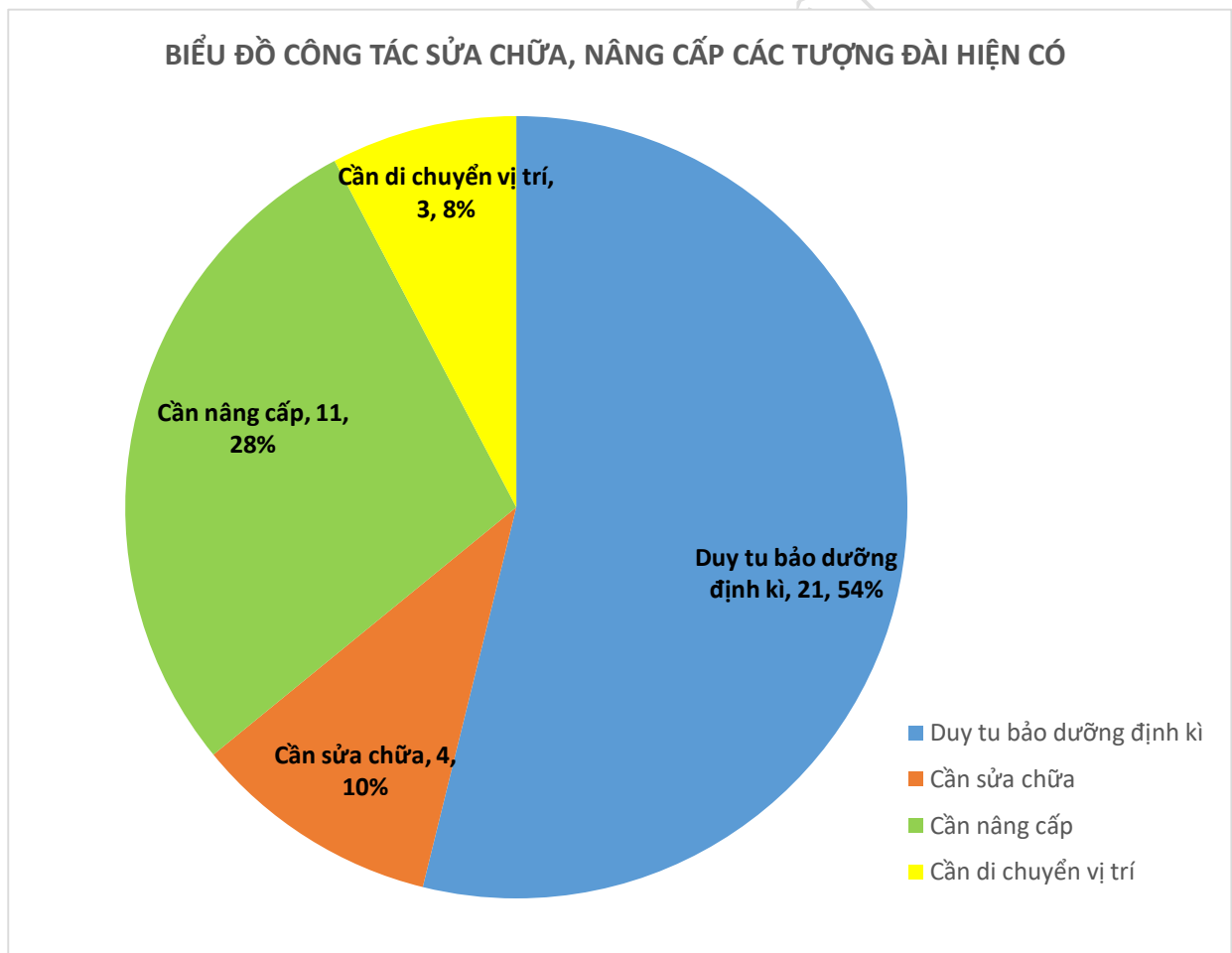
- Đơn vị quản lý khai thác: Phòng Văn hóa thông tin thành phố Móng Cái.

### 8.3. Bảng tổng hợp tượng đài, tranh hoành tráng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

#### 8.3.1. Bảng tổng hợp đề xuất công tác sửa chữa, nâng cấp các tượng đài đã xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Theo khảo sát của công ty tư vấn, trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh hiện có 39 tượng đài đã và đang xây dựng. Trong đó:

- 21 tượng đài chỉ cần duy tu, bảo dưỡng định kỳ (54%);
- 4 tượng đài cần sửa chữa (10%);
- 11 tượng đài nâng cấp 28%;
- 3 tượng đài dự kiến di chuyển vị trí (8%);



Biểu đồ 8-1 Biểu đồ công tác sửa chữa, nâng cấp các tượng đài hiện có

**BẢNG 8-1. TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT CÔNG TÁC SỬA CHỮA, NÂNG CẤP ĐỐI VỚI CÁC TƯỢNG ĐÀI ĐÃ XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH**

STT	Tên tượng đài	Huyện, Thị	Năm hoàn thành	Vật liệu tượng đài	Chiều cao tượng đài	Diện tích Xây dựng (ha)	Đánh giá mức độ hư hỏng (%)	Công tác cải tạo, nâng cấp dự kiến	Thời gian dự kiến cải tạo, nâng cấp
C1	Cổng chào tỉnh Quảng Ninh	Thị xã Đông Triều	2016	Thép	43	0,2	0	Bảo trì	-
C2	Tượng đài nữ tướng Lê Chân	Thị xã Đông Triều	2002	BTCT sơn nhũ vàng	5	0,012	1	Nâng cấp	2017-2020
C3	Cụm tượng đài Văn hóa thị xã Đông Triều	Thị xã Đông Triều	2014	Đá xanh Thanh Hóa	16,3	1,9	10	Nâng cấp	2021-2025
C4	Khu lưu niệm Bác Hồ xã Hồng Thái Tây	Thị xã Đông Triều	1979	Đá	1,5	0,25	0	Nâng cấp	2017-2020
C5	Bia chứng tích chiến tranh dưới chân Cầu Cầm	Thị xã Đông Triều	Không có thông tin	Đá Thanh Hóa	2,2	0,005	30	Nâng cấp	2017-2020
C6	Đài Chiến thắng - Kỉ niệm nơi bắn rơi chiếc máy bay thứ 100 của đế quốc Mỹ	Thị xã Đông Triều	Không có thông tin	BTCT trát granito hồng	7,5	0,01	30	Nâng cấp	2017-2020
C7	Đài Hoàng Đế lệnh chi - ghi dấu điểm khai thác than đầu tiên	Thị xã Đông Triều	2010	Đá xanh Thanh Hóa	6,5	0,16	5	Nâng cấp	2021-2025
C8	Biểu tượng thành phố Uông Bí	TP Uông Bí	2015	BTCT phun kẽm màu xám	32	0,2	0	Bảo trì	-

STT	Tên tượng đài	Huyện, Thị	Năm hoàn thành	Vật liệu tượng đài	Chiều cao tượng đài	Diện tích Xây dựng (ha)	Đánh giá mức độ hư hỏng (%)	Công tác cải tạo, nâng cấp dự kiến	Thời gian dự kiến cải tạo, nâng cấp
C9	Tượng đài Hữu Nghị Việt-Xô	TP Uông Bí	Không có thông tin	BTCT sơn nhũ vàng	10,5	0,4	0	Bảo trì	-
C10	Tượng đài Phật Hoàng Trần Nhân Tông	TP Uông Bí	2013	Tượng đồng	12,6	0,2	0	Bảo trì	-
C11	Đài tưởng niệm Bác Hồ	TP Uông Bí	Không có thông tin	BTCT ốp đá granite	6	0,05	0	Bảo trì	-
C12	Bia tưởng niệm Bác Hồ về thăm Quảng Yên	Thị xã Quảng Yên	2003	Đá xanh Thanh hóa sơn nhũ vàng và đen	2	0,01	0	Nâng cấp	2017-2020
C13	Tượng đài anh hùng liệt sĩ Đỗ Thị Sinh (Minh Hà)	Thị xã Quảng Yên	2014	Đá trắng nguyên khối	4	0,004	0	Bảo trì	-
C14	Tranh hoành tráng chiến thắng Bạch Đằng	Thị xã Quảng Yên	Không có thông tin	Tường gạch vữa trát và sơn nhiều màu	18	0,004	10	Di chuyển	2021-2025
C15	Bia kỉ niệm chiến thắng trận đầu	Thành phố Hạ Long	2015	Đá xanh Thanh Hóa ghép tấm	8,5	0,01	0	Bảo trì	-
C16	Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ thành phố Hạ Long	Thành phố Hạ Long	2000	BTCT sơn trắng	17	1,7	10	Sửa chữa	2017-2020
C17	Tượng đài Đức Tổ thần y Lê Hữu Trác	Thành phố Hạ Long	2014	Đá xanh Thanh Hóa nguyên khối	3,4	0,004	0	Bảo trì	-
C18	Tượng đài anh hùng vũ trụ Ghéc-man Ti-Tốp	Thành phố Hạ Long	2015	Đá xanh Thanh Hóa nguyên khối	5	0,01	0	Bảo trì	-

STT	Tên tượng đài	Huyện, Thị	Năm hoàn thành	Vật liệu tượng đài	Chiều cao tượng đài	Diện tích Xây dựng (ha)	Đánh giá mức độ hư hỏng (%)	Công tác cải tạo, nâng cấp dự kiến	Thời gian dự kiến cải tạo, nâng cấp
C19	Tượng đài anh hùng Vũ Văn Hiếu - phường Hà Tu	Thành phố Hạ Long	1999	Đá trắng nguyên khối, tóc sơn nhũ vàng	3,4	0,07	0	Bảo trì	-
C20	Tượng đài anh hùng Vũ Văn Hiếu - phường Bạch Đằng	Thành phố Hạ Long	2016	Đồng đúc	6	0,83	0	Bảo trì	-
C21	Tượng đài liệt sĩ thiếu niên Nguyễn Văn Thuộc	Thành phố Hạ Long	1982	BTCT sơn màu trắng	6	0,0015	0	Nâng cấp	2017-2020
C22	Tượng đài Bác Hồ với chiến sĩ biên phòng	Thành phố Hạ Long	2013	Đá xanh Thanh Hóa nguyên khối	4,9	0,3	0	Bảo trì	-
C23	Cột đồng hồ thành phố Hạ Long	Thành phố Hạ Long	2017	Khung thép bọc kính	34	0,2	0	Bảo trì	-
C24	Biểu tượng hữu nghị Việt Nam -Nhật Bản xây dựng cầu Bãi Cháy	Thành phố Hạ Long	Không có thông tin	BTCT ốp đá granite đỏ	3	0,004	0	Bảo trì	-
C25	Tượng đài Vinh quang thợ mỏ Thống Nhất	Thành phố Cẩm Phả	Không có thông tin	Đồng đúc	4	0,02	0	Bảo trì	-
C26	Tượng đài vinh quang thợ mỏ Việt Nam	Thành phố Cẩm Phả	2010	Đá granite xanh Thanh Hóa	15,5	3,4	5	Sửa chữa	2021-2025
C27	Tượng đài Hưng Nhượng Đại Vương Trần Quốc Tảng	Thành phố Cẩm Phả	2005	Đồng đúc	12	0,8	0	Di chuyển	2017-2020

STT	Tên tượng đài	Huyện, Thị	Năm hoàn thành	Vật liệu tượng đài	Chiều cao tượng đài	Diện tích Xây dựng (ha)	Đánh giá mức độ hư hỏng (%)	Công tác cải tạo, nâng cấp dự kiến	Thời gian dự kiến cải tạo, nâng cấp
C28	Tượng đài Ngô Huy Tăng	Thành phố Cẩm Phả	2000	Đá xanh Thanh Hóa, phù điêu đá xanh Thanh Hóa sơn nhũ vàng	3,7	0,15	0	Bảo trì	-
C29	Tượng đài kỉ niệm cuộc bãi công công nhân mỏ năm 1936	Thành phố Cẩm Phả	1996	Biểu tượng BTCT ốp đá màu hồng, phù điêu đá xanh Thanh Hóa	3,8	0,04	0	Bảo trì	-
C30	Tượng đài Bác Hồ	Huyện Vân Đồn	Không có thông tin	BTCT sơn trắng	5	0,1	0	di chuyển	2017-2020
C31	Tượng đài Bác Hồ trên đảo Cô Tô	Huyện Cô Tô	1997	Đá xanh Thanh Hóa	8,5	0,55	0	Nâng cấp	2026-2030
C32	Tượng đài anh hùng liệt sĩ Hà Quang Vóc	Huyện Đầm Hà	2012	Đá xanh Thanh Hóa	9	0,8	10	Nâng cấp	2017-2020
C33	Biểu tượng du lịch Trà Cổ - Bình Ngọc thành phố Móng Cái	Thành phố Móng Cái	2012	Lõi BTCT ốp đá xanh Thanh Hóa	17	1,7	5	Sửa chữa	2021-2025
C34	Cụm thông tin cổ động biên giới Sa Vĩ	Thành phố Móng Cái	2013	BTCT sơn màu xám và vàng đại ốp tranh gốm	27	1,2	3	Sửa chữa	2021-2025
C35	Tượng đài nữ liệt sĩ Hoàng Thị Hồng Chiêm	Thành phố Móng Cái	1980	BTCT quét vôi trắng	3,4	0,001	0	Nâng cấp	2017-2020
C36	Tượng đài Tổng Bí thư Trần Phú	Thành phố Móng Cái	2012	Tượng đá xanh Thanh Hóa	7,2	0,091	0	Bảo trì	-



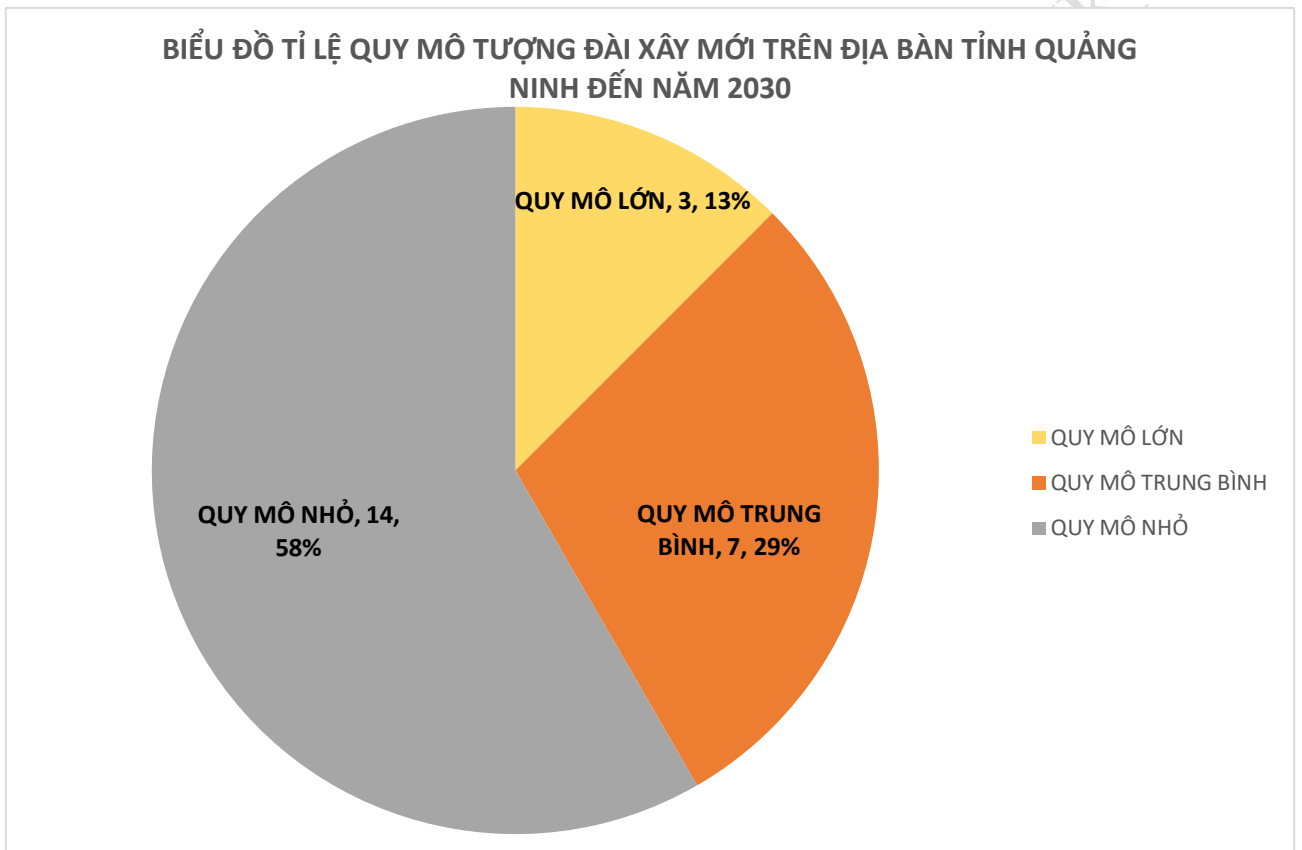
STT	Tên tượng đài	Huyện, Thị	Năm hoàn thành	Vật liệu tượng đài	Chiều cao tượng đài	Diện tích Xây dựng (ha)	Đánh giá mức độ hư hỏng (%)	Công tác cải tạo, nâng cấp dự kiến	Thời gian dự kiến cải tạo, nâng cấp
C37	Đài kỉ niệm thành lập chi bộ Đảng đầu tiên của Móng Cái	Thành phố Móng Cái	2014	BTCT ốp đá xanh Thanh Hóa	7,5	0,07	0	Bảo trì	-
C38	Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ Pò Hèn	Thành phố Móng Cái	2011	BTCT ốp đá granite trắng	16	0,86	0	Bảo trì	-
C39	Tranh hoành tráng cổ động biên giới cửa khẩu Hoành Mô	Huyện Bình Liêu	Không có thông tin	BTCT ốp gốm	20	0,01	0	Bảo trì	-

CÔNG TY TNHH MTV T

### 8.3.2. Bảng tổng hợp các tượng đài, tranh hoành tráng dự kiến xây mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

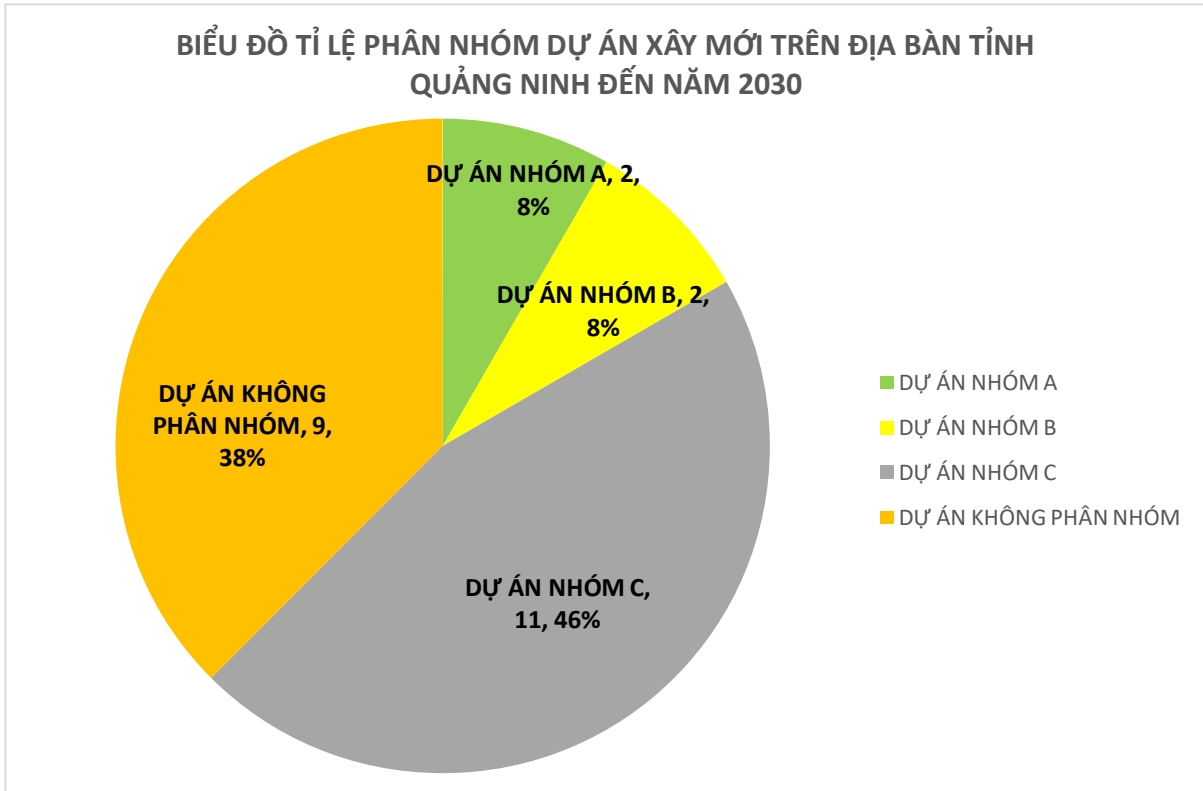
Theo đề xuất của công ty tư vấn, trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh dự kiến xây mới 24 tượng đài. Trong đó:

- 3 tượng đài quy mô lớn (vốn đầu tư trên 45 tỉ đồng);
- 7 tượng đài quy mô trung bình (vốn đầu tư từ 15 đến 45 tỉ đồng);
- 14 tượng đài quy mô nhỏ (vốn đầu tư nhỏ hơn 15 tỉ đồng);



Biểu đồ 8-2 Biểu đồ tỉ lệ quy mô các tượng đài xây mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030

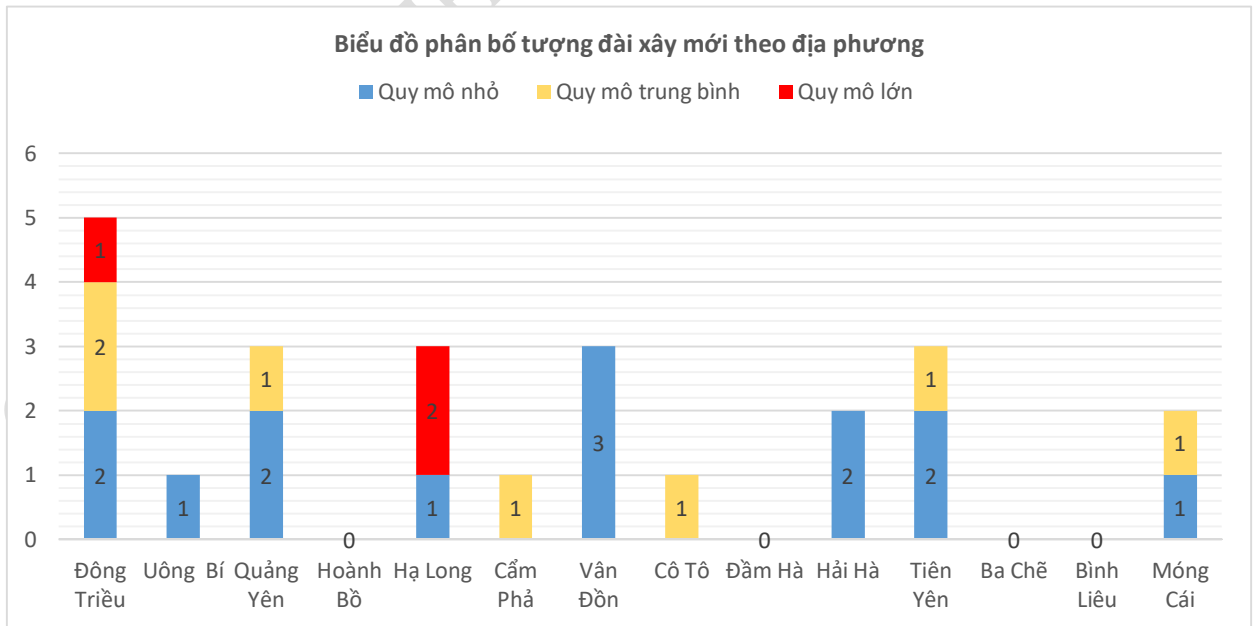
- Theo quy hoạch, đến năm 2030, toàn bộ tỉnh Quảng Ninh sẽ có sự phân nhóm dự án đầu tư như sau:



*Biểu đồ 8-3 Biểu đồ tỉ lệ phân nhóm dự án xây mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030*

*Ghi chú: Dự án không phân nhóm là các dự án không dùng vốn ngân sách.*

- Theo quy hoạch, đến năm 2030, toàn bộ tỉnh Quảng Ninh sẽ có sự phân bố tương đối, tranh hoành tráng xây mới theo địa phương như sau:



*Biểu đồ 8-4 Biểu đồ phân bố tương đối xây mới theo cấp huyện thị của tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030*

**BẢNG 8-2. TỔNG HỢP CÁC TƯỢNG ĐÀI, TRANH HOÀNH TRẮNG DỰ KIẾN XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

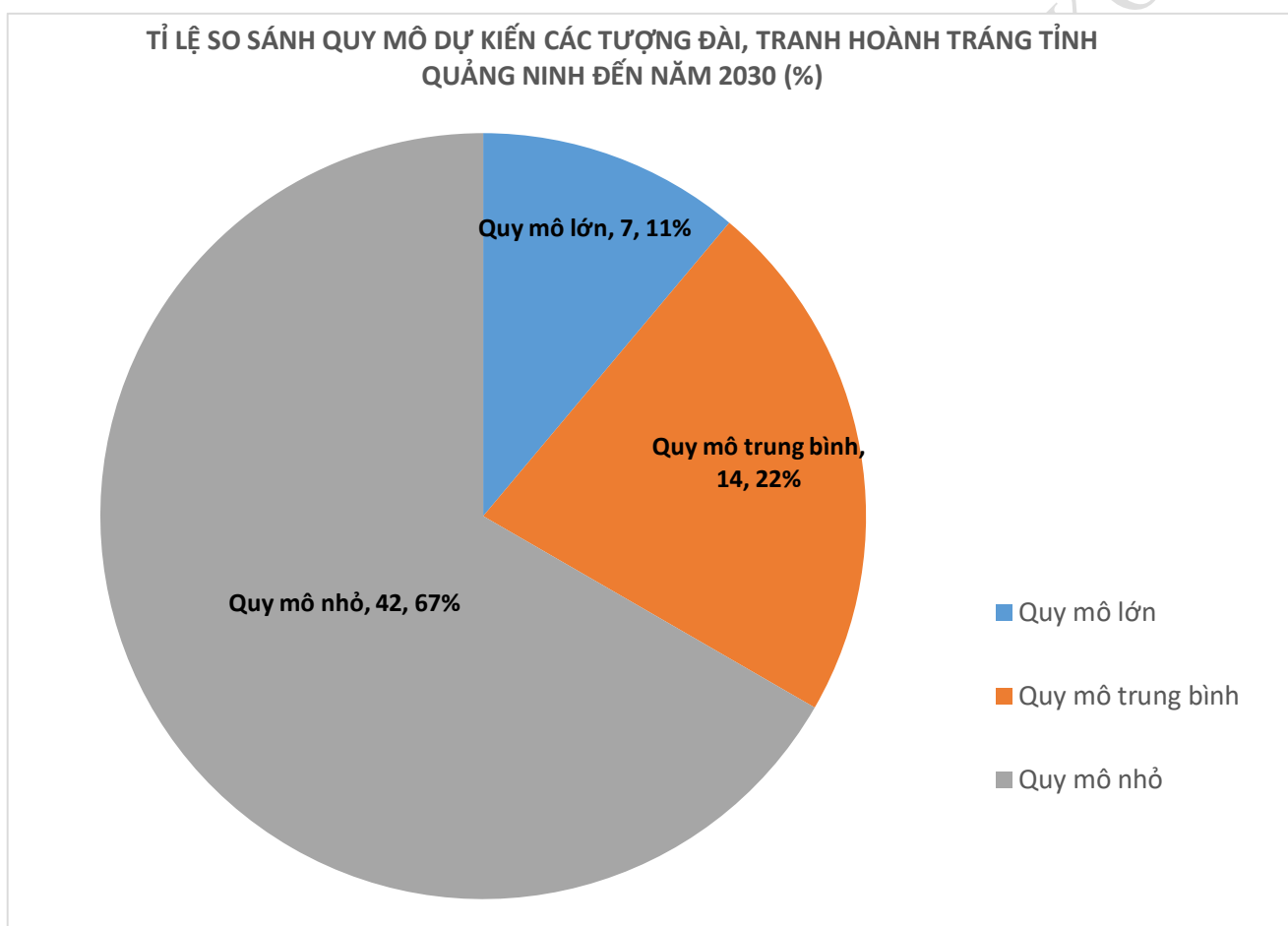
STT	Tên tượng đài	Huyện, Thị	Thời gian dự kiến xây dựng	Vật liệu hoàn thiện tượng đài	Chiều cao hoặc chiều dài tượng đài (m)	Diện tích Xây dựng (ha)
M1	Tranh hoành tráng ca ngợi công trạng to lớn của nhà Trần đối với đất nước	Thị xã Đông Triều	2021 - 2025	Đá granite	25	1,5
M2	Tượng đài Đệ tứ chiến khu Đông Triều	Thị xã Đông Triều	2017 - 2020	Đá granite	10	1
M3	Tượng đài cụm di tích lịch sử thắng cảnh Yên Đức	Thị xã Đông Triều	2021 - 2025	Đá granite hoặc đồng	10	0,1
M4	Tượng đài Phật hoàng Trần Nhân Tông	Thị xã Đông Triều	2026 - 2030	Đá granite	30	3
M5	Tượng đài Chiến thắng Đồn Cao Đông Triều	Thị xã Đông Triều	2026 - 2030	Đá granite	7	0,2
M6	Biểu tượng khu du lịch Yên Tử	Thành phố Uông Bí	2017 - 2020	Kim loại	10	0,2
M7	Tượng đài Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn	Thị xã Quảng Yên	2021 - 2025	Đá granite hoặc đồng	15	0,2
M8	Tượng đài vua Lê Thánh Tông	Thị xã Quảng Yên	2026 - 2030	Đá granite hoặc đồng	7	0,05

STT	Tên tượng đài	Huyện, Thị	Thời gian dự kiến xây dựng	Vật liệu hoàn thiện tượng đài	Chiều cao hoặc chiều dài tượng đài (m)	Diện tích Xây dựng (ha)
M9	Tượng đài các vị Tiên Công	Thị xã Quảng Yên	2017-2020	Đá granite hoặc đồng	6	0,4
M10	Biểu tượng du lịch thành phố Hạ Long	Thành phố Hạ Long	2017 - 2020	Kim loại hoặc đá, hoặc vật liệu khác	30	0,15
M11	Tượng đài bến phà Bãi Cháy anh hùng	Thành phố Hạ Long	2021 - 2025	Kim loại hoặc đá	15	1
M12	Biển tên Vịnh Hạ Long - Di sản thiên nhiên thế giới	Thành phố Hạ Long	2021 - 2025	Kim loại	30	0,05
M13	Tranh hoành tráng tôn vinh thành tựu và định hướng phát triển của thành phố Cẩm Phả	Thành phố Cẩm Phả	2017 - 2020	Đá granite	30	0,2
M14	Tượng đài vua Lý Anh Tông	Huyện Vân Đồn	2026 - 2030	Đá granite	15	0,24
M15	Tượng đài Danh tướng Trần Khánh Dư	Huyện Vân Đồn	2021 - 2025	Đá granite	15	0,05
M16	Biểu tượng đặc khu kinh tế Vân Đồn	Huyện Vân Đồn	2026 - 2030	Kim loại hoặc đá	6	0,02
M17	Tượng đài Danh nhân Nguyễn Công Trứ	Huyện đảo Cô Tô	2026 - 2030	Đá granite	10	0,6

STT	Tên tượng đài	Huyện, Thị	Thời gian dự kiến xây dựng	Vật liệu hoàn thiện tượng đài	Chiều cao hoặc chiều dài tượng đài (m)	Diện tích Xây dựng (ha)
M18	Biểu tượng chiến thắng Điện Xá, đường số 4, chiến dịch Cao Bắc Lạng	Huyện Tiên Yên	2017-2020	Đá granite	15	0,7
M19	Cụm biểu tượng vinh danh các giá trị văn hóa đất nước con người huyện Tiên Yên	Huyện Tiên Yên	2017 - 2020	Đá granite	12	0,1
M20	Bia chứng tích di tích lịch sử Khe Tù	Huyện Tiên Yên	2021 - 2025	Đá granite	7	0,05
M21	Biểu tượng du lịch đảo Cái Chiên	Huyện Hải Hà	2017 - 2020	Đá granite	10	0,1
M22	Cụm thông tin cổ động biên giới Bắc Phong Sinh	Huyện Hải Hà	2021 - 2025	BTCT ghép gốm hoặc đá	7	0,05
M23	Biểu tượng và tranh hoành tráng Việt Nam hội nhập và hữu nghị	Thành phố Móng Cái	2026 - 2030	BTCT hoặc đá	15	0,25
M24	Biểu tượng du lịch đảo Vĩnh Thực	Thành phố Móng Cái	2017 - 2020	Đá granite	7	0,1

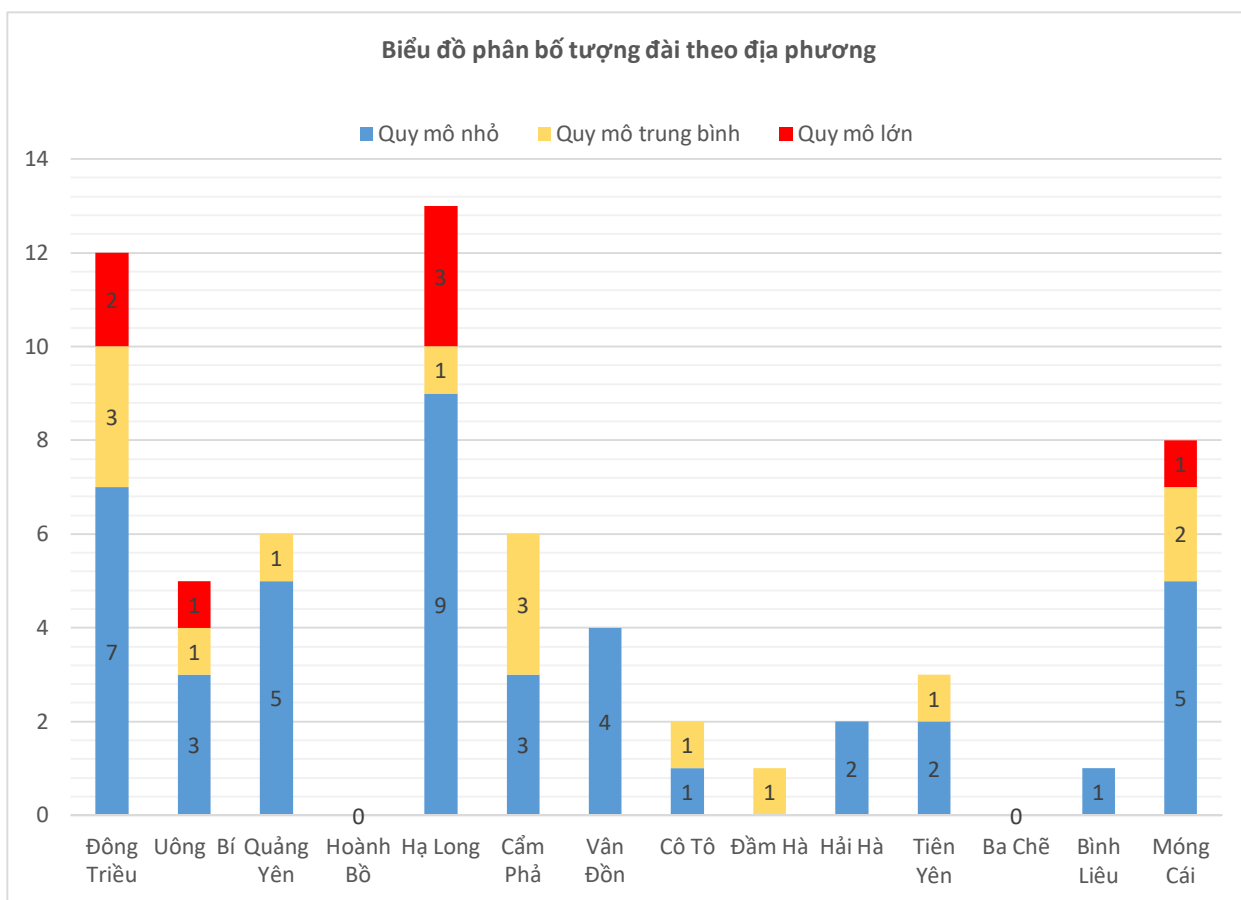
### 8.3.3. Bảng tổng hợp hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

- Theo quy hoạch, đến năm 2030, toàn bộ tỉnh Quảng Ninh sẽ có 71 tượng đài, tranh hoành tráng. Trong đó:
  - + 7 tượng đài quy mô lớn (vốn đầu tư trên 45 tỉ đồng);
  - + 14 tượng đài quy mô trung bình (vốn đầu tư từ 15 đến 45 tỉ đồng);
  - + 42 tượng đài quy mô nhỏ (vốn đầu tư nhỏ hơn 15 tỉ đồng);



Biểu đồ 8-5 Biểu đồ quy mô dự kiến các tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030 (%)

- Theo quy hoạch, đến năm 2030, toàn bộ tỉnh Quảng Ninh sẽ có sự phân bố tượng đài, tranh hoành tráng theo địa phương như sau:



*Biểu đồ 8-6 Biểu đồ quy hoạch phân bố tượng đài theo cấp huyện thị của tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030*

Danh sách tên và các dữ liệu liên quan đến từng tượng đài được tổng hợp trong bảng “Bảng tổng hợp hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”.



**BẢNG 8-3. TỔNG HỢP HỆ THỐNG TƯỢNG ĐÀI, TRANH HOÀNH TRÁNG TỈNH QUẢNG NINH ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

**A- NHỮNG TƯỢNG ĐÀI ĐÃ XÂY DỰNG**

STT	Tên tượng đài	Huyện, Thị	Năm hoàn thành	Vật liệu tượng đài	Chiều cao tượng đài	Diện tích Xây dựng (ha)	Vốn đầu tư XD ban đầu (Tỉ đồng)	Quy mô	Đơn vị quản lí, khai thác	Nguồn vốn đầu tư ban đầu	Hình thức đầu tư xây dựng ban đầu	Tình trạng khai thác sử dụng	Đánh giá mức độ hư hỏng (%)	Công tác cải tạo, nâng cấp dự kiến	Thời gian dự kiến cải tạo, nâng cấp	Dự kiến mức vốn cải tạo (triệu đồng)	Dự kiến nguồn vốn cải tạo, nâng cấp, bảo trì	Kinh phí duy tu, Sửa chữa định kì (triệu đồng/năm)	Ghi chú
C1	Cổng chào tỉnh Quảng Ninh	Thị xã Đông Triều	2016	Thép	43	0,2	198,0	Lớn	Công ty CP Tập đoàn Hoàng Hà	Hỗn hợp	PPP	Chưa khai thác	0	Bảo trì	-	-	Ngoài ngân sách	495,0	
C2	Tượng đài nữ tướng Lê Chân	Thị xã Đông Triều	2002	BTCT sơn nhũ vàng	5	0,012	2,6	Nhỏ	UBND xã Thủy An	Ngân sách	đầu tư công	Trung Bình	1	Nâng cấp	2017-2020	26	Ngoài ngân sách	6,6	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C3	Cụm tượng đài Văn hóa thị xã Đông Triều	Thị xã Đông Triều	2014	Đá xanh Thanh Hóa	16,3	1,9	25,0	Trung bình	UBND xã thị xã Đông Triều	Ngân sách	đầu tư công	Khá	10	Nâng cấp	2021-2025	2.500	Ngân sách	62,5	
C4	Khu lưu niệm Bác Hồ xã Hồng Thái Tây	Thị xã Đông Triều	1979	Đá	1,5	0,25	5,2	Nhỏ	Phòng GD&ĐT thị xã Đông Triều	Ngân sách	Xã hội hóa	Khá	0	Nâng cấp	2017-2020	-	Ngoài ngân sách	13,1	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C5	Bia chứng tích chiến tranh dưới chân Cầu Cầm	Thị xã Đông Triều	Không có thông tin	Đá Thanh Hóa	2,2	0,005	2,7	Nhỏ	UBND phường Xuân Sơn	Ngân sách	Xã hội hóa	Trung bình	30	Nâng cấp	2017-2020	798	Ngoài ngân sách	6,6	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C6	Đài Chiến thắng - Kỉ niệm nơi bắn rơi chiếc máy bay thứ 100 của đế quốc Mỹ	Thị xã Đông Triều	Không có thông tin	BTCT trát granito hồng	7,5	0,01	3,1	Nhỏ	UBND phường Xuân Sơn	Ngân sách	Xã hội hóa	Trung bình	30	Nâng cấp	2017-2020	936	Ngoài ngân sách	7,8	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C7	Đài Hoàng Đế lệnh chỉ - ghi dấu diêm khai thác than đầu tiên	Thị xã Đông Triều	2010	Đá xanh Thanh Hóa	6,5	0,16	6,7	Nhỏ	Xí nghiệp địa chất Đông Triều	Ngoài ngân sách	Xã hội hóa	Trung bình	5	Nâng cấp	2021-2025	333	Ngoài ngân sách	16,6	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C8	Biểu tượng thành phố Uông Bí	TP Uông Bí	2015	BTCT phun kẽm màu xám	32	0,2	19,4	Trung bình	UBND phường Quang Trung	Ngân sách	đầu tư công	Tốt	0	Bảo trì	-	-	Ngân sách	48,5	
C9	Tượng đài Hữu Nghị Việt-Xô	TP Uông Bí	Không có thông tin	BTCT sơn nhũ vàng	10,5	0,4	8,4	Nhỏ	Trung tâm điều phối điện lực TKV Quảng Ninh	Ngoài ngân sách	Xã hội hóa	Trung Bình	0	Bảo trì	-	-	Ngoài ngân sách	20,9	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C10	Tượng đài Phật Hoàng Trần Nhân Tông	TP Uông Bí	2013	Tượng đồng	12,6	0,2	80,0	Lớn	Ban trị sự Phật giáo tỉnh Quảng Ninh	Ngoài ngân sách	Xã hội hóa	Tốt	0	Bảo trì	-	-	Ngoài ngân sách	200,0	
C11	Đài tưởng niệm Bác Hồ	TP Uông Bí	Không có thông tin	BTCT ốp đá granite	6	0,05	3,3	Nhỏ	UBND phường Trung Vương	Ngân sách	đầu tư công	Tốt	0	Bảo trì	-	-	Ngân sách	8,2	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C12	Bia tưởng niệm Bác Hồ về thăm Quảng Yên	Thị xã Quảng Yên	2003	Đá xanh Thanh hóa sơn nhũ vàng và đen	2	0,01	2,6	Nhỏ	UBND phường Minh Thành	Ngân sách	đầu tư công	Trung Bình	0	Nâng cấp	2017-2020	-	Ngân sách	6,5	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C13	Tượng đài anh hùng liệt sĩ Đồ Thị Sinh (Minh Hà)	Thị xã Quảng Yên	2014	Đá trắng nguyên khối	4	0,004	1,2	Nhỏ	Trường THPT Minh Hà	Ngoài ngân sách	Xã hội hóa	Tốt	0	Bảo trì	-	-	Ngoài ngân sách	3,0	

STT	Tên tượng đài	Huyện, Thị	Năm hoàn thành	Vật liệu tượng đài	Chiều cao tượng đài	Diện tích Xây dựng (ha)	Vốn đầu tư XD ban đầu (Ti đồng)	Quy mô	Đơn vị quản lý, khai thác	Nguồn vốn đầu tư ban đầu	Hình thức đầu tư xây dựng ban đầu	Tình trạng khai thác sử dụng	Đánh giá mức độ hư hỏng (%)	Công tác cải tạo, nâng cấp dự kiến	Thời gian dự kiến cải tạo, nâng cấp	Dự kiến mức vốn cải tạo (triệu đồng)	Dự kiến nguồn vốn cải tạo, nâng cấp, bảo trì	Kinh phí duy tu, Sửa chữa định kì (triệu đồng/năm)	Ghi chú
C14	Tranh hoành tráng chiến thắng Bạch Đằng	Thị xã Quảng Yên	Không có thông tin	Tường gạch vữa trát và sơn nhiều màu	18	0,004	5,1	Nhỏ	UBND thị xã Quảng Yên	Ngân sách	đầu tư công	Trung Bình	10	Di chuyển	2021-2025	515	Ngân sách	12,9	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C15	Bia kỉ niệm chiến thắng trận đầu	Thành phố Hạ Long	2015	Đá xanh Thanh Hóa ghép tấm	8,5	0,01	2,9	Nhỏ	UBND phường Bãi Cháy	Ngân sách	đầu tư công	Khá	0	Bảo trì	-	-	Ngân sách	7,3	
C16	Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ thành phố Hạ Long	Thành phố Hạ Long	2000	BTCT sơn trắng	17	1,7	26,6	Trung bình	Phòng Văn hóa Thông tin TP Hạ Long	Ngân sách	đầu tư công	Tốt	10	Sửa chữa	2017-2020	2.662	Ngân sách	66,6	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C17	Tượng đài Đức Tỏ thần y Lê Hữu Trác	Thành phố Hạ Long	2014	Đá xanh Thanh Hóa nguyên khối	3,4	0,004	3,2	Nhỏ	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh	Ngoài ngân sách	Xã hội hóa	Khá	0	Bảo trì	-	-	Ngoài ngân sách	8,1	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C18	Tượng đài anh hùng vũ trụ Ghéc-man Ti-Tốp	Thành phố Hạ Long	2015	Đá xanh Thanh Hóa nguyên khối	5	0,01	7,0	Nhỏ	Ban Quản lý Vịnh Hạ Long	Ngân sách	đầu tư công	Tốt	0	Bảo trì	-	-	Ngân sách	17,5	
C19	Tượng đài anh hùng Vũ Văn Hiếu - phường Hà Tu	Thành phố Hạ Long	1999	Đá trắng nguyên khối, tóc sơn nhũ vàng	3,4	0,07	4,0	Nhỏ	Nhà văn hóa công nhân Hà Tu	Ngoài ngân sách	Xã hội hóa	Trung Bình	0	Bảo trì	-	-	Ngoài ngân sách	10,1	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C20	Tượng đài anh hùng Vũ Văn Hiếu - phường Bạch Đằng	Thành phố Hạ Long	2016	Đồng đúc	6	0,83	9,0	Nhỏ	UBND phường Bạch Đằng	Ngoài ngân sách	Xã hội hóa	Tốt	0	Bảo trì	-	-	Ngoài ngân sách	22,5	
C21	Tượng đài liệt sĩ thiếu niên Nguyễn Văn Thuộc	Thành phố Hạ Long	1982	BTCT sơn màu trắng	6	0,0015	2,7	Nhỏ	Trường THCS Nguyễn Văn Thuộc	Ngân sách	đầu tư công	Khá	0	Nâng cấp	2017-2020	-	Ngoài ngân sách	6,8	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C22	Tượng đài Bác Hồ với chiến sĩ biên phòng	Thành phố Hạ Long	2013	Đá xanh Thanh Hóa nguyên khối	4,9	0,3	7,5	Nhỏ	Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh Quảng Ninh	Ngân sách	đầu tư công	Khá	0	Bảo trì	-	-	Ngân sách	18,8	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C23	Cột đồng hồ thành phố Hạ Long	Thành phố Hạ Long	2017	Khung thép bọc kính	34	0,2	51,0	Lớn	UBND phường Bạch Đằng	Ngân sách	đầu tư công	Chưa khai thác	0	Bảo trì	-	-	Ngân sách	127,5	
C24	Biểu tượng hữu nghị Việt Nam - Nhật Bản xây dựng cầu Bãi Cháy	Thành phố Hạ Long	Không có thông tin	BTCT ốp đá granite đỏ	3	0,004	2,1	Nhỏ	UBND phường Bãi Cháy	Ngân sách	đầu tư công	Trung Bình	0	Bảo trì	-	-	Ngân sách	5,4	
C25	Tượng đài Vinh quang thợ mỏ Thống Nhất	Thành phố Cẩm Phả	Không có thông tin	Đồng đúc	4	0,02	5,7	Nhỏ	Công ty than Thống Nhất	Ngoài ngân sách	Xã hội hóa	Trung Bình	0	Bảo trì	-	-	Ngoài ngân sách	14,3	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C26	Tượng đài vinh quang thợ mỏ Việt Nam	Thành phố Cẩm Phả	2010	Đá granite xanh Thanh Hóa	15,5	3,4	34,0	Trung bình	Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	Hỗ trợ	PPP	Tốt	5	Sửa chữa	2021-2025	1.700	Ngoài ngân sách	85,0	
C27	Tượng đài Hưng Nhượng Đại Vương Trần Quốc Tông	Thành phố Cẩm Phả	2005	Đồng đúc	12	0,8	24,5	Trung bình	Công ty tuyển than Cửa Ông	Ngoài ngân sách	Xã hội hóa	Tốt	0	Di chuyển	2017-2020	-	Ngoài ngân sách	61,3	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính

STT	Tên tượng đài	Huyện, Thị	Năm hoàn thành	Vật liệu tượng đài	Chiều cao tượng đài	Diện tích Xây dựng (ha)	Vốn đầu tư XD ban đầu (Ti đồng)	Quy mô	Đơn vị quản lý, khai thác	Nguồn vốn đầu tư ban đầu	Hình thức đầu tư xây dựng ban đầu	Tình trạng khai thác sử dụng	Đánh giá mức độ hư hỏng (%)	Công tác cải tạo, nâng cấp dự kiến	Thời gian dự kiến cải tạo, nâng cấp	Dự kiến mức vốn cải tạo (triệu đồng)	Dự kiến nguồn vốn cải tạo, nâng cấp, bảo trì	Kinh phí duy tu, Sửa chữa định kì (triệu đồng/năm)	Ghi chú
C28	Tượng đài Ngô Huy Tăng	Thành phố Cẩm Phả	2000	Đá xanh Thanh Hóa, phù điêu đá xanh Thanh Hóa sơn nhũ vàng	3,7	0,15	5,1	Nhỏ	Công ty tuyển than Cửa Ông	Ngoài ngân sách	Xã hội hóa	Trung Bình	0	Bảo trì	-	-	Ngoài ngân sách	12,8	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C29	Tượng đài kỉ niệm cuộc bãi công công nhân mỏ năm 1936	Thành phố Cẩm Phả	1996	Biểu tượng BTCT ốp đá màu hồng, phù điêu đá xanh Thanh Hóa	3,8	0,04	2,7	Nhỏ	Công ty CP Vật tư - TKV	Ngoài ngân sách	Xã hội hóa	Trung Bình	0	Bảo trì	-	-	Ngoài ngân sách	6,8	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C30	Tượng đài Bác Hồ	Huyện Văn Đồn	Không có thông tin	BTCT sơn trắng	5	0,1	3,7	Nhỏ	UBND Thị trấn Cái Rồng	Ngân sách	đầu tư công	Khá	0	di chuyển	2017-2020	-	Ngân sách	9,2	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C31	Tượng đài Bác Hồ trên đảo Cô Tô	Huyện Cô Tô	1997	Đá xanh Thanh Hóa	8,5	0,55	1,0	Nhỏ	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Cô Tô	Ngân sách	đầu tư công	Tốt	0	Nâng cấp	2026-2030	-	Ngân sách	2,4	
C32	Tượng đài anh hùng liệt sĩ Hà Quang Vóc	Huyện Đầm Hà	2012	Đá xanh Thanh Hóa	9	0,8	15,5	Trung bình	Không có thông tin	Ngân sách	đầu tư công	Khá	10	Nâng cấp	2017-2020	1.552	Ngân sách	38,8	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C33	Biểu tượng du lịch Trà Cổ - Bình Ngọc thành phố Móng Cái	Thành phố Móng Cái	2012	Lõi BTCT ốp đá xanh Thanh Hóa	17	1,7	15,0	Trung bình	UBND TP Móng Cái	Ngân sách	đầu tư công	Khá	5	Sửa chữa	2021-2025	750	Ngân sách	37,5	
C34	Cụm thông tin cổ động biên giới Sa Vĩ	Thành phố Móng Cái	2013	BTCT sơn màu xám và vành đai ốp tranh gốm	27	1,2	100,0	Lớn	Công ty TNHH Trí Lực	Ngân sách	đầu tư công	Tốt	3	Sửa chữa	2021-2025	3.000	Ngân sách	250,0	
C35	Tượng đài nữ liệt sĩ Hoàng Thị Hồng Chiêm	Thành phố Móng Cái	1980	BTCT quét vôi trắng	3,4	0,001	2,2	Nhỏ	Trường THCS Bình Ngọc	Ngân sách	đầu tư công	Khá	0	Nâng cấp	2017-2020	-	Ngân sách	5,5	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C36	Tượng đài Tổng Bí thư Trần Phú	Thành phố Móng Cái	2012	Tượng đá xanh Thanh Hóa	7,2	0,091	3,4	Nhỏ	Trường THPT Trần Phú	Ngoài ngân sách	Xã hội hóa	Tốt	0	Bảo trì	-	-	Ngân sách	8,5	
C37	Đài kỉ niệm thành lập chi bộ Đảng đầu tiên của Móng Cái	Thành phố Móng Cái	2014	BTCT ốp đá xanh Thanh Hóa	7,5	0,07	6,1	Nhỏ	UBND phường Hòa Lạc	Ngân sách	đầu tư công	Tốt	0	Bảo trì	-	-	Ngân sách	15,2	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính
C38	Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ Pò Hèn	Thành phố Móng Cái	2011	BTCT ốp đá granite trắng	16	0,86	5,0	Nhỏ	UBND xã Hải Sơn	Ngoài ngân sách	Xã hội hóa	Tốt	0	Bảo trì	-	-	Ngoài ngân sách	12,5	
C39	Tranh hoành tráng cổ động biên giới cửa khẩu Hoàn Mô	Huyện Bình Liêu	Không có thông tin	BTCT ốp gốm	20	0,01	11,6	Nhỏ	Không có thông tin	Ngân sách	đầu tư công	Trung Bình	0	Bảo trì	-	-	Ngân sách	29,0	vốn đầu tư XD ban đầu không có thông tin, phải tạm tính

**B- NHỮNG TƯỢNG ĐÀI DỰ KIẾN XÂY MỚI**

STT	Tên tượng đài	Huyện, Thị	Thời gian dự kiến xây dựng	Vật liệu hoàn thiện tượng đài	Chiều cao hoặc chiều dài tượng đài (m)	Diện tích Xây dựng (ha)	Mức vốn đầu tư dự kiến (tỉ đồng)	Quy mô đầu tư	Nguồn vốn	Hình thức dự án đầu tư	Phân nhóm dự án đầu tư	Phân cấp đầu tư	Kinh phí bảo dưỡng định kì (triệu đồng/năm)	Mô hình quản lý khai thác dự kiến	Ghi chú
M1	Tranh hoành tráng ca ngợi công trạng to lớn của nhà Trần đối với đất nước	Thị xã Đông Triều	2021 - 2025	Đá granite	25	1,5	33	Trung bình	Hỗn hợp	Xã hội hóa	A	Quốc Gia	83	Nhà nước	
M2	Tượng đài Đệ tứ chiến khu Đông Triều	Thị xã Đông Triều	2017 - 2020	Đá granite	10	1	20	Trung bình	Ngoài ngân sách	Xã hội hóa	-	Huyện	50	Nhà nước	
M3	Tượng đài cụm di tích lịch sử thắng cảnh Yên Đức	Thị xã Đông Triều	2021 - 2025	Đá granite hoặc đồng	10	0,1	8	Nhỏ	Hỗn hợp	Xã hội hóa	C	Huyện	19	Nhà nước	
M4	Tượng đài Phật hoàng Trần Nhân Tông	Thị xã Đông Triều	2026 - 2030	Đá granite	30	3	57	Lớn	Ngoài ngân sách	Xã hội hóa	-	Tỉnh	142	Nhà nước	tượng năm, tính theo chiều dài
M5	Tượng đài Chiến thắng Đồn Cao Đông Triều	Thị xã Đông Triều	2026 - 2030	Đá granite	7	0,2	7	Nhỏ	Ngoài ngân sách	Xã hội hóa	-	Huyện	18	Nhà nước và doanh nghiệp	
M6	Biểu tượng khu du lịch Yên Tử	Thành phố Uông Bí	2017 - 2020	Kim loại	10	0,2	14	Nhỏ	Ngoài ngân sách	Xã hội hóa	-	Huyện	35	Nhà nước	
M7	Tượng đài Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn	Thị xã Quảng Yên	2021 - 2025	Đá granite hoặc đồng	15	0,2	20	Trung bình	Hỗn hợp	Xã hội hóa	A	Tỉnh	51	Nhà nước	
M8	Tượng đài vua Lê Thánh Tông	Thị xã Quảng Yên	2026 - 2030	Đá granite hoặc đồng	7	0,05	6	Nhỏ	Hỗn hợp	Xã hội hóa	C	Huyện	14	Nhà nước và doanh nghiệp	
M9	Tượng đài các vị Tiên Công	Thị xã Quảng Yên	2017-2020	Đá granite hoặc đồng	6	0,4	9	Nhỏ	Ngoài ngân sách	Xã hội hóa	-	Huyện	23	Nhà nước	
M10	Biểu tượng du lịch thành phố Hạ Long	Thành phố Hạ Long	2017 - 2020	Kim loại hoặc đá, hoặc vật liệu khác	30	0,15	150	Lớn	Hỗn hợp	Xã hội hóa	B	Tỉnh	375	Nhà nước và doanh nghiệp	công trình có ý nghĩa đặc biệt, không tính giá theo công thức
M11	Tượng đài bến phà Bãi Cháy anh hùng	Thành phố Hạ Long	2021 - 2025	Kim loại hoặc đá	15	1	100	Lớn	Ngân sách	Đầu tư công	B	Tỉnh	250	Nhà nước	công trình có ý nghĩa đặc biệt, không tính giá theo công thức
M12	Biển tên Vịnh Hạ Long - Di sản thiên nhiên thế giới	Thành phố Hạ Long	2021 - 2025	Kim loại	30	0,05	14	Nhỏ	Ngoài ngân sách	Xã hội hóa	-	Huyện	35	Nhà nước	
M13	Tranh hoành tráng tôn vinh thành tựu và định hướng phát triển của thành phố Cẩm Phả	Thành phố Cẩm Phả	2017 - 2020	Đá granite	30	0,2	20	Trung bình	Hỗn hợp	Xã hội hóa	C	Huyện	51	Nhà nước và doanh nghiệp	
M14	Tượng đài vua Lý Anh Tông	Huyện Vân Đồn	2026 - 2030	Đá granite	15	0,24	13	Nhỏ	Ngoài ngân sách	Xã hội hóa	-	Huyện	33	Nhà nước	

STT	Tên tượng đài	Huyện, Thị	Thời gian dự kiến xây dựng	Vật liệu hoàn thiện tượng đài	Chiều cao hoặc chiều dài tượng đài (m)	Diện tích Xây dựng (ha)	Mức vốn đầu tư dự kiến (tỉ đồng)	Quy mô đầu tư	Nguồn vốn	Hình thức dự án đầu tư	Phân nhóm dự án đầu tư	Phân cấp đầu tư	Kinh phí bảo dưỡng định kì (triệu đồng/năm)	Mô hình quản lý khai thác dự kiến	Ghi chú
M15	Tượng đài Danh tướng Trần Khánh Dư	Huyện Vân Đồn	2021 - 2025	Đá granite	15	0,05	11	Nhỏ	Ngoài ngân sách	Xã hội hóa	-	Huyện	28	Nhà nước	
M16	Biểu tượng đặc khu kinh tế Vân Đồn	Huyện Vân Đồn	2026 - 2030	Kim loại hoặc đá	6	0,02	9	Nhỏ	Ngân sách	Đầu tư công	C	Huyện	23	Nhà nước	
M17	Tượng đài Danh nhân Nguyễn Công Trứ	Huyện đảo Cô Tô	2026 - 2030	Đá granite	10	0,6	15	Trung bình	Hỗn hợp	Xã hội hóa	C	Huyện	38	Nhà nước	
M18	Biểu tượng chiến thắng Điện Xá, đường số 4, chiến dịch Cao Bắc Lạng	Huyện Tiên Yên	2017-2020	Đá granite	15	0,7	19	Trung bình	Ngân sách	Đầu tư công	C	Huyện	47	Nhà nước	
M19	Cụm biểu tượng vinh danh các giá trị văn hóa đất nước con người huyện Tiên Yên	Huyện Tiên Yên	2017 - 2020	Đá granite	12	0,1	9	Nhỏ	Ngân sách	Đầu tư công	C	Huyện	22	Nhà nước	
M20	Bia chứng tích di tích lịch sử Khe Tù	Huyện Tiên Yên	2021 - 2025	Đá granite	7	0,05	6	Nhỏ	Hỗn hợp	Xã hội hóa	C	Huyện	14	Nhà nước	
M21	Biểu tượng du lịch đảo Cái Chiên	Huyện Hải Hà	2017 - 2020	Đá granite	10	0,1	8	Nhỏ	Ngân sách	Đầu tư công	-	Huyện	19	Nhà nước	
M22	Cụm thông tin cổ động biên giới Bắc Phong Sinh	Huyện Hải Hà	2021 - 2025	BTCT ghép gốm hoặc đá	7	0,05	6	Nhỏ	Ngân sách	Đầu tư công	C	Huyện	14	Nhà nước	
M23	Biểu tượng và tranh hoành tráng Việt Nam hội nhập và hữu nghị	Thành phố Móng Cái	2026 - 2030	BTCT hoặc đá	15	0,25	27	Trung bình	Ngân sách	Đầu tư công	C	Huyện	67	Nhà nước	gồm cả tượng và phù điêu nên mức đầu tư tính gấp 2 lần
M24	Biểu tượng du lịch đảo Vĩnh Thực	Thành phố Móng Cái	2017 - 2020	Đá granite	7	0,1	6	Nhỏ	Ngoài ngân sách	Xã hội hóa	C	Huyện	15	Nhà nước	

## CHƯƠNG 9. KHÁI TOÁN CHI PHÍ VÀ PHÂN KÌ ĐẦU TƯ QUY HOẠCH HỆ THỐNG TƯỢNG ĐÀI, TRANH HOÀNH TRÁNG TỈNH QUẢNG NINH ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

### 9.1. Khái toán kinh phí quy hoạch hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh

#### 9.1.1. Khái toán kinh phí và đề xuất nguồn vốn sửa chữa, nâng cấp

Dựa trên cơ sở cách tính đã trình bày trong chương 4 mục 4.1 ta có thể lập bảng khái toán kinh phí và đề xuất nguồn vốn sửa chữa nâng cấp các tượng đài đã xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Cụ thể xem **Bảng 8-3.A Tổng hợp hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.**

#### 9.1.2. Khái toán kinh phí và đề xuất nguồn vốn xây mới

Dựa trên cơ sở cách tính đã trình bày trong chương 4 mục 4.1 và 4.2 ta có thể lập bảng khái toán kinh phí và đề xuất nguồn vốn sửa chữa nâng cấp các tượng đài đã xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Cụ thể xem **Bảng 8-3.B tổng hợp hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.**

#### 9.1.3. Khái toán kinh phí và đề xuất nguồn vốn duy tu bảo dưỡng định kỳ hàng năm cho hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh

Dựa trên cơ sở cách tính đã trình bày trong chương 4 mục 4.1 và mục 4.2 ta có thể lập bảng khái toán kinh phí và đề xuất nguồn vốn sửa chữa nâng cấp các tượng đài đã xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Cụ thể xem **Bảng 8-3.A và Bảng 8-3.B tổng hợp hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.**

#### 9.1.4. Tổng hợp khái toán kinh phí thực hiện quy hoạch

Dựa trên những đề xuất tại các Mục 4.1; 4.2 về khái toán kinh phí thực hiện quy hoạch làm cơ sở cho việc tính toán Giá trị tổng hợp kinh phí là giá trị khái toán tổng kinh phí thực hiện quy hoạch.

Đây chỉ là giá trị mang tính tham khảo, không có tính ràng buộc pháp lý. Giá trị tổng hợp khái toán kinh phí thực hiện tượng đài chỉ có ý nghĩa hỗ trợ cho công tác định hướng chính sách, lập kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch. Tuy nhiên, **giá trị này không phải là giá trị dùng để duyệt vốn cho các công trình tượng đài, tranh hoành tráng**, khi thực hiện đầu tư xây dựng cụ thể, cần lập dự toán để xác định chính xác mức đầu tư cho từng công trình.

Toàn bộ khái toán kinh phí thực hiện quy hoạch tính theo thời giá năm 2016, không xét giá trị trượt giá do sai số có thể quá lớn khiến cho bảng khái toán mất đi giá trị tham khảo.

Bảng Tổng hợp khái toán kinh phí thực hiện quy hoạch, như sau:

**BẢNG 9-1. TỔNG HỢP KHÁI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

TT	Loại tượng đài	Số lượng tượng đài	Tổng giá trị đầu tư (triệu đồng)	Tổng giá trị bảo trì hàng năm cho toàn bộ hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng (triệu đồng)	Ghi chú
1	Tượng đài đã xây không sửa chữa	21	-	1.788	
2	Tượng đài đã xây cần sửa chữa, di dời, nâng cấp	18	14.771		
2	Tượng đài xây mới	24	586.837	1.467	
<b>Tổng giá trị khái toán</b>		<b>63</b>	<b>601.608</b>	<b>3.255</b>	

- **Tổng hợp khái toán kinh phí thực hiện quy hoạch: 601.608.000.000 đồng** (Bằng chữ: Sáu trăm lẻ một tỉ sáu trăm lẻ tám triệu đồng chẵn)
- **Tổng hợp khái toán kinh phí bảo trì hàng năm cho toàn bộ hệ thống tượng đài và tranh hoành tráng: 3.255.000.000 đồng** (Bằng chữ: ba tỉ hai trăm năm mươi năm triệu đồng chẵn).

**BẢNG 9-2. TỔNG HỢP KHÁI TOÁN KINH PHÍ DÀNH CHO CẢI TẠO, XÂY MỚI TƯỢNG ĐÀI TRANH HOÀNH TRÁNG PHÂN LOẠI THEO NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ**

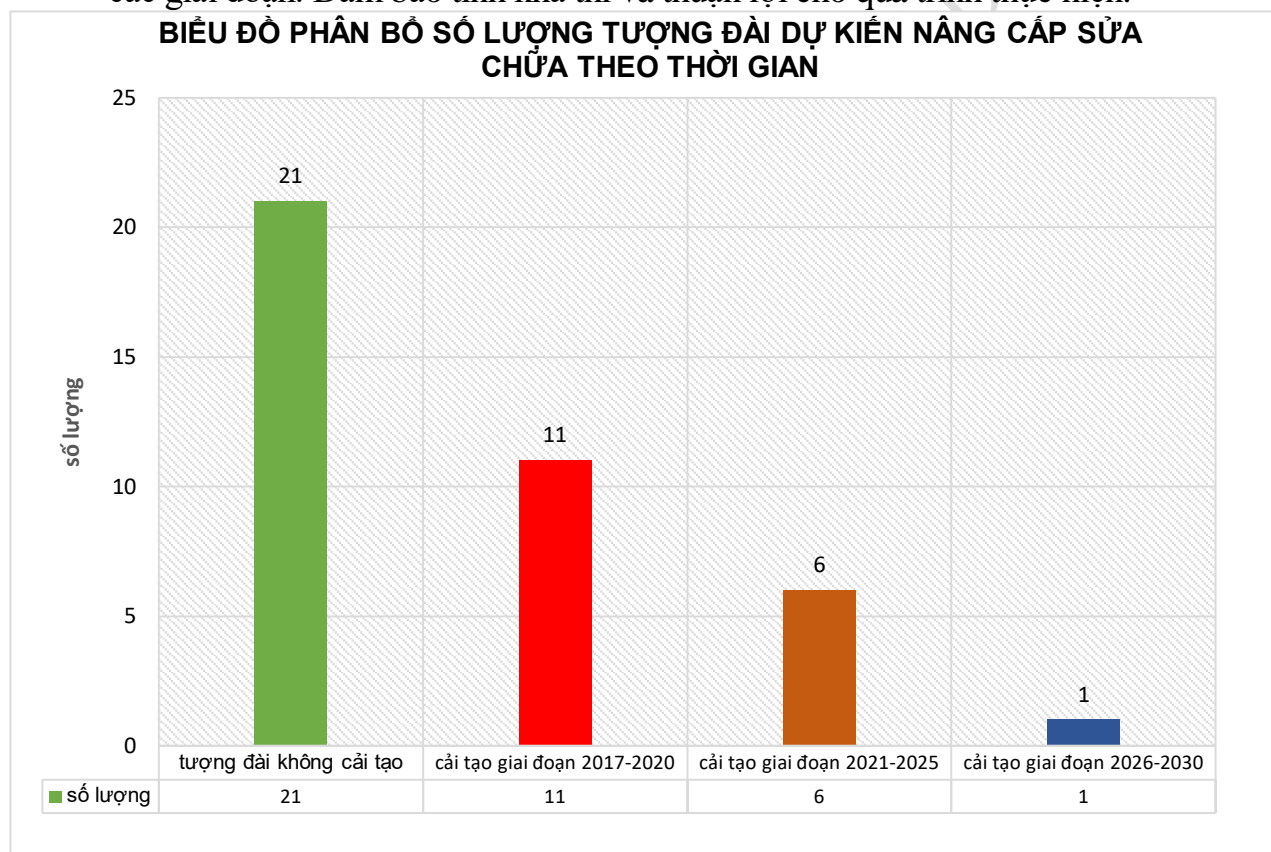
TT	Nguồn vốn	Tổng giá trị (tỉ đồng)	Ghi chú
1	Ngân sách	187,964	
2	Ngoài ngân sách	155,528	
3	Hỗ trợ PPP	258,117	Nhiều dạng hợp đồng khác nhau
<b>Tổng hợp</b>		<b>601.608</b>	

## 9.2. Phân kì đầu tư quy hoạch hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh

### 9.2.1. Phân kì đầu tư sửa chữa, nâng cấp hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh

Việc phân kì đầu tư các dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp thuộc hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh dựa vào các yếu tố sau:

- Dựa vào thực tế tình trạng công trình, ưu tiên phân bổ nguồn vốn cho các công trình đang xuống cấp nghiêm trọng, các công trình có tính chất, ý nghĩa quan trọng, những công trình đang có tình trạng vận hành khai thác hiệu quả.
- Dựa vào việc cân đối nguồn vốn, đảm bảo dàn trải đồng đều nguồn vốn giữa các giai đoạn. Đảm bảo tính khả thi và thuận lợi cho quá trình thực hiện.



*Biểu đồ 9-1 Biểu đồ phân bổ số lượng tượng đài dự kiến nâng cấp sửa chữa theo thời gian.*

Biểu đồ *Phân bổ số lượng tượng đài dự kiến nâng cấp sửa chữa theo thời gian* thể hiện rõ số lượng tượng đài không có biểu hiện hư hỏng và không cần sửa chữa nâng cấp là 21 tượng đài, những tượng đài này sẽ chỉ cần phân bổ nguồn vốn cho việc duy tu bảo dưỡng định kì. Các tượng đài cần cải tạo, nâng cấp gồm 18 tượng đài, sẽ được phân bổ vào cả 3 giai đoạn từ nay đến năm 2030. Trong đó, giai đoạn đầu sẽ sửa chữa, nâng cấp 12 tượng đài, giai đoạn tiếp theo

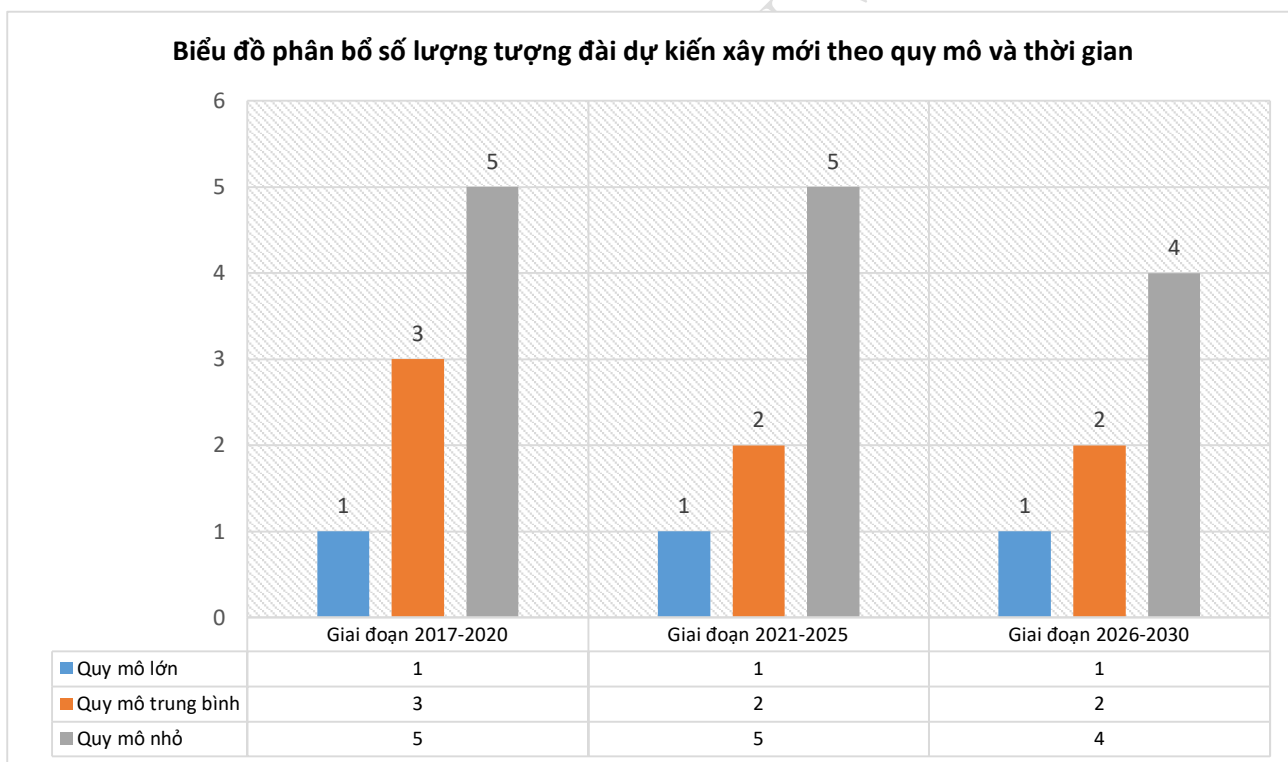


từ năm 2021 – 2025 sẽ cải tạo nâng cấp 5 tượng đài và giai đoạn cuối cùng từ năm 2026-2030 sẽ cải tạo nốt 1 tượng đài còn lại. Ngoài ra, trong giai đoạn 3 năm 2026 – 2030, có thể sẽ phải tiến hành cải tạo thêm các tượng đài khác có thể sẽ phát sinh các hư hỏng trong quá trình vận hành sử dụng.

### 9.2.2. Phân kì đầu tư xây mới hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh

Việc phân kì đầu tư các dự án đầu tư xây mới thuộc hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Quảng Ninh dựa vào các yếu tố sau:

- Dựa vào tính chất cấp bách, ý nghĩa quan trọng của công trình. Qua những khảo sát đánh giá về nội dung, cân nhắc về hiệu quả kinh tế, xã hội, đơn vị tư vấn đề xuất phân loại để phân bổ thời gian đầu tư các tượng đài một cách hợp lý nhất.
- Dựa vào việc cân đối nguồn vốn, đảm bảo dàn trải đồng đều nguồn vốn giữa các giai đoạn. Đảm bảo tính khả thi và thuận lợi cho quá trình thực hiện.



*Biểu đồ 9-2 Biểu đồ phân bổ số lượng tượng đài dự kiến xây mới theo quy mô và thời gian*

Biểu đồ *Phân bổ số lượng tượng đài dự kiến xây mới theo quy mô và thời gian* thể hiện rõ số lượng tượng đài và quy mô của chúng được phân bổ xây mới trong các giai đoạn từ nay đến năm 2030. Trong đó, giai đoạn đầu năm 2017-2020 tuy thời gian còn 3 năm nhưng có nhiều tượng đài đã được lập dự án nên

số lượng tượng đài dự kiến khá nhiều, gồm 2 tượng đài quy mô lớn, 6 tượng đài quy mô trung bình, 5 tượng đài quy mô nhỏ. Giai đoạn hai năm 2021-2025 được coi là giai đoạn trọng điểm, đề xuất phân bố 3 tượng đài quy mô lớn, 2 tượng đài quy mô trung bình, 6 tượng đài quy mô nhỏ. Giai đoạn ba năm 2026-2030 là giai đoạn cuối của quá trình đầu tư hoàn thiện hệ thống, đề xuất phân bố 1 tượng đài quy mô lớn, 1 tượng đài quy mô trung bình, 6 tượng đài quy mô nhỏ.

Với thời gian xây dựng trung bình cho một tượng đài quy mô nhỏ và trung bình từ 2 đến 4 tháng, tượng đài quy mô lớn là khoảng 12-18 tháng, thì việc xác định giai đoạn đầu tư như trên là hợp lý và hoàn toàn khả thi.

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN DANKO

## **CHƯƠNG 10. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH HỆ THỐNG TƯỢNG ĐÀI, TRANH HOÀNH TRÁNG TỈNH QUẢNG NINH ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

### **10.1. Giải pháp thực hiện Quy hoạch**

#### **10.1.1. Giải pháp về cơ chế quản lý**

- Giải pháp về tăng cường Quản lý Nhà nước

Nhằm đưa Quy hoạch vào thực tế khả thi thì một trong những giải pháp quan trọng đó là cần tăng cường Quản lý Nhà nước về việc thực hiện Quy hoạch, bao gồm: Thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về cấp phép; phê duyệt dự án và quản lý xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng.; Tổ chức giám sát chặt chẽ các dự án đầu tư xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng đảm bảo việc xây dựng đạt chất lượng, mỹ thuật và phản ánh đúng giá trị, ý nghĩa chân dung lịch sử và danh nhân của tượng đài, tranh hoành tráng không phá vỡ cảnh quan chung; Quy định về duy tu, bảo dưỡng và khai thác... bảo đảm sử dụng lâu dài.

- Giải pháp về cơ chế, chính sách

Xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ cho việc sửa chữa, nâng cấp, xây mới tượng đài, tranh hoành tráng; đặc biệt là những tượng đài tranh hoành tráng có giá trị lịch sử văn hoá to lớn, có ý nghĩa trọng đại đối với đất nước, tỉnh Quảng Ninh; Xây dựng cơ chế chính sách đầu tư kinh phí, xã hội hoá đầu tư xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng.

#### **10.1.2. Giải pháp về Quản lý xây dựng**

- Quản lý xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng

Thực hiện đầy đủ các quy định về đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước và các quy định về xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng theo Nghị định số 113/2013/NĐ ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật; Thông tư số 18/2013/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều tại Nghị định số 113/2013/NĐ ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật; Những văn bản, quy định khác trong tương lai khi triển khai thực hiện quy hoạch theo các giai đoạn.

- Đội ngũ các nhà điêu khắc và thiết kế cảnh quan

Đối với các công trình tượng đài, tranh hoành tráng xây mới, cần công bố thi tuyển rộng rãi và kết hợp với các nhà điêu khắc, mỹ thuật, kiến trúc, lịch sử văn hoá có đủ trình độ, tâm huyết để lựa chọn những ý tưởng sáng tạo, những tác phẩm có chất lượng. Đối với những công trình quan trọng, cần tuyển chọn

những người có tay nghề, có kinh nghiệm cho việc tổ chức, sáng tác và giám sát thi công mỹ thuật, kiến trúc.

- **Đội ngũ thi công xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng**

Đối với đội ngũ thi công xây dựng tượng đài, cần có sự tập hợp, chuyên môn hoá, đồng thời phát triển và tạo nguồn nhân lực thi công các công trình tượng đài, tranh hoành tráng, đặc biệt là những công trình yêu cầu mỹ thuật cao.

- **Đội ngũ quản lý tượng đài, tranh hoành tráng**

Trong quá trình thực hiện các dự án thành phần xây dựng công trình tượng đài, tranh hoành tráng cần thực hiện nghiêm túc theo các Quy chế quản lý xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng ban hành kèm theo Quyết định 3208/VBHN-BVHTTDL ngày 03/9/2013 của Bộ VHTTDL về việc Ban hành quy chế quản lý xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng (Phần Mỹ thuật).

- **Giải pháp về quản lý xây dựng**

Quản lý xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng được thực hiện theo Luật xây dựng và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện theo Luật xây dựng.

Thực hiện các quy định hiện hành của Nhà nước về xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng về vấn đề chủ đầu tư công trình, dự án đầu tư, lập dự toán công trình, chỉ định thầu, giám sát chỉ đạo nghệ thuật, thi công và nghiệm thu công trình.

Quản lý về quy hoạch đất đai, xây dựng phương án bảo quản, tu bổ, nâng cấp, chuyển chất liệu, khai thác sử dụng hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng sau khi được phê duyệt.

Xây dựng cơ chế, quy định, phân công, phân cấp quản lý, chế độ báo cáo thường xuyên, đột xuất về tình hình sử dụng công trình tại địa phương để kịp thời sửa chữa, khắc phục các hư hỏng.

### **10.1.3. Giải pháp về tổ chức tuyên truyền**

Các đơn vị chủ quản về duy tu, bảo dưỡng, xây mới tượng đài và tranh hoành tráng cần tăng cường các hoạt động tuyên truyền nhằm xây dựng ý thức văn minh, văn hoá của cộng đồng gắn với trách nhiệm gìn giữ công trình của nhân dân...

### **10.1.4. Giải pháp về vốn đầu tư**

Đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp tượng đài, tranh hoành tráng trên toàn tỉnh. Thực hiện huy động vốn của các ngành, địa phương và các tổ chức xã hội tham gia xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Cho phép các doanh nghiệp và

nhân dân được đầu tư xây dựng phần mỹ thuật theo đúng các phác thảo được phê duyệt.

## **10.2. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý**

### **10.2.1. Sở Văn hoá và Thể thao**

Thực hiện chức năng Quản lý Nhà nước về sửa chữa, nâng cấp và xây mới các tượng đài, tranh hoành tráng trên địa bàn toàn Tỉnh. Cụ thể hoá Quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng này thành kế hoạch, đề xuất các giải pháp và tổ chức thực hiện việc sửa chữa, nâng cấp và xây mới các tượng đài, tranh hoành tráng

Tuyên truyền phổ biến quy hoạch, kiểm tra đôn đốc UBND các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn toàn tỉnh Quảng Ninh triển khai thực hiện quy hoạch sau khi được UBND tỉnh phê duyệt. Phối hợp với UBND huyện, thành phố, các ngành chức năng chỉ đạo, quản lý, phát huy tác dụng của tượng đài, tranh hoành tráng trên địa bàn.

Chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh thành lập Hội đồng nghệ thuật thẩm định chất lượng mỹ thuật việc xây dựng, tu bổ, chuyển chất liệu các công trình tượng đài, tranh hoành tráng trên địa bàn tỉnh.

Tham mưu cho UBND tỉnh cấp phép xây dựng phần mỹ thuật các công trình tượng đài, tranh hoành tráng thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.

### **10.2.2. Sở Kế hoạch và đầu tư**

Sở Kế hoạch và Đầu tư bố trí phân bổ nguồn lực bảo đảm để thực hiện Quy hoạch, ưu tiên nguồn vốn xây dựng cơ bản để thực hiện Quy hoạch.

### **10.2.3. Sở Tài chính**

Sở Tài chính cân đối ngân sách bảo đảm yêu cầu tiến độ thực hiện quy hoạch, phối hợp với Sở Văn hoá và Thể thao tỉnh Quảng Ninh và cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách thực hiện các dự án sửa chữa, nâng cấp và xây dựng tượng đài và tranh hoành tráng.

### **10.2.4. Sở Xây dựng**

Sở Tài chính phối hợp với Sở Văn hoá và Thể thao và các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã trong việc thực hiện quy hoạch; thẩm định quy hoạch xây dựng phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, bảo quản, tu bổ, chuyển chất liệu các công trình tượng đài, tranh hoành tráng.

### **10.2.5. Sở Tài nguyên và môi trường**

Phối hợp xây dựng quy hoạch, kế hoạch, sử dụng đất, xác định rõ ràng và cụ thể nhu cầu về diện tích và vị trí đất giành cho xây dựng công trình hoặc mở rộng quy mô tượng đài, tranh hoành tráng.

### **10.2.6. Sở Giao thông vận tải**

Xây dựng quy hoạch giao thông, triển khai xây dựng mạng lưới giao thông, ưu tiên phát triển các tuyến giao thông đường bộ, đường thủy, bến bãi tại các nơi có đầu tư xây dựng tượng đài lớn, gắn với các điểm du lịch hoặc với những công trình tượng đài, tranh hoành tráng trọng điểm quốc gia đặt trên địa bàn của Tỉnh.

### **10.2.7. Báo Quảng Ninh, Đài Phát thanh, Truyền hình Tỉnh**

Tuyên truyền kịp thời các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc triển khai thực hiện quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng trên địa bàn tỉnh.

### **10.2.8. UBND các huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh Quảng Ninh**

Phối hợp với Sở Văn hoá và Thể thao thực hiện quy hoạch cụ thể và thực hiện các mục tiêu của Quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng đảm bảo thống nhất, đồng bộ với việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Bố trí quỹ đất phù hợp để xây dựng các công trình tượng đài, tranh hoành tráng theo đúng tiêu chí của quy hoạch này.

Xây dựng kế hoạch đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương và huy động xã hội hoá cho các dự án xây dựng, bảo quản, tu bổ, chuyển chất liệu tượng đài, tranh hoành tráng tại địa phương phù hợp với quy hoạch.

Tổ chức thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng định kì hàng năm đối với các công trình tượng đài, tranh hoành tráng tại địa phương.